

Biên soạn : VIỆT HÀ NGUYỄN NGỌC GIẢ - VÕ ĐÌNH DIỆP



Tuyển họa thực hành **CƠ SỞ KIẾN TRÚC**



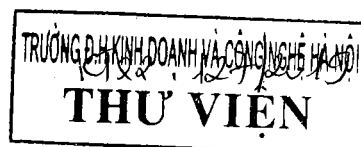
NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG

Biên soạn : VIỆT HÀ NGUYỄN NGỌC GIẢ - VÕ ĐÌNH DIỆP

Tuyển họa thực hành **CƠ SỞ KIẾN TRÚC**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO KIẾN TRÚC SƯ GIAI ĐOẠN 1

(Tái bản)



NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG
HÀ NỘI - 2016

THƯ VIỆN HUBT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HÀNG KHOA



DẪN NHẬP

Tuyển họa thực hành Cơ sở kiến trúc là tài liệu cơ sở phục vụ đào tạo kiến trúc sư giai đoạn 1.

Tư duy thiết kế sáng tác kiến trúc, thoát sinh ra thành hình hài thông qua đôi bàn tay của chính mình, hình hài đó bộc lộ đầy đủ phong cách, cá tính và tri thức khoa học của tác giả.

Chính vì vậy, ngoài tu dưỡng tích lũy kiến thức để tư duy còn phải rèn luyện kỹ năng cho đôi bàn tay của chính mình.

Tuyển họa thực hành Cơ sở kiến trúc giúp sinh viên bước đầu rèn luyện kỹ năng này.

Là phần thực hành đi theo các môn học kiến trúc nhập môn, hội họa, hình học họa hình, cấu tạo nhập môn, v.v...

Kỹ năng của đôi bàn tay chính là trình độ sử dụng ngôn ngữ kiến trúc để phác họa hình hài của tư duy.

Kỹ năng càng giỏi, hình hài càng đẹp sẽ tác động ngược về, nâng cao độ phong phú của tư duy sáng tạo.

Nội dung của “**Tuyển họa thực hành Cơ sở kiến trúc**” gồm 6 phần (6 cấp độ) sắp xếp theo trình tự thực hành như sau:

- Phần 1 : Nhập môn
- Phần 2 : Thiết kế không gian kiến trúc
- Phần 3 : Thiết kế mặt bằng
- Phần 4 : Kiến trúc cổ điển và truyền thống
- Phần 5 : Bóng kiến trúc
- Phần 6 : Diễn họa kiến trúc

Ngoài những bài tập tại xưởng thiết kế còn có bài tập tự luyện ngoài giờ.

Để rèn luyện kỹ năng, một số đề tài lặp đi lặp lại, diễn họa bằng bút pháp và chất liệu khác nhau, có thể thực hành nhiều lần.

Cần nhớ rằng, kỹ năng thiên bẩm chỉ có chưa tới một phần, còn hơn chín phần là do tự luyện.

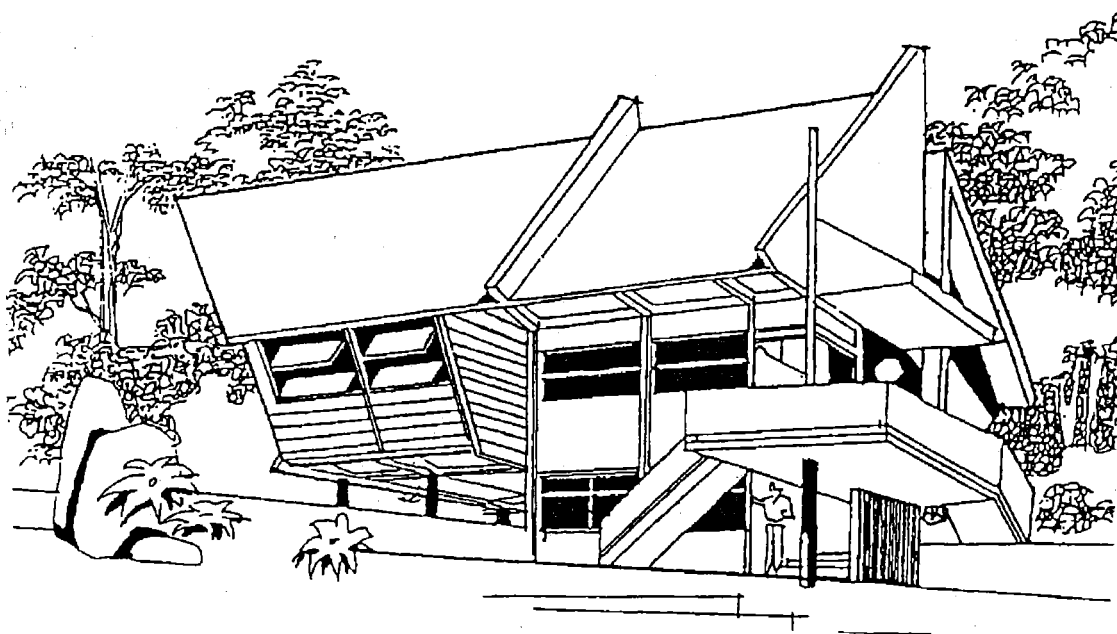
Nhân đây, chúng tôi trân trọng biết ơn nhiều kiến trúc sư lão thành và từng trải trong nghề đã đóng góp ý kiến, cổ vũ thường xuyên trong quá trình biên soạn Tuyển họa này.

Các tác giả



Phần 1

NHẬP MÔN





1.1. QUY ĐỊNH BẢN VẼ KIẾN TRÚC

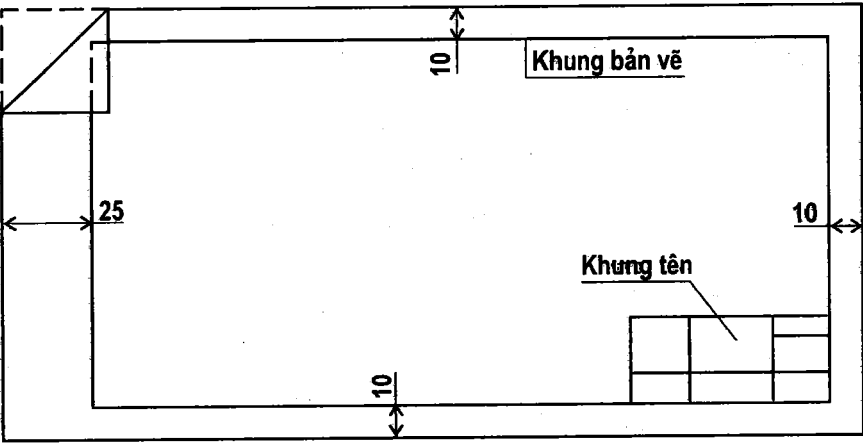
Hiện nay giấy vẽ kiến trúc có nhiều loại, độ hút màu và giữ màu khác nhau.

1. Khổ giấy

Trong kiến trúc phổ biến sử dụng 5 khổ giấy, kích thước phân biệt như sau :

Ký hiệu khổ giấy	44	24	22	12	11
Kích thước các cạnh (mm)	1189 x 841	594 x 841	594 x 420	297 x 420	297 x 210
Ký hiệu	A ₀	A ₁	A ₂	A ₃	A ₄

2. Khung bản vẽ: Đường bao quanh 1 bản vẽ.



3. Khung tên: Kích thước khung tên trong 1 bản vẽ thay đổi tùy thuộc vào loại bản vẽ và khối lượng thông tin cần ghi trong đó.

Những bản vẽ học tập trong trường, tạm quy định như sau:

a) Đối tượng bản vẽ A₁, A₂ :

TRƯỜNG	Bài tập số _____	ĐIỂM	15
	Tên đầu bài _____		20
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ	Tên sinh viên _____	Ngày nộp bài	10
30	60	20	

b) Đối tượng bản vẽ A_3, A_4 :

TRƯỜNG	Bài tập số _____	ĐIỂM	10
	Tên đầu bài _____	$\frac{1}{3}$	20
LỚP	Tên sinh viên _____	Ngày nộp bài	10
30	60	20	

Ký hiệu $\frac{1}{3}$: để ghi số thứ tự bản vẽ

Tử số (1) : bản vẽ số 1.

Mẫu số (3) : tổng số bản vẽ của đồ án (bài tập) – 3 bản vẽ.

Thí dụ: Một bài tập thực hiện trên 3 bản vẽ, thứ tự các bản vẽ lần lượt 1, 2, 3:

Bản vẽ số 1 ghi $\frac{1}{3}$

Bản vẽ số 2 ghi $\frac{2}{3}$

Bản vẽ số 3 ghi $\frac{3}{3}$

1.2. TỶ LỆ

Trong kiến trúc phân biệt sử dụng 2 loại tỷ lệ :

1. Tỷ lệ

Diễn tả mức độ phóng đại hoặc thu nhỏ so với kích thước thật.

Mức độ thu nhỏ hoặc phóng đại tùy thuộc vào yêu cầu diễn đạt, đủ để cho người đọc hiểu rõ ràng, chính xác cấu hình của vật thể mô tả.

Trong kiến trúc thường sử dụng tỷ lệ thu nhỏ so với kích thước thật. Thường thấy những tỷ lệ thu nhỏ như sau :

• Đối với công trình :

- Mặt bằng, mặt đứng có thể thu nhỏ 50 lần (1/50), thu nhỏ 100 lần (1/100), hoặc thu nhỏ 200 lần (1/200).

- Mặt cắt, dùng tỷ lệ thu nhỏ 1/100, 1/50, 1/20.
- Cắt chi tiết, thu nhỏ theo tỷ lệ 1/5, 1/10, 1/20.
- Trong thiết kế quy hoạch :

Tỷ lệ thu nhỏ tùy thuộc vào diện tích lãnh thổ quy hoạch, thường thấy những tỷ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000, 1/10.000

2. Tỷ lệ tương đối - tỷ lệ so sánh

Để diễn tả mối tương quan giữa vật này với vật kia, có thể là tương quan giữa các mặt, giữa các đường, nét, giữa các khối, giữa các màu sắc, giữa công trình và con người, không gian và con người.

3. Tỷ lệ ghi ngay cạnh tên của hình vẽ

Thí dụ : MẶT BẰNG TẦNG 1 – TL : 1/100.

1.3. NGÔN NGỮ KIẾN TRÚC

Nét vẽ là những nguyên âm, phụ âm cấu thành ngôn ngữ kiến trúc, những quy định, thuật bố cục v.v..., chính là văn phạm của ngôn ngữ này.

1. Nét vẽ

Bề dày và hình dạng của nét vẽ khác nhau có công dụng và nội dung biểu hiện khác nhau.

Nét bút kim bề dày từ 0,1mm đến 1,8mm.

Trong kiến trúc thường sử dụng nét vẽ có bề dày từ 0,20 đến 1,2mm.

- Nét vẽ bề dày 0,2 → 0,3mm : dùng làm nét dóng, giới hạn các kích thước (nét dóng).
- Nét vẽ bề dày 0,4 → 0,6mm : dùng để diễn tả đường giới hạn nhìn thấy (nét hiện)
- Nét vẽ bề dày 0,6 → 0,8mm : dùng để diễn tả nét cắt.
- Nét vẽ bề dày 0,8 → 1,2mm : dùng để diễn tả nét cắt chi tiết, tỷ lệ lớn.

• Nét bút chì và loại bút chì

Loại bút chì sử dụng trong kiến trúc :

- Bút chì cứng : 9H, 8H, 7H, 6H, 5H, 4H.
- Bút chì trung bình : 3H, 2H, H, F, HB, B.
- Bút chì mềm : 2B, 3B, 4B, 5B, 6B, 7B.

TÊN NÉT VẼ

NÉT VẼ

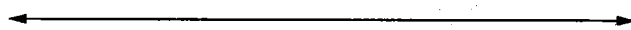
BÚT CHÌ

Nét liền cơ bản



H - 2H

Nét kích thước



3H - 4H

Nét hiện (thấy)



3H - 4H

Nét đứt



2H - 4H

Trục tâm



3H - 4H

Vết cắt



HB - B

Nét cắt rời dài



3H - 4H

Nét cắt rời ngắn



H - 2H

Nét khuất, ảo



3H - 4H

Nét hiện



3H - 4H

Nét dẫn



2H - 4H

Nét dòng



4H - 6H

Chữ

ABCDEFGHIJKLMNOPQRSTUVWXYZ

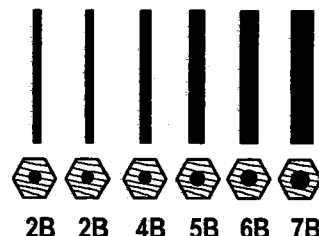
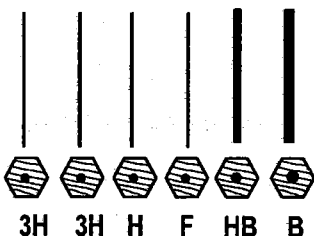
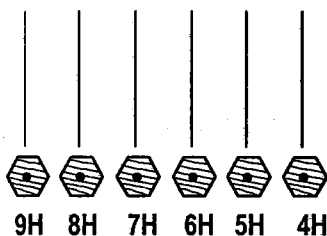
HB - B

4H - 6H

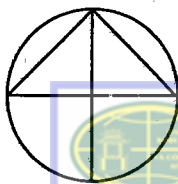
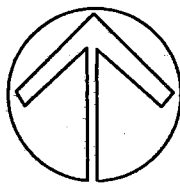
Bút chì cứng

Bút chì trung bình

Bút chì mềm

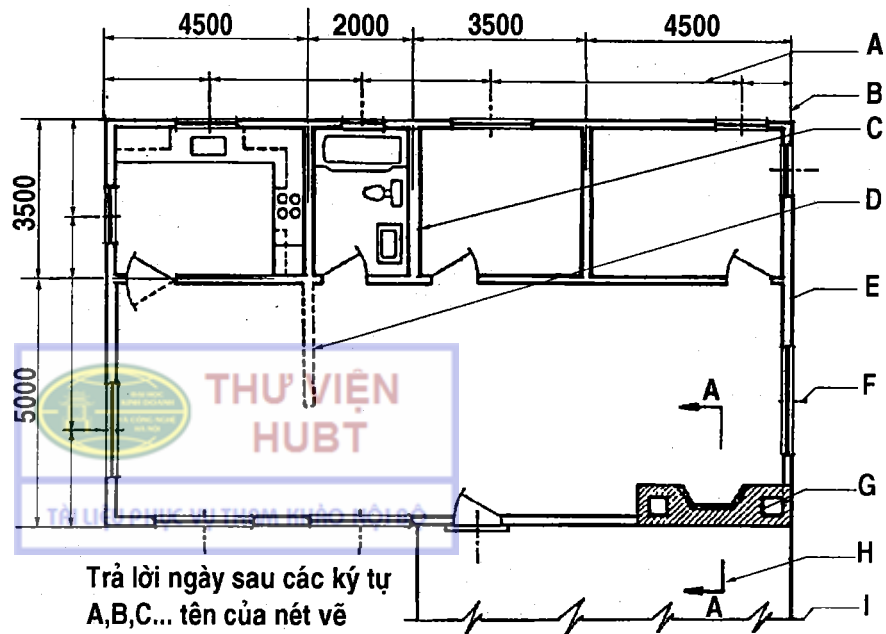
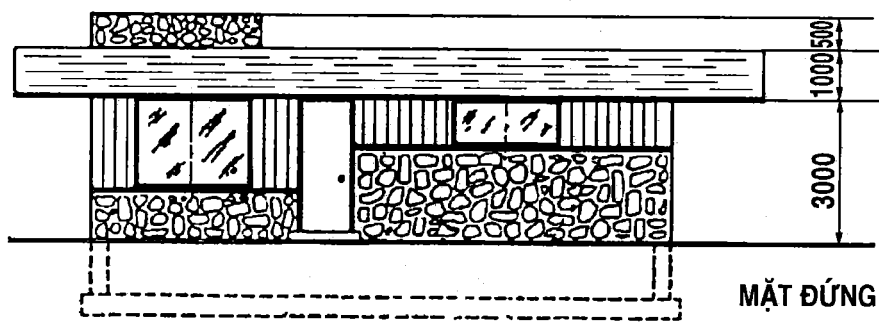
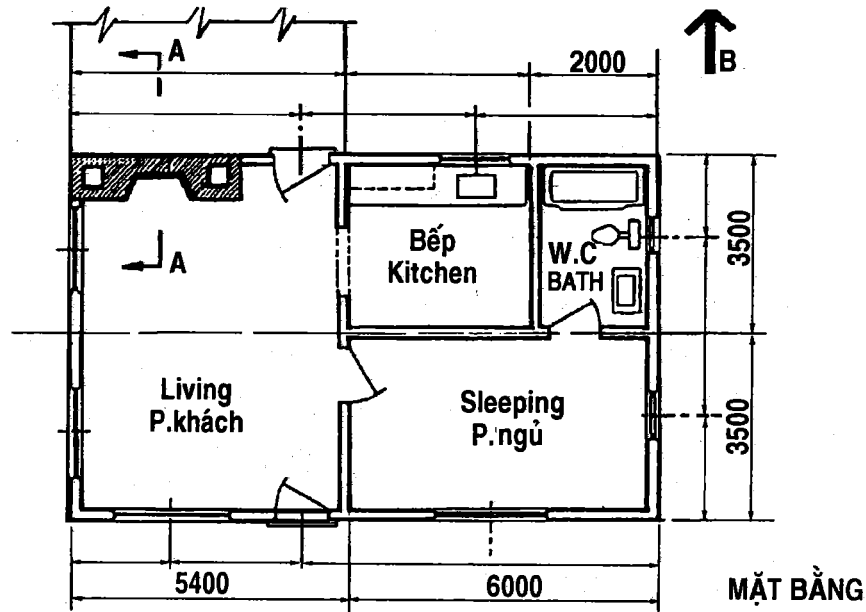


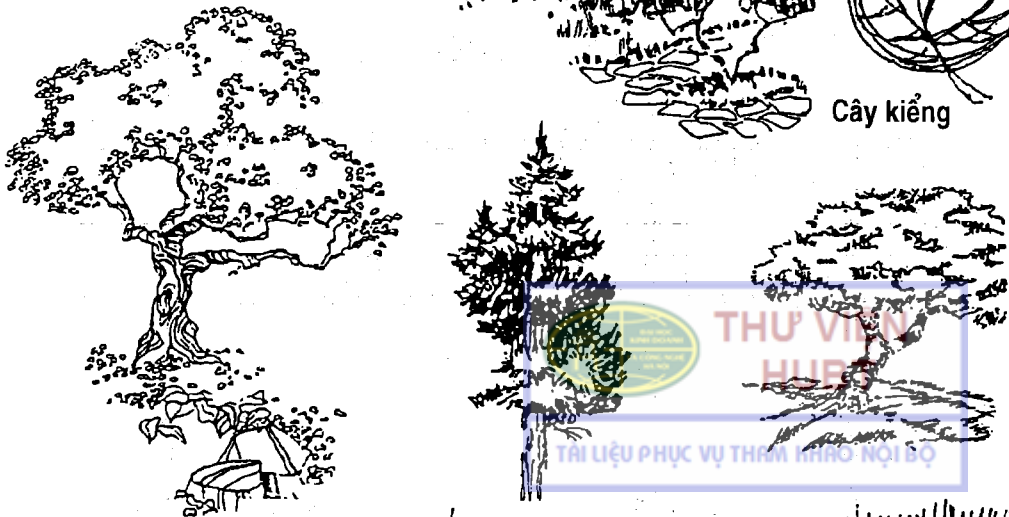
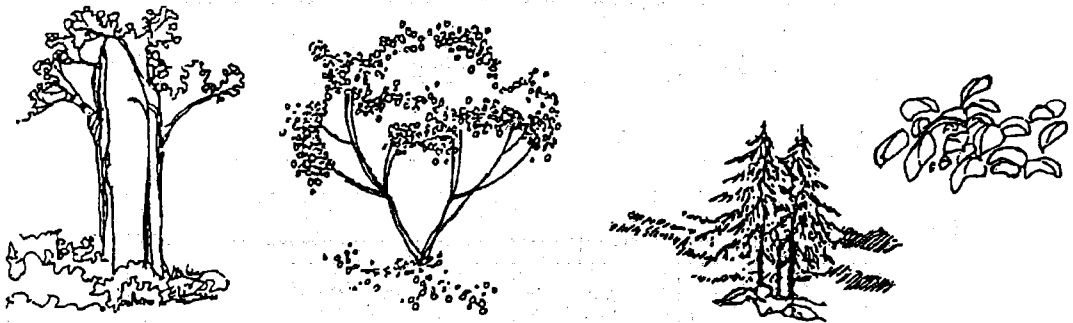
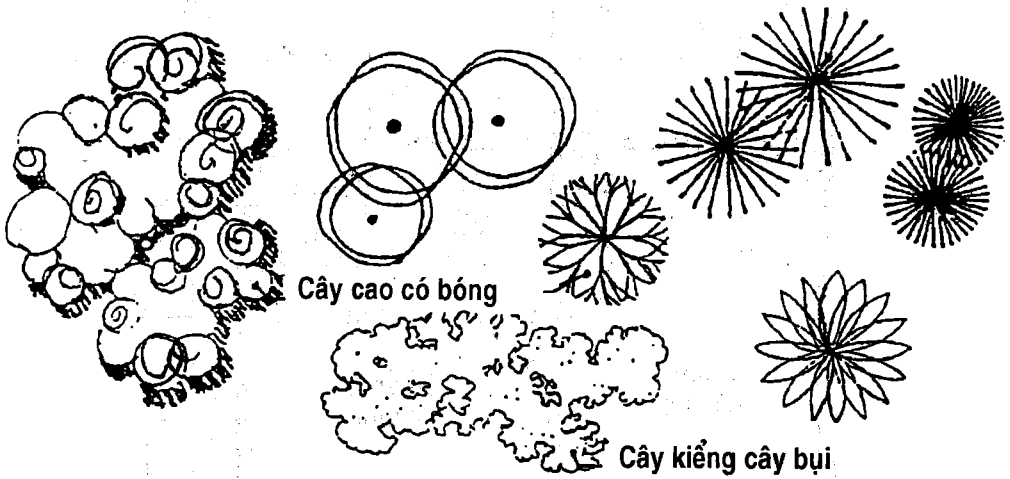
Hướng Bắc



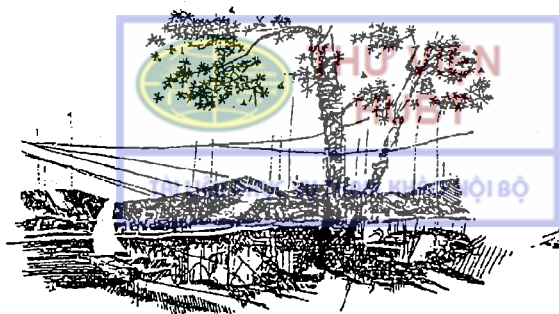
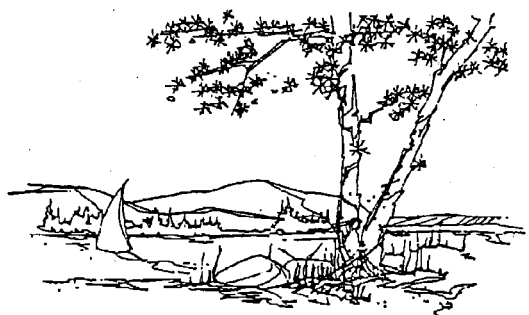
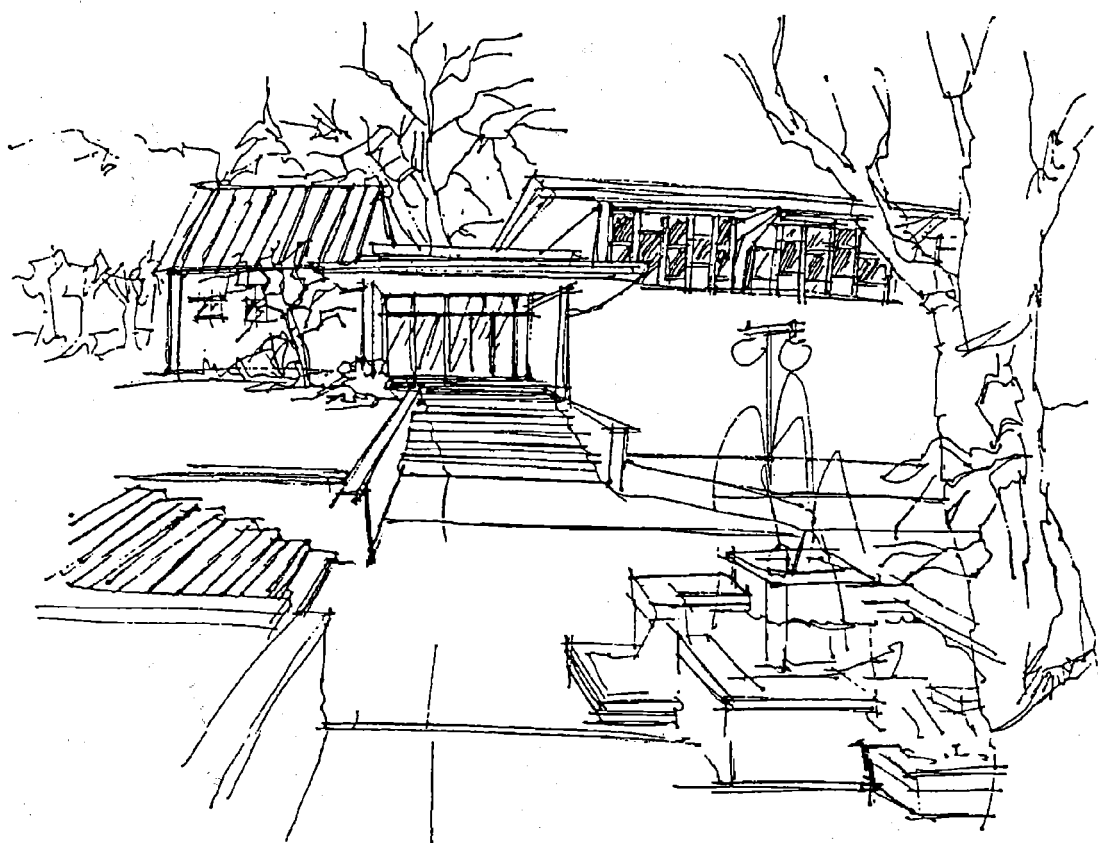
Vết cắt nhìn

LUYỆN NÉT 1

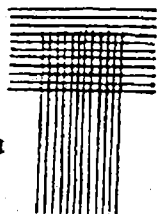
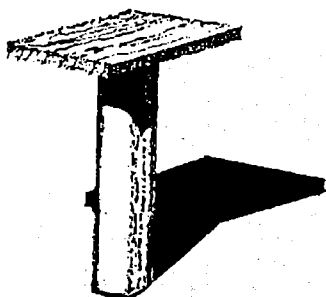
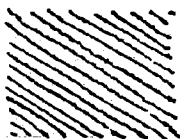
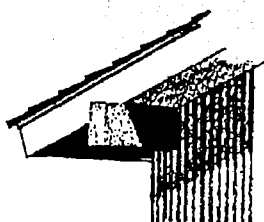
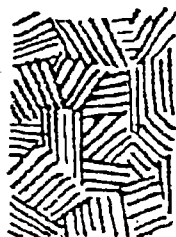
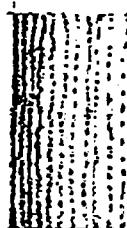
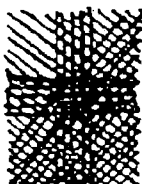
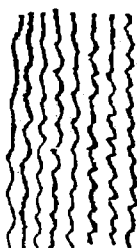
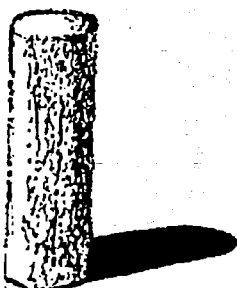
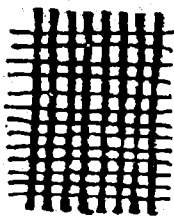
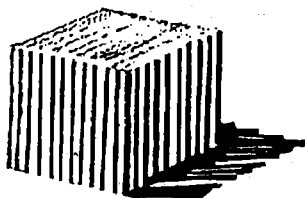
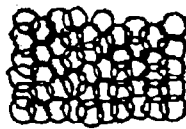
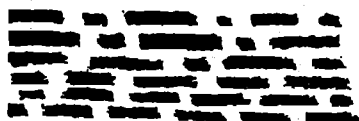
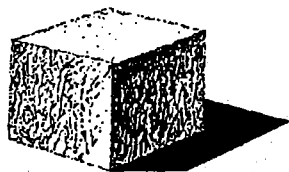




LUYỆN NÉT 3



LUYỆN NÉT 4

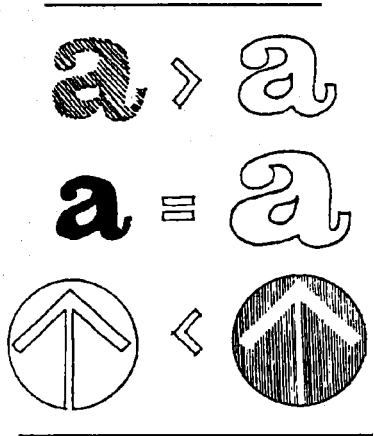
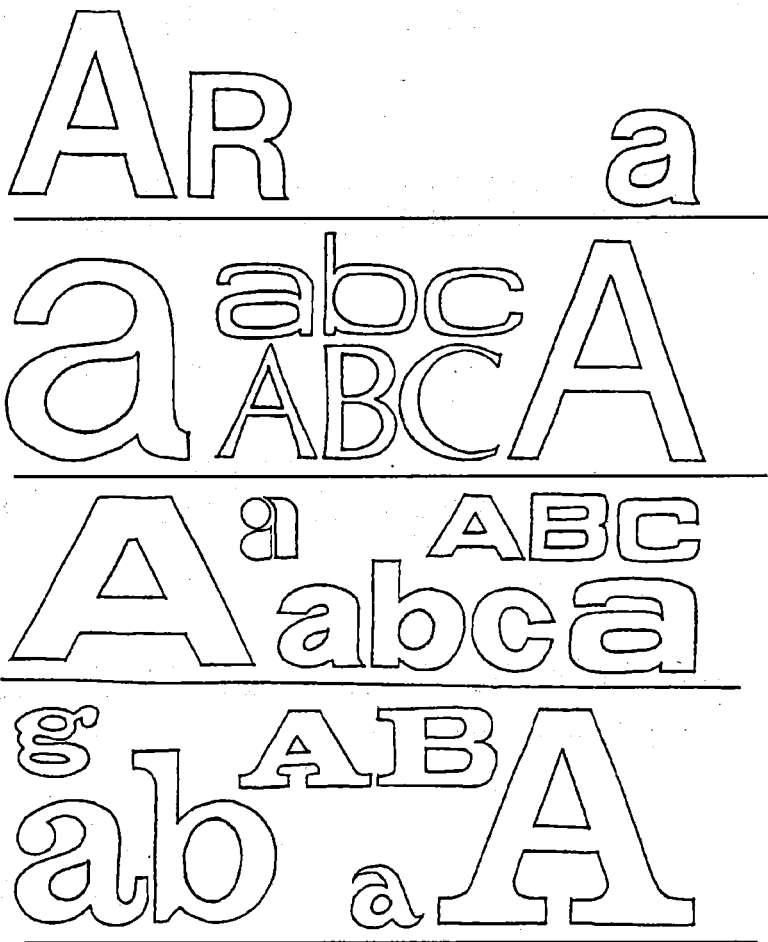


2. Chữ, chữ số

Chữ và chữ số trong bản vẽ kiến trúc bắt buộc là chữ in.

Rõ ràng, in ấn không mất nét.

Chữ và chữ số có đủ tính liên tục, thống nhất, hài hòa, cân đối.



1234567890

ABCDEFGHIJ

KLMNOPQRSTUVWXYZ

ABCD

HELVETICA MEDIUM

ABC · abc 123

SPACING S P A

ABCDEFGHIJKLMNOPQRSTUVWXYZ

ABCDEFGHIJKLMNOPQRSTUVWXYZ

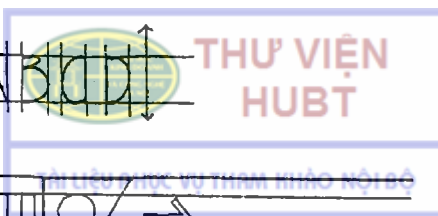
1234567890

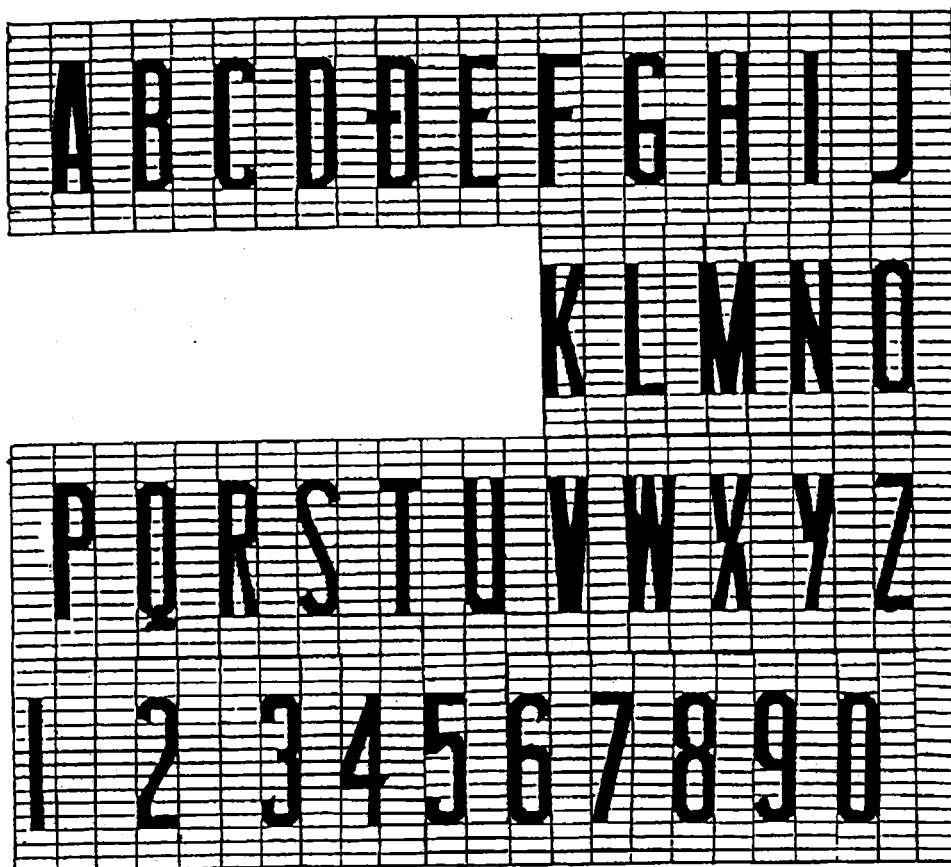
1234567890

abcdefghijklmnopqrstuvwxyz

ABC A ABCD

MNPTIO

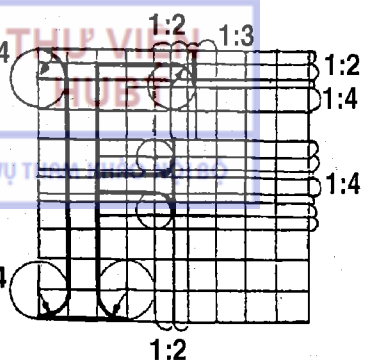
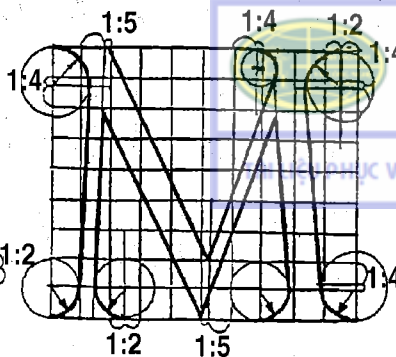
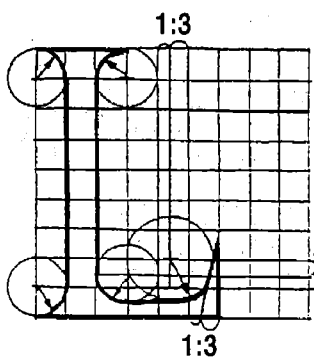
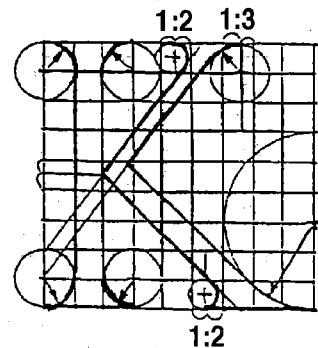
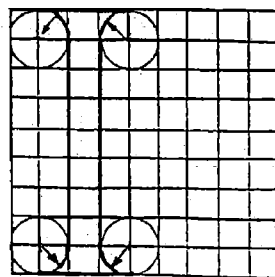
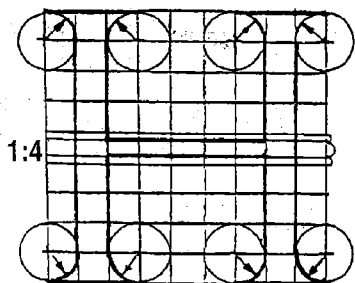
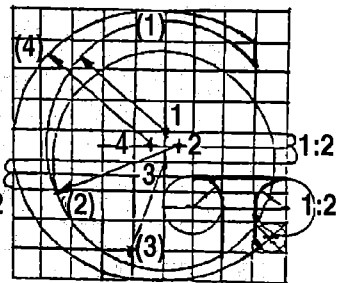
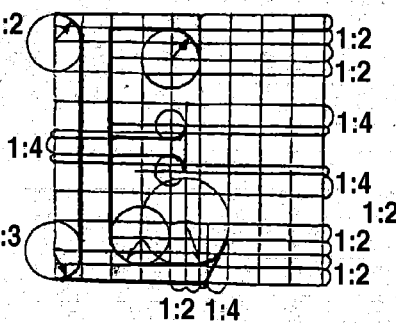
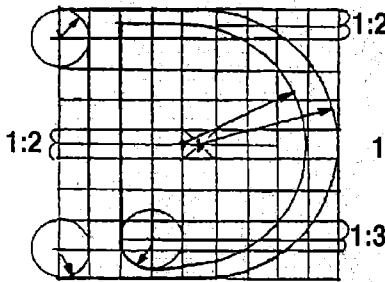
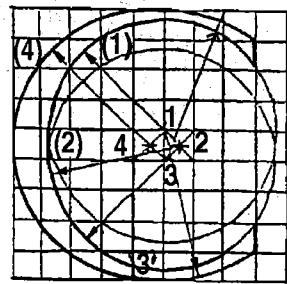
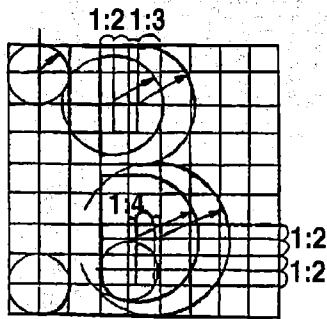
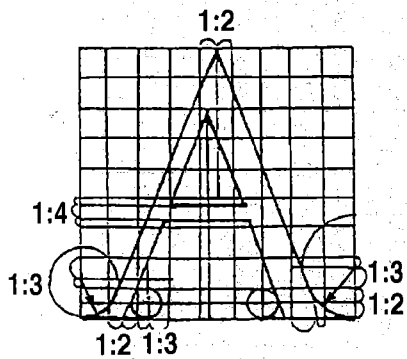


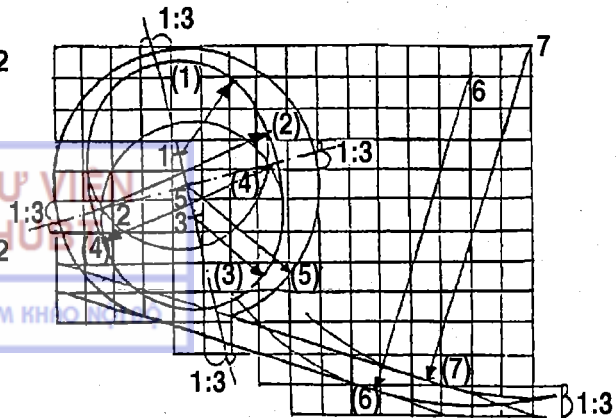
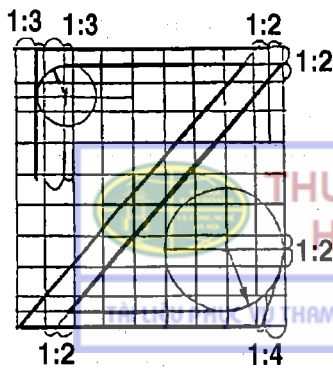
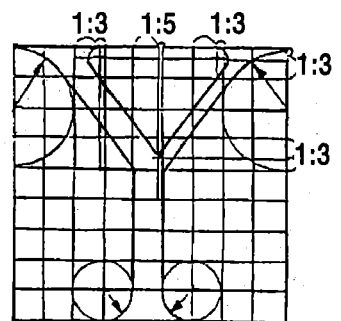
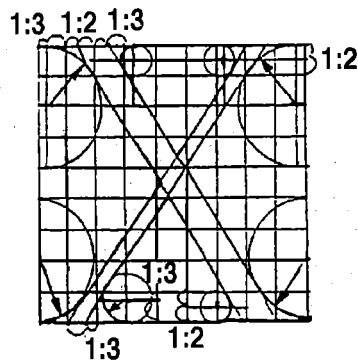
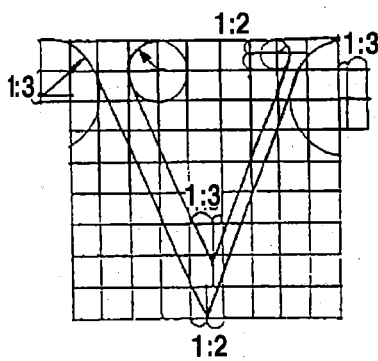
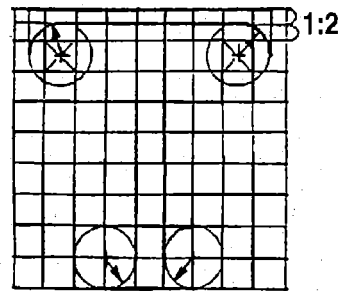
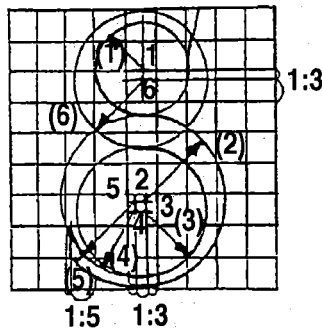
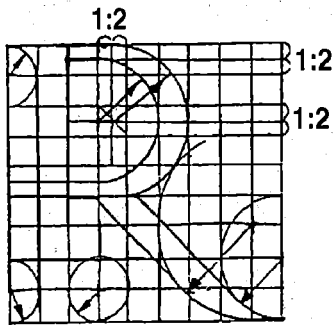
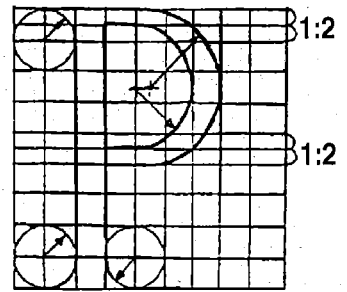
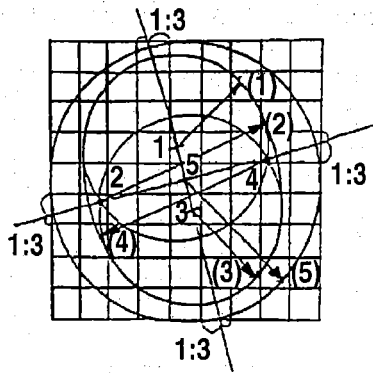
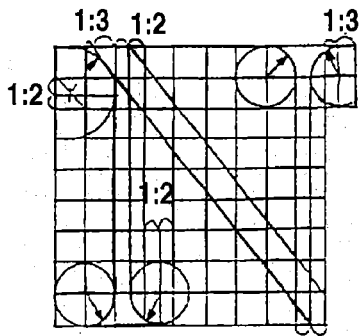


A B C D E F G H I J K L M
N O P Q R S T U V W X Y Z
1 2 3 4 5 6 7 8 9 0
a b c d e f g h i j k l m n o p q r
s t u v w x y z

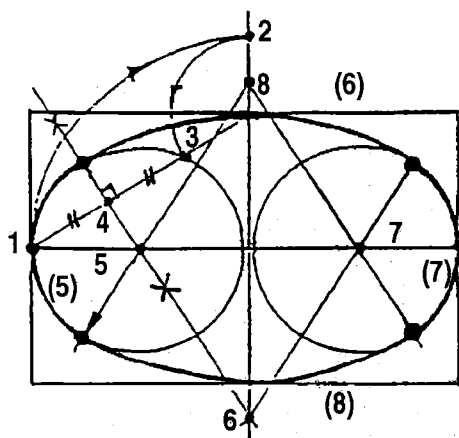
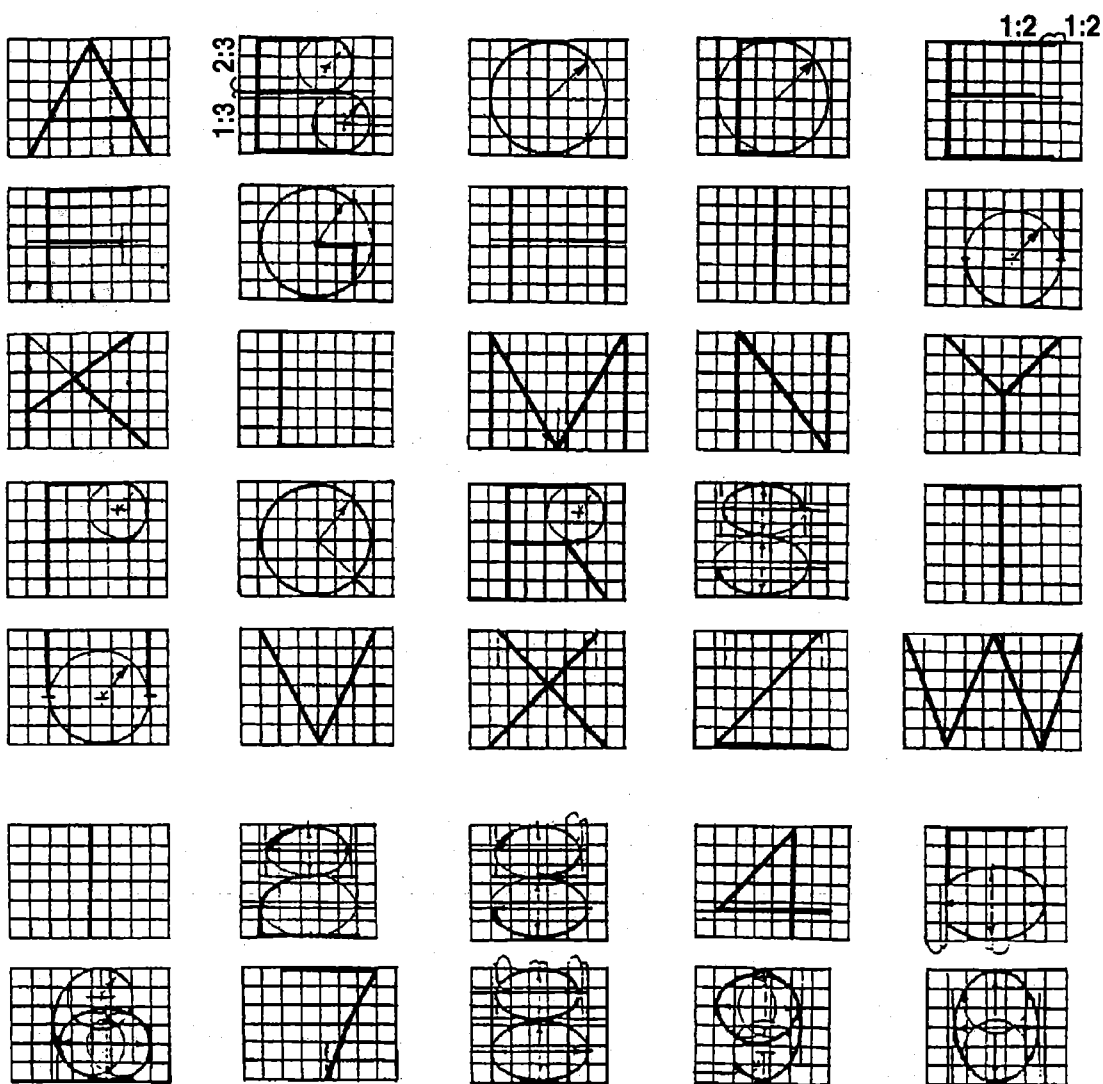
A B C D E F G H I J K L M N O
P Q R S T U V W X Y Z

MẪU CHUẨN CHỮ GOTHIC

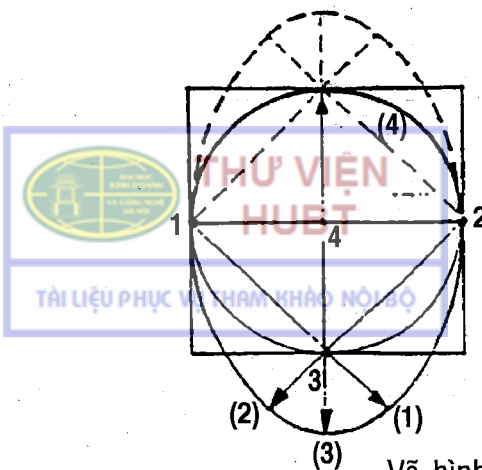




MẪU CHUẨN CHỮ SỐ BATON

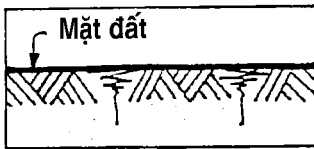


Vẽ Ellip khi đã có 2 trục ấn định



Vẽ hình noãn

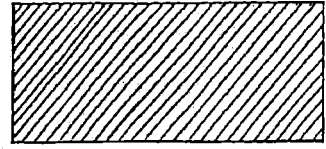
3. Ký hiệu vật liệu xây dựng



Đất tự nhiên



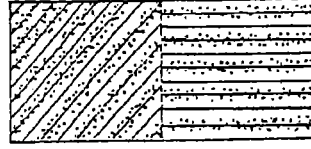
Nước



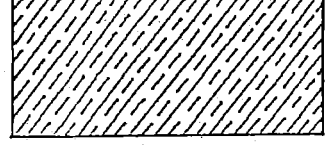
Gạch xây



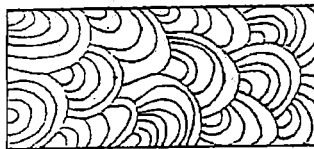
Đất đắp



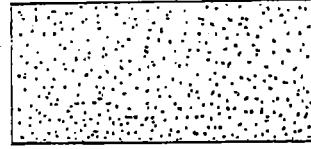
Đá nhân tạo



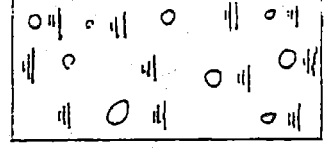
Gạch chịu lửa



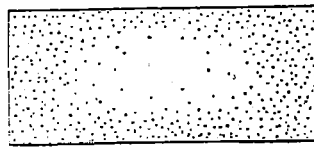
Đất sét



Vữa xi măng



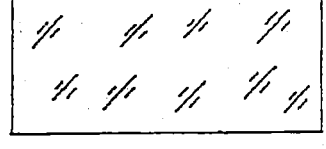
Mỉ than



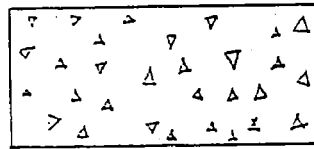
Cát



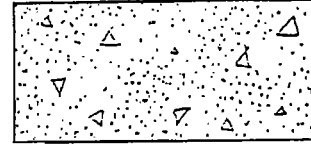
Bê tông nhẹ



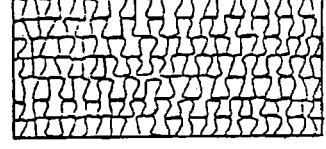
Thuỷ tinh



Đá dăm



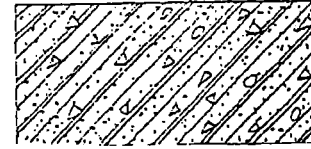
Bê tông nặng



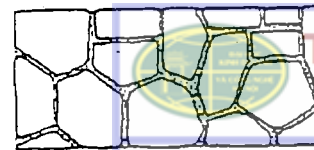
Chất xốp cách nhiệt



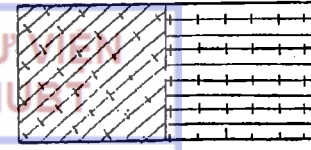
Đá chẻ



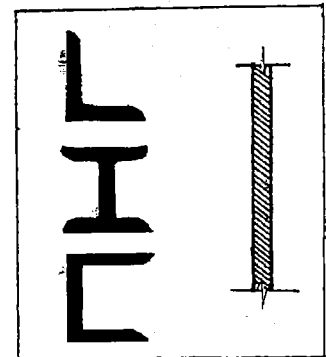
Bê tông cốt thép



Đá học

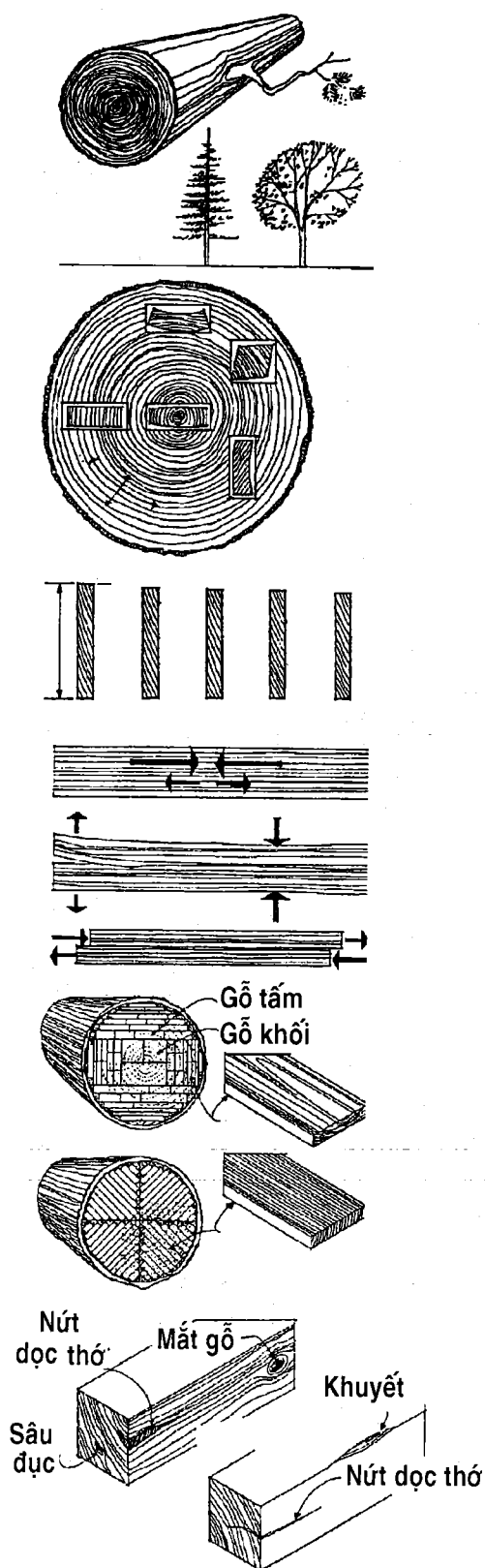


Thạch cao

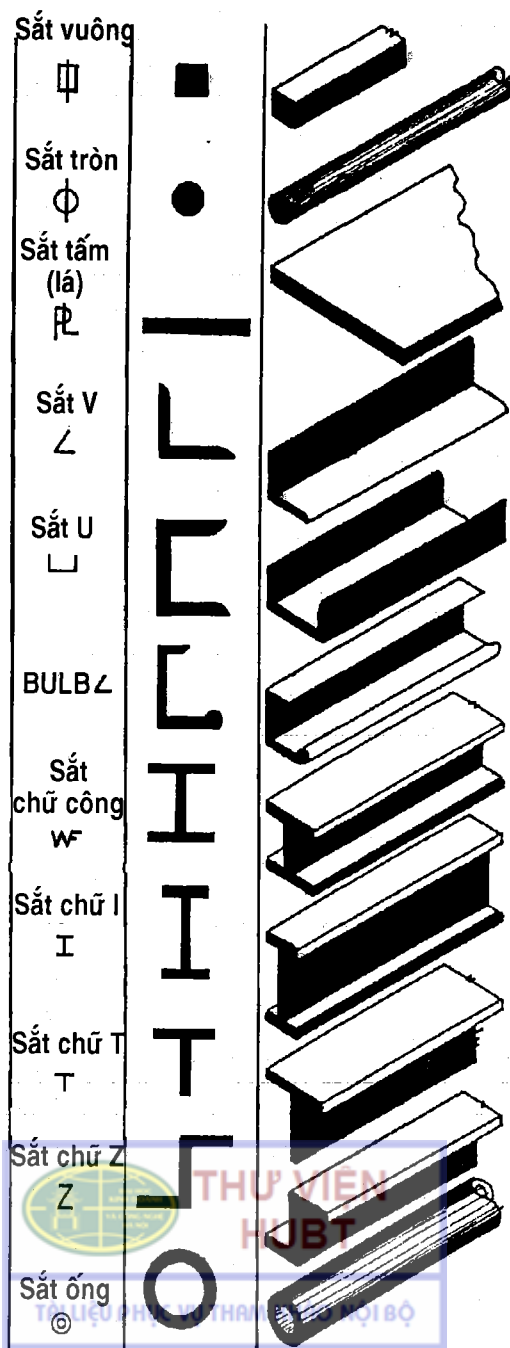


Sắt thép

GỖ XÂY DỰNG

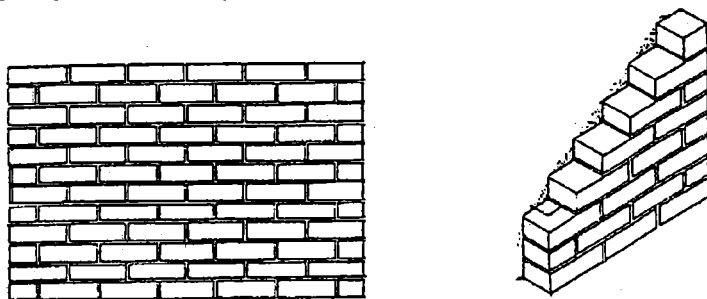


SẮT THÉP XÂY DỰNG

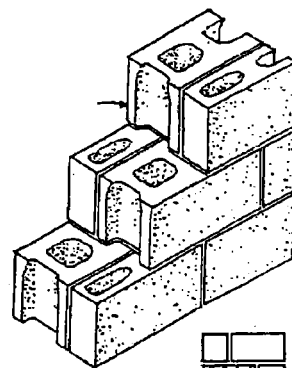
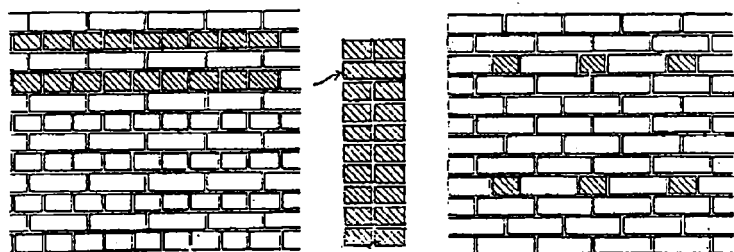
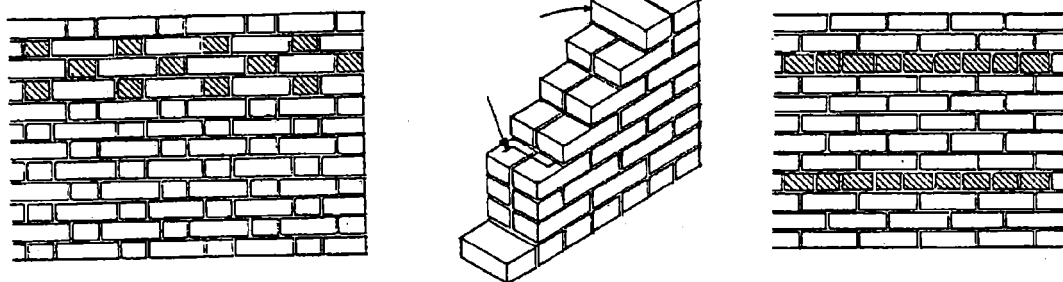


TƯỜNG GẠCH

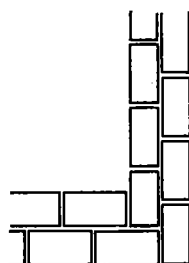
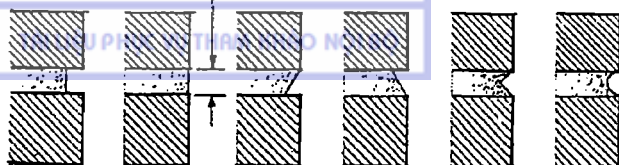
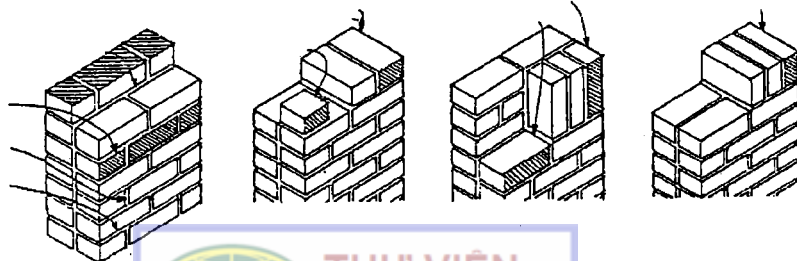
a) Tường dày một gạch (tường 10 cm)



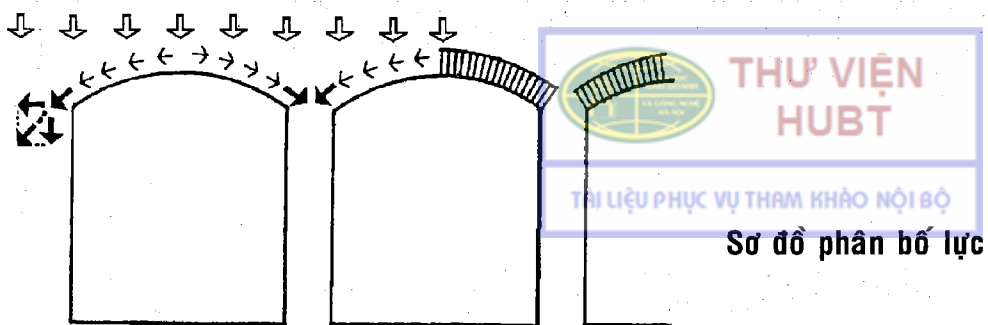
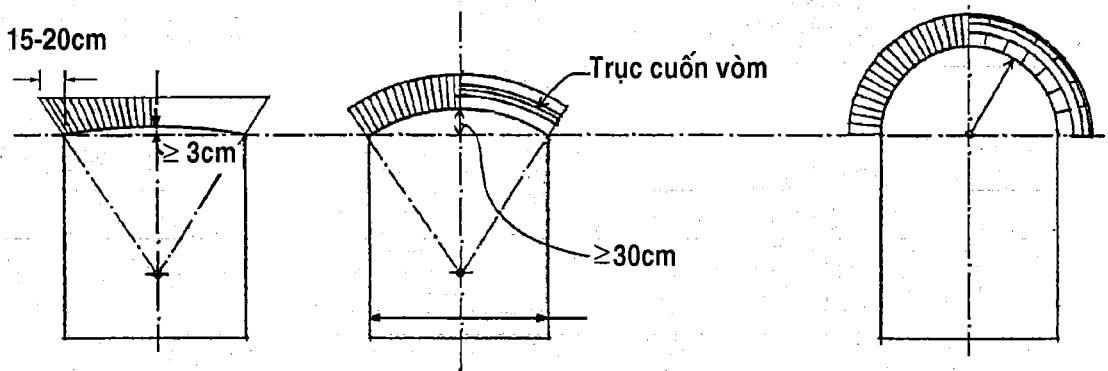
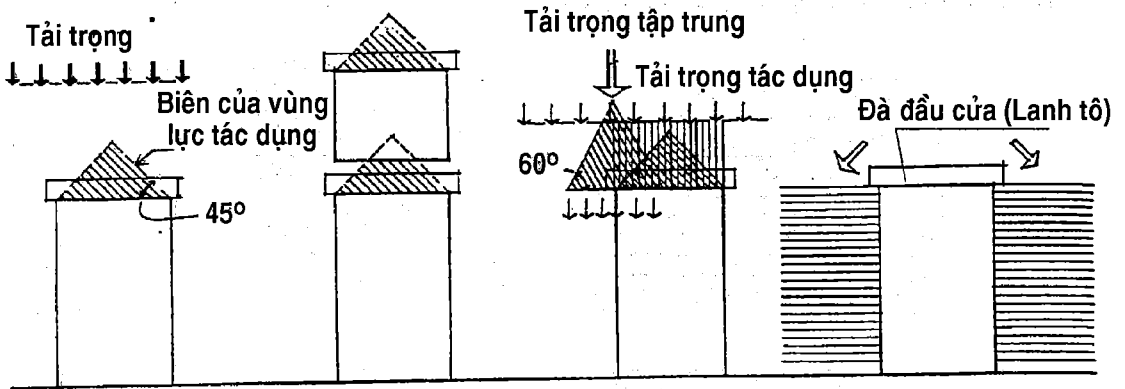
b) Tường dày hai gạch (tường 20 cm)



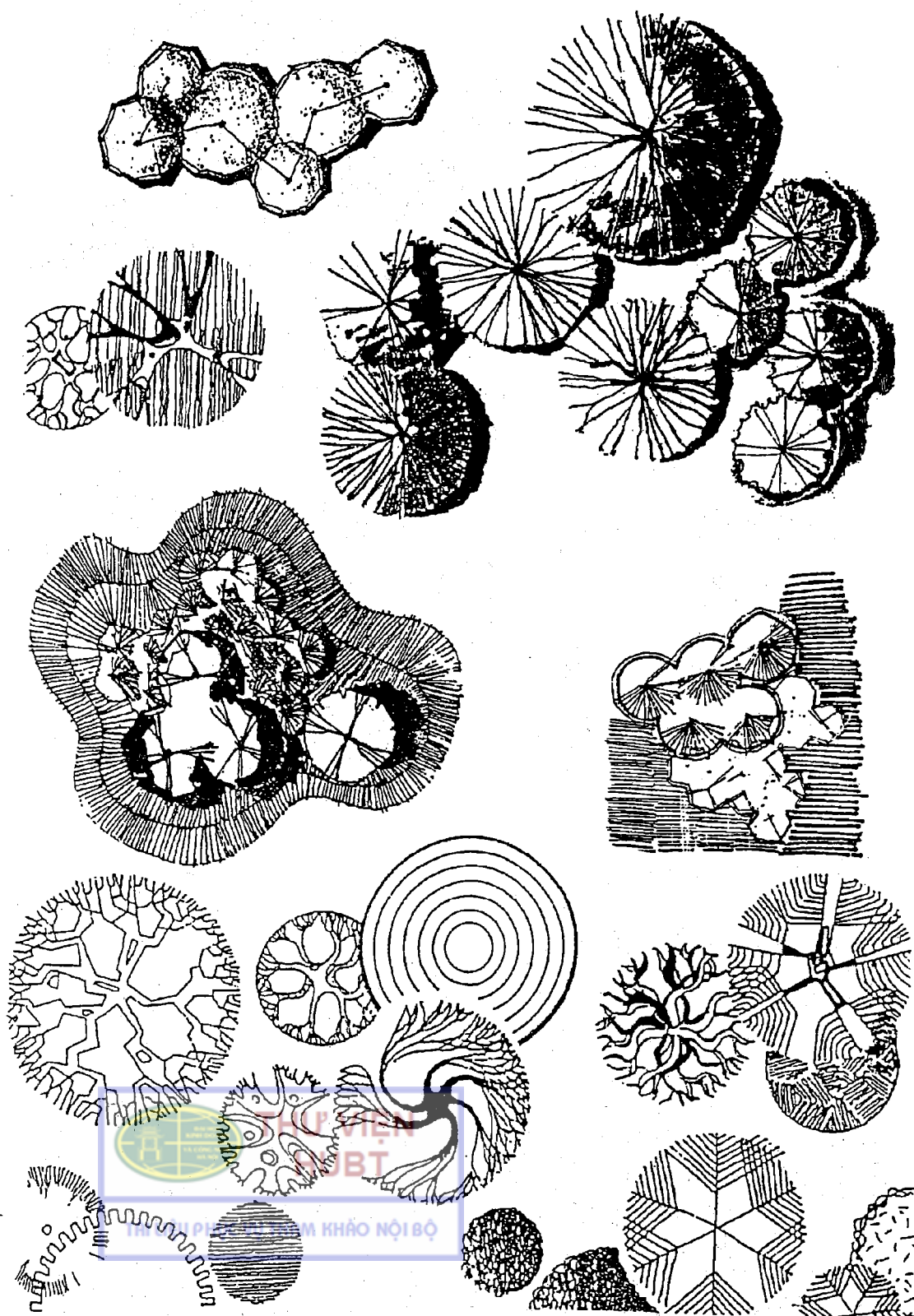
Gạch bloc

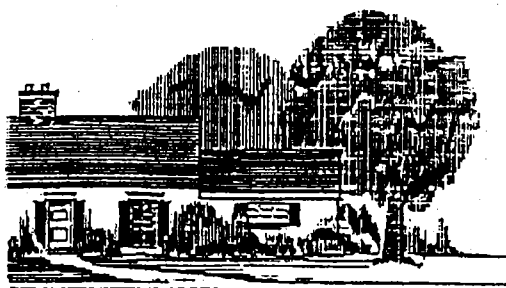
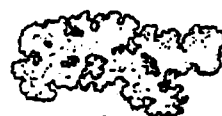
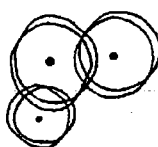
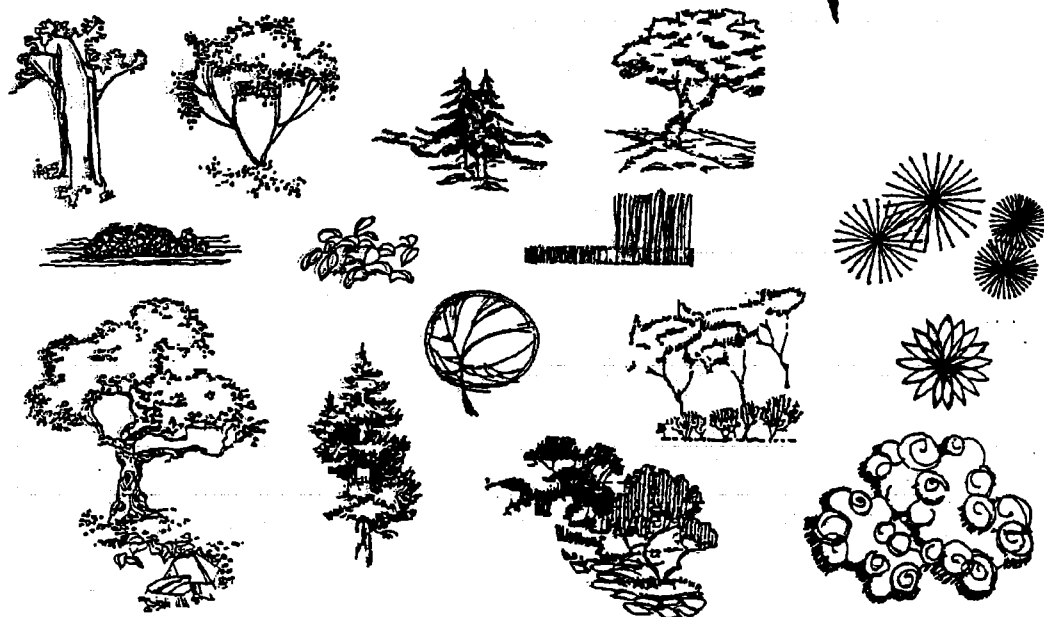
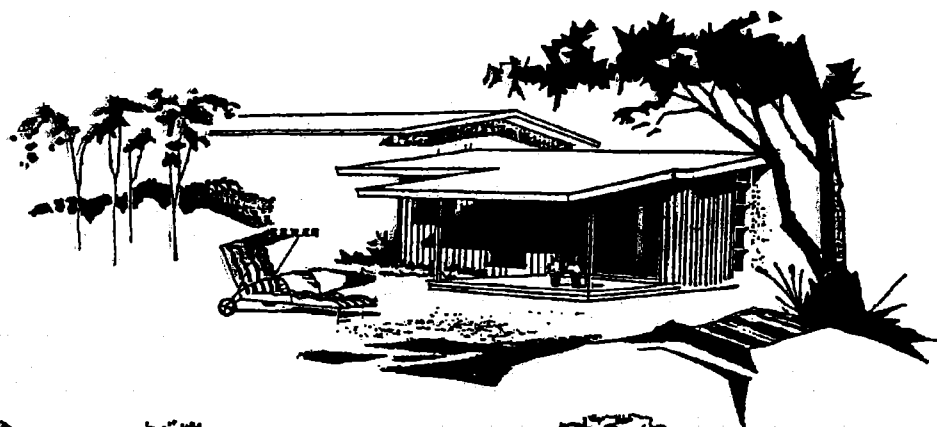


c) Cuốn vòm đầu cửa

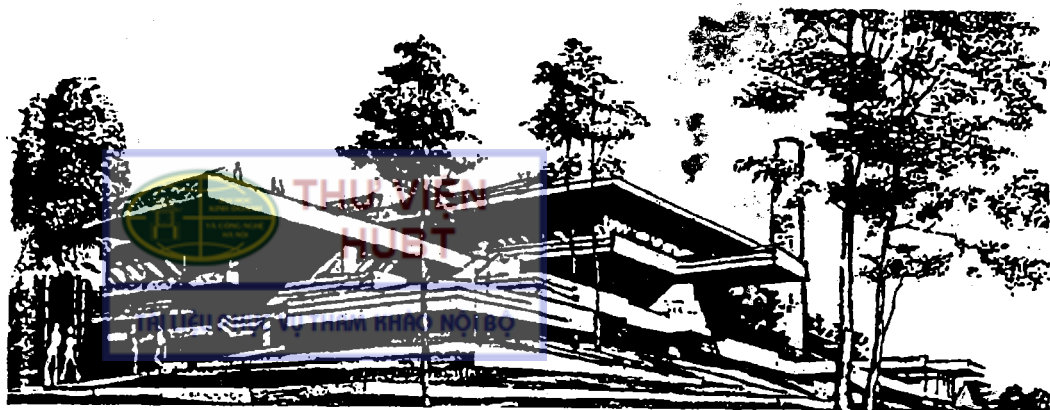
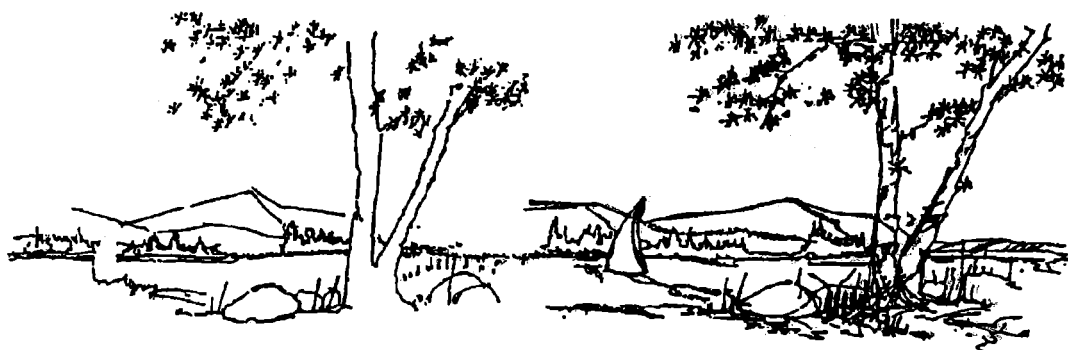
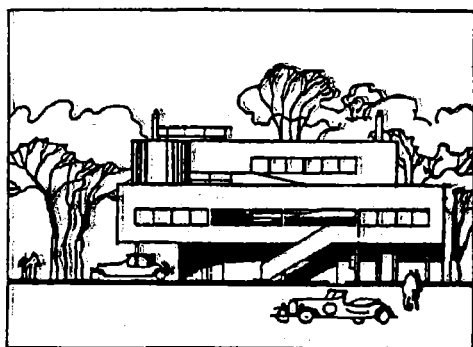
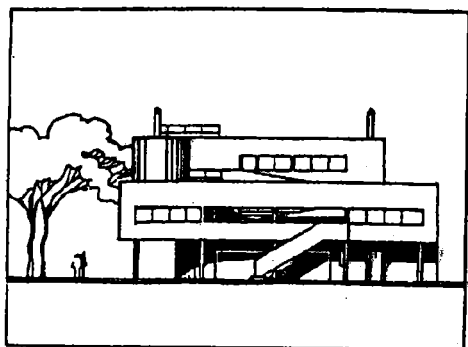


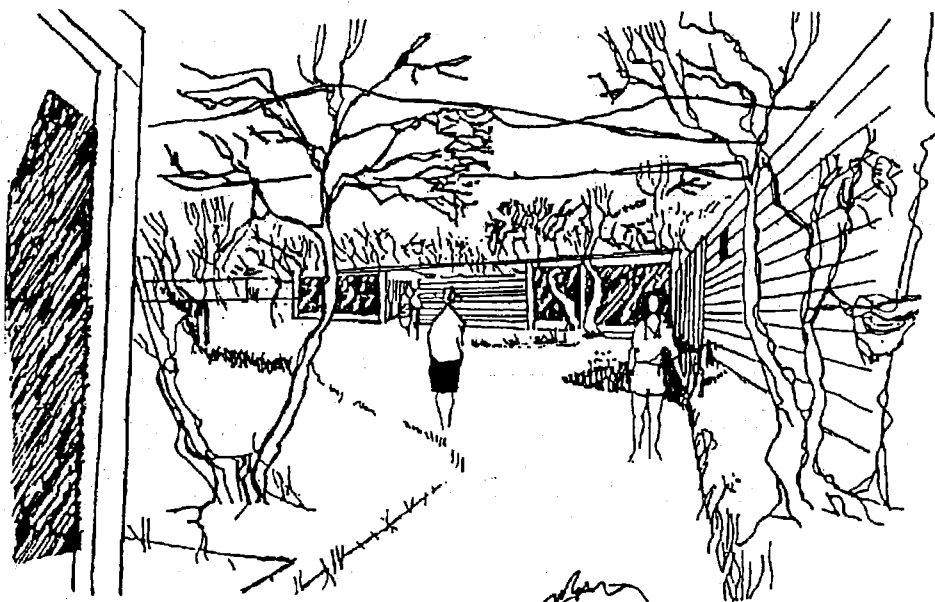
4. Cây xanh



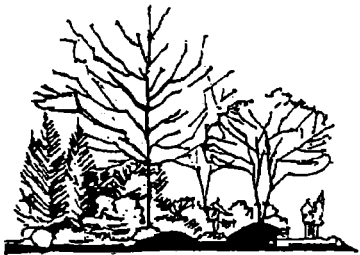
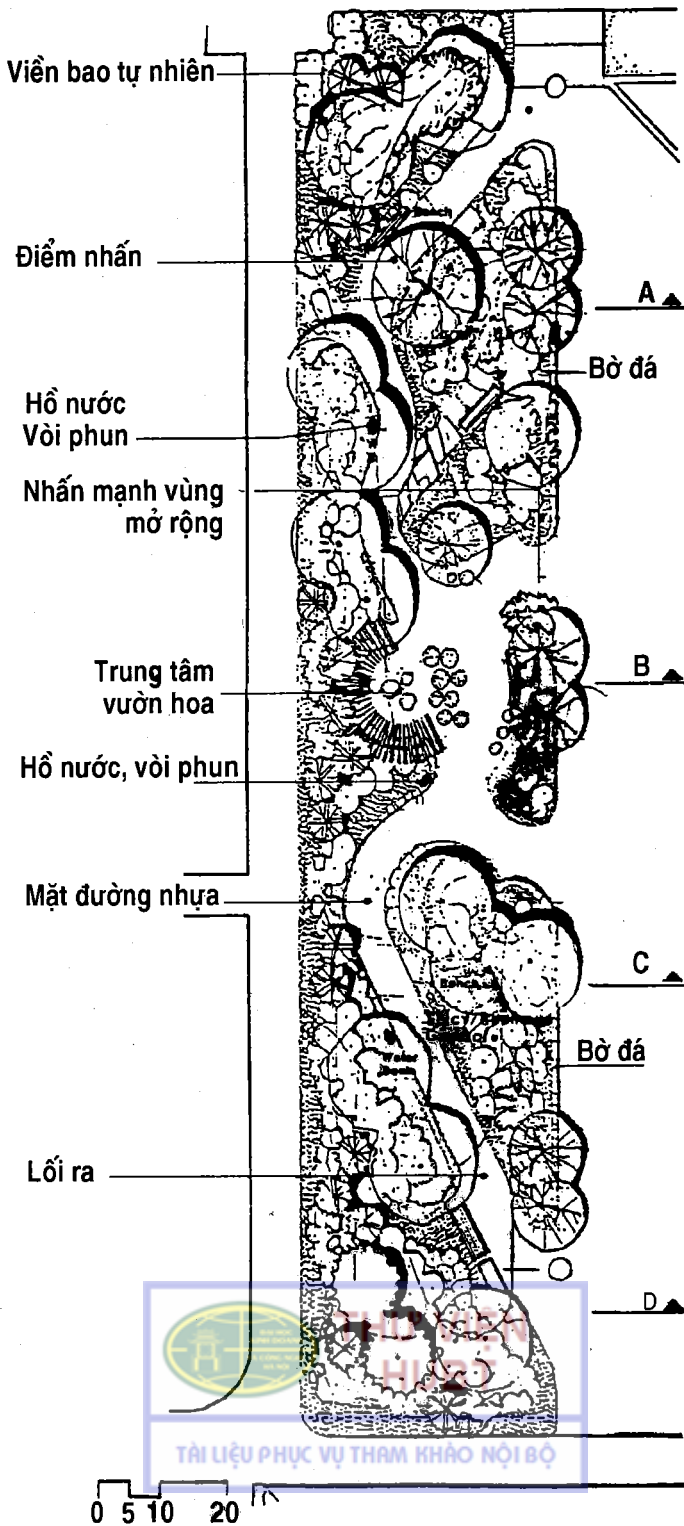


LUYỆN NÉT 2





VƯỜN HOA – BÀI TẬP ĐIỂN HỌA



Séction A: Cây bụi chống ồn
Cây xương nhần mạnh



Section B: Trung tâm vườn hoa



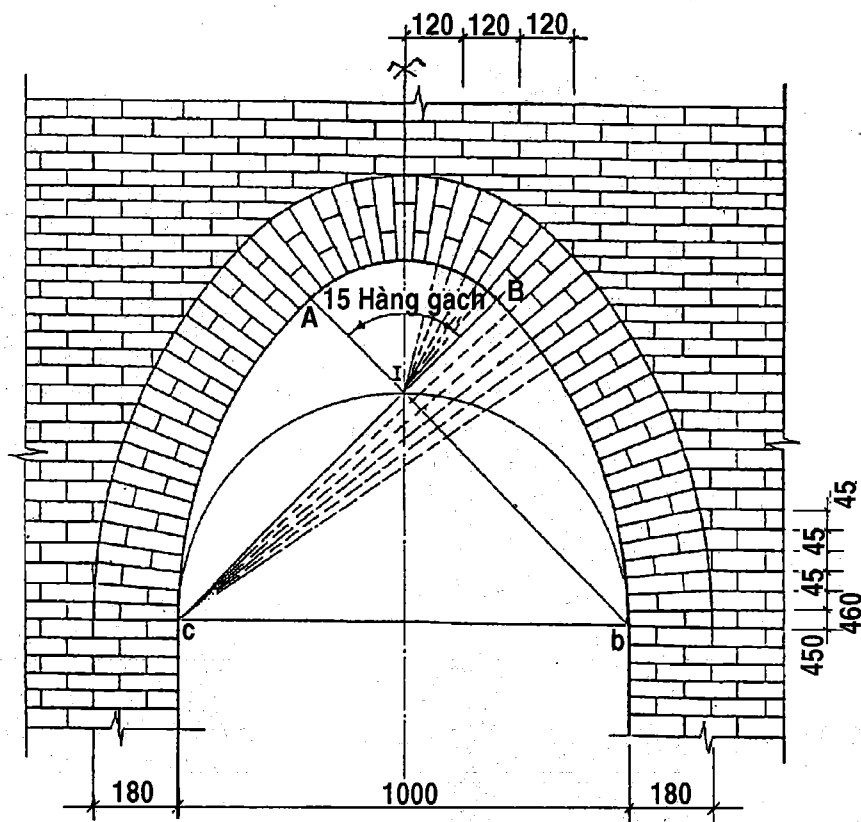
Section C: Mặt đường nhựa



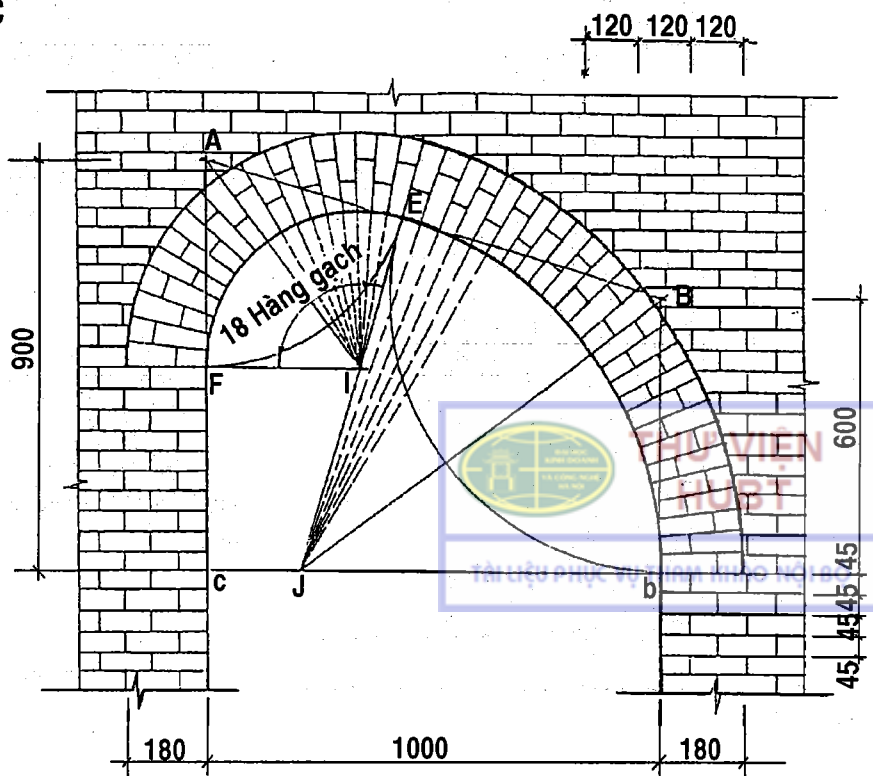
Setion D

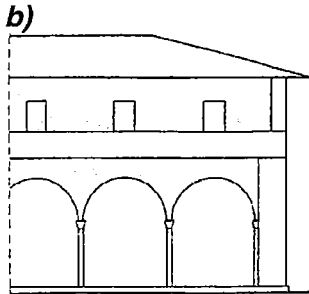
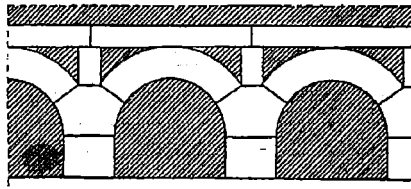
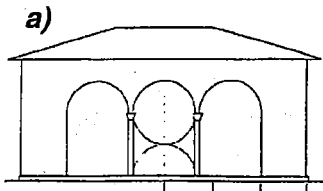
Kết thúc

5. Diễn họa

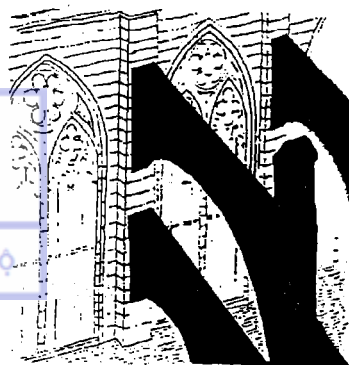
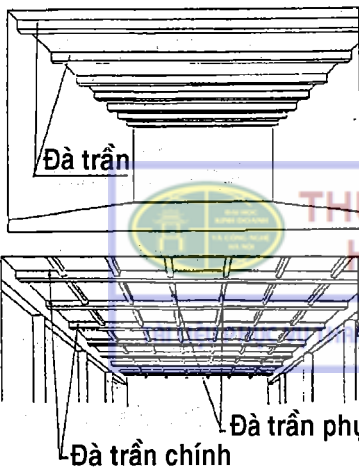
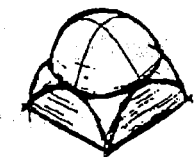
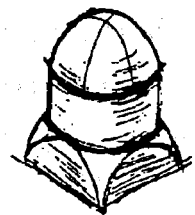
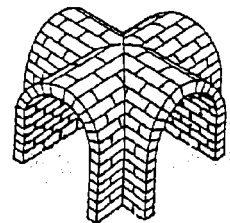
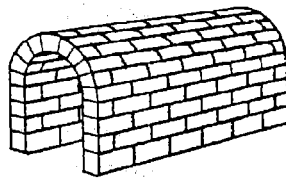
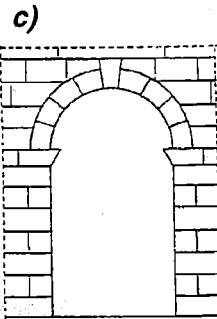
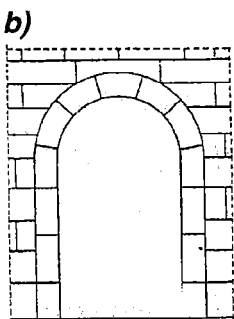
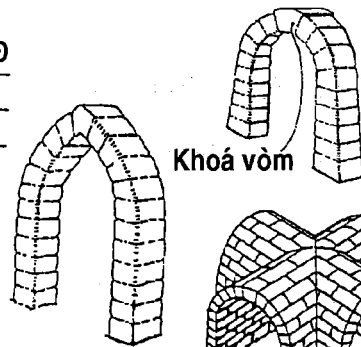
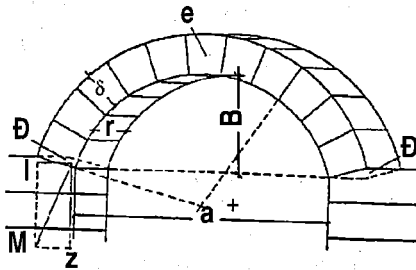
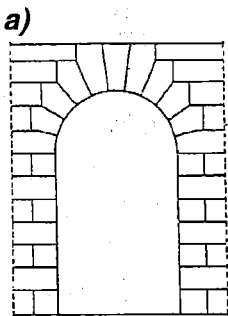
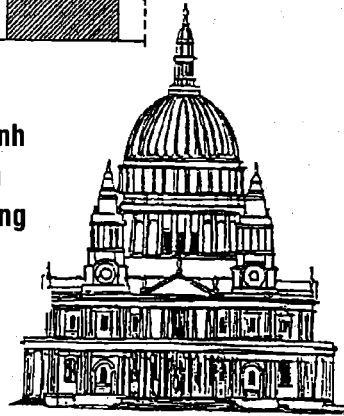


VÒM DỐC





Ngôi nhà này trở thành
một biểu tượng của
quyền uy và tín ngưỡng



6. Ký hiệu cửa trong bản vẽ kiến trúc

Cửa đi 01 cánh



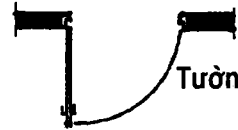
Tường 100

T/L: 1/100



Tường 200

T/L1/50



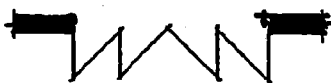
Tường 100

Cửa đi 02 cánh

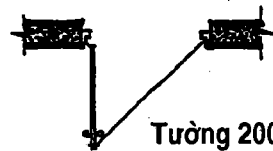


Cửa phụ, ít mở

Cửa cánh đeo



Cửa sắt xếp 02 cánh

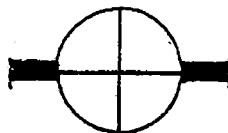


Tường 200

Cửa đóng mở tự động (cửa bật)



Cửa xoay



Cửa lùa 02 cánh



Cửa cuốn



Cửa xếp



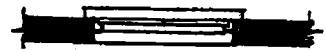
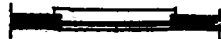
Cửa sắt xếp 01 cánh



Cửa sổ 02 cánh



T/L: 1/100



Không có bộ cửa
(Tường 100)



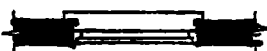
Có bộ cửa
(Tường 200)



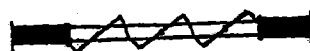
Cửa sổ mép ngoài



Cửa sổ lùa



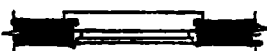
Cửa sổ bật



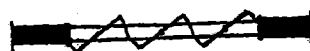
Cửa sổ chống



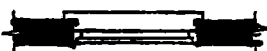
Cửa sổ mép trong



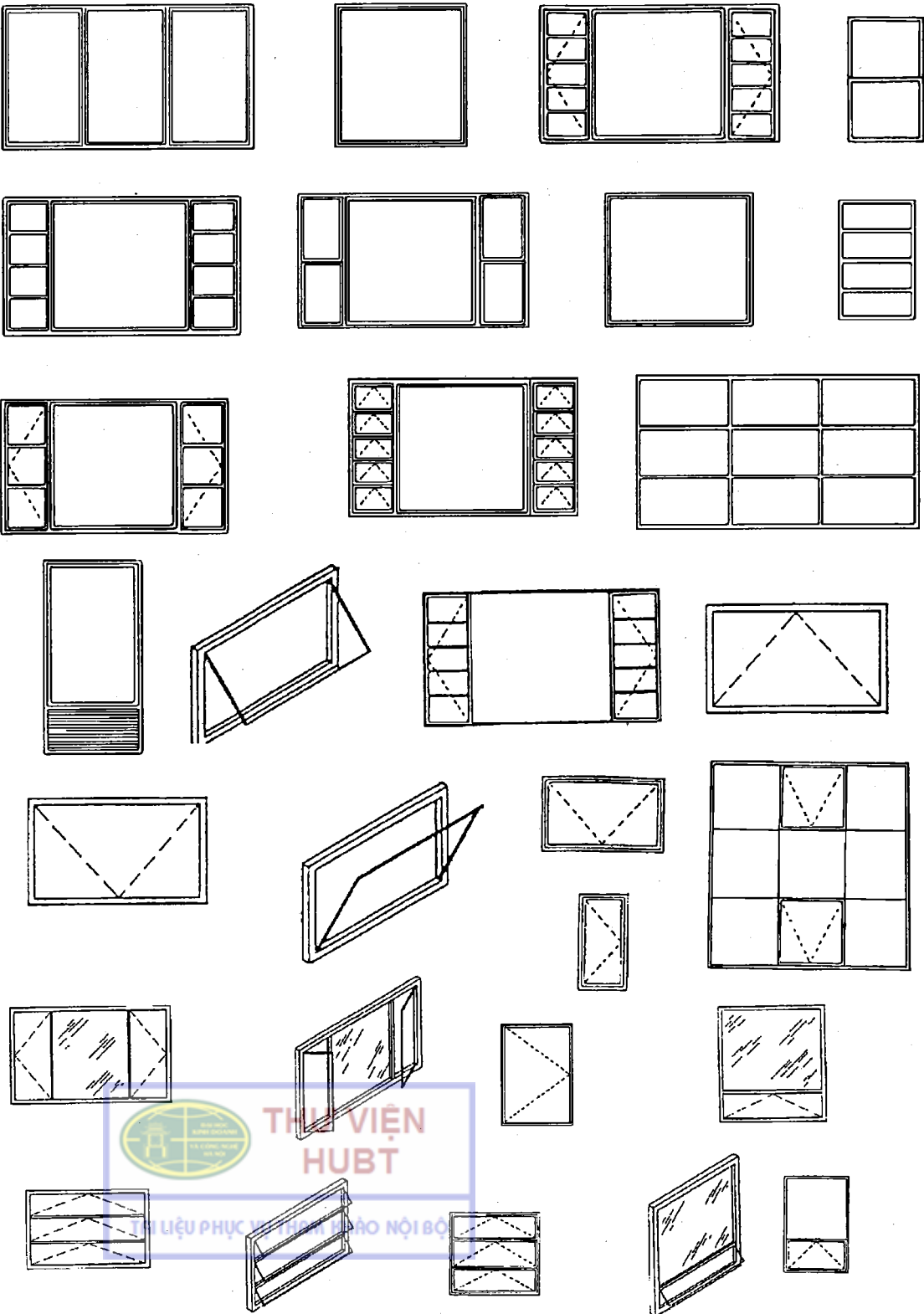
Cửa sổ xoay

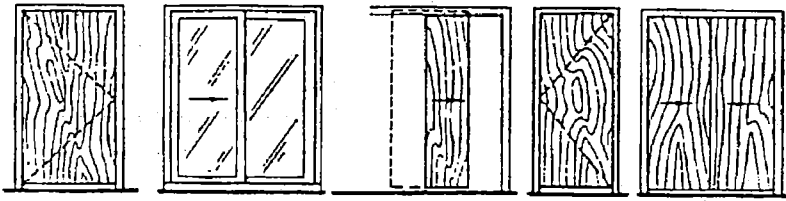


Cửa lùa 01 cánh

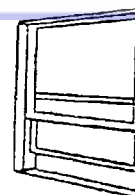
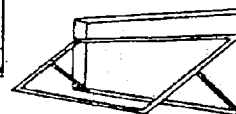
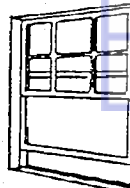
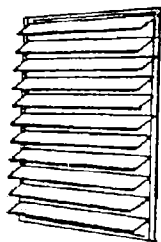
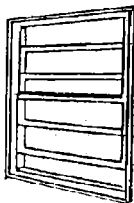
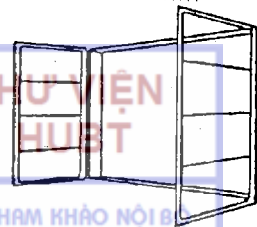
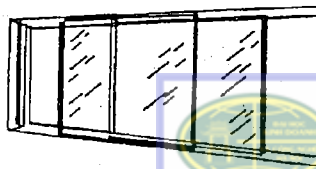
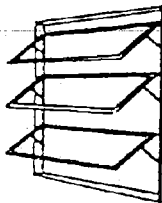
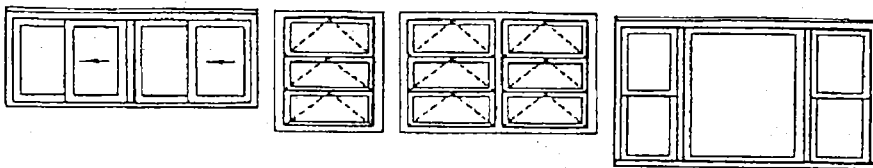
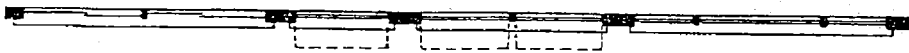
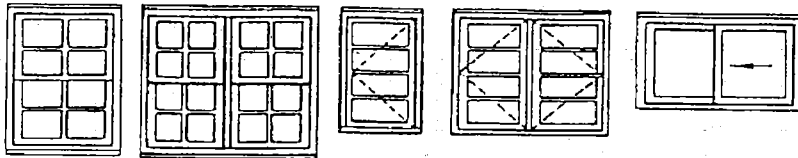
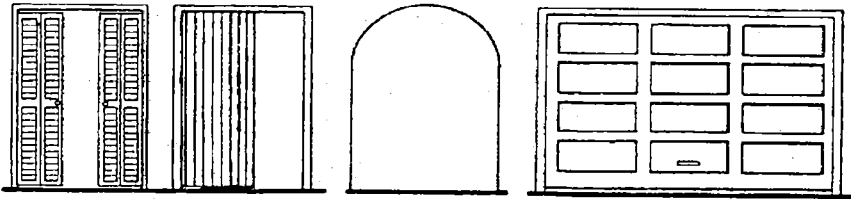


CỬA TRONG BẢN VẼ KIẾN TRÚC



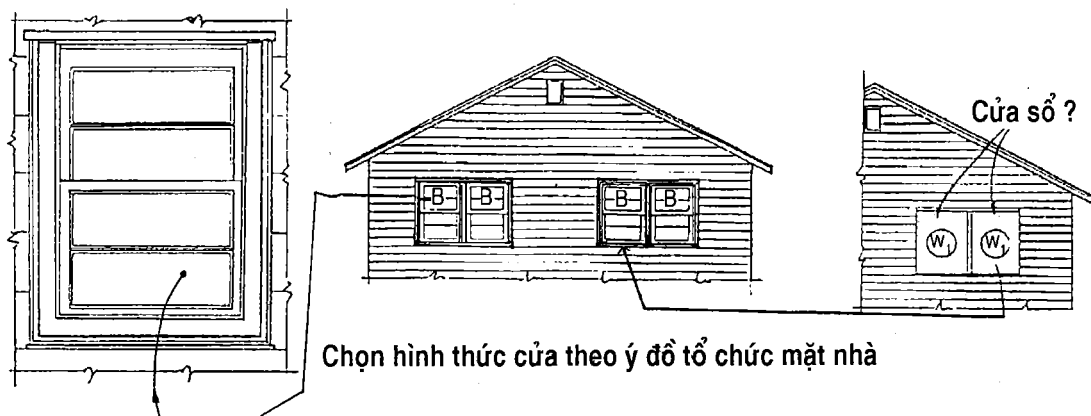
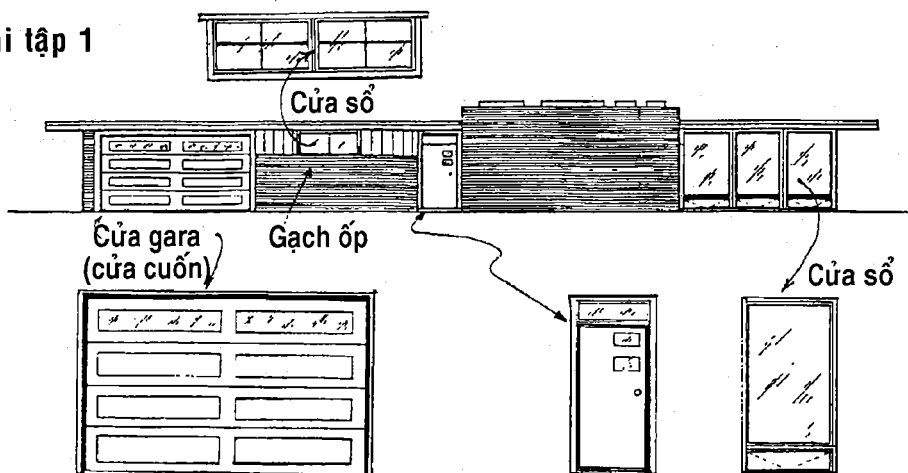


----- Cửa cuốn gara -----

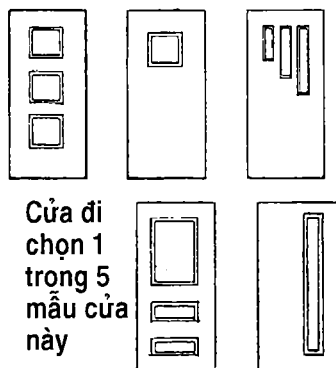
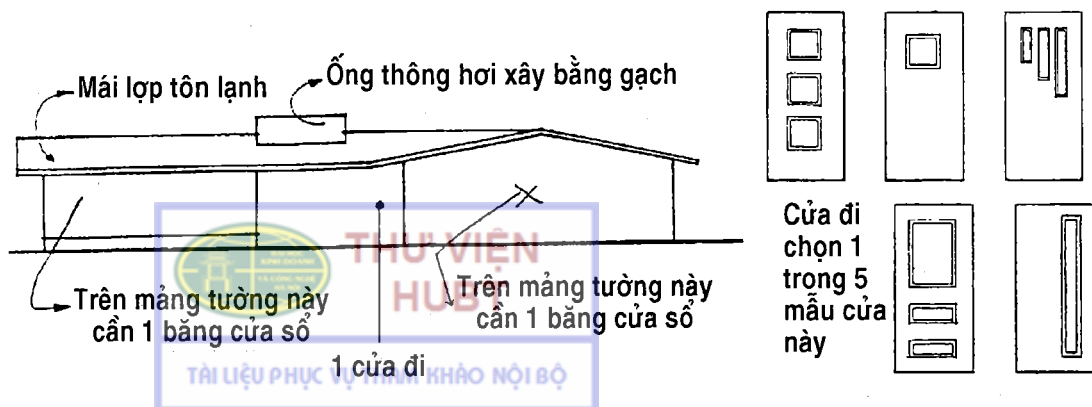


BÀI TẬP

Bài tập 1

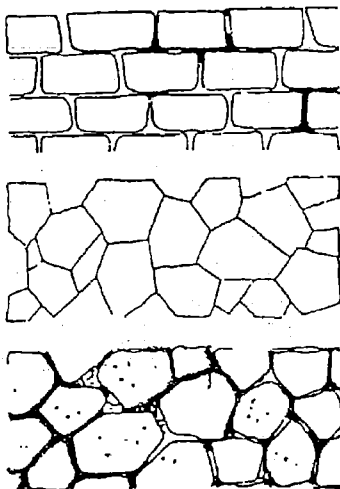
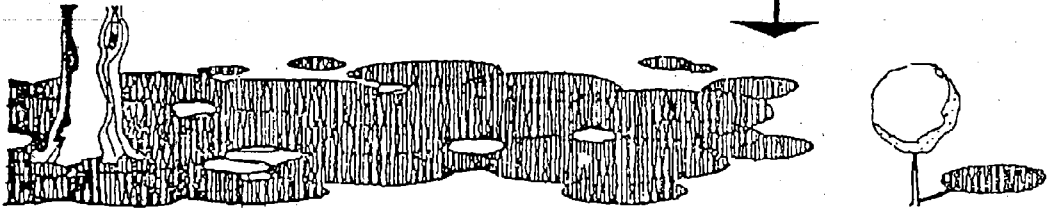
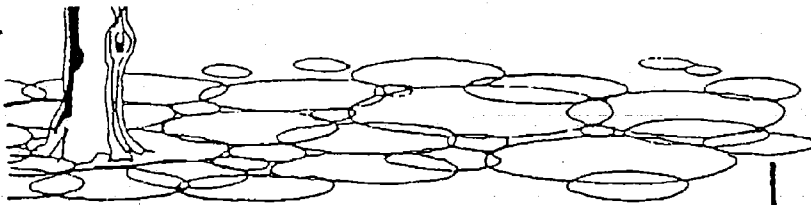
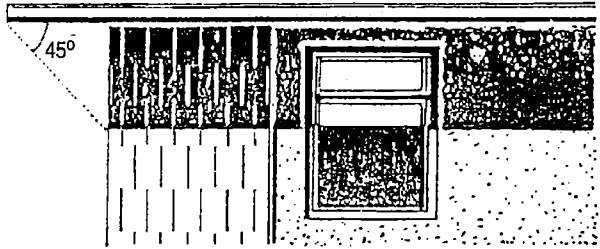
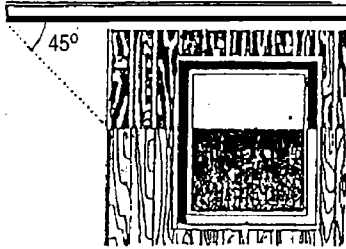
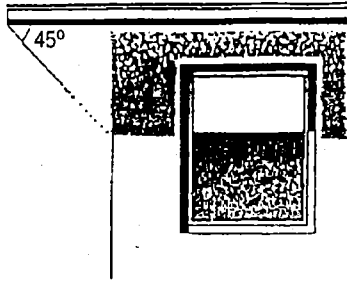


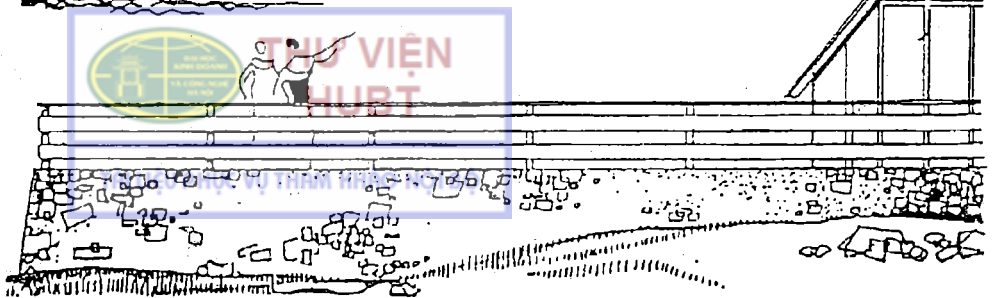
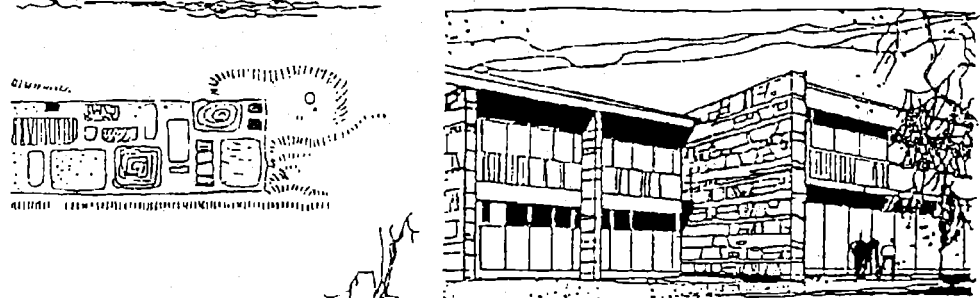
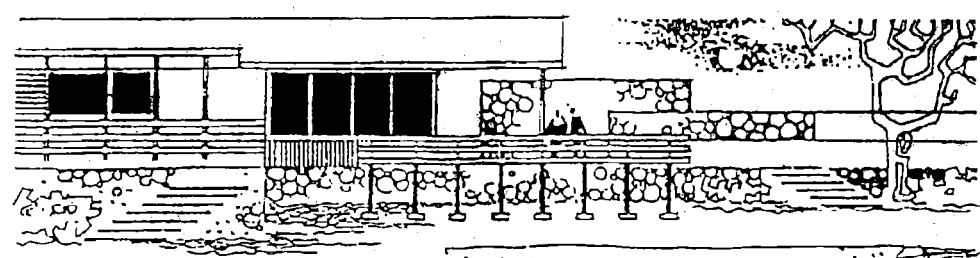
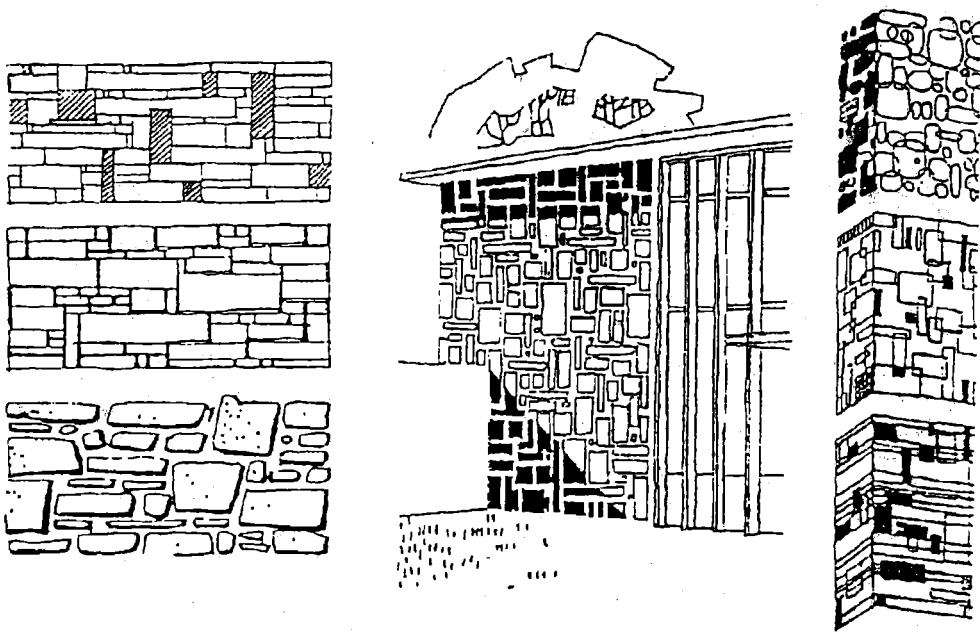
Bài tập 2



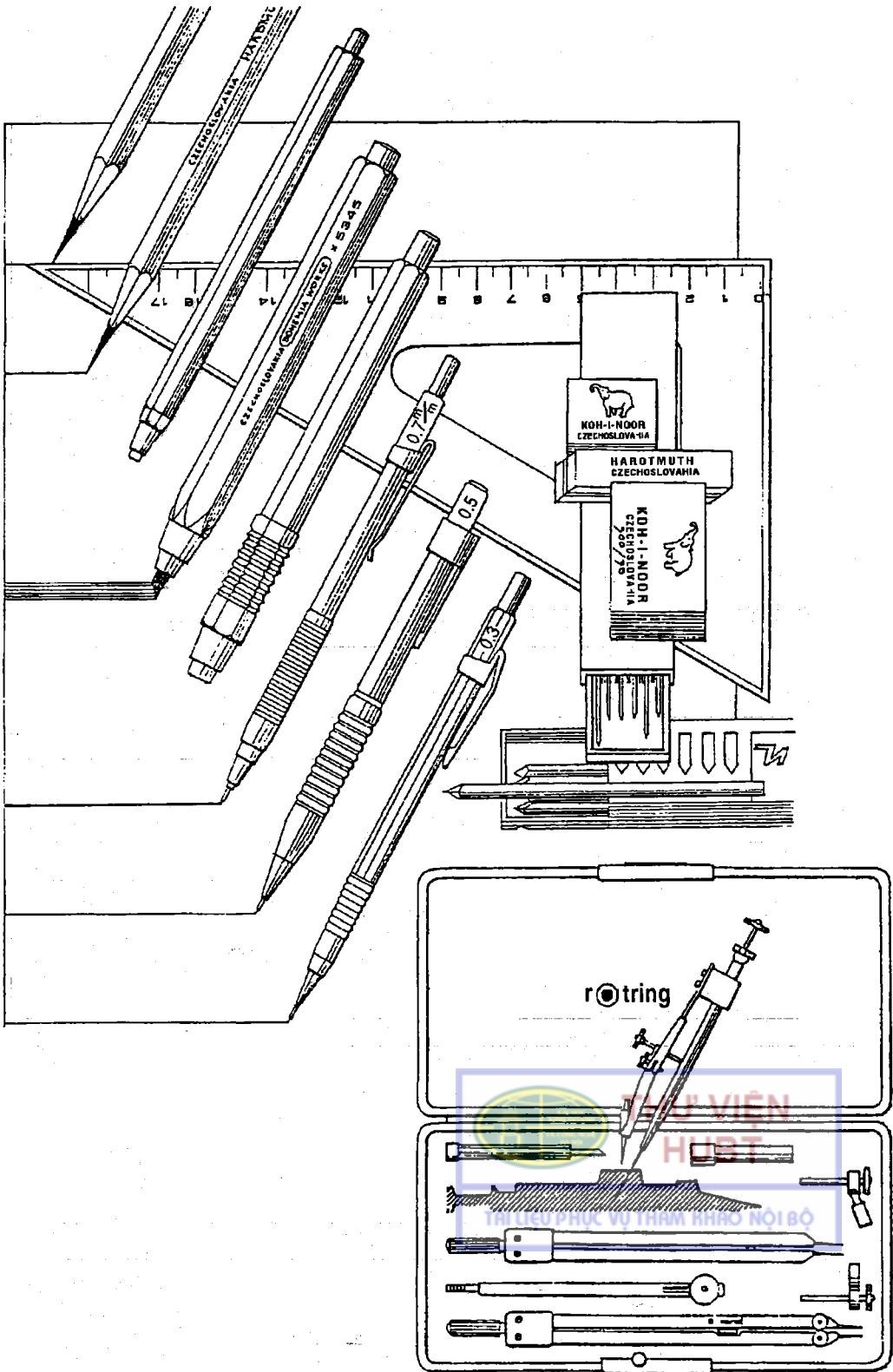
Chú ý : Yêu cầu xử lý chất liệu trên toàn mặt đứng.
Chọn cây trồng cho không gian trước mặt nhà.

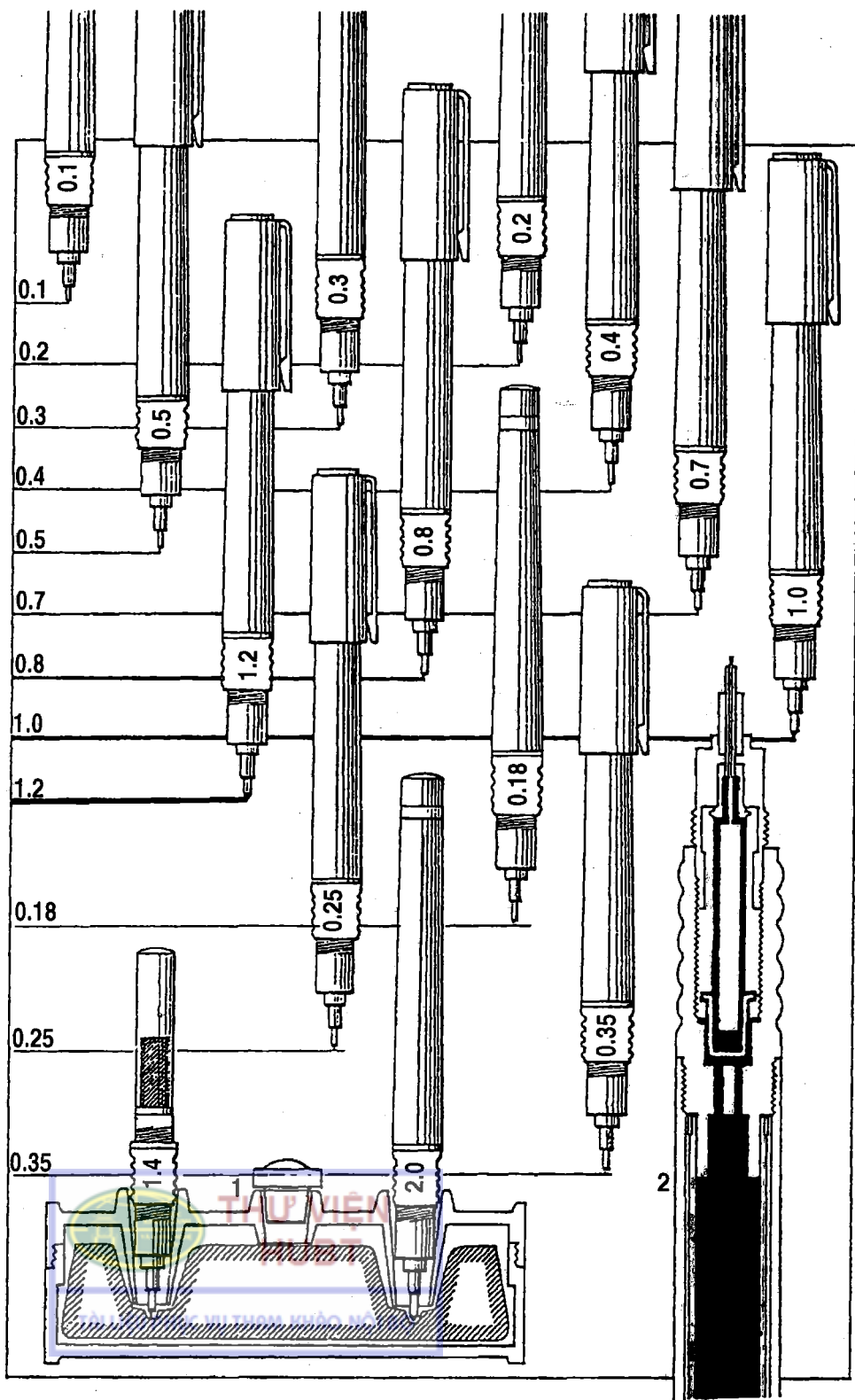
BÓNG TRÊN CÁC VẬT LIỆU - LUYỆN NÉT

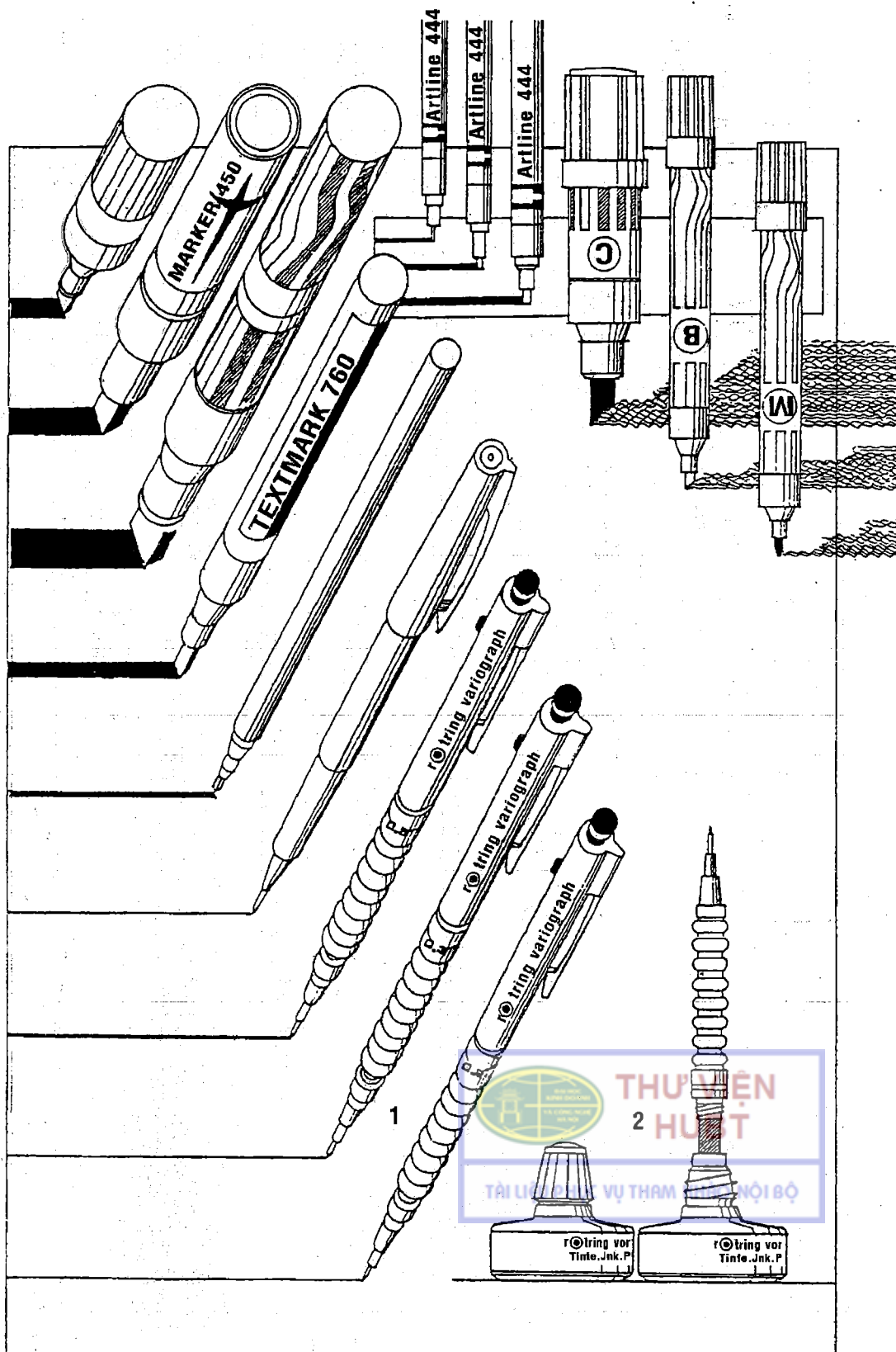


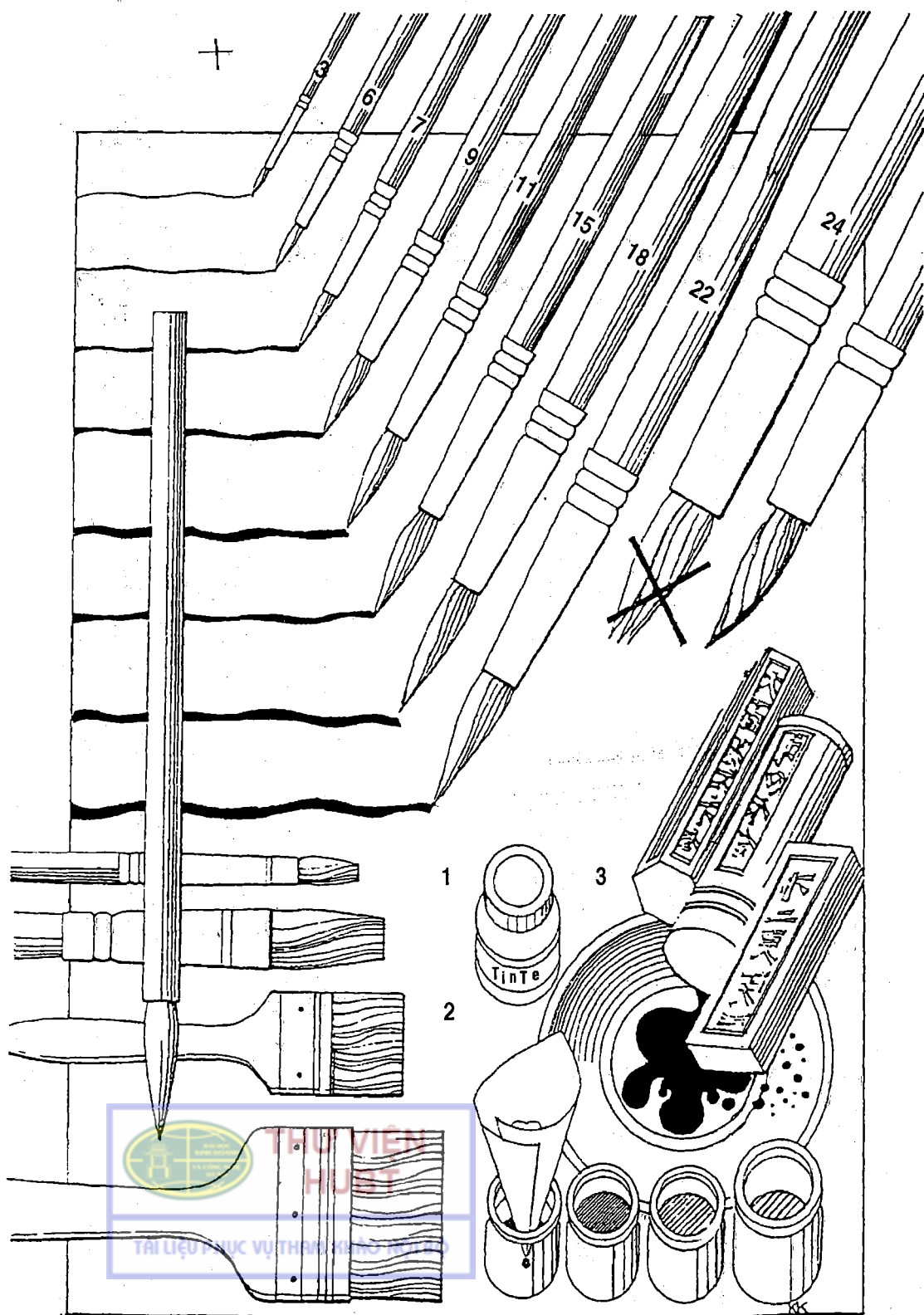


7. Họa cụ



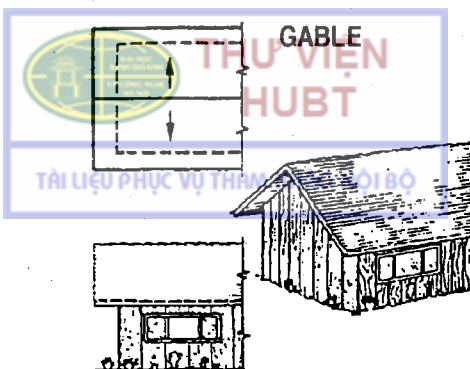
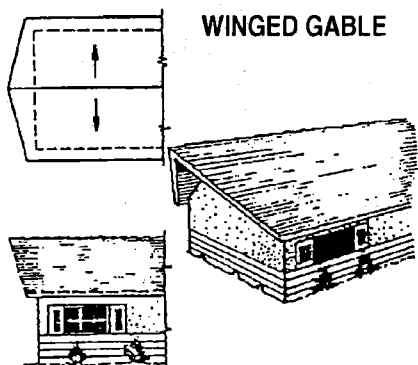
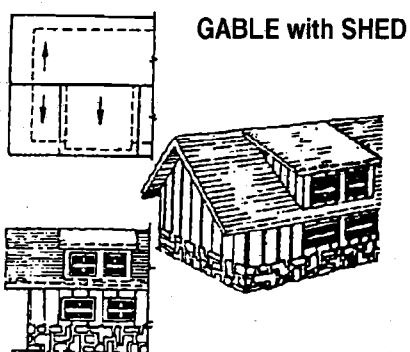
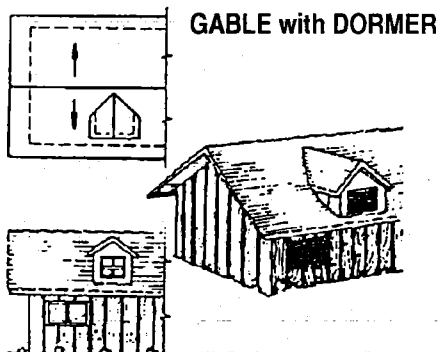
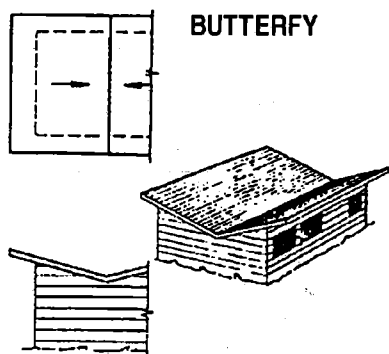
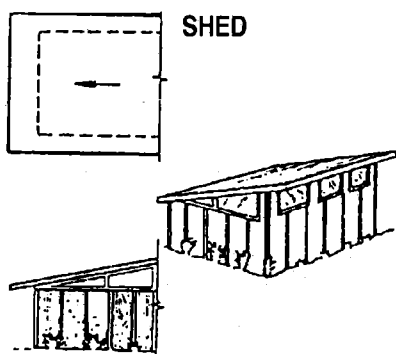
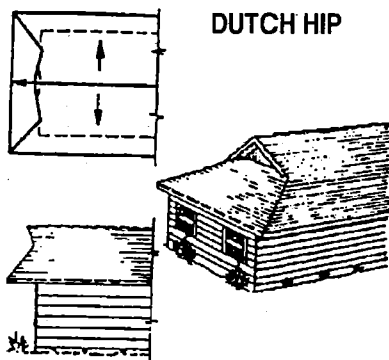
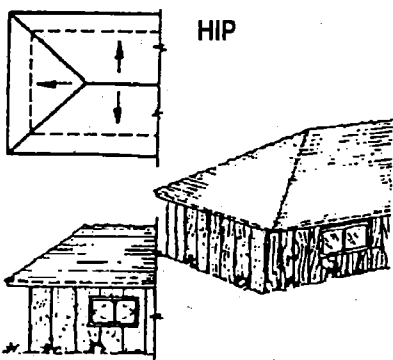


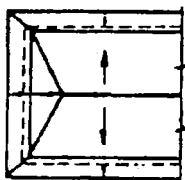




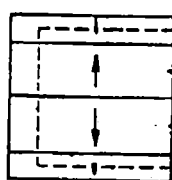
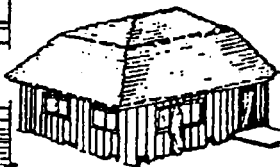
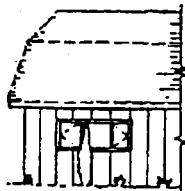
8. Mái nhà

a) Một số kiểu dáng

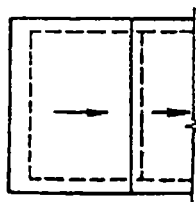
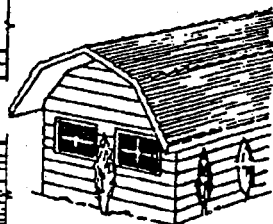
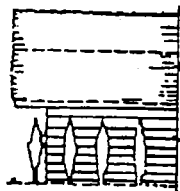




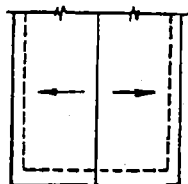
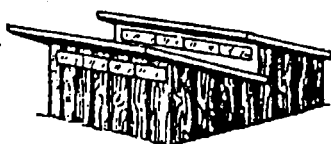
MANSARD



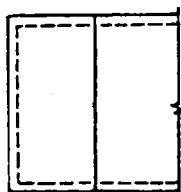
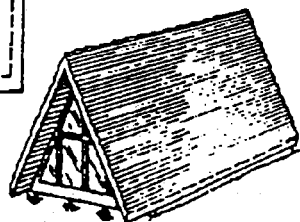
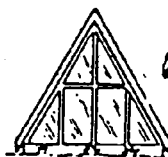
GAMBREL



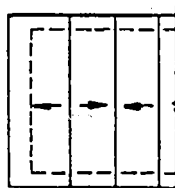
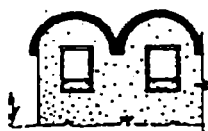
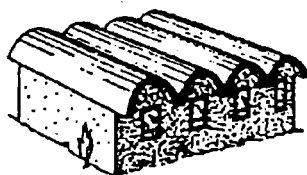
CLERESTORY



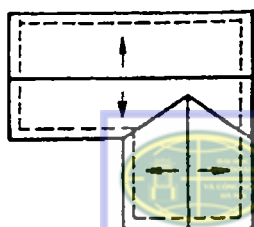
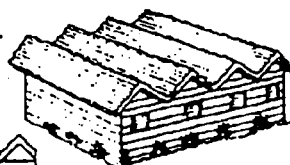
A - FRAME



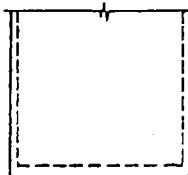
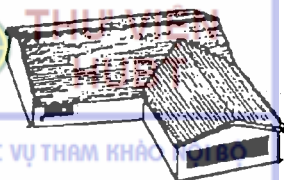
VAULTED



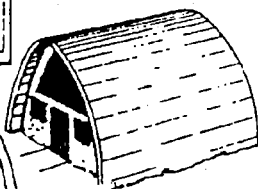
PLEATED

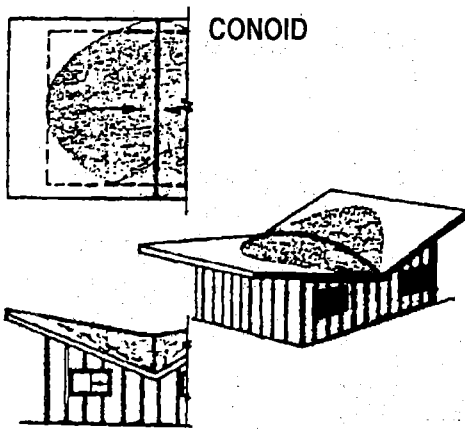


GABLE with VALLEY

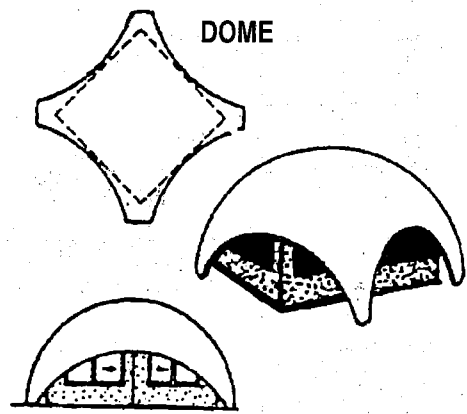


CYLINDRICAL
PARABOLOID

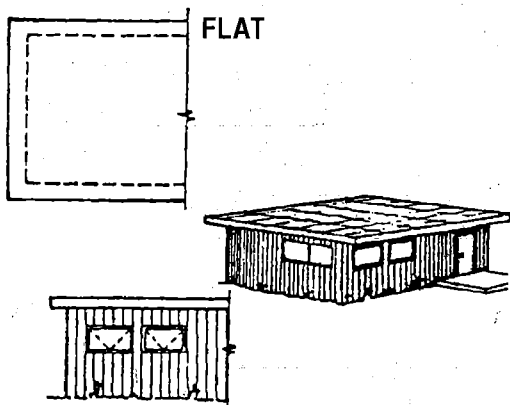




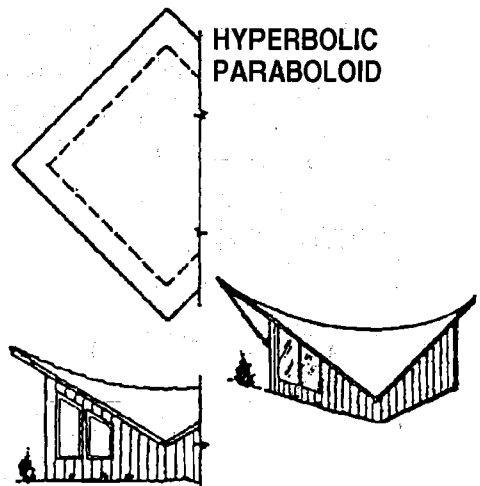
CONOID



DOME



FLAT



HYPERBOLIC
PARABOLOID

b) Những căn cứ để chọn kiểu dáng mái nhà

1. Điều kiện khí hậu

Tác dụng của mái nhà để che nắng, che mưa, chống nóng bức xạ mặt trời, chống lạnh của thời tiết, v.v...

2. Yêu cầu của công năng

3. Yêu cầu độ vĩnh cửu, khả năng cung cấp vật tư kỹ thuật

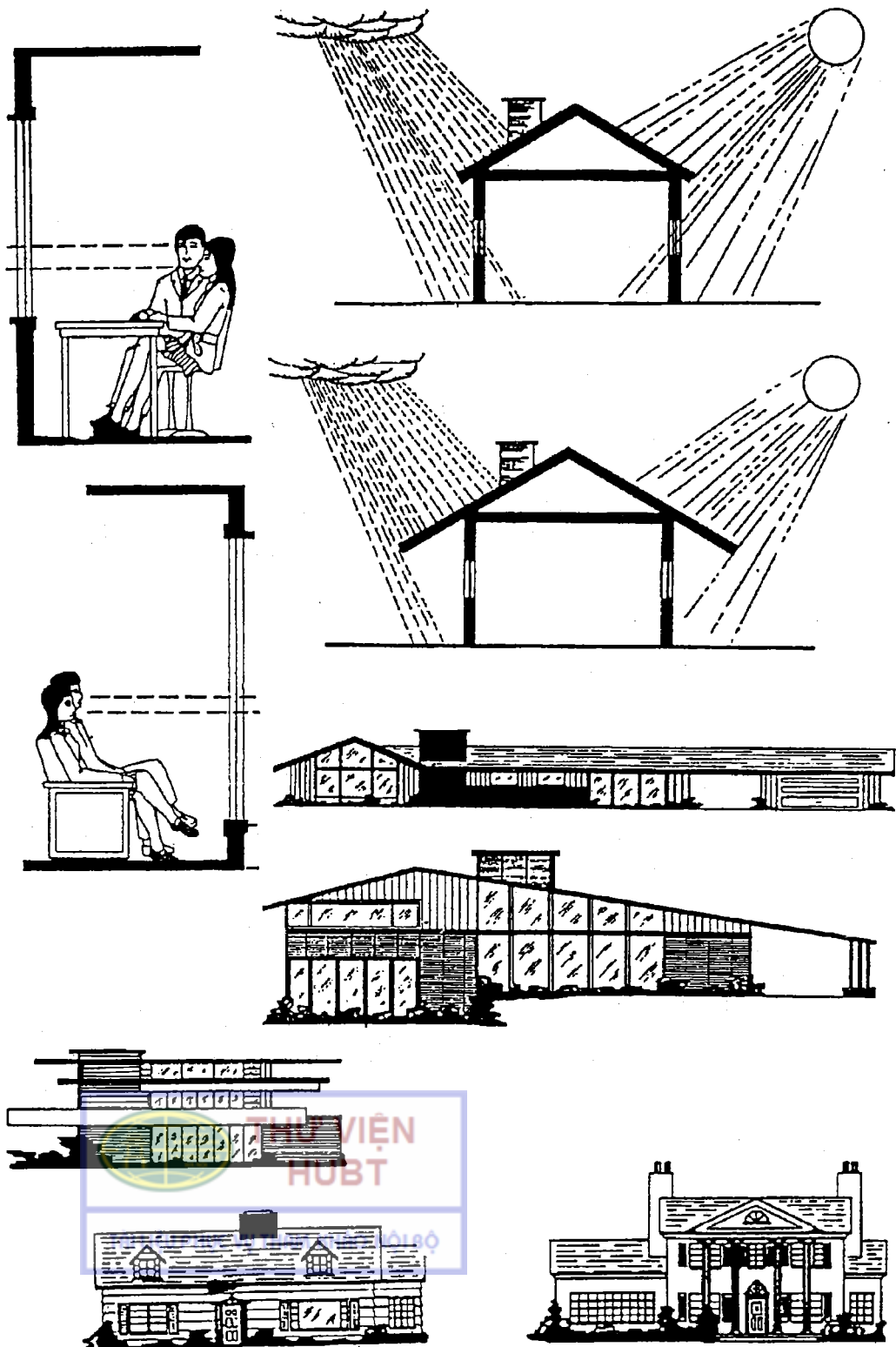
4. Điều kiện kinh tế

5. Tổ hợp thẩm mỹ mặt đứng kiến trúc



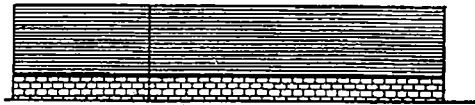
c) Lựa chọn kiểu dáng mái

Tổ chức thẩm mỹ mặt đứng kiến trúc

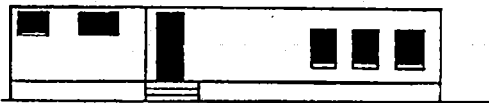




- * Mái dốc lớn
- * Mái vươn ra hẹp



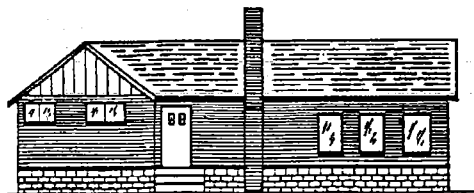
- * Phân đoạn mặt đứng
- * Tường bao thấp



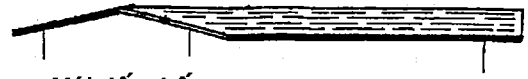
- * Bố trí cửa đi, cửa sổ



- * Thêm ống khói hẹp cao



... SUM TOTAL



- * Mái dốc thấp
- * Mái đưa ra lớn



- * Chia 2 đoạn mặt đứng
- * Mặt tường cao



- * Bố trí cửa sổ nằm, cửa sổ đứng, cửa đi

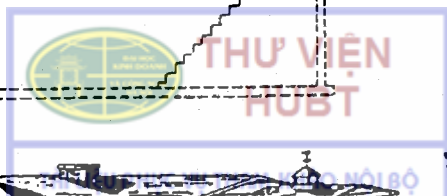
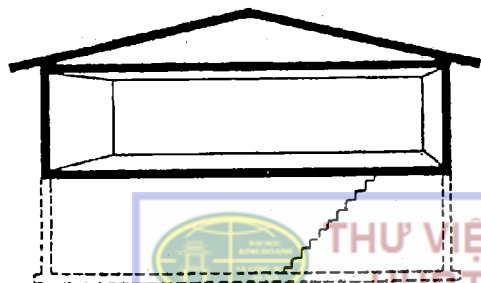
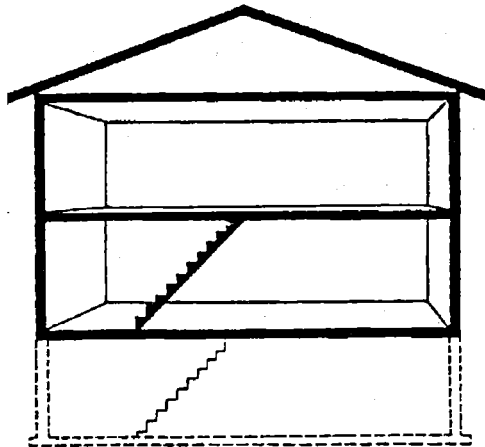
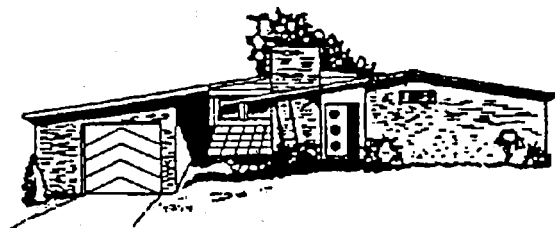
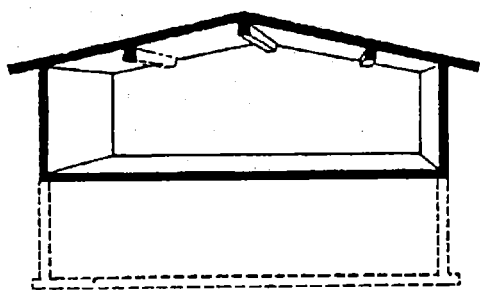
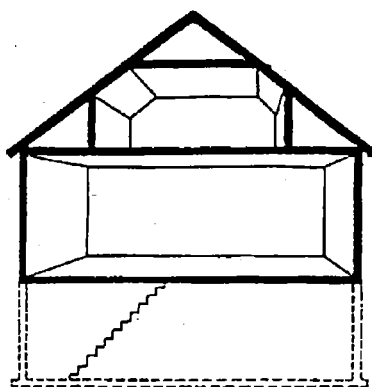
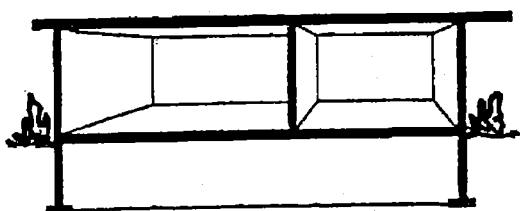


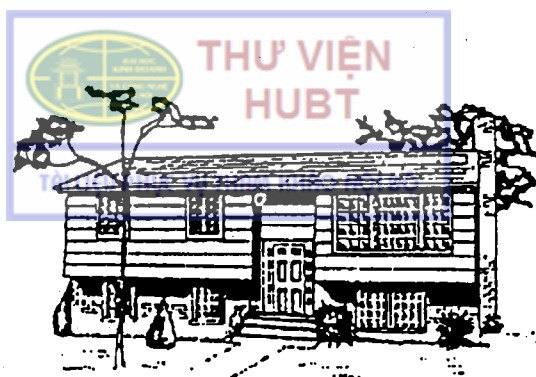
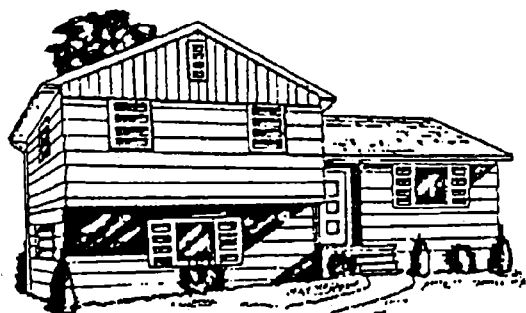
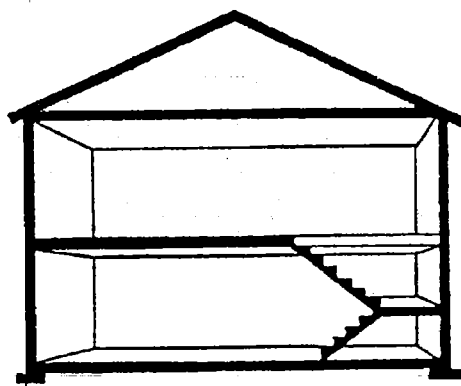
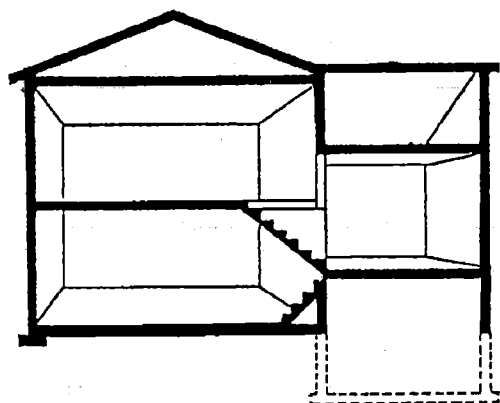
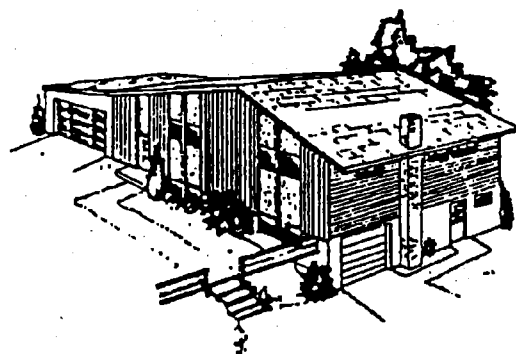
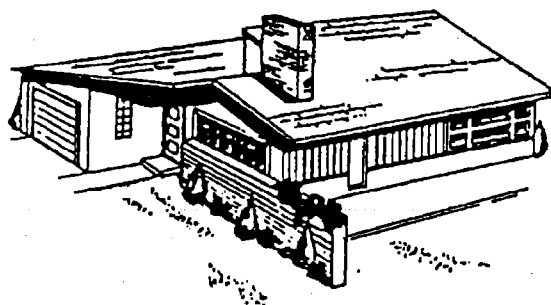
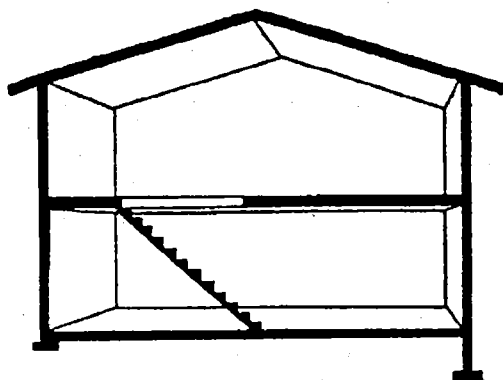
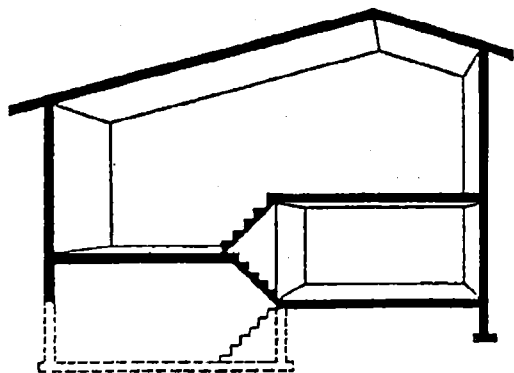
- * Ống khói rộng nối liền với chân tường

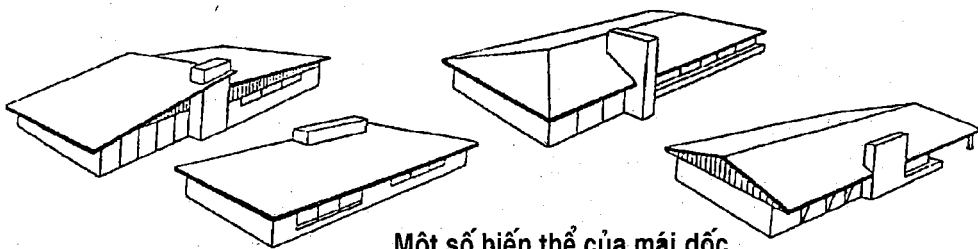


... SUM TOTAL

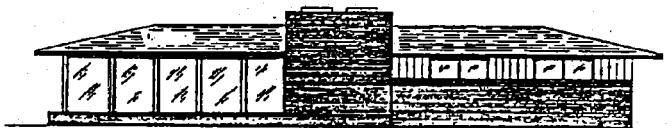
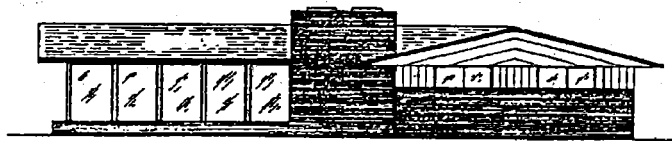
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



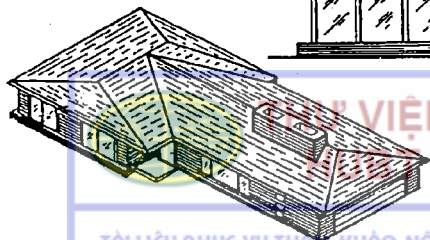
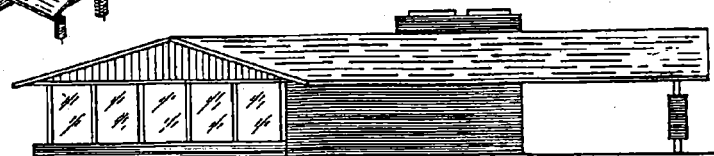
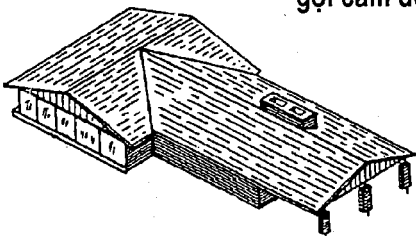


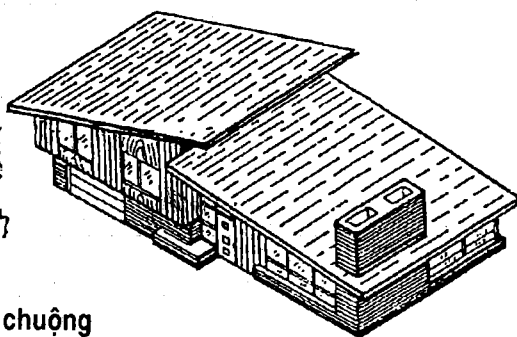
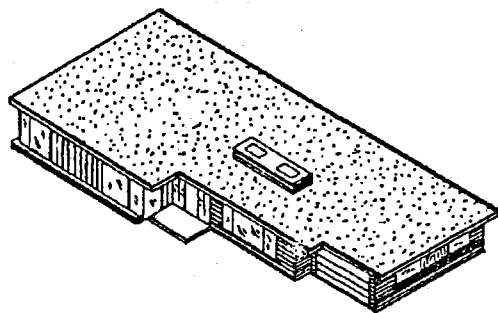
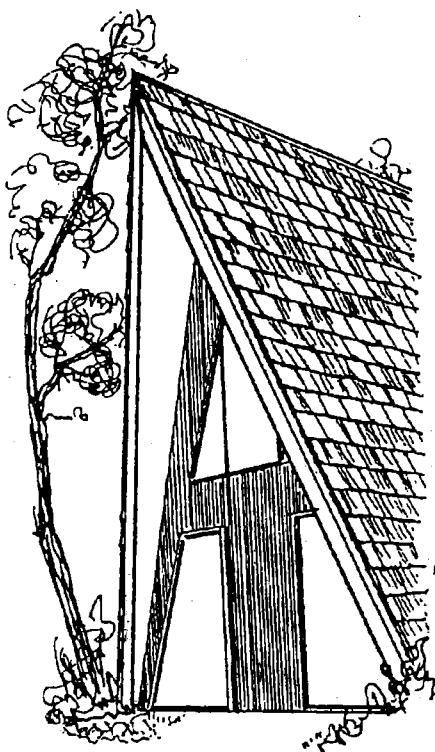


Một số biến thể của mái dốc

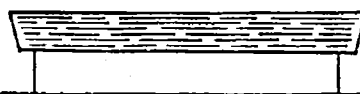
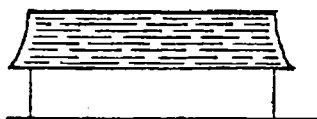
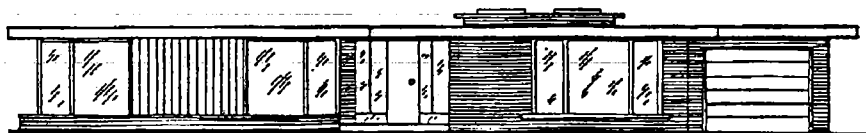


Kiểu dáng của mái dốc rất phong phú, và cũng rất gợi cảm do đó nhiều người ưa thích





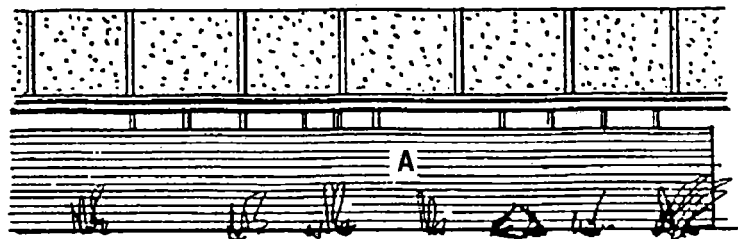
Kiểu đầu hồi rất được ưa chuộng



9. Cân bằng - Trung hòa - Nhấn mạnh

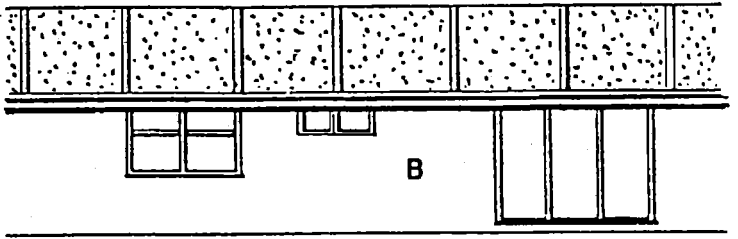
Mái dốc

Mặt trước yêu cầu kín

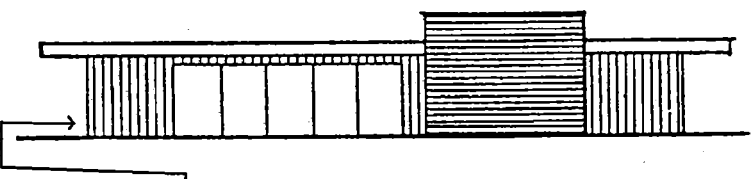


Mái dốc

Mặt trước có cửa



Thêm vào để cân bằng



BỐ CỤC CÂN BẰNG



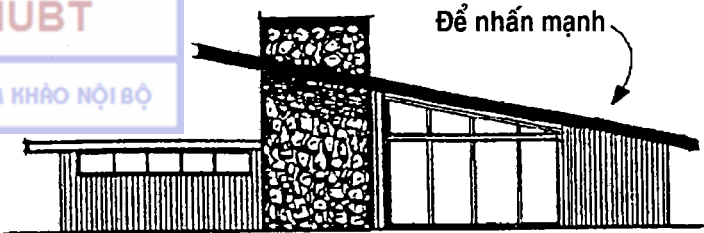
Thêm vào để cân bằng



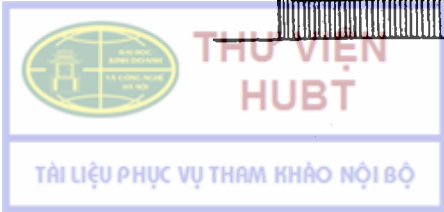
Để trung hoà, không phải nhấn mạnh



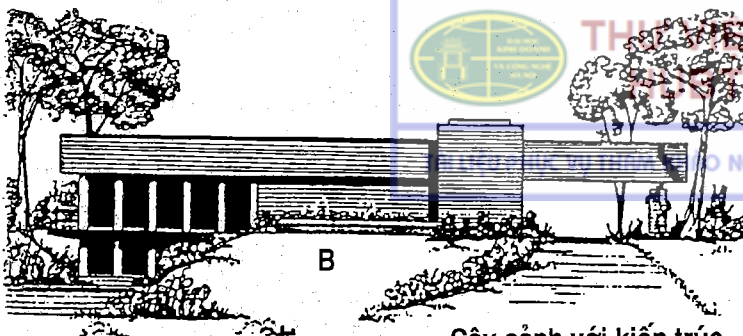
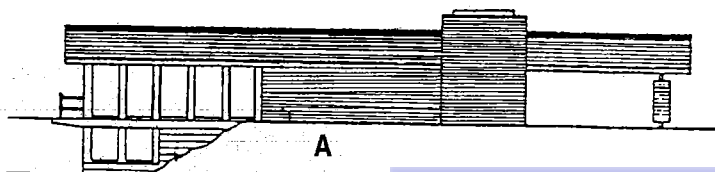
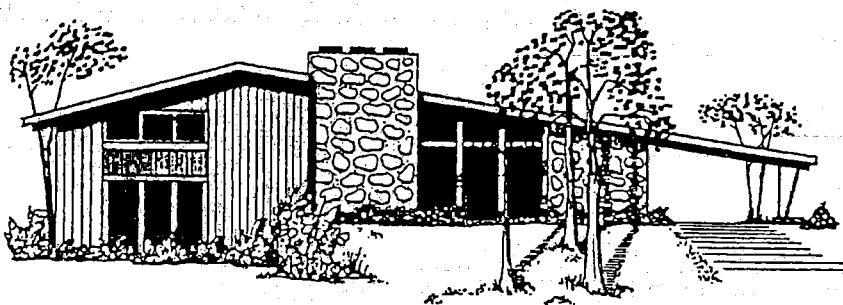
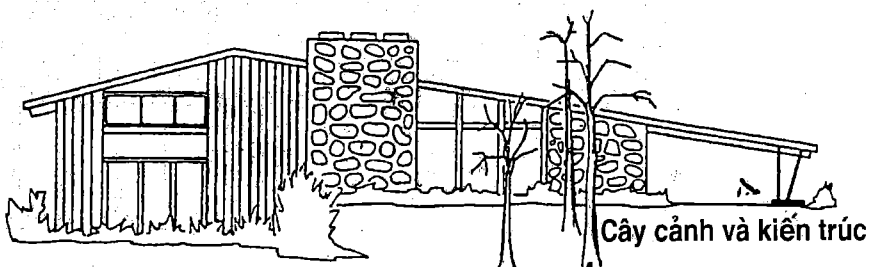
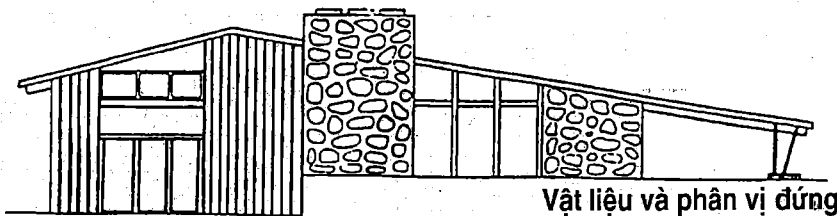
Để nhấn mạnh



TRUNG HOÀ VÀ NHẤN MẠNH

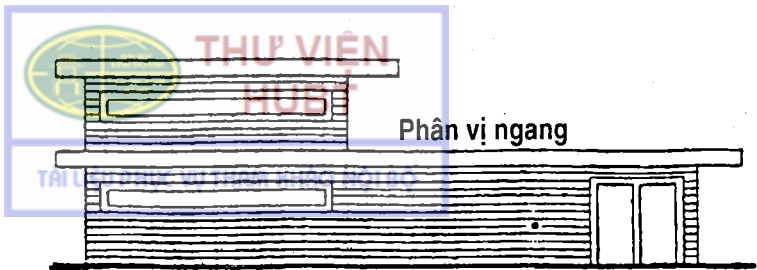
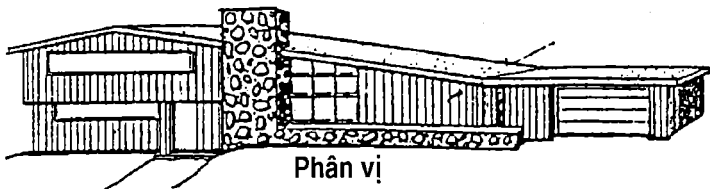
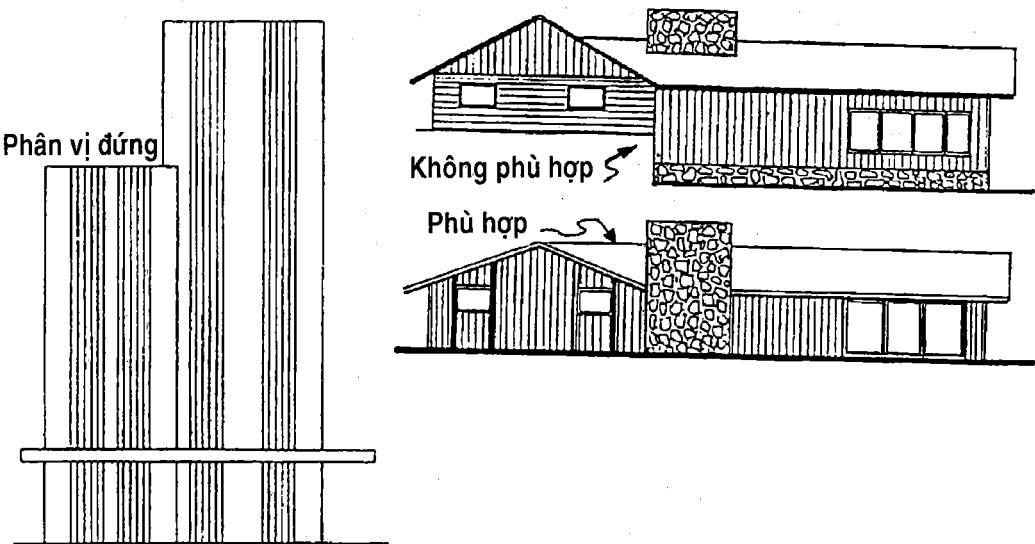
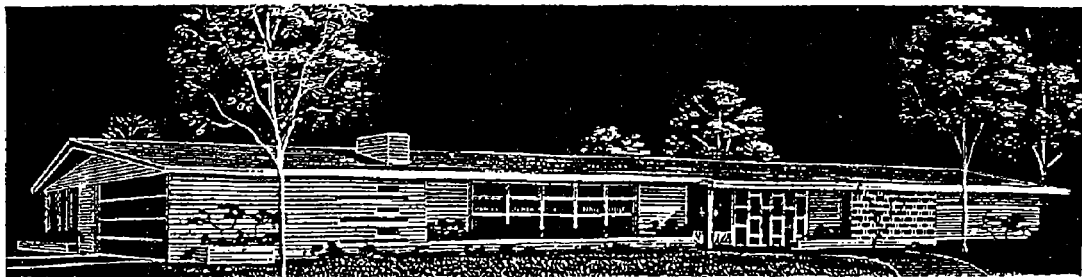


PHÂN VỊ – CÂY CẢNH

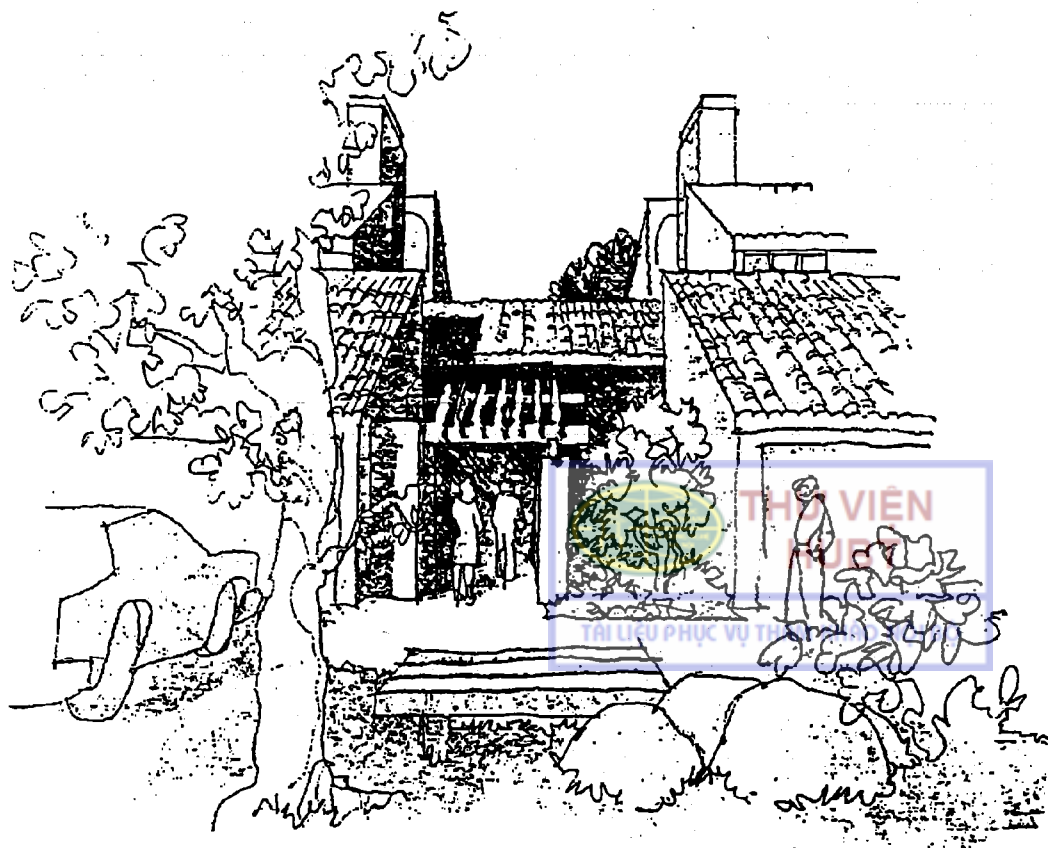


Cây cảnh với kiến trúc

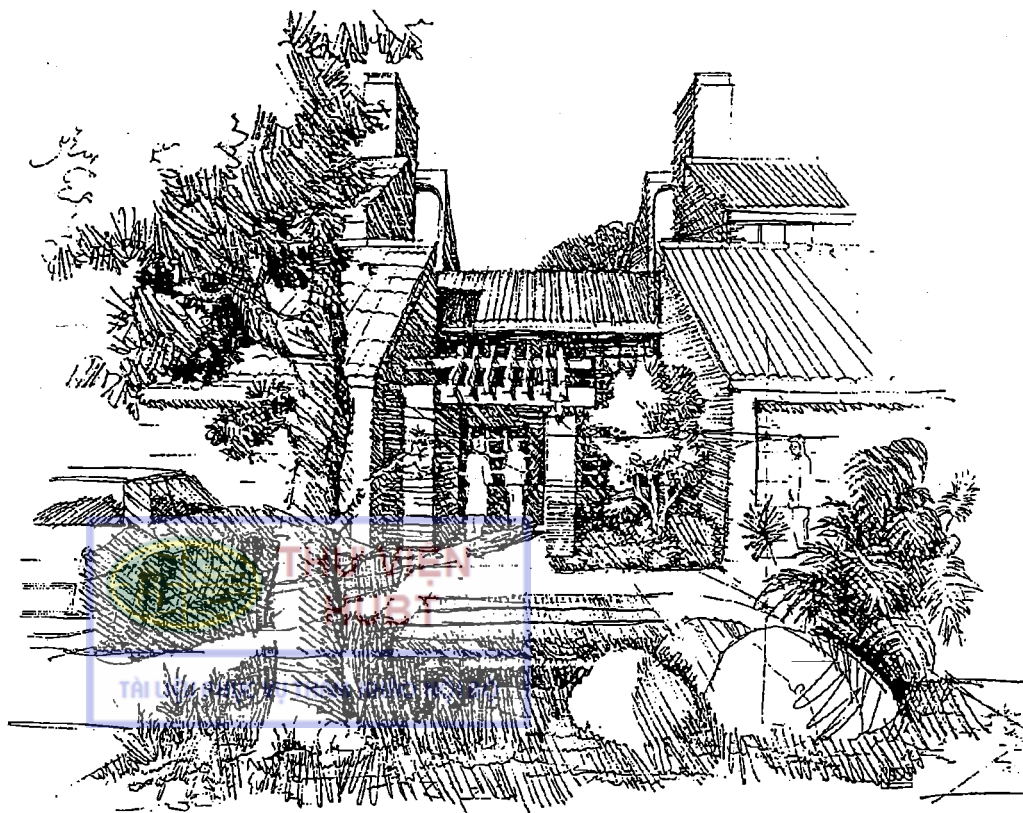
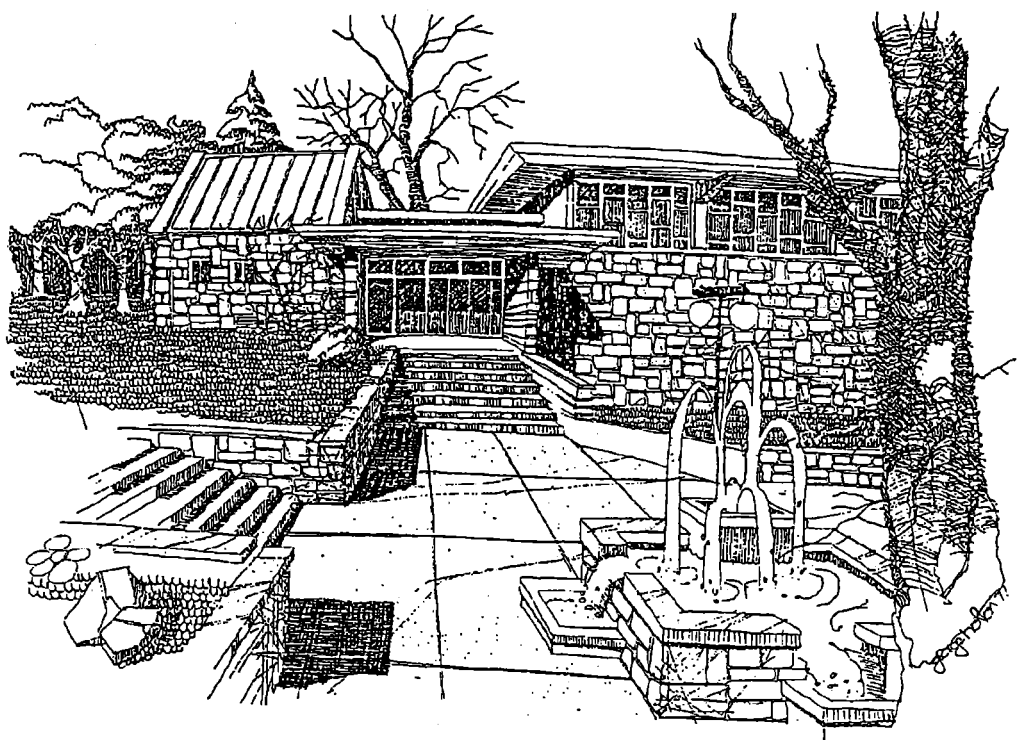
PHÂN VỊ BẰNG SỬ DỤNG VẬT LIỆU

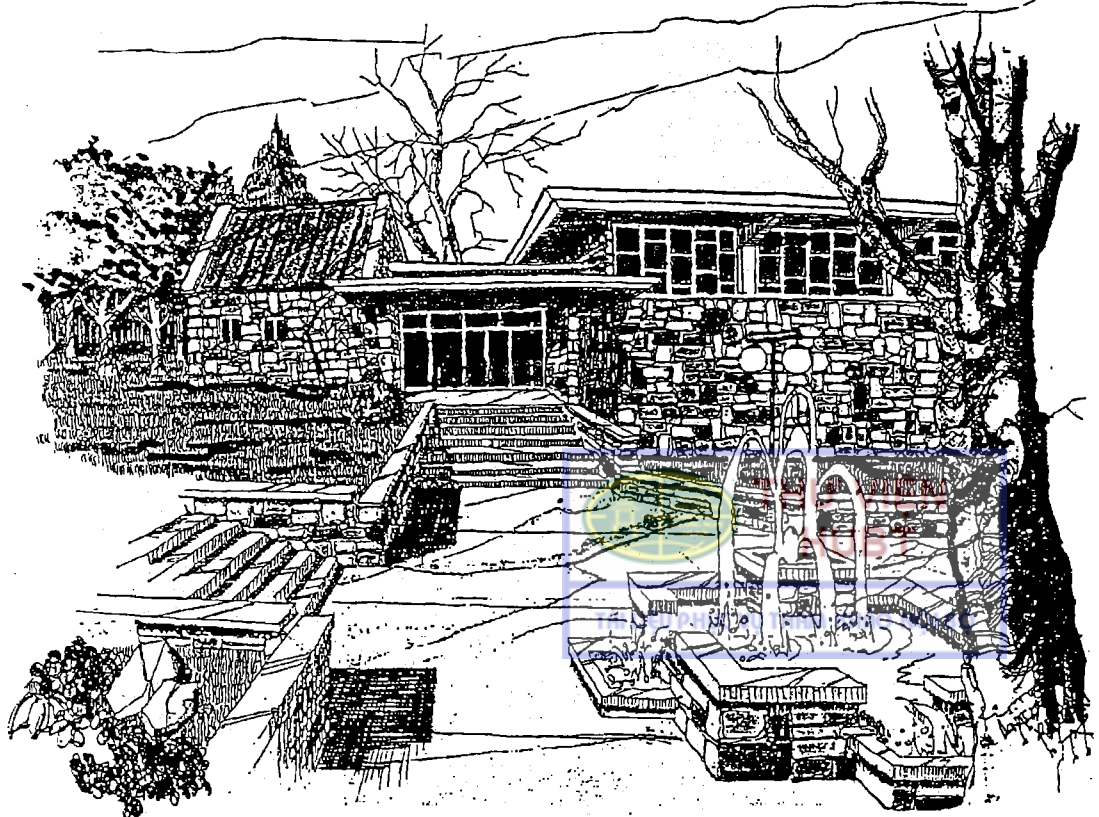
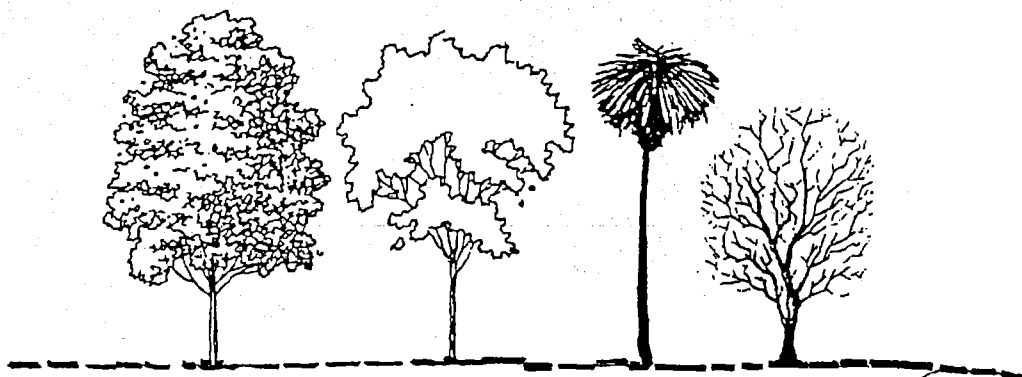
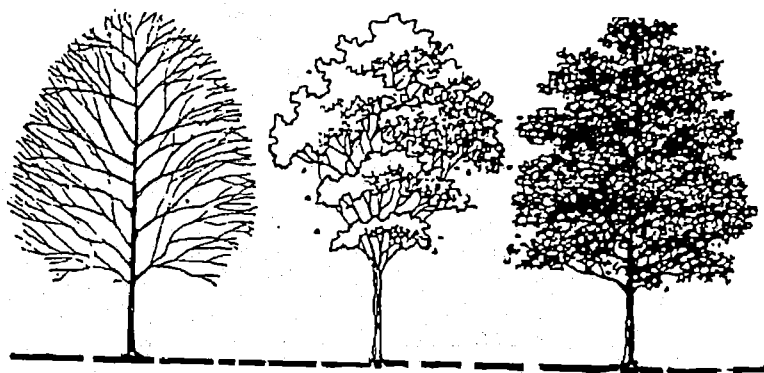


LUYỆN NÉT 1
BÚT CHÌ

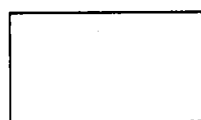
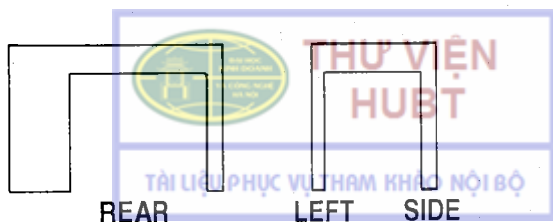
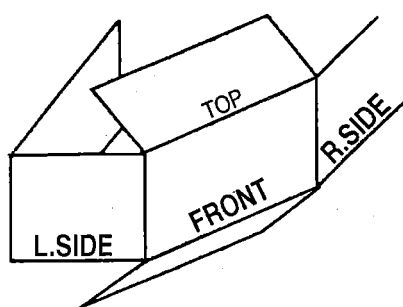
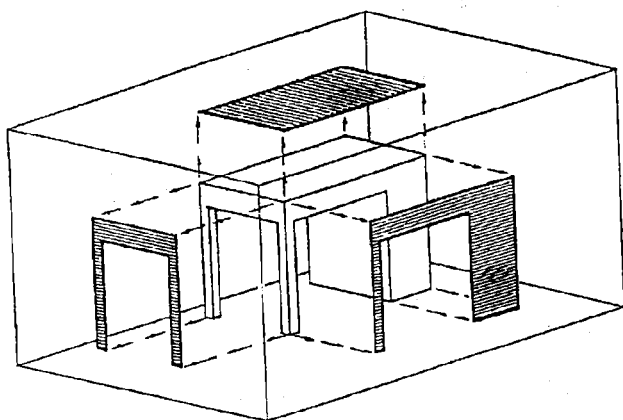
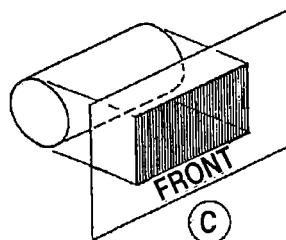
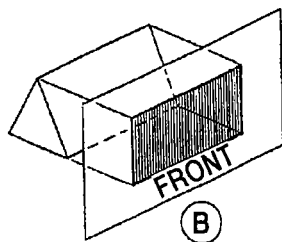
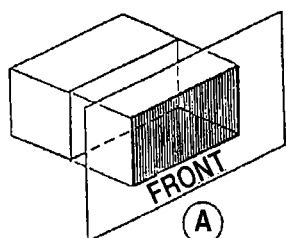


LUYỆN NÉT 2

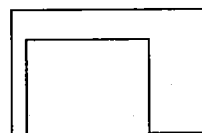




10. Phép chiếu thẳng góc



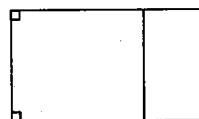
TOP



FRONT



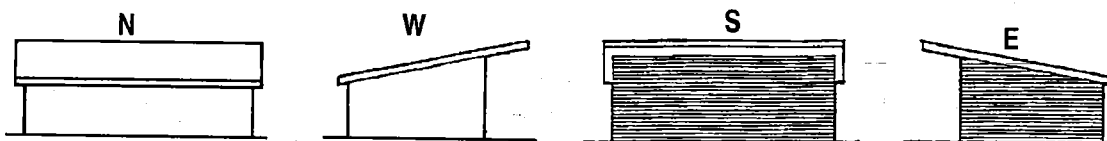
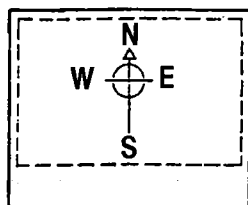
R.SIDE



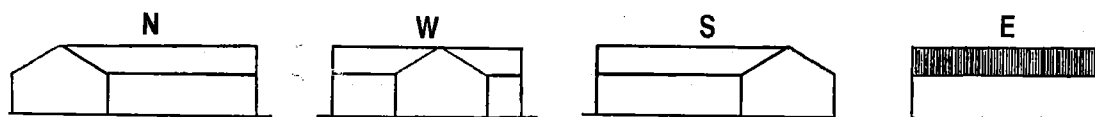
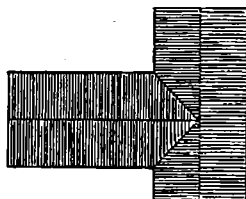
BOTTOM

BÀI TẬP

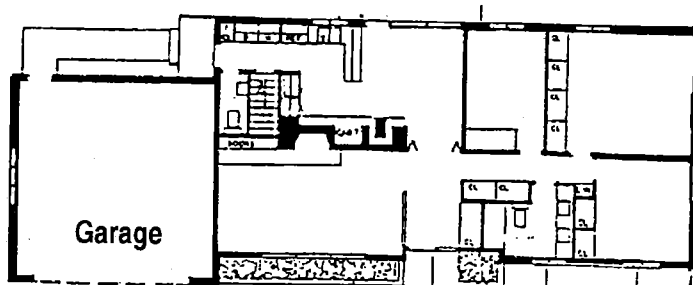
MẶT BẰNG MÁI



MẶT BẰNG MÁI



MẶT ĐỨNG

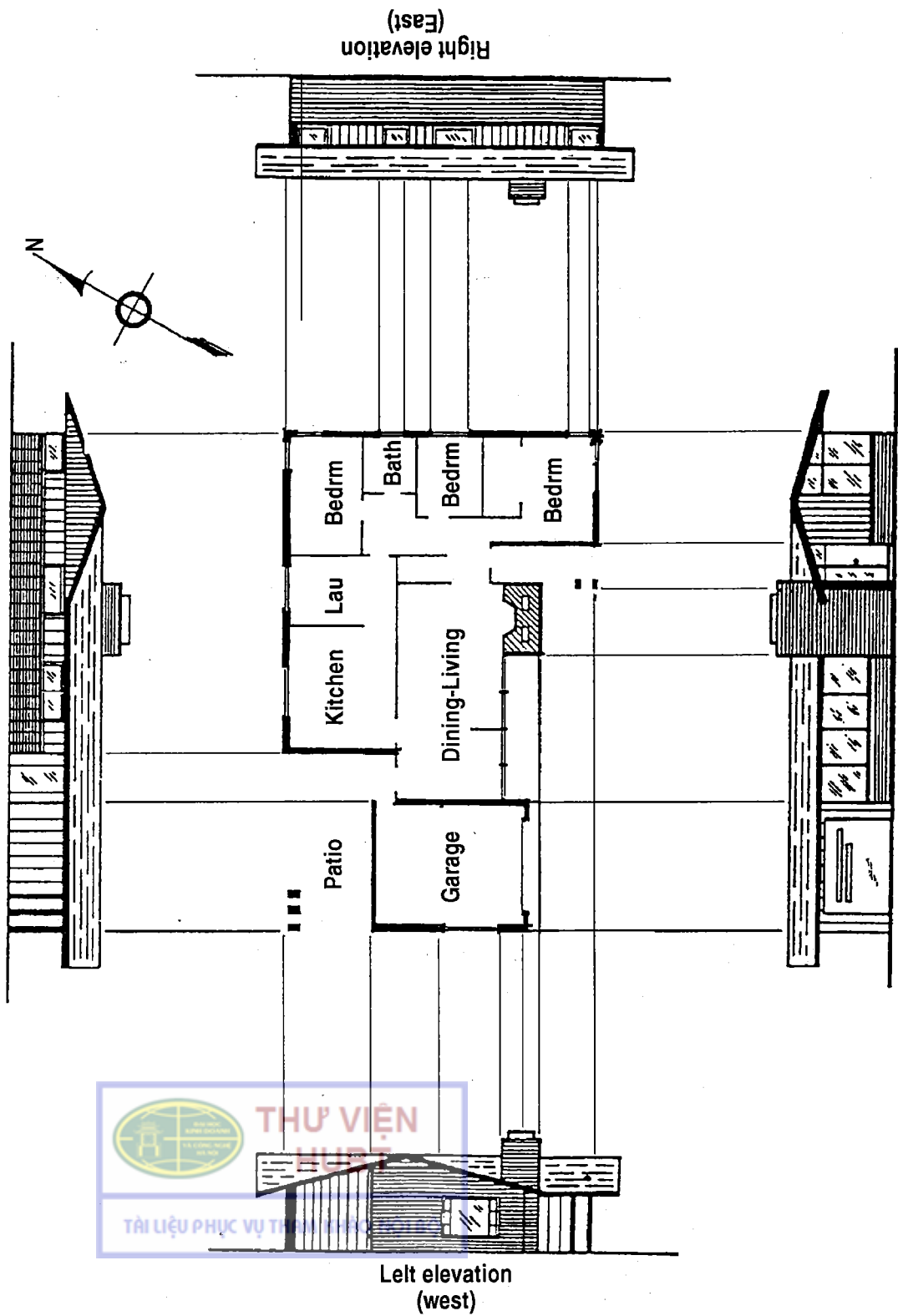


MẶT ĐỨNG 1

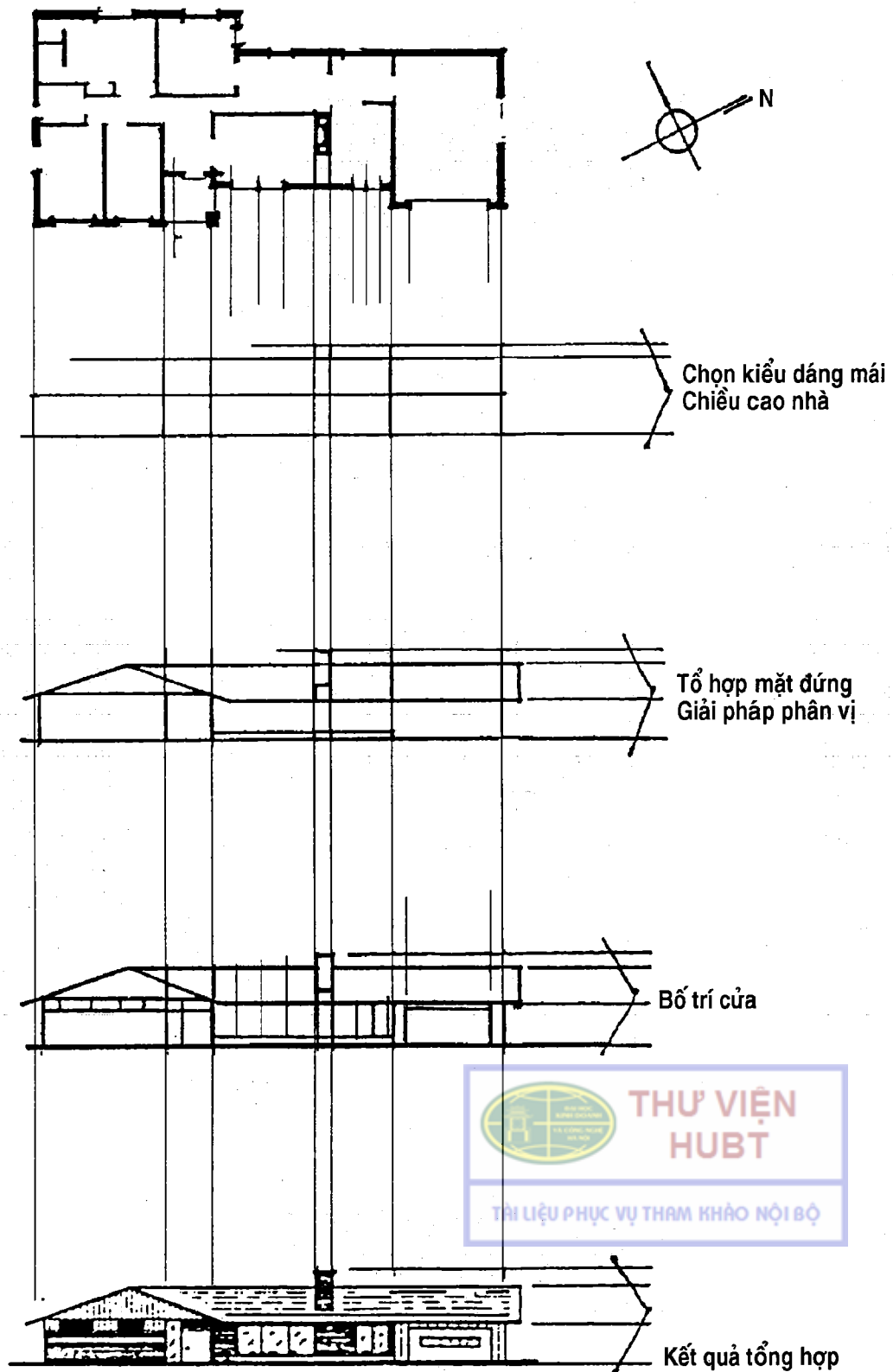


MẶT ĐỨNG 2

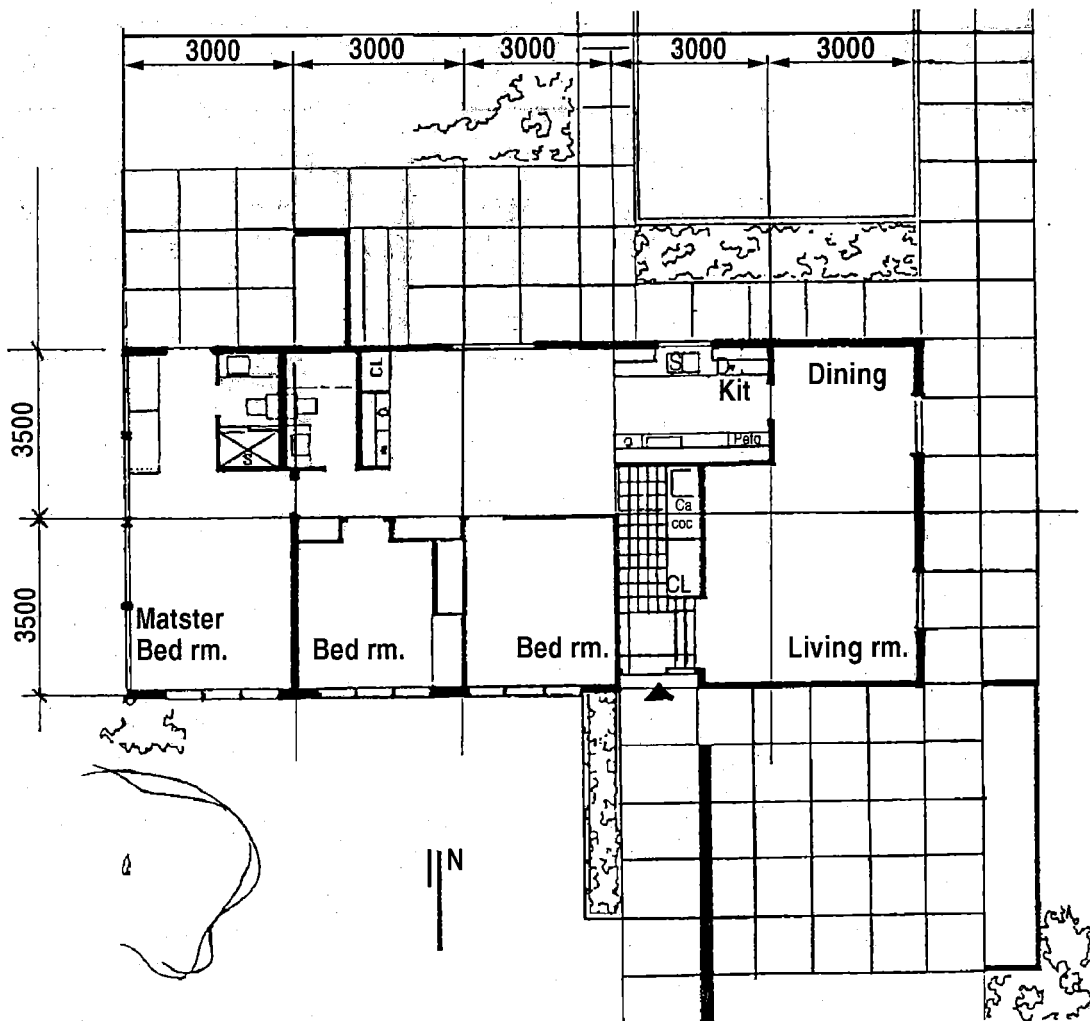




11. Tổ chức thẩm mỹ mặt đứng kiến trúc



BÀI TẬP



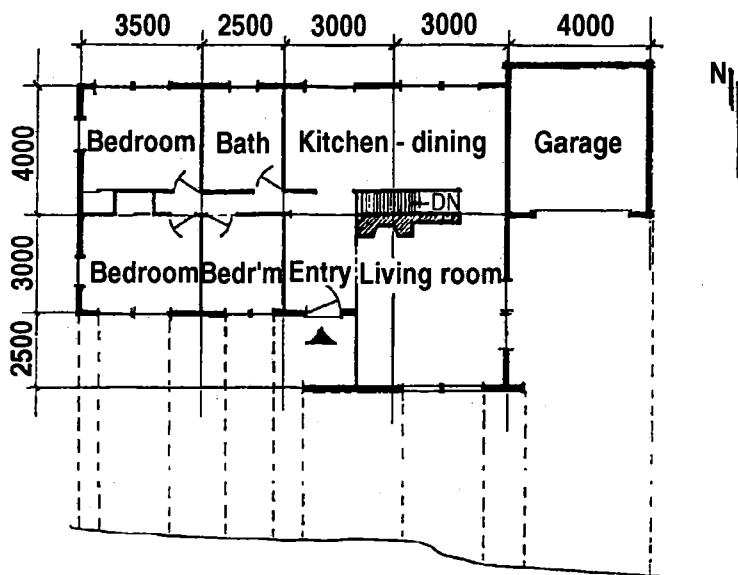
Sinh viên dựng mặt đứng hướng Bắc (N)

Mái nhà tự chọn (có thể mái bằng, có thể mái dốc)

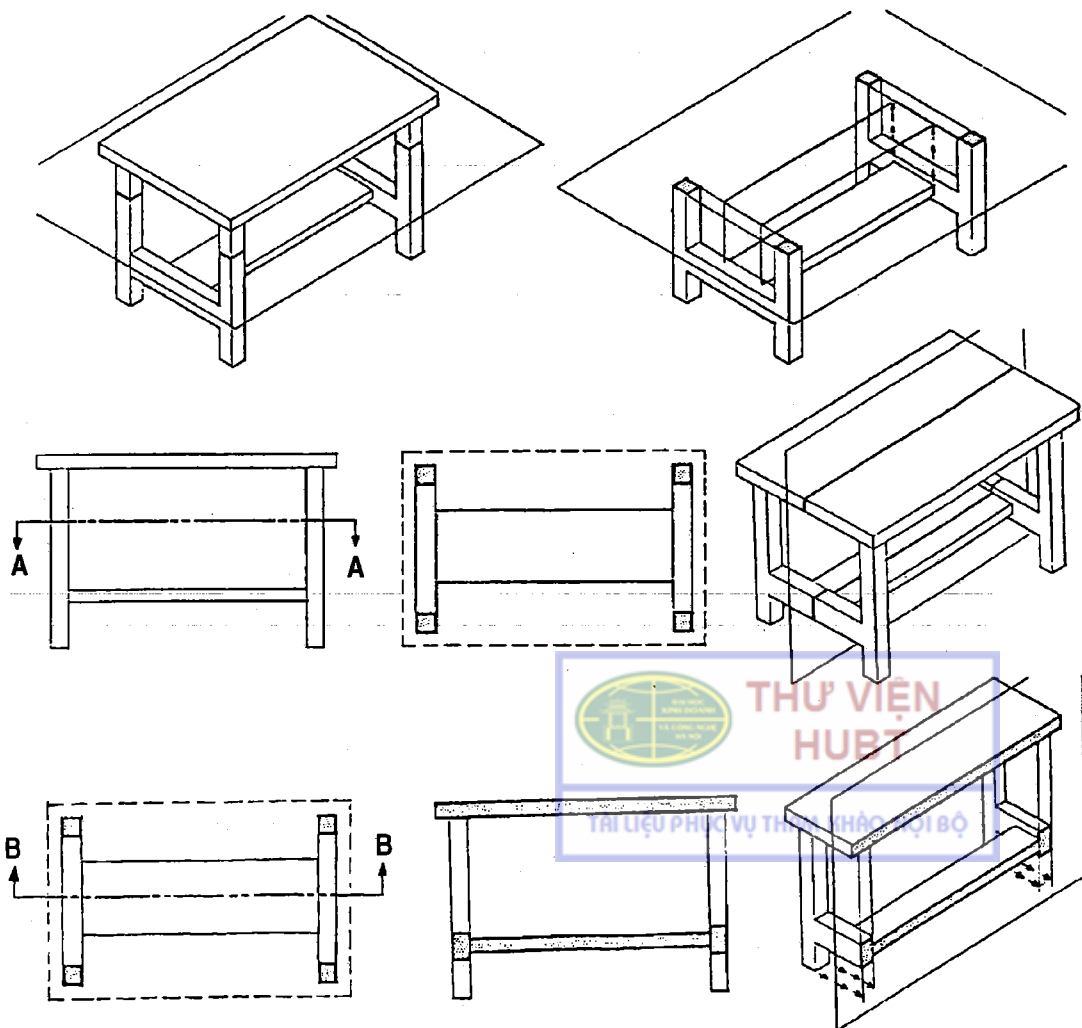
BÀI TẬP

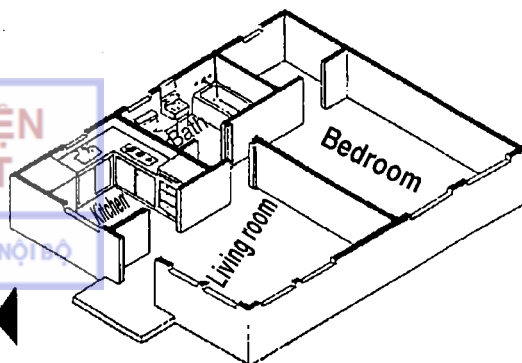
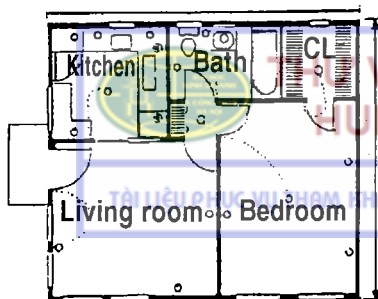
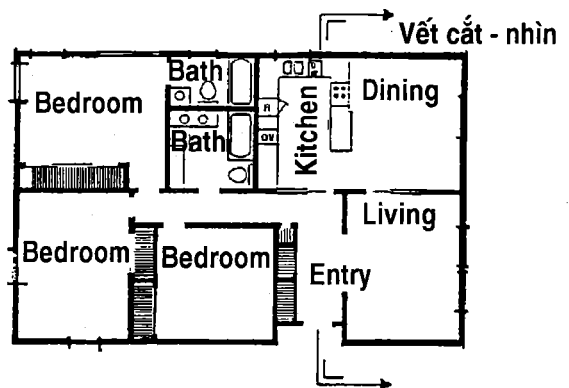
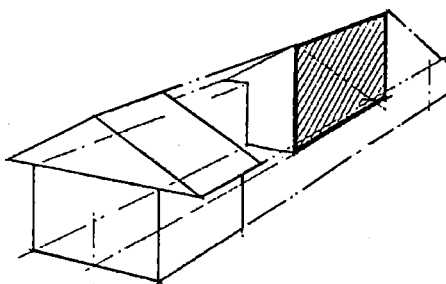
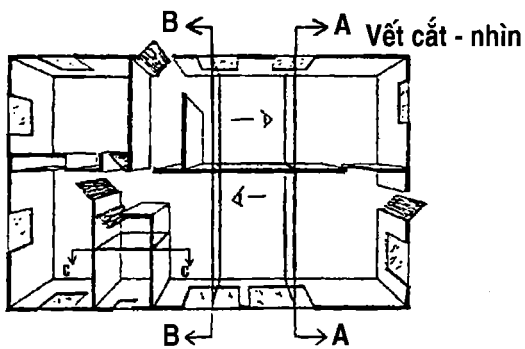
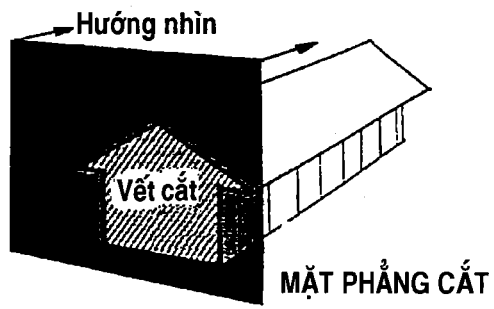
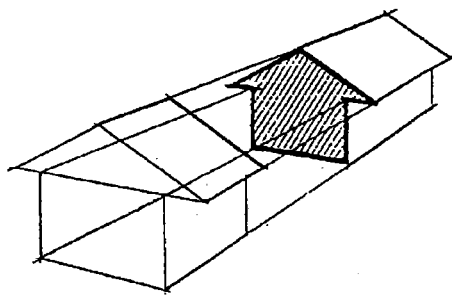
Sinh viên tự chọn
kiểu dáng mái bằng

Dựng mặt đứng trên
4 hướng N.S.W... Tỷ lệ
1/200

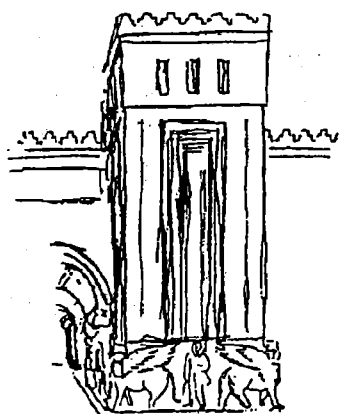


12. Vết cắt - mặt cắt

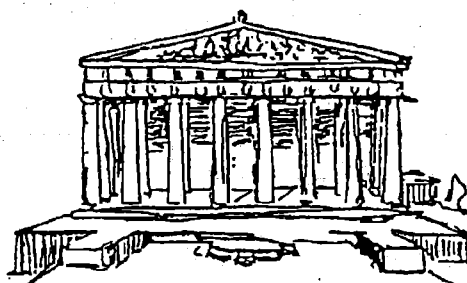
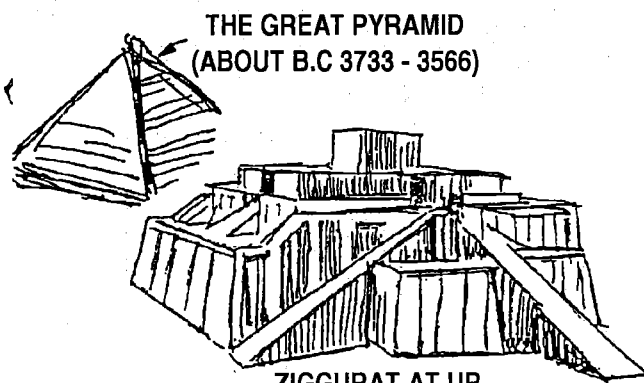




13. Lịch sử phát triển kiến trúc



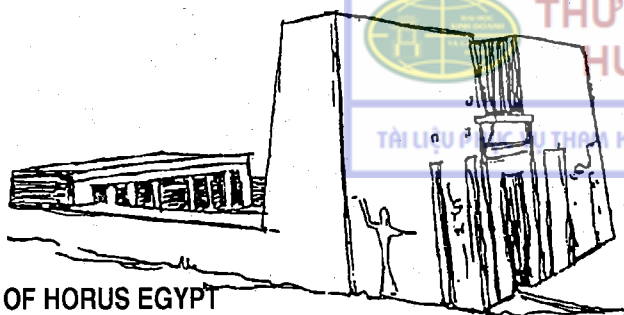
GATEWAY, PALACE OF
SARGOM.KHORSABAC
(B.C 722 - 705)



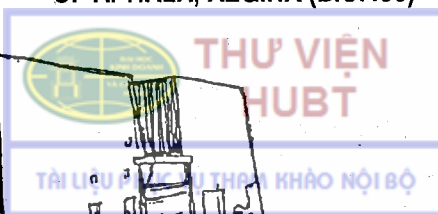
THE PATHENON ATHENS
(B.C 447 - 432)

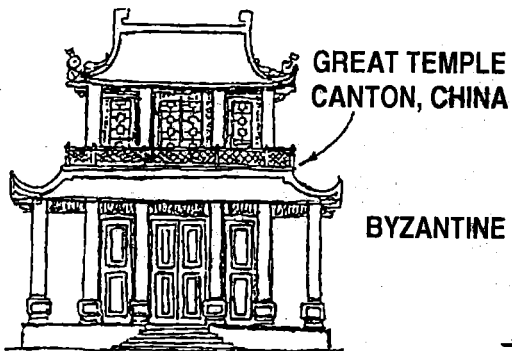


PART OF PEDIMENT TEMPLE
OF APHALA, AEGINA (B.C.490)

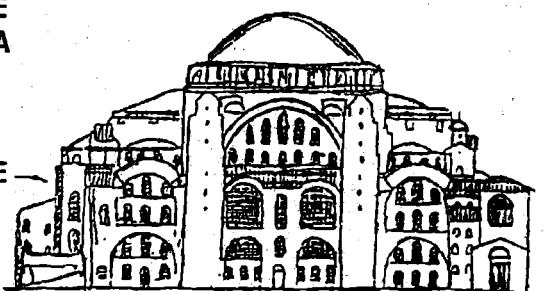


TEMPLE OF HORUS EGYPT
(B.C.237 - 242)

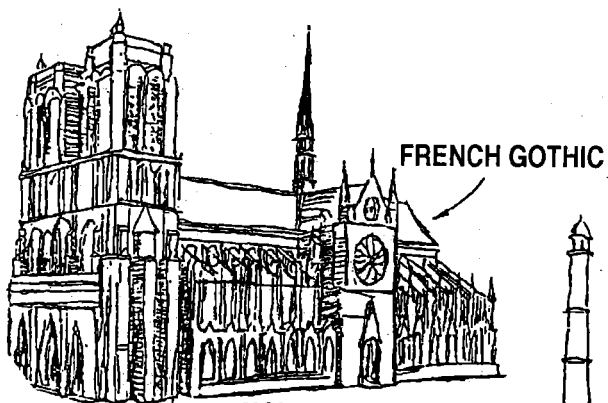




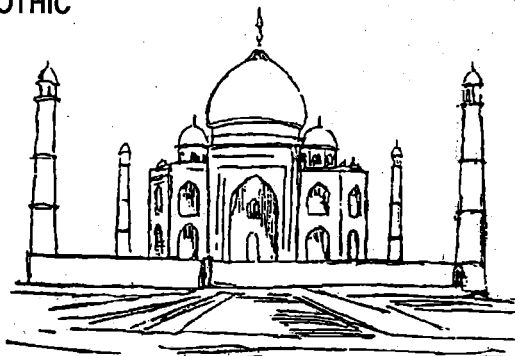
BYZANTINE



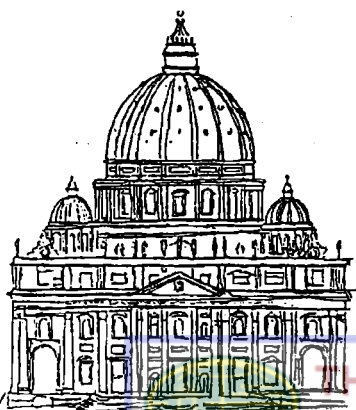
SAINT SOPHIA, ISTANBUL (A.D.532 - 537)



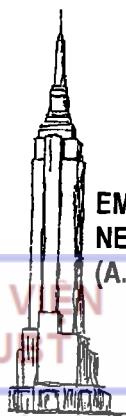
NOTRE DAME, PARIS
(3 - 1235)



TAJ MAHAL, AGRA, INDIA (A.D.1630 - 1653)

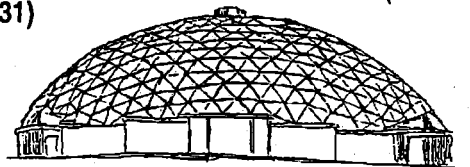


SAINT PETER'S, ROME
(A.D.1506 - 1626)
ITALIA RENAISSANCE



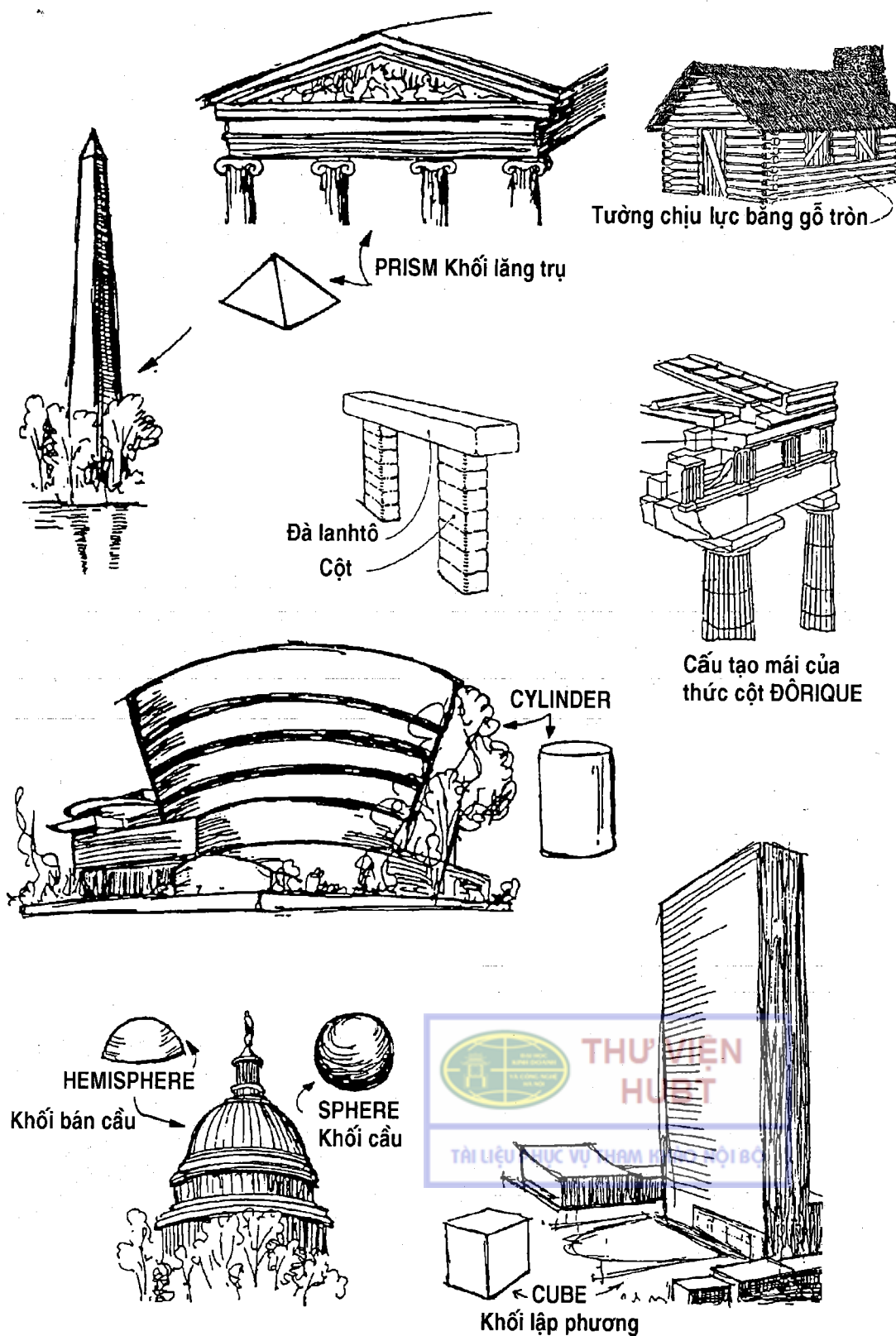
EMPIRE STATE BLDG
NEW YORK CITY
(A.D.1931)

FULLER'S GEODESIC DOME
BATON ROUGE (A.D.1951)

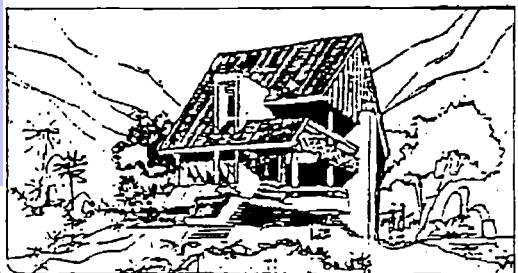
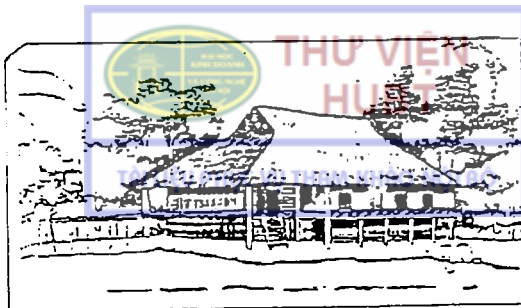
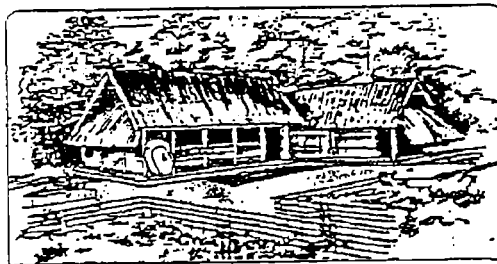
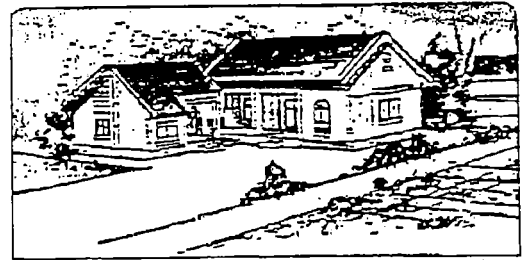
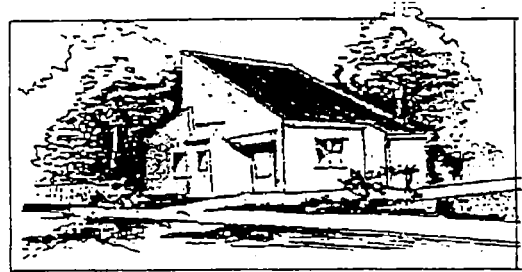
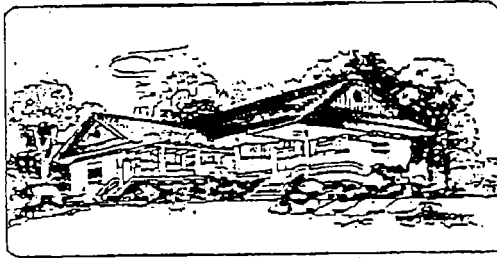
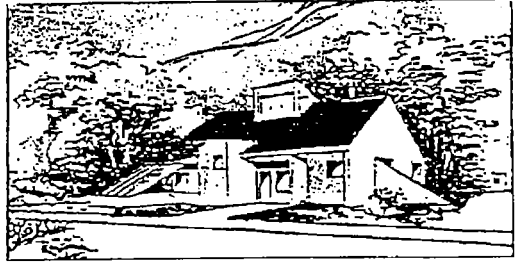
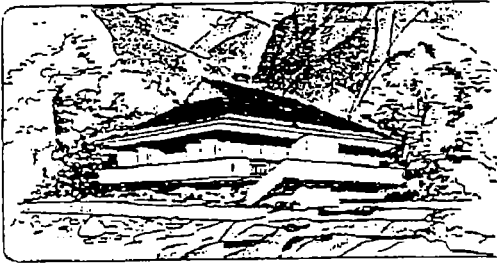


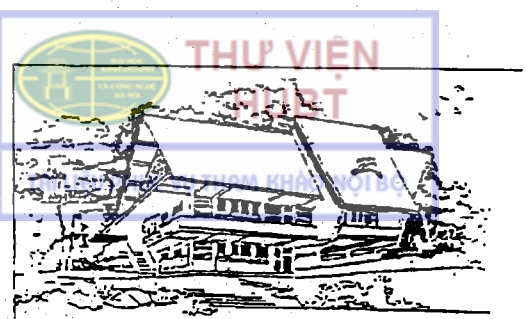
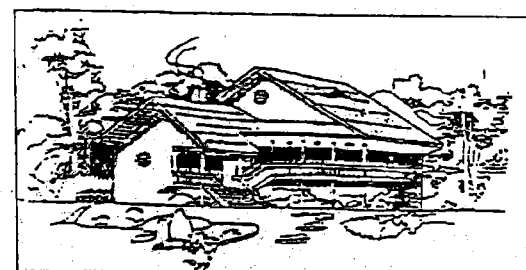
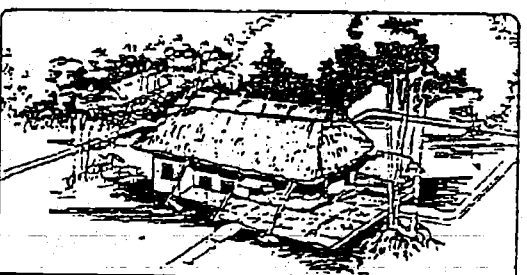
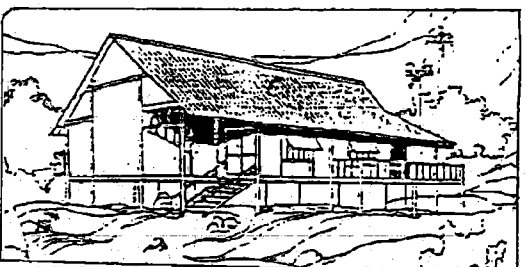
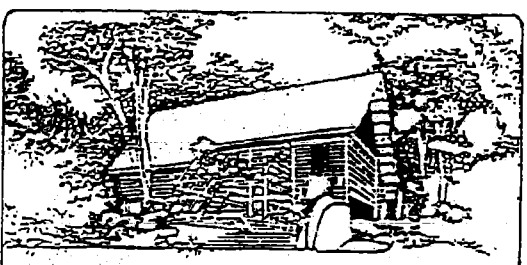
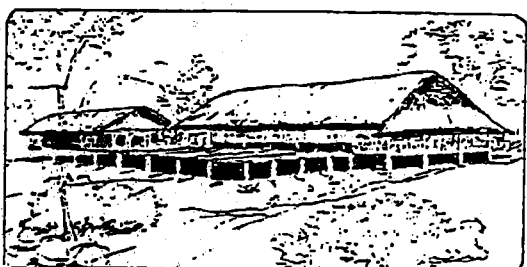
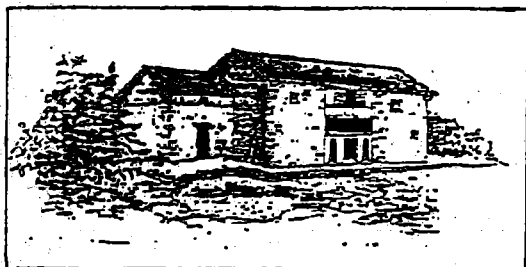
THỜI KỲ PHỤC HƯNG

NHỮNG KHỐI HÌNH HỌC CƠ BẢN SỬ DỤNG TRONG KIẾN TRÚC

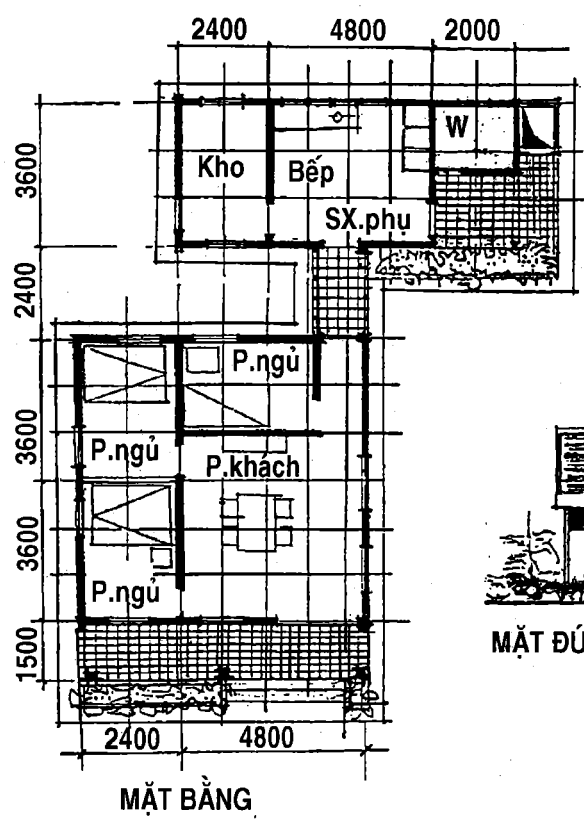


14. Nhà ở nông thôn truyền thống và cải tiến





BÀI TẬP : CHÉP MẪU BÚT CHÌ – TL : 1/200

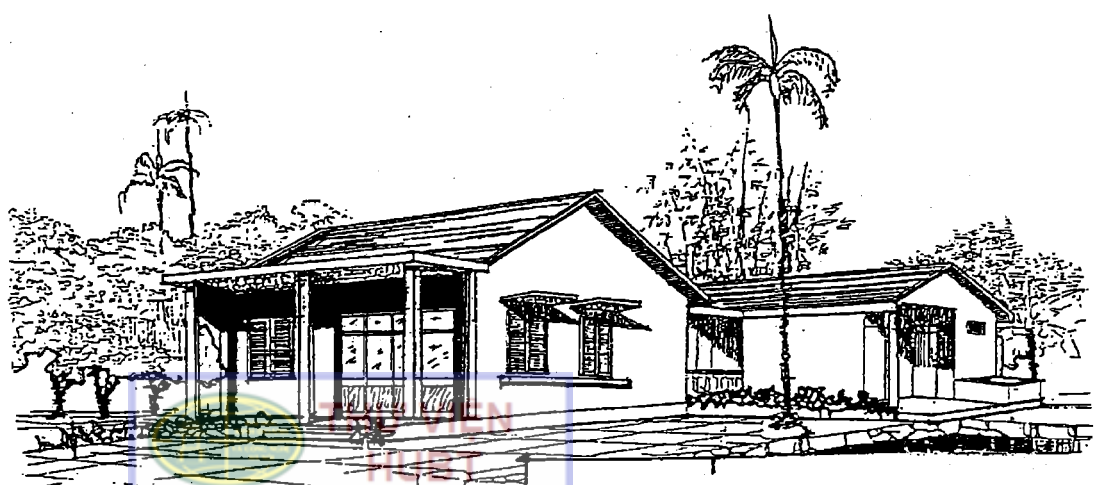


B

Nhà ở đồng bằng
Sông Cửu Long, vùng khô



MẶT ĐÚNG



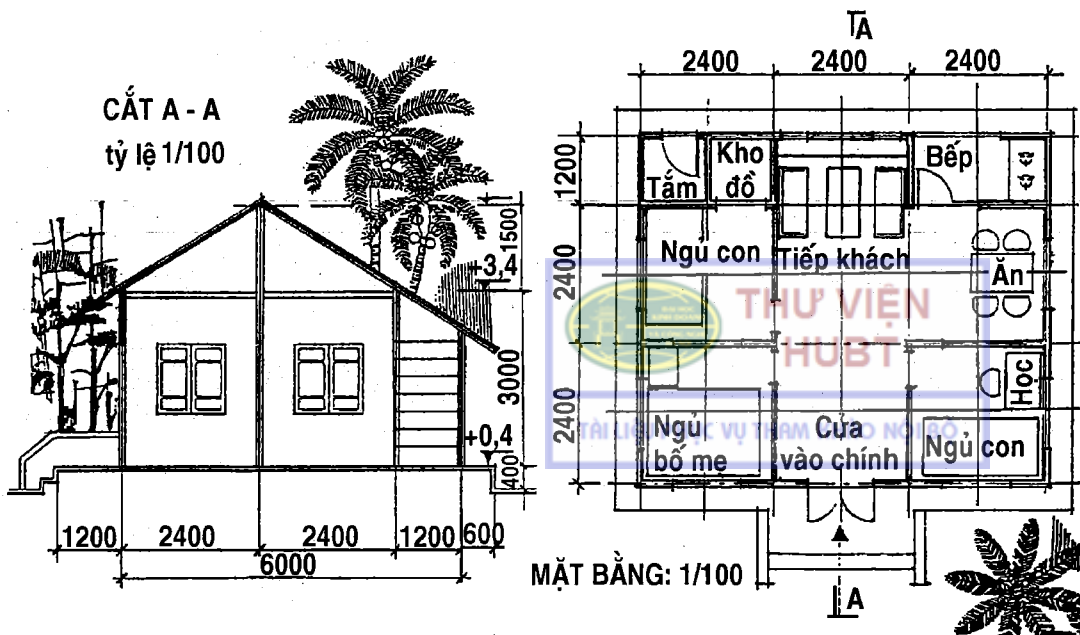
PHỐI CẢNH

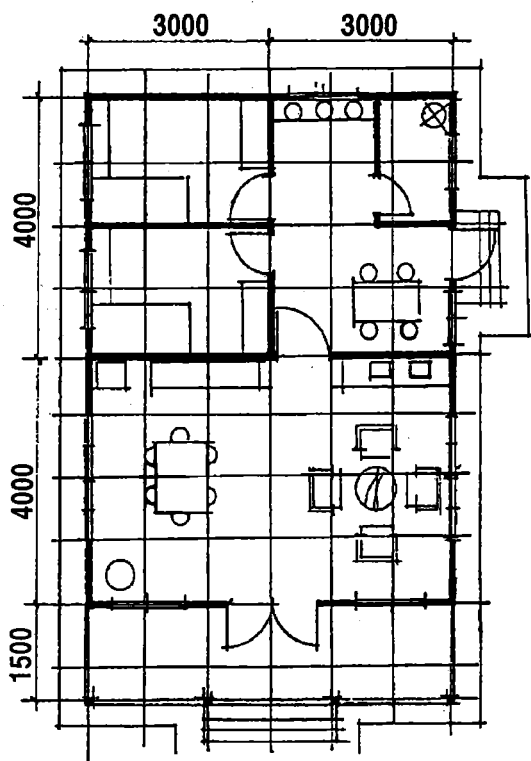
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

BÀI TẬP: CHÉP MẪU BÚT CHÌ – TL : 1/50

Sinh viên tự chọn hướng nhà, khuôn viên khu đất, đường v.v...

Thiết kế sân vườn, dựng mặt đứng, mặt bên.



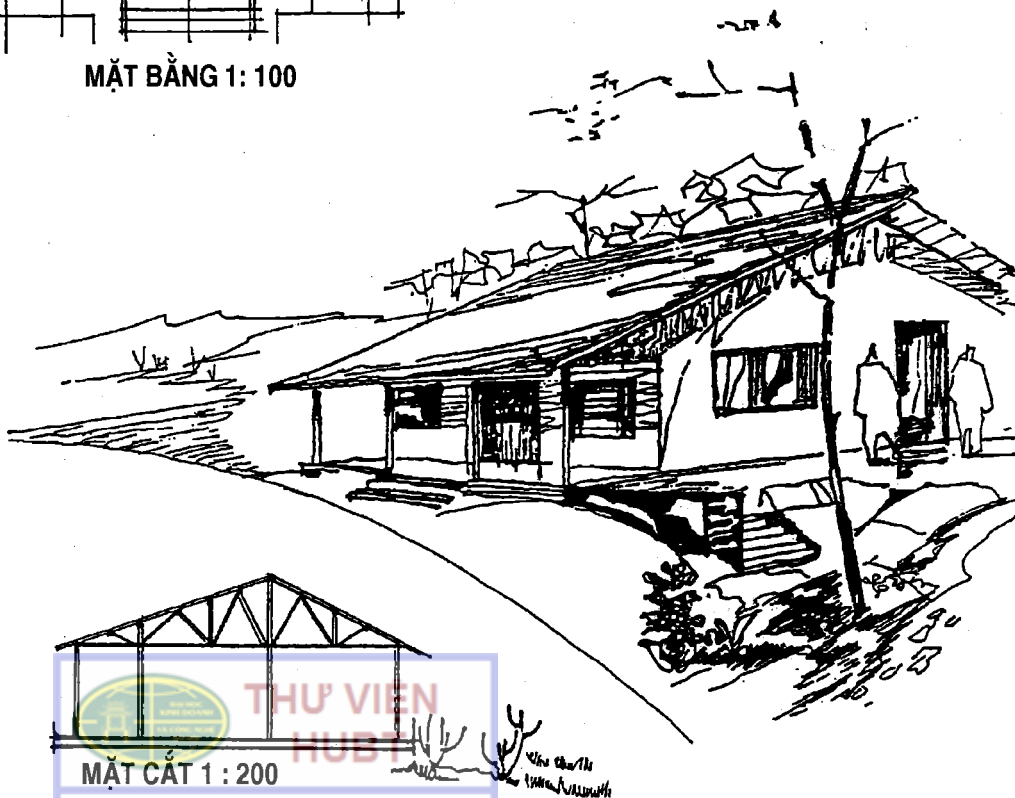


MẶT BẰNG 1: 100

NHÀ Ở BA GIAN



MẶT ĐỨNG 1: 200

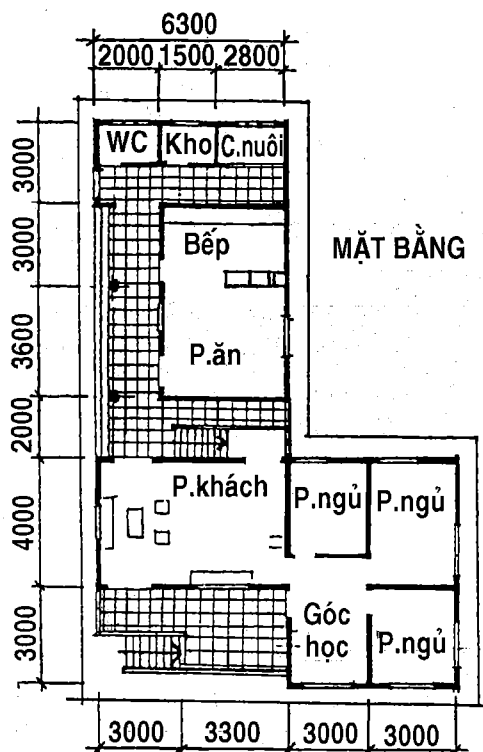


MẶT CẮT 1: 200

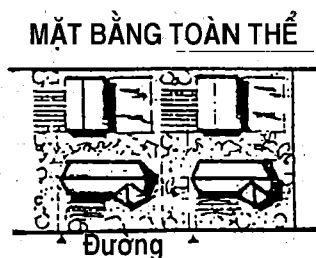
BÀI TẬP: CHÉP MẪU, TL: 1/50

Chép lại mẫu nhà. Sinh viên tự định hướng nhà, khuôn viên khu đất. Tổ chức sân vườn, lối đi, dựng mặt bên.

BÀI TẬP: CHÉP MẪU BÚT CHÌ – TL : 1/200
LẮP ĐẶT ĐỦ CỬA



MẶT BẰNG



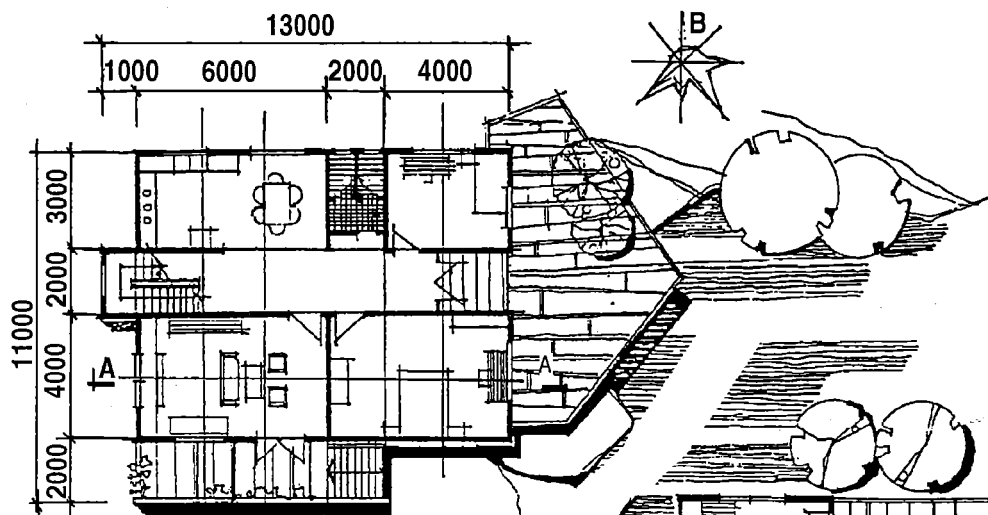
Nhà ở đồng bằng
Sông Cửu Long, vùng trũng



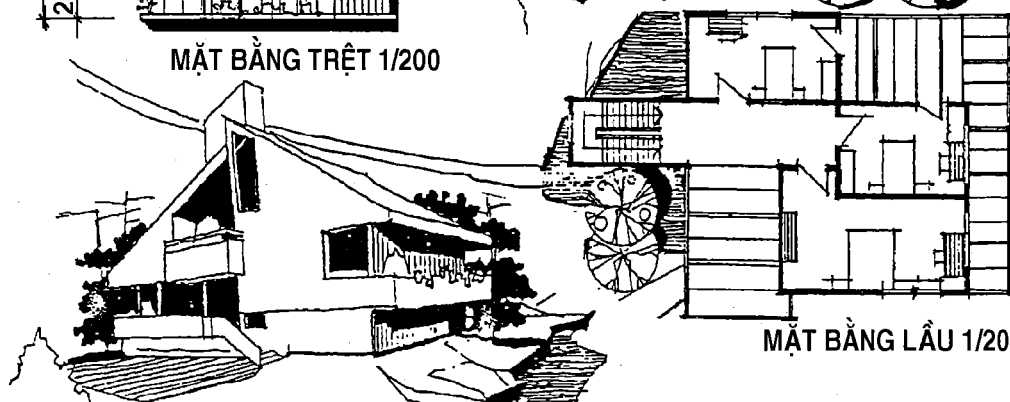
PHỐI CẢNH

THUYẾT MINH :

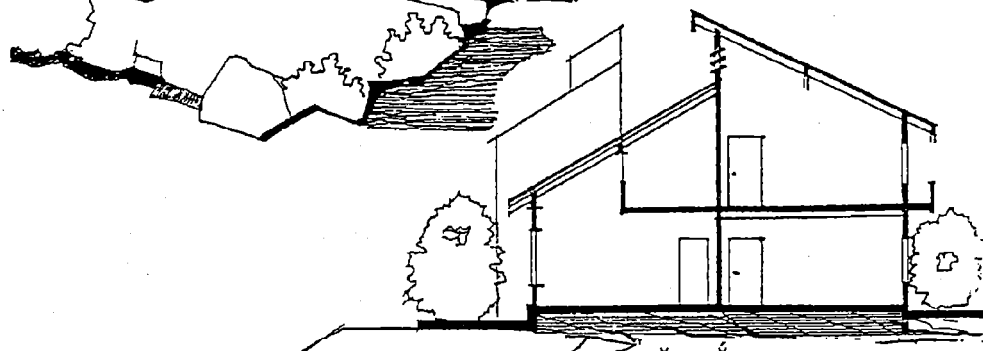
BÀI TẬP: CHÉP THEO MẪU – TL : 1/100



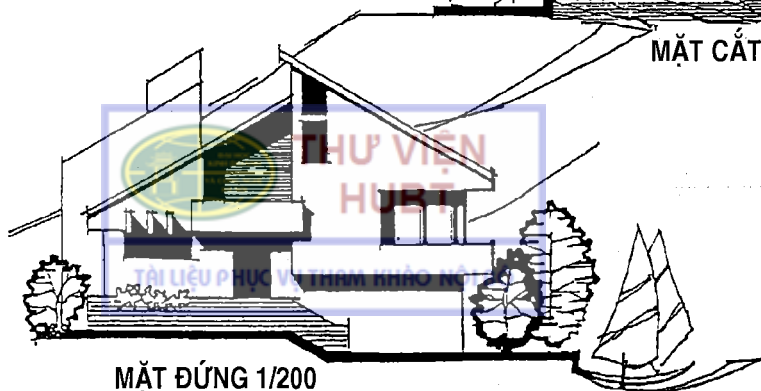
MẶT BẰNG TRỆT 1/200



MẶT BẰNG LẦU 1/200



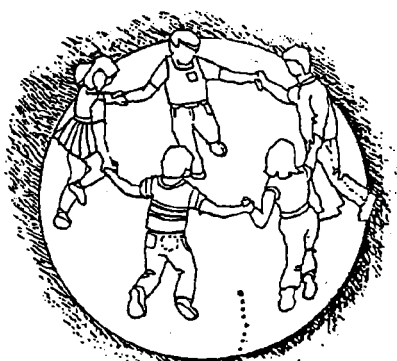
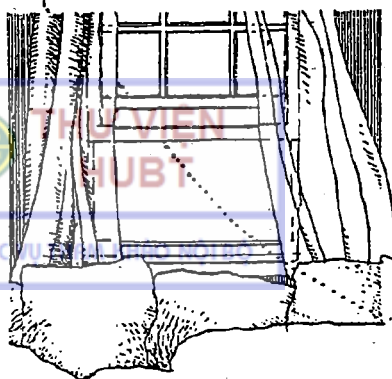
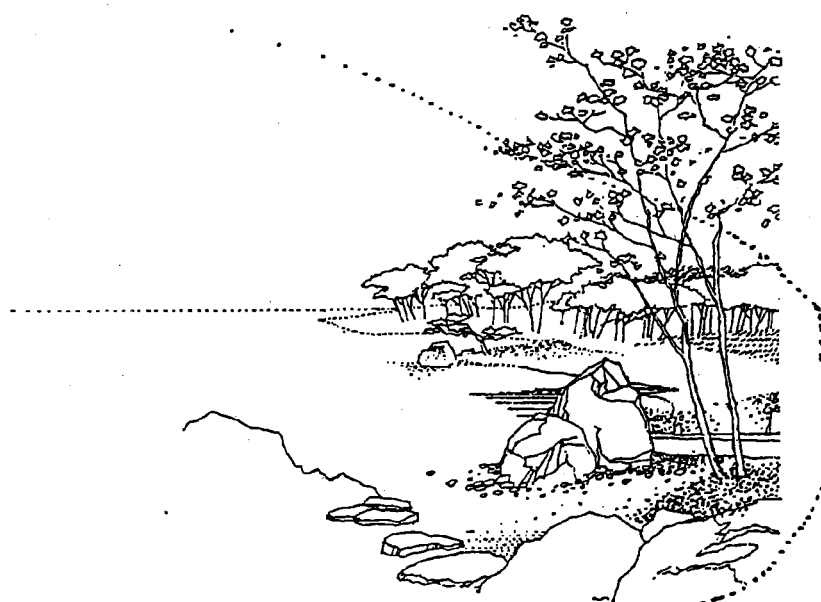
MẶT CẮT 1/200



MẶT ĐỨNG 1/200

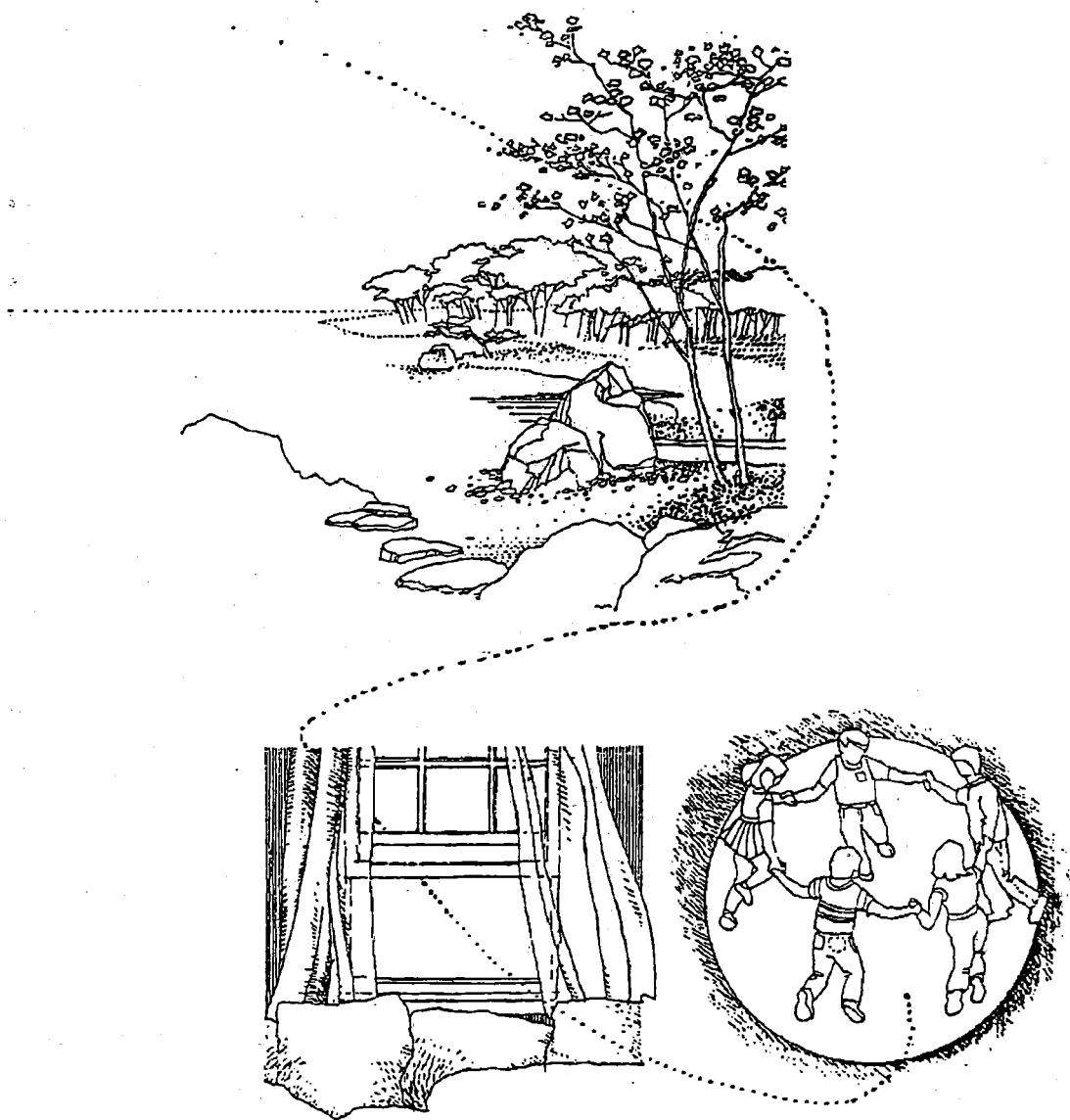
Phần 2

THIẾT KẾ KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC

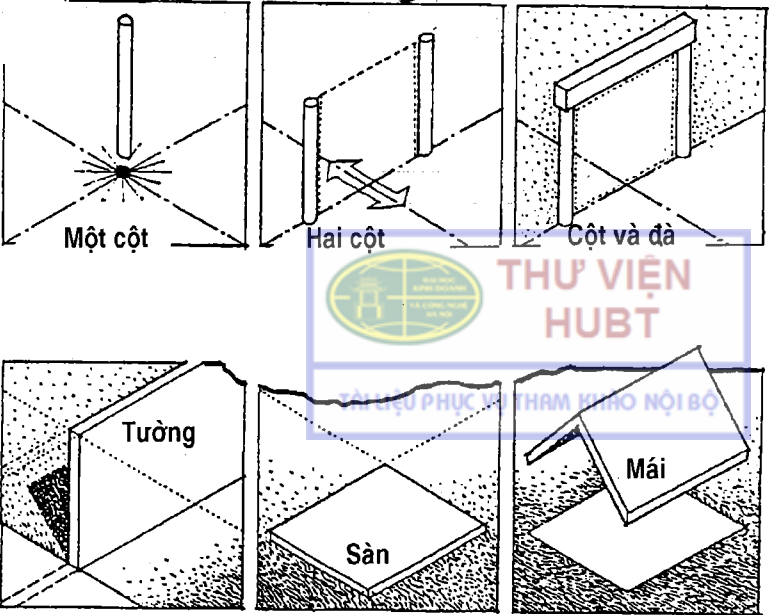




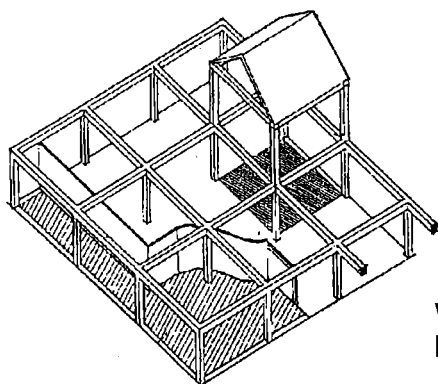
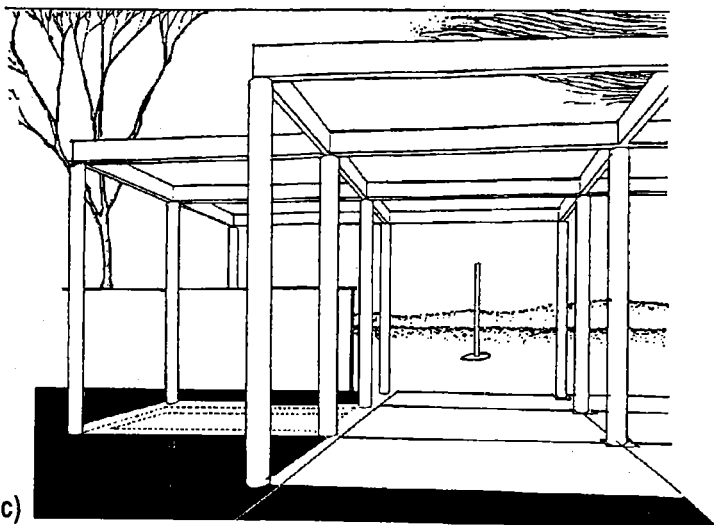
2.1. KHÁI NIỆM VỀ KHÔNG GIAN



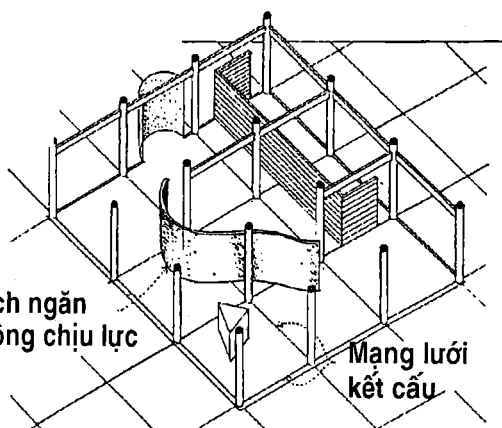
2.2. KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC - NHỮNG YẾU TỐ TẠO NÊN KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC



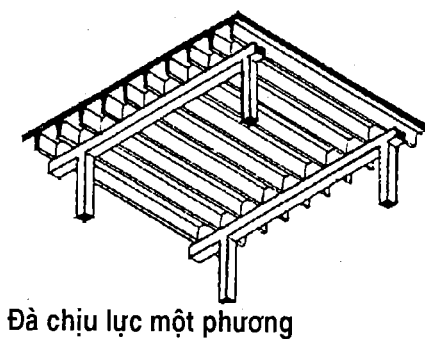
Lưới khung
cột dầm chịu lực
(bộ xương của
không gian kiến trúc)



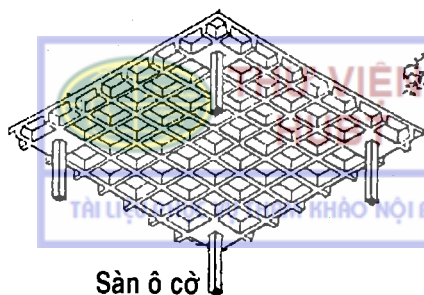
Vách ngăn
không chịu lực



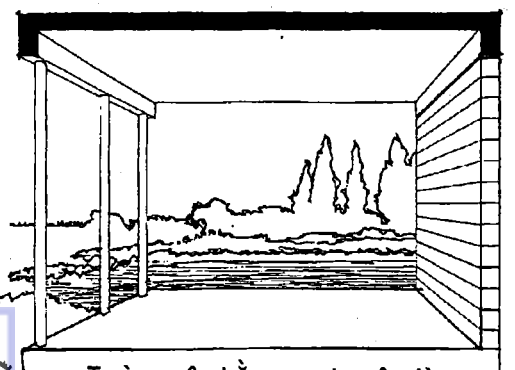
Mang lưới
kết cấu



Đầm chịu lực một phương

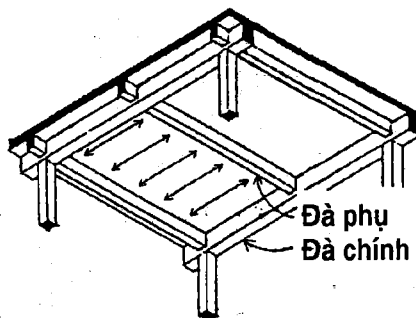
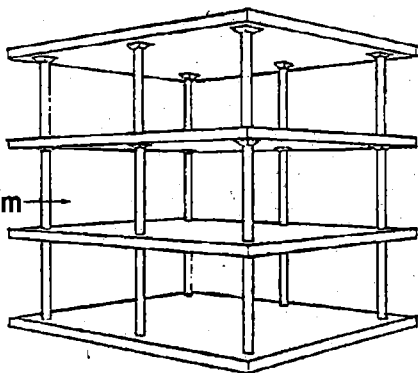


Sàn ô cờ

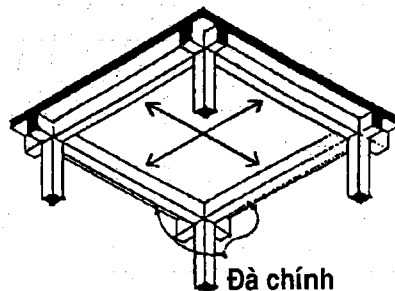


Tường xây bằng gạch, cột dầm,
sàn bằng bê tông

Sàn nổi
không dầm

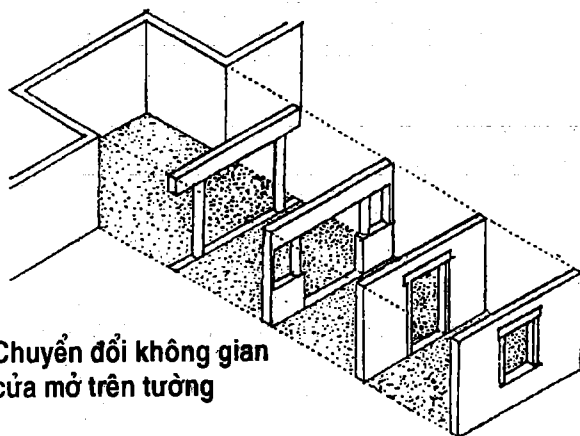


Bản sàn chịu lực 1 phương



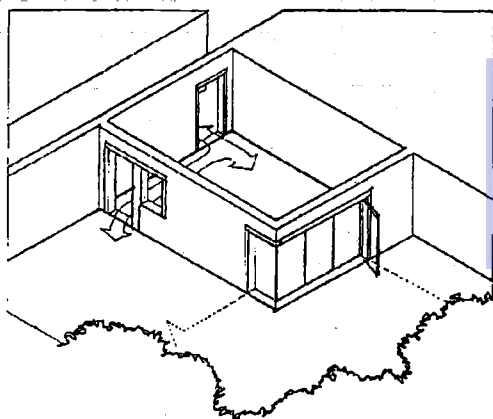
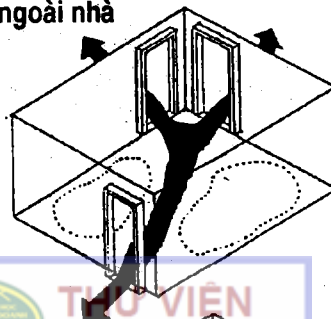
Bản sàn chịu lực 2 phương

2.3. CHUYỂN ĐỔI KHÔNG GIAN



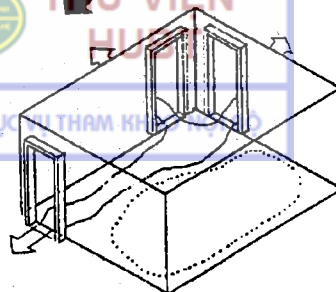
Chuyển đổi không gian
của mở trên tường

- Vị trí cửa đi, luồng di chuyển, và hoạt động trong phòng
- Cửa sổ, tầm nhìn, ánh sáng trong phòng, sự liên hệ với ngoài nhà

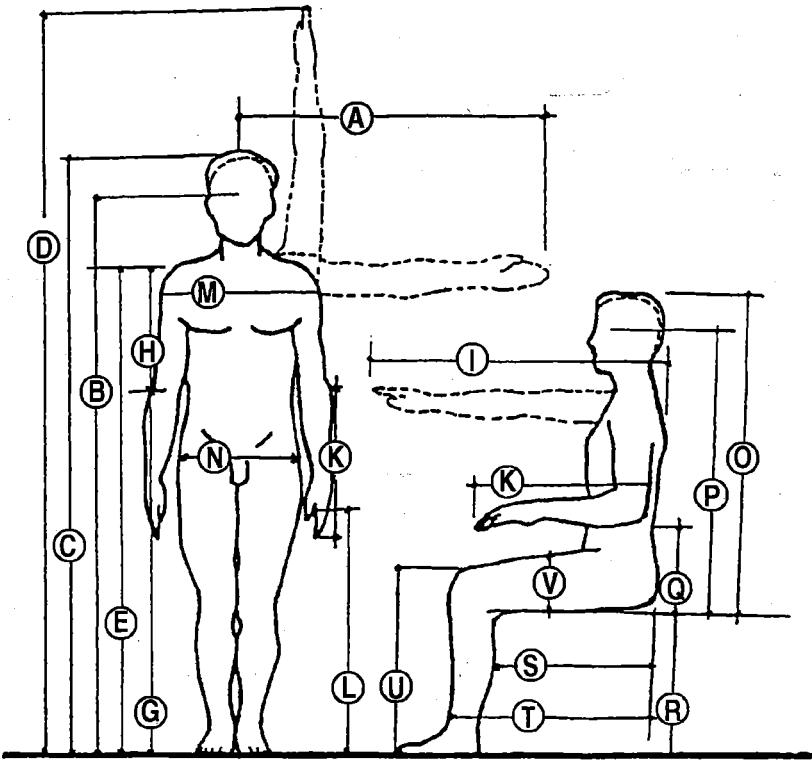


THƯ VIỆN
HƯỚNG DẪN

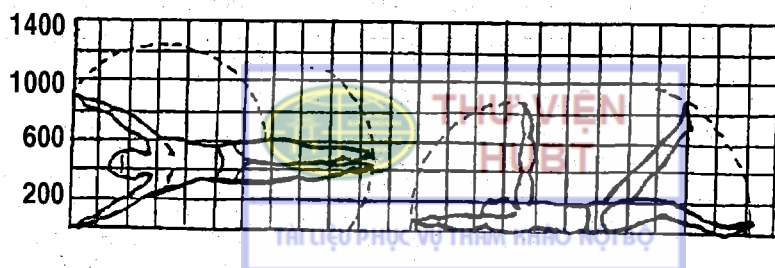
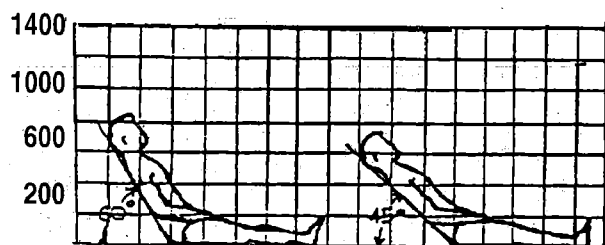
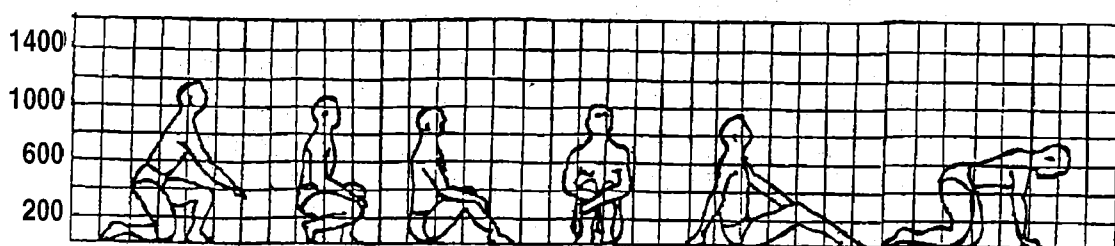
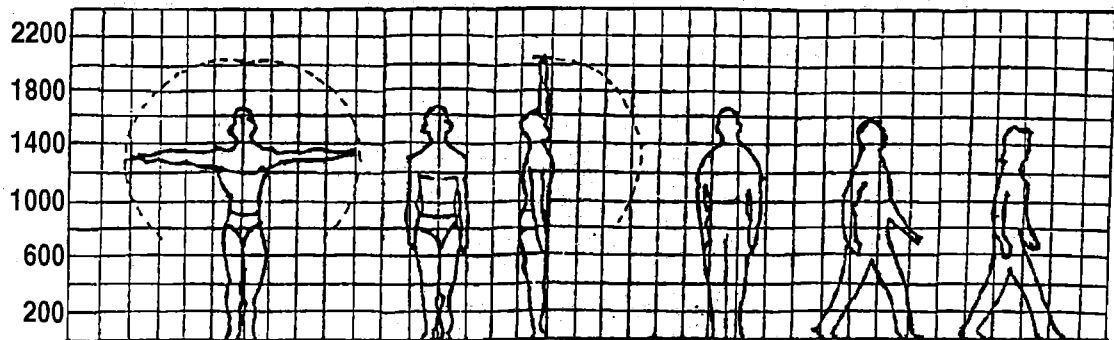
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO



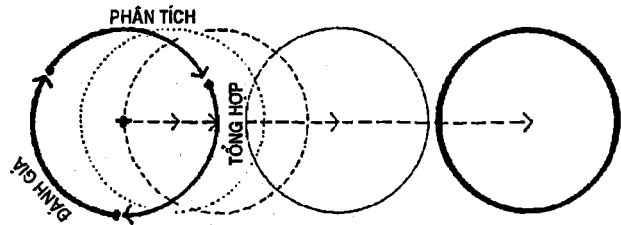
2.4. CHỈ SỐ NHÂN TRẮC NGƯỜI VIỆT – ỨNG DỤNG TRONG THIẾT KẾ NỘI THẤT



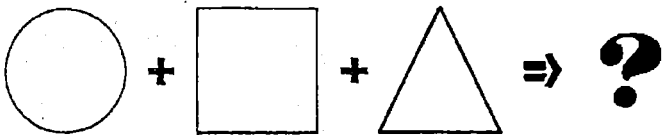
Các chỉ số	Nam			Nữ		
	Cao (m)	Trung bình (m)	Thấp (m)	Cao (m)	Trung bình (m)	Thấp (m)
A	93,60	82,50	71,50	82,40	77,70	74,10
B	162,80	152,00	141,00	152,50	143,40	734,20
C	174,30	162,00	150,80	162,50	154,40	146,20
D	217,50	204,10	190,60	204,00	193,00	181,90
E	144,70	135,00	125,70	136,80	127,30	117,70
G	112,30	102,60	92,80	105,30	96,60	87,80
H	37,50	31,90	27,90	34,00	30,30	27,40
I	77,50	71,60	65,60	71,70	68,10	65,30
K	46,60	44,30	42,00	47,40	42,70	40,30
L	75,20	66,70	58,20	69,70	62,60	55,40
M	43,60	38,20	33,60	37,70	36,00	34,40
N	33,80	29,60	25,30	33,30	30,00	26,80
O	92,90	86,20	79,40	84,90	79,50	74,10
P	77,30	73,50	69,70	72,50	69,50	66,30
Q	29,30	21,60	18,40	27,60	21,30	15,90
R	45,30	43,00	40,60	40,40	39,10	37,70
S	49,50	44,10	38,60	46,20	40,90	35,60
T	55,30	50,70	46,00	53,70	47,60	41,40
U	55,10	48,90	42,60	51,80	47,50	41,10
V	14,20	12,10	9,80	15,10	11,80	10,20



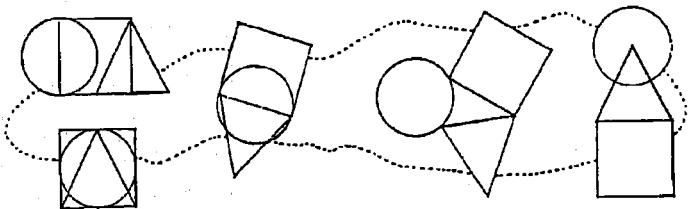
2.5. QUÁ TRÌNH TƯ DUY THIẾT KẾ



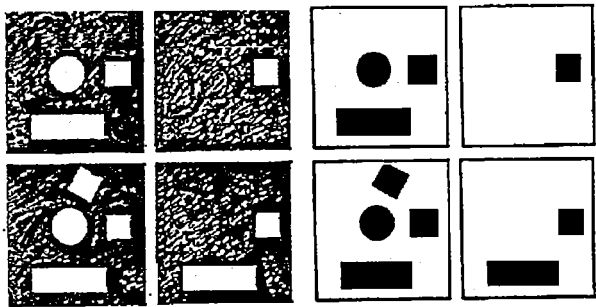
PHÂN TÍCH



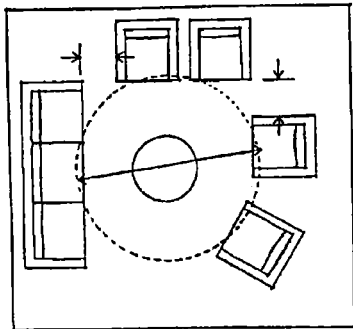
TÌM DẠNG TỔ HỢP



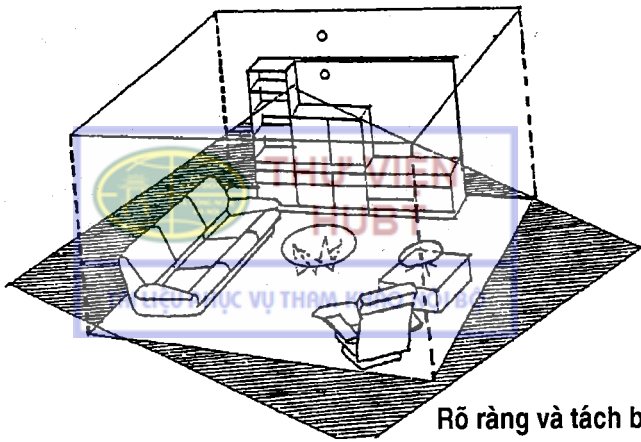
TỔ CHỨC MẶT BẰNG



Theo chức năng

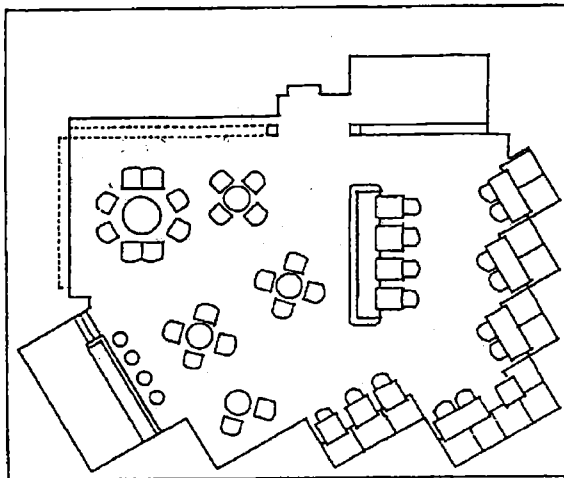


Khoảng cách di chuyển



Rõ ràng và tách biệt

**Tổ chức mặt bằng
tiện nghi linh hoạt**



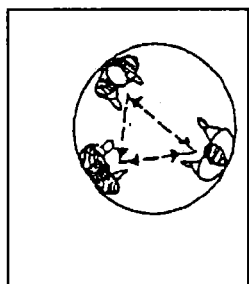
**Sự hài hoà trong
không gian 3 chiều,
đầy đủ tiện nghi
ánh sáng, nhịp điệu
bố cục, màu sắc
nhẹ nhàng, thoải mái**



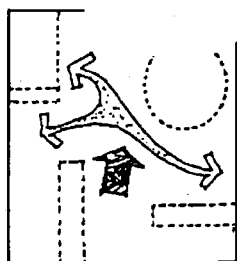
**Tổ chức không gian 3
chiều có hướng**



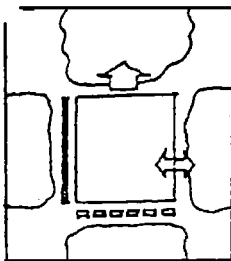
BỐ CỤC KHÔNG GIAN LỰA CHỌN



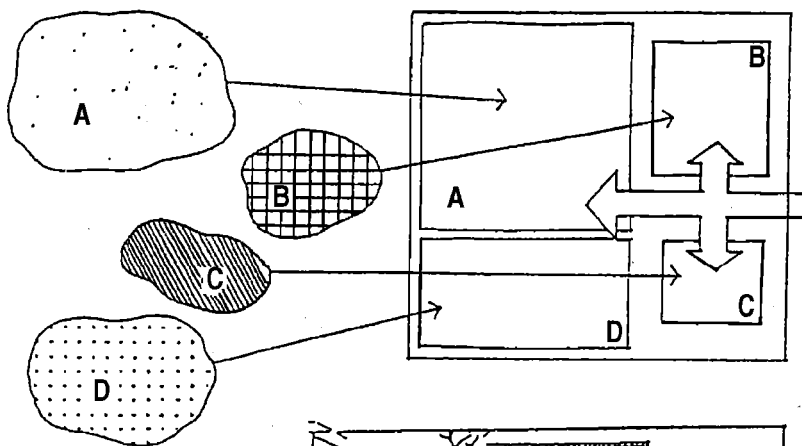
Hoạt động nội bộ
và giao tiếp



Các vết đi lại
và hoạt động



Liên hệ với những
không gian kế cận



2.6. ĐẶC TRƯNG CẢM THỤ THỊ GIÁC – NGÔN NGỮ KIẾN TRÚC

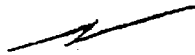
Các yếu tố cấu thành ngôn ngữ kiến trúc bao gồm:

- Đường nét.
- Hình khối
- Màu sắc
- Chất liệu
- Tỷ lệ
- Đậm nhạt – xa gần
- Ánh sáng

Luật ngôn ngữ kiến trúc (Nguyên lý cấu trúc ngôn ngữ kiến trúc)

- Cân bằng
- hài hòa
- Đa dạng thống nhất
- Nhịp điệu
- Nhấn mạnh

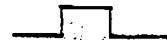
ẢN DỤ VÀ DIỄN CẢM CỦA MỘT SỐ ĐƯỜNG NÉT **TRÍCH DẪN TỪ LANDSCAPE ARCHITECTURE - SIMONDS**



Chủ động - Tích cực
Sinh động - Linh hoạt



Thoả mãn, bình an
thụ động, yên tĩnh



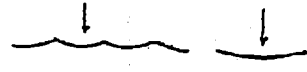
Cấu trúc - Vững chắc



Thay đổi, yếu đuối
uyển chuyển



Vững chãi - Buồn
Tĩnh



Ổn định - Vui
Động



Ổn định



Bất ổn định



Quả quyết - Liều lĩnh
Mạnh dạn



Mỏng manh - Lưỡng lự
Chập chờn



Thâm nhập
Thu hút



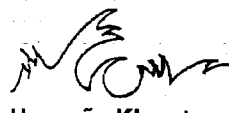
Yên lặng - Vô vọng
Thế tục - Thoả mãn



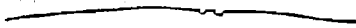
Cội nguồn - Đơn giản



Dạt dào



Hoa mỹ - Khoa trương
Cường điệu



Tạo nhã - Lịch sự - Đẹp



Nam tính - Hùng vĩ
Mãnh liệt - Sinh động - Tàn bạo



Nữ tính - Éo lá
Đẹp - Êm ả - Dễ thương



Chua ngoa - Thô bạo -
Gian khổ



Bình thản - Thanh nhã
Thoáng qua



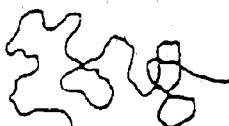
Giảm dần - Chùn lại



Tăng dần - Mở rộng
Phát triển - Cởi mở



Cương quyết - Năng động



Quanh co - Hờ hững
Thư giãn - Thú vị



Gián đoạn - Hỗn loạn
Mơ hồ



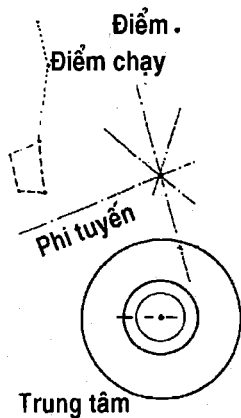
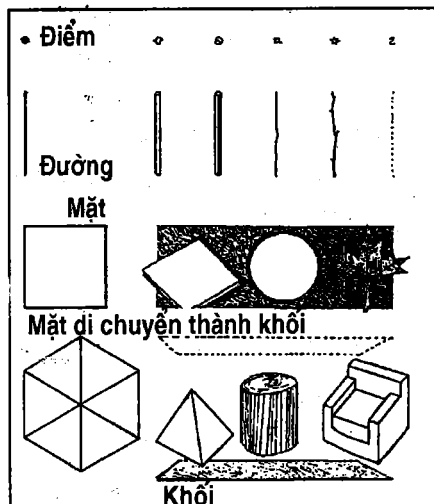
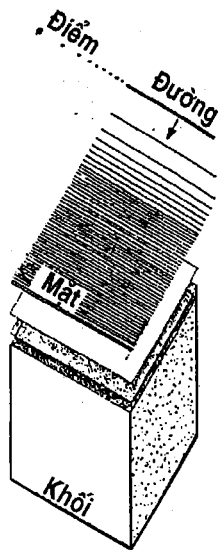
Hợp lý - Ngăn nắp
Âm mưu



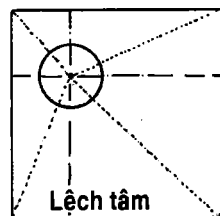
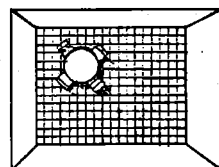
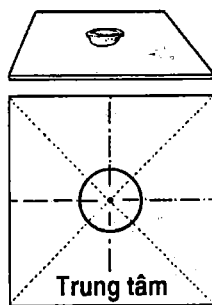
A. YẾU TỐ CẤU THÀNH NGÔN NGỮ KIẾN TRÚC

A.1. Đường nét

Điểm chạy vạch thành đường. Đường trượt khác phương của nó thành mặt



Sự phát triển của điểm



Trung tâm

Trung tâm

Lệch tâm

Cho cảm nhận ổn định. Bình ổn

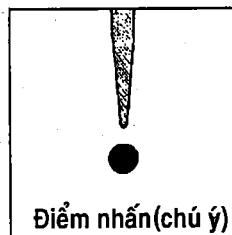
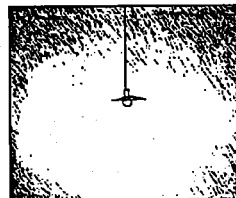
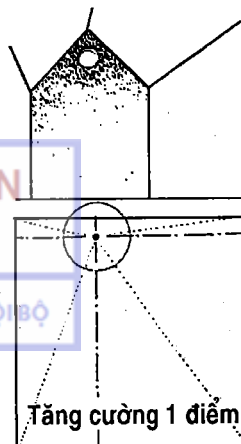
Tạo cảm giác năng động

- Điểm, đường, mặt khối là những yếu tố tạo nên hình dạng.

- Hình dạng và tỷ lệ của nó là yếu tố cơ bản diễn đạt ý tưởng thiết kế.

- Đường di chuyển để lại trong không gian một mặt 2 chiều.

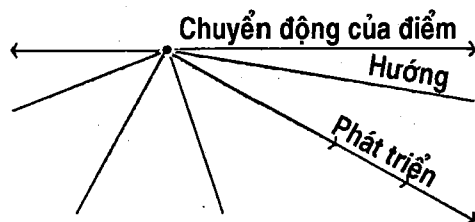
- Mặt di chuyển hình thành khối không gian 3 chiều



Tăng cường 1 điểm

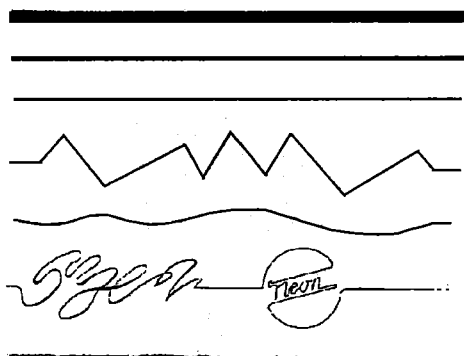
Điểm nhấn(chú ý)

Chuyển động của điểm thành đường, tạo cảm giác về sự tăng trưởng định hướng



- Điểm tĩnh tại và vô hướng

- Đường năng động, có hướng. Độ dài, độ đậm, gầy hay uốn lượn của đường diễn đạt đầy đủ ý tưởng của tư duy.



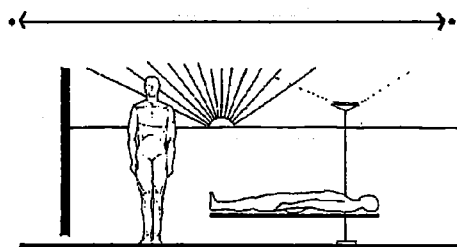
Chuyển động và ổn định

Chất liệu bề mặt

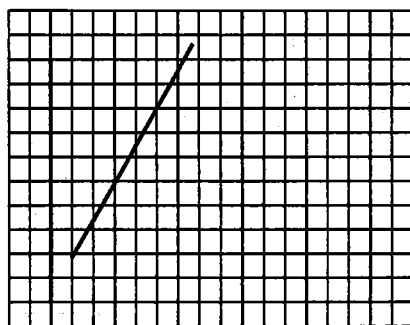
Đường thẳng kéo căng về 2 điểm chỉ định sự căng thẳng

Đường thẳng đứng đậm, dày diễn tả sự cân bằng.

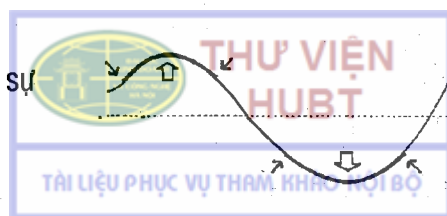
Đường nằm ngang diễn tả sự ổn định – bền vững



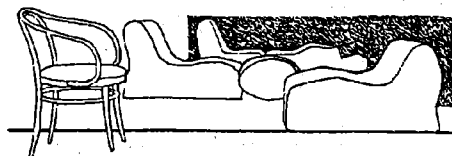
Đường dốc chỉ định sự trỗi dậy, sự trượt, có thể mô tả sự chuyển động, tạo nên sự hoạt động thị giác.



Đường cong lượn thư thả là biểu tượng sự phát triển của sinh vật.

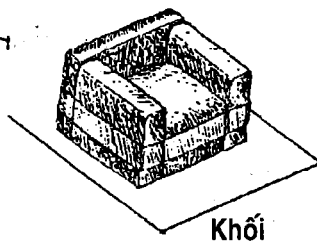
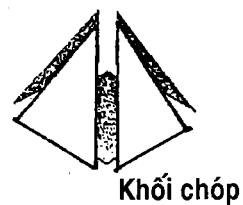
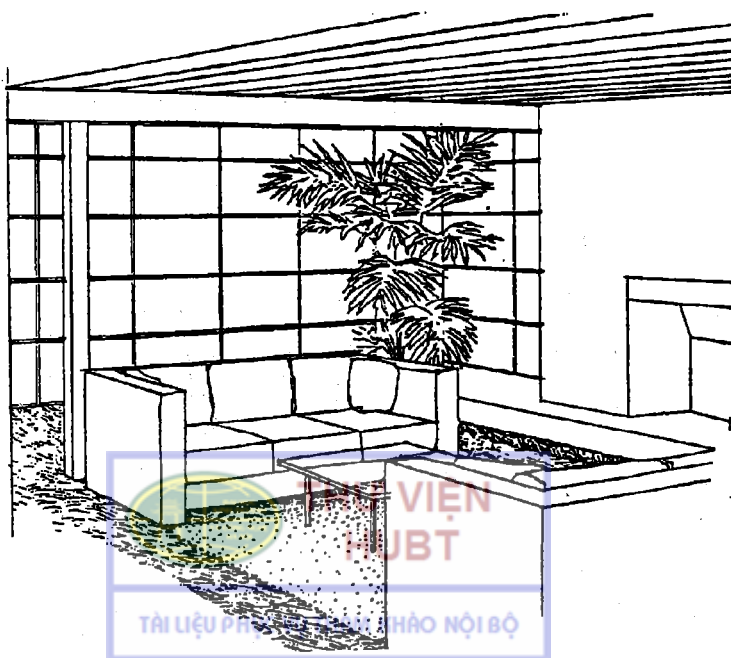
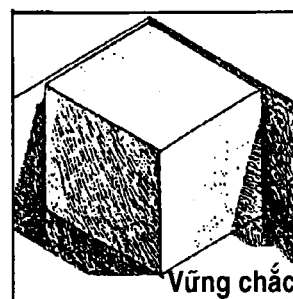
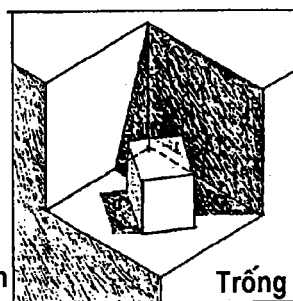
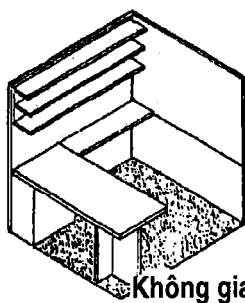
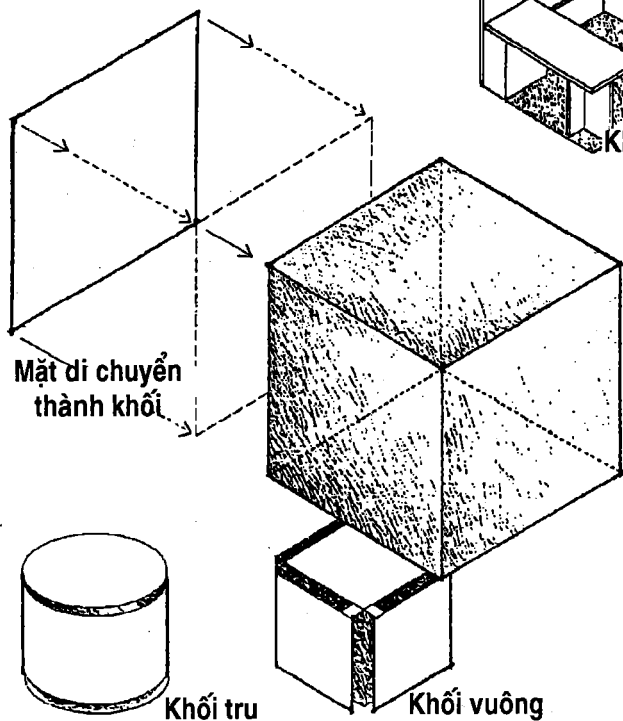


Uốn lên hay lượn xuống nhẹ nhàng biểu hiện một xu thế vững chắc, tin cậy.



A.2. Khối - Hình dáng

Sự phát triển có hướng của mặt (diện) tạo thành khối



Khối, hình dáng, kích thước

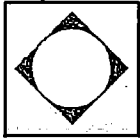
và tỷ lệ của nó liên quan chặt chẽ và xác định từ không gian kiến trúc



Dạng tự nhiên



Dạng chủ quan



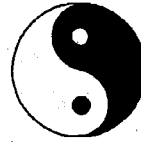
Dạng hình học



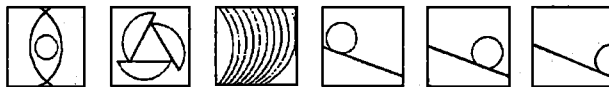
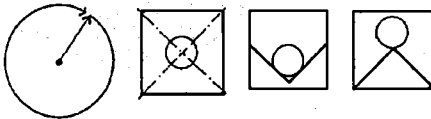
Dạng mô phỏng



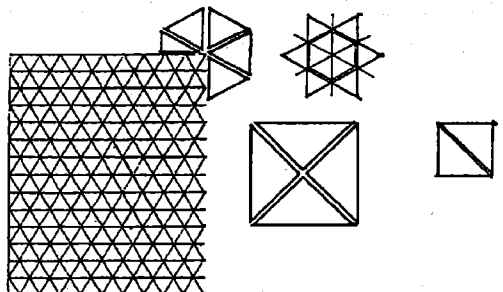
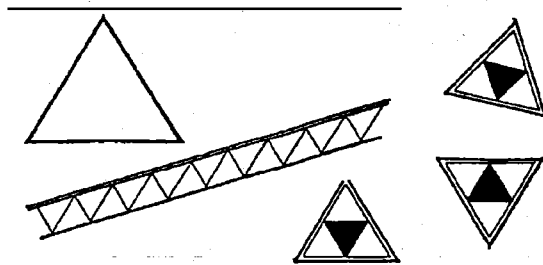
Dạng tạo hình



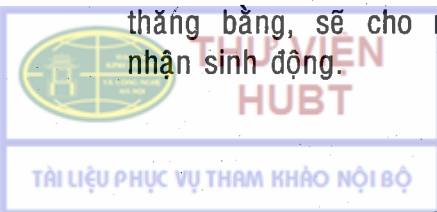
Biểu tượng của
cân bằng và ổn
định tuyệt đối



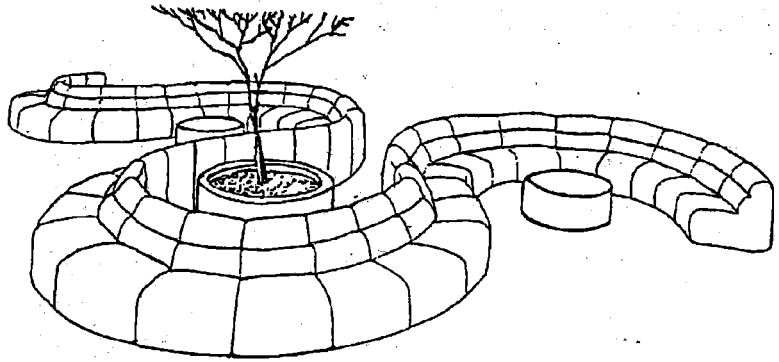
Hình tròn: luôn luôn có tâm tự nhiên, là biểu hiện của tính thống nhất, hoàn thiện, một sự liên tục trơn tru và tiết kiệm hình dáng. Là sự tự bền vững, độc lập và nổi trội.



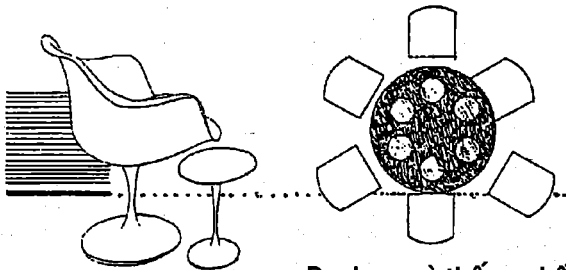
Trong kết cấu, hình tam giác là một miếng cứng. Trong kiến trúc, hình tam giác tượng trưng cho tính ổn định, khi một cạnh của tam giác đặt trên nền phẳng sẽ cho một ý niệm bền vững. Khi đặt đỉnh của tam giác đứng trên một điểm, tam giác mất thăng bằng, sẽ cho một cảm nhận sinh động.



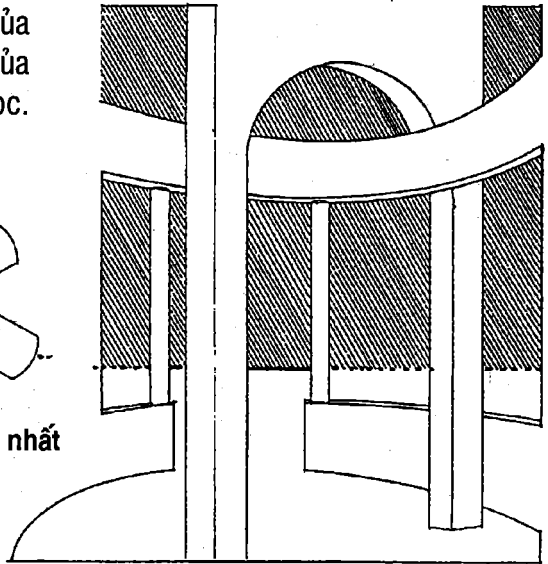
Hình tam giác rất dễ hòa hợp với hình vuông, hình chữ nhật và những hình đa cạnh nói chung



Sự phát triển, chuyển dạng của hình tròn, tự do hay theo quy tắc là hình ảnh của sự mềm mại, sự thư giãn, sự giảm tốc của vận động và ..., sự tăng trưởng của sinh học.



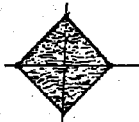
Đa dạng và thống nhất



Hình vuông

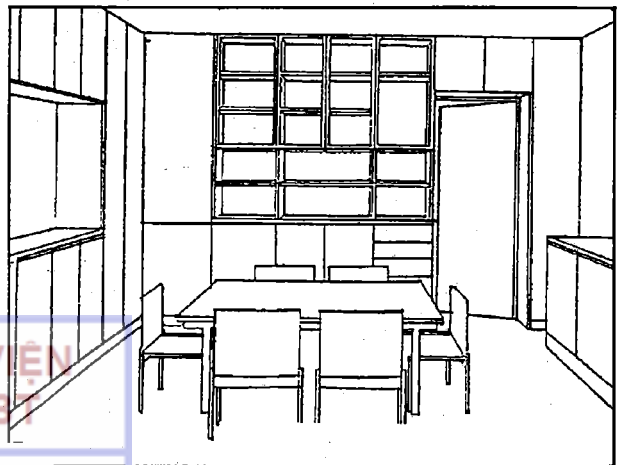


Bền vững
tĩnh tại



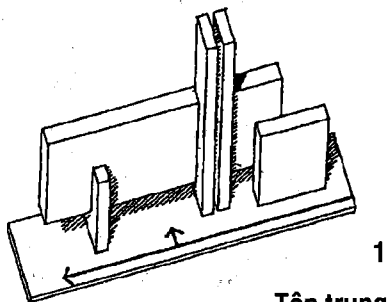
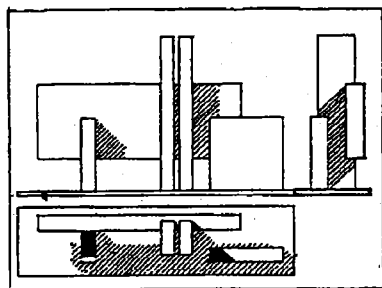
Năng động

Tính có hướng
của năng động

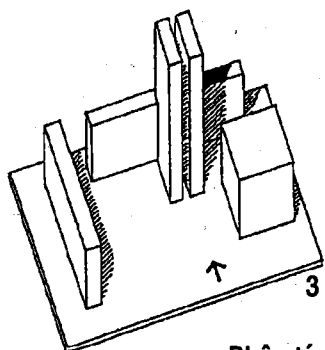
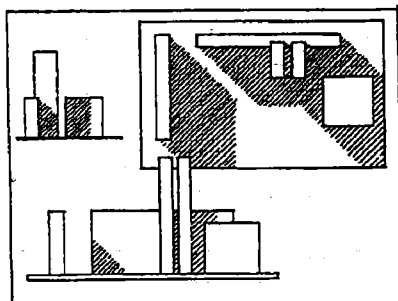
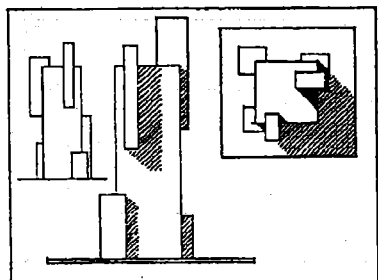


Hình vuông đặc trưng sự thuần khiết, hợp lý
dễ hoà nhập trong liên kết

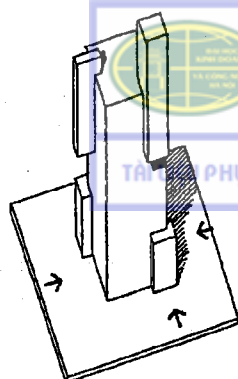
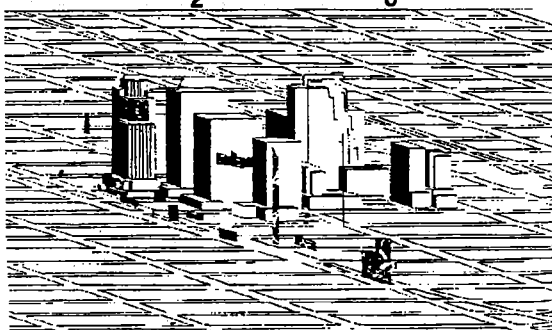
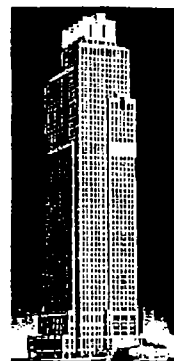
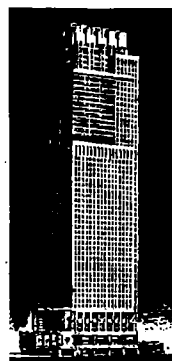
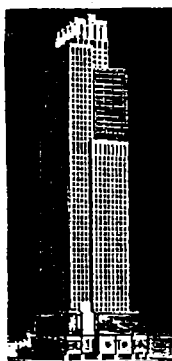
Tổ hợp khối chữ nhật và khối vuông



Tập trung



Phân tán



2



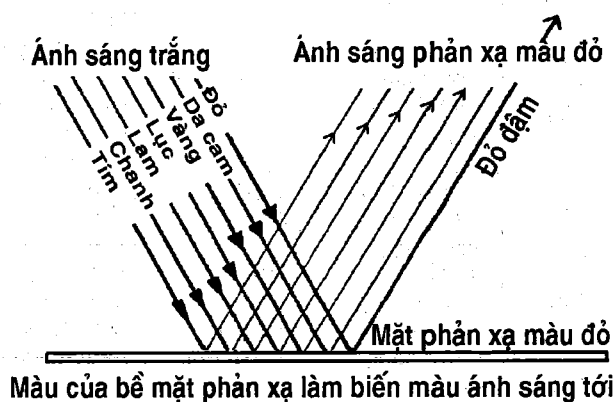
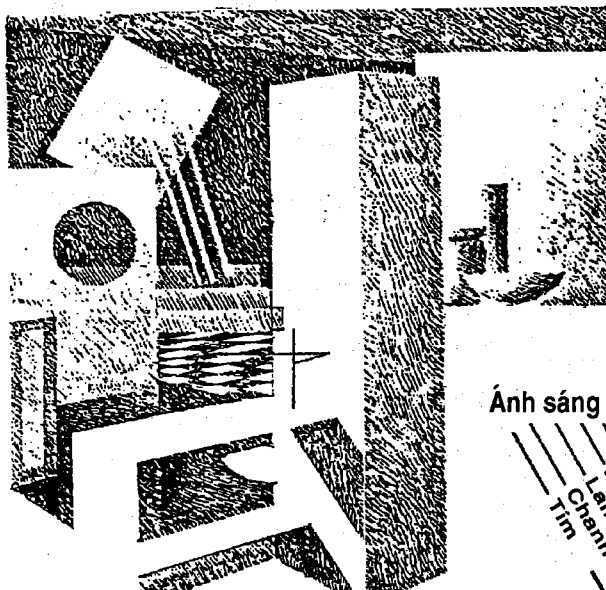
NGÔN NGỮ CỦA MÀU SẮC - DIỄN CẢM CỦA MỘT SỐ MÀU SẮC

Màu sắc	Liên tưởng		Tác động		
	Tình cảm	Ngoại vật	Tâm lý	Sinh lý	Vật lý
Đỏ	Tình yêu - ấm áp. Phá hoại - Tàn sát	Lửa. Máu.	Nóng, sinh động Khó chịu, bức dọc.	Sâu sắc kích thích tinh thần, nhiệt độ, phấn khích.	Rất dễ nhận thấy.
Cam	Sôi nổi - Cuồng nhiệt Nóng nảy	Lửa. Mặt trời lặn.	Hăng hái, khích lệ Rạng rỡ.	Tán trợ tiêu hóa, kích thích tình cảm	Rất dễ nhận thấy.
Vàng	Vui - rực rỡ Hy vọng.	Ánh sáng mặt trời.	Vui, sinh động. Minh mẫn	Kích thích thị lực và thần kinh	Rất dễ nhận thấy.
Lục	Ảnh hưởng xấu	Màu thực vật.	Yên tĩnh, nghỉ ngơi, hiền hòa. Tươi sáng, quân bình. Xấu, tai họa.	Dịu đau, thôi miên Nghỉ ngơi, an toàn	Rất dễ nhận thấy.
Lam	Không gian. Ngao du - bay bổng.	Trời - Nước	Sáng trong, mát tươi nhẹ. Không trung, tình yêu.	Yên tĩnh, khuấy khỏa.	Dễ chịu đối với mắt.
Tía	Khoa trương - Huy hoàng. Huyền bí	Hoa.	Yên tĩnh, u sầu, tế nhị. Thú vị, tươi mát.	Yên tĩnh	Thích ứng khó.
Tím	Tư cách, trang nghiêm. Tang tóc.	Hoa ngọc tía	Tươi mát, quý hiếm. Kiểu ngạo	Yên tĩnh	Rất dễ nhận thấy.
Trắng	Thông cảm, trong sáng. Hôn nhân.	Hoa, đơn điệu	Dè dặt, kín đáo Đơn giản, trong sáng	Bình dị. Thuần khiết	Sáng chiếu
Đen	Tối tăm, nham hiểm Huyền bí.	Ban đêm. Chết chóc, bí ai	Buồn. Trang trọng, nghiêm túc	Nghỉ ngơi. Trầm lặng.	Tối tăm.

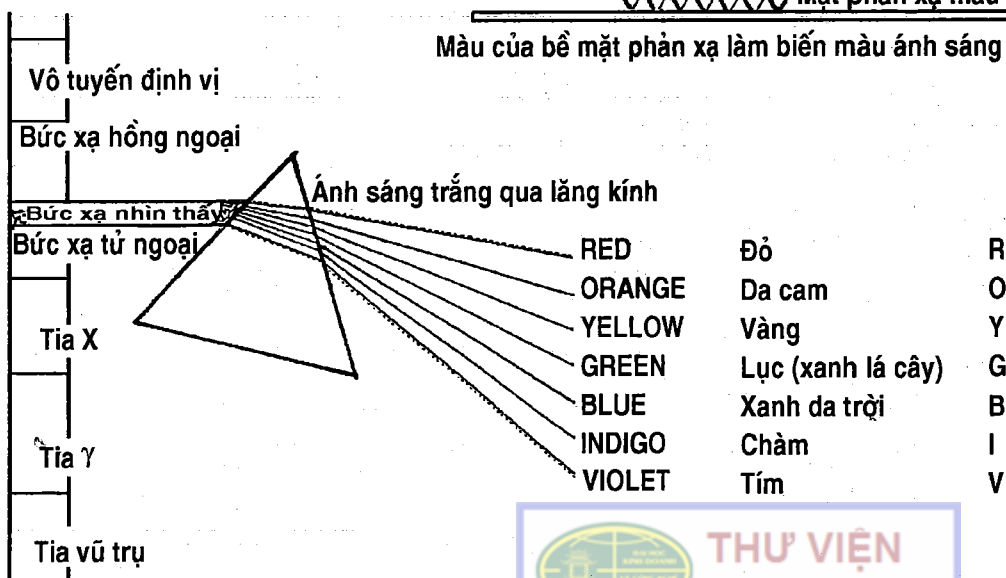
Màu sắc	Đặc tính	Biểu hiện	Dấu hiệu	Tác dụng y khoa
Đỏ	Sinh lực. Hành động	Nhân ái, tình yêu. Khó chịu, bức dọc.	Dừng lại. Cháy	Kích thích tinh thần, căng cơ, tăng nhịp thở. Tăng sinh hoạt của nam giới
Cam	Yên lành. Khêu gọi.	Hăng hái.	Chú ý.	Kích thích tình cảm, tạo cảm giác vui, phấn chấn.
Vàng	Vui.	Sức mạnh. Khoa học.	Nguy hiểm.	Kích thích tinh thần.
Lục	Kiên nhẫn. Lo lắng.	Sự thật.	Tiếp cứu. Chậm lại.	Thôi miên, làm dịu đau (trấn thống), hạ huyết, an thần.
Lam	Nghỉ ngơi. Yên tĩnh.	Thông thái, thông minh. Bất tử.	Coi chừng.	Tăng nhẹ huyết áp, hiệu quả bổ sức, giảm nhịp thở, tác dụng khuấy khỏa.
Tía	Kính trọng. Thỏa mãn.	Trang nghiêm.	Xác định kém	
Tím	Buồn. U sầu	Hối hận. Hy vọng, mong đợi	Xác định kém	Tác động đến tim, phổi, mạch máu. Tăng sinh hoạt của nữ giới
Trắng	Sạch sẽ. Kín đáo.	Tinh khiết, trinh bạch. Ngây thơ.	Vết chạy.	
Đen	Hình dung. Bệnh hoạn	Tận cùng. Tang tóc, chết.		

A.3. Màu, ánh sáng, chất liệu

Màu



Bức xạ điện từ và ánh sáng

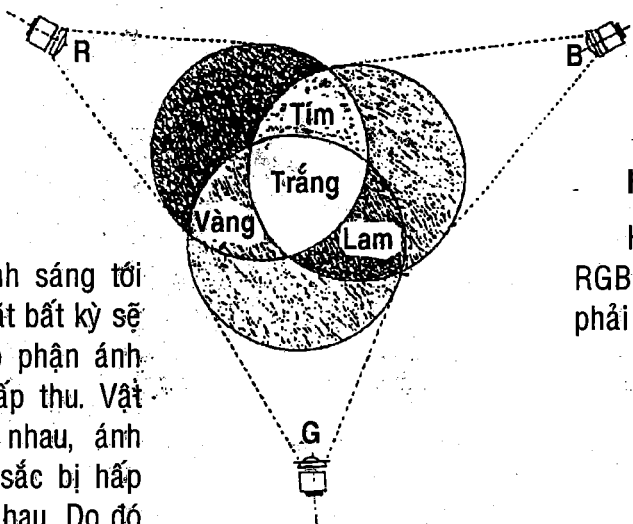


Toàn phổ của bức xạ điện từ

Ánh sáng trắng là tập hợp liên tục toàn phổ bức xạ điện từ đơn sắc trong miền bức xạ điện từ khả kiến, từ màu tím, $\lambda = 380 \text{ m}\mu$ đến màu đỏ, $\lambda = 760 \text{ m}\mu$.

Ánh sáng và màu luôn luôn gắn liền nhau, vì vậy thường nói ánh sáng màu. Màu không tồn tại khi không có ánh sáng.



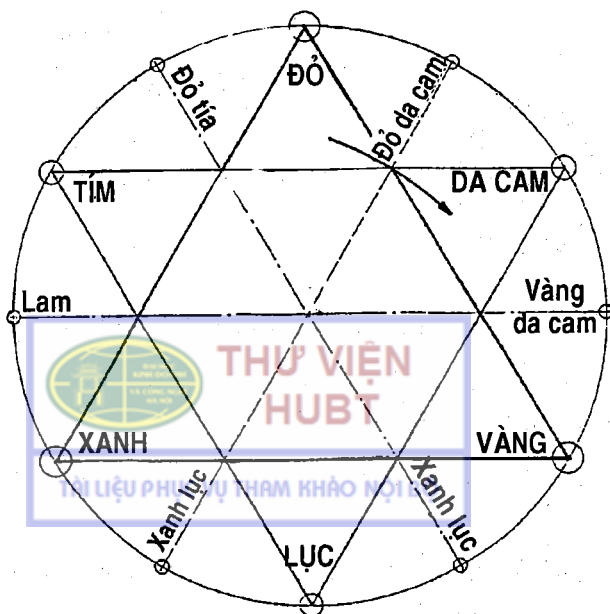
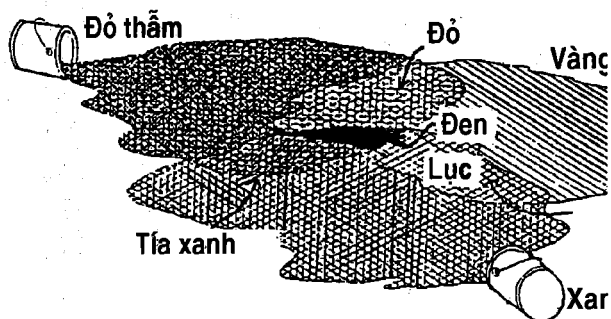


Khi ánh sáng tới trên bề mặt bất kỳ sẽ có một bộ phận ánh sáng bị hấp thu. Vật liệu khác nhau, ánh sáng đơn sắc bị hấp thu khác nhau. Do đó phổ của ánh sáng phản xạ không giống phổ của ánh sáng tới, cho nên màu trên vật thấy được vừa phụ thuộc vào màu của ánh sáng tới, vừa phụ thuộc vào màu của ánh sáng phản xạ. Hiện tượng này gọi là đặc trưng chiếu sáng kiến trúc.

HÒA MÀU ÁNH SÁNG

Hòa màu theo hệ thống màu RGB, màu của thị giác, không phải màu vật lý.

HÒA MÀU TỰ NHIÊN



3 đặc trưng của màu

- Độ tinh khiết của màu.
- Sáng tối.
- Độ chói - Cường độ màu

Vòng tròn màu của Brewsku (hoặc Prăng) xếp theo thứ tự cấu trúc màu ánh sáng.

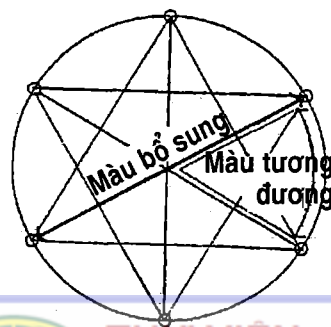
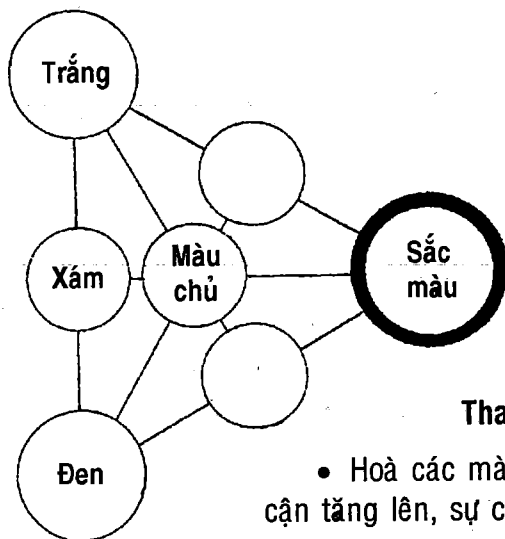
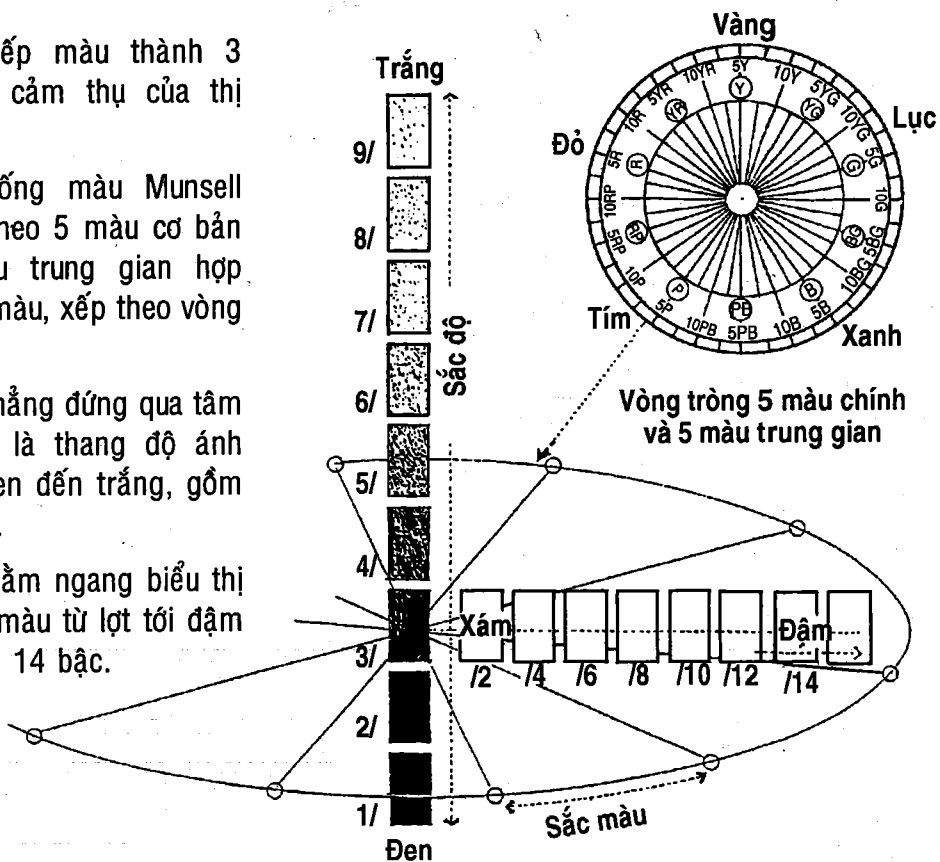
HỆ THỐNG MÀU CỦA ALBERT - MUNSELL:

Sắp xếp màu thành 3 gam theo cảm thụ của thị giác.

Hệ thống màu Munsell thiết lập theo 5 màu cơ bản và 5 màu trung gian hợp thành 10 màu, xếp theo vòng tròn.

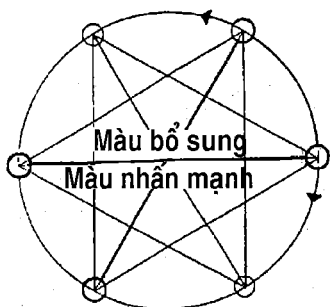
Trục thẳng đứng qua tâm vòng tròn là thang độ ánh sáng từ đen đến trắng, gồm 10 sắc độ.

Trục nằm ngang biểu thị cường độ màu từ nhạt tới đậm chia thành 14 bậc.

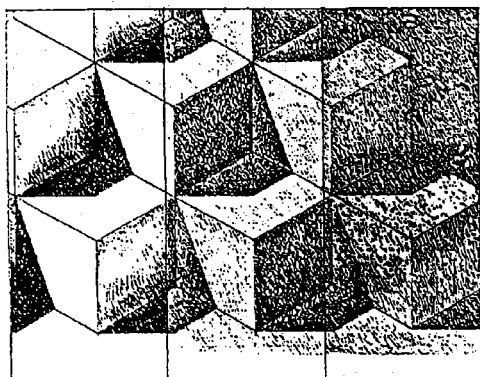


Thay đổi màu bằng phép hoà màu

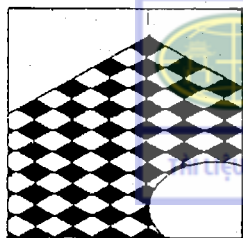
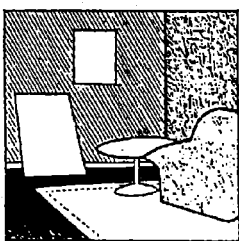
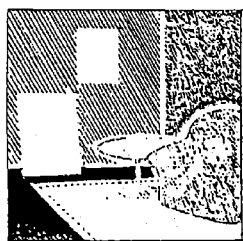
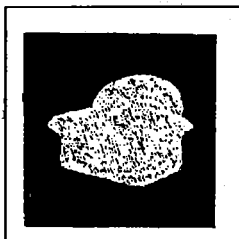
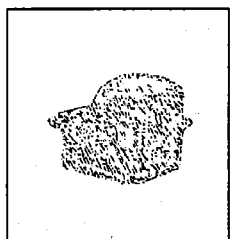
- Hoà các màu lân cận trên vòng tròn màu, sắc màu lân cận tăng lên, sự chuyển màu hài hoà.
- Hoà các màu đối nghịch trên vòng tròn màu sẽ cho sắc màu trung tính.
- Tăng độ sáng của màu bằng cách tăng trắng và ngược lại cần tăng màu đen.



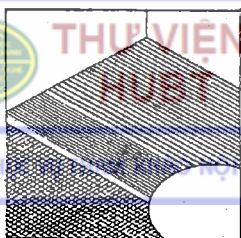
Màu lân cận nhau bổ sung cho nhau



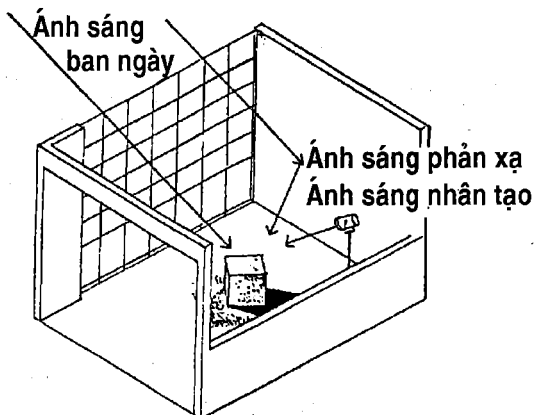
Tương phản sáng tối giữa vật quan sát và bối cảnh (nền)



Họa văn màu



Cảm nhận thị giác



THAY ĐỔI MÀU ÁNH SÁNG VÀ MÀU CỦA BỐI CẢNH:

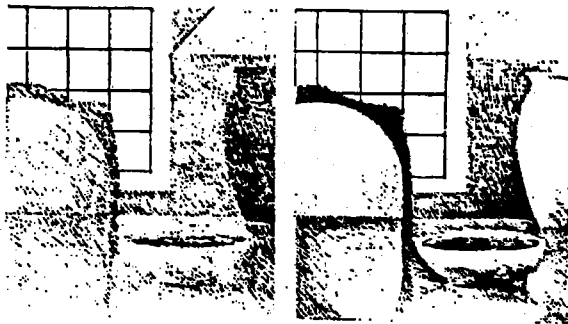
- Màu của ánh sáng tự nhiên thay đổi theo góc cao mặt trời và độ trong suốt của khí quyển.
- Màu của ánh sáng nhân tạo, phụ thuộc nhiệt độ bức xạ của nguồn.
- Ánh sáng phản xạ từ các bề mặt rộng trong phòng tùy thuộc vào đặc điểm hấp thụ ánh sáng và màu bề mặt của nó.
- Ánh sáng nóng có khuynh hướng làm nổi màu ấm, làm dịu hòa màu lạnh. Ánh sáng lạnh, ngược lại.
- Khi độ chói của ánh sáng phản xạ từ vật quan sát và bối cảnh trong tầm nhìn vượt quá giới hạn nào đó, màu mất hết ý nghĩa.

Hai bức vẽ với 2 đường viền trắng đen cho hiệu quả quan sát khác nhau.

Bức vẽ viền đen sinh động, có cá tính, ngược hẳn với bức vẽ viền trắng.

Vân hoa màu tương phản đặt trong không gian hẹp và trên nền nhỏ không cảm nhận được, trở nên nhòa lẫn trong cảm nhận thị giác.

Tỷ lệ sáng tối phân bố trên các khối không gian cho phép nhận dạng hình dáng của nó.



TRONG CẢM NHẬN THỊ GIÁC :

- Màu sáng trong sáng làm cho vật nhòa lẫn trong không gian.

- Màu sẫm trong sáng làm cho vật nhỏ hơn.

- Màu sáng trong tối làm cho vật lớn hơn.

- Màu ấm, đậm kích thích sự hăng hái, năng động.

- Màu lạnh, nhạt tạo cảm giác dễ chịu thư giãn.

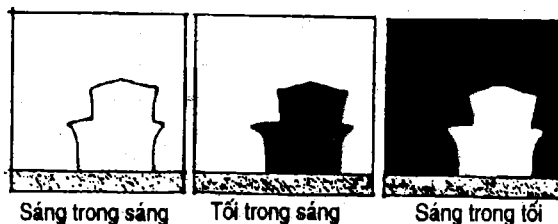
- Màu sáng, nhẹ gây cảm giác tươi vui, nhưng khi độ sáng nhẹ và đồng đều tạo nên sự an phận.

- Màu tối gây cảm giác âm đạm, ủ rũ.

- Màu sáng chói, tương phản mạnh hấp dẫn sự chú ý.

- Màu xám, trung tính, không có tác dụng nào cả.

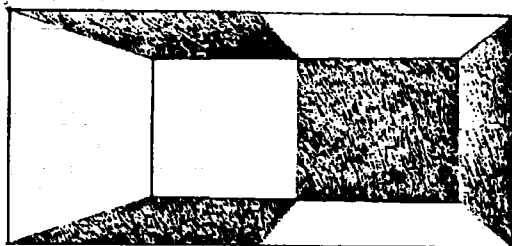
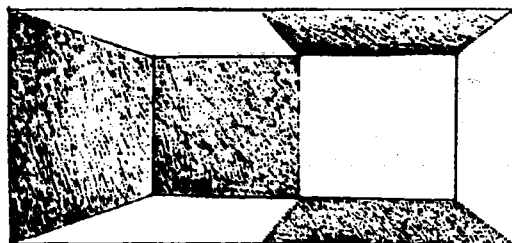
Sử dụng hợp lý màu sáng, màu lạnh và màu trung tính có tác dụng gây cảm nhận hoặc là đẩy xa, tăng khoảng cách rộng ra, hoặc là kích thích sự hưng phấn, sự gắn gũi, làm phong phú không gian, nhất là những không gian hẹp.



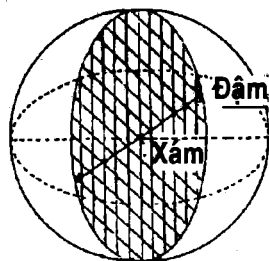
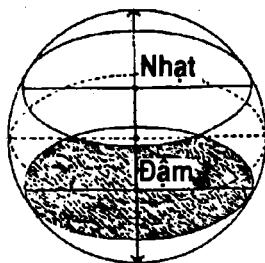
Sáng trong sáng

Tối trong sáng

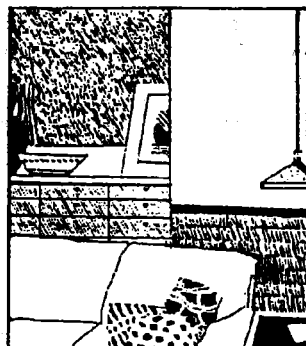
Sáng trong tối



Sự phân bố màu và sắc độ



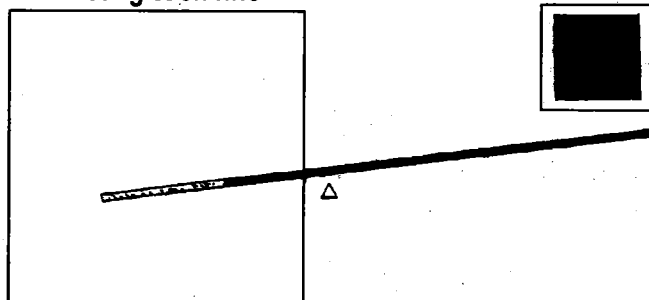
Sự phân bố màu liên quan tới không gian kiến trúc, tới khoảng cách bài trí vật dụng...



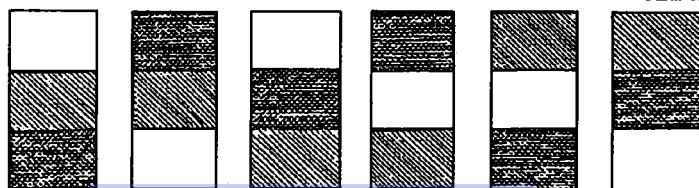
Khoảng cách nhỏ

Khoảng cách lớn

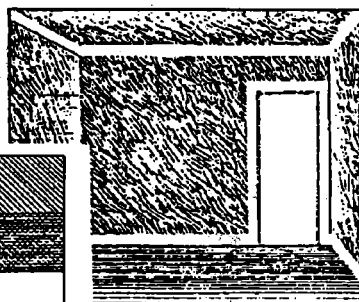
Giải pháp cân bằng giữa vùng trung tính rộng với vùng hẹp hơn có màu đậm.



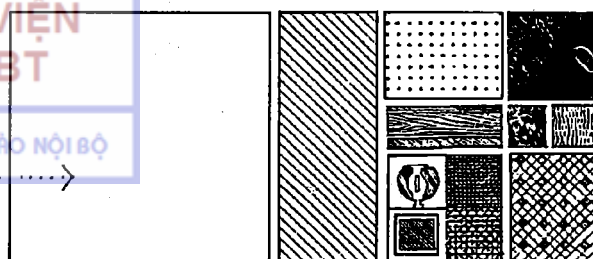
Phân bố màu theo phương đứng. Theo truyền thống, màu đậm ở dưới cùng, nhạt dần theo chiều cao.



Màng màu đậm gây ấn tượng

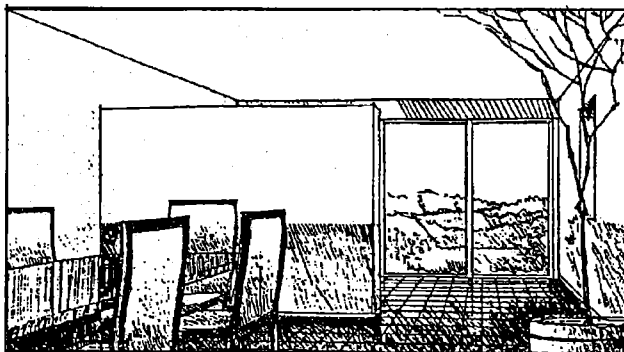


Sự chuyển màu và sắc độ trong không gian tạo cảm giác liên tục, gắn bó, ấm cúng.

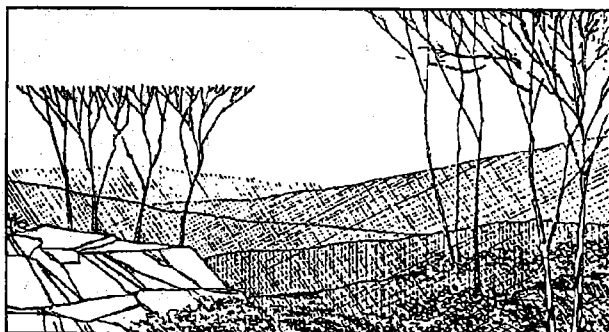


SỰ PHỐI MÀU

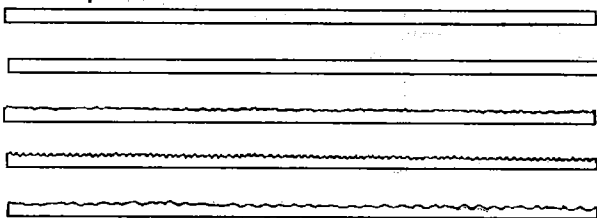
Phòng tự nhiên



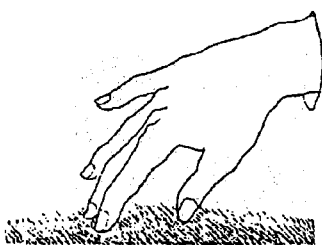
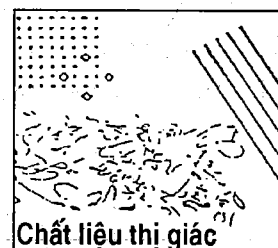
Phối màu tự nhiên



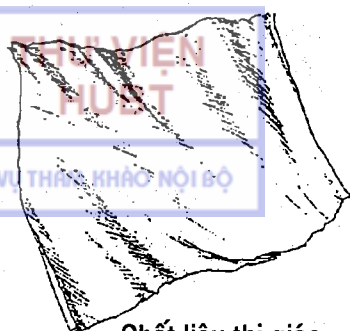
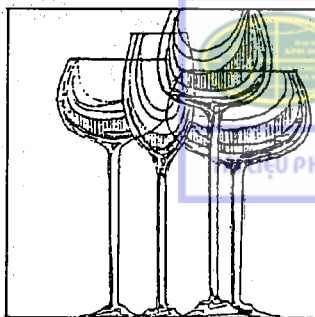
Chất liệu



Cấu trúc 3 chiều trên bề mặt vật liệu



Chất liệu vật chất



Chất liệu thị giác

CHẤT LIỆU THỊ GIÁC

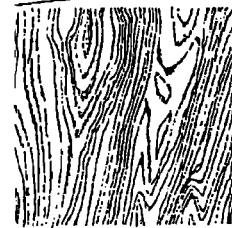
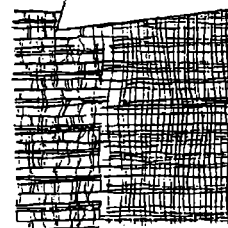
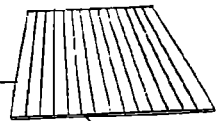
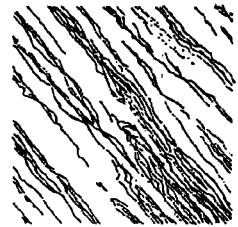
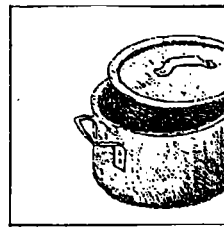
Chất liệu bề mặt của vật liệu sử dụng để tạo cảm nhận trơn láng, bóng, nhám, gỗ ghe..., để phô bày bản chất tự nhiên của vật liệu.

Phân biệt 2 loại chất liệu bề mặt:

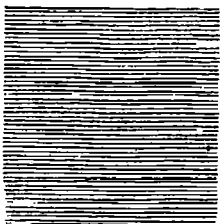
- Chất liệu tiếp xúc, nhận thức.
- Chất liệu thị giác.

Chất liệu bề mặt cho biết chất lượng của vật liệu và tuổi thọ tồn tại của chính nó.

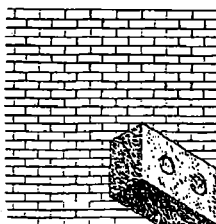
Ánh sáng, màu, khoảng cách nhìn, góc nhìn,... ảnh hưởng trực tiếp tới nhận thức thị giác đối với chất lượng bề mặt của vật liệu.



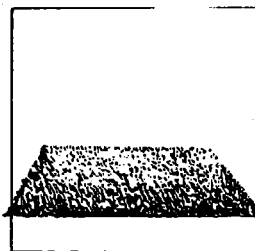
CHẤT LIỆU VÀ TỶ LỆ



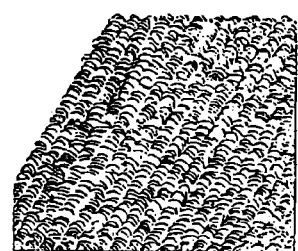
Nhìn xa



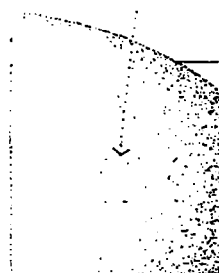
Nhìn gần



Nhìn xa



Nhìn gần



Hướng của ánh sáng và hiệu quả nhìn bề mặt chất liệu

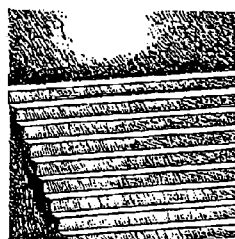
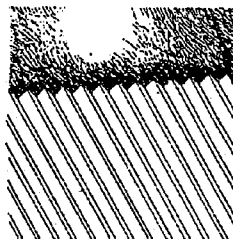
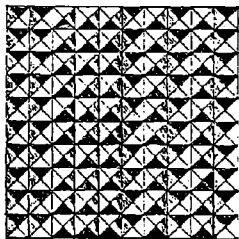
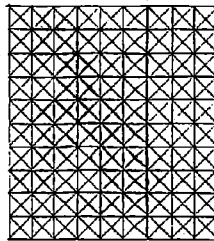
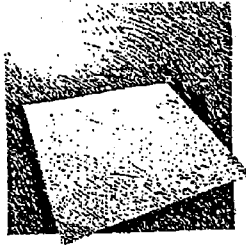
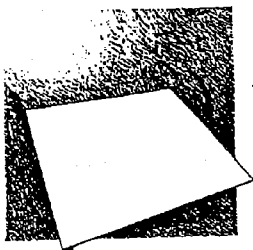
Kiểu dáng bề mặt của vật liệu, màu sắc, ánh sáng, tạo những cảm nhận phong phú trong không gian kiến trúc.

- Bề mặt có vân làm cho diện bài trí như rộng hơn.
- Bề mặt thô, tạo cảm giác xích lại gần.

Kích thước, tỷ lệ, tầm nhìn ... và kiểu dáng bề mặt của chất liệu, lựa chọn và bài trí phù hợp sẽ cho cảm giác no đủ, phong phú của không gian.

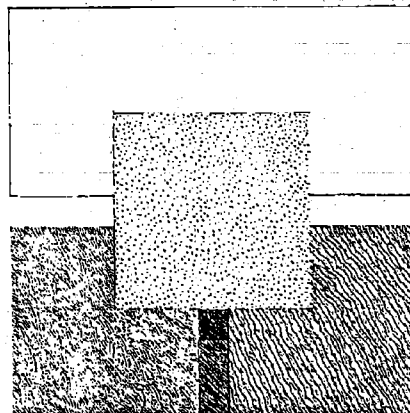
CHẤT LIỆU VÀ ÁNH SÁNG

- Ánh sáng khuếch tán làm mất hiệu quả không gian của bề mặt vật liệu.
- Tính có hướng của ánh sáng làm nổi cấu trúc không gian không những của bề mặt chất liệu mà cả các khối bài trí trong không gian kiến trúc

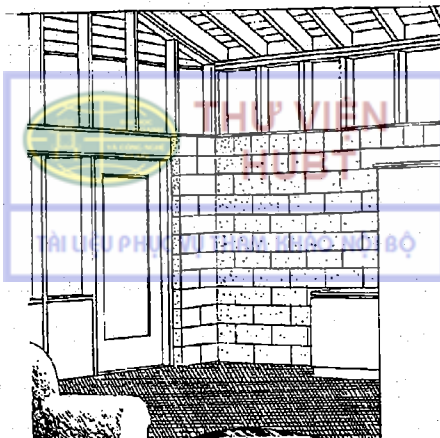


Tính định hướng của ánh sáng tạo bóng và phân bố sáng tối trên vật quan sát, không những làm cho vật trở nên đẹp hơn, hấp dẫn hơn, mà còn nhìn rõ cấu trúc của chính nó.

Tỷ lệ sáng tối còn giúp phân biệt một tập hợp nhiều chất liệu bài trí gần nhau, chất liệu này làm đẹp chất liệu kia.



Chất liệu tự nó biểu hiện giải pháp cấu trúc và cấu tạo đi theo nó, hình thành những tiết tấu riêng trong nhịp điệu chung của toàn không gian kiến trúc.

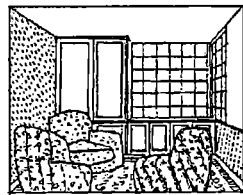
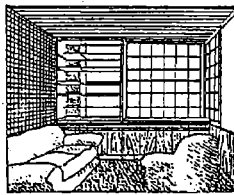
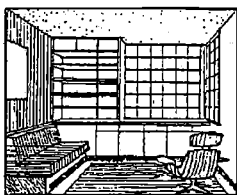
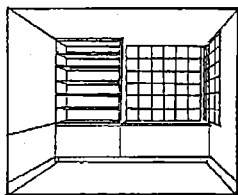


Phòng trống

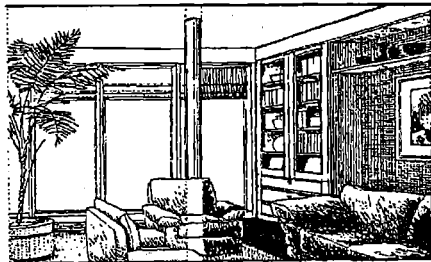
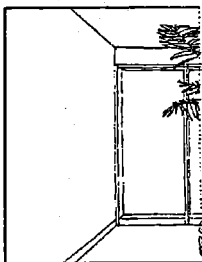
Phòng có chất liệu

Phòng đầy chất liệu

Chất liệu chen lẫn nhau



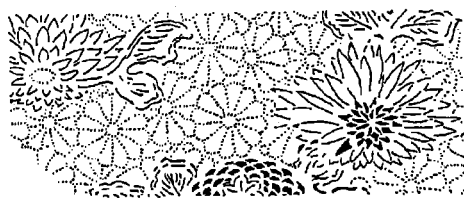
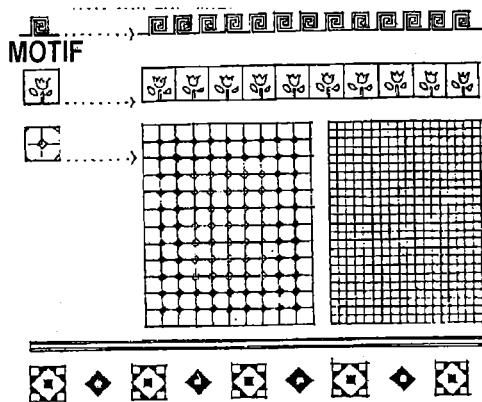
Lựa chọn chất liệu hài hòa về khối, dáng và màu sắc, đồng thời hài hòa trong không gian bài trí, hòa nhập với chất liệu và giải pháp cấu trúc chất liệu của không gian đó.



HOA VĂN LẮP GHEP

Hoa văn trang trí có khả năng xóa được những khiếm khuyết của bề mặt, đem lại sự hài hòa sinh động cho không gian kiến trúc.

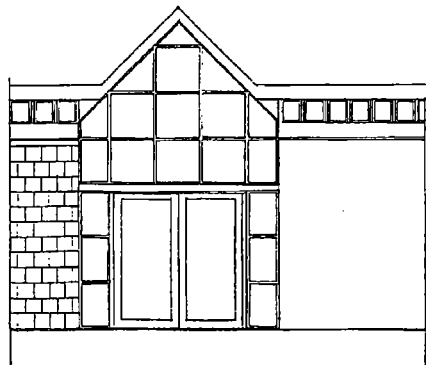
Trong trường hợp này, hoa văn trở thành một loại chất liệu, phủ trên một chất liệu khác đã được cấu tạo.



Hoa văn ứng dụng

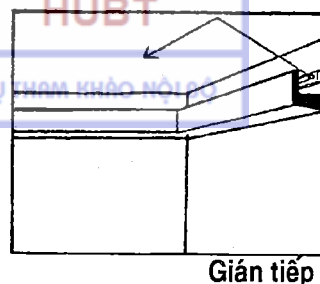
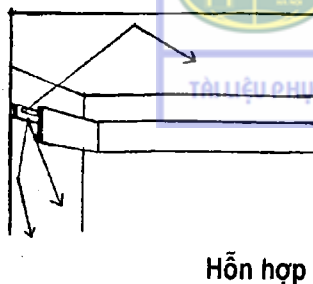
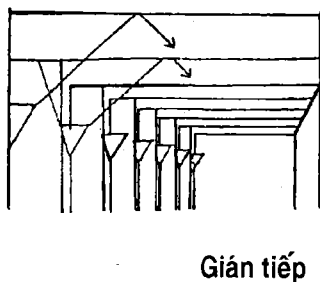
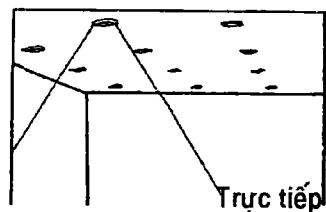
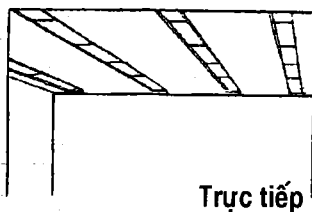
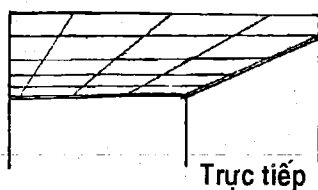
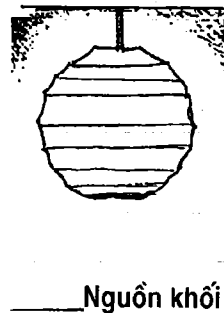
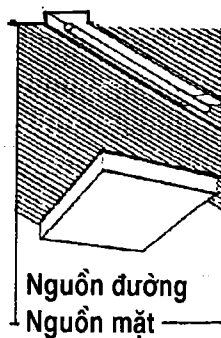
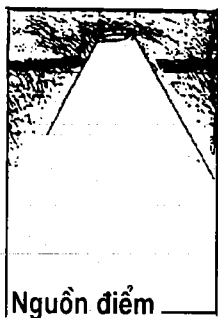
Hoa văn cấu trúc

Hoa văn hình thành từ những hình, đường kỷ hà theo phẩm chất của chất liệu tự nhiên.

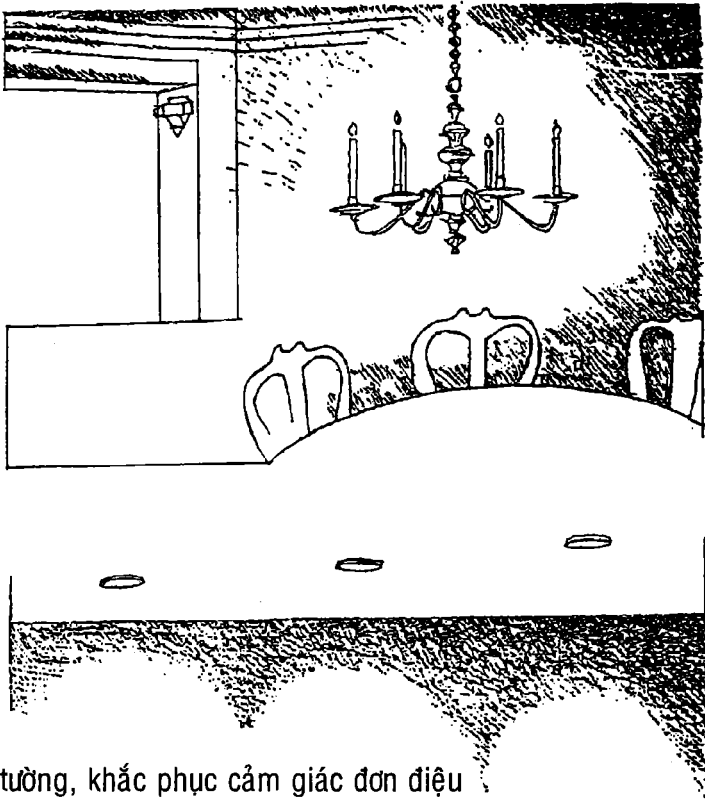


A.4. Ánh sáng

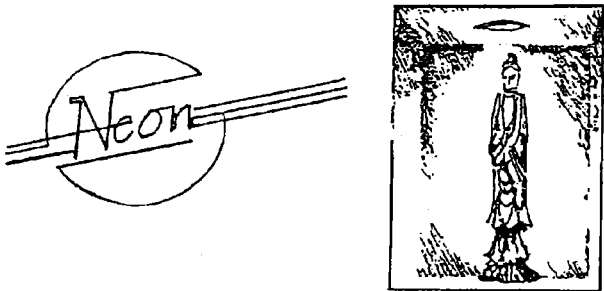
Nguồn sáng đánh thức không gian, đồng thời cũng là vật trang trí trong không gian.



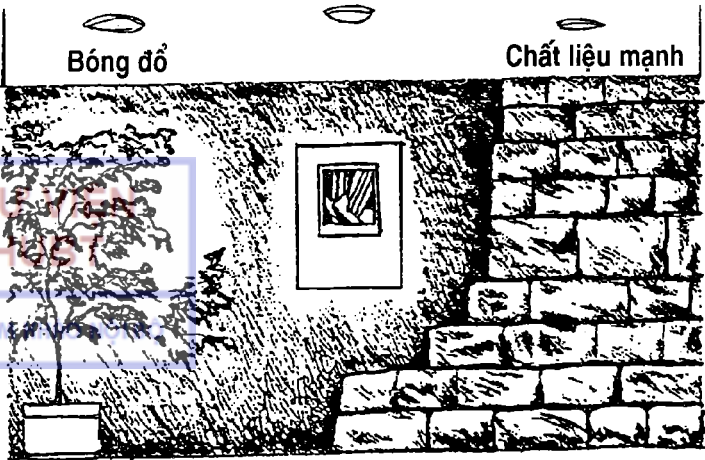
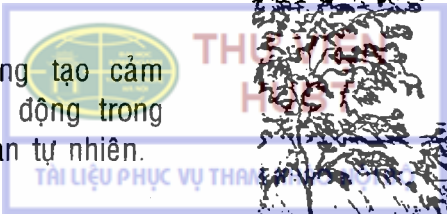
Chiếu sáng trọng tâm



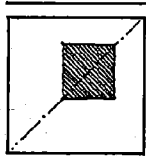
Chiếu sáng tạo hoa bóng trên tường, khắc phục cảm giác đơn điệu



Chiếu sáng tạo cảm giác sinh động trong không gian tự nhiên.



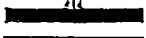
B. NGUYÊN LÝ CẤU TRÚC NGÔN NGỮ KIẾN TRÚC



Tỷ lệ



Tỷ lệ so sánh
(Tỷ lệ tương đối)



Cân bằng



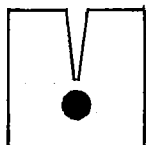
Hài hoà



Đa dạng thống nhất

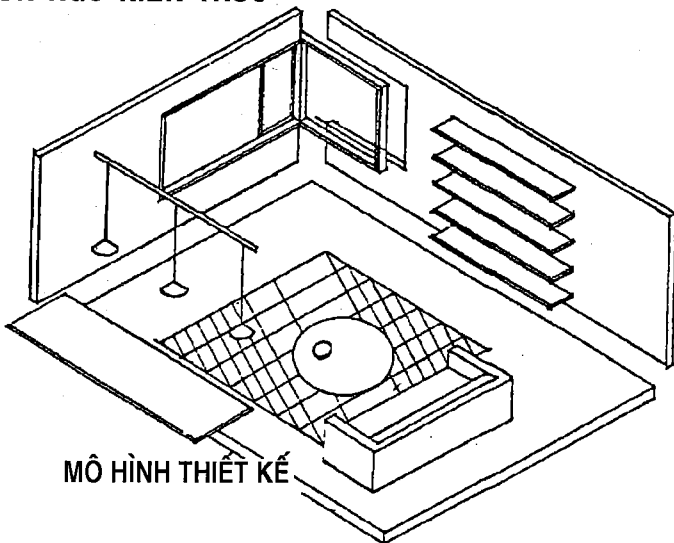


Nhịp điệu

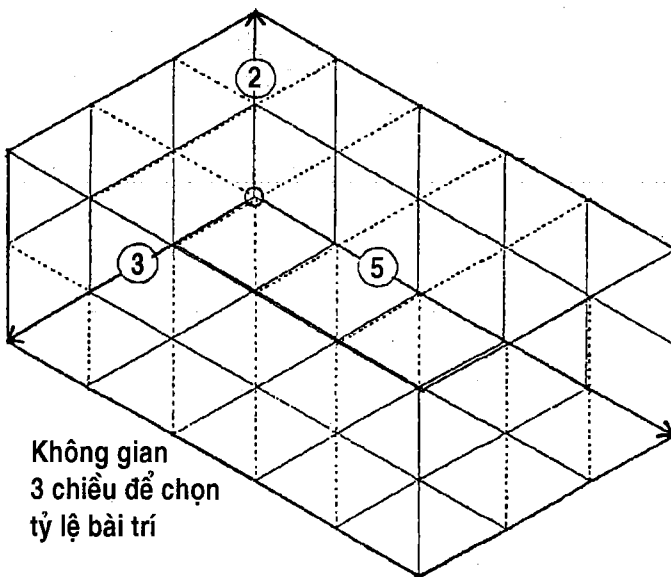


Nhấn mạnh

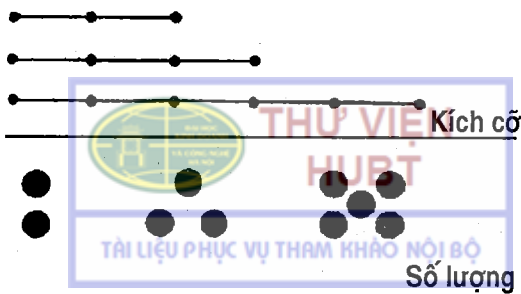
Tỷ lệ bao hàm quy mô, kích cỡ, giá trị, số lượng, mức độ, lớn nhỏ, đậm nhạt, xa gần, sắc độ ... phụ thuộc vào không gian bài trí, tiện nghi sử dụng, tiện nghi nhìn.



MÔ HÌNH THIẾT KẾ



Không gian
3 chiều để chọn
tỷ lệ bài trí

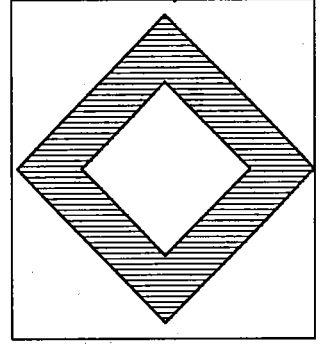
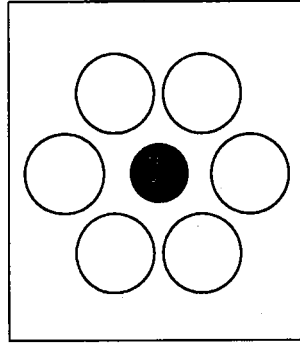
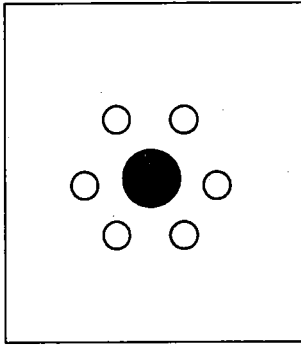


Kích cỡ

Số lượng

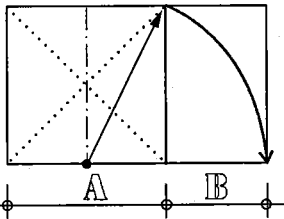


Mức độ



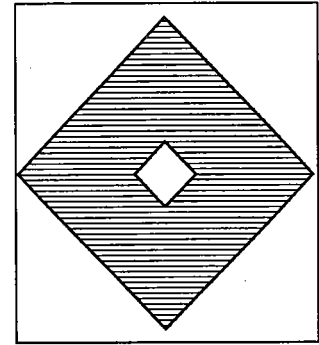
Tỷ số $A : B$ $\frac{A}{B}$

Tỷ lệ $A : B : C$ $\frac{A}{B} = \frac{B}{C}$



Tiết diện vàng

$$\frac{B}{A} = \frac{A}{A+B}$$

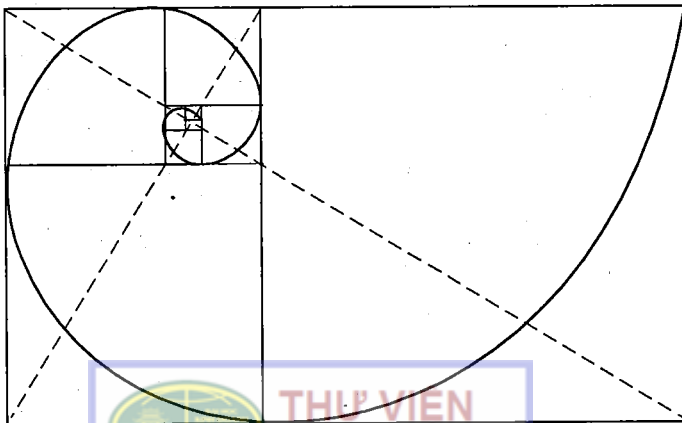


**Tương quan tỷ lệ
trong tập hợp bố cục**

Một vài phương pháp toán học và hình học để tìm tỷ lệ lý tưởng của vật, làm cơ sở thiết kế tổ chức thẩm mỹ kiến trúc.

Tiết diện vàng là một tỷ lệ quen thuộc xuất xứ từ Hy Lạp cổ, tỷ lệ này biểu thị mối quan hệ thống nhất giữa 2 phần lớn nhỏ của 1 khối (A + B):

$$\text{Tỷ số } \frac{B}{A} = \frac{A}{A+B}$$



1, 1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, 55

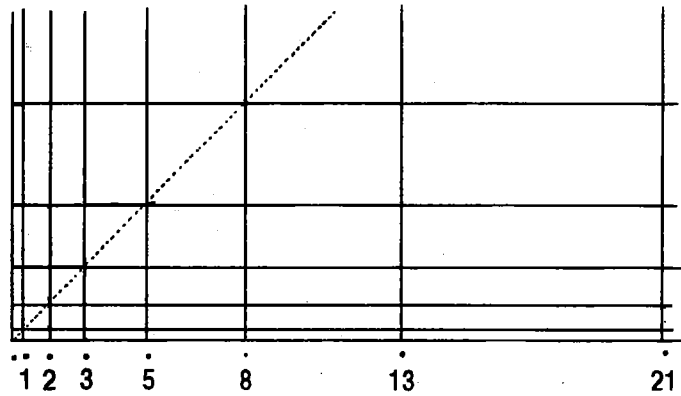
Chuỗi số FIBONACCI:

Mỗi số hạng trong chuỗi bằng tổng 2 số hạng đứng trước nó. Tỷ lệ giữa 2 số hạng liên tiếp xấp xỉ tiết diện vàng.

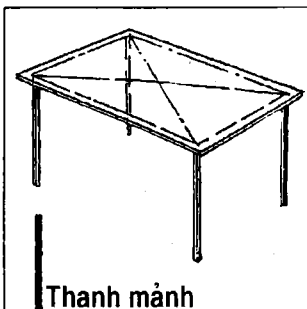
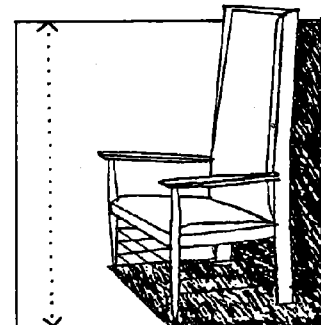
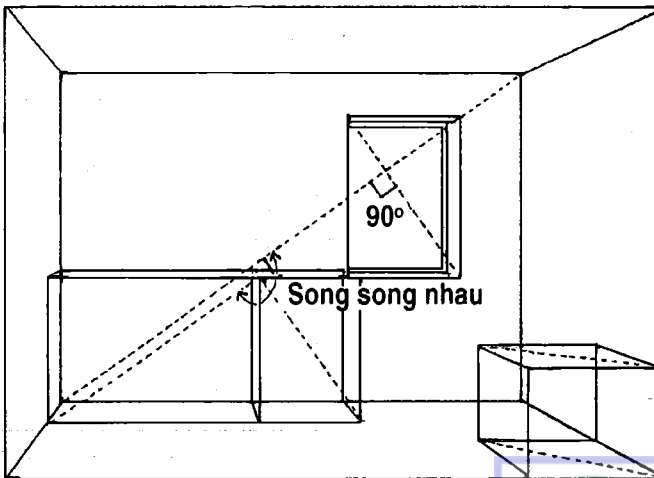
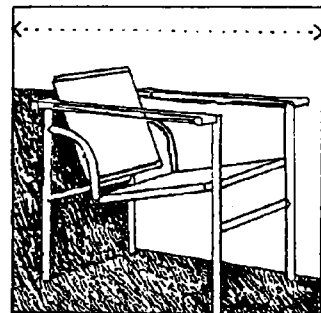
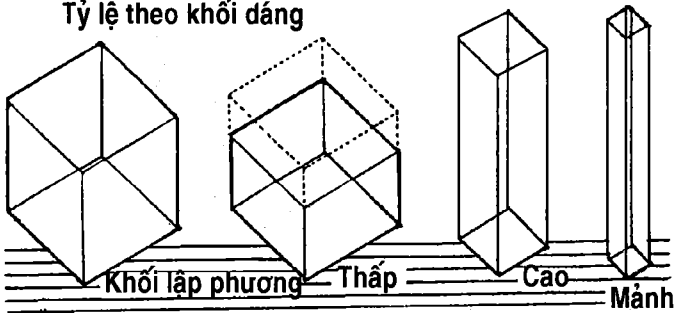
Những chỉ dẫn này rất có ý nghĩa khi tìm bố cục khối – mặt bằng khối.

Tỷ lệ là vấn đề tồn tại muôn đời, nội dung rất vô cùng và phong phú.

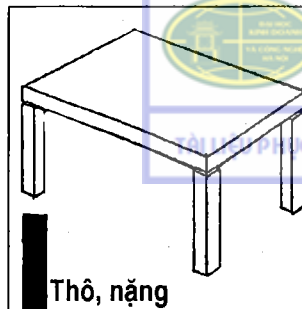
Chuỗi tỷ lệ vàng của FIBONACCI



Tỷ lệ theo khối dáng



Thanh mảnh

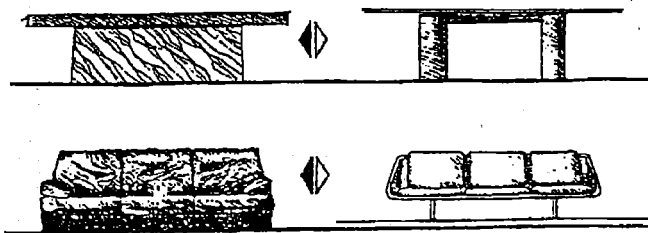


Thô, nặng

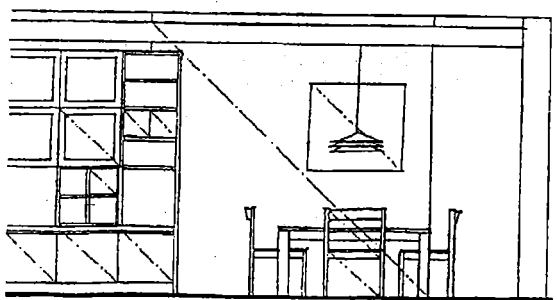
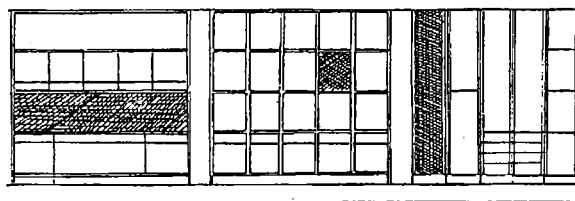
THƯ VIỆN
HUYT
Cùng chất liệu, 2 kiểu dáng khác nhau, tỷ lệ cấu trúc khác nhau.

Những hình chữ nhật có đường chéo song song hoặc vuông góc với nhau.

Tỷ lệ theo kiểu dáng,
Tỷ lệ trong tỷ lệ

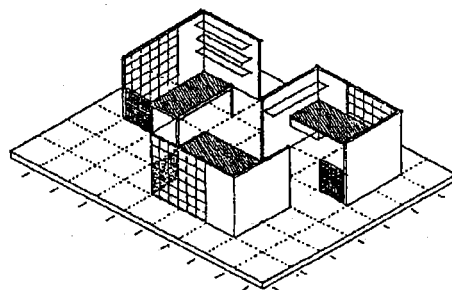


Tỷ lệ trong cấu trúc thành phần
và tỷ lệ trong cấu trúc tổ hợp



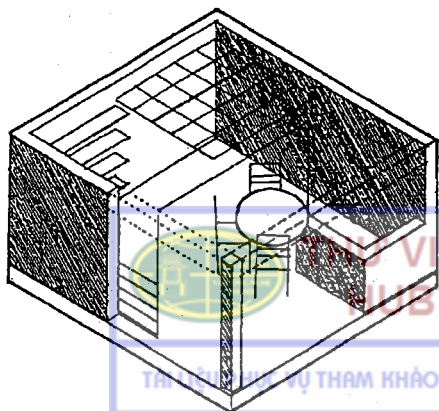
Tỷ lệ không gian

Tỷ lệ thành phần bài trí trong không gian với
không gian

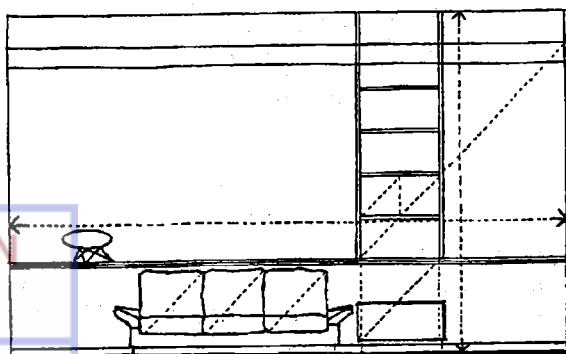


Tỷ lệ môduyn

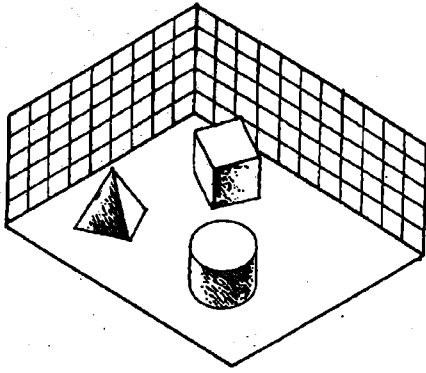
Tỷ lệ lắp đặt



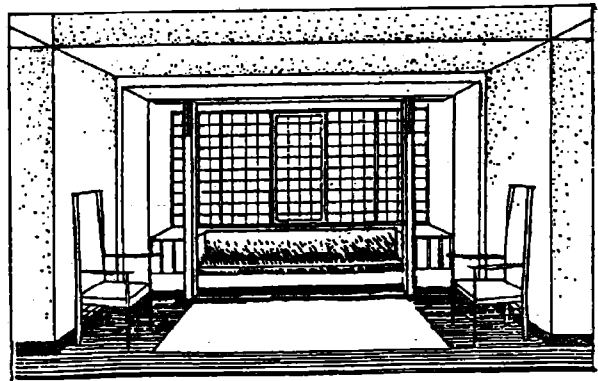
Không gian kín
Vật dụng nhẹ



Tỷ lệ bài trí theo 2 chiều của không gian, tạo sự
hài hoà cân đối toàn cảnh

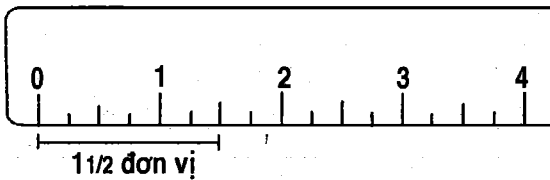


Vật dụng nặng trong không gian thanh thoát

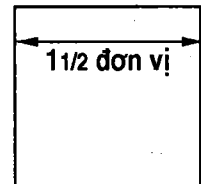


Tỷ lệ trong bao cảnh tương phản

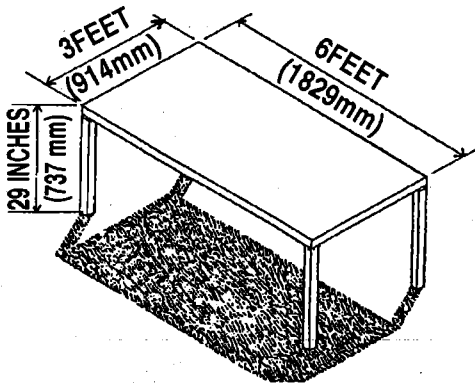
TỶ LỆ TƯƠNG ĐỐI TỶ (LỆ XÍCH)



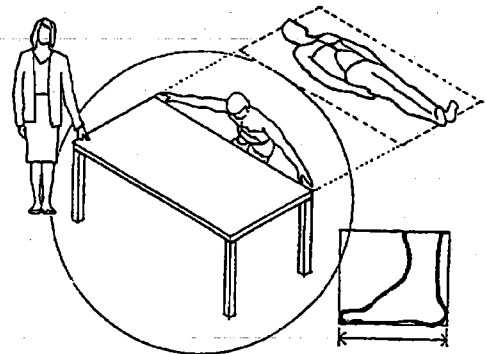
Chúng ta quan tâm tới tỷ xích thị giác



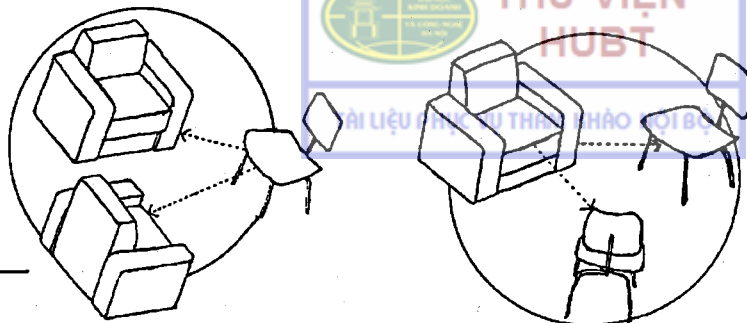
Tỷ xích theo vật dụng tiêu chuẩn



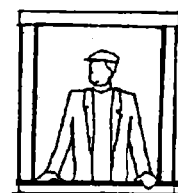
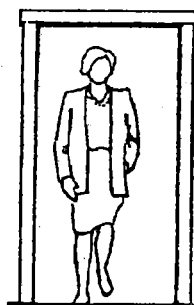
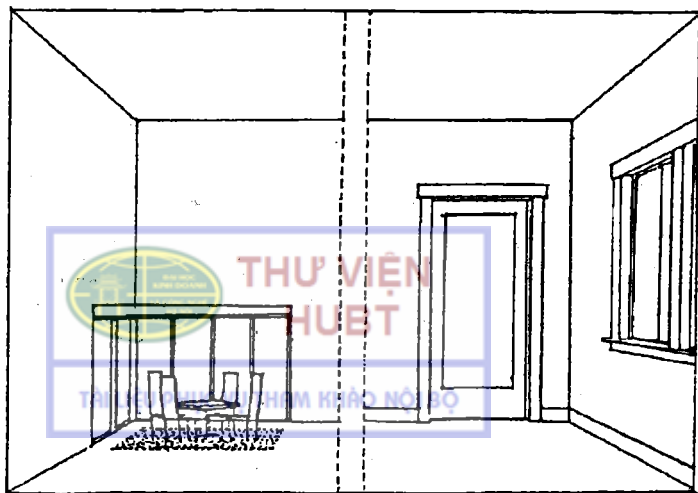
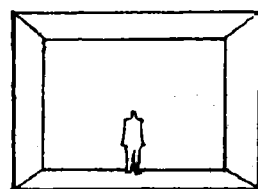
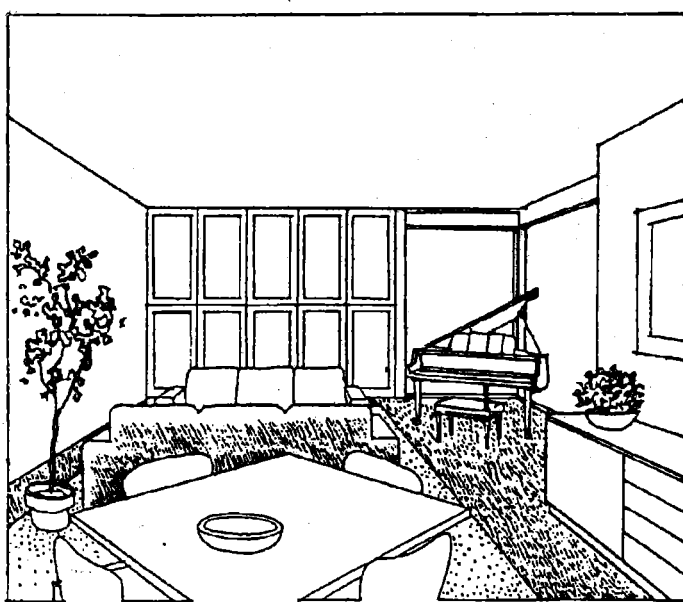
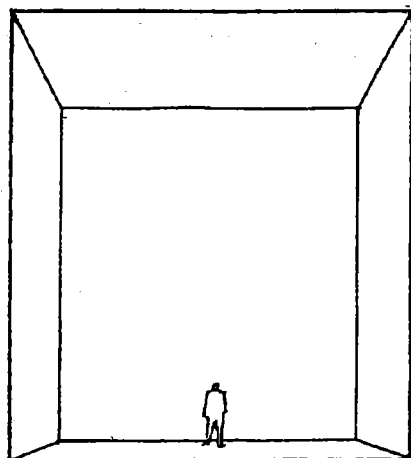
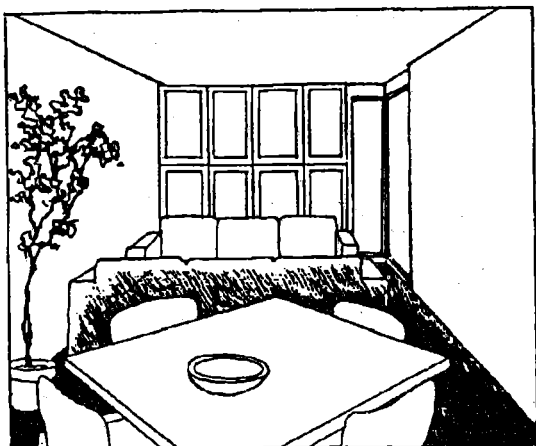
Tỷ xích theo nhân thể



Tỷ xích so sánh trong tương quan vật dụng?

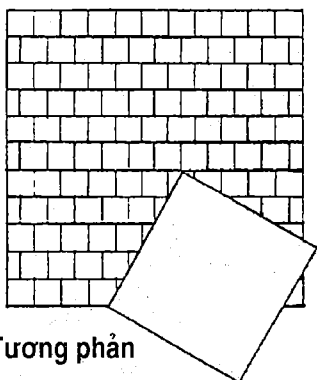
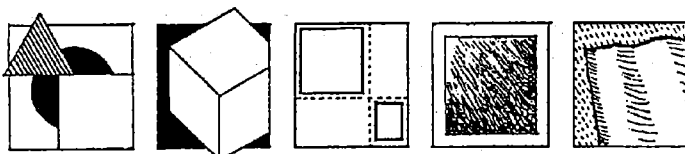
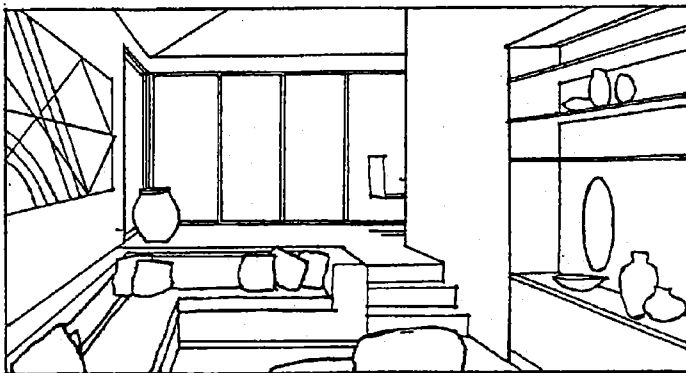


MỘT SỐ HÌNH VẼ DÀNH ĐỂ ĐỘC GIẢ NHẬN XÉT

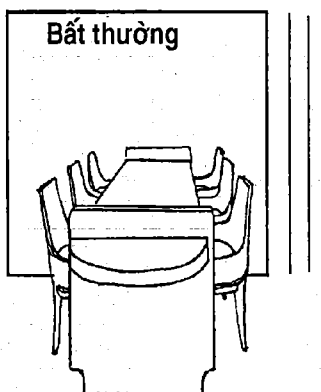


B.1. Cân bằng :

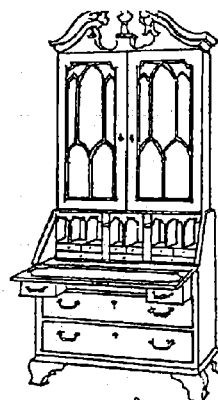
Cân bằng trong trường nhìn của lực thị giác, bao gồm : Vật dụng, ánh sáng, màu sắc, tỷ lệ, lớn nhỏ, không gian, bề mặt giới hạn, trật tự bài trí.... và chất liệu



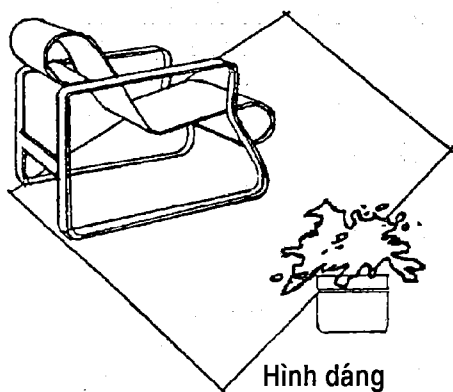
Tương phản



Bất thường



Tinh xảo



Hình dáng

Những yếu tố tăng cường lực thị giác thường được sử dụng :

- Sự tương phản.

- Hình dáng.

- Chất liệu.

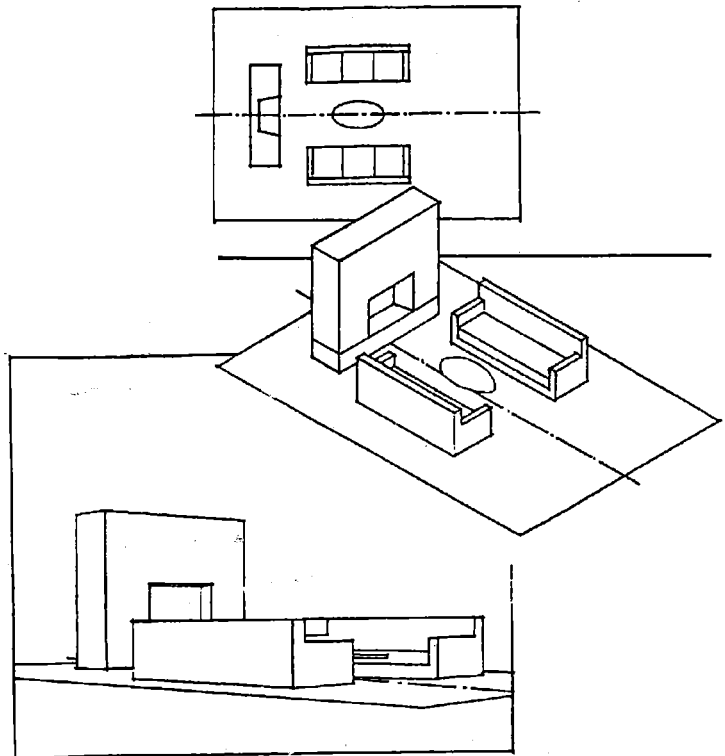
- Ánh sáng.

- Sự bất thường.

Cân bằng thị giác chịu ảnh hưởng rất lớn tới điểm nhìn và khoảng cách nhìn.

Không gian kiến trúc với chất lượng và sự phân bố ánh sáng trong đó làm thay đổi đáng kể cân bằng thị giác.

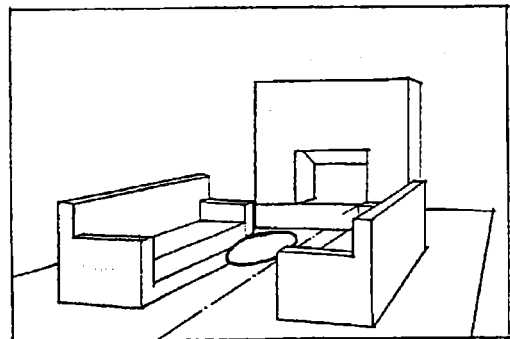
Cân bằng thị giác phụ thuộc nhiều yếu tố, cho nên rất cần thiết, phải xem xét trong không gian 3 chiều.



Cân bằng thị giác cũng thay đổi khi có người và không có người.

Có 3 giải pháp tổ chức cân bằng :

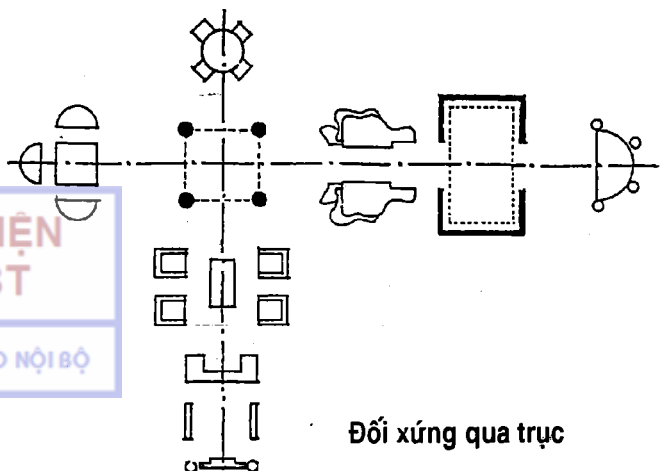
- Đối xứng qua trục.
- Đối xứng xuyên tâm.
- Không đối xứng.

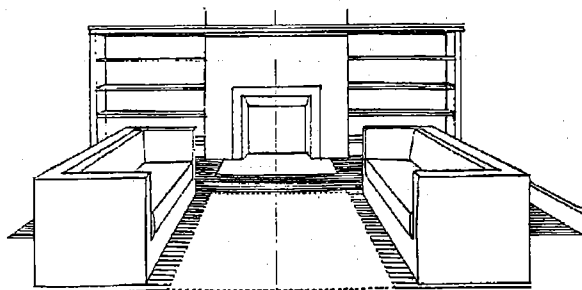


Về đối xứng có : Đối xứng hình dáng, đối xứng khối tích, đối xứng vị trí. Nói chung là đối xứng 2 hoặc 3 chiều.

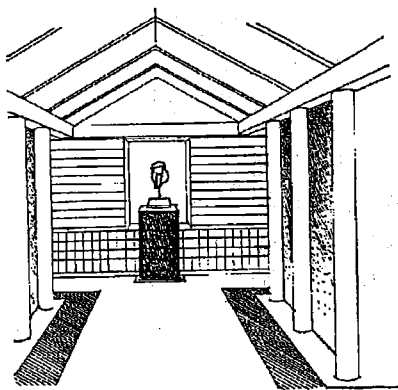
Cân bằng đối xứng cho cảm giác hài hòa, tĩnh định, bình ổn, dễ tạo điểm nhấn và cũng dễ kết thúc.

Cân bằng đối xứng cũng dễ thiết lập điểm nhìn. Có thể tổ chức đối xứng nhóm và đối xứng trong từng nhóm.





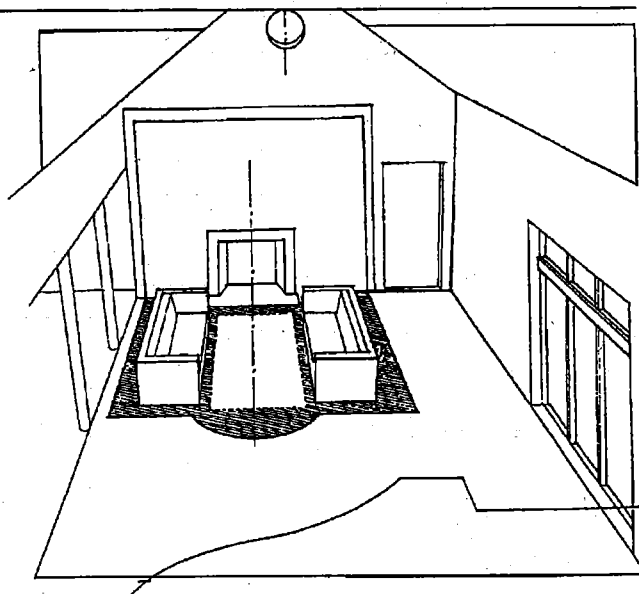
Tiêu điểm trong cân bằng đối xứng



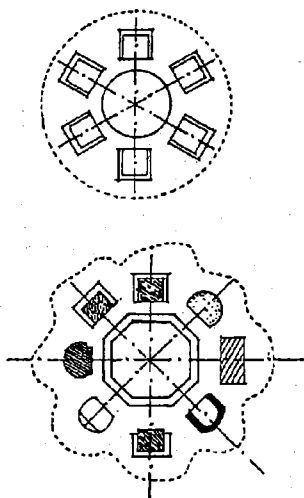
Tiêu điểm kết thúc trong cân bằng đối xứng

ĐỐI XỨNG CỤC BỘ

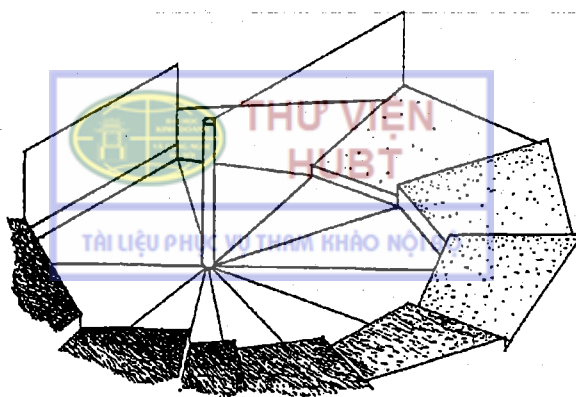
Một nhóm đối xứng cục bộ nhằm tạo nhiều thành phần không gian.



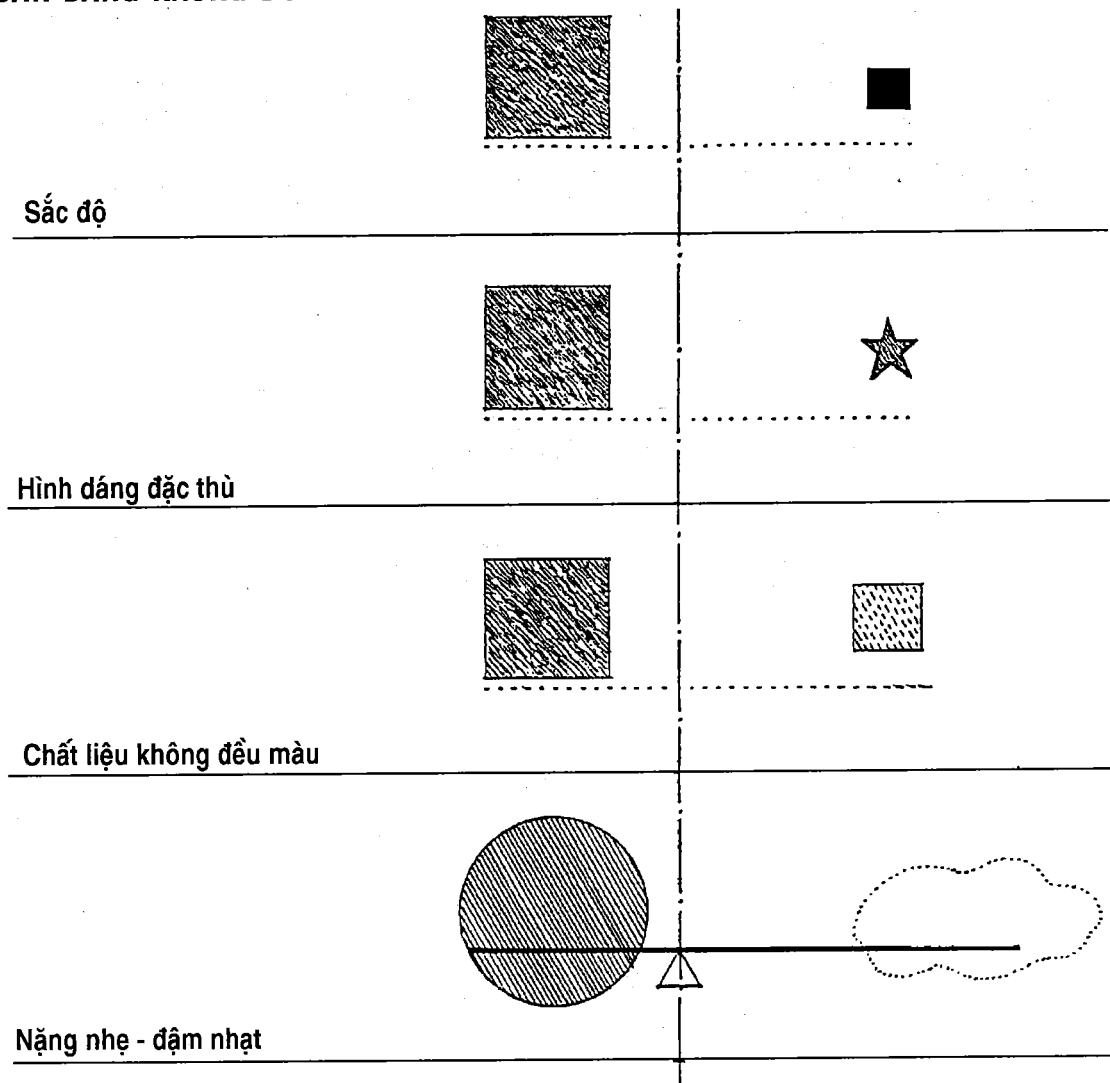
ĐỐI XỨNG QUA TÂM



CÂN BẰNG XUYÊN TÂM

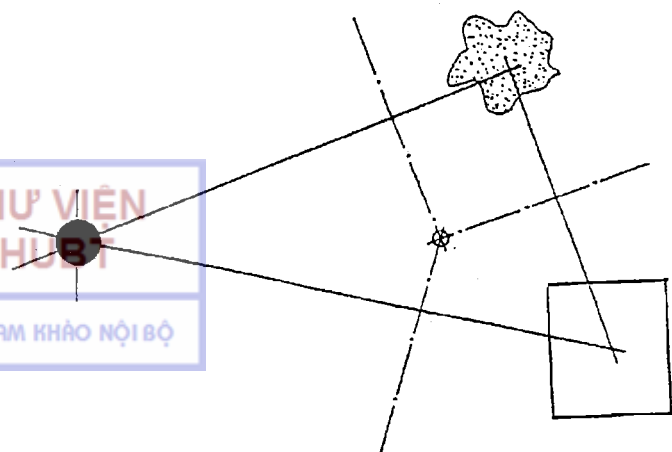


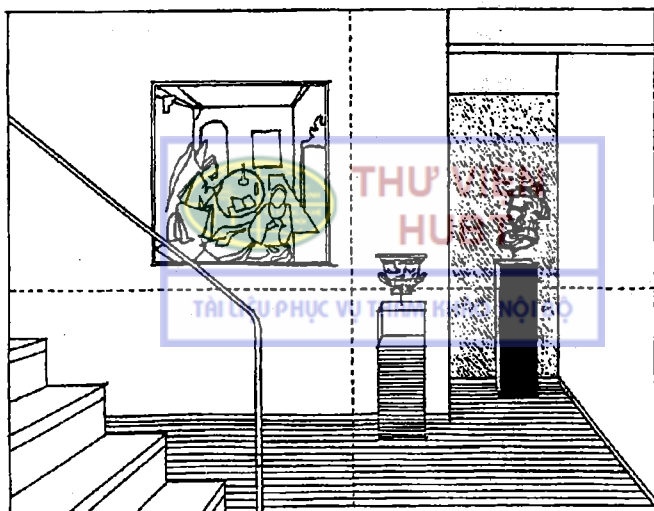
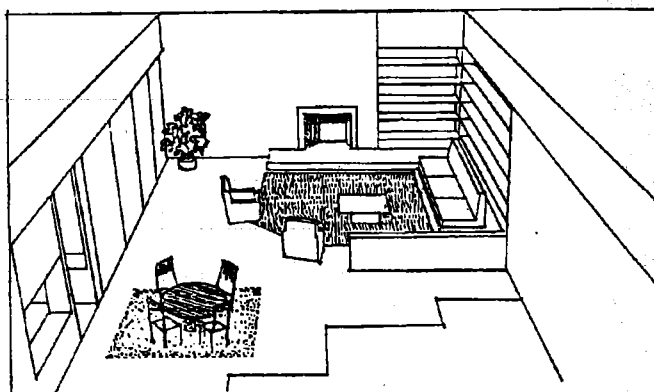
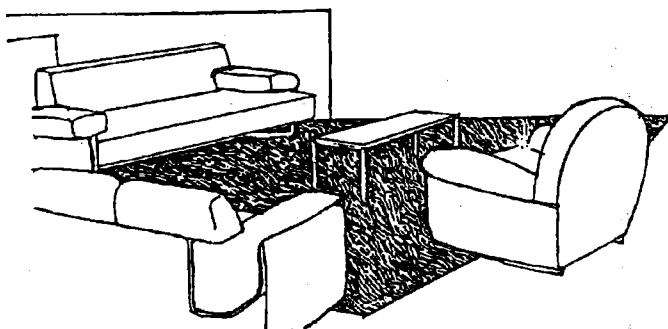
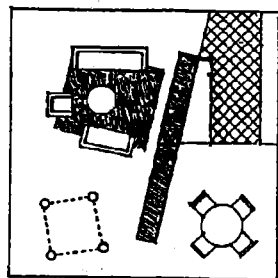
CÂN BẰNG KHÔNG ĐỐI XỨNG



Tìm sự cân bằng khi tổ hợp các đối tượng tương nghịch về dáng khối, kích thước, màu sắc, sắc độ, chất liệu, sáng tối, xa gần ...

Cân bằng thị giác này như có tính huyền bí, cân cân nặng nhẹ hoàn toàn đo bằng thị giác, theo nguyên lý đòn bẩy.

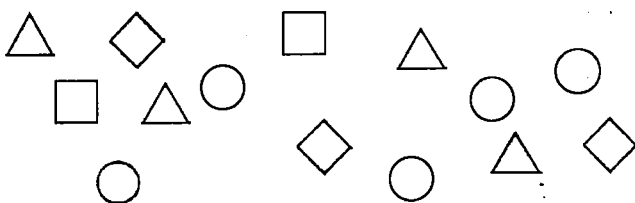




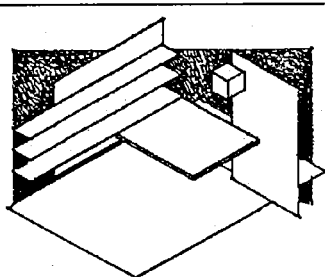
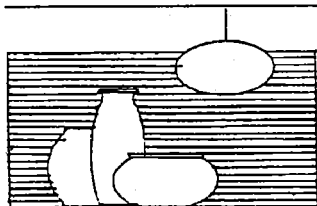
Cân bằng không đối xứng thường gây ấn tượng sinh động, không gian chuyển động, hoa mỹ, linh hoạt.

B.2. Hài hòa

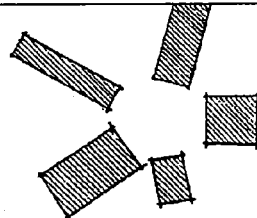
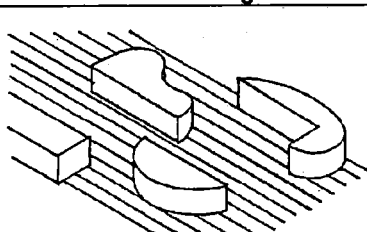
Hài hòa, nôm na là sự thuận mắt, hài hòa từ chất liệu, sắc độ, màu sắc, khối dáng, lớn nhỏ, đường nét, đậm nhạt, xa gần là một thể thống nhất trong tổng thể.



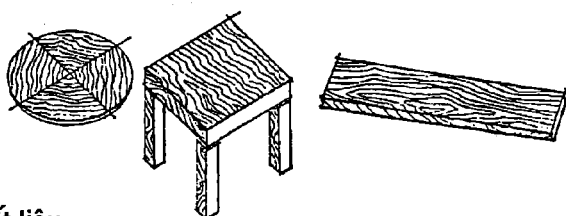
Hài hoà về lớn nhỏ



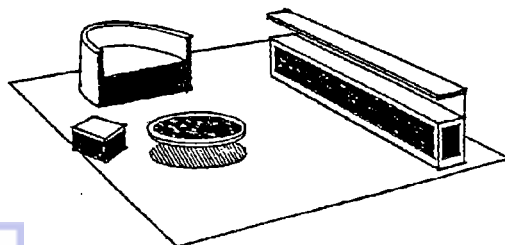
Hài hoà về kiểu dáng



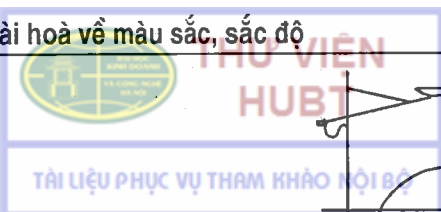
Hài hoà về định hướng



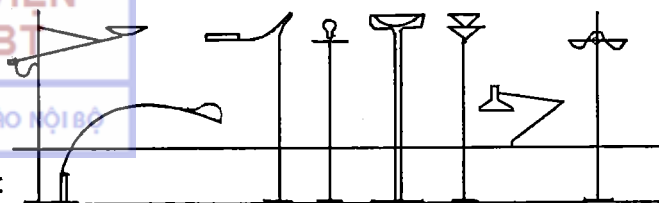
Hài hoà về chất liệu



Hài hoà về màu sắc, sắc độ



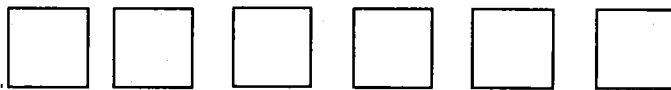
Hài hoà về đặc trưng chi tiết



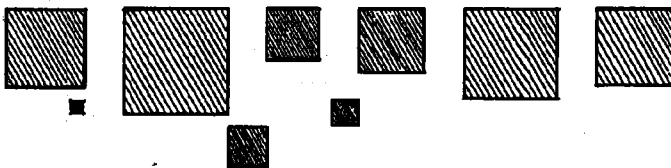
TỔ HỢP ĐA DẠNG

Khi tổ hợp nhiều khối dáng tương tự trong không gian, cũng có thể gây cảm giác đơn điệu, rời rạc, cũng có thể dẫn tới sự hỗn loạn thị giác.

Nếu kết hợp khôn khéo giữa trật tự và hỗn loạn, giữa đa dạng và thống nhất, giữa khẳng định và liên kết sẽ cho cảm nhận hài hòa, sinh động, kích thích sự hưng phấn.



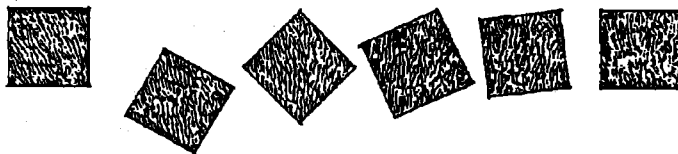
Tập hợp nhiều khối dáng tương tự



Tập hợp đa dạng về khối tích



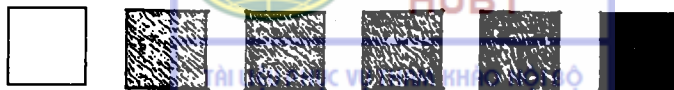
Tập hợp đa dạng về chất liệu



Tập hợp đa dạng về định hướng



Tập hợp đa dạng về đặc trưng chi tiết

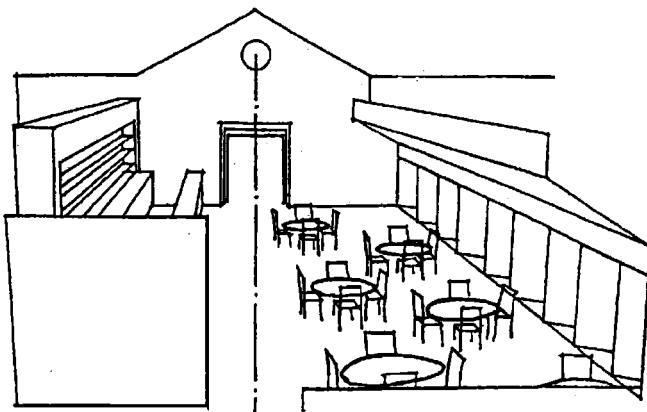


Sự liên kết giữa các khối dáng trong bố cục dựa theo trục bố cục. Trục bố cục lựa chọn qua nhiều công phu cân nhắc trong không gian 3 chiều (bình diện và chiều cao).

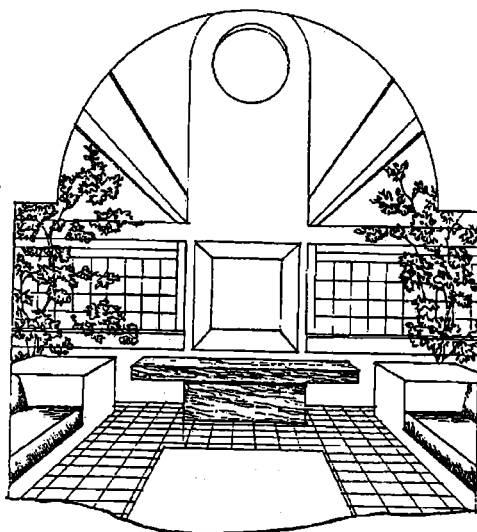
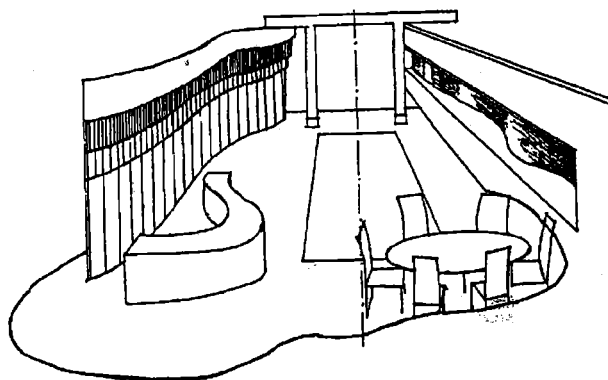
Tập hợp đa dạng về sắc độ, màu sắc

B.3. Đa dạng và thống nhất

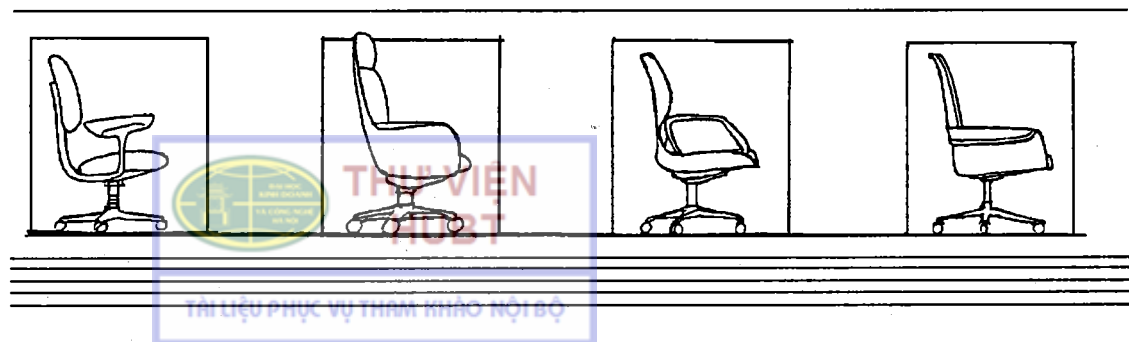
Tổ hợp đa dạng về khối dáng, chất liệu, màu sắc trong không gian đối xứng cho một cảm nhận hài hòa, thống nhất, nhờ cách chia không gian hợp lý theo những đặc trưng của các thành phần.

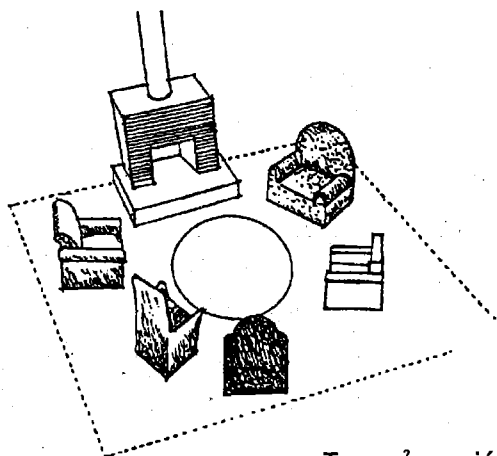


Tổ hợp theo đặc trưng thành phần trong bối cảnh hợp lý.

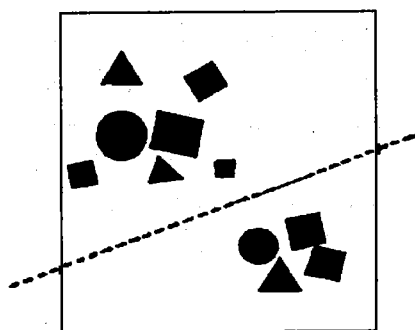


Sự đa dạng thống nhất nhờ cách bài trí



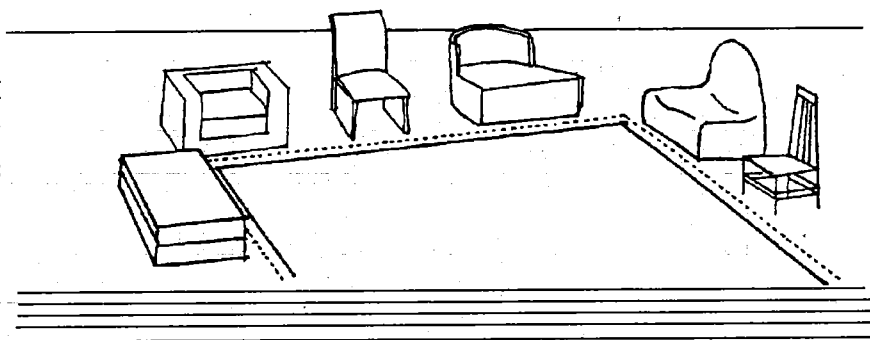


Tạo cảm giác thống nhất các khối dáng đa dạng nhờ phối hợp đường nét và hình dạng của các thành phần quanh tâm bố cục.

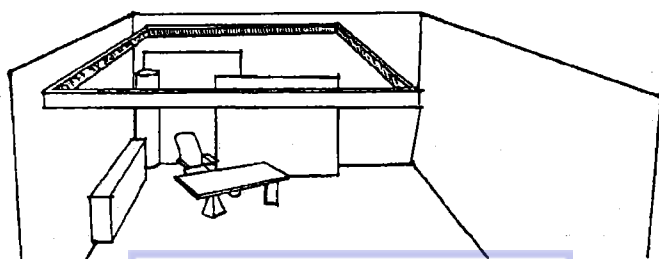


Những yếu tố không cùng kiểu dáng có thể bố trí theo từng nhóm, các nhóm quân bình qua một đường ranh giới.

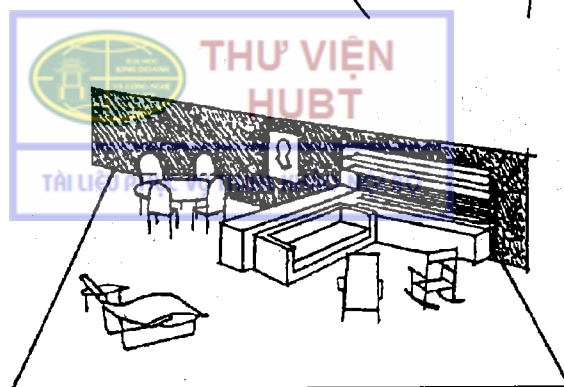
Sự thống nhất đa dạng thì giác nhờ bài trí theo các cạnh gần nhau.



Những thành phần đa dạng thống nhất với nhau nhờ mặt phẳng khép lại ở phía trên.

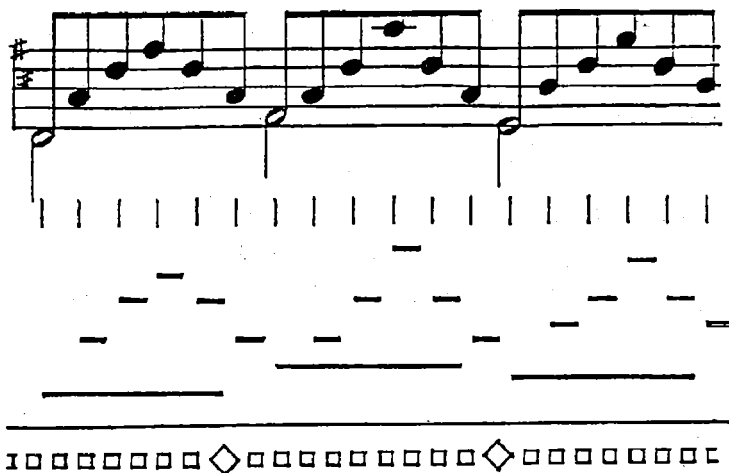


Tấm phong cảnh cảnh là yếu tố tạo cảm giác thống nhất các khối đa dạng bài trí phía trước nó.

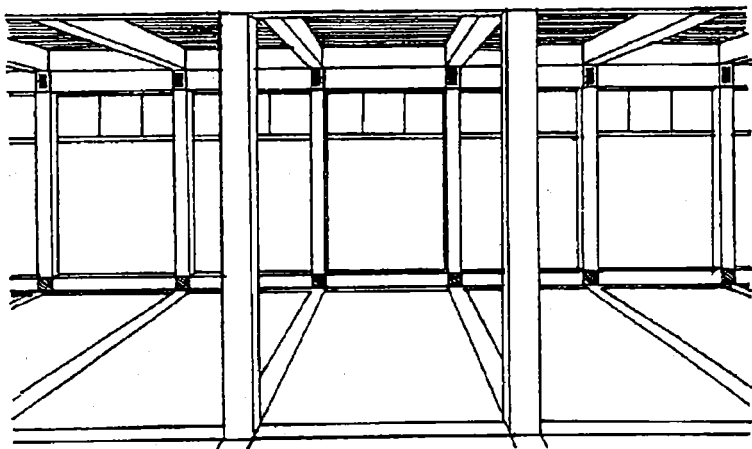


B.4. Nhịp điệu

Sự lặp lại các yếu tố trong cấu trúc theo một quy tắc nào đó không những tạo nên sự thống nhất thị giác mà còn tạo nên nhịp điệu chuyển động trong cảm nhận tâm lý.

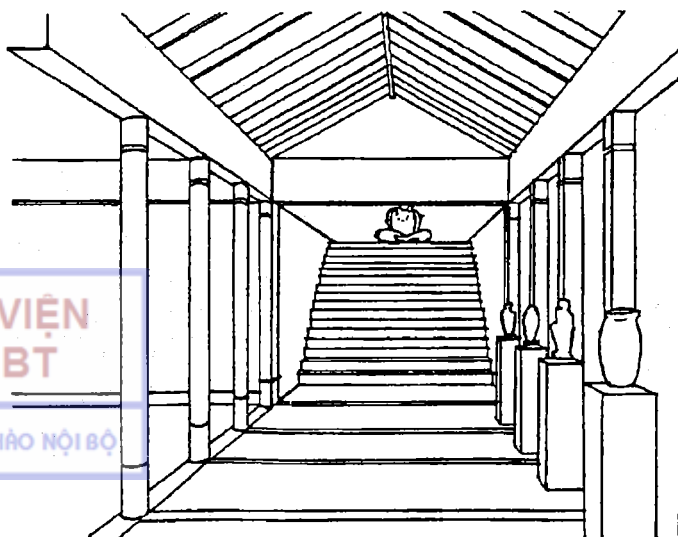


Một thí dụ về nhịp điệu lặp lại các yếu tố cấu trúc trong không gian 3 chiều, tạo sự bình ổn tâm lý.



Nhịp điệu cấu trúc tạo sự linh hoạt, năng động của không gian, tạo sự sống động có quy luật bền vững.

Không gian như chào mời



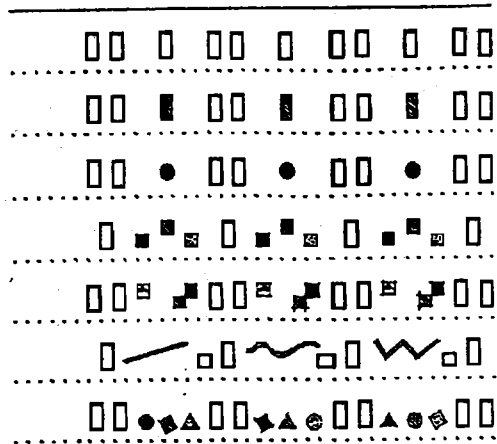
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

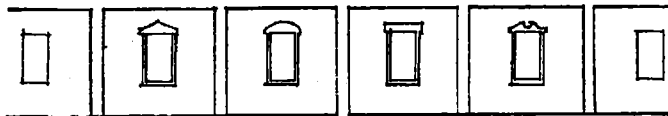
Nhịp độ, nhịp điệu, biến tấu, làm duyên dáng, uyển chuyển cho tổng cấu trúc.

Những đột biến trong nhịp điệu làm tăng tính tự nhiên trong cách bài trí.

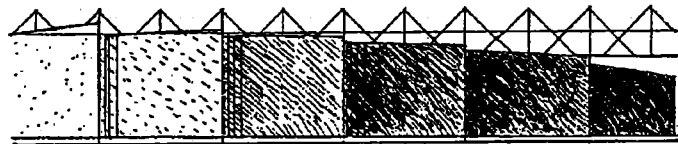
Sự thay đổi khối dáng, chất liệu có tính bất thường trong một chuỗi liên tục, có thể tạo được sự phong phú thị giác, sự hấp dẫn suy tư.



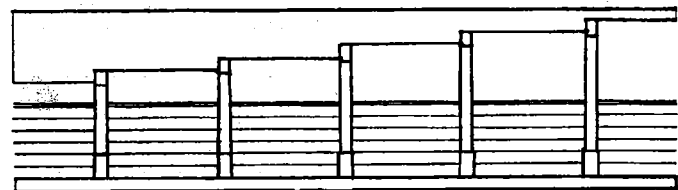
Thay đổi tiết tấu trong nhịp điệu



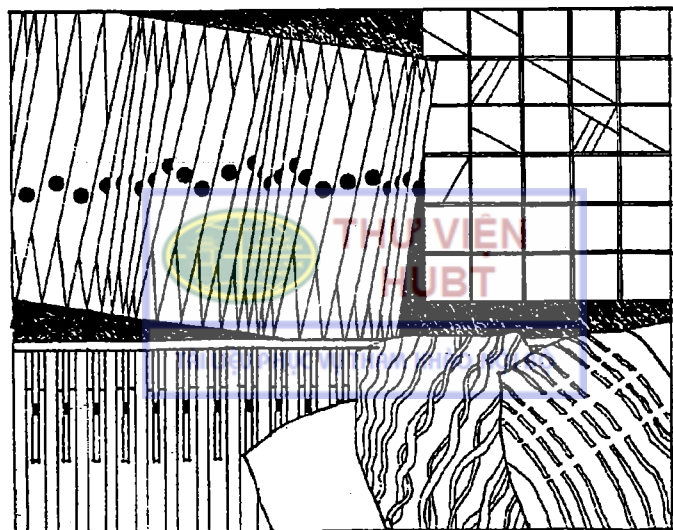
Nhịp điệu hình thành từ sự biến đổi chất liệu và màu sắc



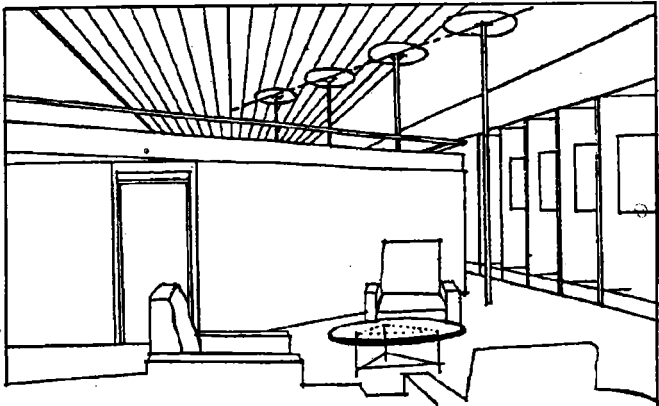
Lớn nhỏ, kích cỡ và nhịp điệu



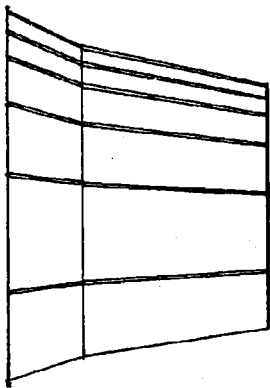
Họa văn, họa tiết và nhịp điệu.



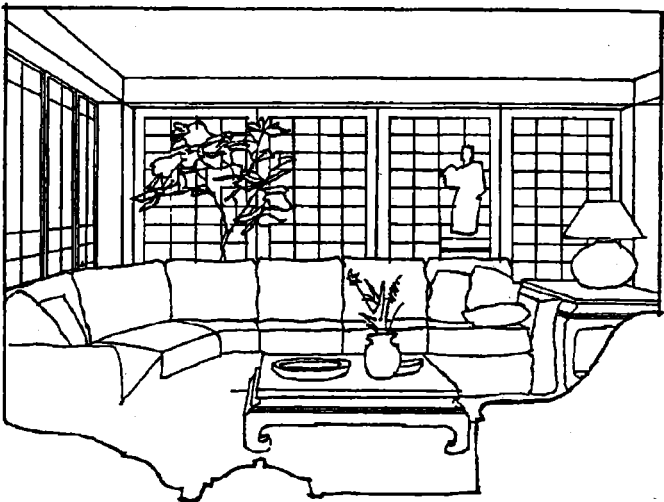
Thị giác nhạy nhất với nhịp điệu theo tuyến.



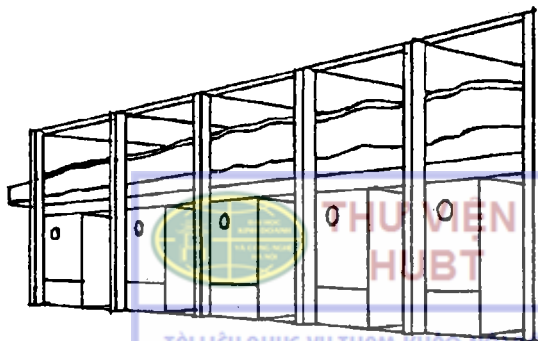
Nhịp điệu tương nghịch



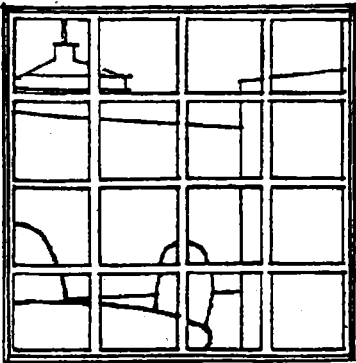
Nhịp điệu theo phân vị ngang



Nhịp điệu bối cảnh

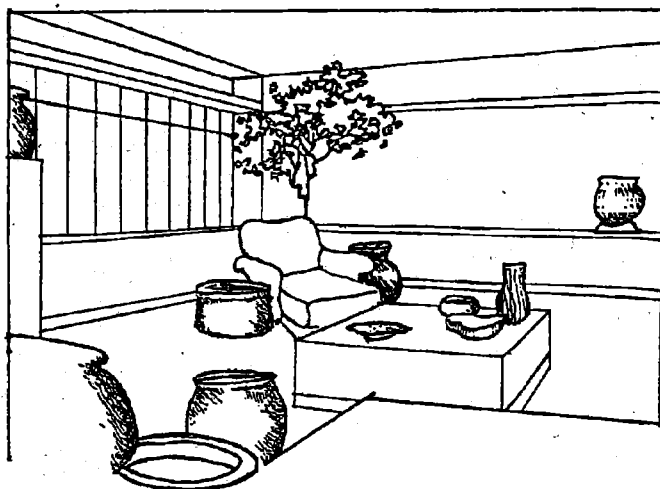


Nhịp điệu theo phân vị 2 chiều

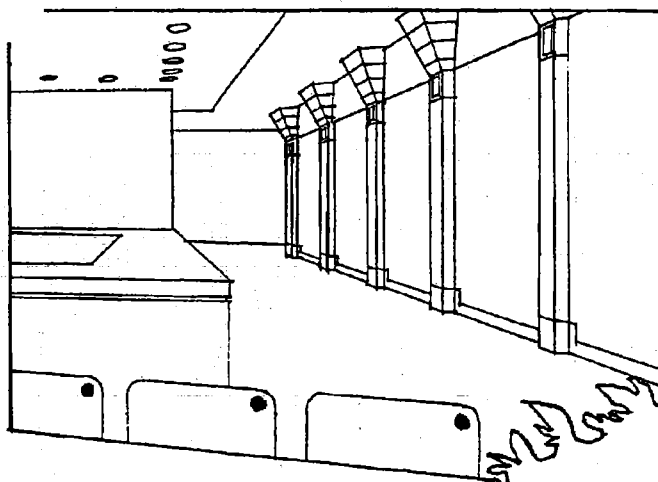


Nhịp điệu cận cảnh

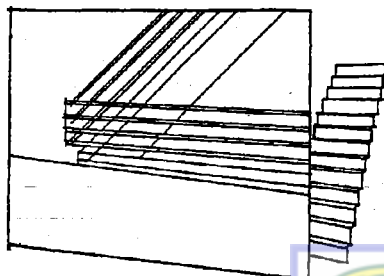
Nhịp điệu liên kết
các thành phần trong
không gian



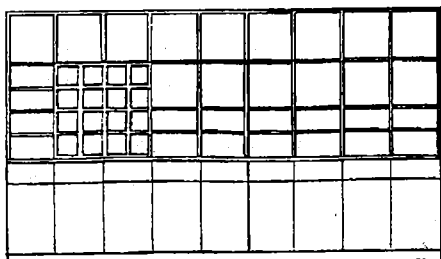
Nhịp điệu phức hợp
giữa cấu trúc bối cảnh và
vật dụng nội ốc



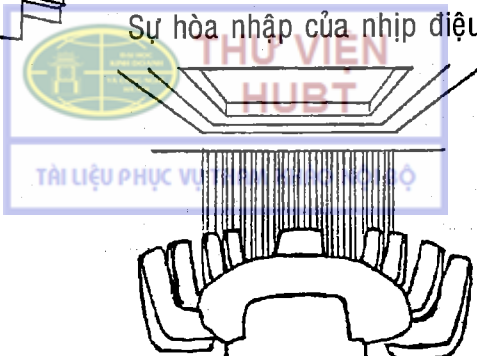
Cầu thang, tay
vịn biểu hiện
chuyển động theo
nhịp điệu tự nhiên.



Phân vị theo nhịp điệu



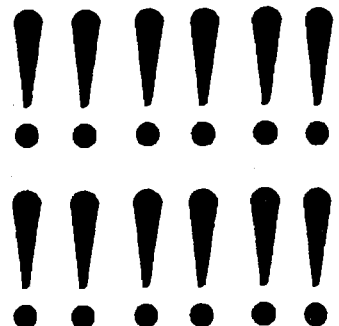
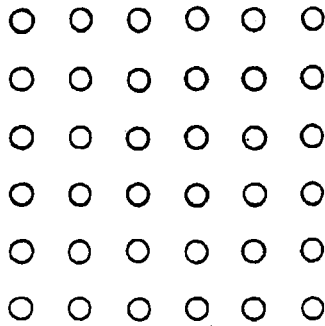
Sự hòa nhập của nhịp điệu



B.5. Điểm nhấn

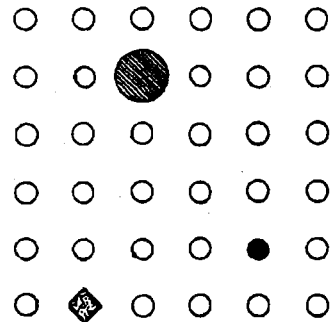
Tất cả đều là điểm nhấn biểu hiện một ý tưởng mơ hồ, làm rối loạn thị giác.

Không có điểm nhấn, ý tưởng mơ hồ, không có hướng.

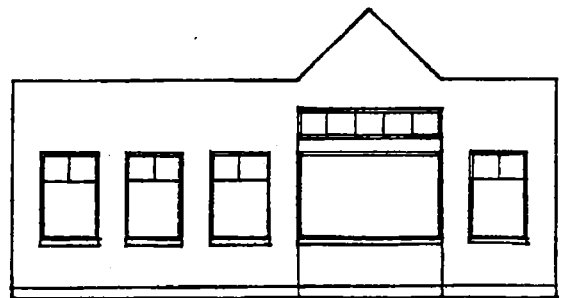


Một tổ hợp bố cục không có điểm nhấn biểu thị một ý tưởng trống rỗng, rời rạc, làm mất giá trị của các thành phần, tạo một cảm giác ngơ ngác, thậm chí rối loạn.

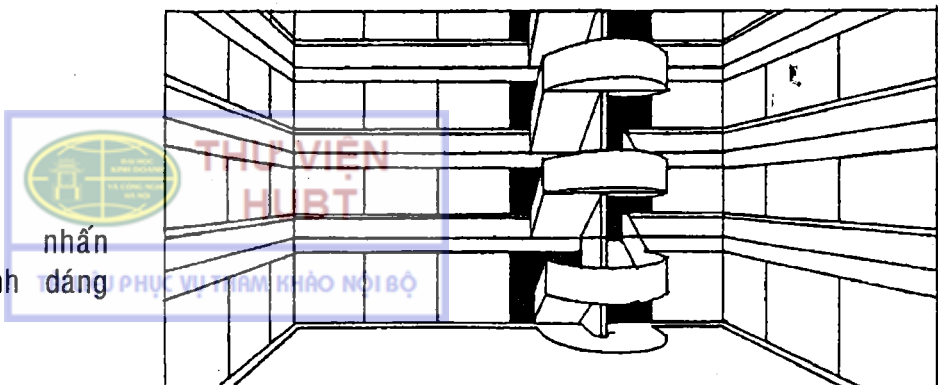
Điểm nhấn có thể tạo bằng sự tương phản hình dáng, màu sắc, sắc độ, chất liệu, ánh sáng.



Điểm nhấn bằng kích thước đặc biệt.

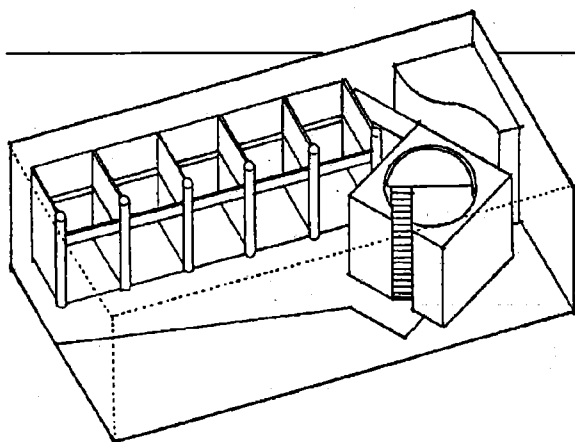
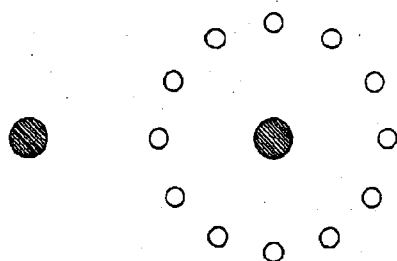
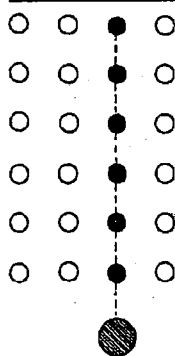


Điểm nhấn bằng hình dáng đặc biệt.

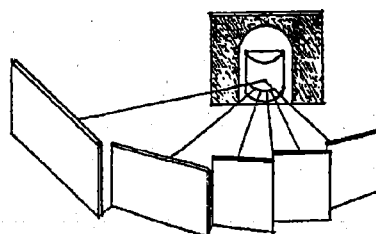


Phương pháp đặt điểm nhấn:

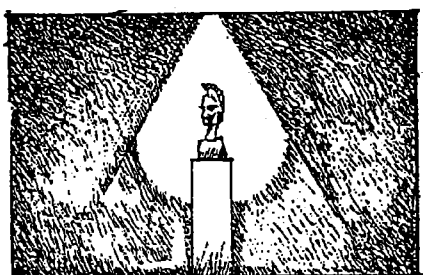
- Đặt ở tâm của tập hợp.
- Đặt ngoài tâm của tập hợp.
- Đặt theo chuỗi, ở vị trí kết thúc.



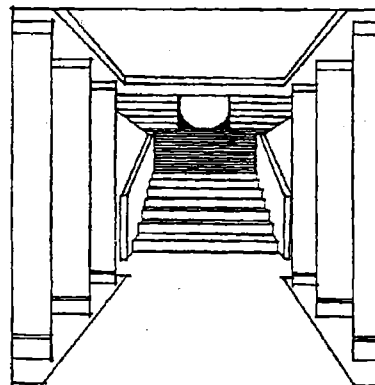
Thay đổi khối dáng hình học,
tạo điểm nhấn



Bố cục hướng tâm, tạo điểm nhấn



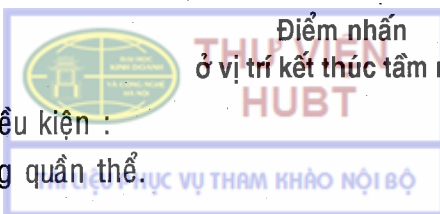
Bằng phương pháp chiếu sáng
tạo điểm nhấn



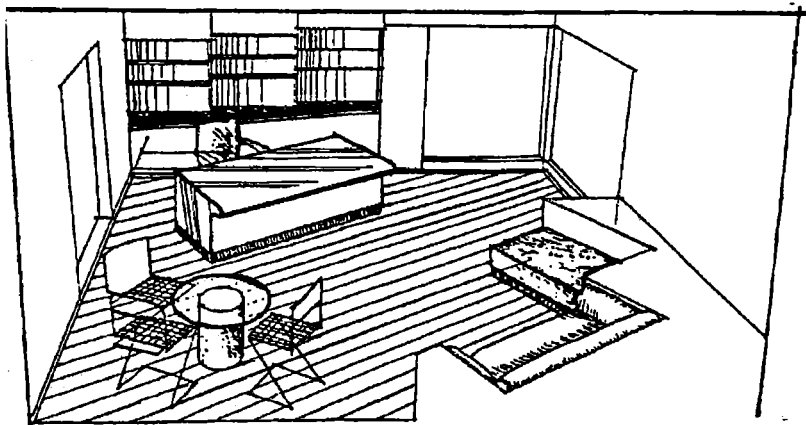
Điểm nhấn
ở vị trí kết thúc tầm nhìn

Điểm nhấn thường chọn theo những điều kiện :

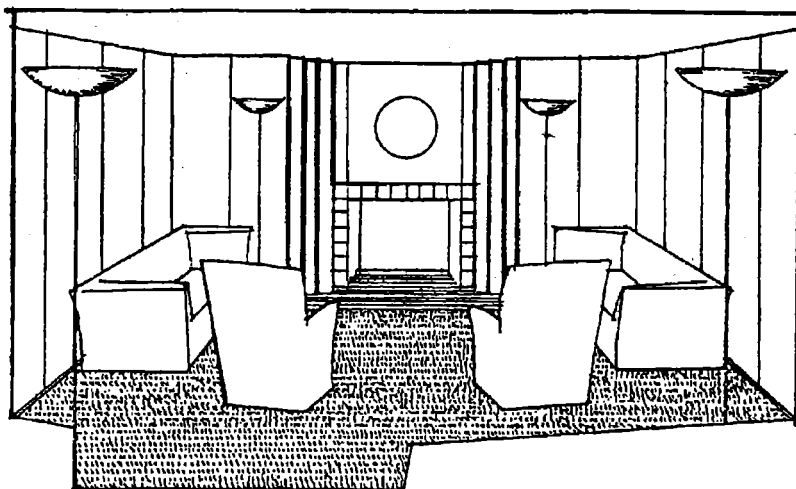
- Là yếu tố đặc biệt, khác thường trong quần thể.
- Vị trí đặt trong không gian.
- Là điểm đầu hoặc kết thúc trực nhìn, tầm nhìn.
- Sự tương phản với quần thể.
- Bài trí quần thể hướng tới mục tiêu, khi đó mục tiêu là điểm nhấn.



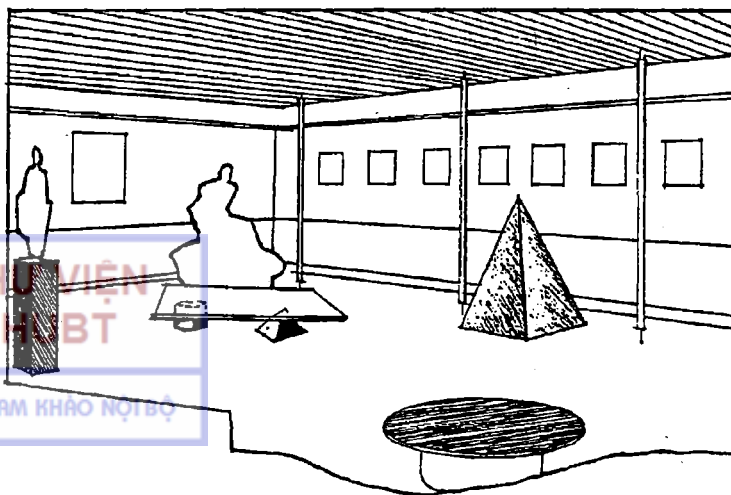
Trong thị giác, vai trò của điểm nhấn có đạt được hay không, trên mức độ rất lớn, phụ thuộc vào cách bài trí những thành phần trong tổ hợp.



Trong một tổ hợp bố cục đa dạng, có thể có nhiều điểm nhấn, nhưng phải phân biệt chính phụ, dẫn dắt, chuyển tiếp hài hòa tới trung tâm, tránh những rối loạn thị giác.



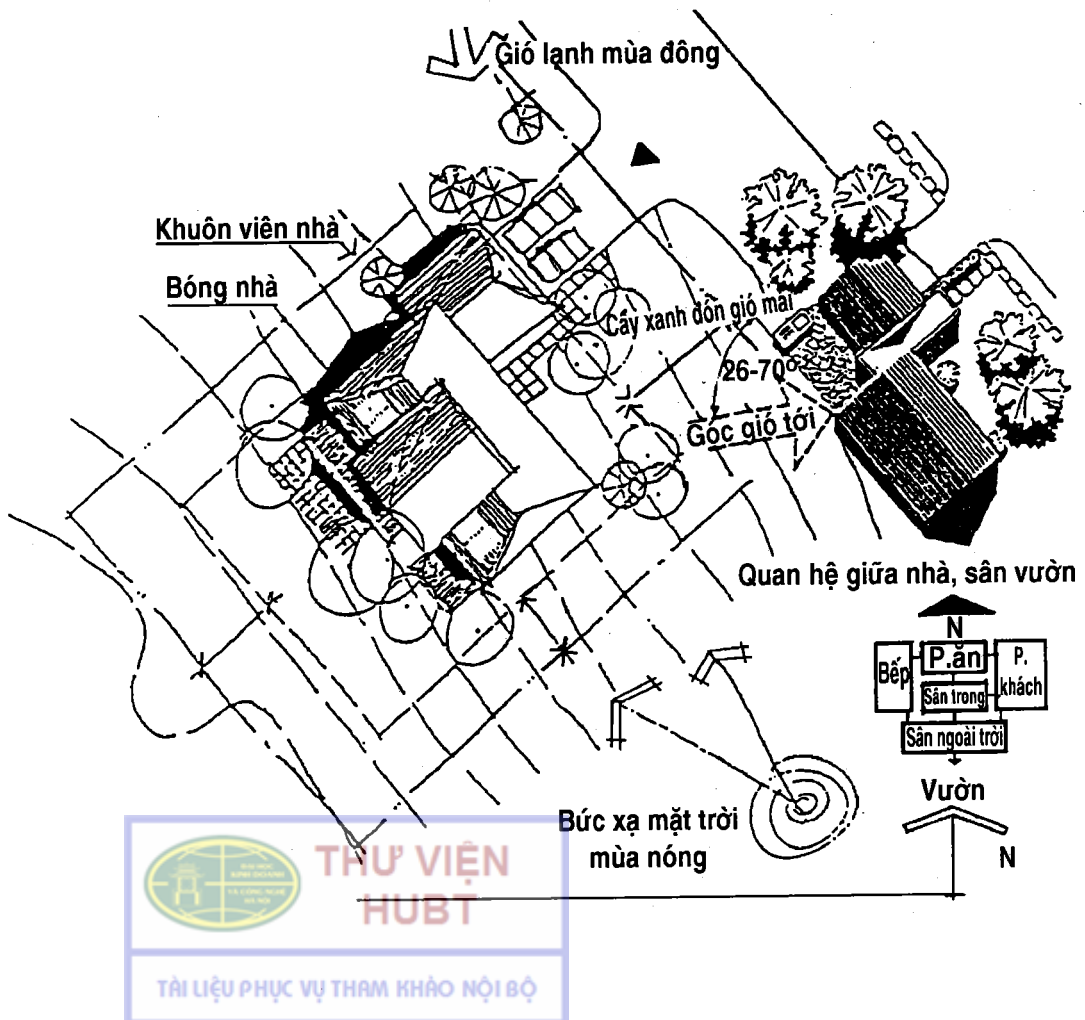
Khi sử dụng nhiều khối dáng, màu sắc, chất liệu ... có những đặc sắc riêng, tự mỗi thành phần đã có những thu hút thị giác mạnh, cần chú ý khoảng cách không gian để tạo sự chuyển tiếp hài hòa của nhận thức thị giác, gây những hứng thú bất ngờ, liên tiếp, uyển chuyển.





Phần 3

THIẾT KẾ MẶT BẰNG



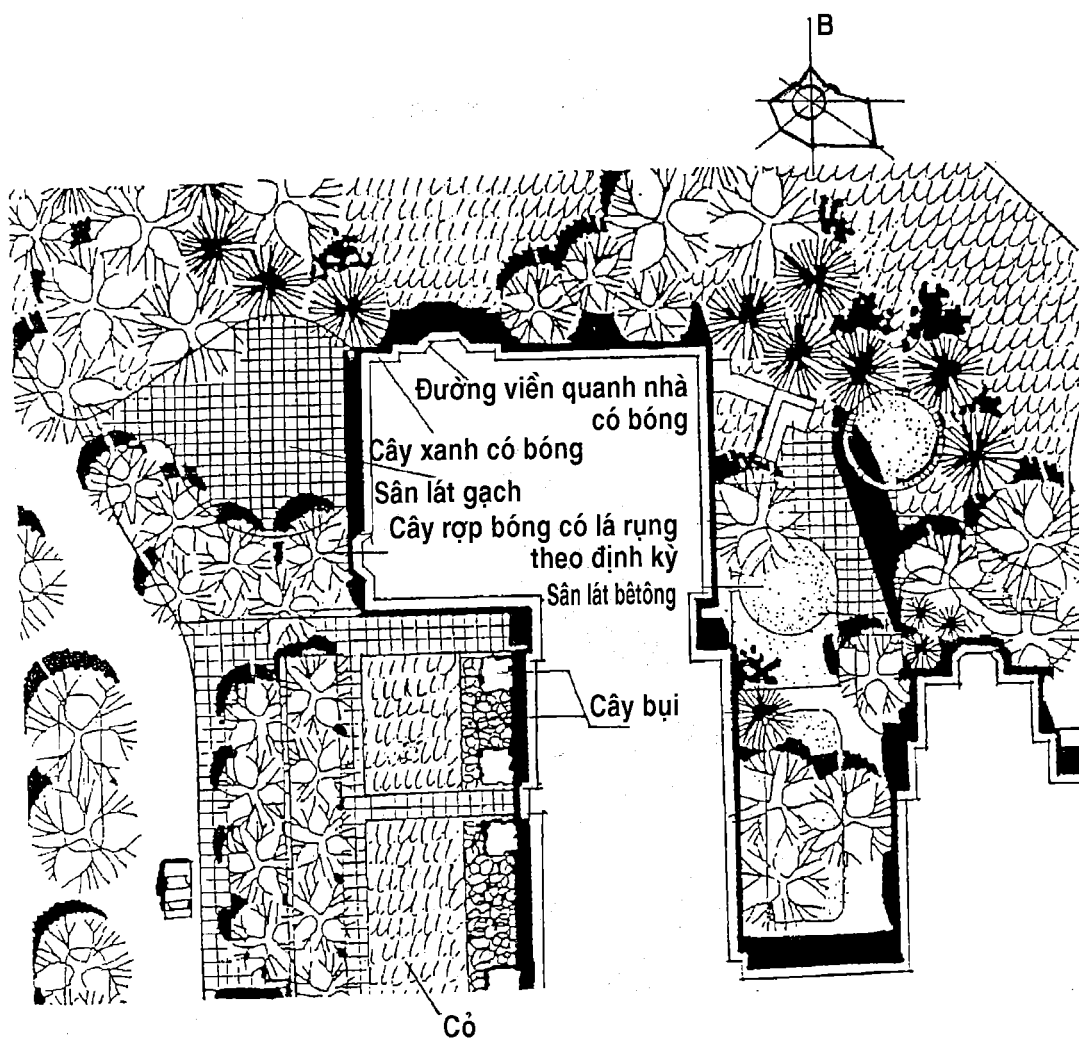


**THƯ VIỆN
HUBT**

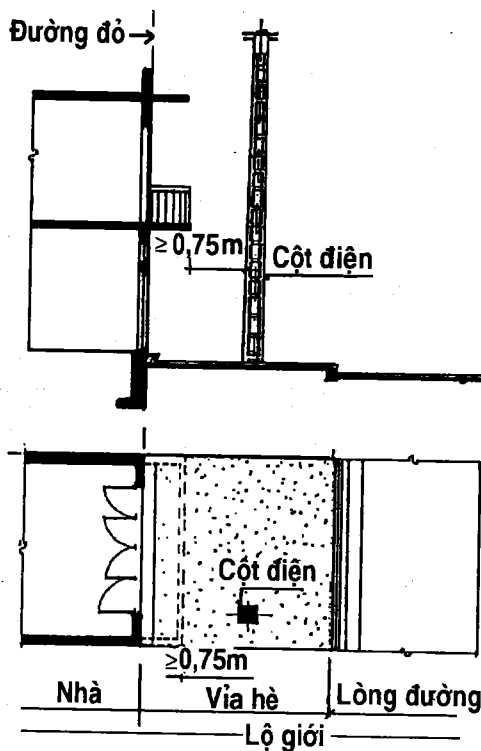
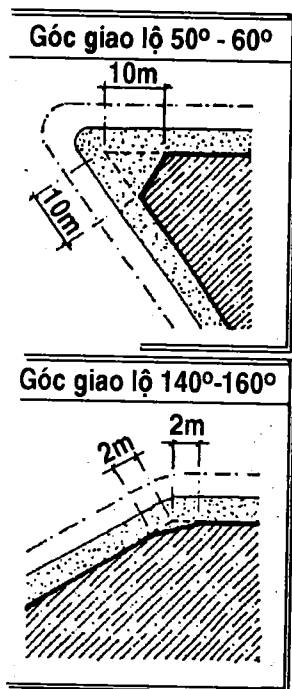
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

1. MẶT BẰNG NHÀ CÓ SÂN VƯỜN

Bút chì, chép nguyên mẫu

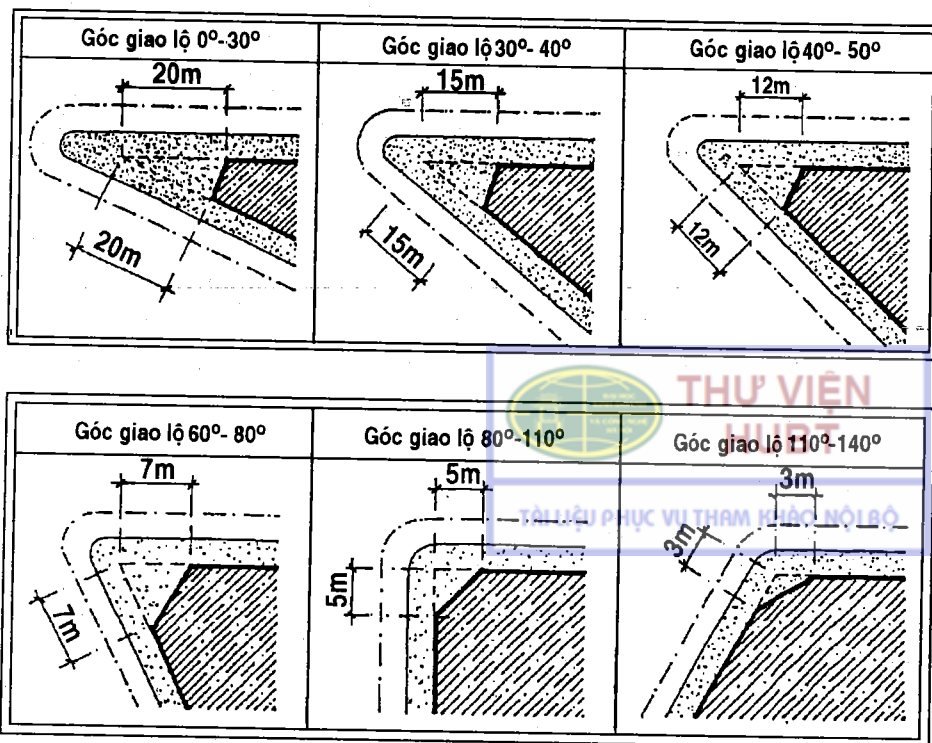


KÍCH THƯỚC VẬT GÓC TẠI CÁC NGẢ ĐƯỜNG



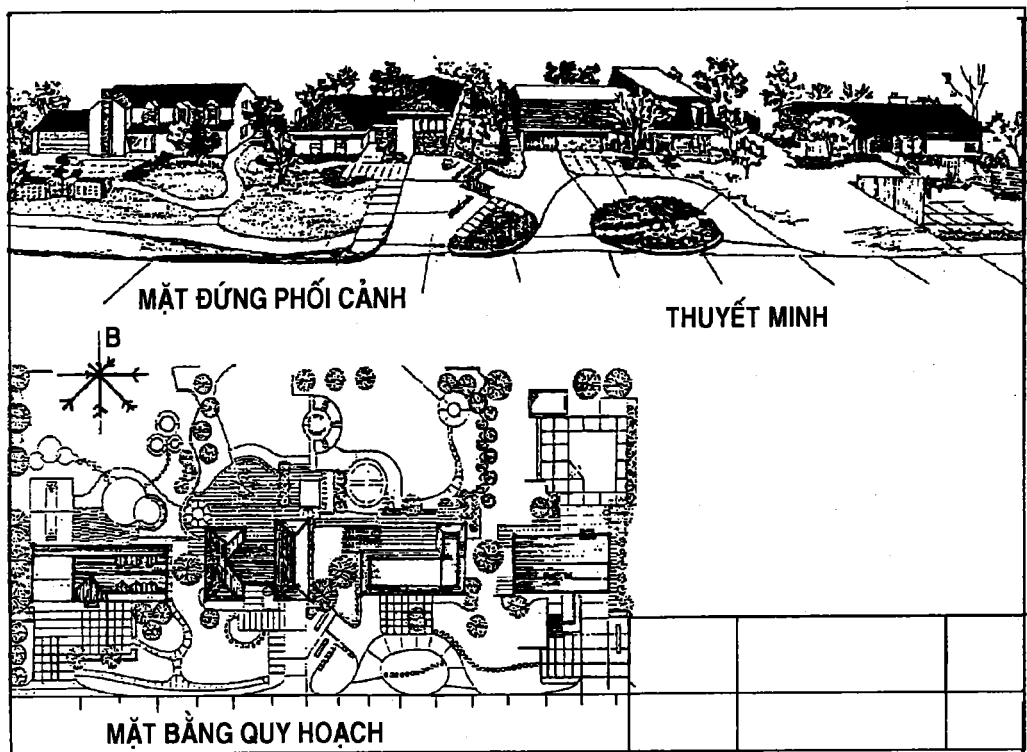
Ghi chú:

Lòng đường
 Vía hè
 Chỉ giới đường đỏ
 Đất xây dựng công trình

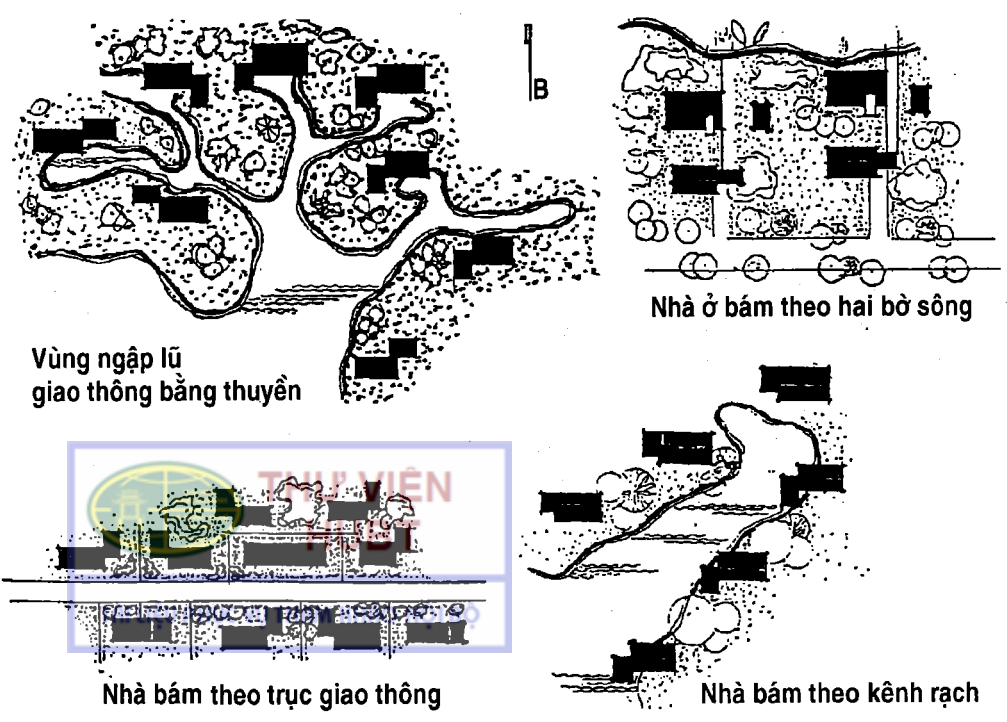


NHÀ Ở NÔNG THÔN

Bút chì - Phóng lớn đầy tờ A₃

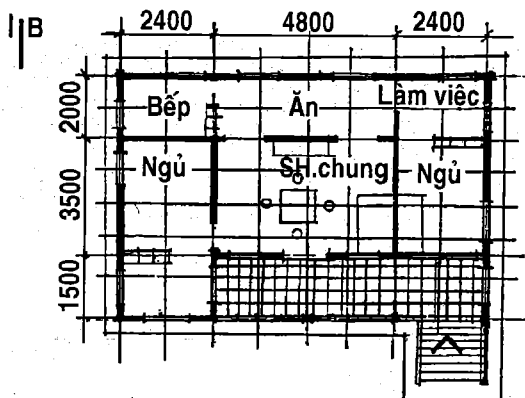
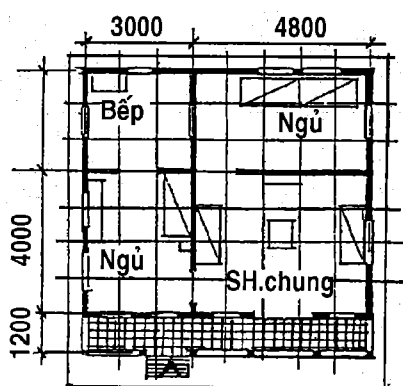


MỘT SỐ DẠNG QUY HOẠCH ĐIỂM DÂN CƯ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

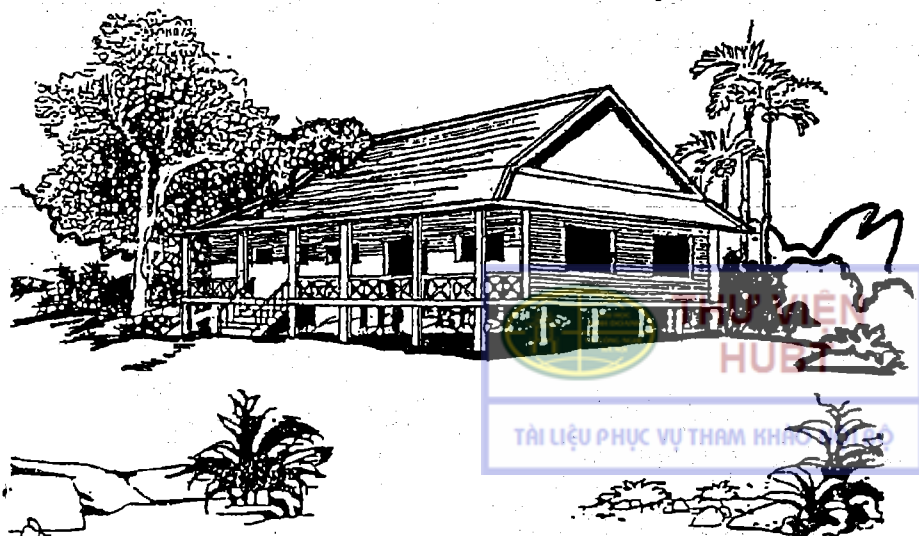
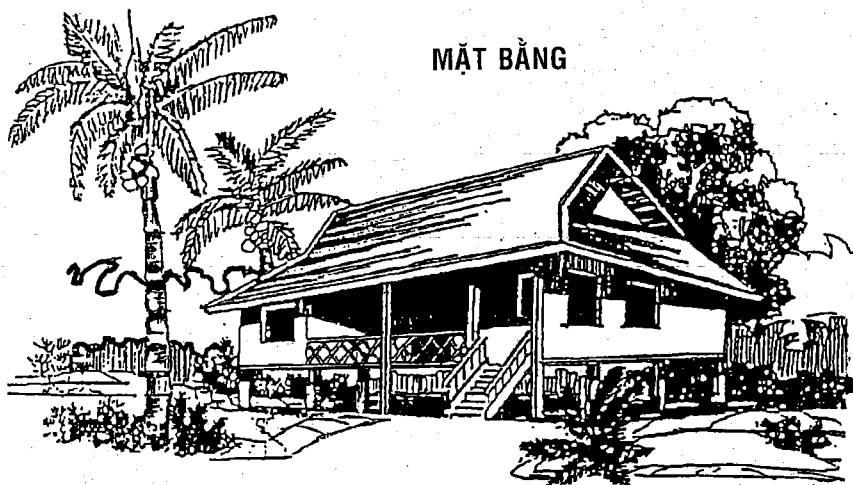


NHÀ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VÙNG NGẬP NƯỚC (bút chì – TL : 1/200)

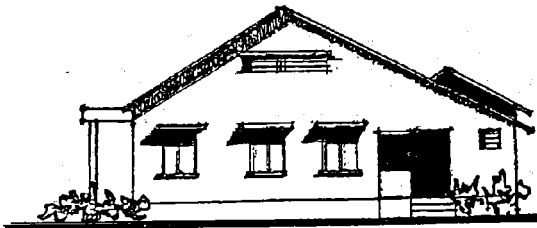
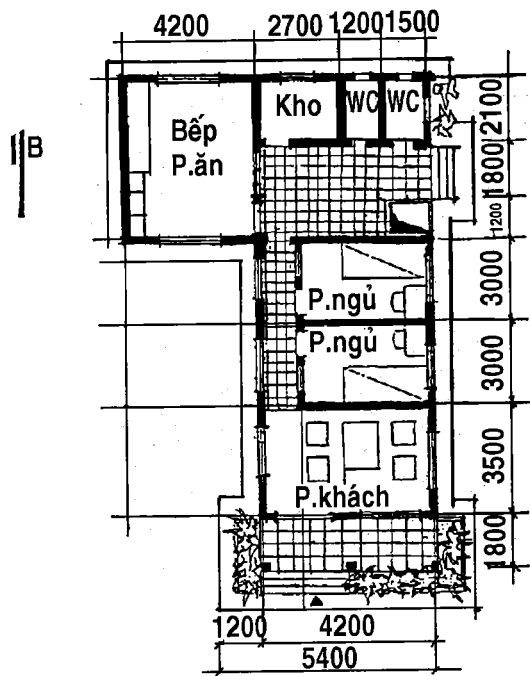
NHÀ CHỮ ĐÌNH



MẶT BẰNG



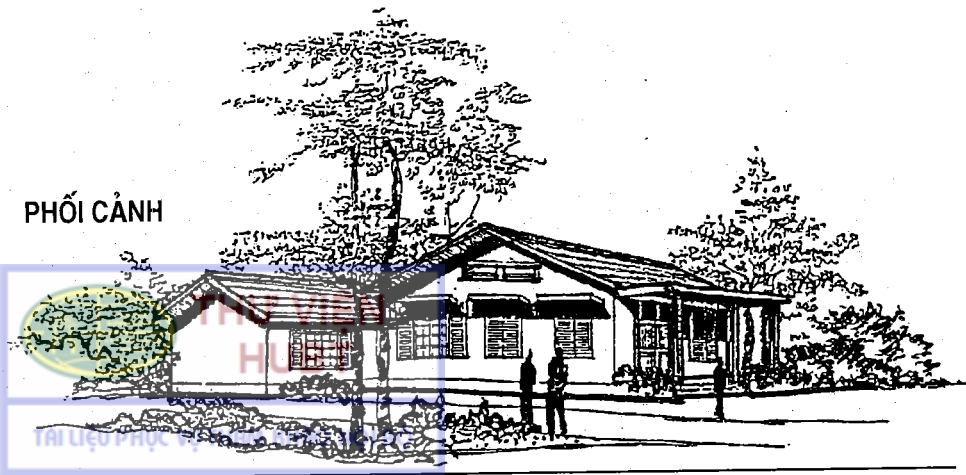
Bút chì –Tỷ lệ : 1/200
LẮP ĐẶT ĐỦ CỬA



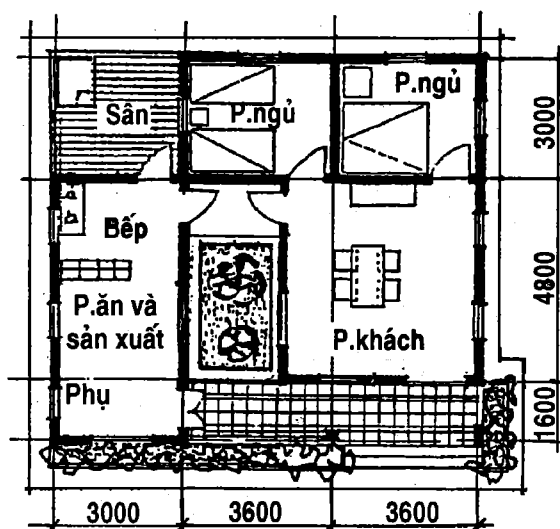
MẶT BÊN



MẶT ĐỨNG



NHÀ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VÙNG KHÔ
Bút chì - Tỷ lệ : 1/200



MẶT BẰNG



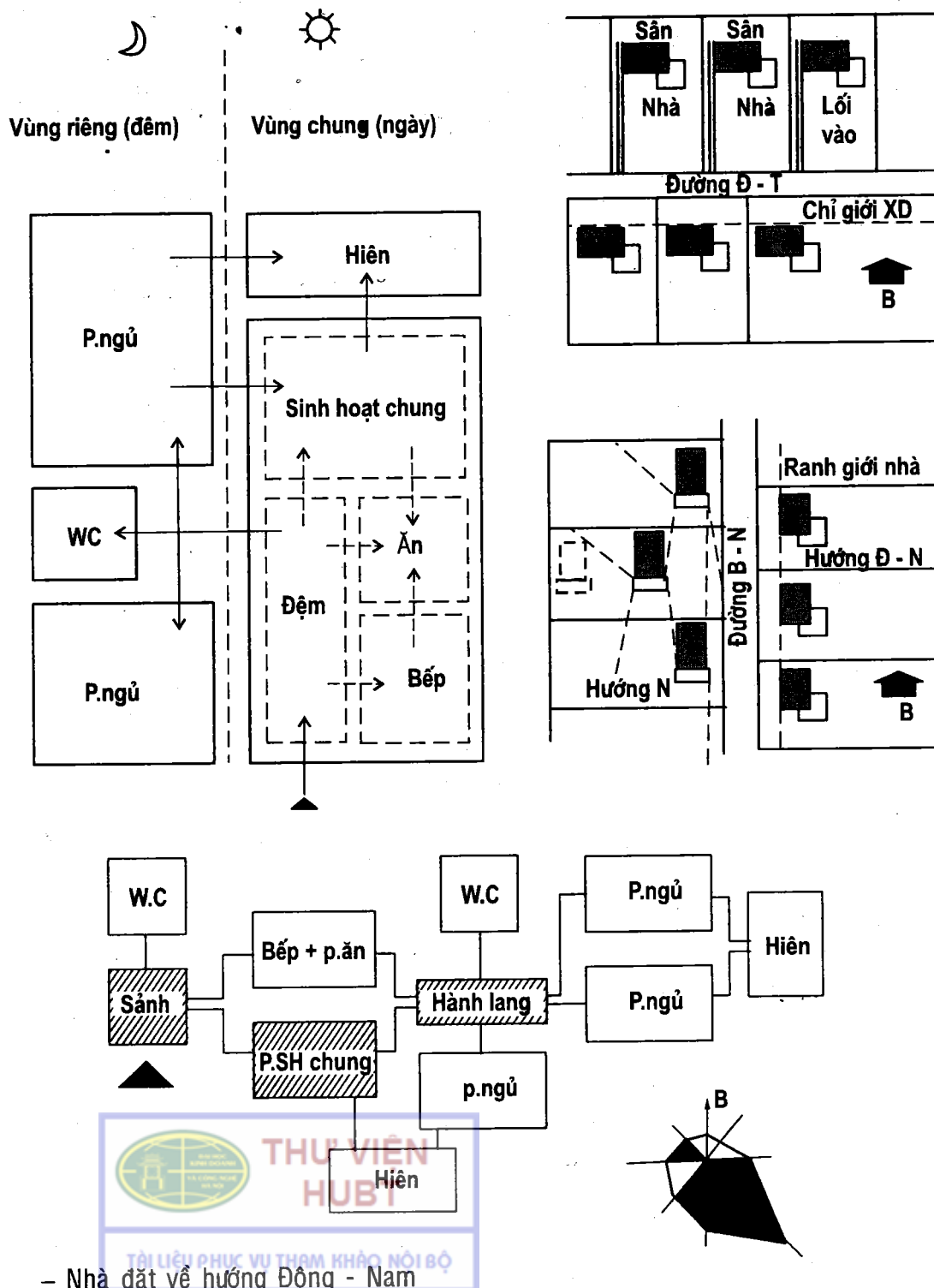
MẶT ĐỨNG CHÍNH

MẶT BÊN

PHỐI CẢNH



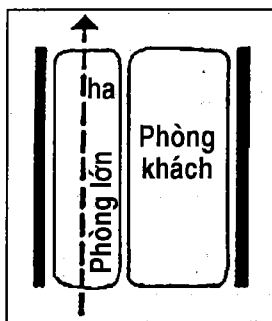
3. QUAN HỆ KHÔNG GIAN TRONG NHÀ Ở ĐƠN THUẦN



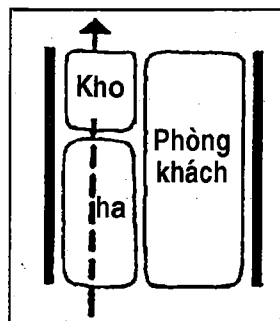
- Nhà đặt về hướng Đông - Nam
- Cổng vào và các dịch vụ gần đường
- Phòng khách, phòng ngủ xa đường, hướng về phía mặt trời mọc và có lối ra vườn

NHỮNG YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH TỔ HỢP MẶT BẰNG:

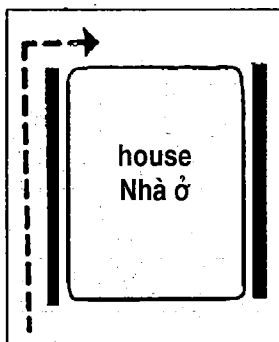
- Tổ chức lưu thông ngang và đứng.
- Nhu cầu sử dụng.
- Tiêu chuẩn quy phạm.
- Khu đất xây dựng và các tác động của khí hậu.



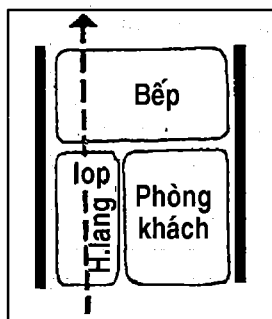
Đi thông suốt



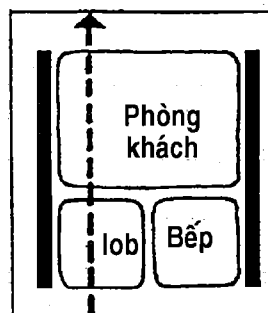
Đi qua kho



Đi bên cạnh

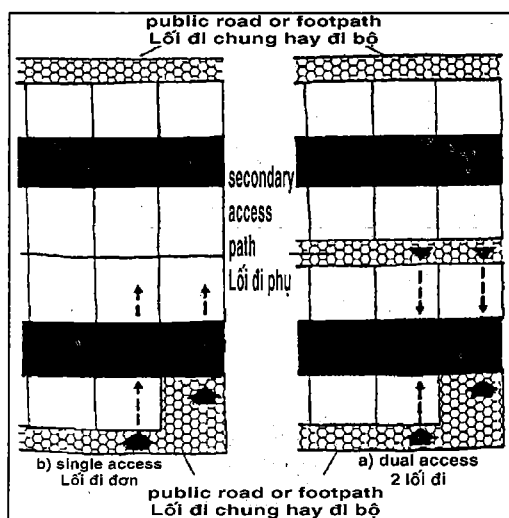


Đi bên bếp

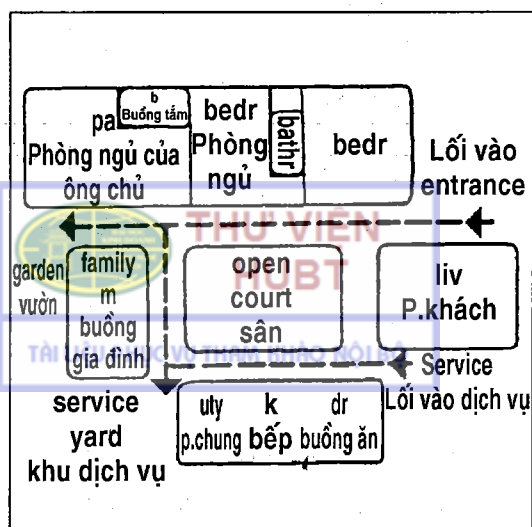


Lưu thông đơn

Năm sơ đồ tổ chức lưu thông ngang thường gặp



Lối vào: a) 2 phía; b) 1 phía

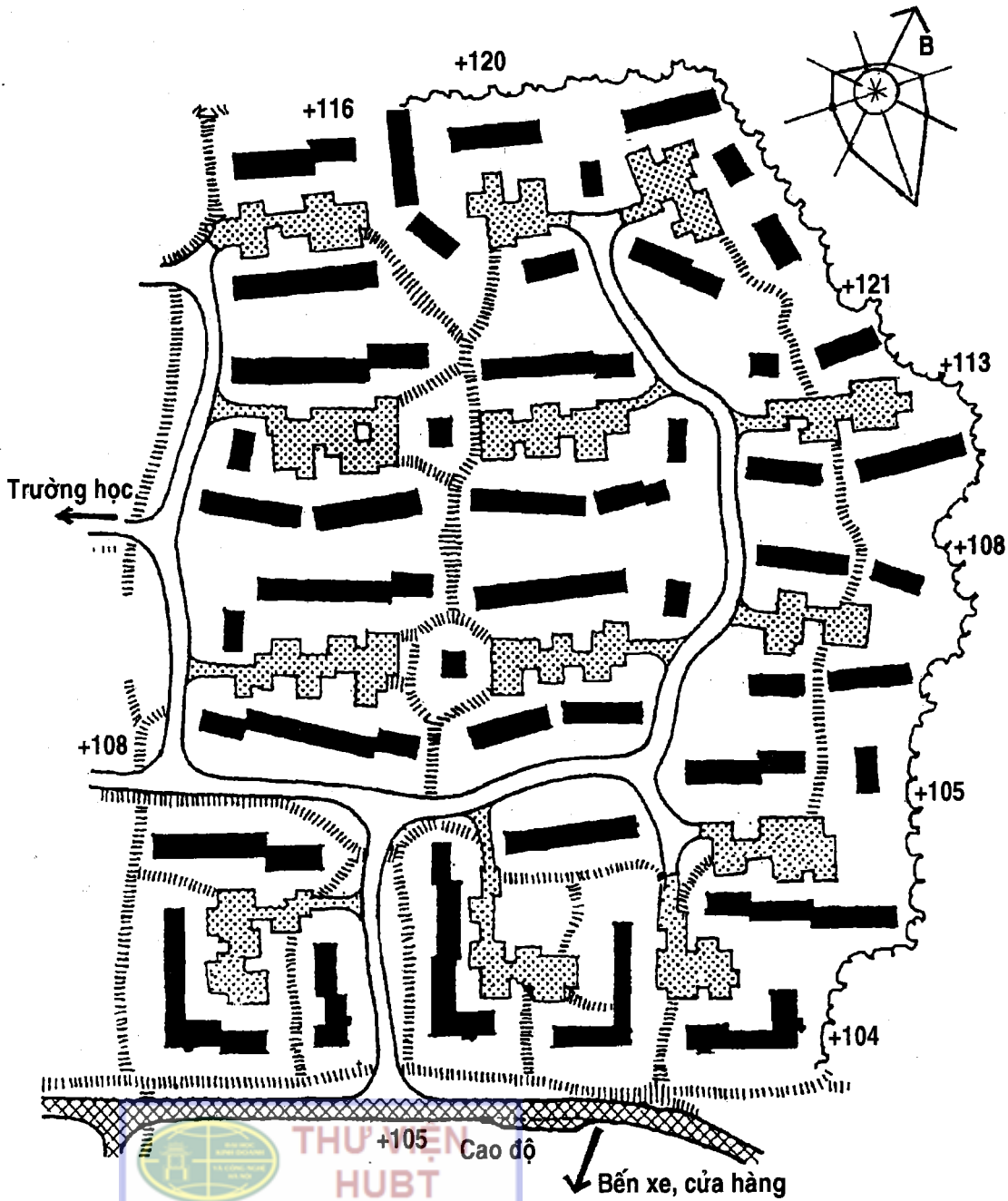


Lối đi qua sân

4. ĐƯỜNG TRONG KHU Ở

Bút chì can vẽ tự do

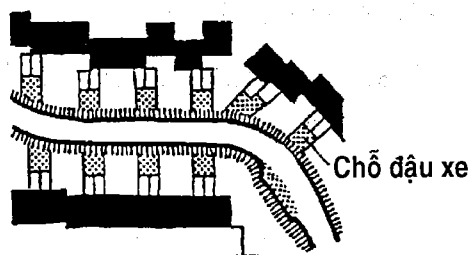
Sinh viên chọn 1 góc quy hoạch dựng bố cục không gian



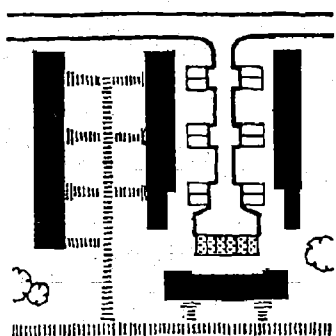
- ☒ Trục đường khu vực
- Đường trong khu vực ở cho xe nhỏ và người đi bộ
- ▨ Đường đi bộ vào nhà

LỐI VÀO KHU DÂN CƯ

Năm sơ đồ tổ chức lối vào khu dân cư thường gặp

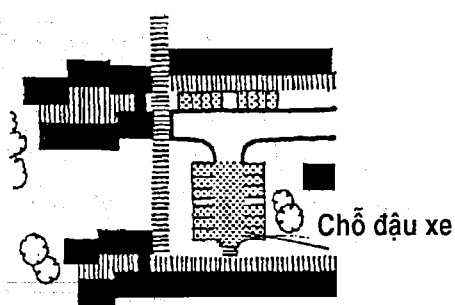


1. Nhà ở và vỉa hè dọc trục lộ, không có đường đi bộ vào nhà
- Chỗ đậu xe cho khách và người trong khu nhà: chú ý chỗ đậu xe công cộng.



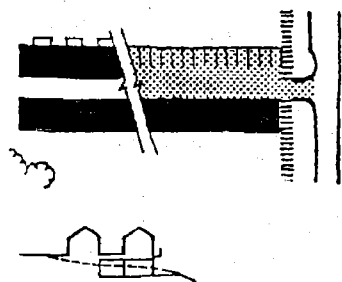
2. Có đường đi bộ vào nhà.

- Chỗ đậu xe của người cư ngụ một phần vào trong khuôn viên nhà và một phần thuộc công cộng.



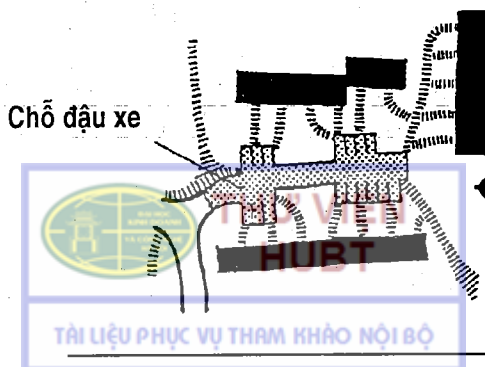
3. Đường lộ cắt

- Cả khu đậu xe đều thuộc công cộng.

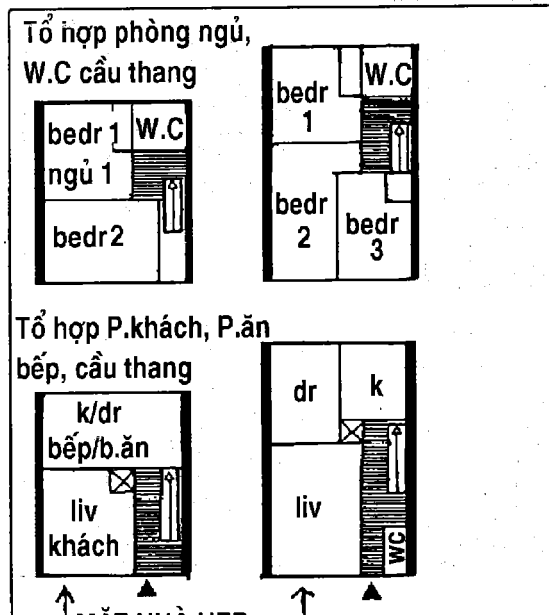


4. Địa hình dốc, đường đi bộ và trục lộ ở cao độ khác nhau.

- Khu đậu xe nằm xa lối vào và dưới đường dành cho người đi bộ.



5. Xe và người đi bộ đều đi chung một khu vào.



CẤU TRÚC MẶT BẰNG CĂN HỘ

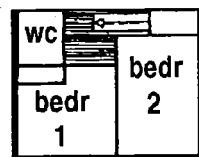
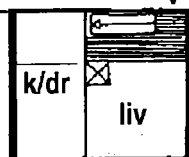
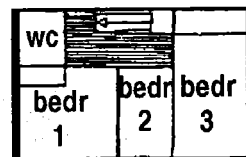
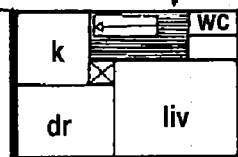
Những căn cứ để cấu trúc mặt bằng:

- Yêu cầu của người sử dụng.
- Đặc điểm khu đất và tác động của các yếu tố khí hậu....
- Mặt tiền rộng hay hẹp.
- Giao thông ngang và đứng.
- Tiêu chuẩn, quy phạm.

MẶT NHÀ HẸP

MẶT NHÀ RỘNG

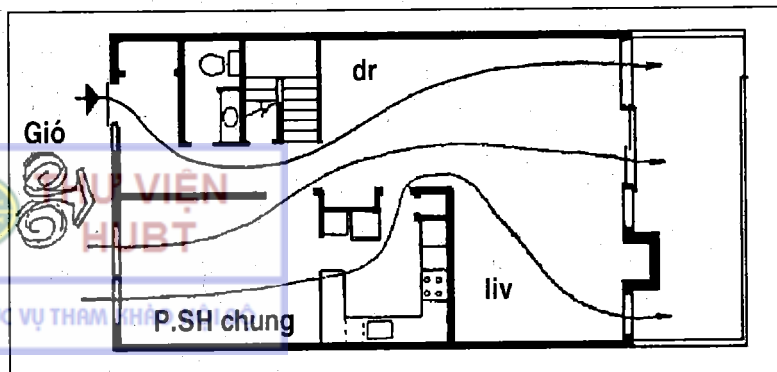
Tổ chức lối vào theo mặt nhà rộng hay hẹp



Giải pháp thông gió và chiếu sáng tự nhiên.

Phòng khách, phòng ăn.

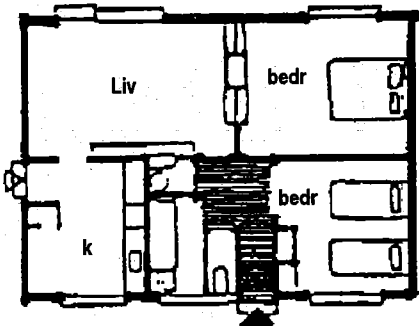
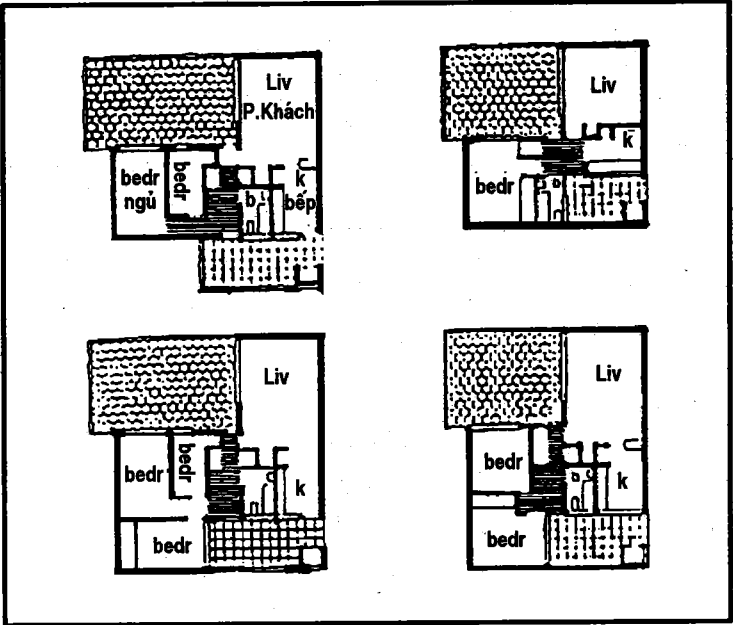
Diện tích cửa lấy ánh sáng bằng 10% diện tích sàn.



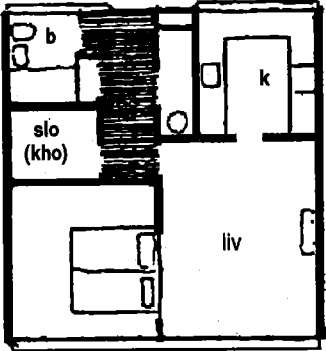
NHÀ Ở 1 TẦNG (TRỆT)

Một số biến kiểu cấu trúc từ một mặt bằng căn hộ đơn giản.

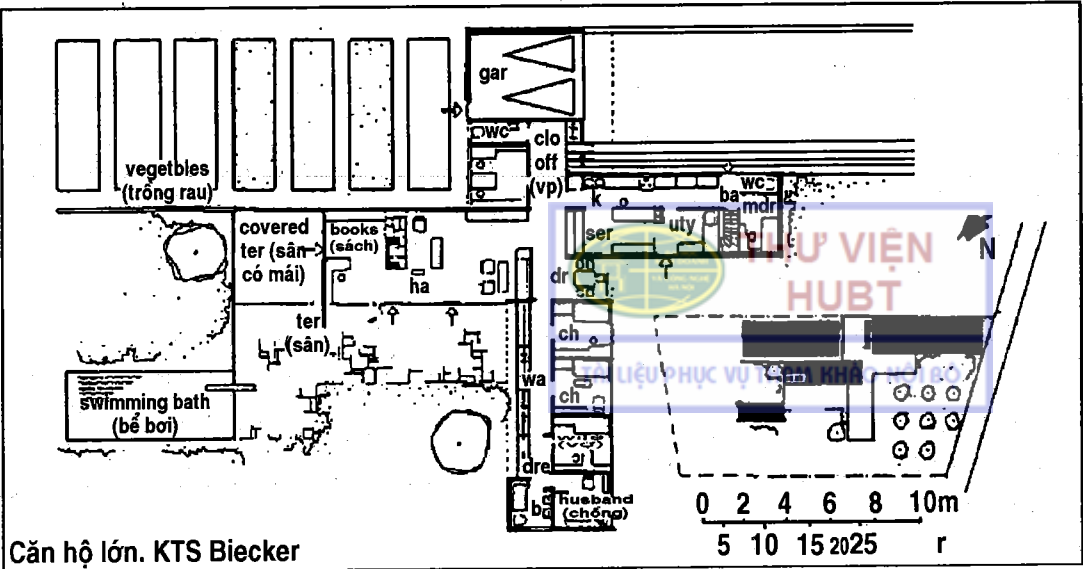
**Bút chì, phóng lớn
đầy khổ A3**



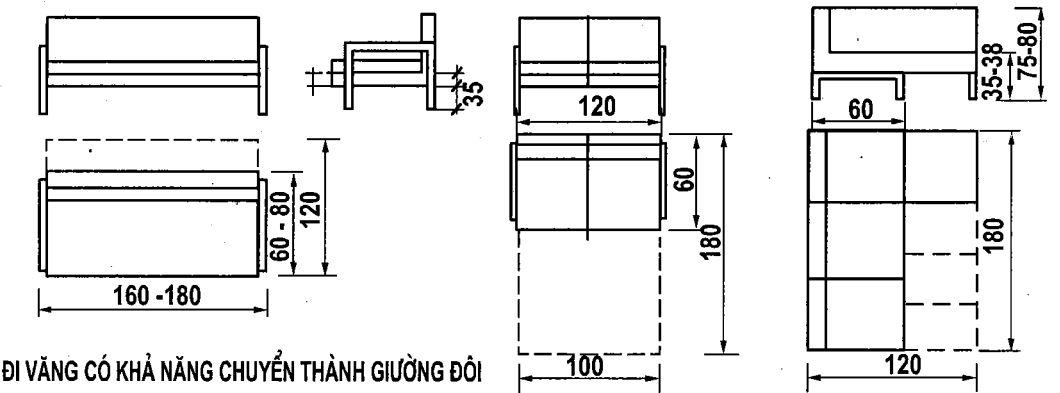
Nhà lắp ghép



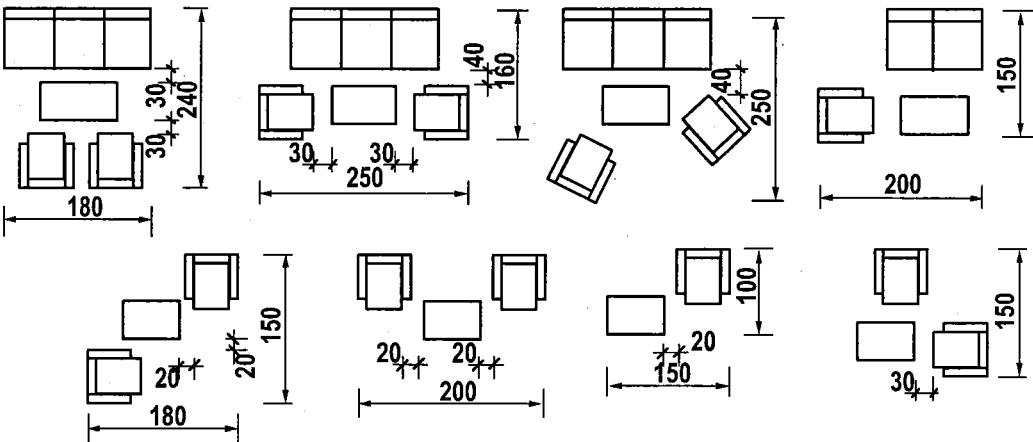
Nhà trệt cho người già



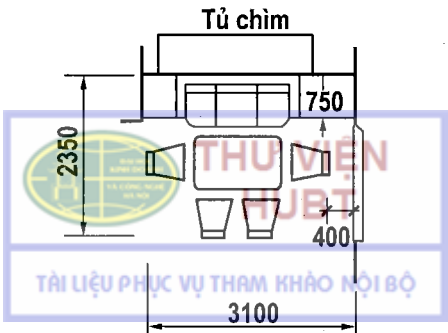
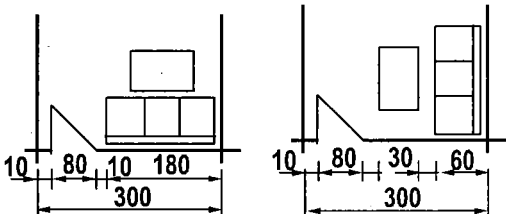
5. KHỐI TIẾP KHÁCH - THIẾT BỊ VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN



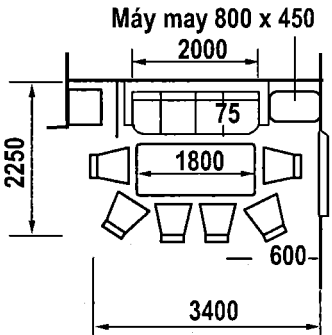
ĐI VĂNG CÓ KHẢ NĂNG CHUYỂN THÀNH GIƯỜNG ĐÔI



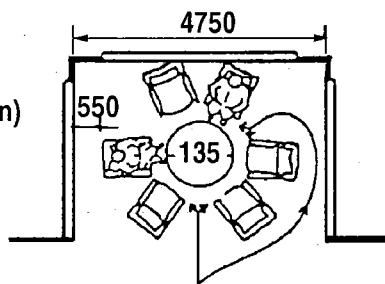
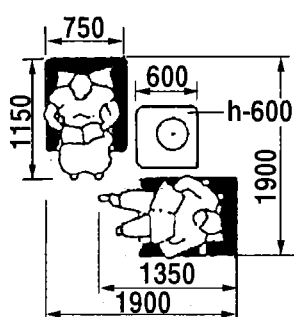
HAI CÁCH BỐ CỤC KHU VỰC KHÁCH GÁC CỬA RA VÀO



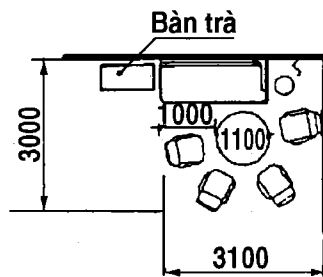
GHẾ CAO 420, BÀN CAO 650



GHẾ CAO 440, BÀN CAO 700

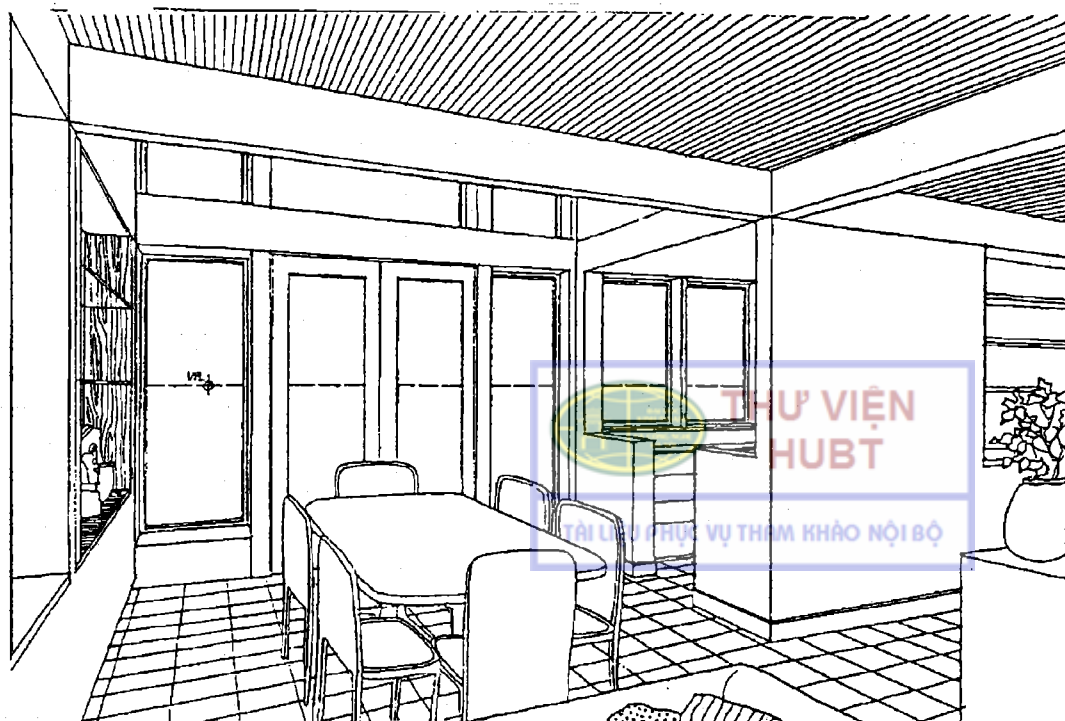
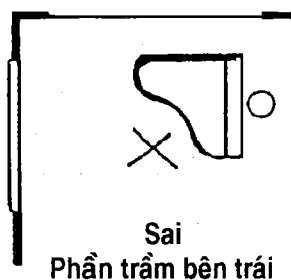
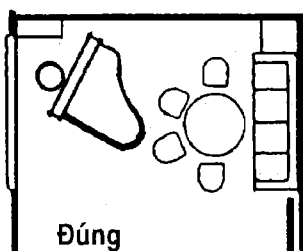


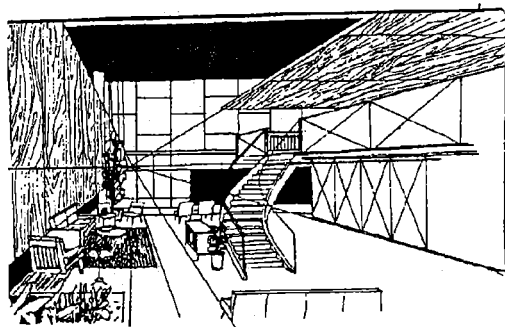
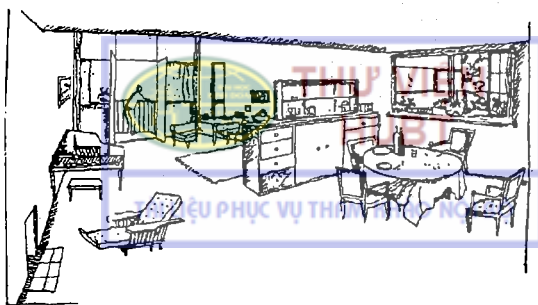
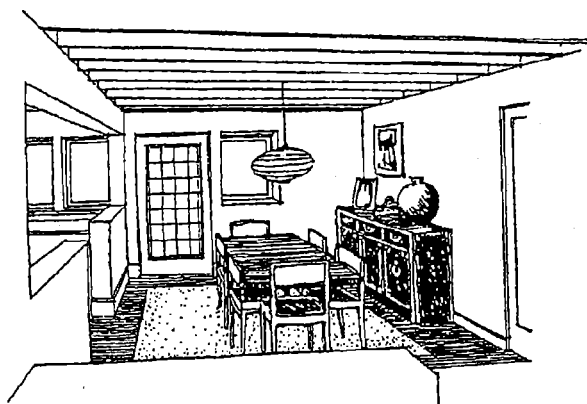
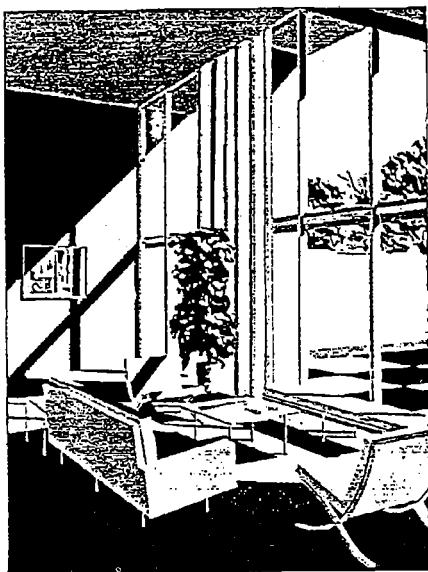
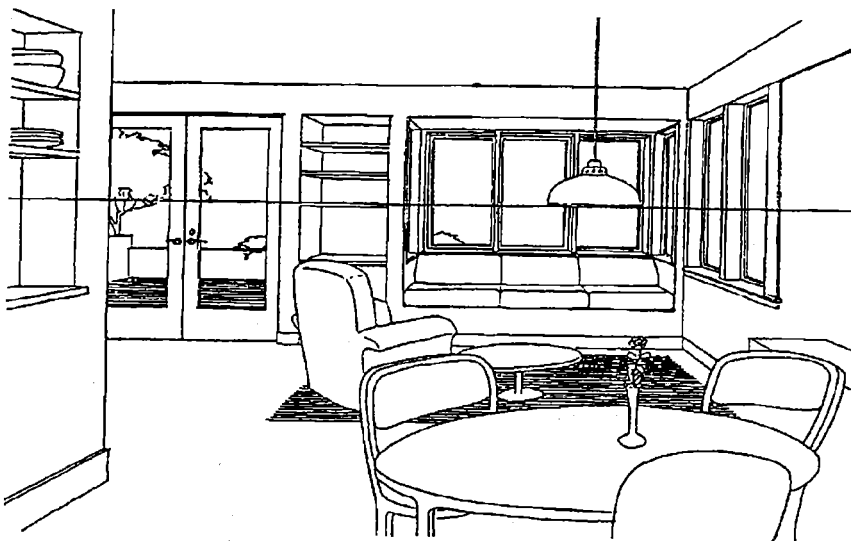
Bàn cao 600, ghế cao 350, uống trà



Ghế cao 380, bàn cao 600

PHÒNG NGHE ÂM NHẠC





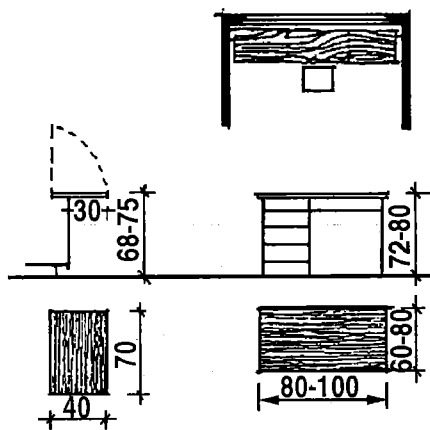
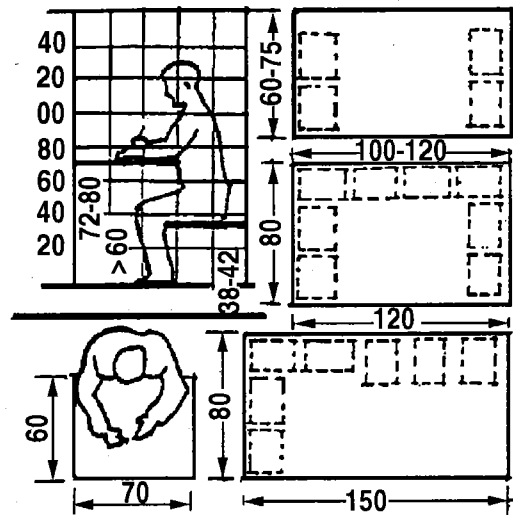
6. KHỐI LÀM VIỆC, THIẾT BỊ VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN

Những yếu tố cần lưu ý khi tổ chức nội thất :

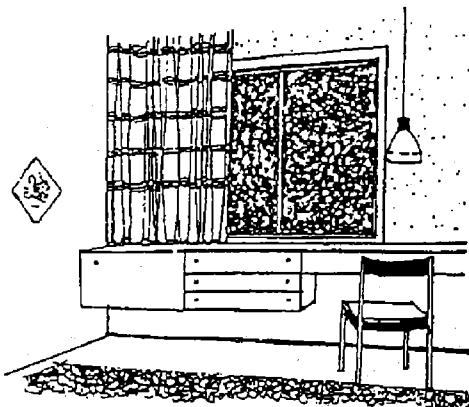
- Đảm bảo cảm giác, tiện nghi thoải mái cho người sử dụng.
- Mối liên hệ giữa chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo.
- Sự hài hòa của nội thất: Màu, chất liệu, đặc trưng bề mặt, nhịp điệu, hài hòa.

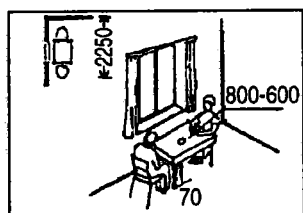
•

Cơ sở để xác định trang thiết bị, vật dụng nội thất khối làm việc văn phòng.

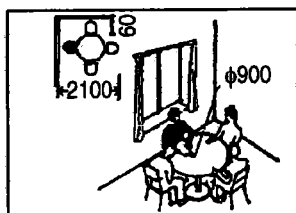


Cách bố trí khối làm việc đảm bảo ánh sáng tự nhiên thuận lợi chiếu từ trái sang phải người viết.

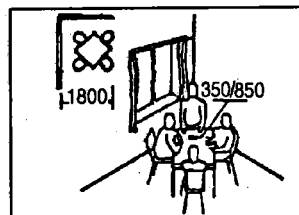




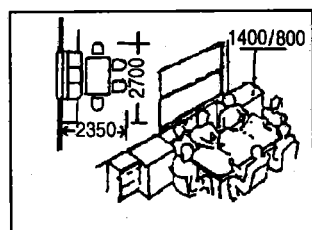
1. Bàn làm việc đặt cạnh cửa sổ



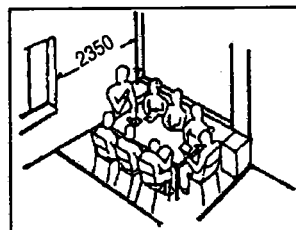
2. Tránh ngồi xoay lưng ra phía cửa sổ



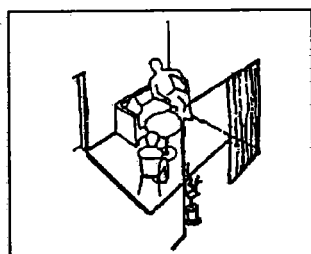
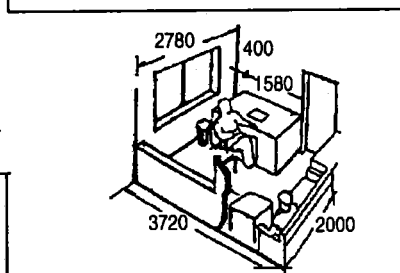
3. Kê bàn chéo được ưa chuộng hơn



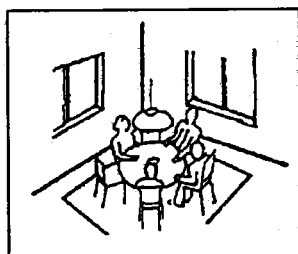
4. Kiểu trường kỷ gắn liền tường ngay dưới cửa sổ rộng nhiều người có thể ngồi thoải mái.



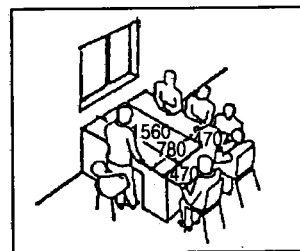
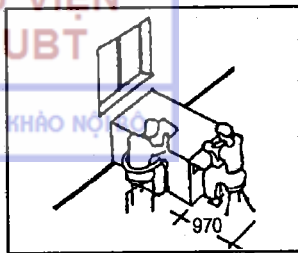
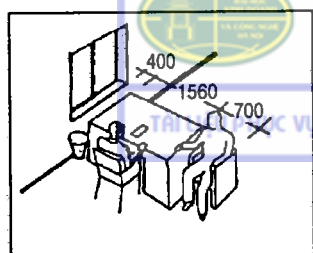
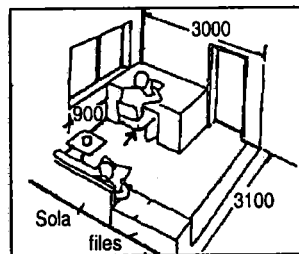
5. Băng ghế kê giữa 2 cửa sổ trong góc phòng màu sáng và với loại thảm thích hợp cũng tạo ra sự thoải mái.



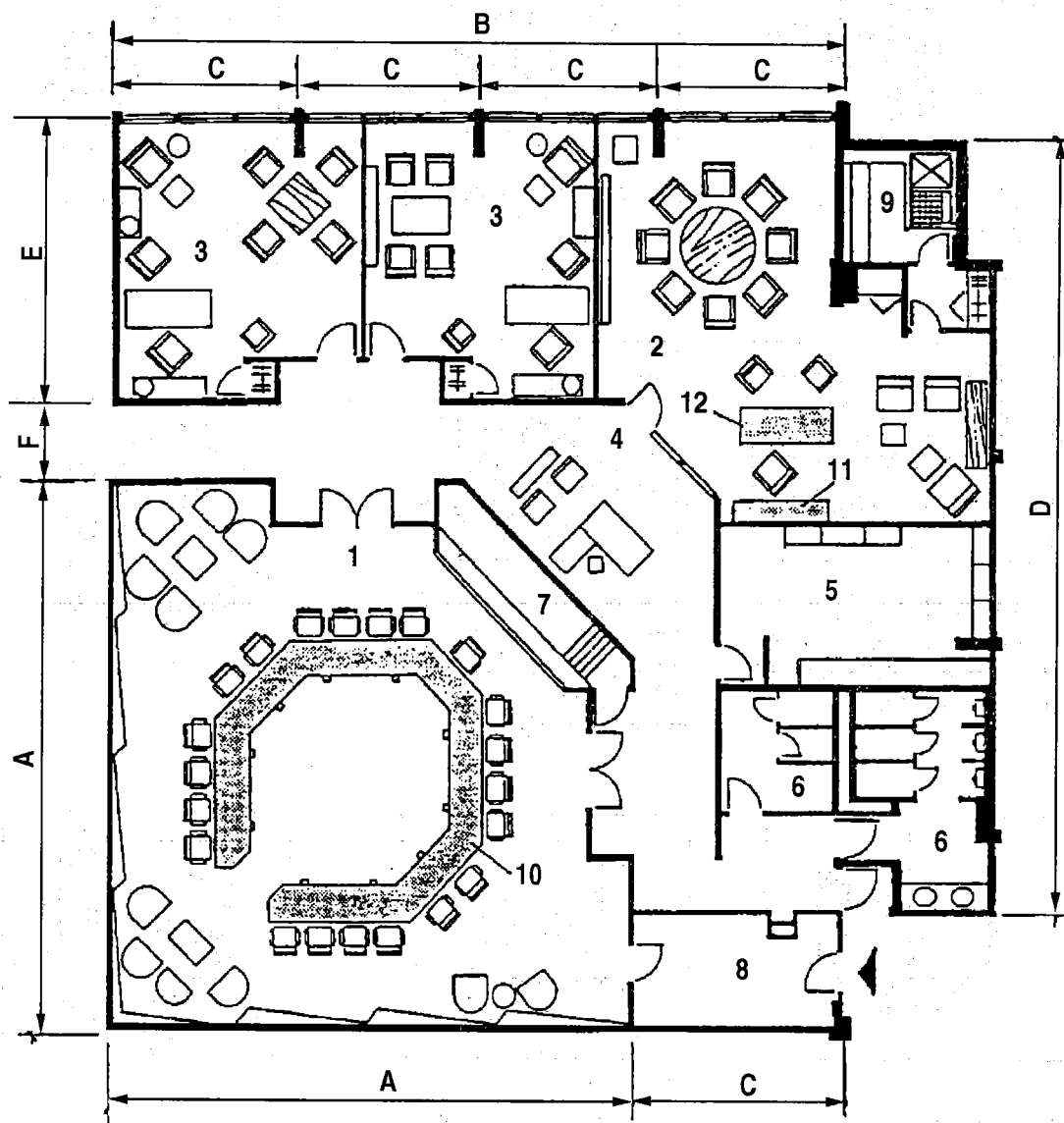
6. 7. Ngồi dựa vào tường phía trong nhìn ra cửa sổ rất thoải mái. Đặc biệt là trước cửa ra vào kiểu Pháp.



8. Ngồi giữa phòng thường không thoải mái vì thiếu mối liên hệ với các phần còn lại của phòng.



THÍ DỤ TỔ CHỨC NỘI THẤT KHỐI VĂN PHÒNG



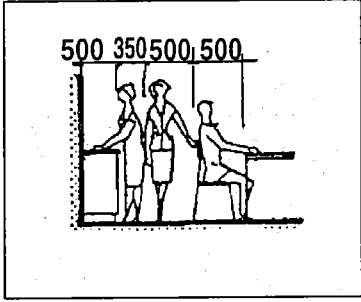
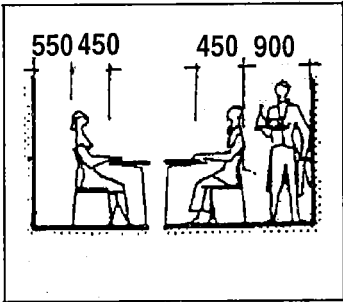
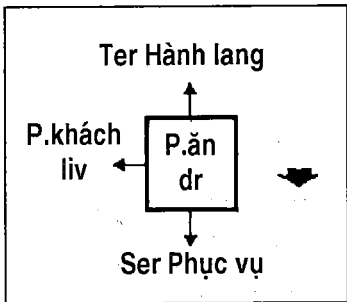
Chú thích:

- 1 = Phòng hội nghị.
- 2 = Phòng tổng giám đốc.
- 3 = Phòng giám đốc.
- 4 = Khu tiếp khách.
- 5 = Kho lưu trữ, đặt máy photo copy.
- 6 = Vệ sinh chung.
- 7 = Khu trình bày dự án.
- 8 = Lối vào.
- 9 = Phòng tắm riêng cho tổng giám đốc.
- 10 = Bàn họp.
- 11 = Bàn thông tin điện tử.
- 12 = Bàn tiếp khách.

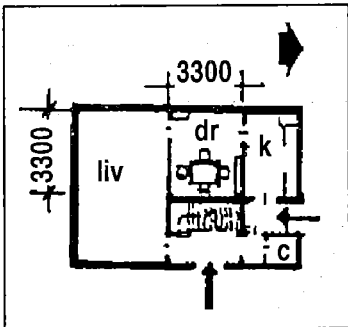


	ft/in	m
A =	46 6	14.17
B =	62	18.90
C =	15 6	4.72
D =	69 ±	21.03
E =	24 ±	7.32
F =	6 ±	1.83

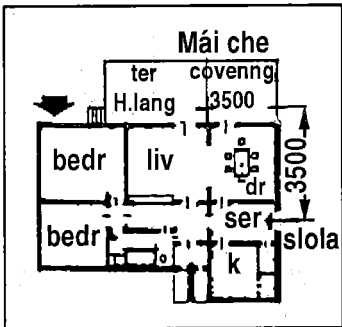
7. PHÒNG ĂN



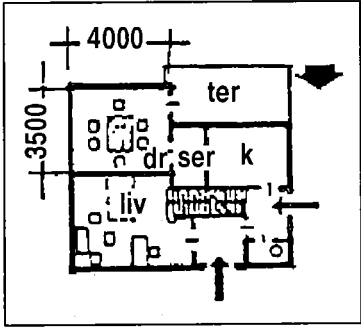
Mối liên hệ giữa phòng ăn và các phòng khác



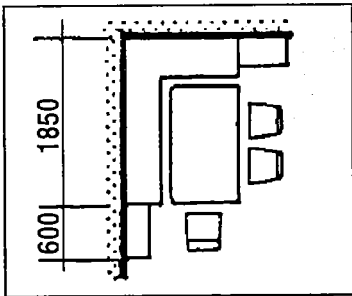
Phòng ăn riêng biệt giữa nhà bếp và phòng khách.



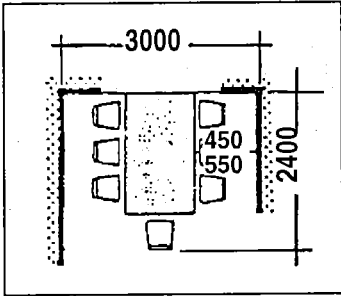
Phòng ăn và phòng khách đều mở cửa ra hành lang.



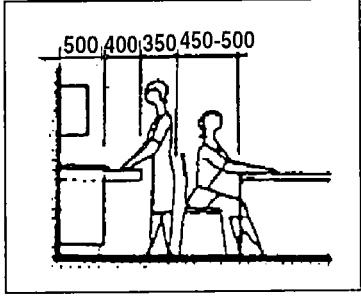
Phòng ăn, phòng khách qua hành lang.



Cách sắp xếp tiết kiệm diện tích bàn ăn với ghế cố định đặt trong phòng.

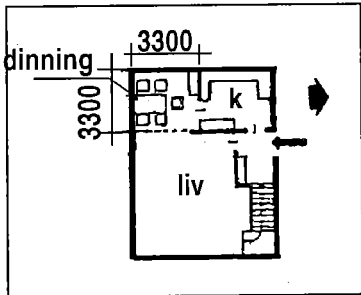


Với bàn ăn từ 5 người trở lên, phải có lối vào ghế ngồi.



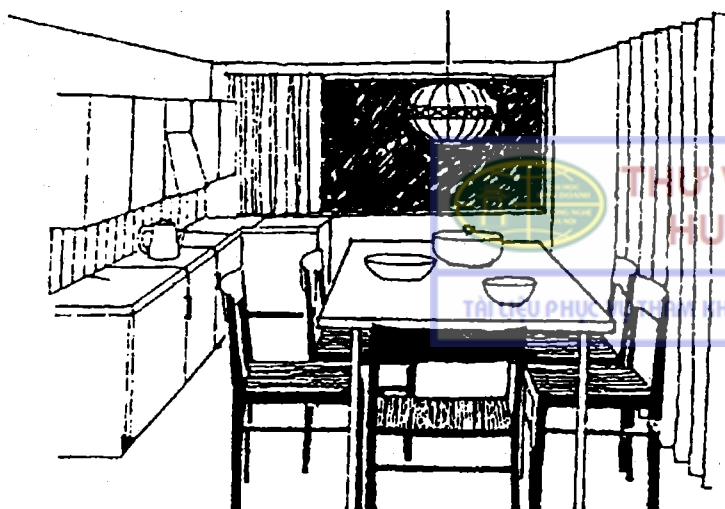
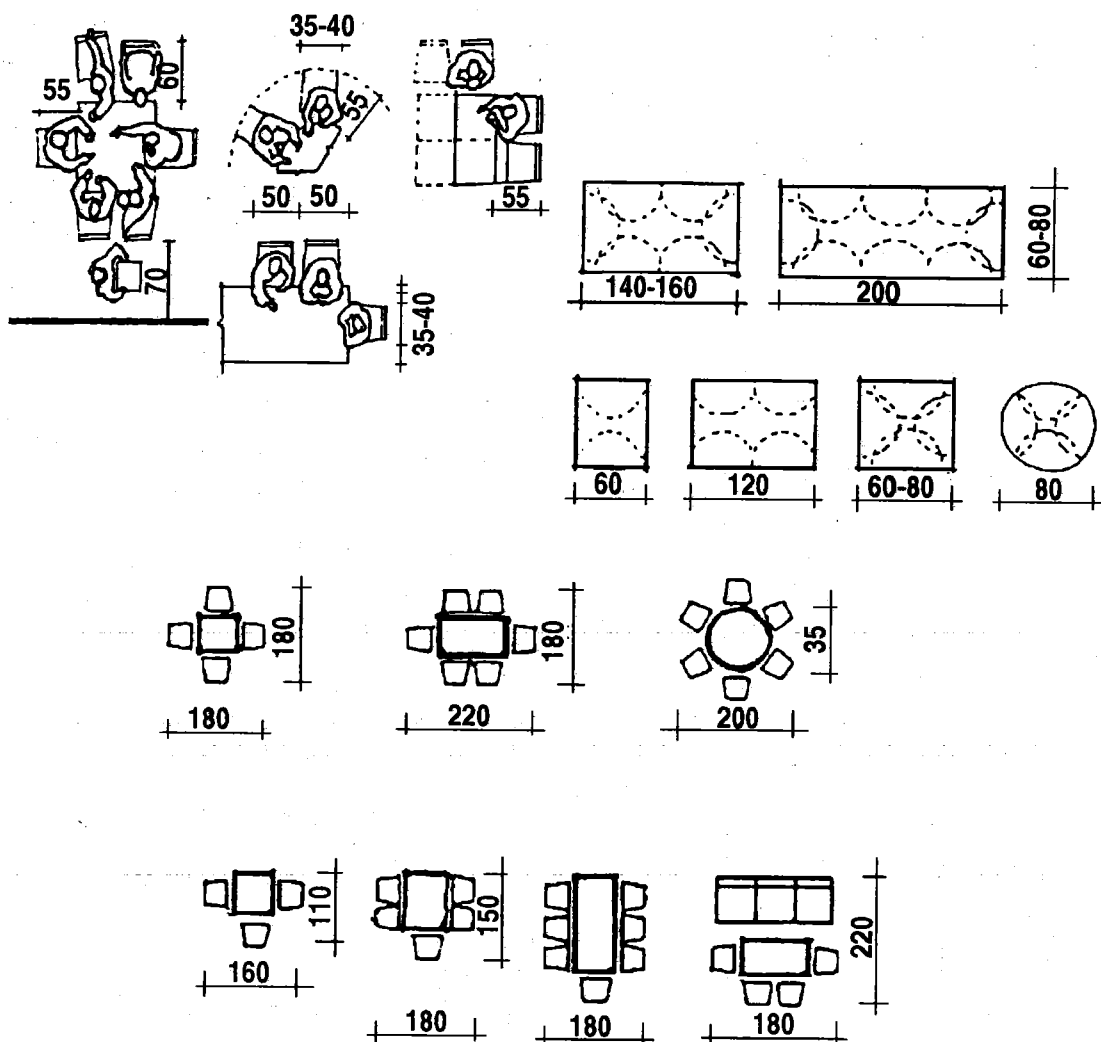
Tủ đựng bát đĩa có ngăn kéo về phía đầu bàn.

- Những lưu ý cần thiết :**
- Phòng ăn nên gần lối vào bếp hoặc tủ để thức ăn.
 - Có thể kết hợp phòng ăn với phòng khách.
 - Chiều rộng cho 1 người ngồi ăn : 550 → 700.



Khu vực bàn ăn trong phòng khách có lối đi vào bếp.

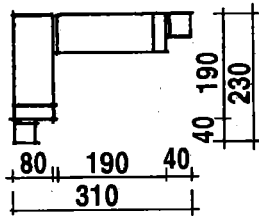
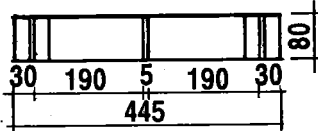
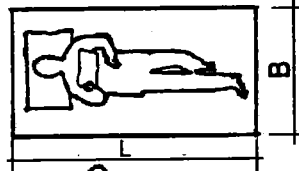
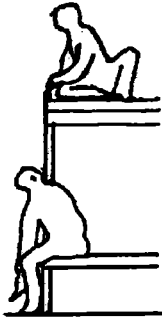
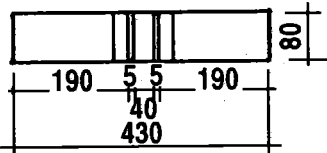
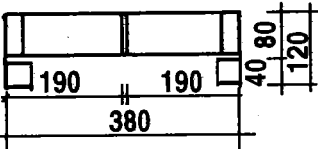
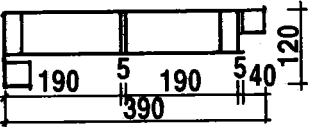
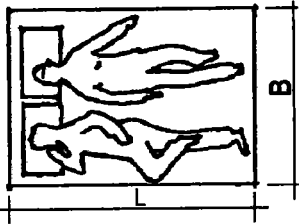
PHÒNG ĂN



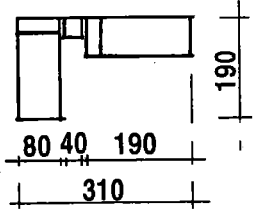
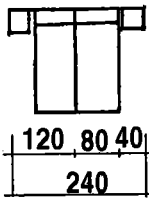
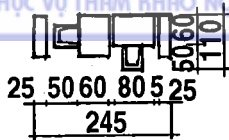
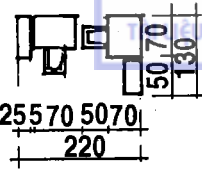
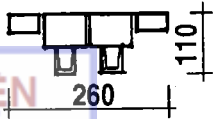
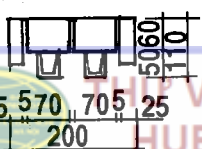
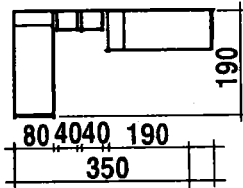
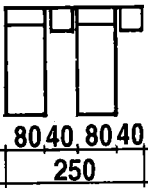
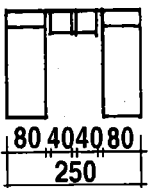
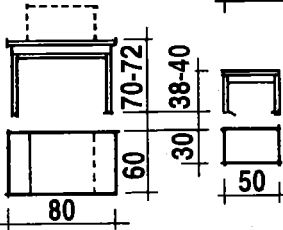
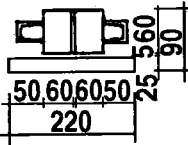
8. PHÒNG NGỦ

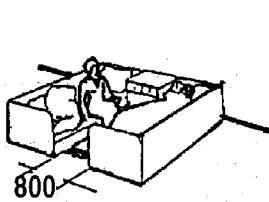
	Giường đôi*			Giường đơn		
	L(cm)	H(cm)	B(cm)	L(cm)	H(cm)	B(cm)
Lớn	200	40	160	200	40	90
Trung bình	190	35	140	190	35	85
Nhỏ	185	30	120	185	30	80

Giường đơn - giường đôi

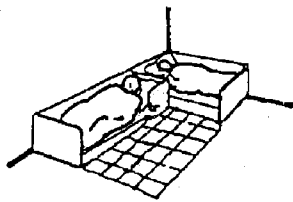


Bàn ghế học tập
tràng điểm

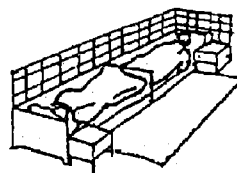




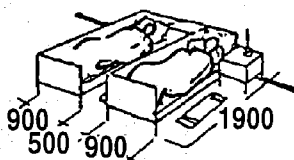
Cho chị em



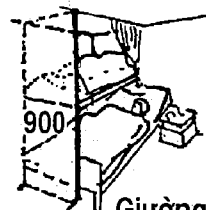
Cho anh em



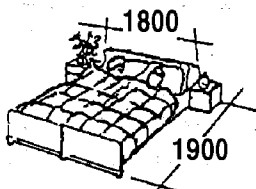
Cho khách



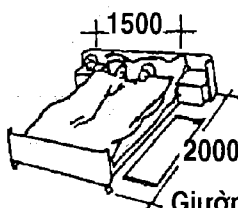
Cho bạn bè



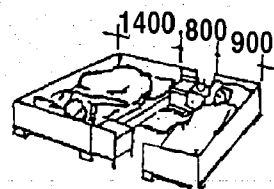
Giường tầng



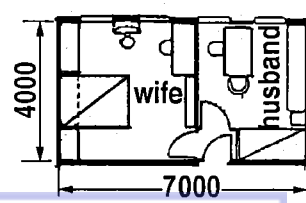
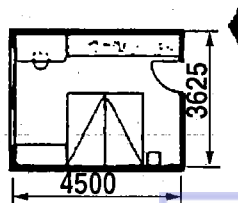
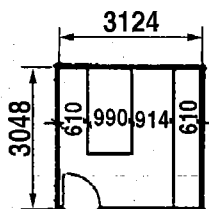
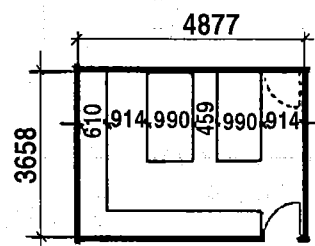
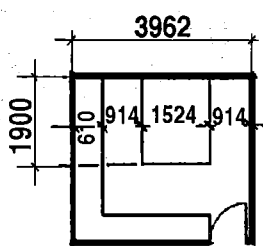
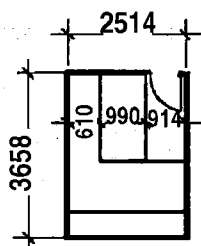
Giường 2 đệm



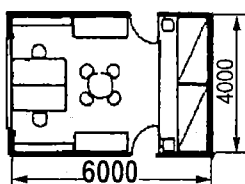
Giường 1 đệm



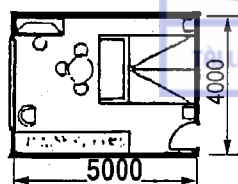
Giường riêng của vợ chồng



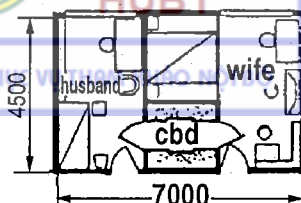
Phòng ngủ riêng của vợ chồng



Phòng ngủ và làm việc

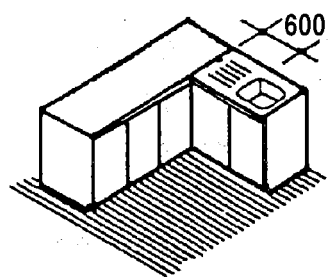
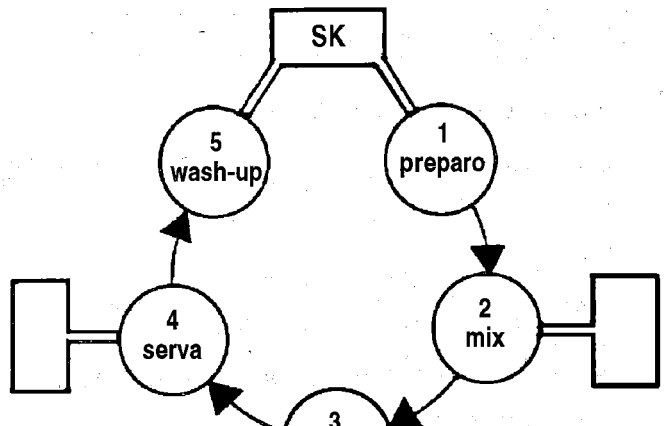
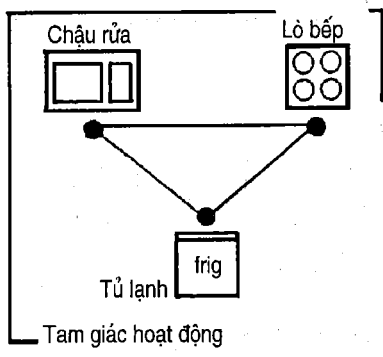
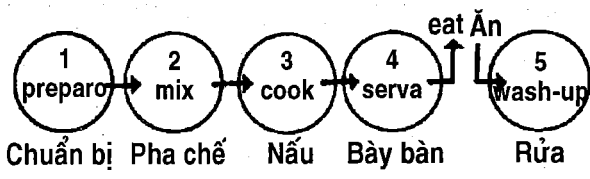


Phòng ngủ và tiếp khách

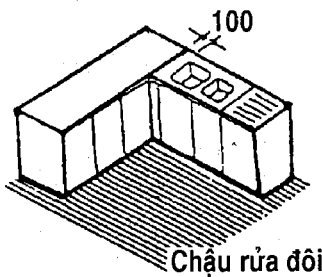
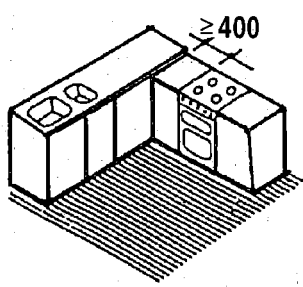


Phòng ngủ riêng của vợ chồng có tủ chung

9. BẾP (lưu trình công việc)



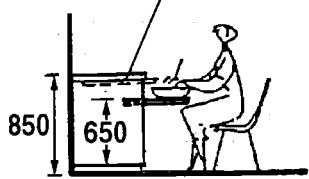
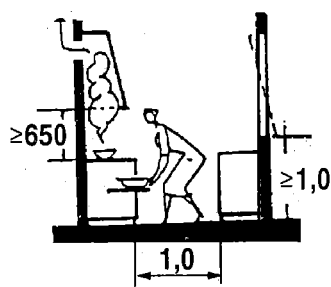
Chậu rửa đơn



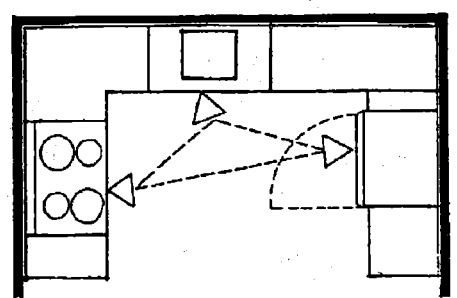
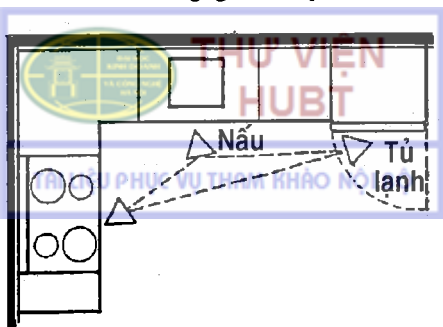
Chậu rửa đôi

Tam giác vật dụng cố định

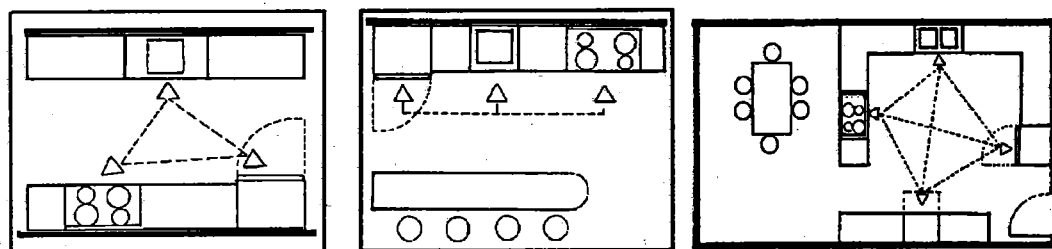
Thớt gỗ cứng kéo ra đẩy vào
hardwood pull-cut cutting
boardf (drawer below)



Tổ chức không gian bếp



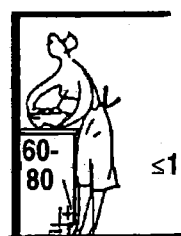
TỔ CHỨC KHÔNG GIAN BẾP



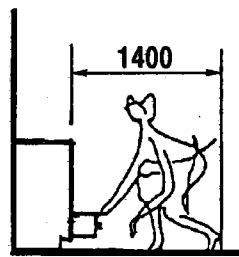
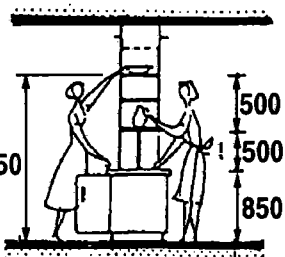
Một số hoạt động nội thất bếp



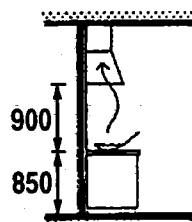
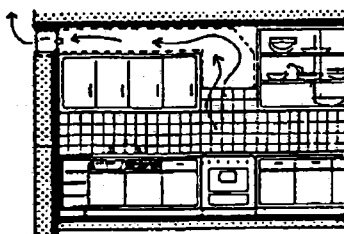
Chiều sáng bếp



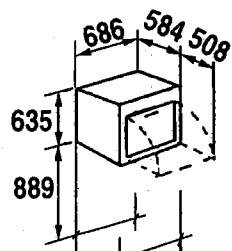
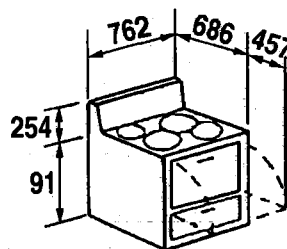
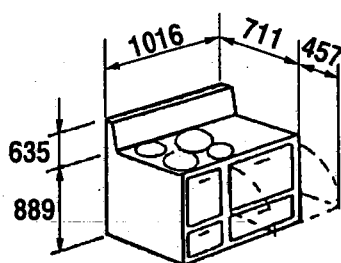
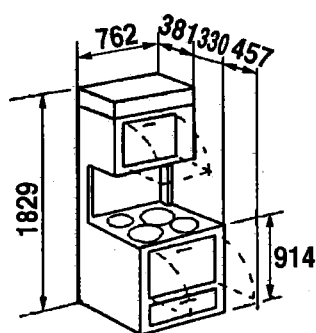
80-100



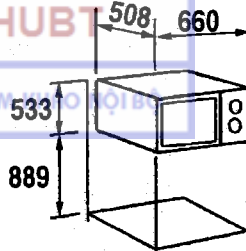
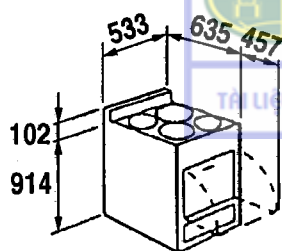
Thông hơi bếp theo phương ngang



Một vài kiểu bếp nấu đứng năng lượng điện

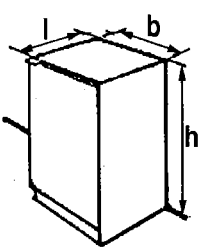


Bếp nấu gắn trên tường



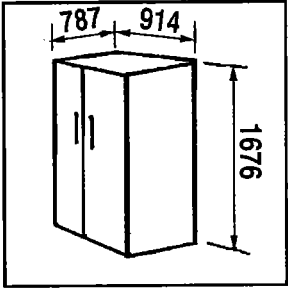
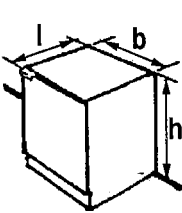
Lò nướng vi ba

MỘT VÀI KIỂU TỦ LẠNH TIÊU CHUẨN CHÂU ÂU



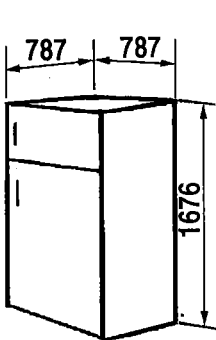
C(1)	b	t	h
500	550	550-600	800-850
750	550	600-650	850
1250	550-600	650-700	900-1000
1500	600-650	650-700	1200-1300
2000	650-700	700-750	1300-1400
2500	700-750	700-750	1400-1500

C(1)	b	t	h
500	550	500-550	800-850
750	550	550-600	850-900
1000	550	600-650	900

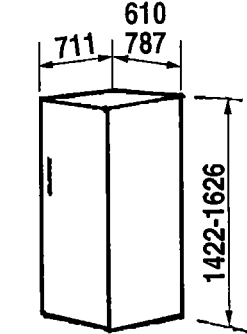


Kích thước Châu Âu cho các tiêu chuẩn về tủ lạnh gắn trong tường C=dung tích

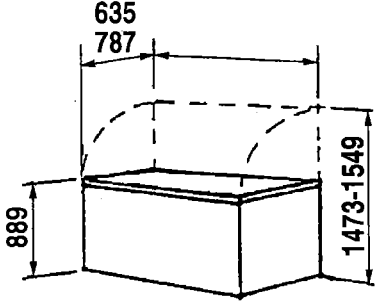
Tủ lạnh có 0,65m³ trữ lạnh và 1,17m³ đông lạnh



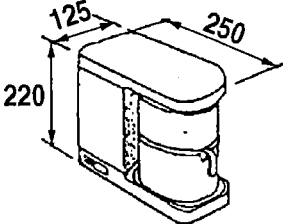
Tủ lạnh 0,79m³



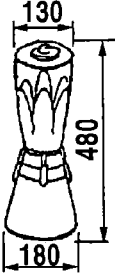
Tủ lạnh 0,25/0,34 m³



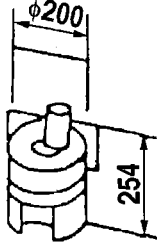
Tủ đá nằm



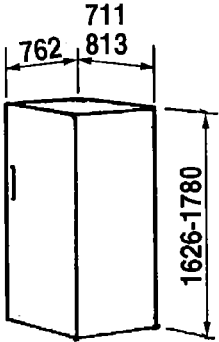
Máy pha cafe



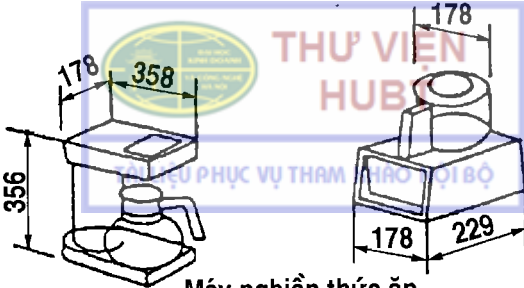
Máy xay trái cây



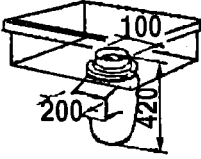
Máy ép trái cây



Tủ đá đứng



Máy nghiền thức ăn

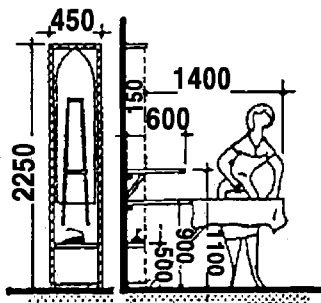


Máy nghiền rác

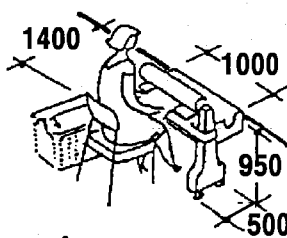


Máy đánh trứng

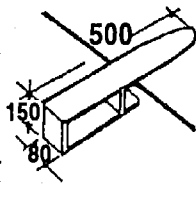
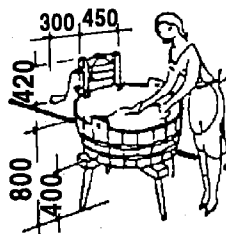
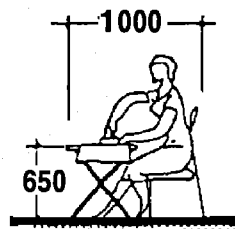
10. PHÒNG GIẶT ỦI



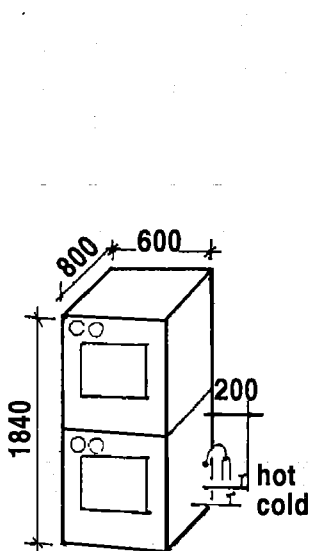
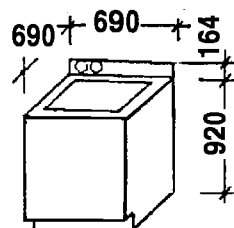
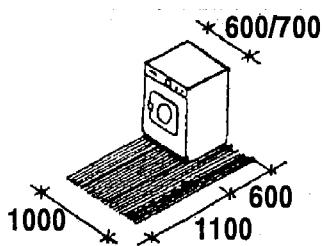
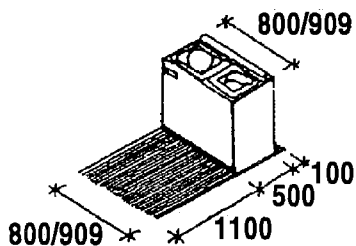
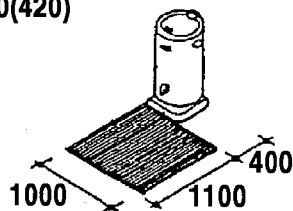
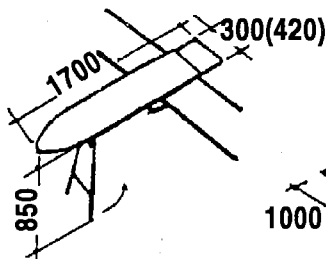
Bàn ủi bản lề



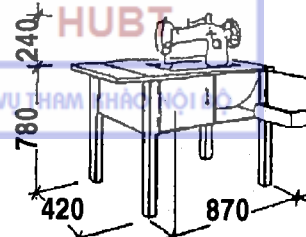
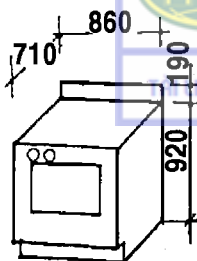
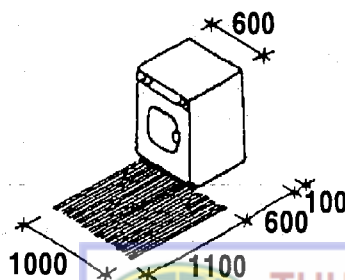
Ủi điện



Bàn để ủi

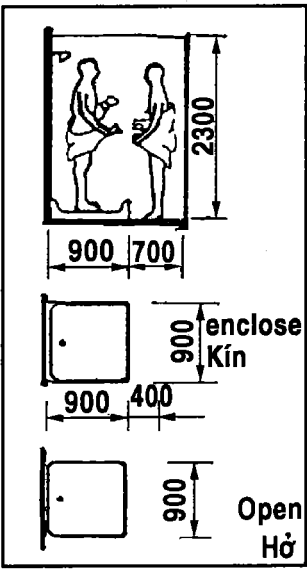
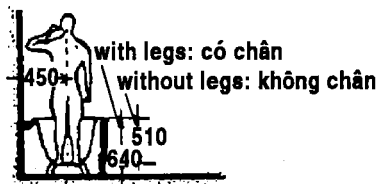
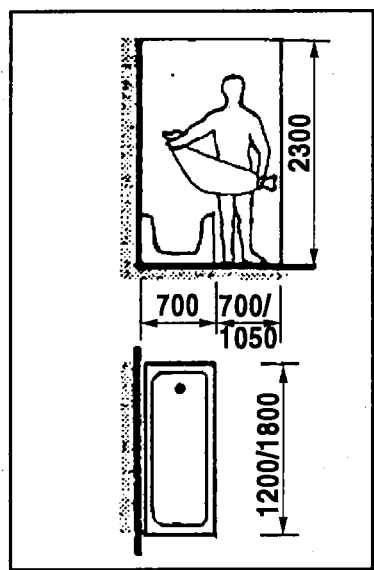


Một kiểu máy giặt

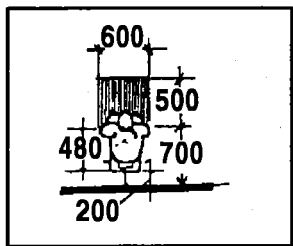
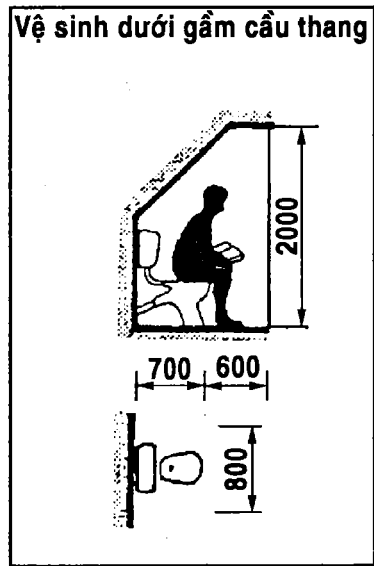


Máy may

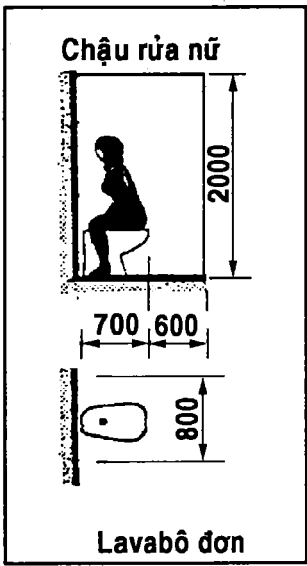
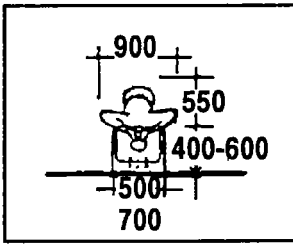
11. PHÒNG TẮM, VỆ SINH



Hương sen, khay tắm



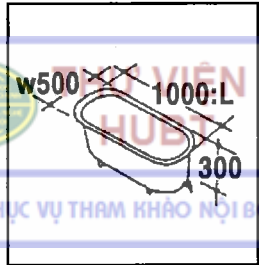
Vệ sinh có thùng nước trên cao



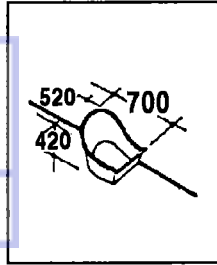
Lavabô đơn

	W
1500	
1600	700-800
1700	
1800	

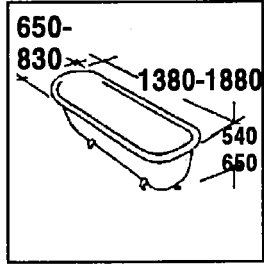
Kích thước tiêu chuẩn bồn tắm



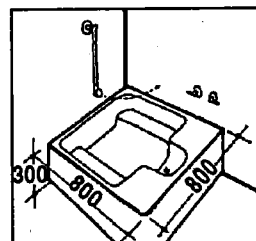
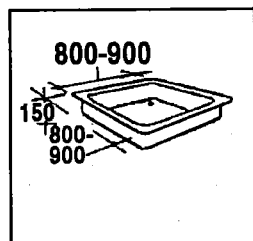
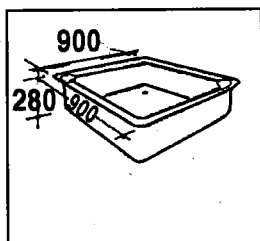
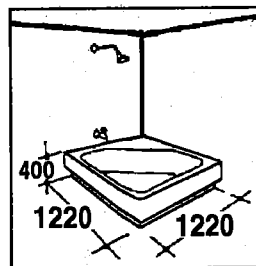
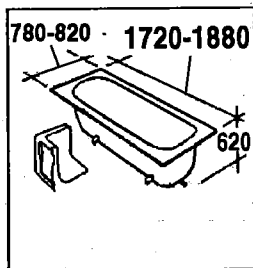
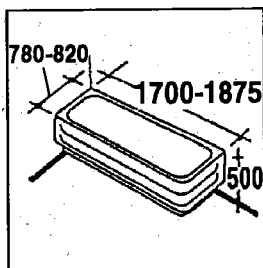
Bồn tắm trẻ em



Tắm ngồi



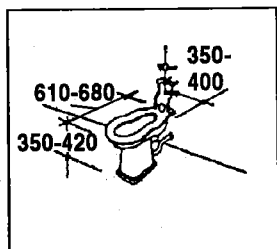
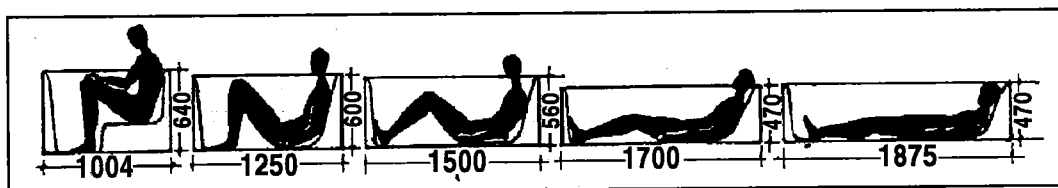
Bồn sắt tráng men



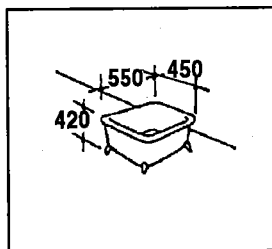
Khay tắm hương sen

Khay tắm hương sen thấp

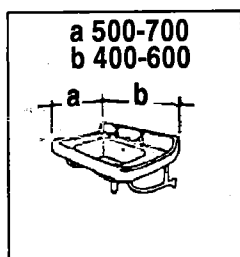
Bồn tắm polyban



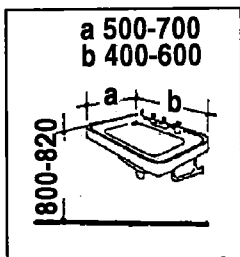
Chậu rửa nữ



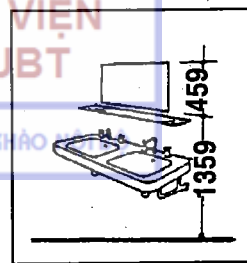
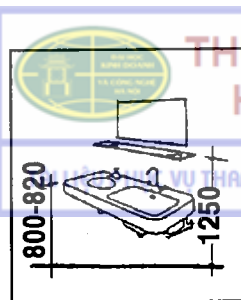
Chậu rửa chân



Lavabô đơn

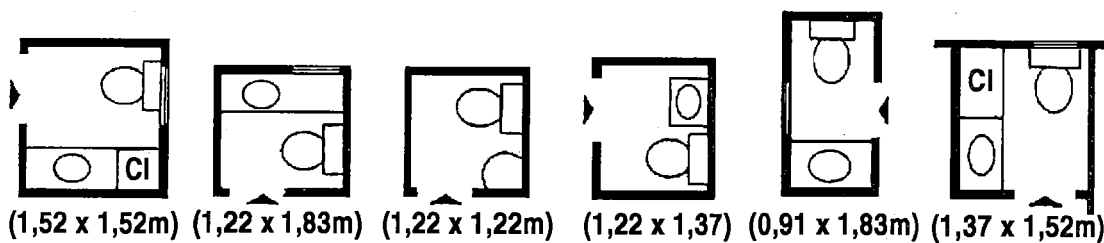


Lavabô có chỗ súc miệng

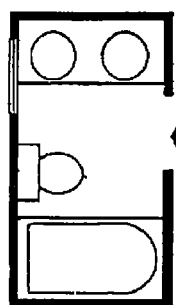
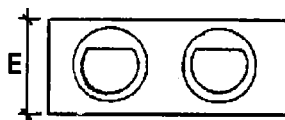
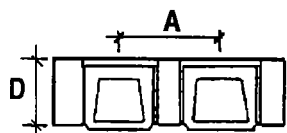
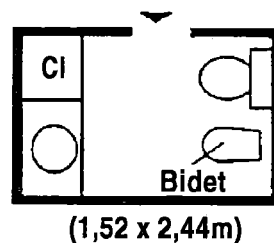
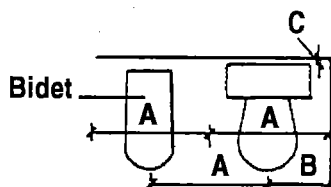


Lavabô đôi

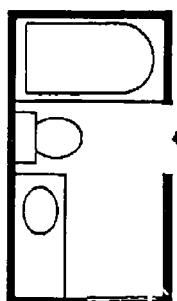
TỔ CHỨC KHÔNG GIAN VỆ SINH, TẮM



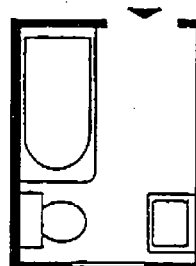
in	cm
A = 30	76.20
B = 15	38.10
C = 1	2.54
D = 16	40.64
E = 20-24	50.80-60.96



(1,52 x 2,74m)



1,52 x 2,74



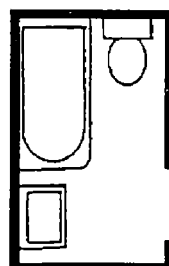
(1,83 x 2,36m)



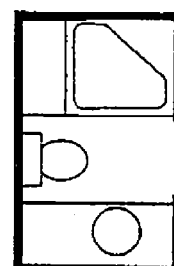
5 x 6
(1,52 x 1,83m)



5 x 7
(1,52 x 2,13m)

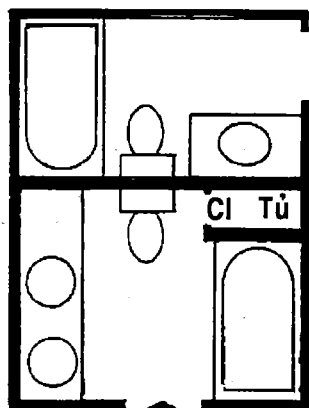


5 x 8
1,52 x 2,5

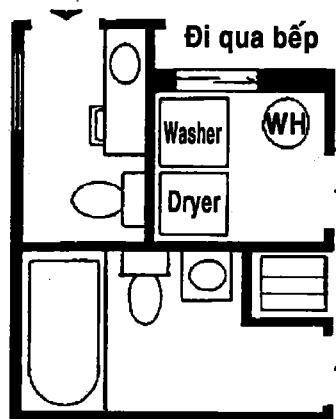


5 x 8
1,52 x 2,5

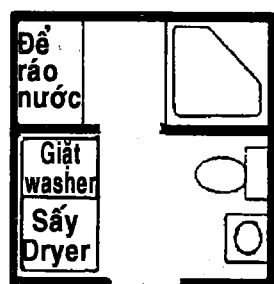
PHÒNG VỆ SINH, TẮM GIA ĐÌNH



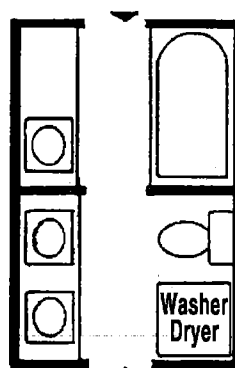
(2,74 x 3,66m)



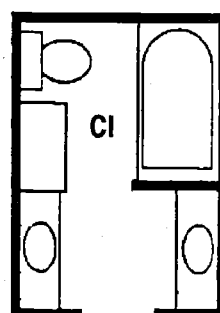
(3,05 x 3,66m)



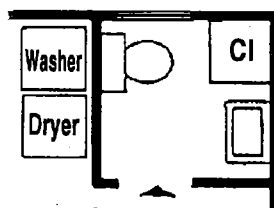
2,44 x 2,44m)



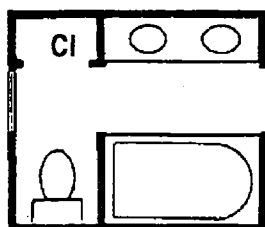
(2,44 x 3,05m)



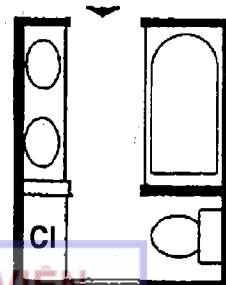
(1,98 x 2,74m)



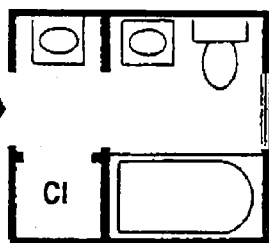
(1,52 x 1,68m)



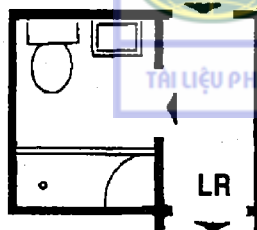
(2,44 x 1,98m)



(1,98 x 2,44)

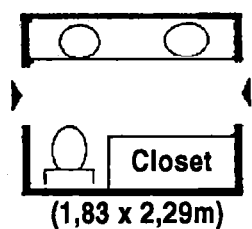
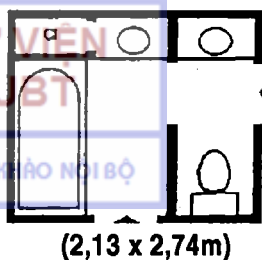
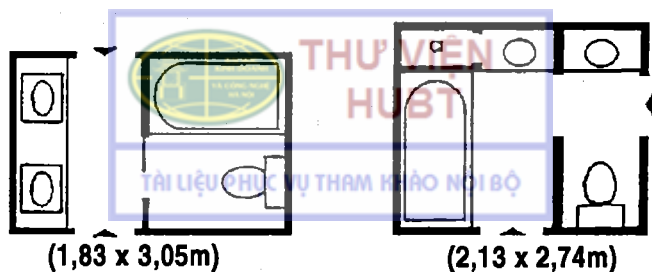
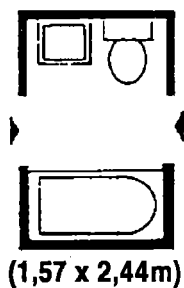
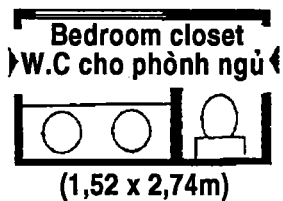
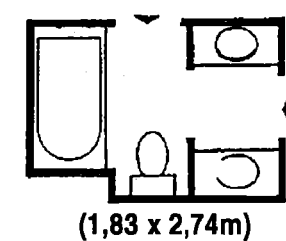
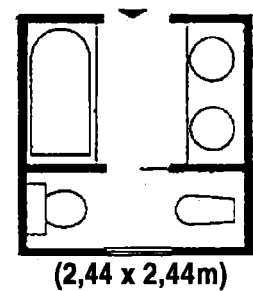
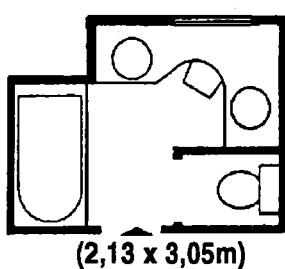
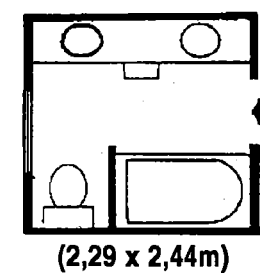
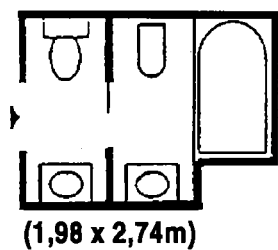
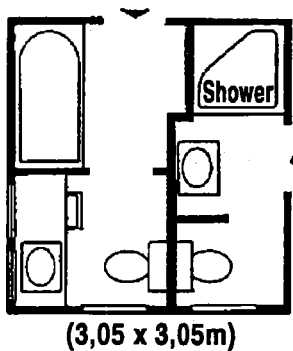
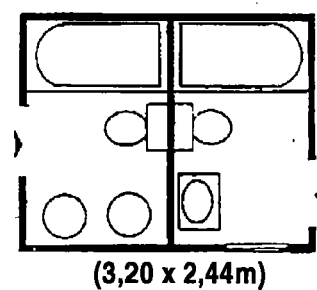
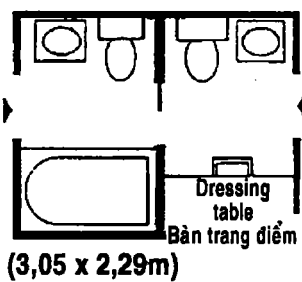
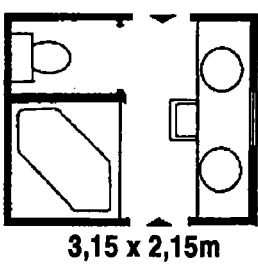
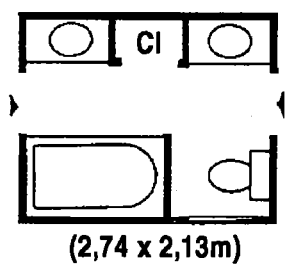


(2,13 x 2,44m)

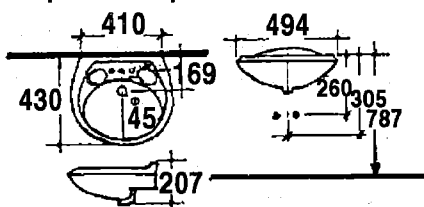


(1,37 x 1,83m)

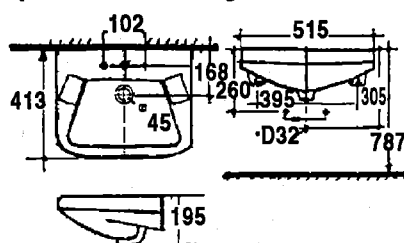
PHÒNG VỆ SINH LỚN



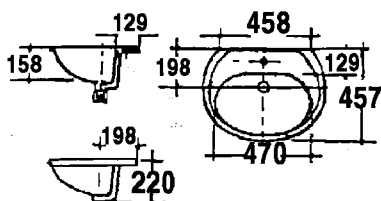
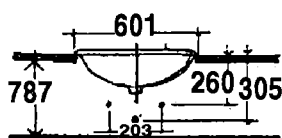
Chậu rửa Copacabana TF - 959



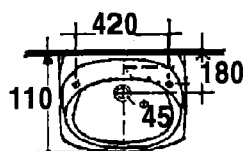
Chậu rửa treo tường Laverne TF - 911



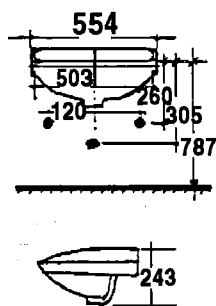
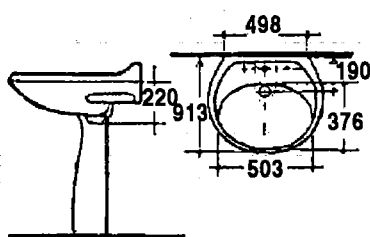
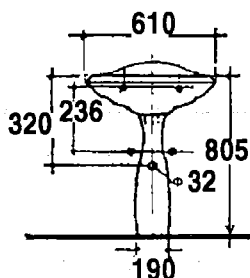
Chậu rửa để bàn Ellise TF - 0076



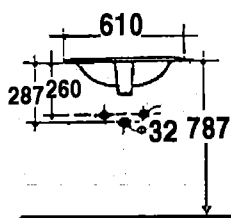
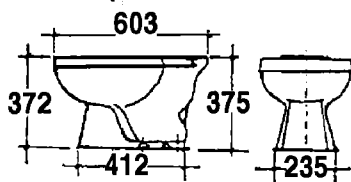
Chậu rửa Trmline TF - 941



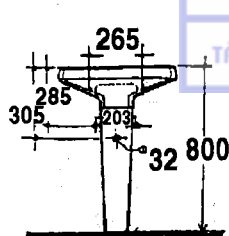
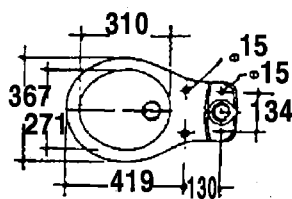
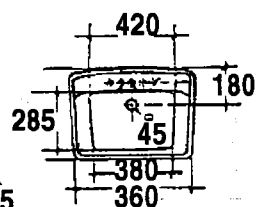
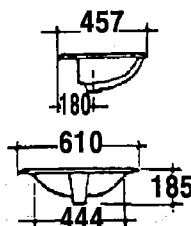
Chậu rửa có chân Ellise petite TF - 0035 E/0075P



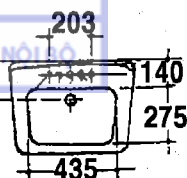
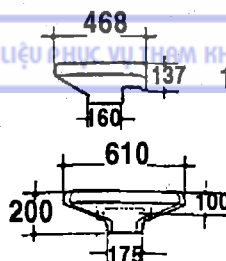
Xi bệt Plebe 3031/4049T



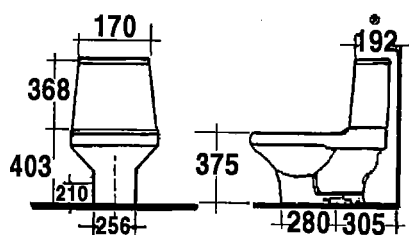
Chậu rửa để bàn Plaza petite TF - 0409



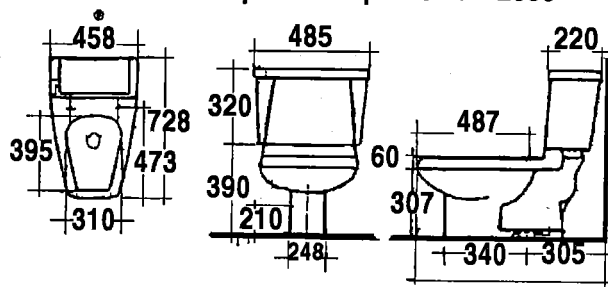
Chậu rửa có chân Plaza petite TF - 0045 E/0091P



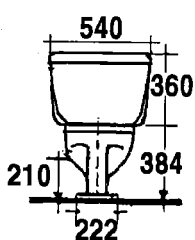
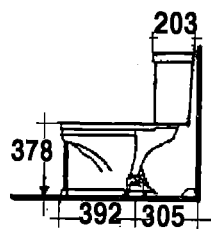
Xí bệt Plaza petite TF - 2008



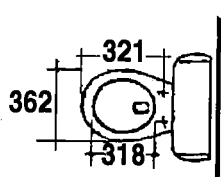
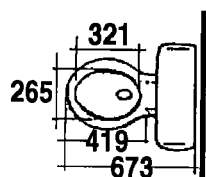
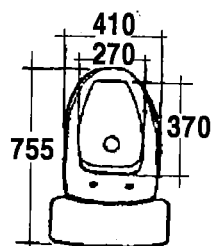
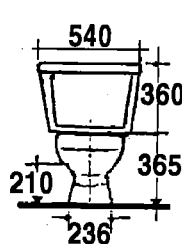
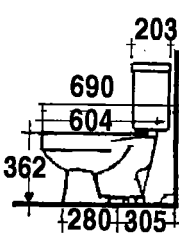
Xí bệt Ellisse petite TF - 2085



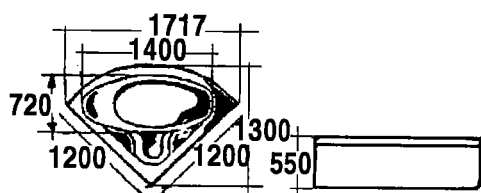
Xí bệt Compton TF - 2106



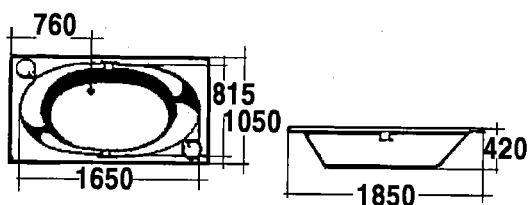
Xí bệt New cadet TF - 2122



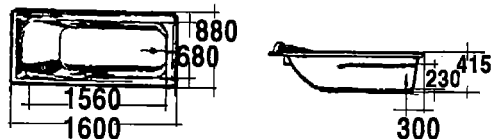
Bồn tắm Tropicana TF - 7260



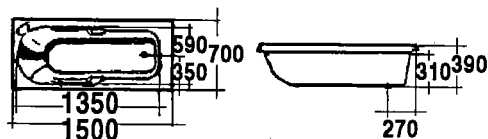
Bồn tắm Nagoya TF - 7110



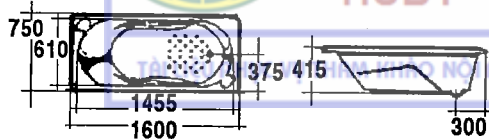
Bồn tắm Tonca TF - 7120



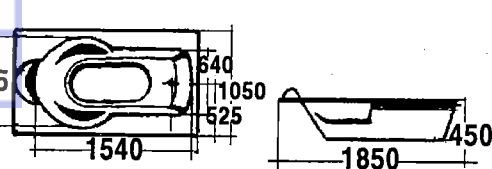
Bồn tắm Studio TF - 7140



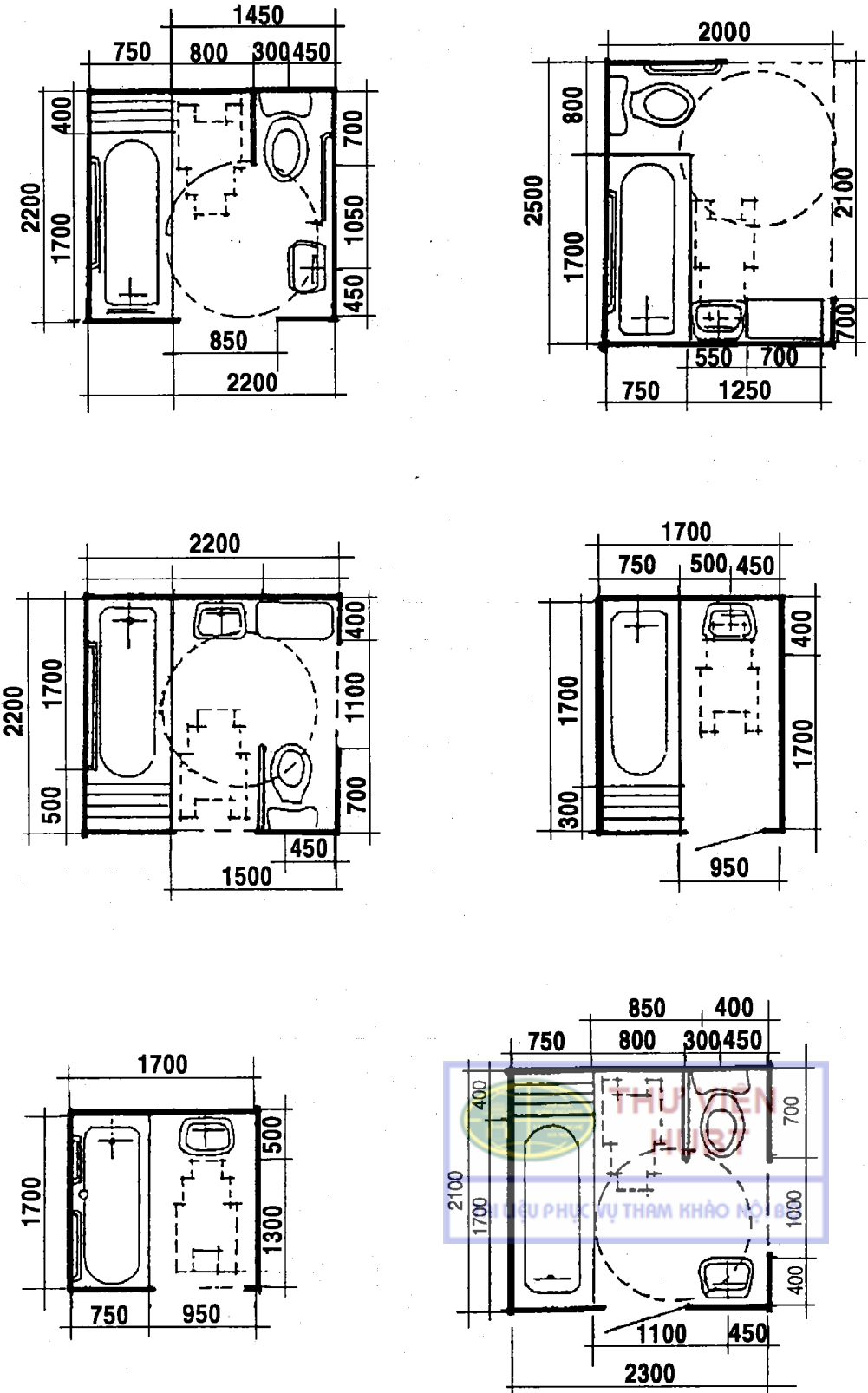
Bồn tắm Europa TF - 7130

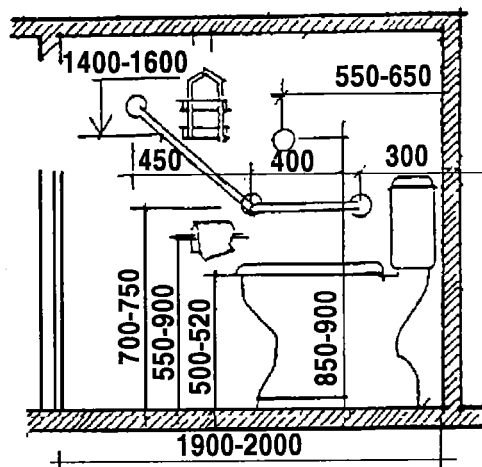
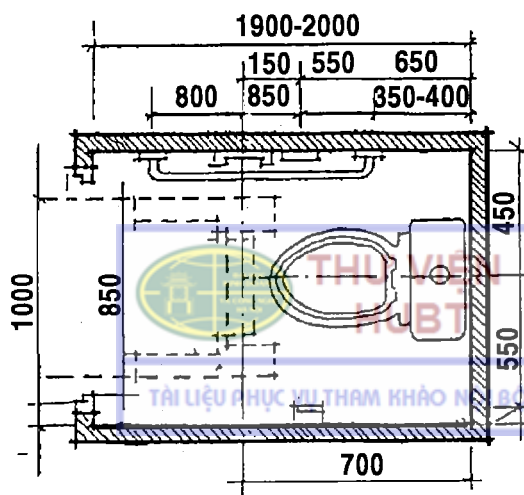
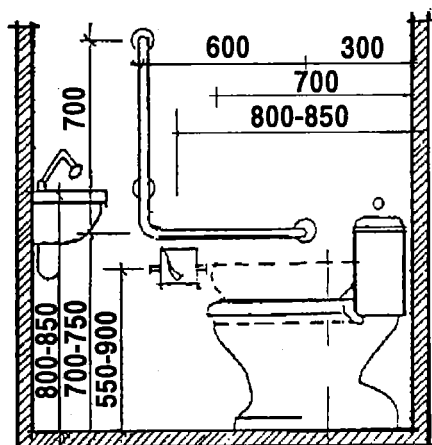
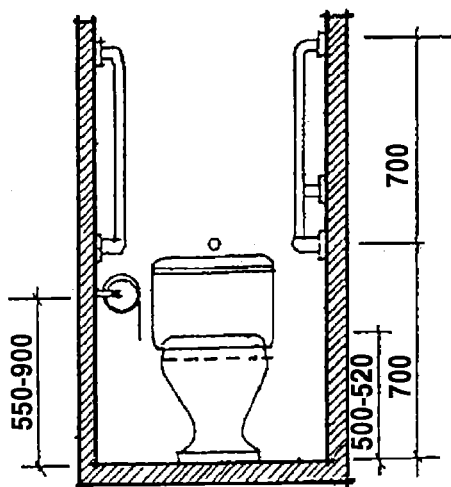
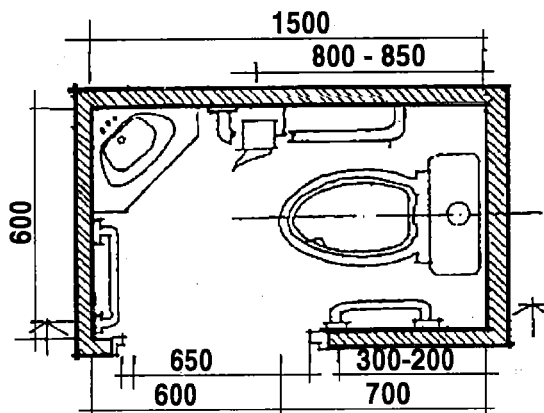
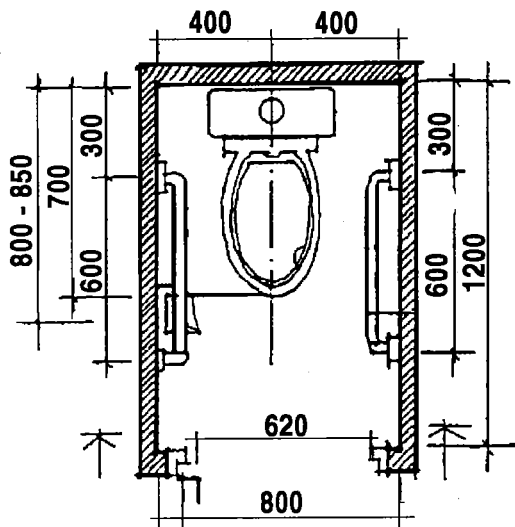


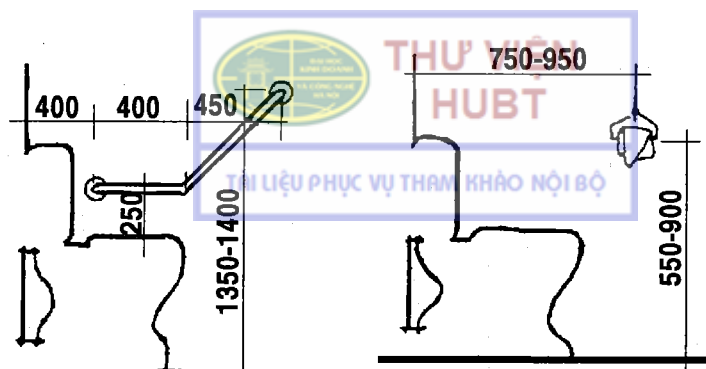
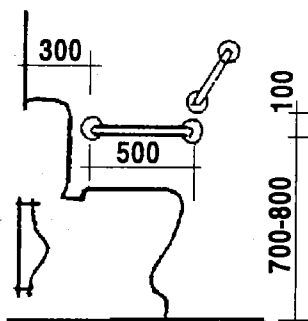
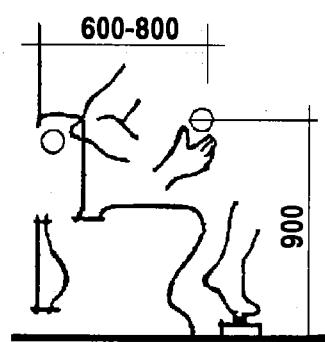
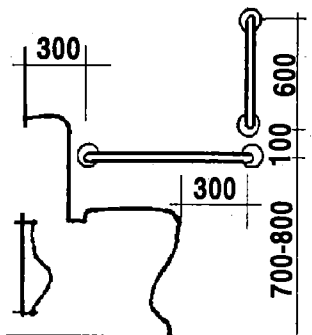
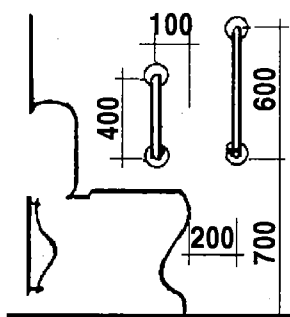
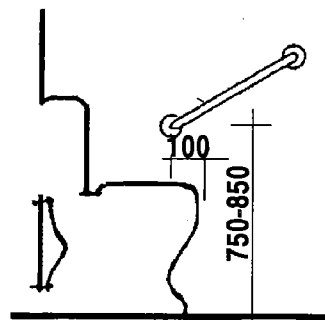
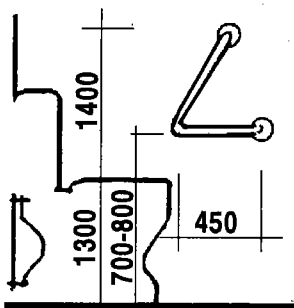
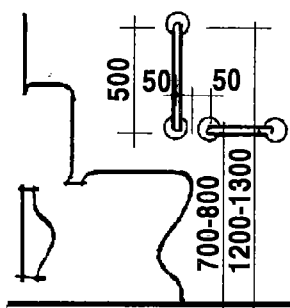
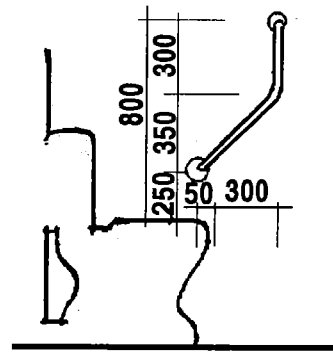
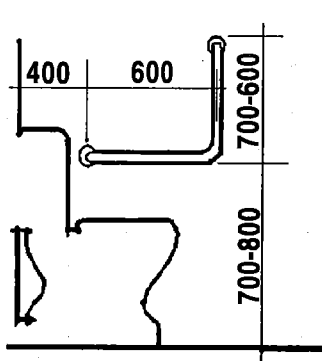
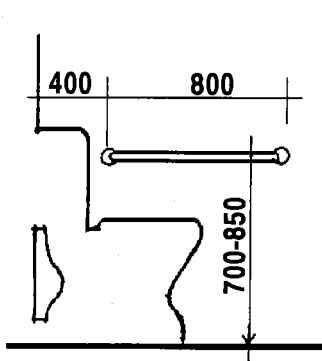
Bồn tắm Kurokawa TF - 7150



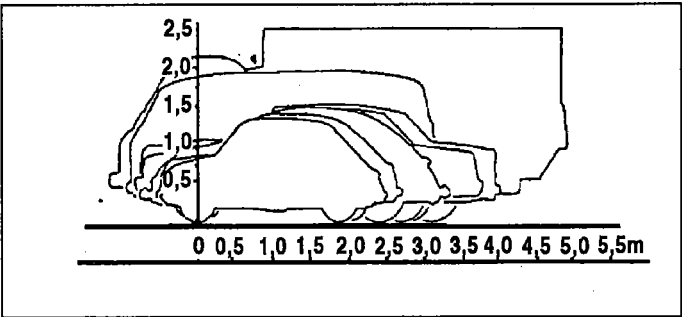
VỆ SINH CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT (ĐI XE LĂN)



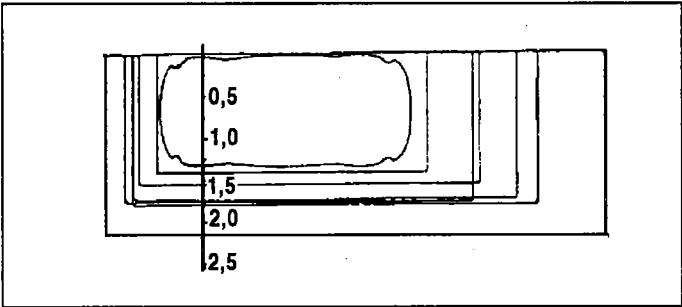




12. NHÀ XE



Các kích thước xe tiêu biểu



Nhìn từ trên xuống các loại xe

Lưu ý :

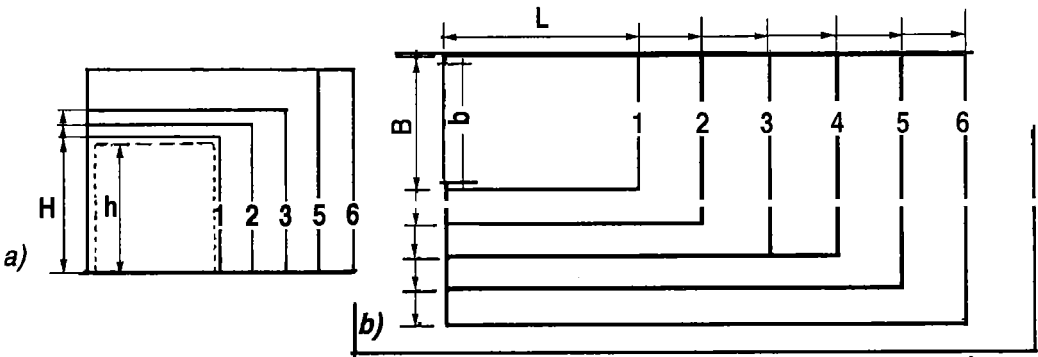
- Khoảng cách giữa xe và tường $\geq 200 - 300$.
- Cách bờ dừng ≥ 500 ,
- Cửa xe vào : giữa xe và tường, giữa các xe ≥ 700
- Rửa xe : xe và tường, xe và xe cách nhau ≥ 1200 .

Kích thước cửa vào

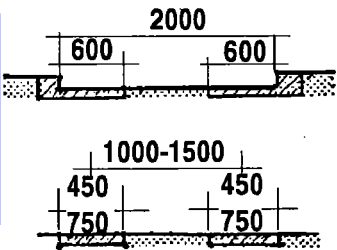
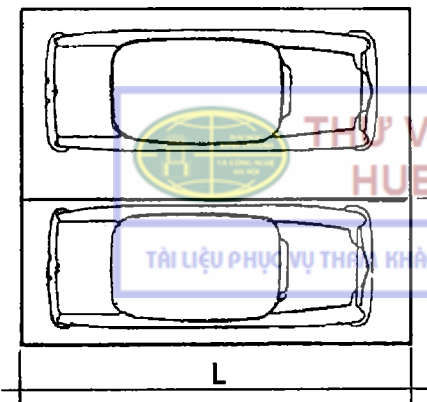
no	L	B	H	b	h
1	30	20	20	19	18
2	40	25	22	24	20
3	50	30	24	25	24
4	60	30	24	25	24
5	70	35	30	28	24
6	80	40	30	28	30
USAsizes					
x	67	42	22	24	20
y	61	34	22	23	20

x = regular y = compact

Tiêu chuẩn Hẹp

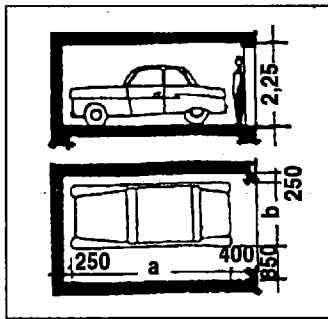


Nhà xe tiêu biểu. a) Chiều cao tăng dần theo loại xe; b) Mặt bằng cho xe gắn máy có thùng; 2-4 ô tô; 5-6 xe tải nhỏ + xe tải lớn

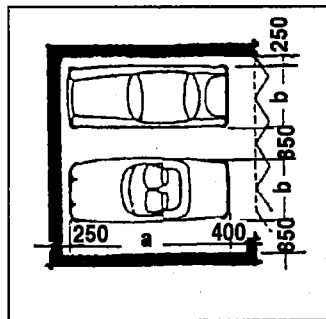


Lối xe ra vào

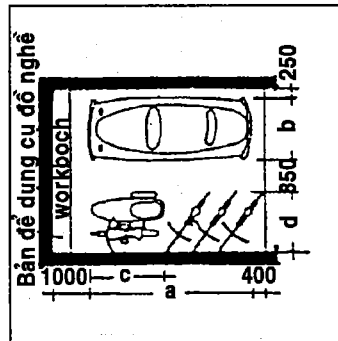
NHÀ XE (GARA) NHỎ



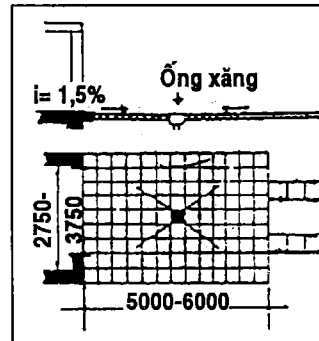
Gara đơn



Gara đôi

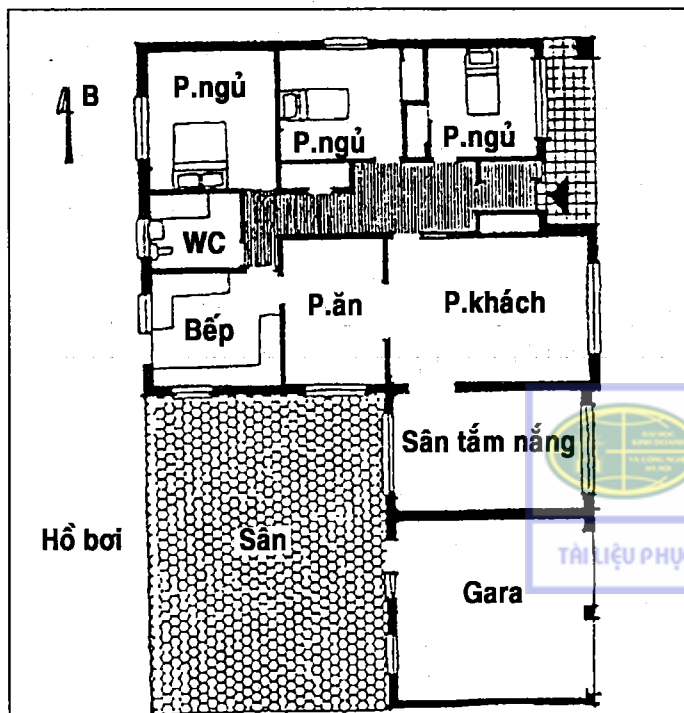
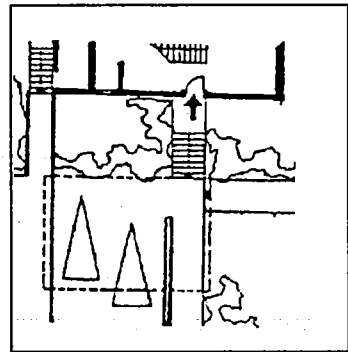
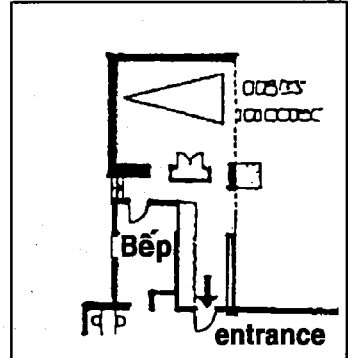


Gara với giá để dụng cụ:
Một xe hơi, một xe mô tô
thùng và các loại xe đạp

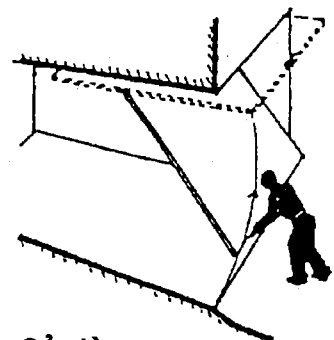


Gara với sàn sửa xe

Một vài ví dụ của Gara nhỏ



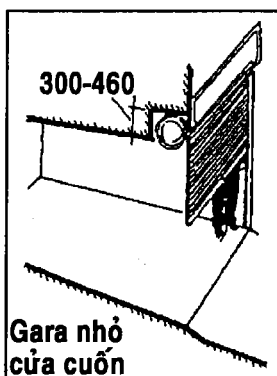
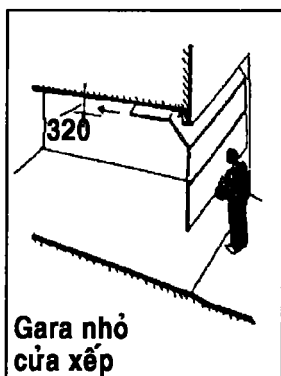
Gara đôi dùng cho nhà một tầng mở rộng có hồ bơi



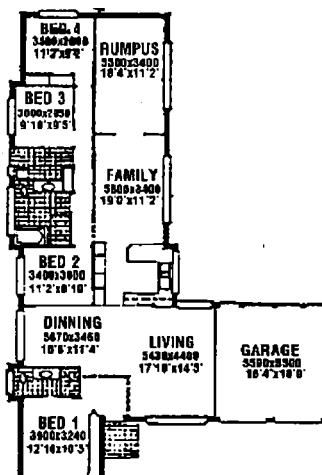
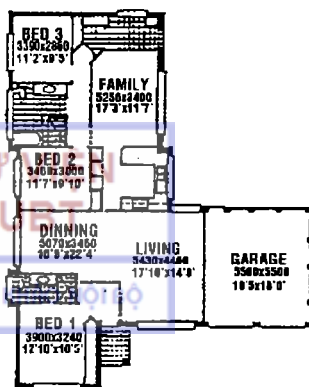
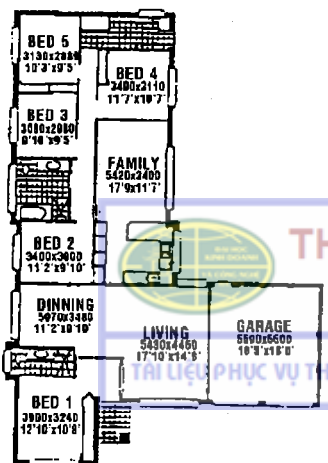
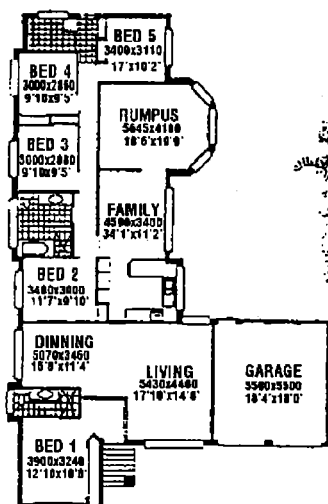
Cửa lùa



Cửa gập

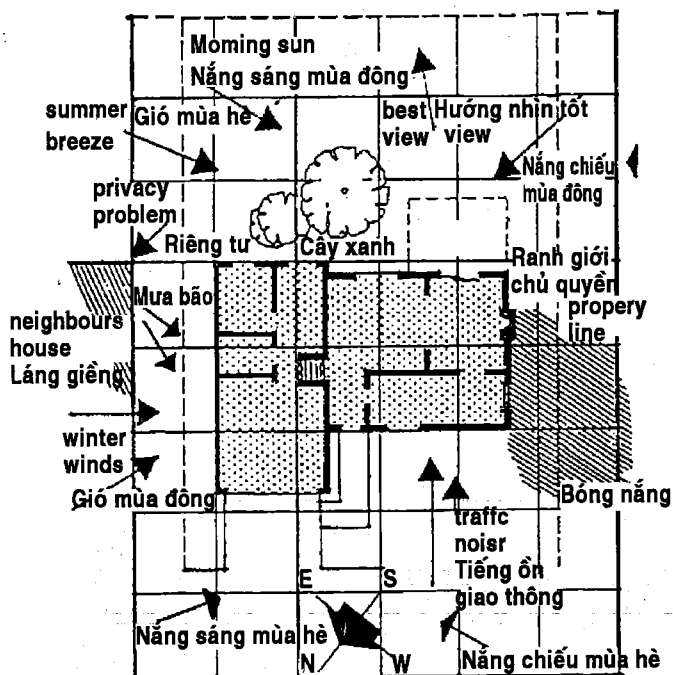


Sinh viên chọn một trong những mặt bằng sau, cho kích thước mặt bằng, dựng mặt đứng, lắp đặt cửa các loại. Trồng cây xanh quanh nhà.



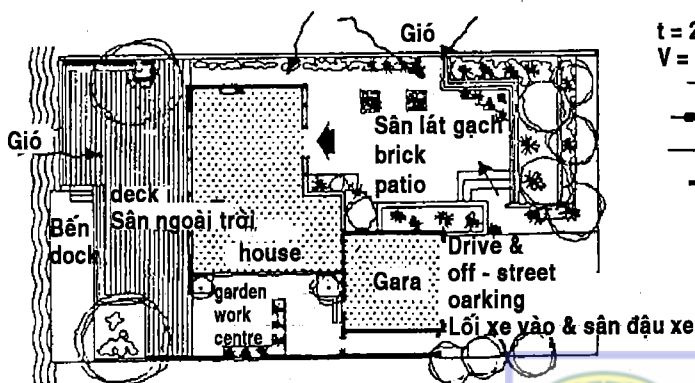
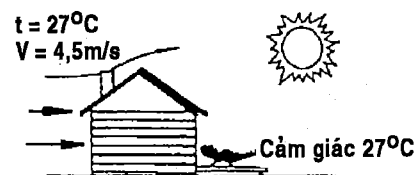
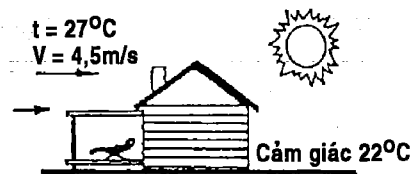
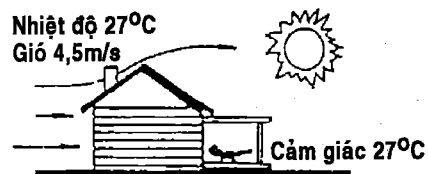
13. THIẾT KẾ SÂN VƯỜN

Sinh viên tự chọn mặt bằng thiết kế tổ chức sân vườn theo điều kiện khí hậu địa phương



NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI GIẢI PHÁP TỔ CHỨC SÂN VƯỜN

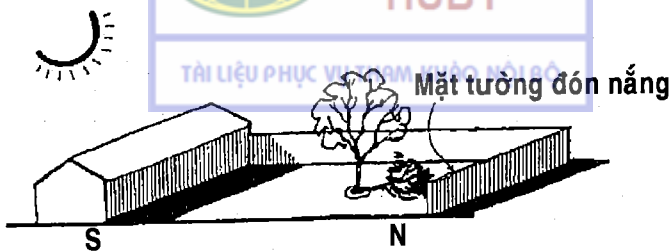
Cảm giác nhiệt với hướng nắng, gió



Sân vườn của nhà bên sông

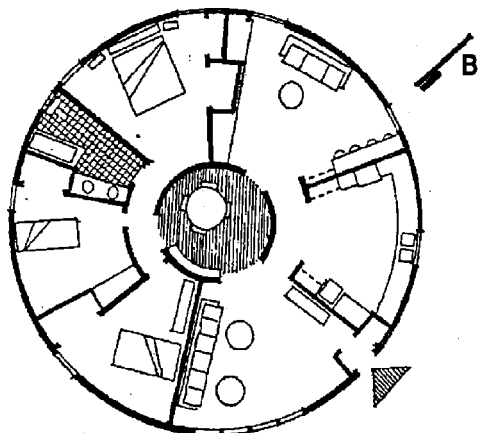


Mặt trời, hướng nắng tới trong các mùa thời tiết, bóng đổ



14. NHÀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

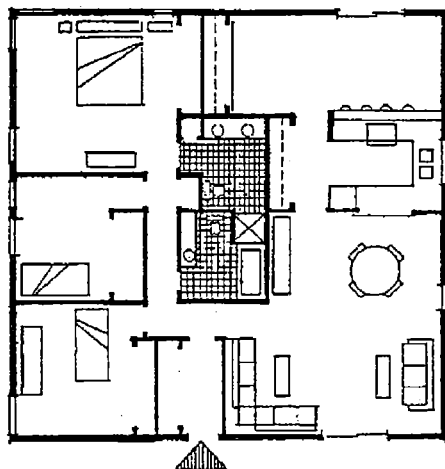
Tiết kiệm thể tích không gian. Giảm diện tích kết cấu bao che. Tận dụng tối đa



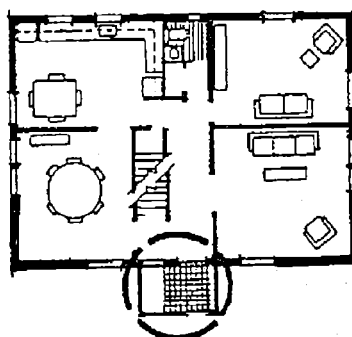
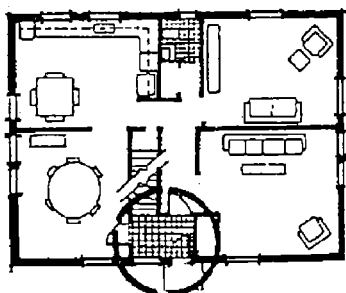
Mặt bằng bố trí sân hình tròn.

Mặt bằng tròn, thể tích không gian, diện tích kết cấu bao che nhỏ nhất. Thông thoáng nhờ sân trong mở thông với bên ngoài.

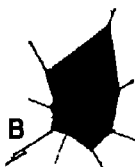
Tất cả các phòng trực tiếp với bên ngoài.



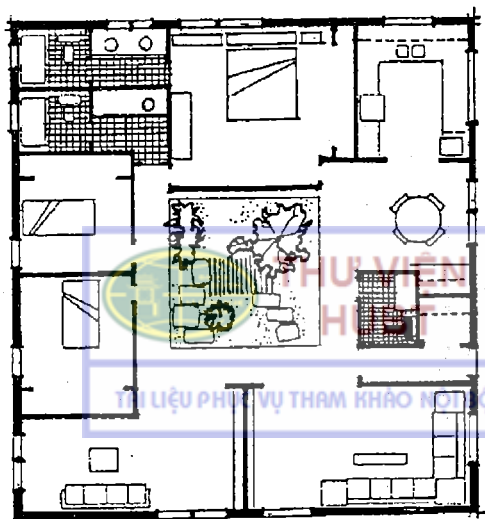
Sau hình tròn là hình chữ nhật và hình vuông. Khối phụ đặt ở giữa, tăng sự tiêu tốn năng lượng.



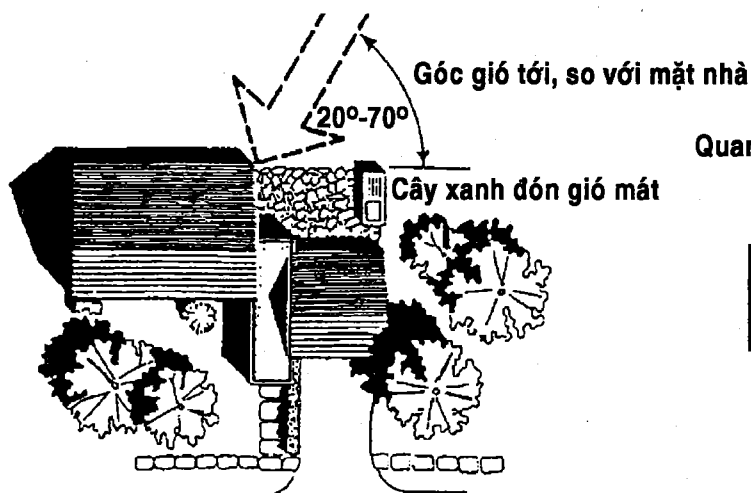
Tổ chức lối vào liên quan tới ánh sáng lấy vào phòng và tổn thất năng lượng.



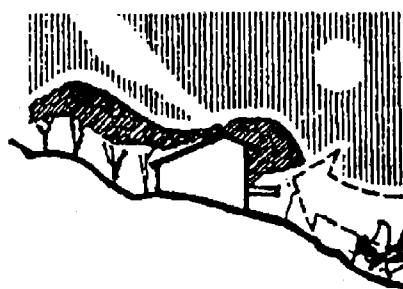
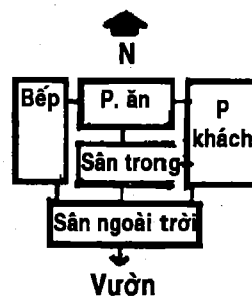
Sân trong đầy ánh sáng và gió. Các phòng trực tiếp với ngoài nhà. Cửa sổ đặt phía trong.



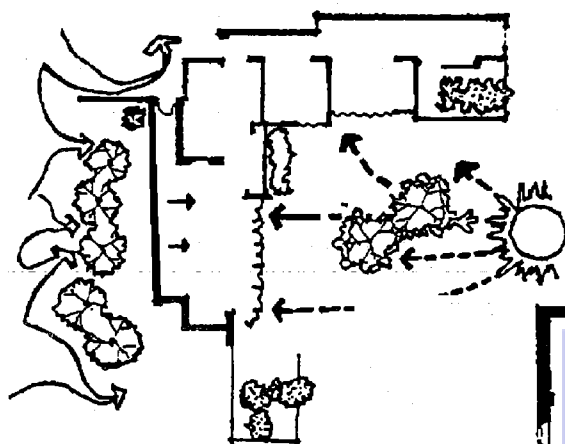
TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG BẰNG TỔ CHỨC THÔNG GIÓ



Quan hệ giữa nhà, sân vườn

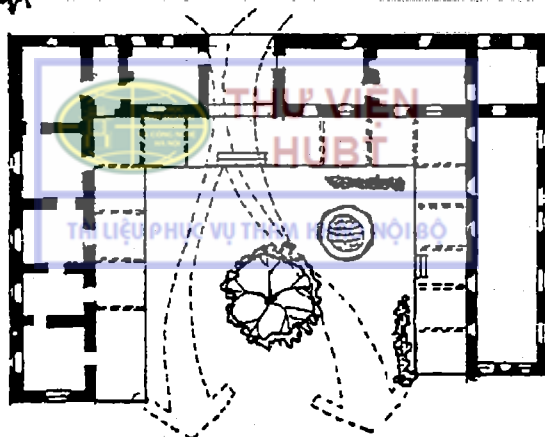


Lợi dụng địa hình
để tổ chức thông gió

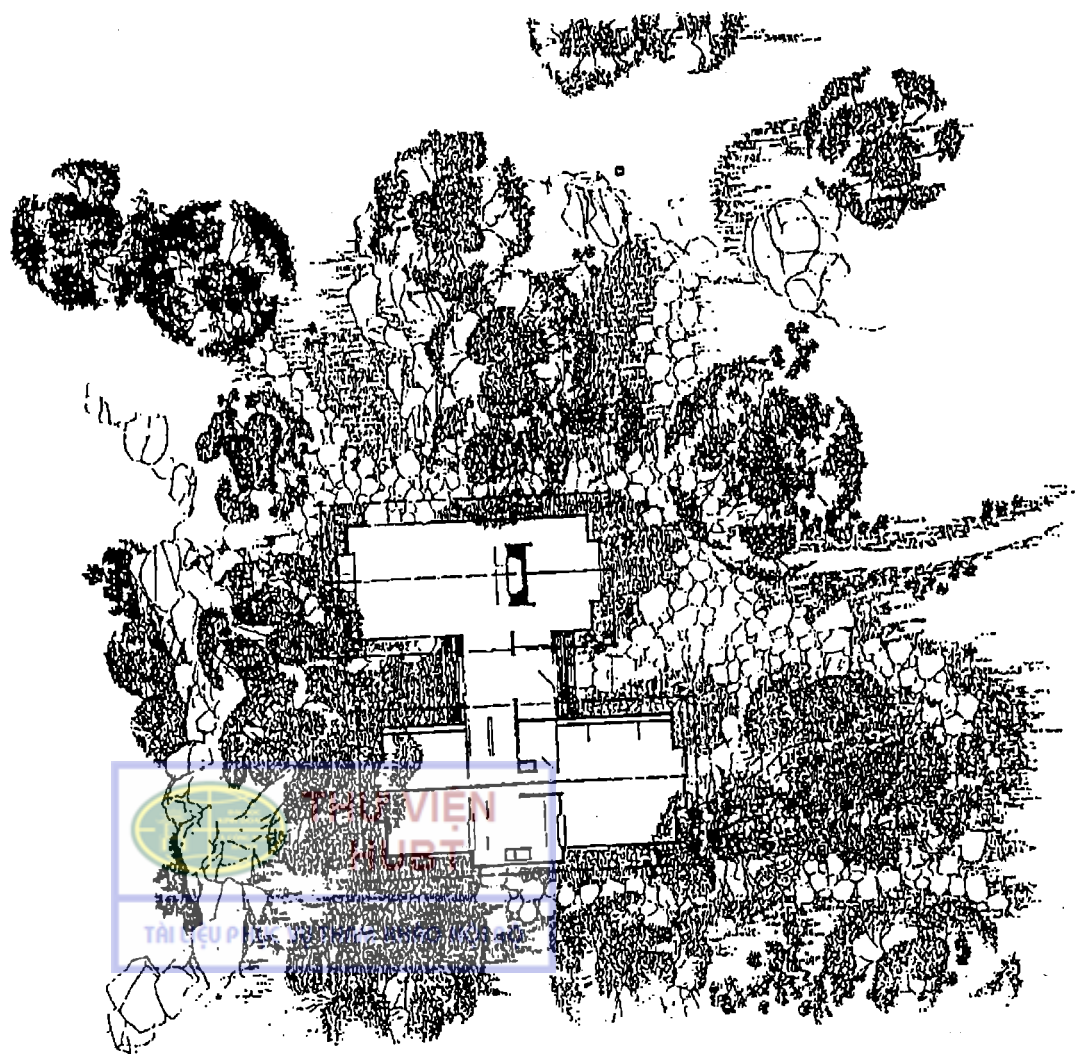
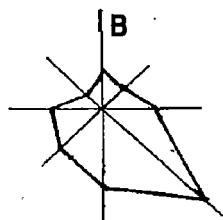


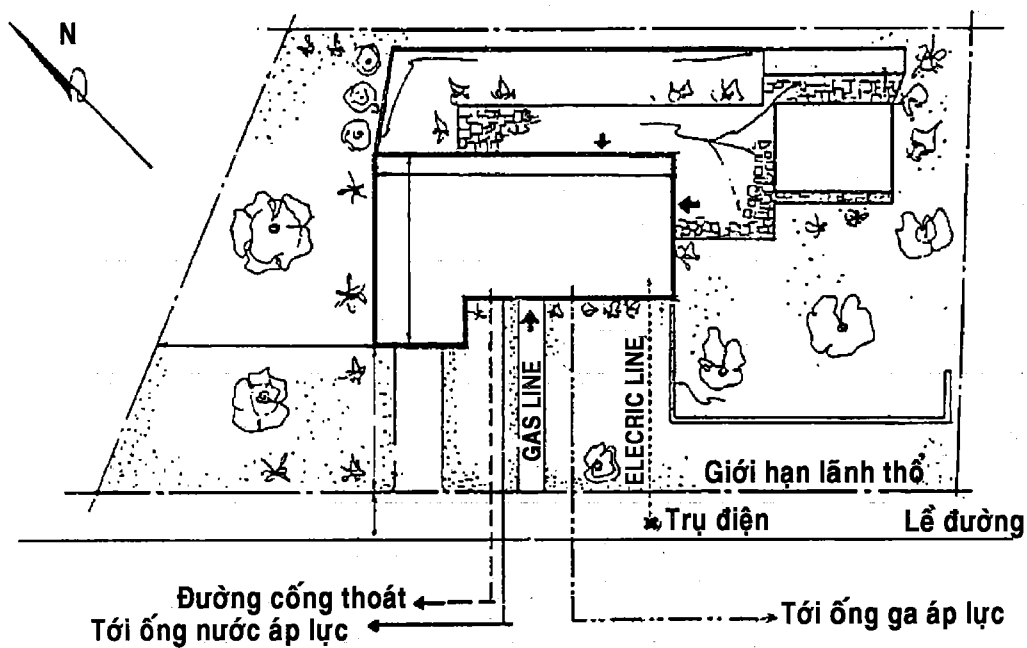
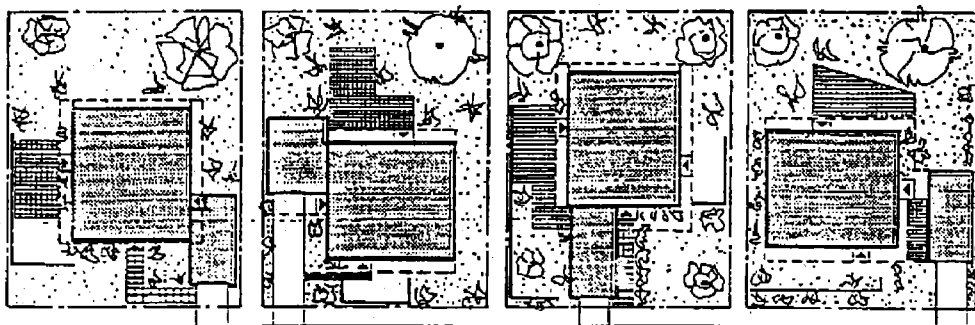
Cây xanh che nắng mặt trời
Cây xanh cản gió lạnh, gió nóng khô

Thông gió sân trong, phá vùng bóng rợp
khí động, chống tụ ẩm, tụ nhiệt

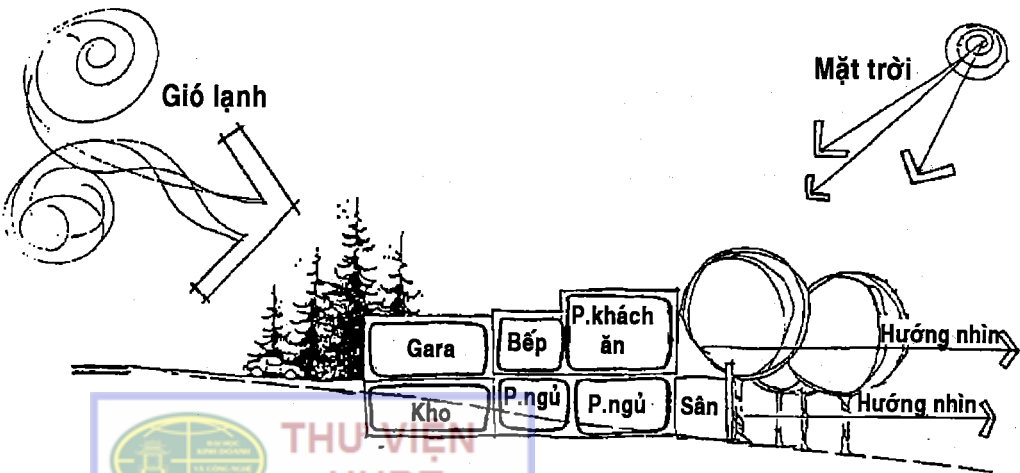
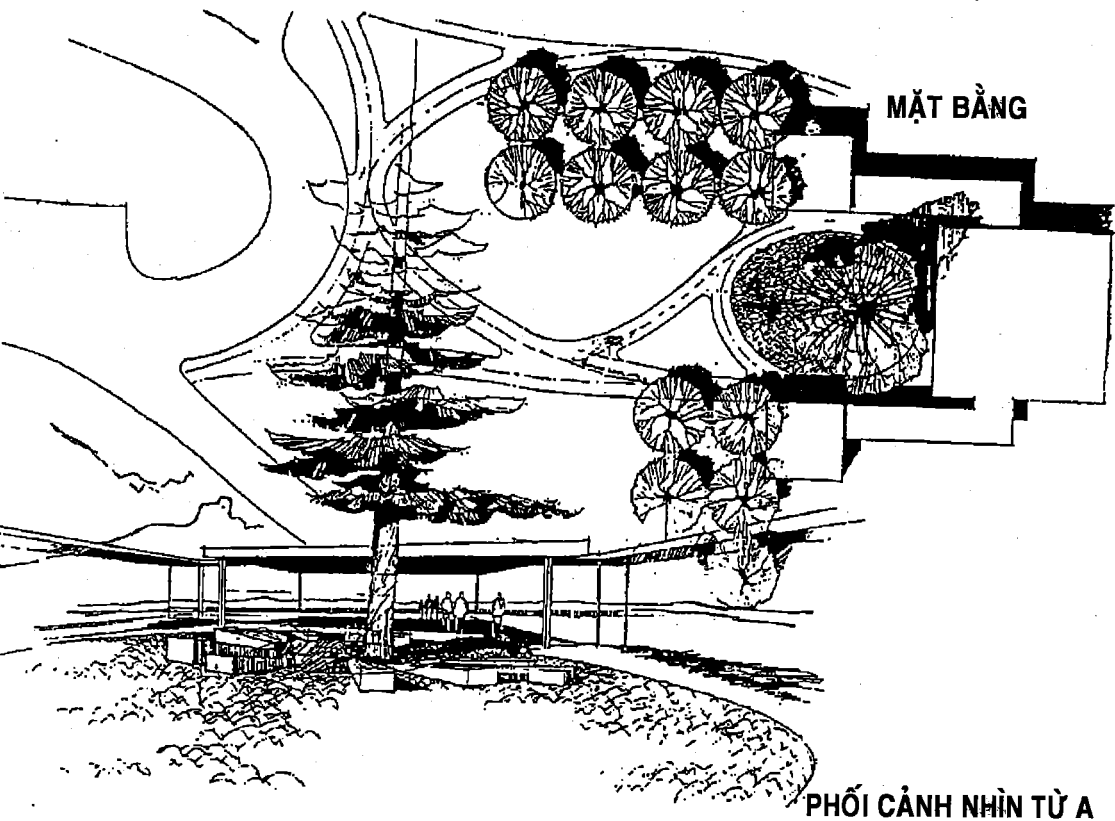


15. SÂN VƯỜN, NGOẠI ỐC

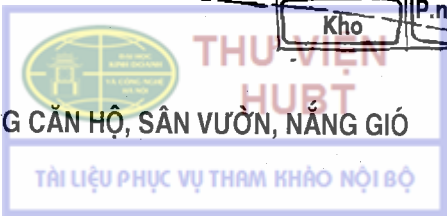




SÂN VƯỜN, CÂY XANH MỘT CÔNG TRÌNH TƯỢNG NIỆM

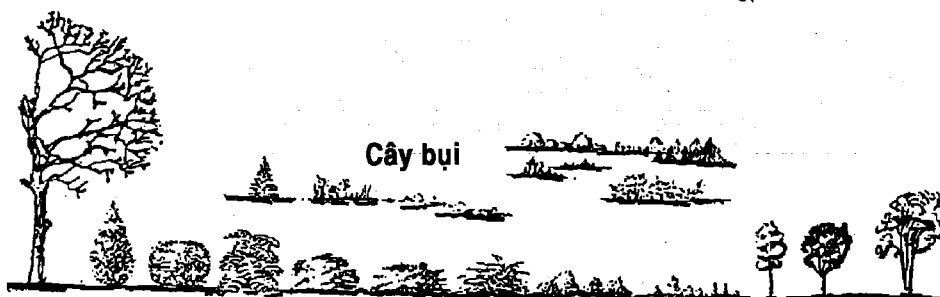


MẶT BẰNG CĂN HỘ, SÂN VƯỜN, NĂNG GIÓ

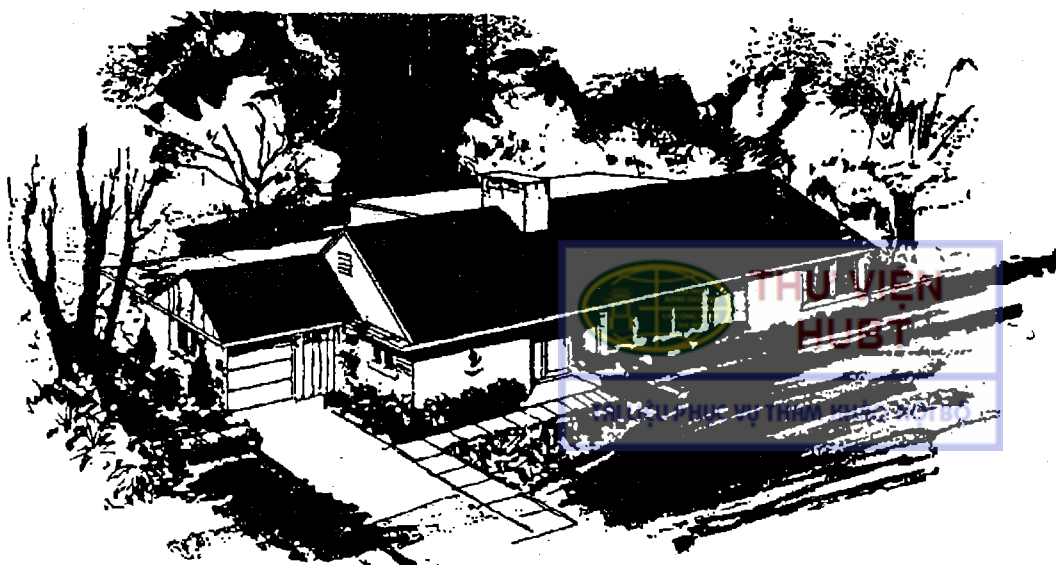




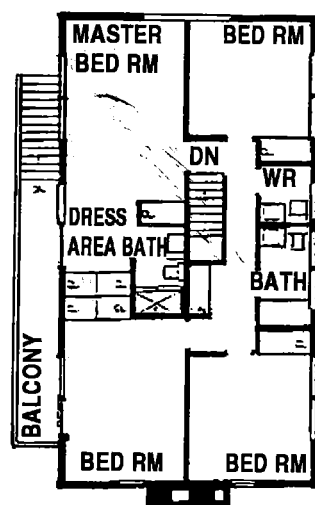
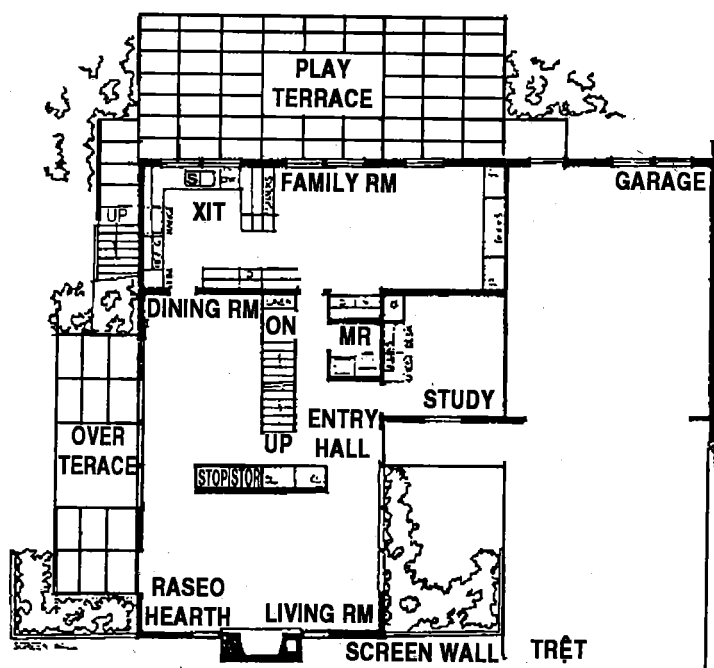
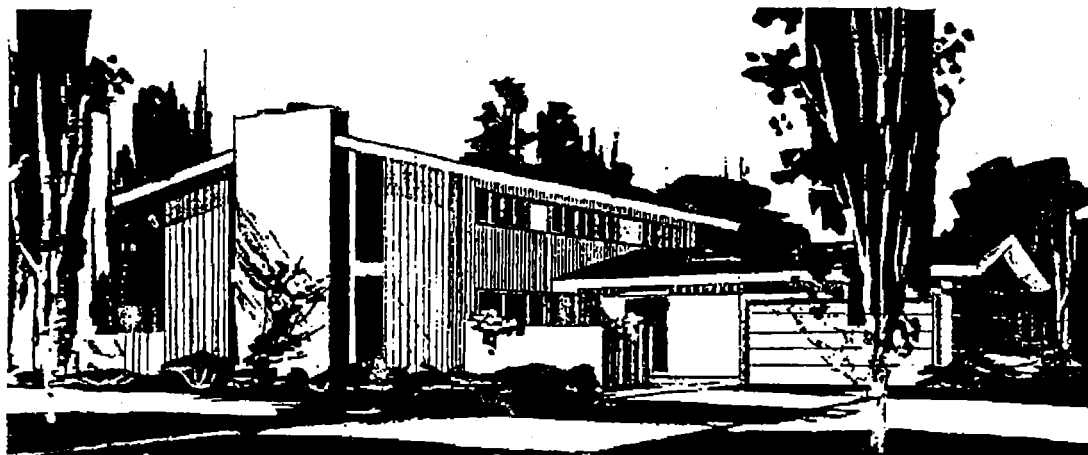
Tiểu cảnh dưới chân đồi



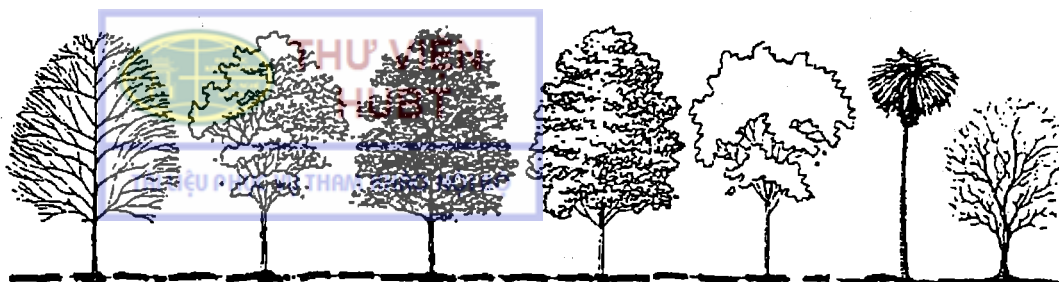
Cây bụi

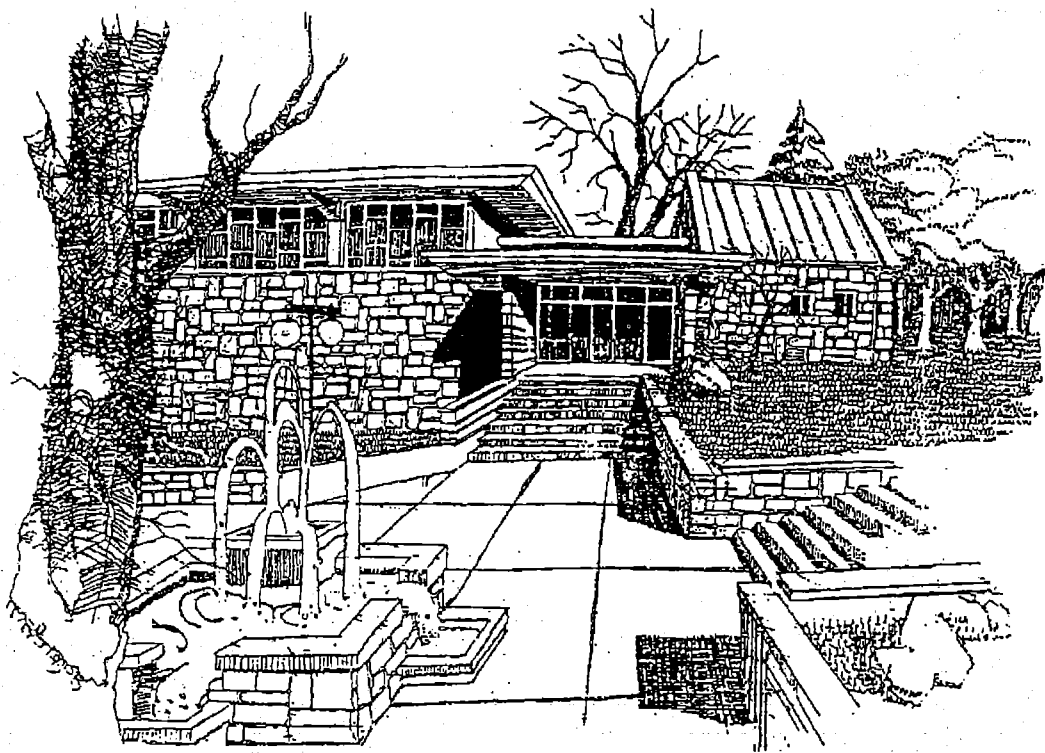


Nhà và sân vườn

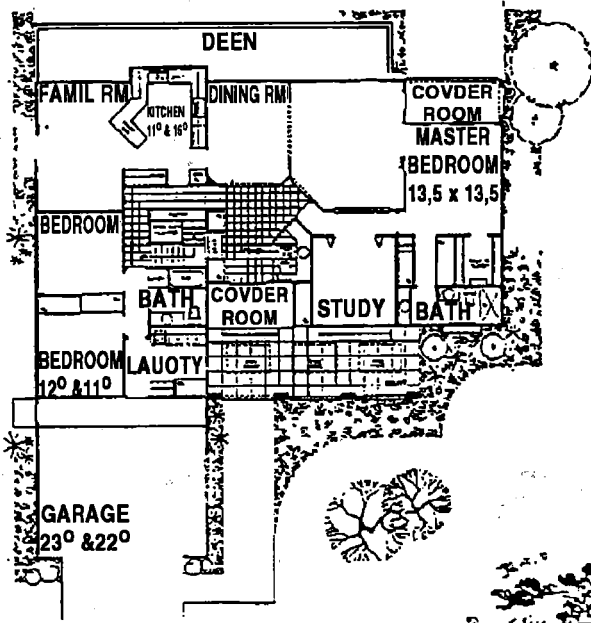
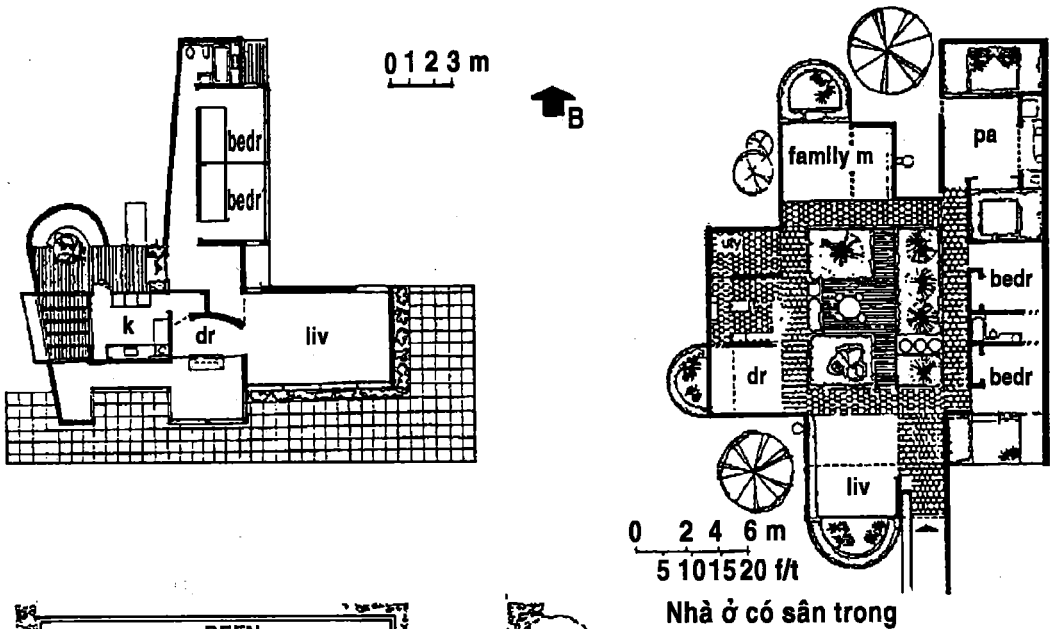


LẦU 1

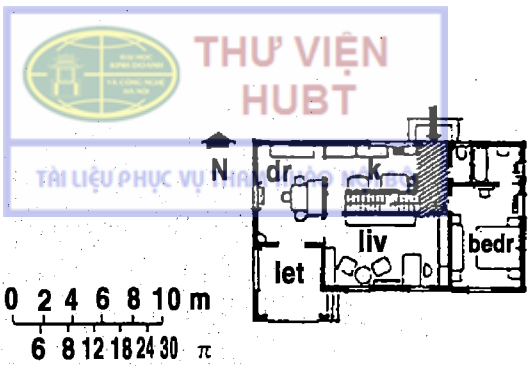
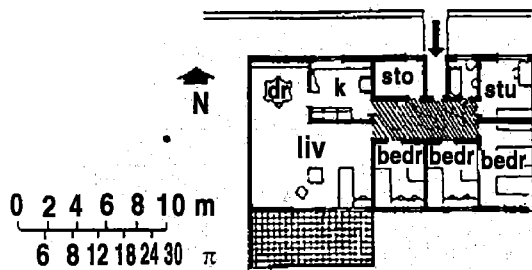
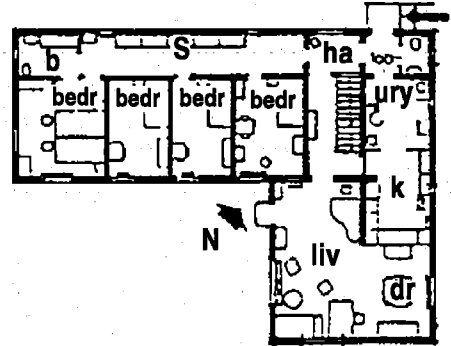
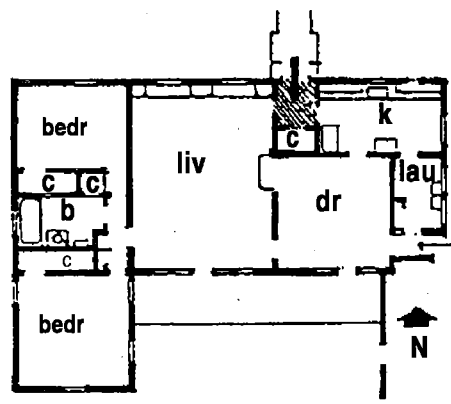
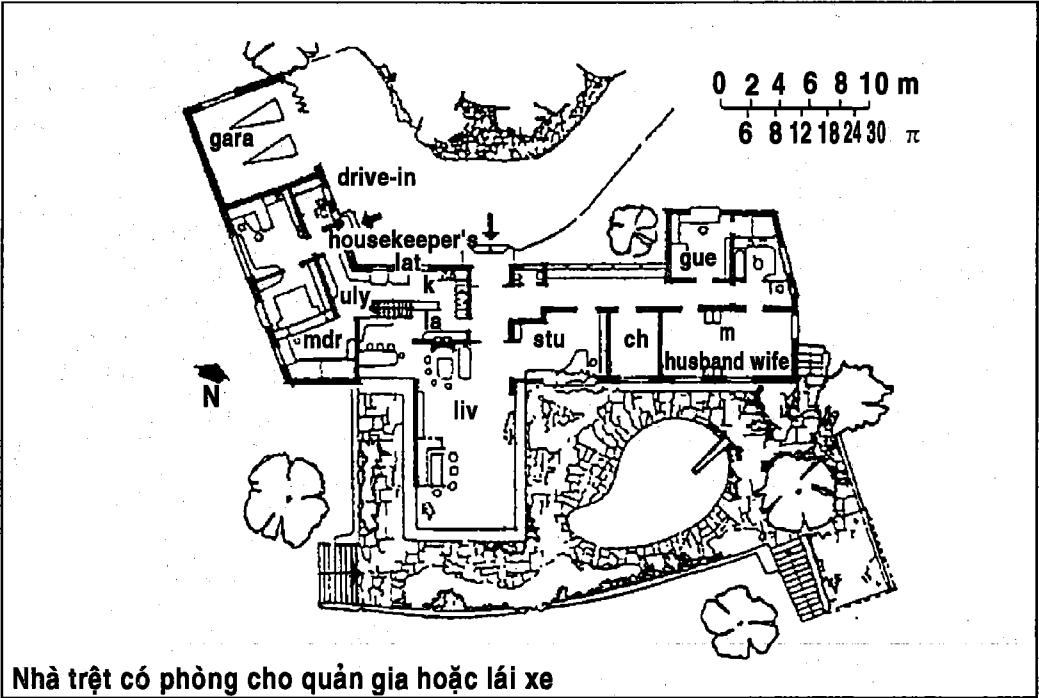




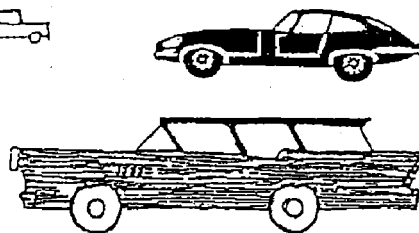
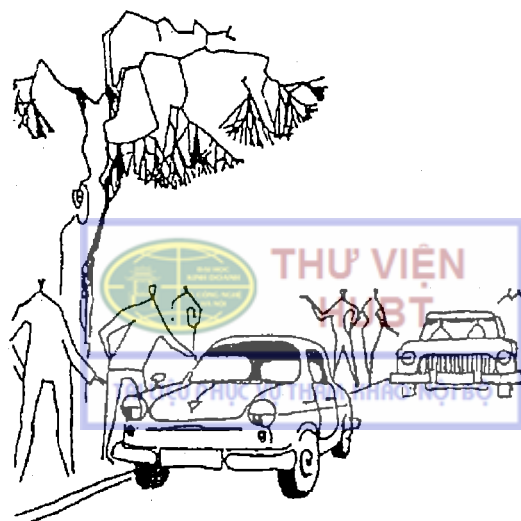
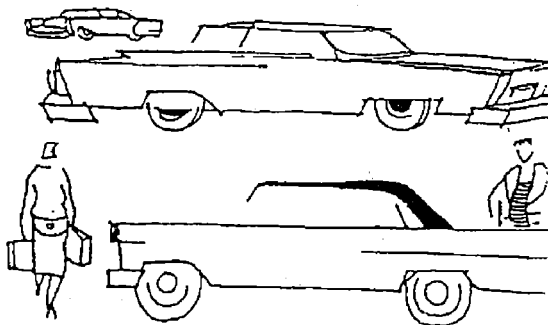
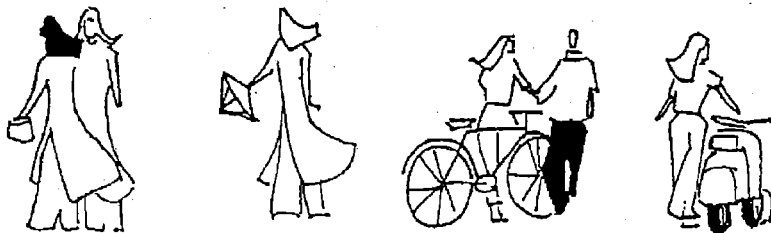
Tổ chức giao thông ngang, cây xanh, sân vườn cho các mặt bằng nhà ở sau đây:

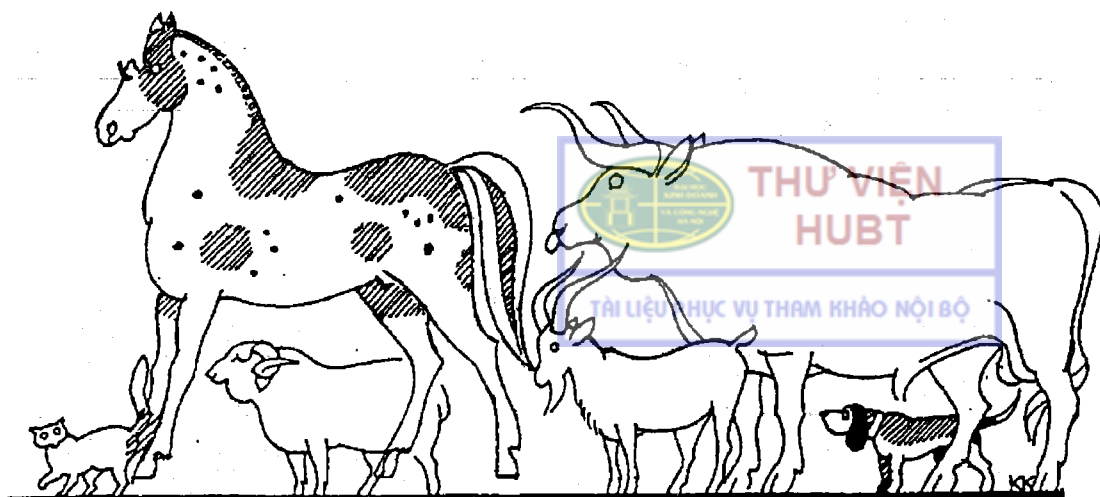
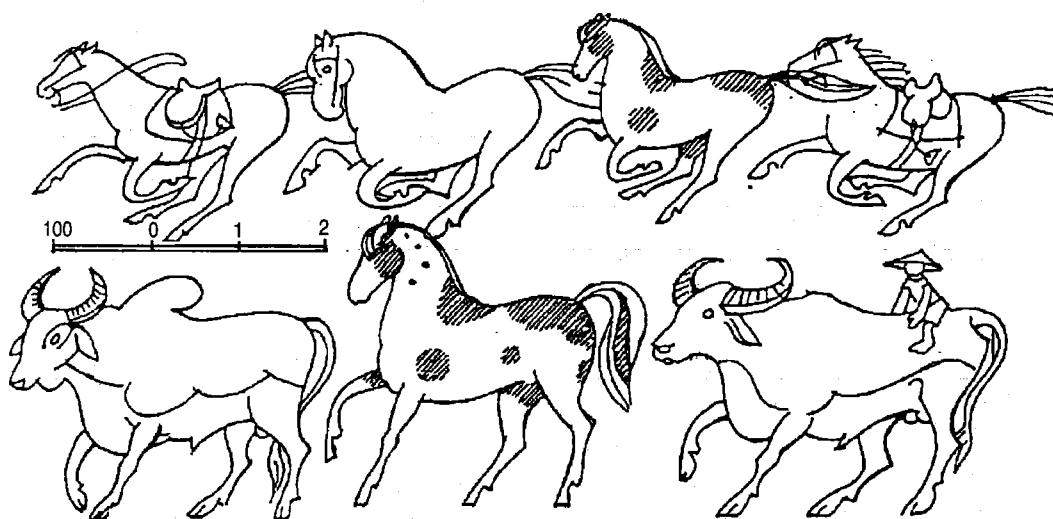
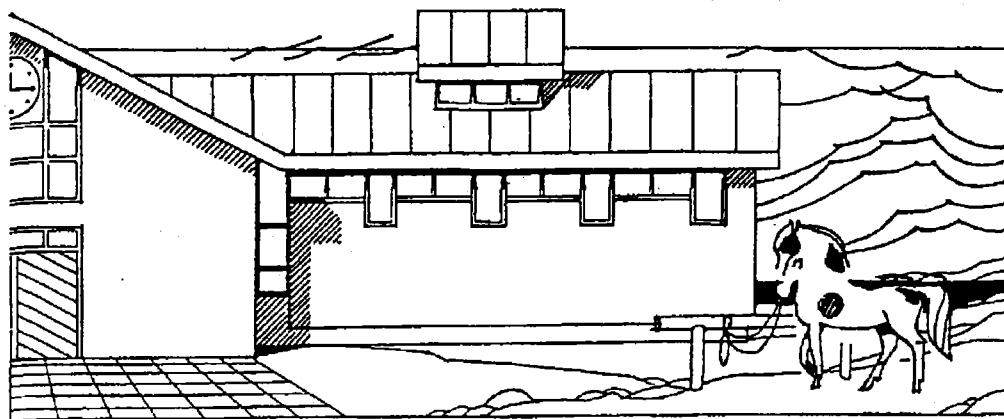


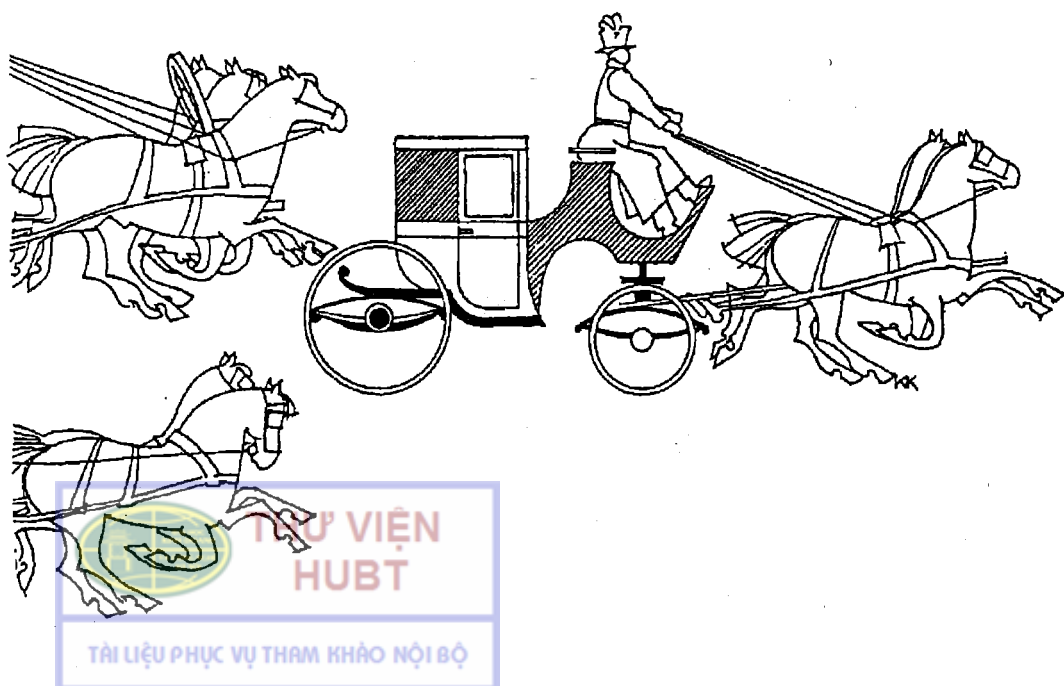
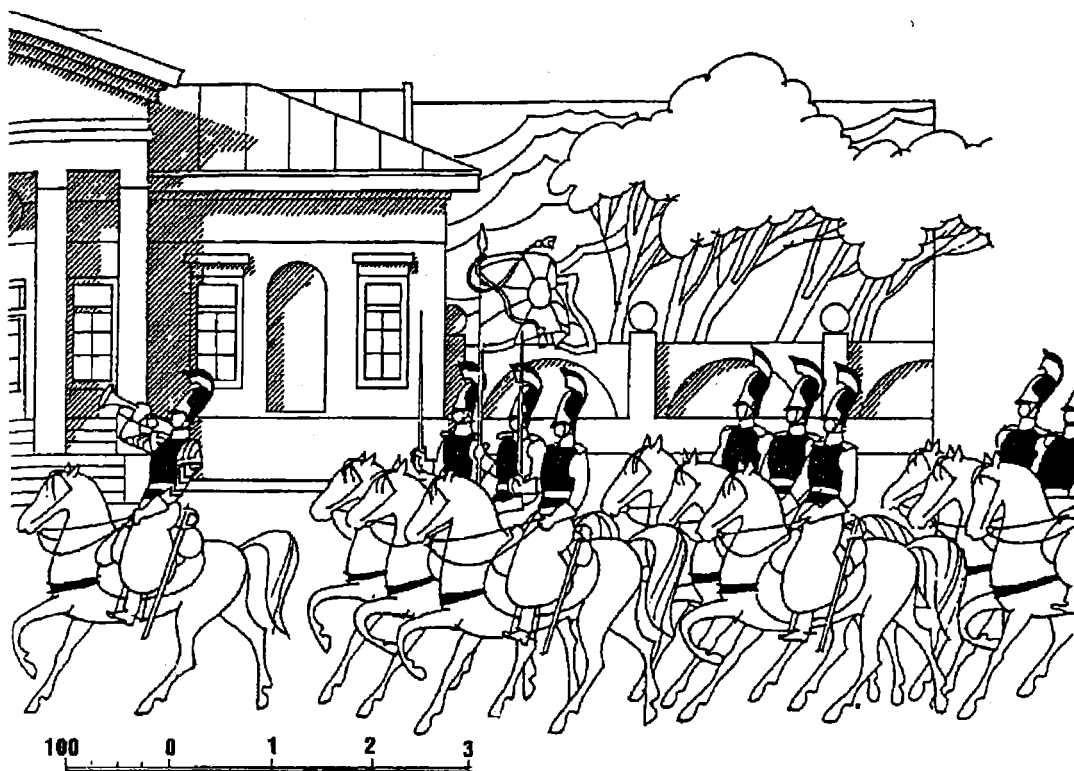
TỔ CHỨC GIAO THÔNG NGANG, CÂY XANH, SÂN VƯỜN

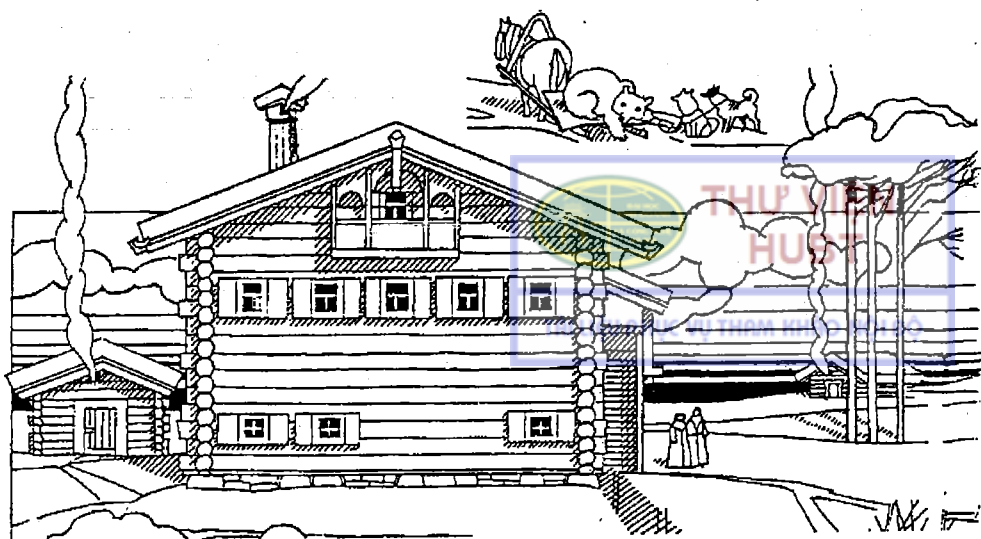
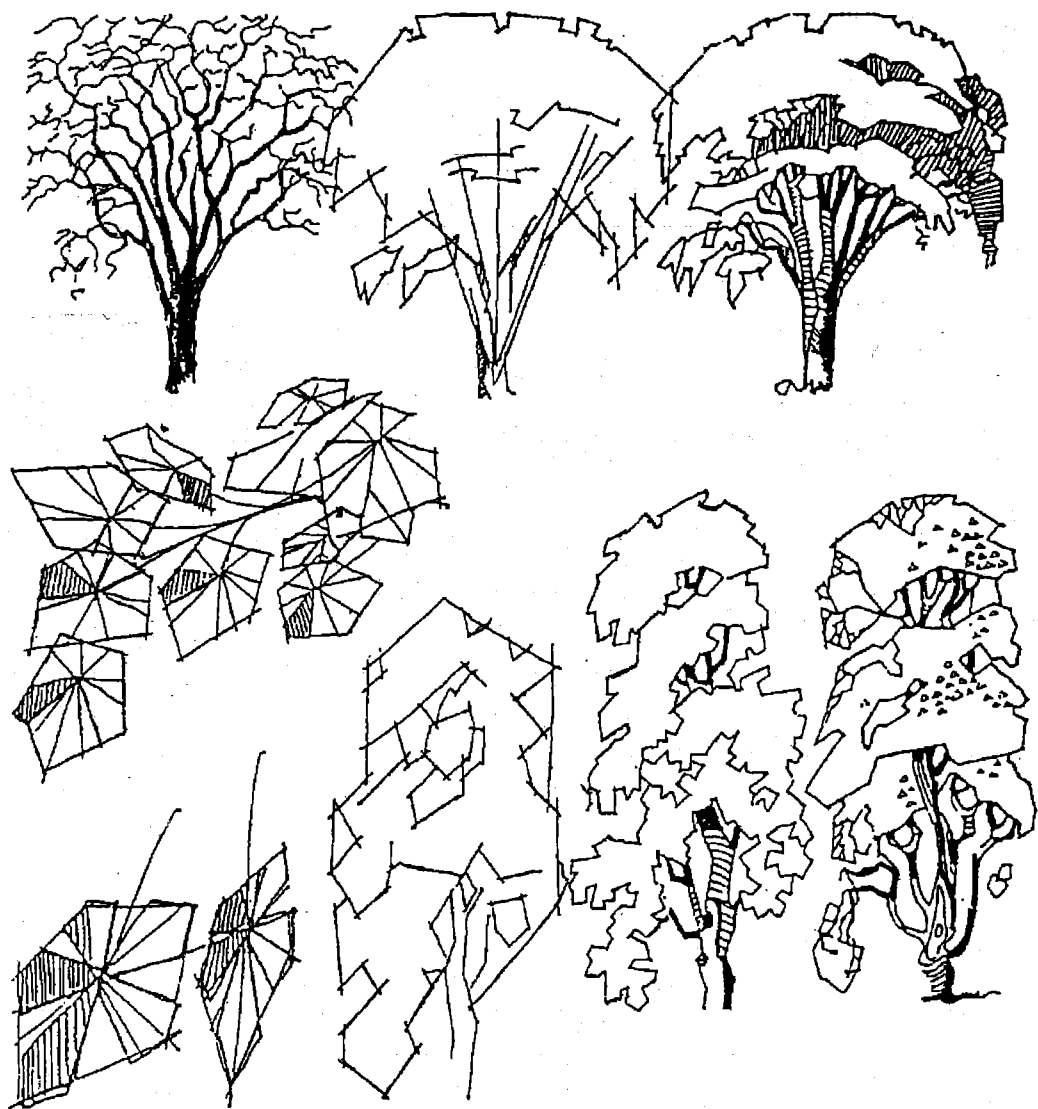


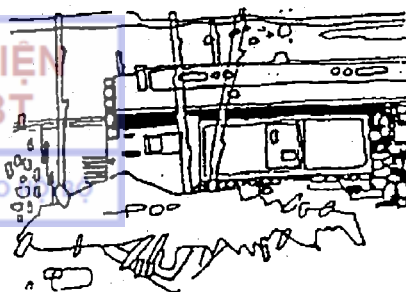
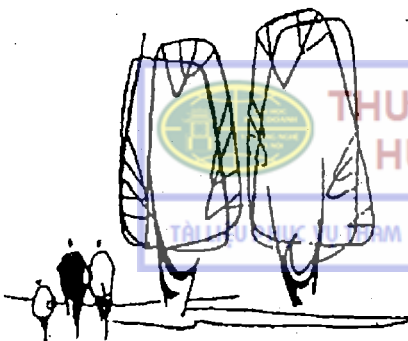
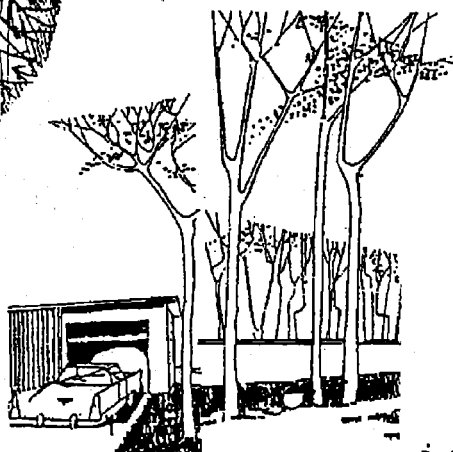
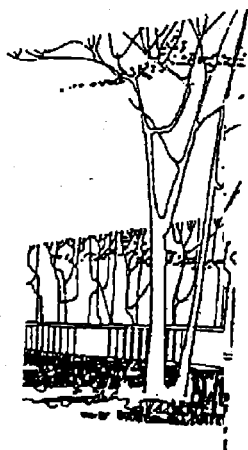
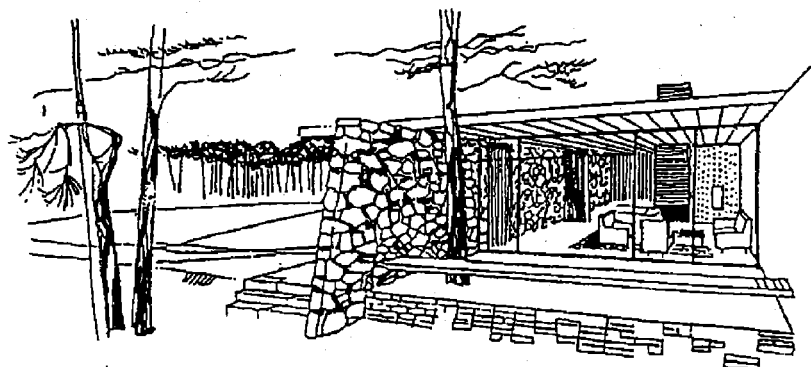
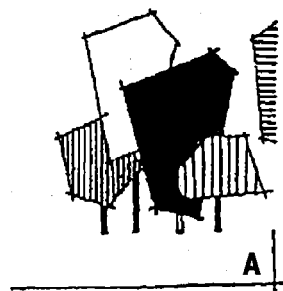
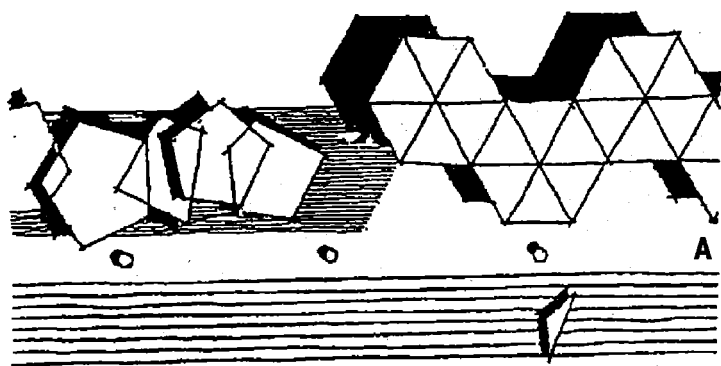
16. CON NGƯỜI, XE CỘ, KHÔNG GIAN

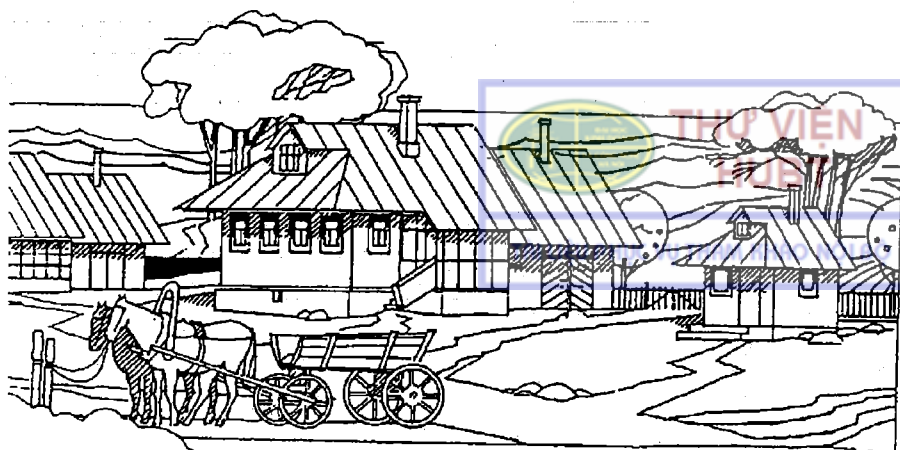
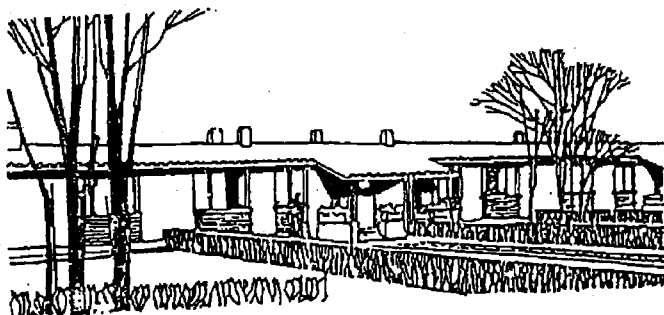
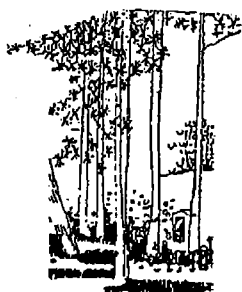
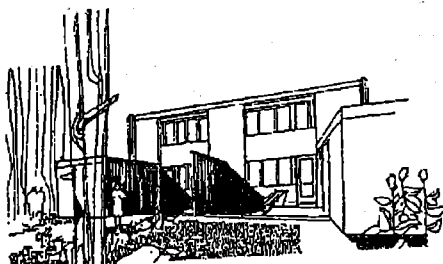
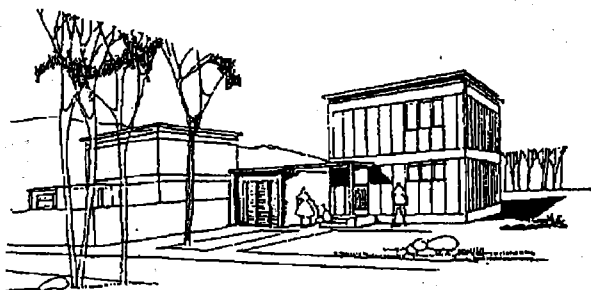


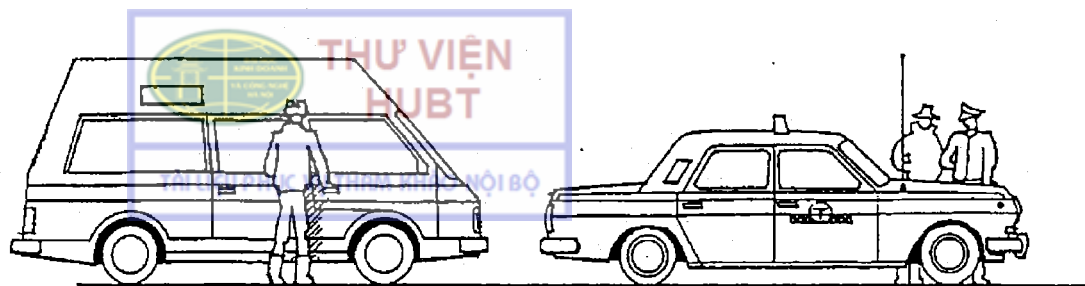
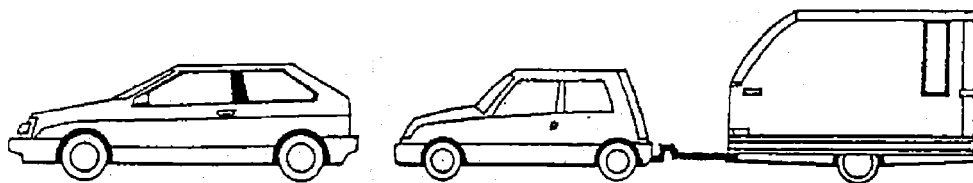
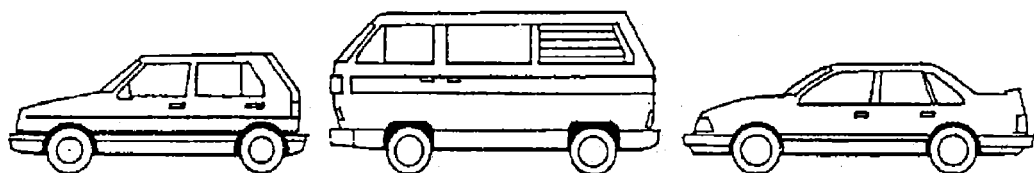
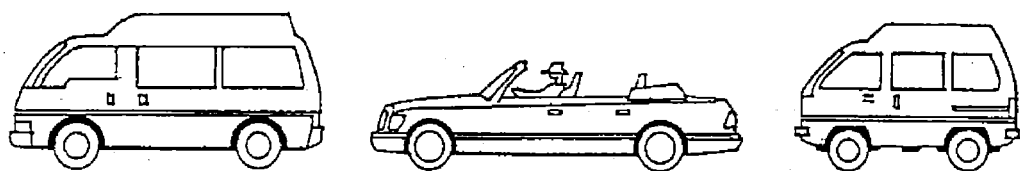
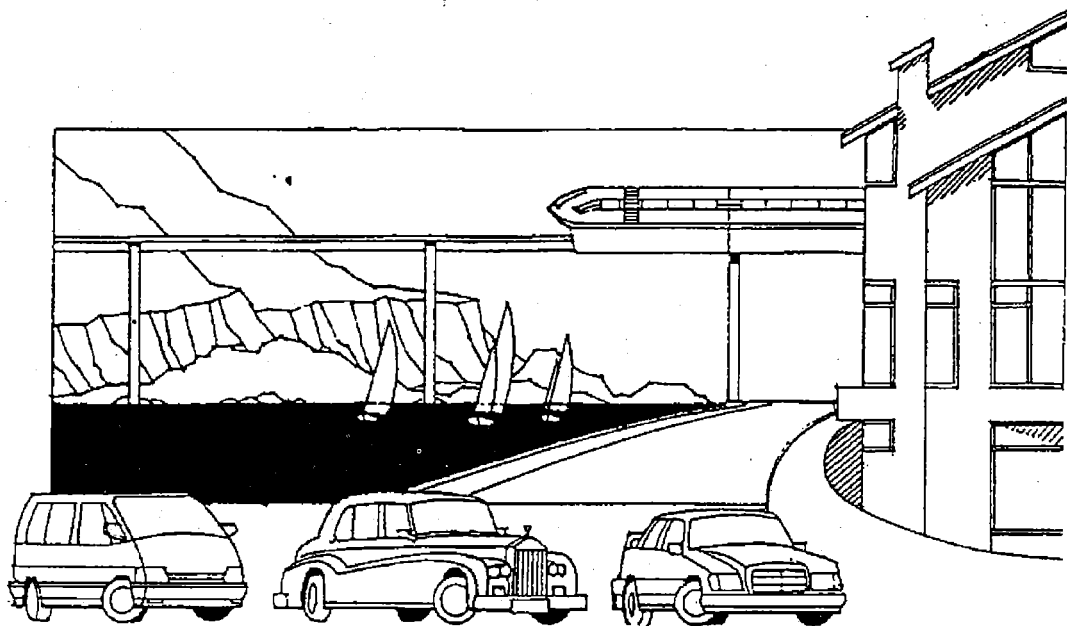


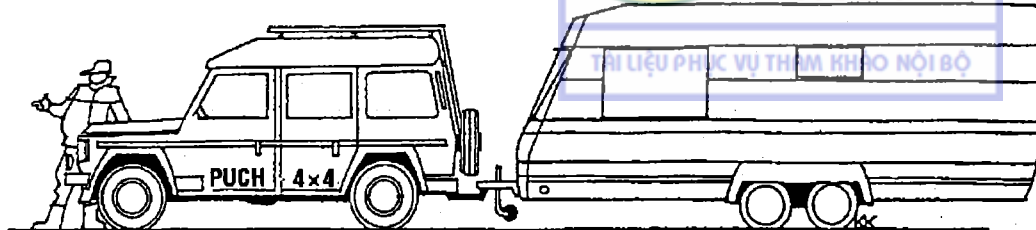
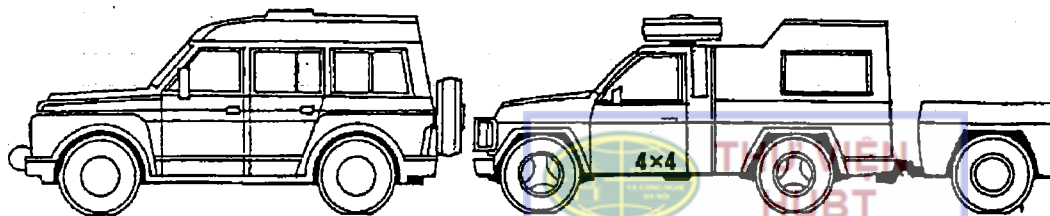
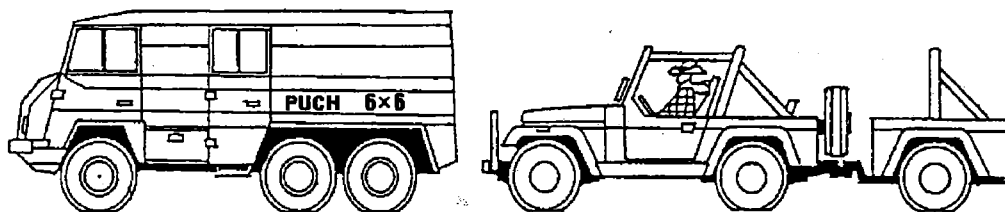
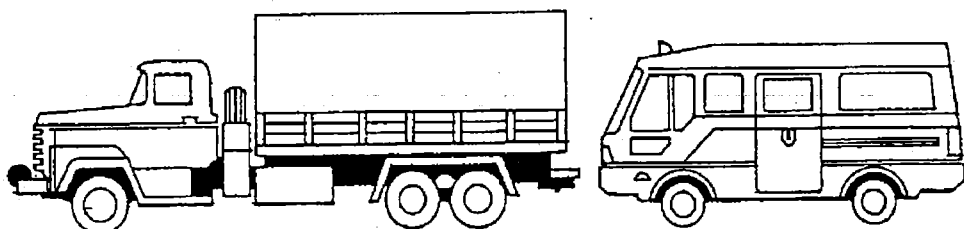
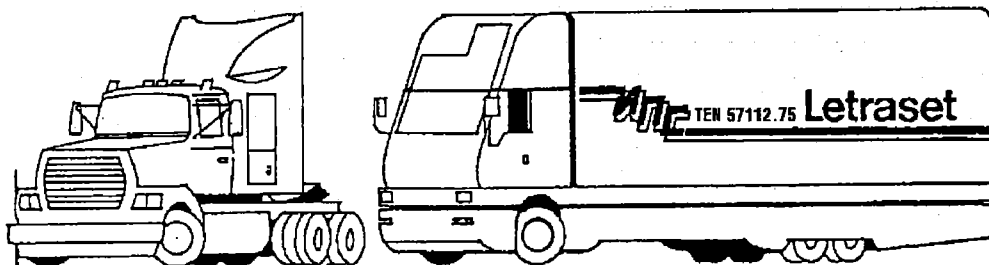
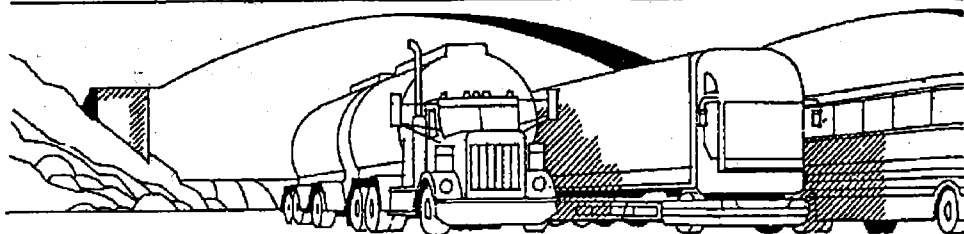


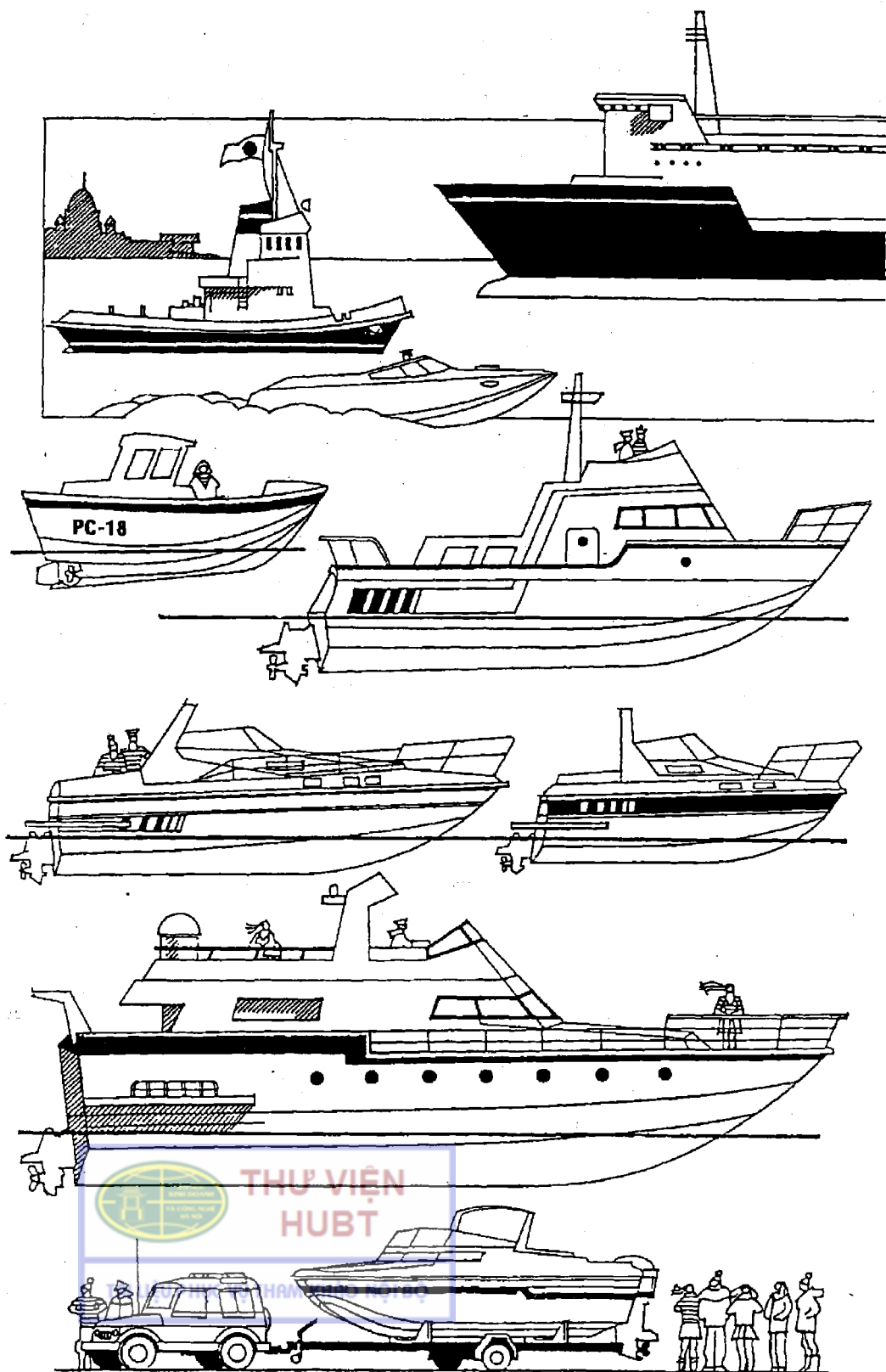


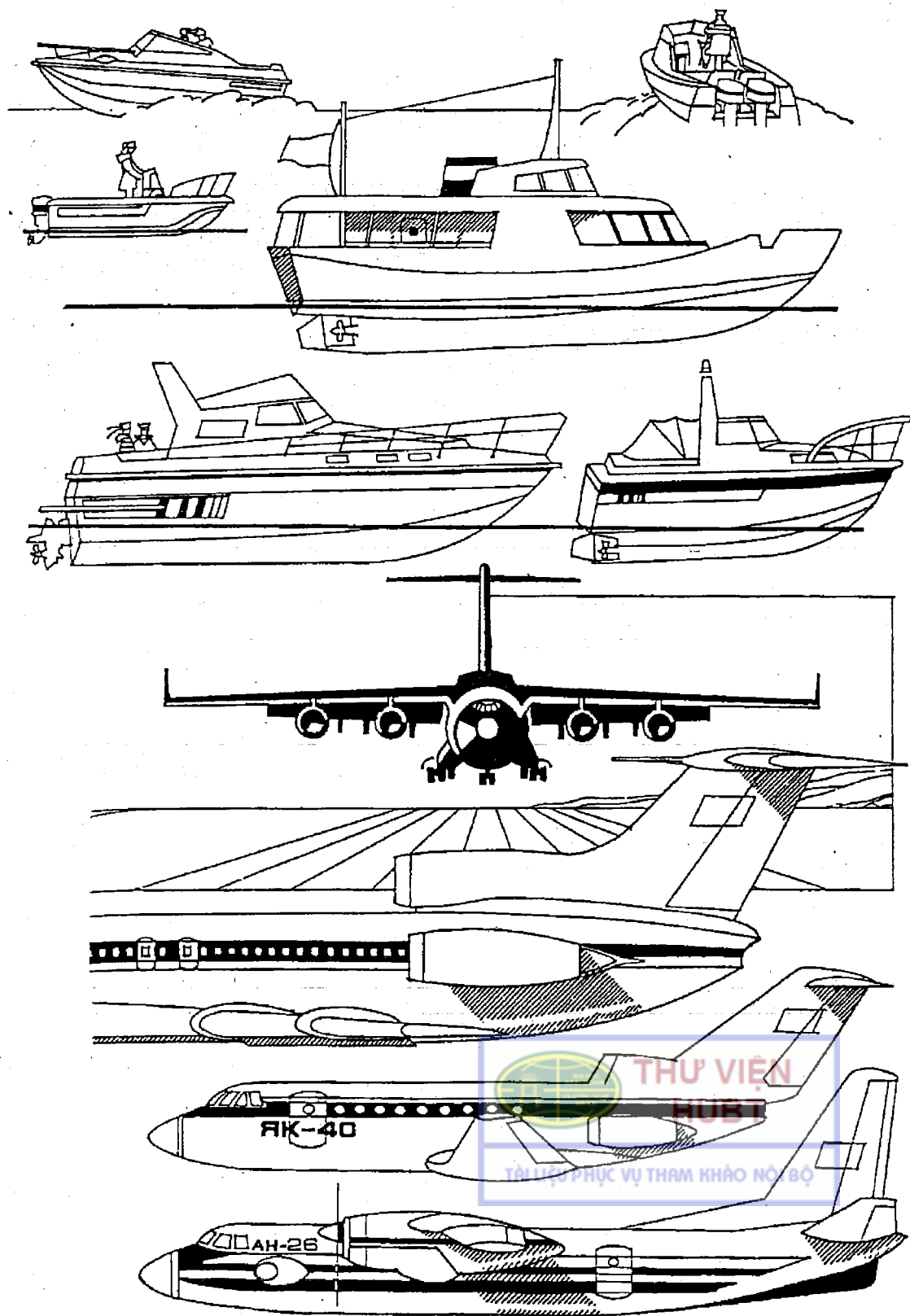


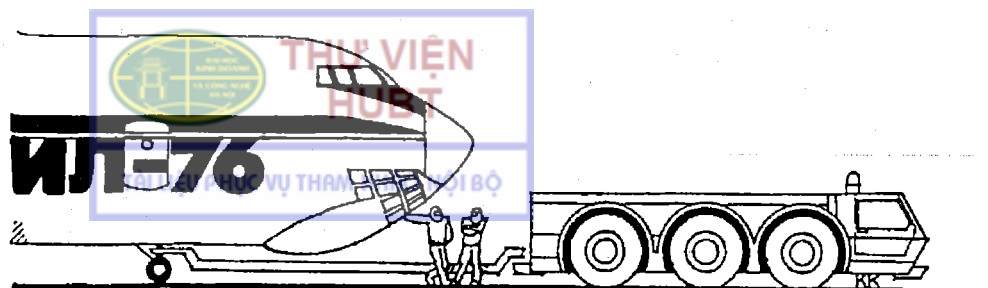
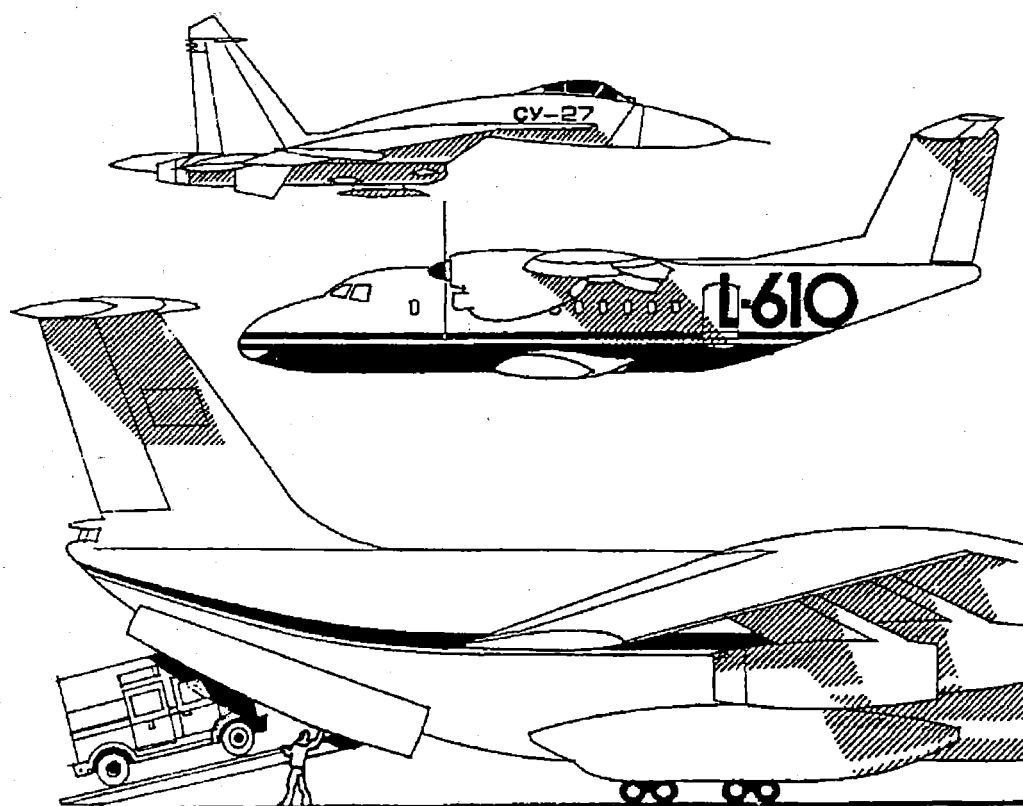
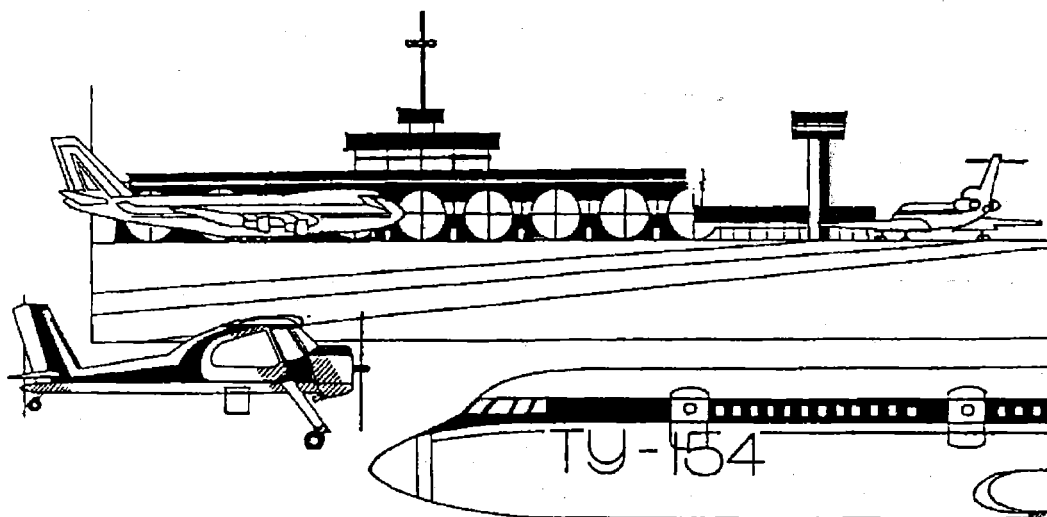




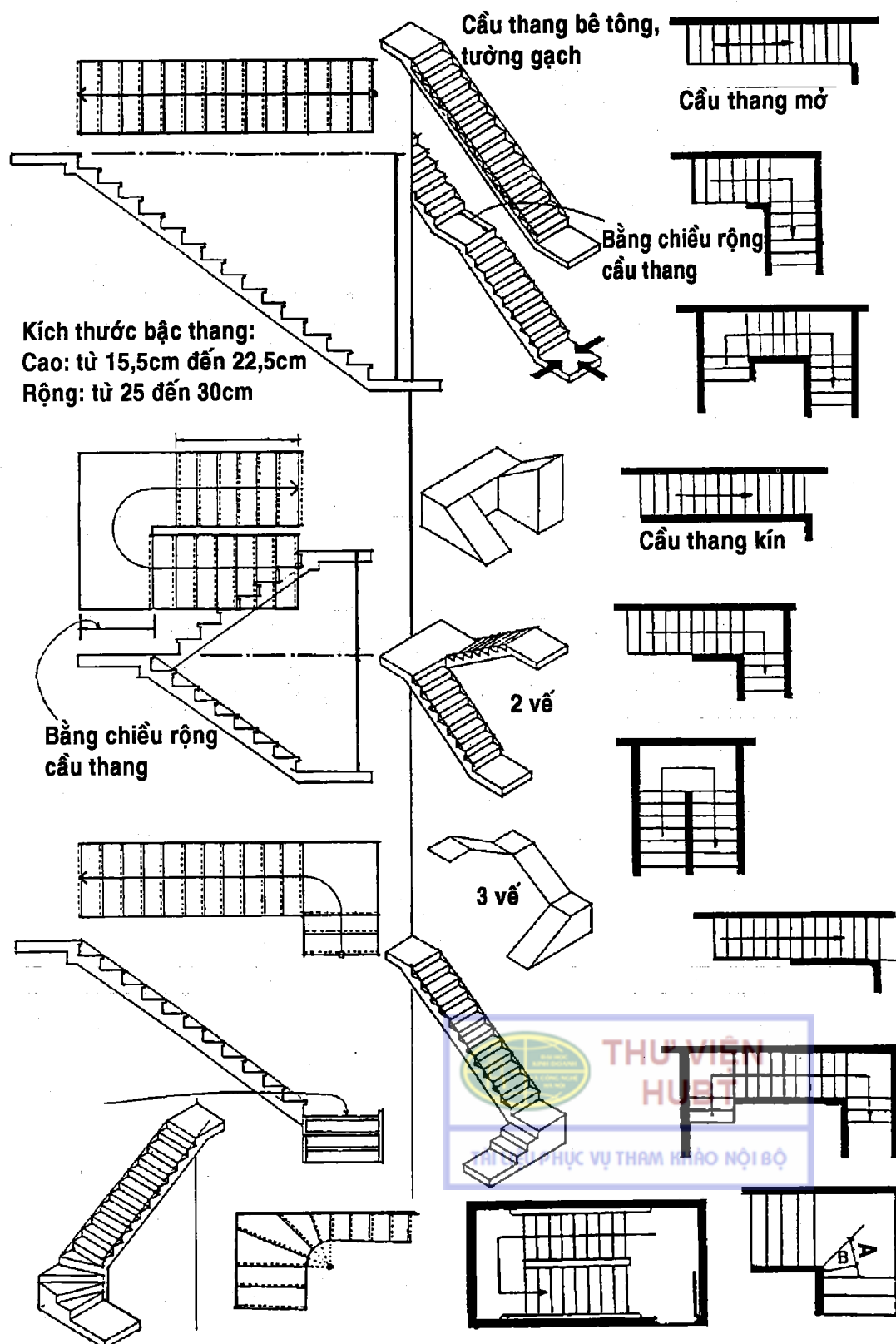


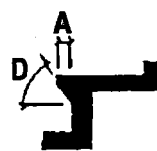
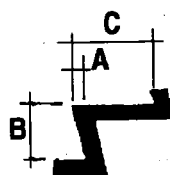
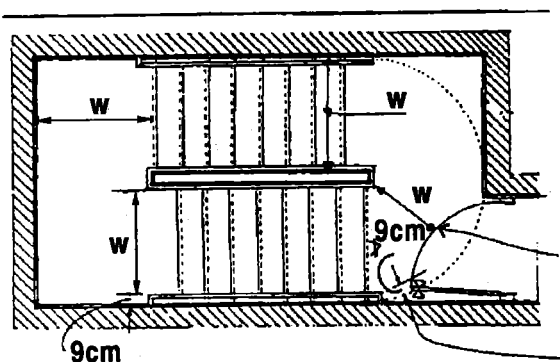
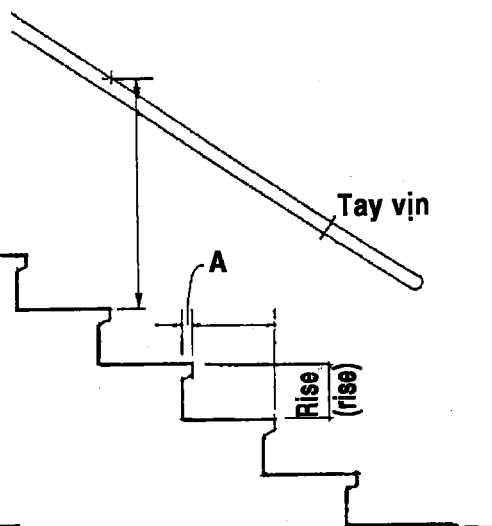
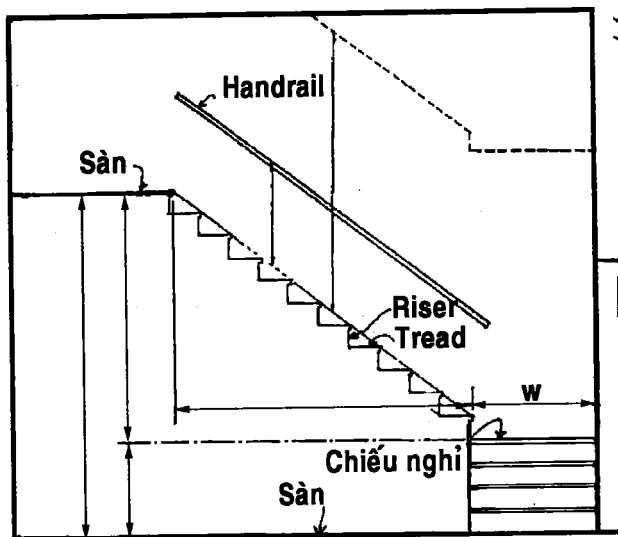




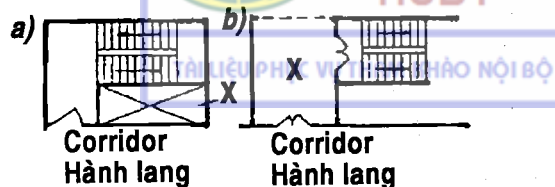
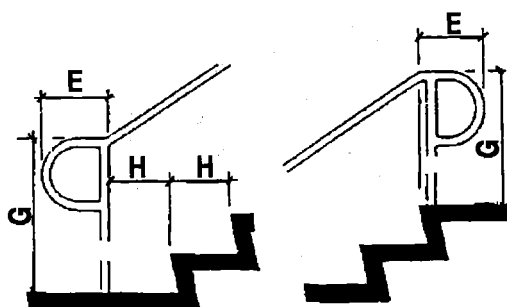
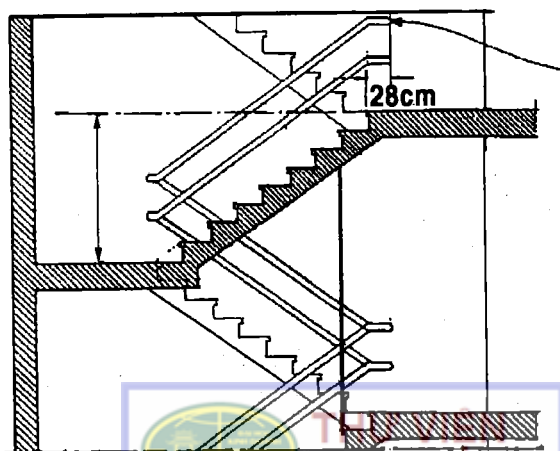
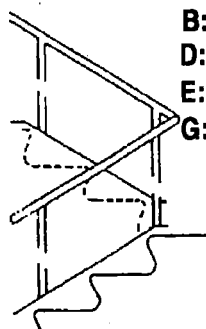


17. CẦU THANG



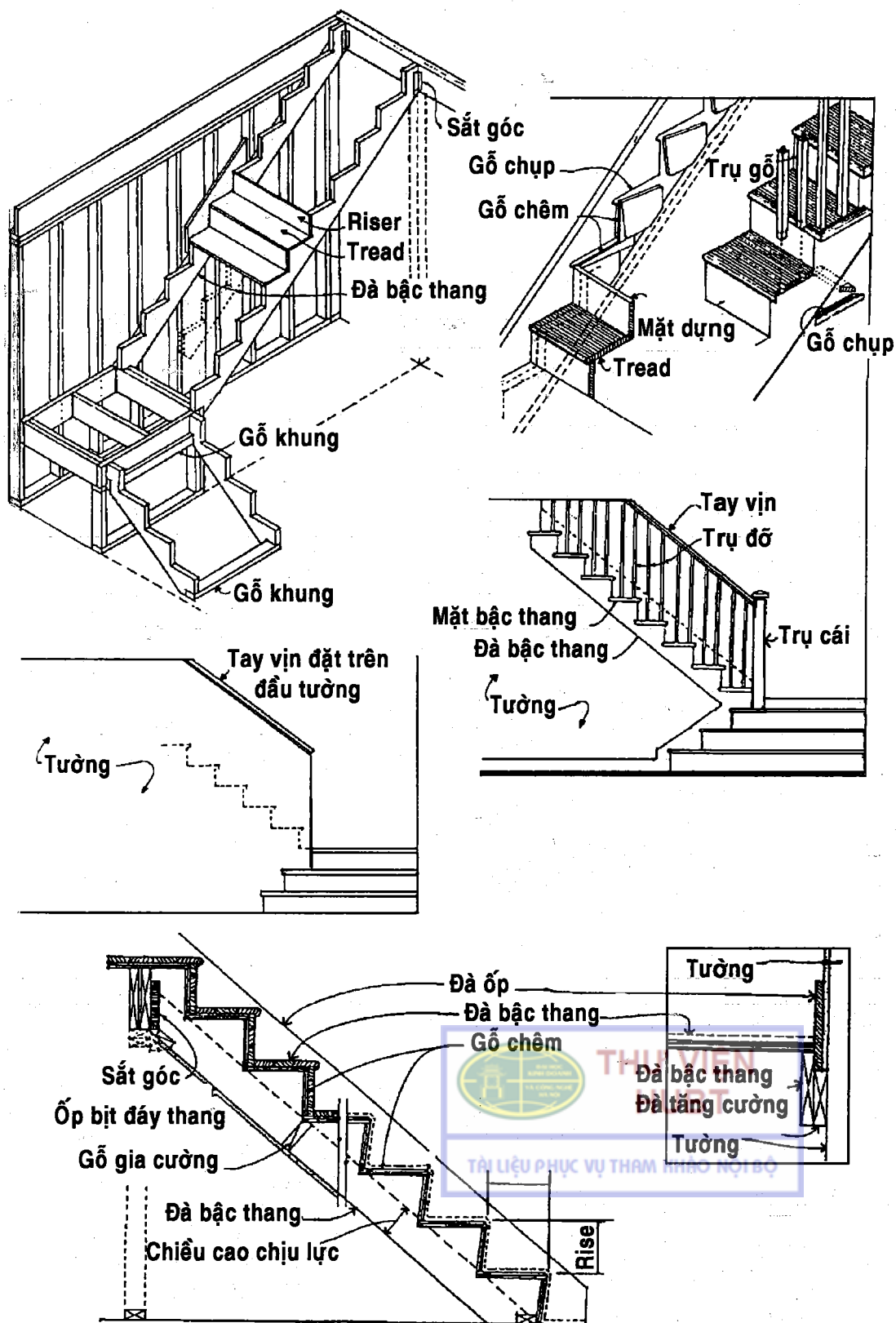


- A: 3 - 5cm
- B: 15 - 18cm ($\leq 22,5\text{cm}$)
- D: 600
- E: 30cm(min)
- G: 70-80cm

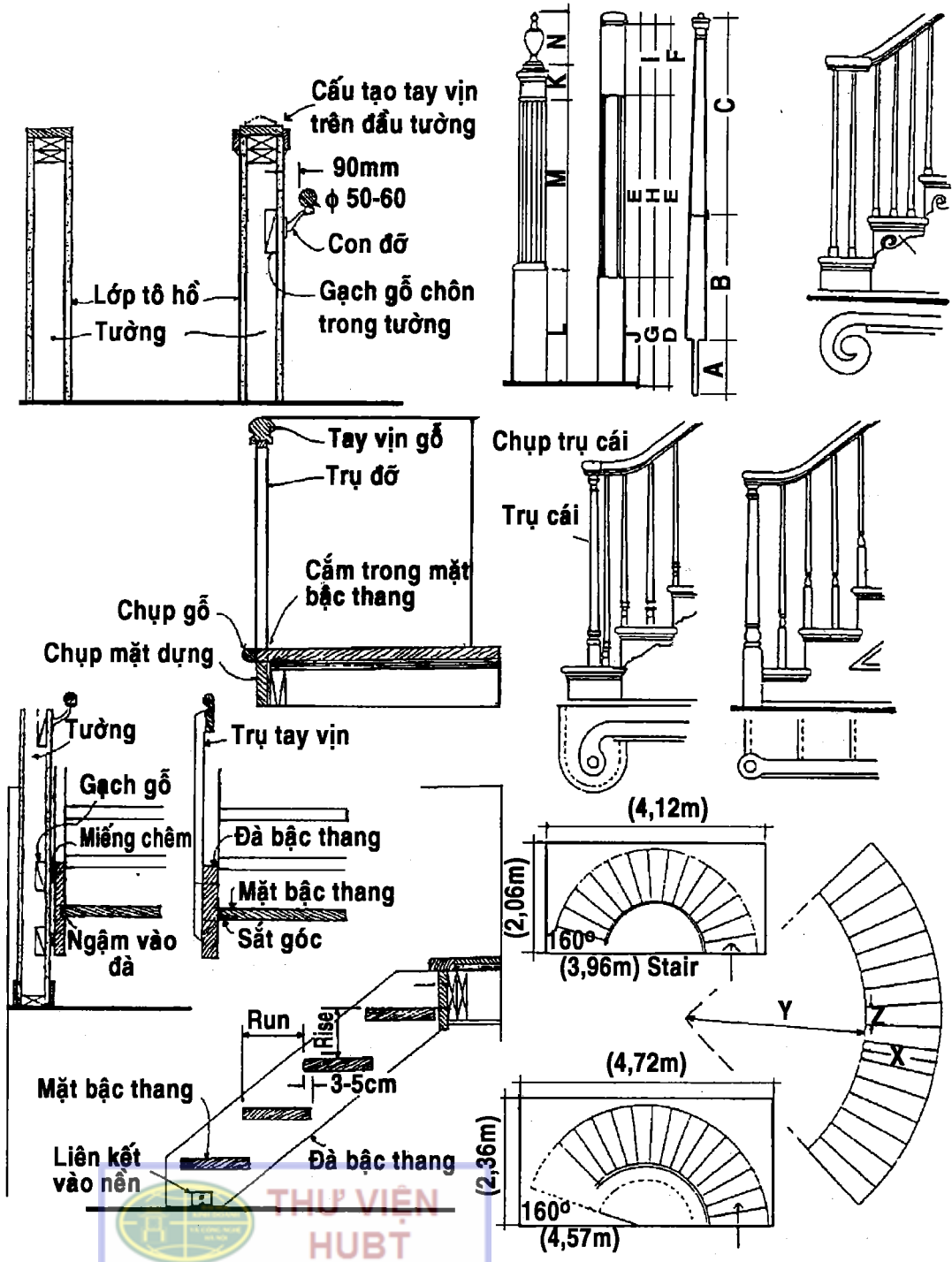


- a) Cấu tạo phòng hoà
- x- Lỗ thông lên mái để thoát khói
- b) X - Để thoát ra ngoài

CẦU THANG GỖ, MỎ



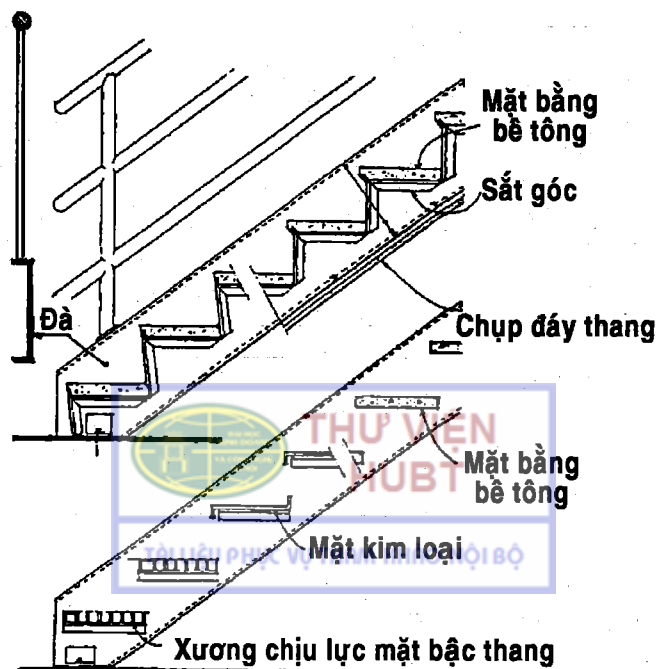
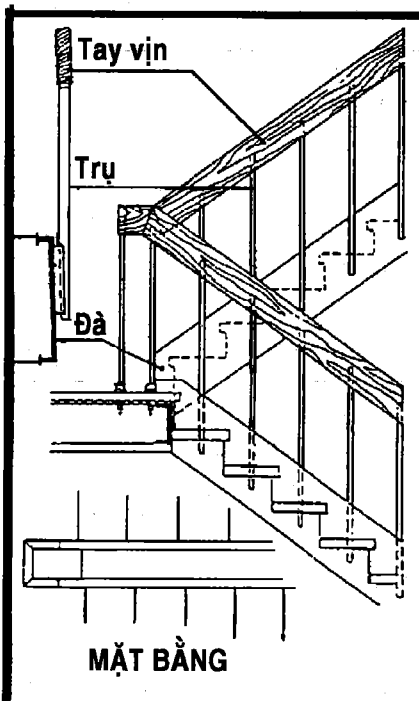
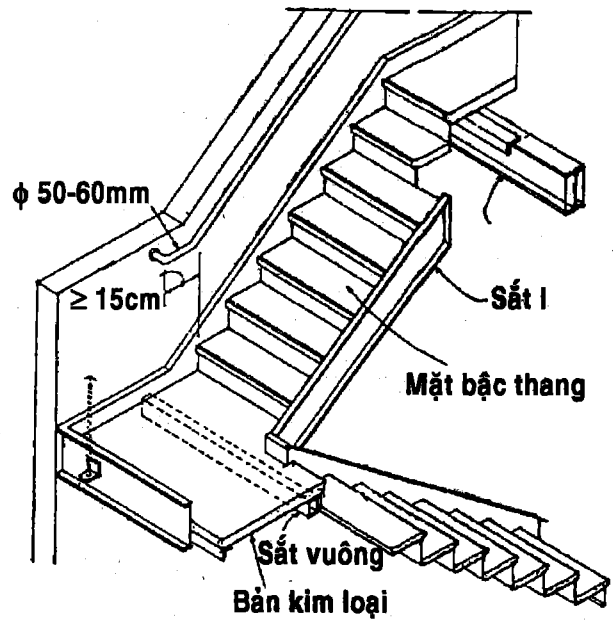
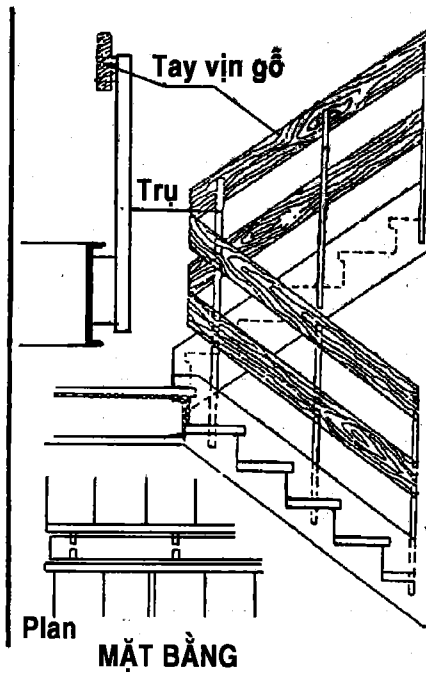
TAY VỊN CẦU THANG



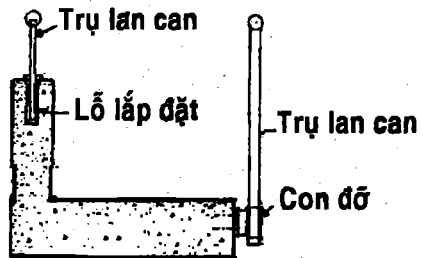
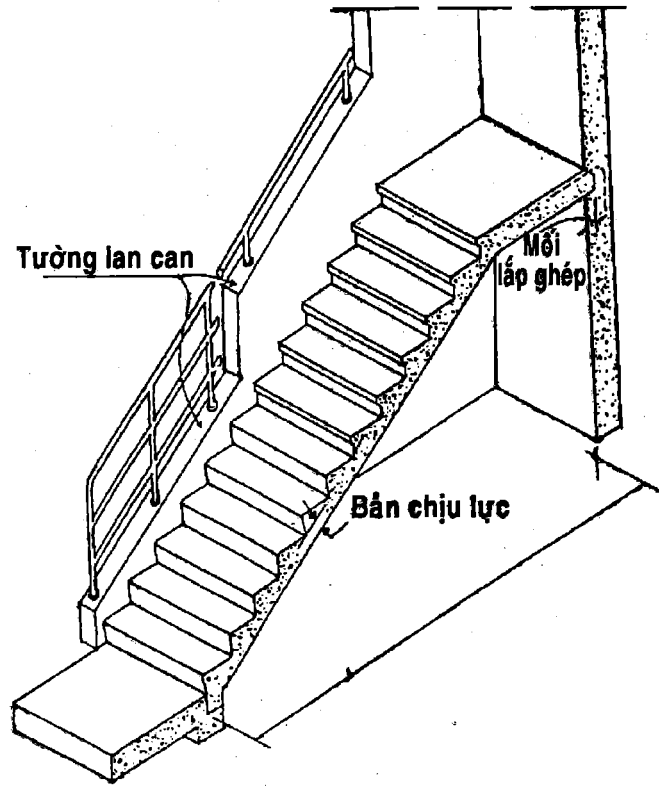
CẦU THANG XƯƠNG CÁ

in	cm	in	cm	in	cm	in	cm	in	cm
A = 9	22,86	D = 22	55,58	G = 28	71,12	J = 18	45,72	M = 29	73,65
B = 11	27,94 turned	E = 23	58,42	H = 16	40,64	K = 6	15,24	N = 9	22,86
C = 27	68,58 turned	F = 12	30,48	I = 17	43,18	L = 31	78,74	1"	2,54

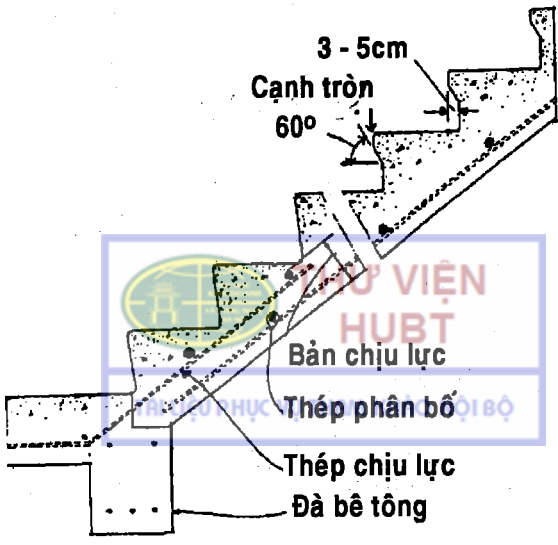
CẦU THANG HỖN HỢP SẮT GỖ BÊ TÔNG



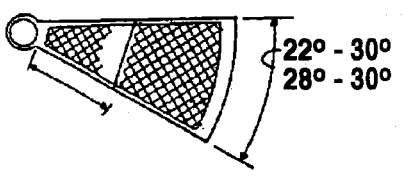
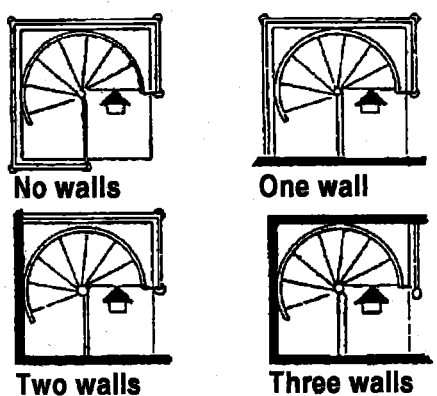
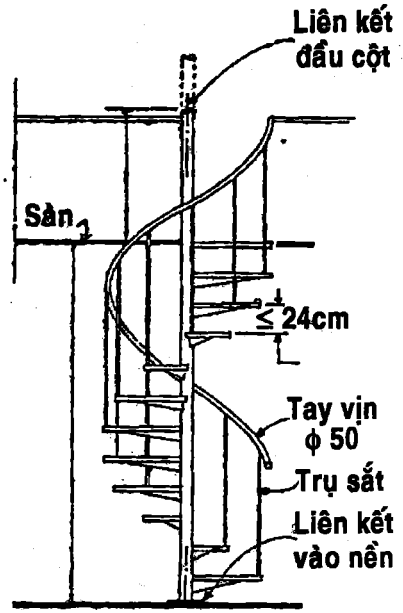
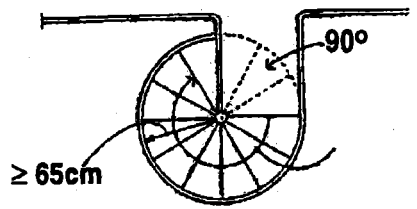
CẦU THANG BÊ TÔNG LẮP GHEP



Hai cách lắp đặt trụ lan can



CẦU THANG SẮT TRÒN



A = Chiều rộng bậc thang x số bậc

B = C + M/2

C = ≥ 65 cm

E = 40 cm

F = M/2

G = 75 $\rightarrow$ 85 cm hoặc 90 cm

H = 70 $\rightarrow$ 80 cm

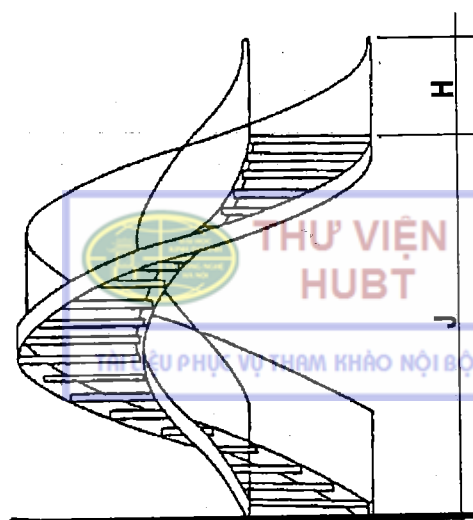
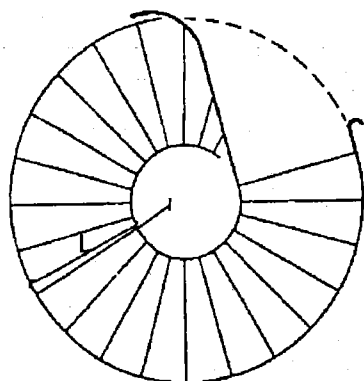
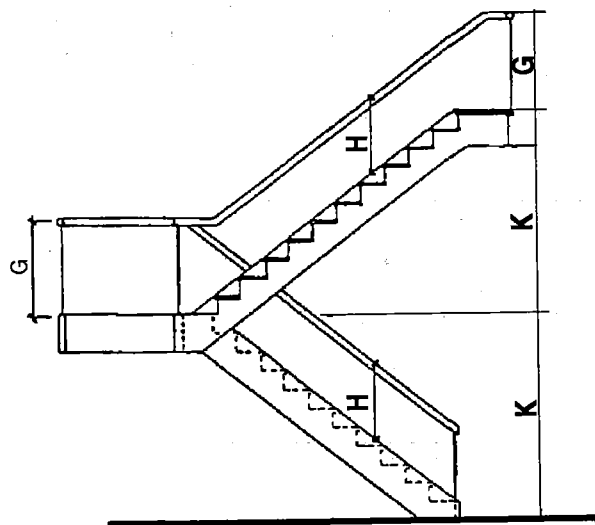
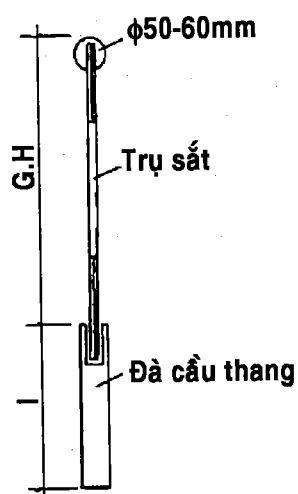
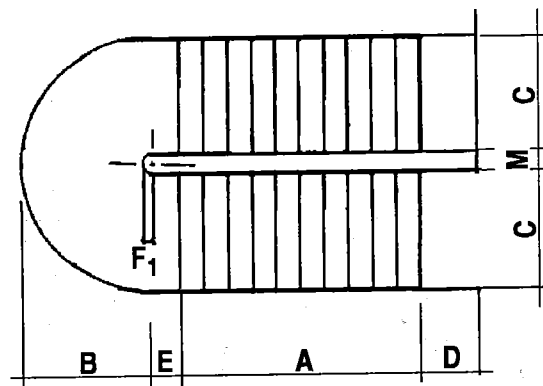
I =

J = Chiều cao tầng nhà

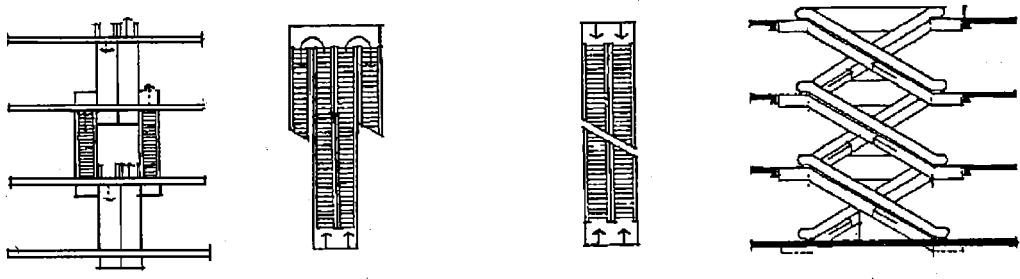
K = J/2

L =

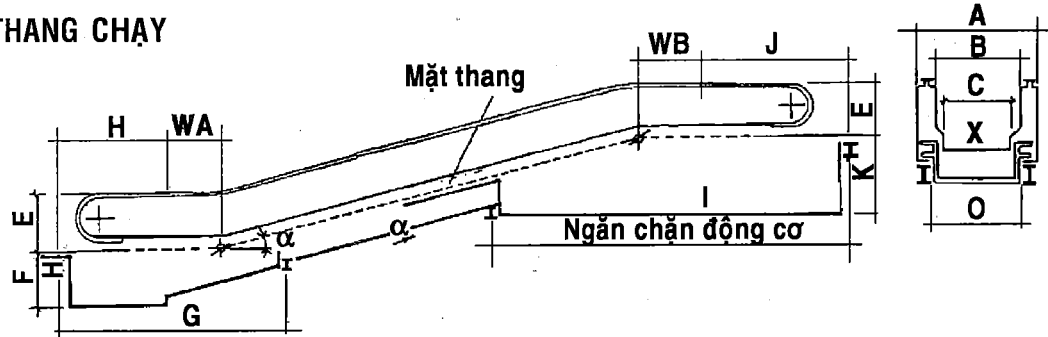
M = 20 cm



THANG CUỐN, THANG CHẠY



THANG CHẠY

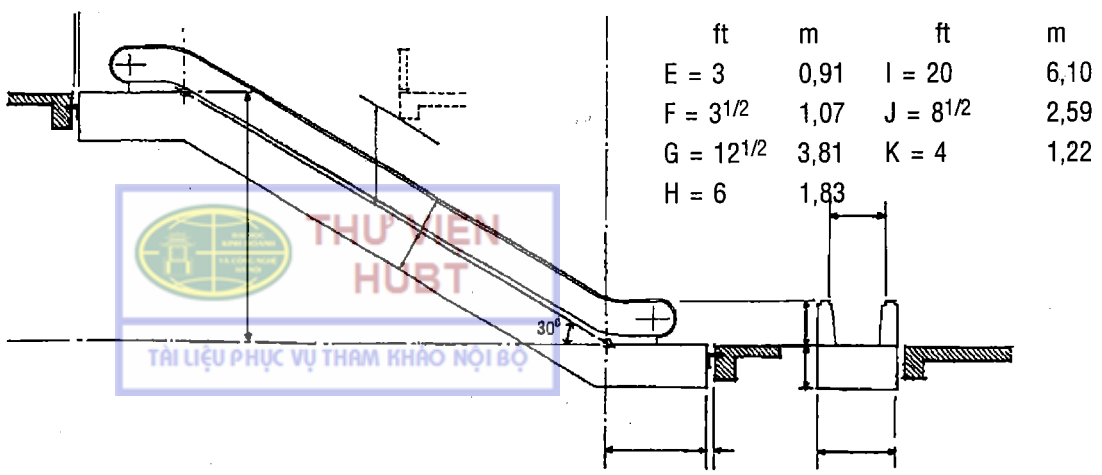


 $\alpha = 0-12^\circ \text{ max}$	α	WA		WB	
		ft	m	ft	m
	10°	3	0,91	$3\frac{1}{2}$	1,07
	10°	3,17	1,07	4	1,22

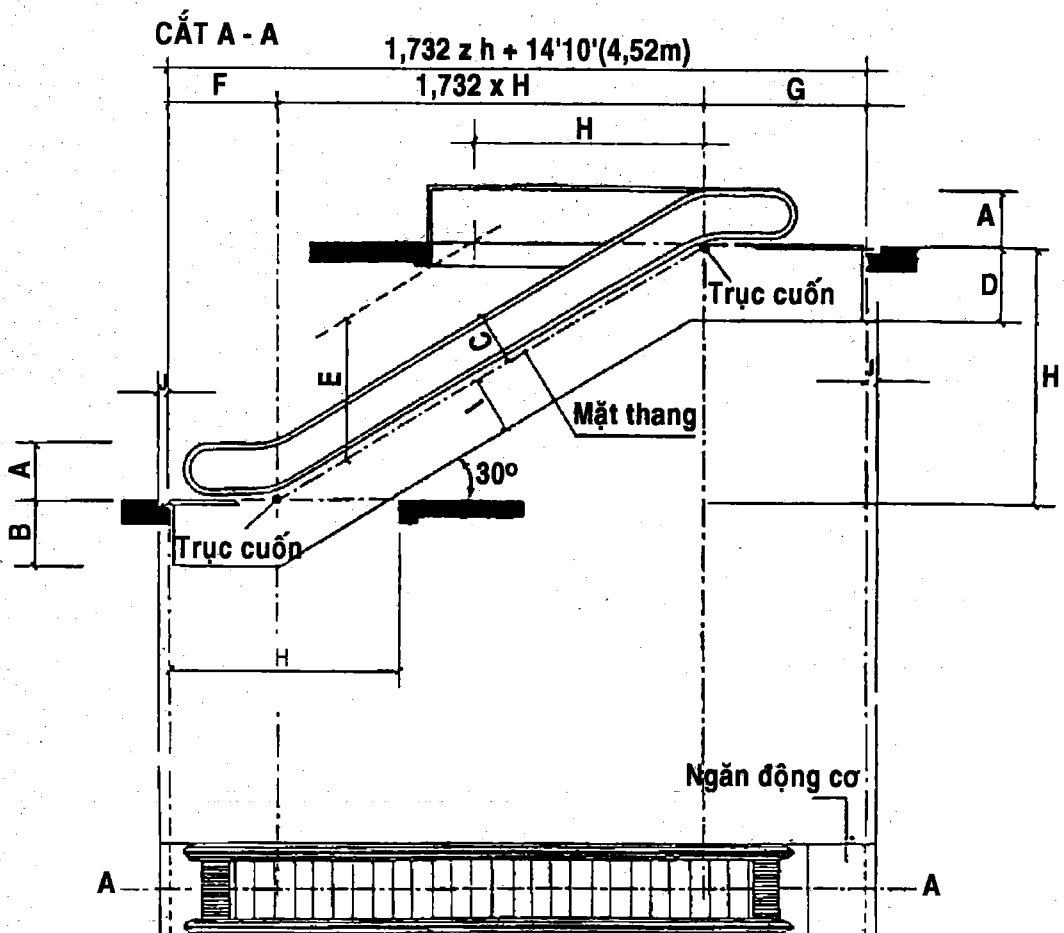
Rộng	A		B		C		D	
(in)	ft	m	ft	m	ft	m	ft	m
36	4	1,22	$2\frac{1}{2}$	0,76	2	0,61	3	0,91
48	5	1,52	4	1,22	3	0,91+	4	1,22+

x = Mặt thang

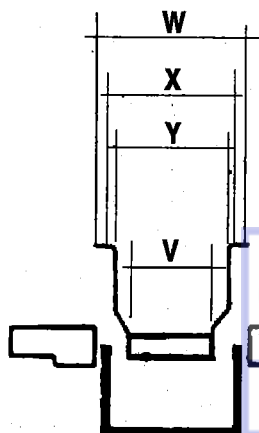
THANG CUỐN CÓ BẬC



	ft	m		ft	m
E = 3	0,91	I = 20	6,10		
F = $3\frac{1}{2}$	1,07	J = $8\frac{1}{2}$	2,59		
G = $12\frac{1}{2}$	3,81	K = 4	1,22		
H = 6	1,83				



	ft	in	m
A =	3	3	0,99
B =	3	7	1,09
C =	2	8	0,84
D =	4	2	1,27
E =	7	0	2,13
F =	5	10	1,78
G =	9	0	2,74
H =	12	0	3,66min
I =	3	2	0,96
J =	6		0,15



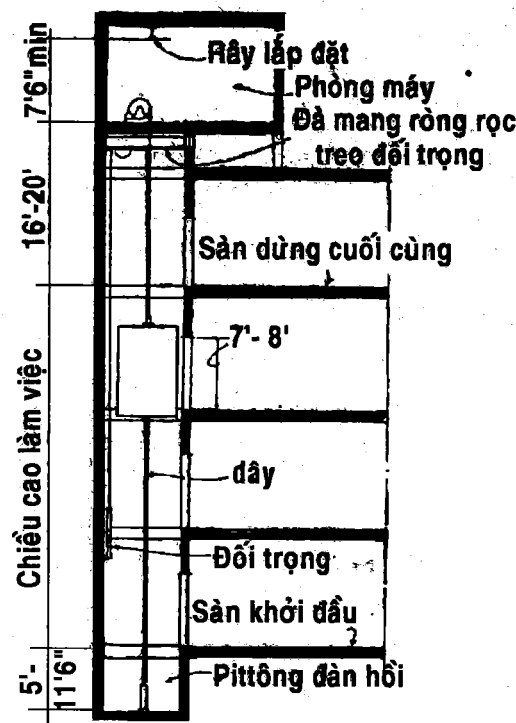
**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

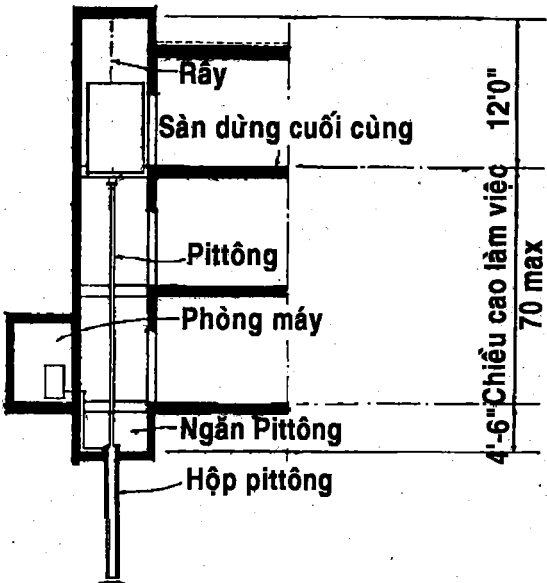
Rộng

Unit	V	W	X	Y
(in.)	(in.)			(in.)
32	24	4'1/4"	3'1/4"	32
48	40	5'4 1/4"	4'1/4"	48

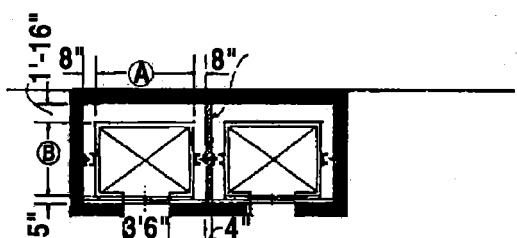
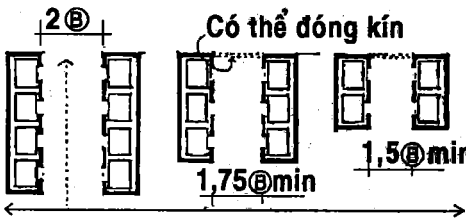
THANG MÁY



Thang máy cáp

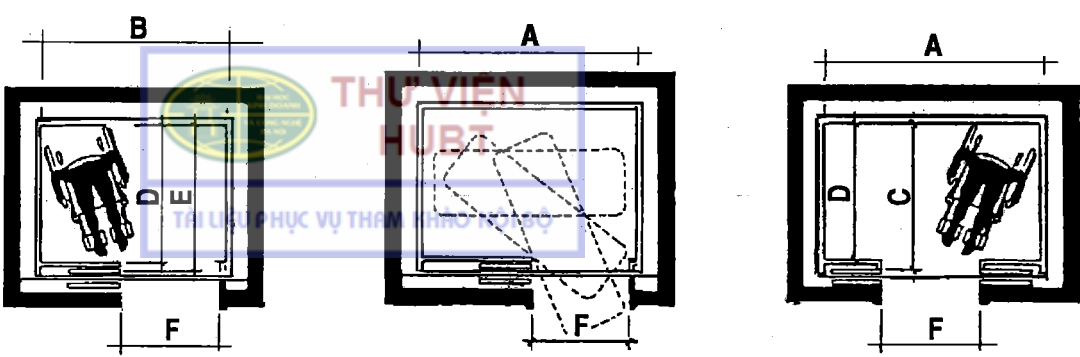


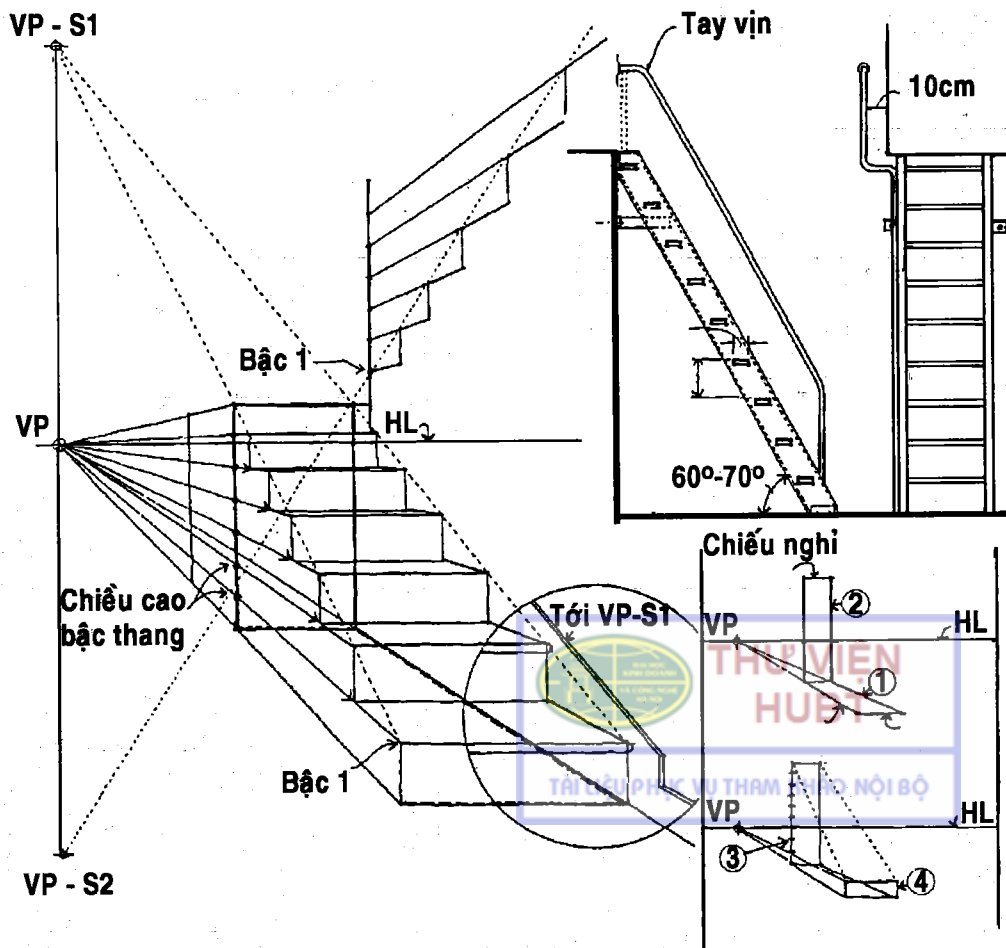
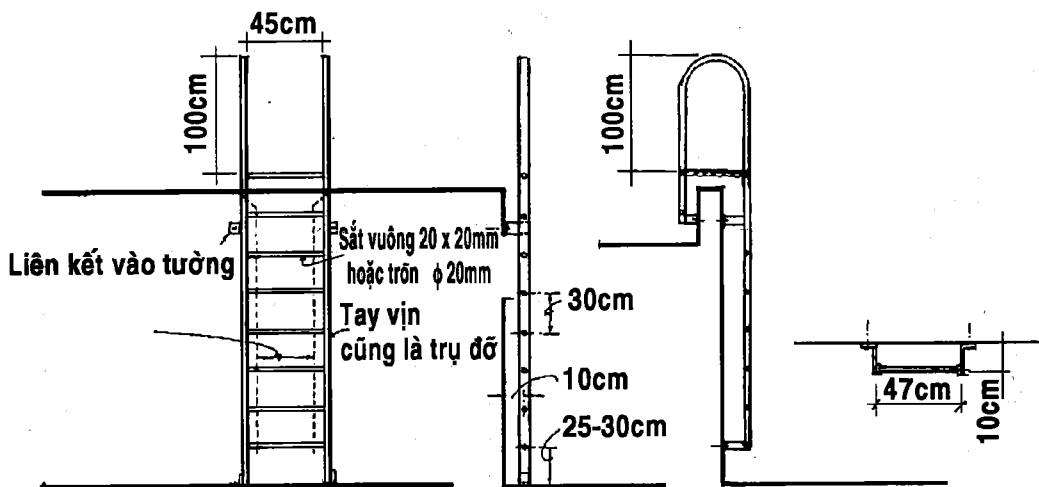
Thang máy Pittông



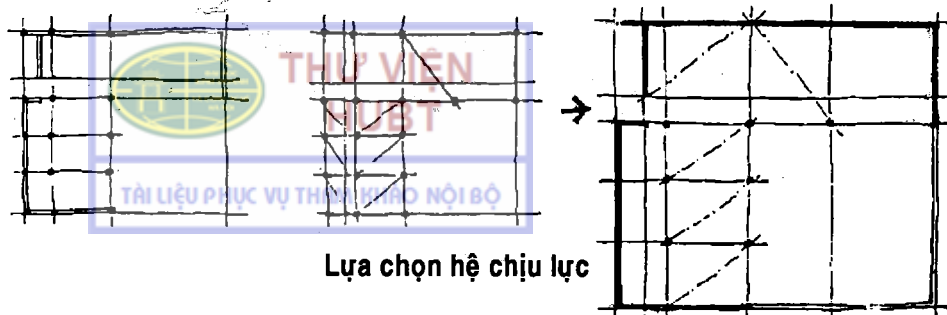
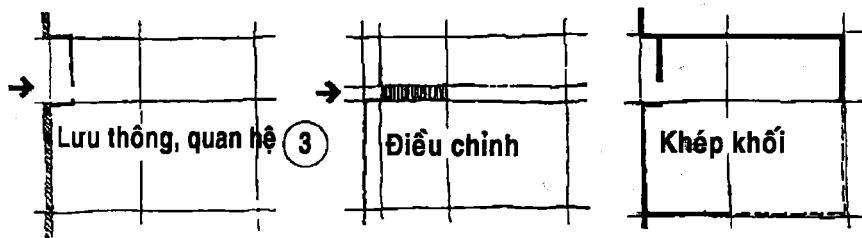
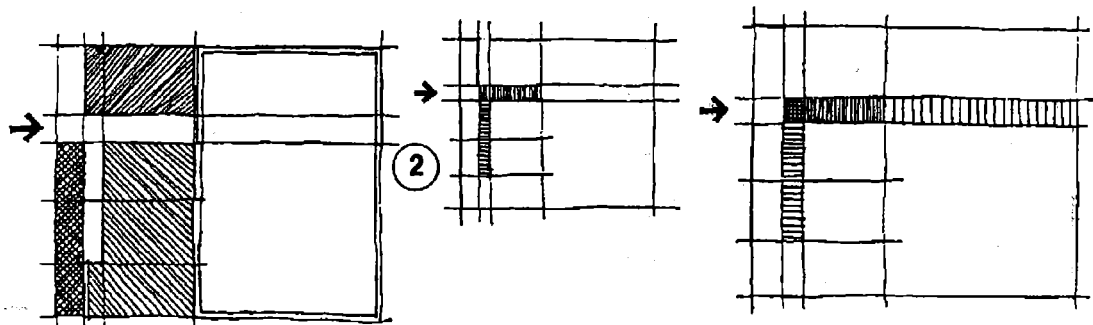
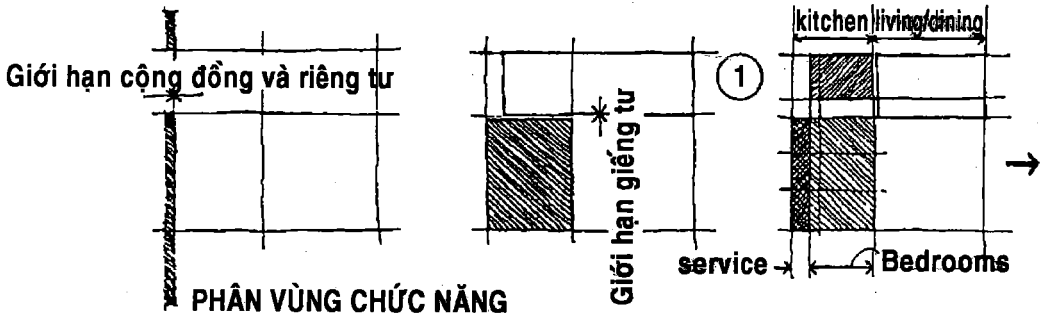
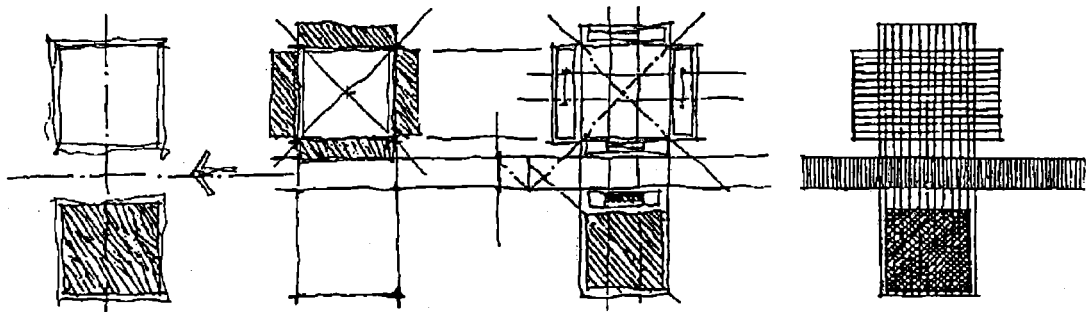
	ft	in	m		ft	in	m
A = 6	8		2,06	D = 4	3		1,29
B = 5	8		1,75	E = 5	0		1,52
C = 4	6		1,37	F = 3	0		0,91

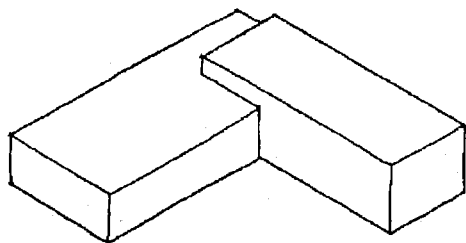
Trọng tải	A	B
2500 lbs.	6'-8" đến 7'-0"	4'-2" đến 5'-0"
3000 lbs.	6'-8" đến 7'-0"	4'-8" đến 5'-6"
3500 lbs.	6'-8" đến 7'-0"	5'-6" đến 6'-2"



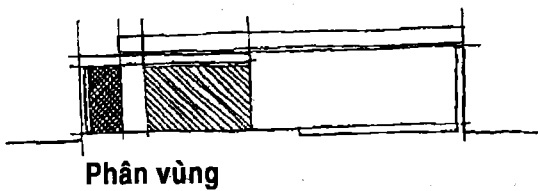


18. PHÂN TÍCH, TÌM Ý THIẾT KẾ MỘT CĂN HỘ

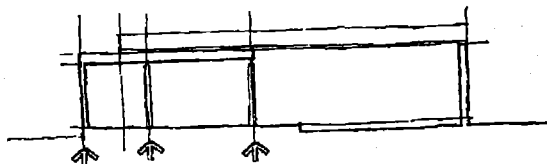




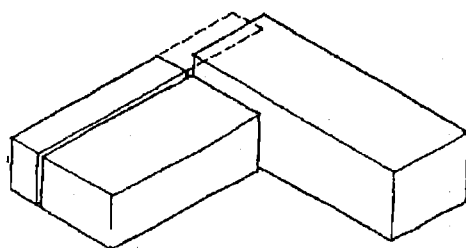
NGHIÊN CỨU TỔ HỢP KHỐI ①



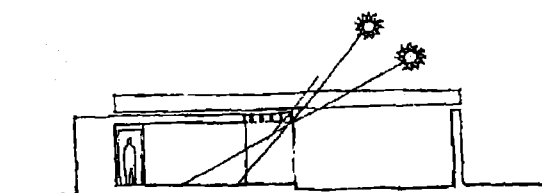
Phân vùng



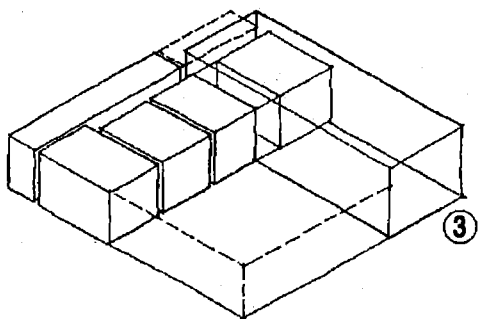
Cấu tạo kết cấu



②

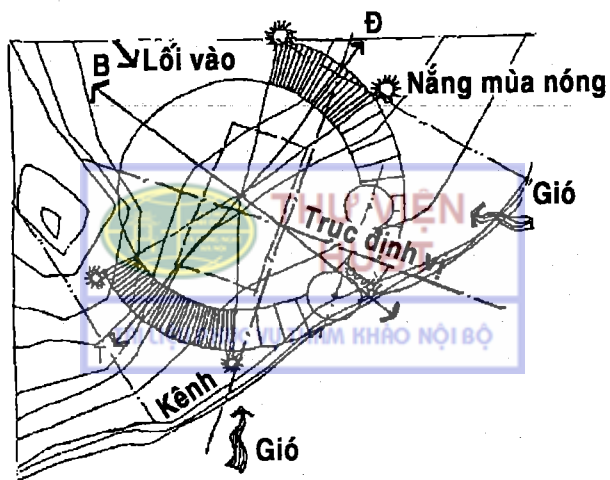
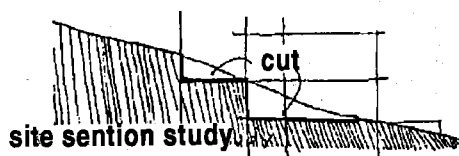


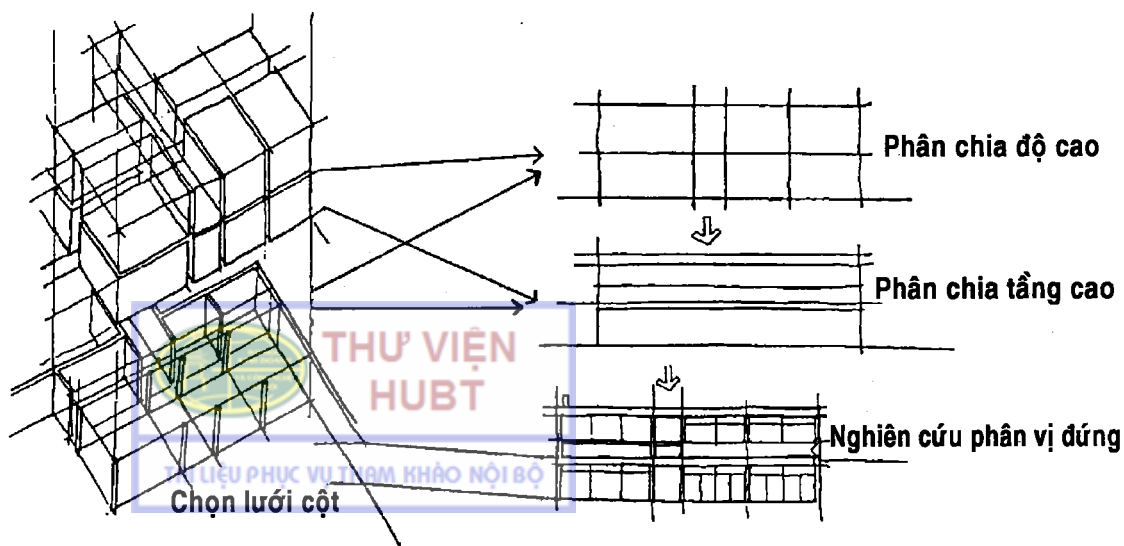
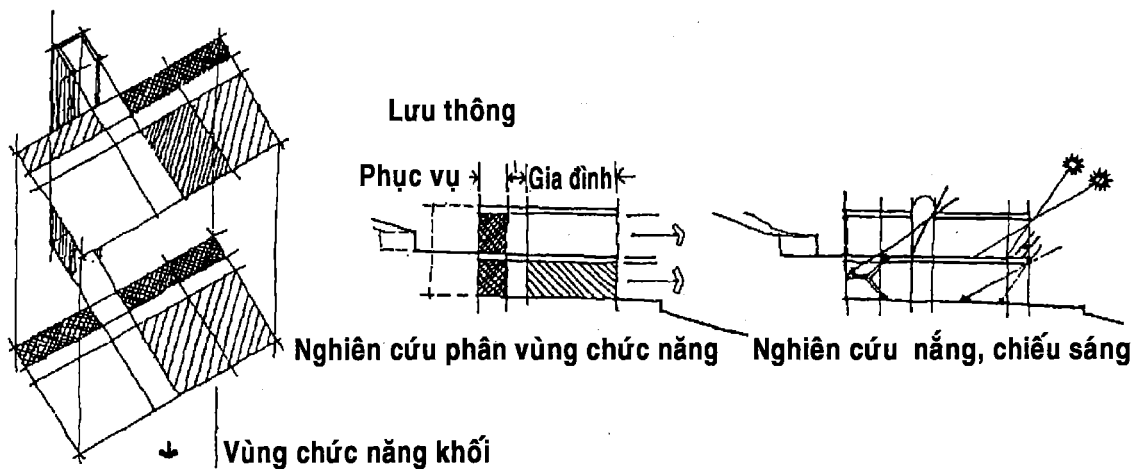
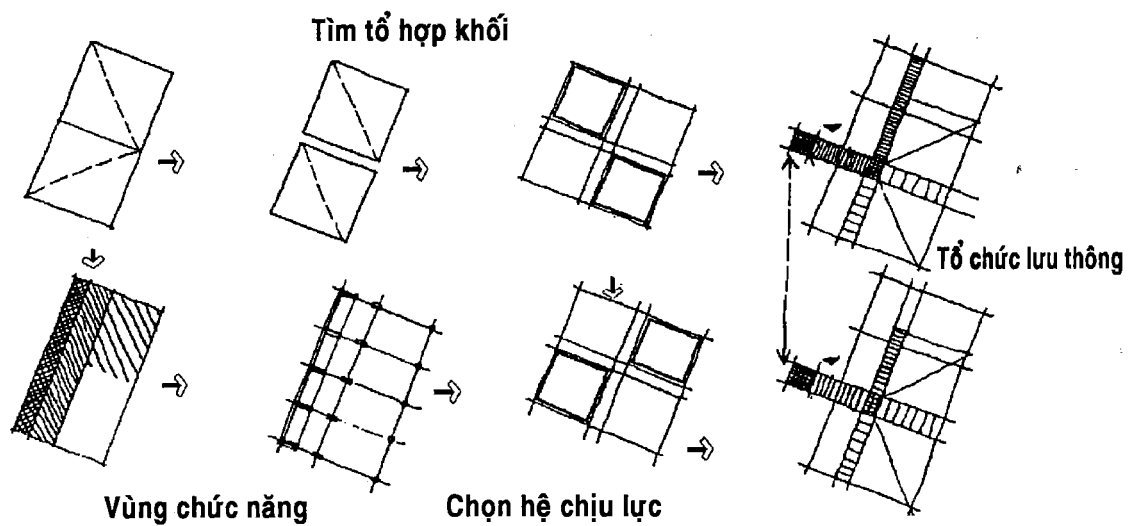
Nghiên cứu phòng ngủ với nắng, gió



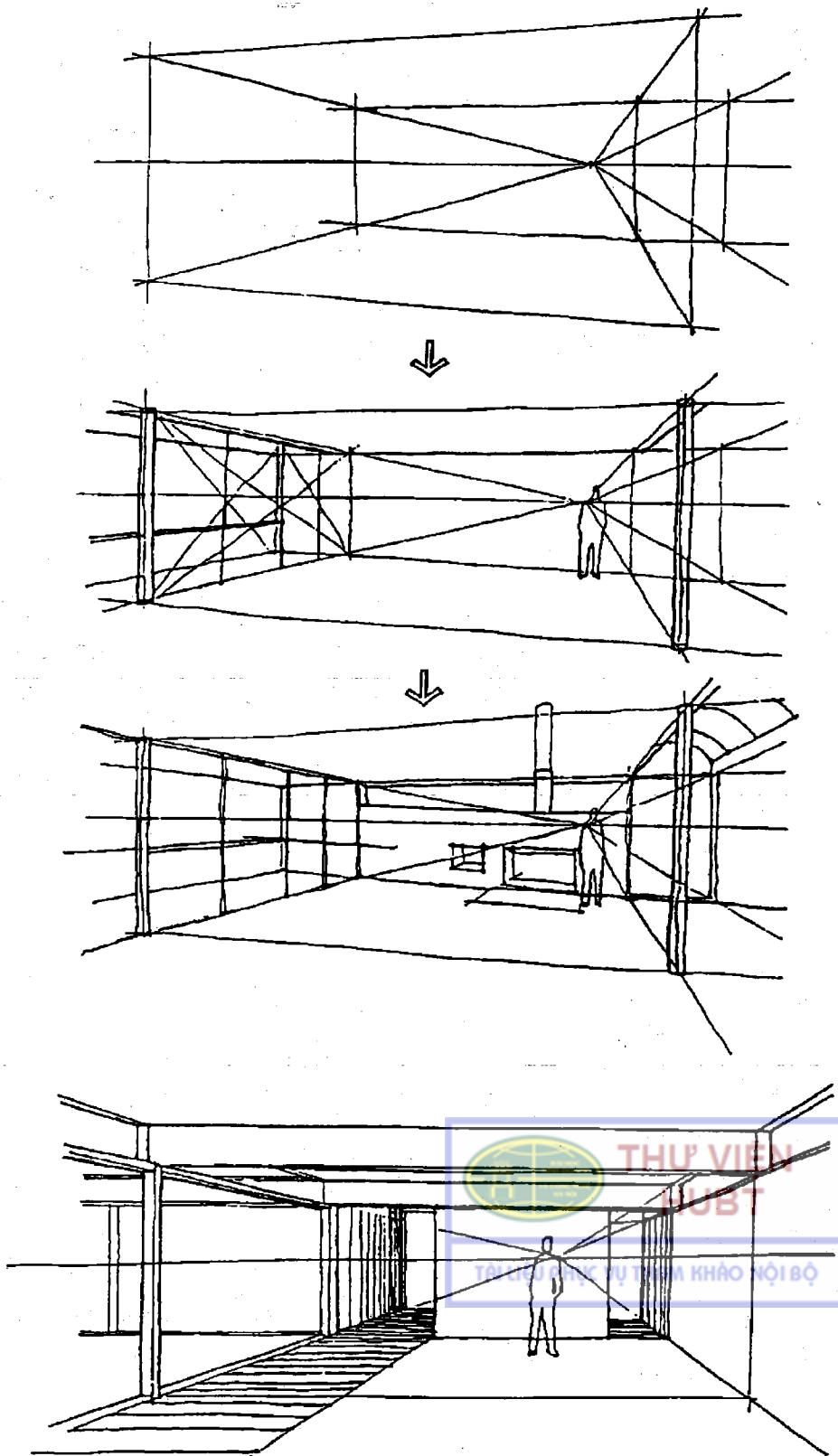
③

ĐỊNH VỊ NHÀ, SÂN VƯỜN

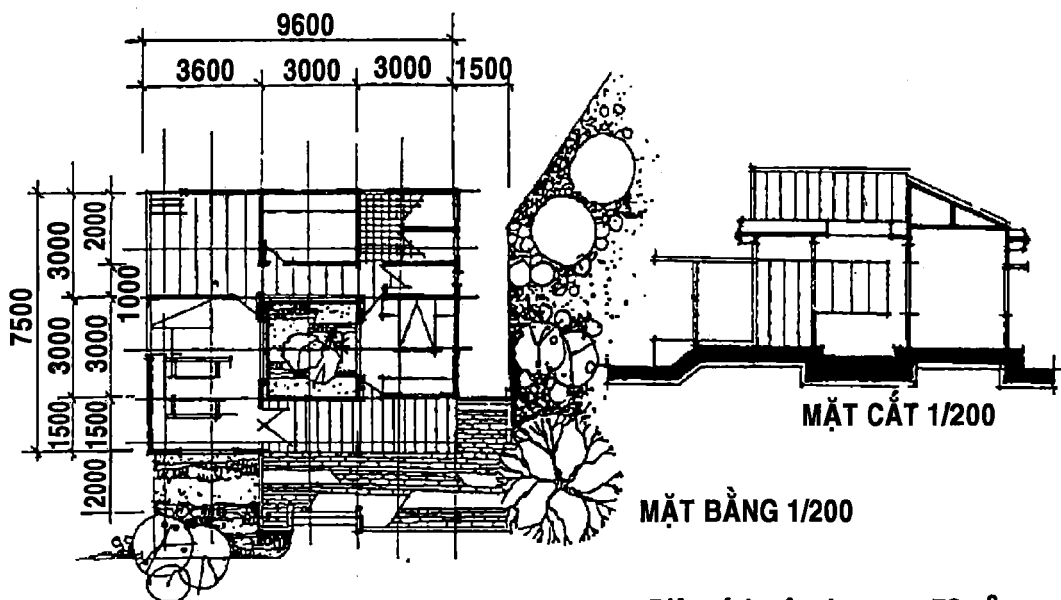




19. NGHIÊN CỨU KHÔNG GIAN PHÒNG KHÁCH



BÀI TẬP THIẾT KẾ THEO MẪU



Diện tích xây dựng: 72m²

Diện tích sử dụng : 38,2m²

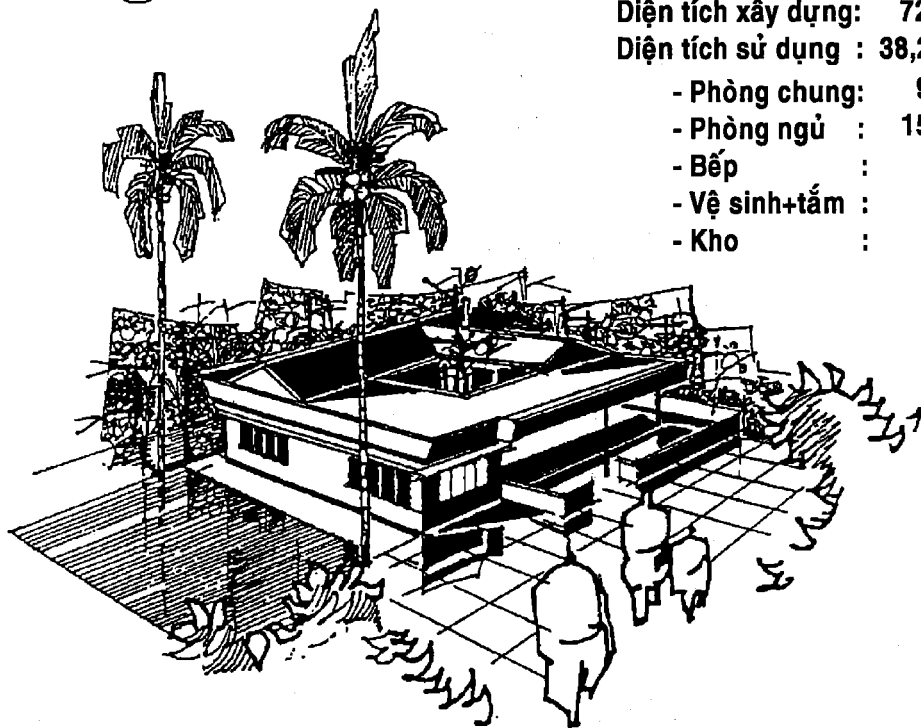
- Phòng chung: 9m²

- Phòng ngủ : 15m²

- Bếp : 6m²

- Vệ sinh+tắm : 6m²

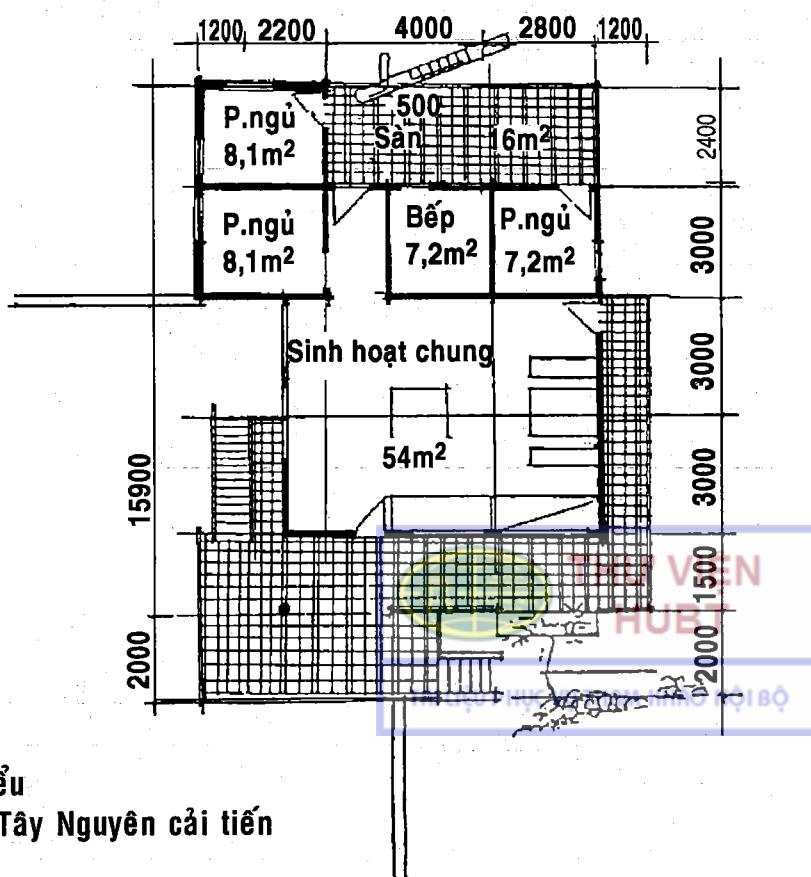
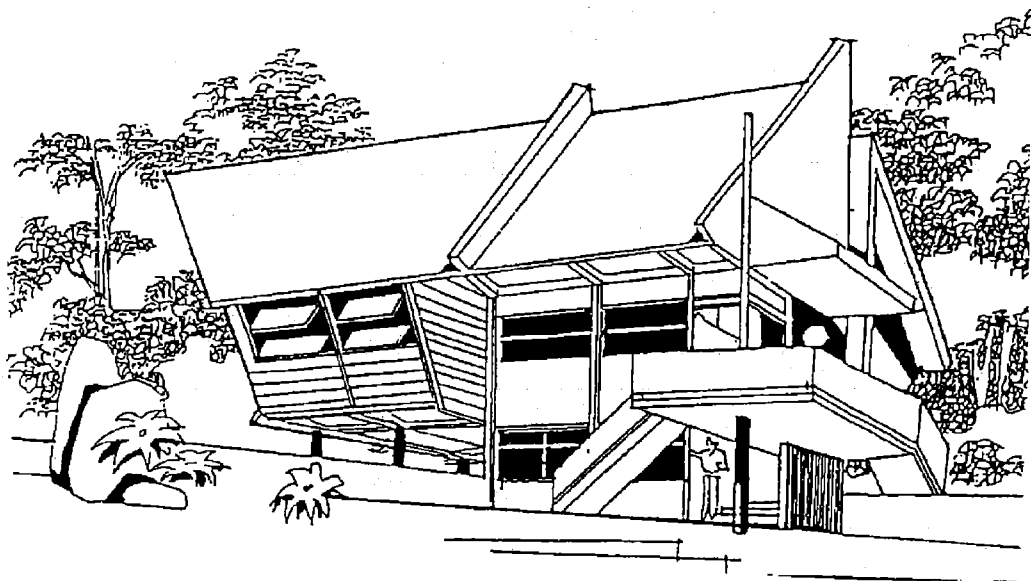
- Kho : 4m²



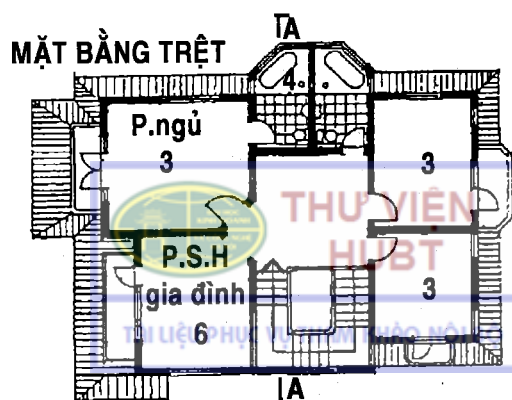
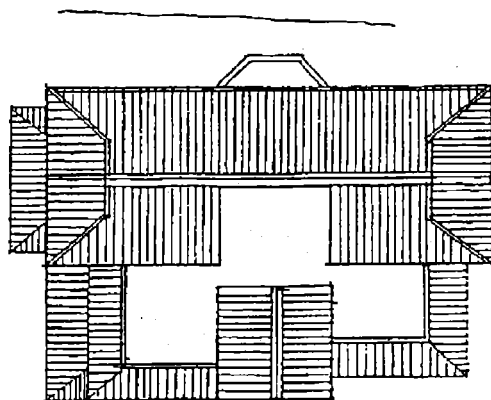
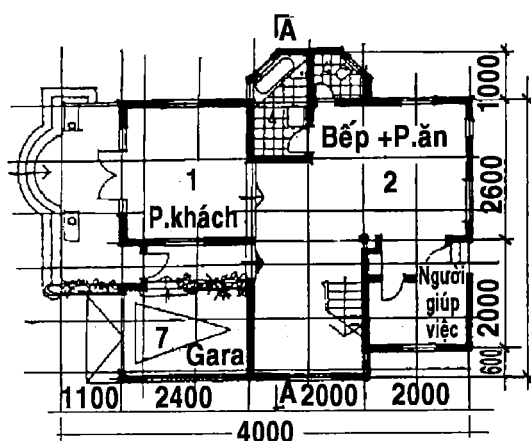
MẶT ĐỨNG 1: 1/200

MẶT ĐỨNG 2: 1/200

BÀI TẬP : THIẾT KẾ THEO MẪU, TL : 1/50

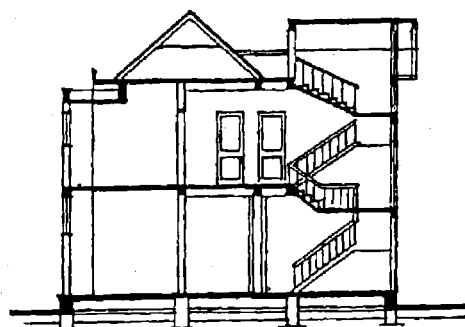


Một kiểu nhà ở Tây Nguyên cải tiến



MẶT BẰNG LẦU 1 TỶ LỆ 1/100

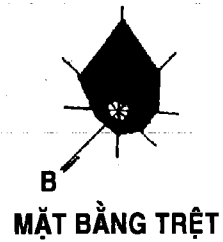
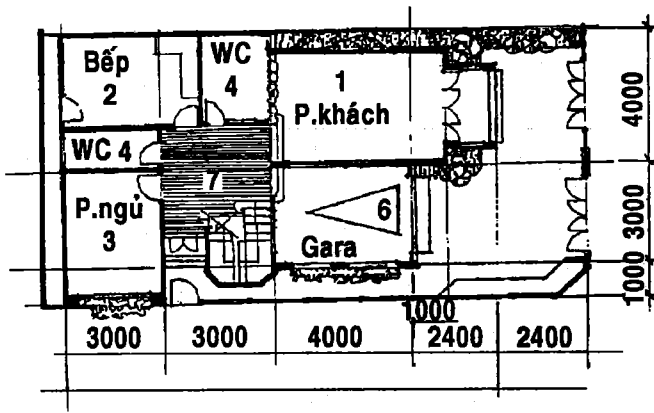
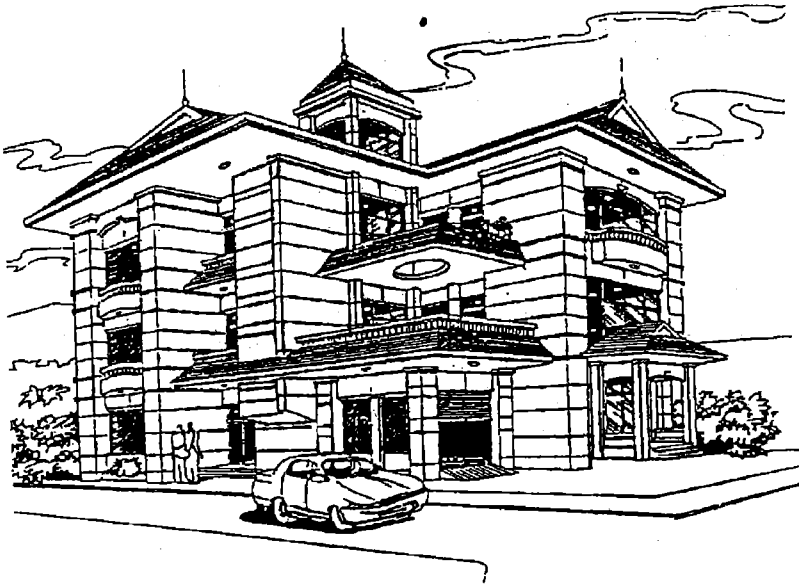
MẶT BẰNG MÁI



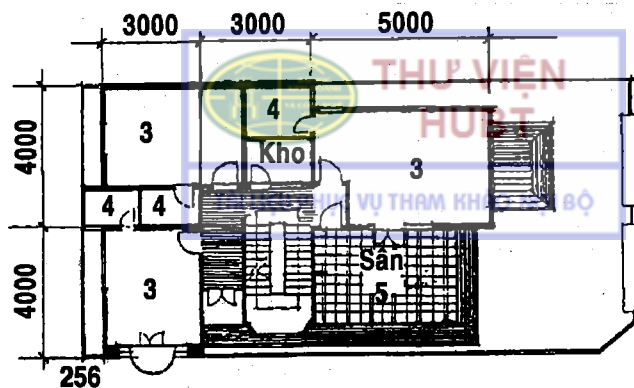
CẮT A - A 1/100

THIẾT KẾ THEO MẪU. TL : 1/100

Sinh viên dựng mặt đứng, mặt cắt, mặt bằng lầu 2.

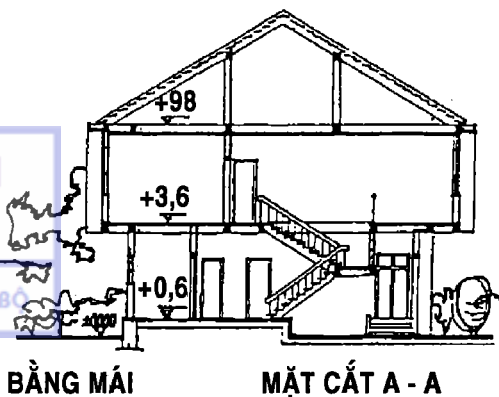
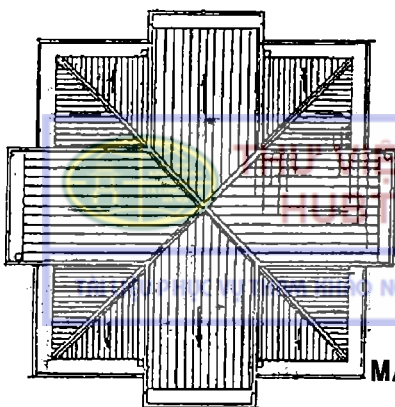
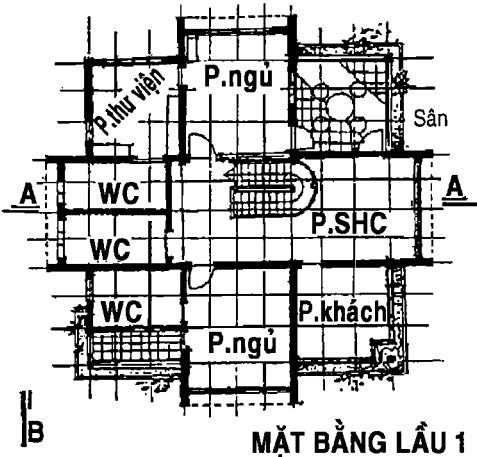
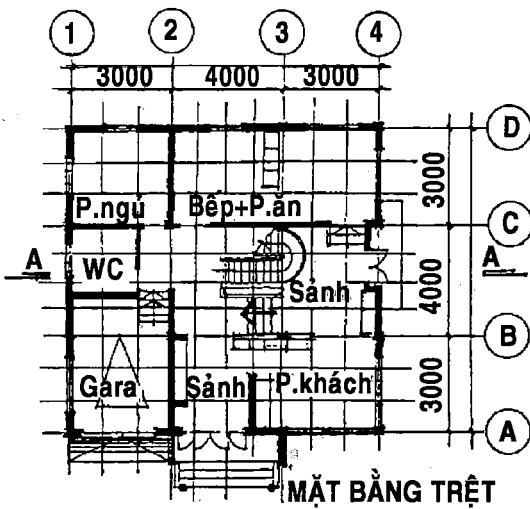
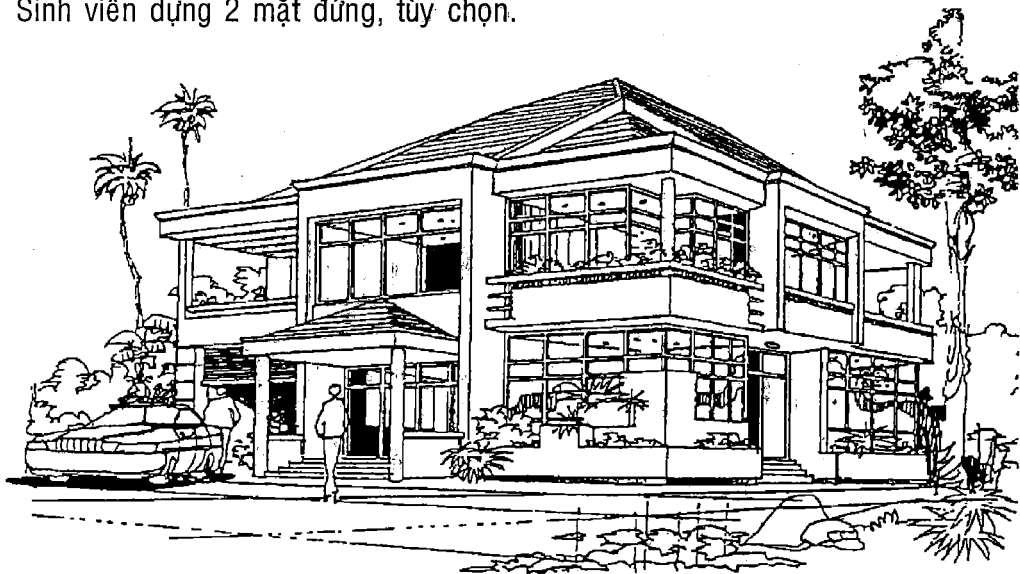


MẶT BẰNG LẦU 1



THIẾT KẾ THEO MẪU. TL : 1/100

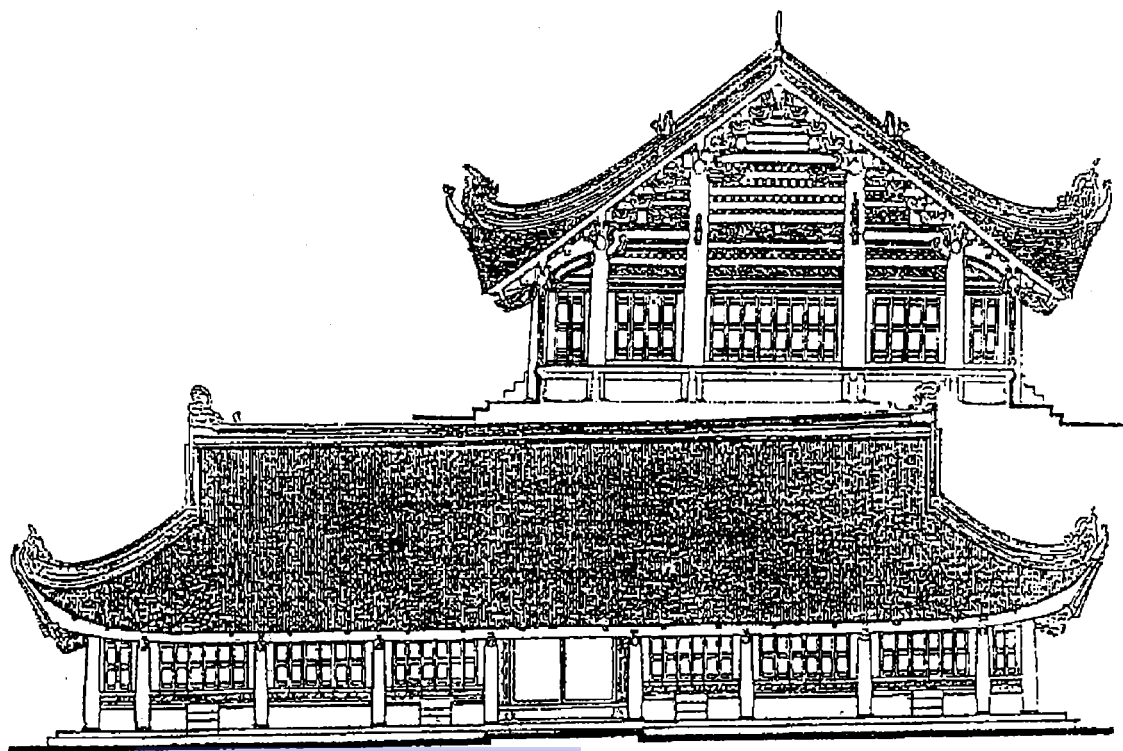
Sinh viên dựng 2 mặt đứng, tùy chọn.





Phần 4

KIẾN TRÚC CỔ ĐIỂN

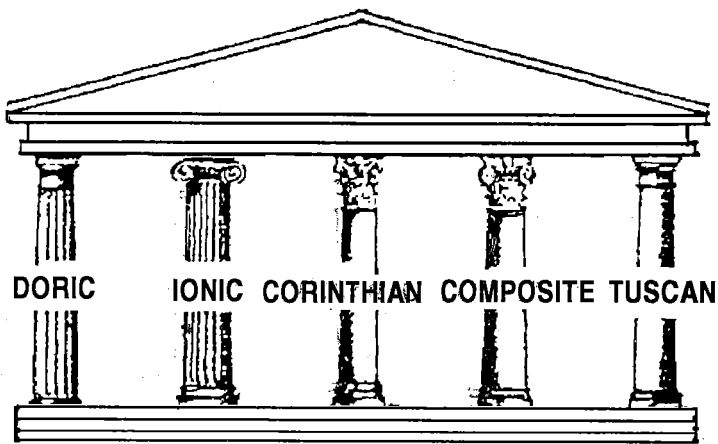


THƯ VIỆN
HUBT

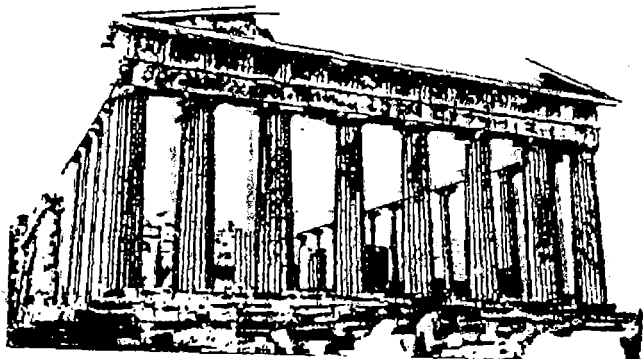
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



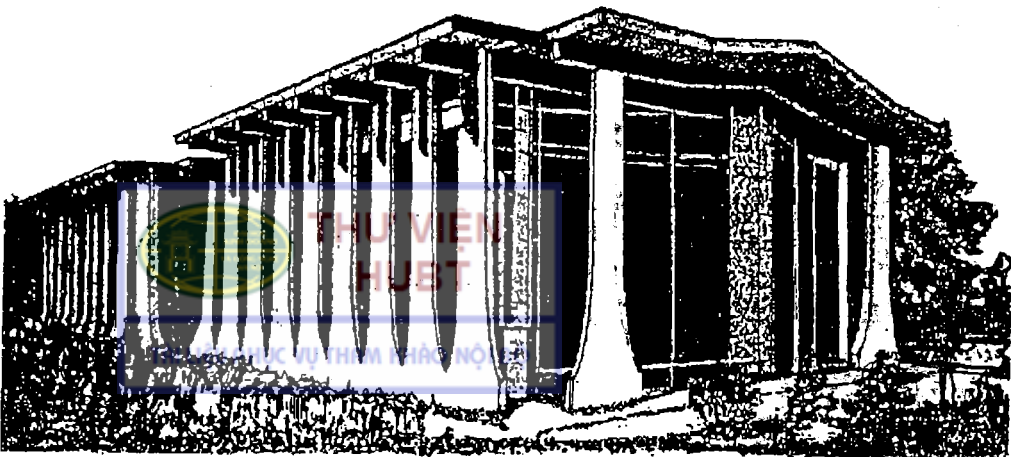
1. DÒNG CĂN BẢN CỦA KIẾN TRÚC PHƯƠNG TÂY



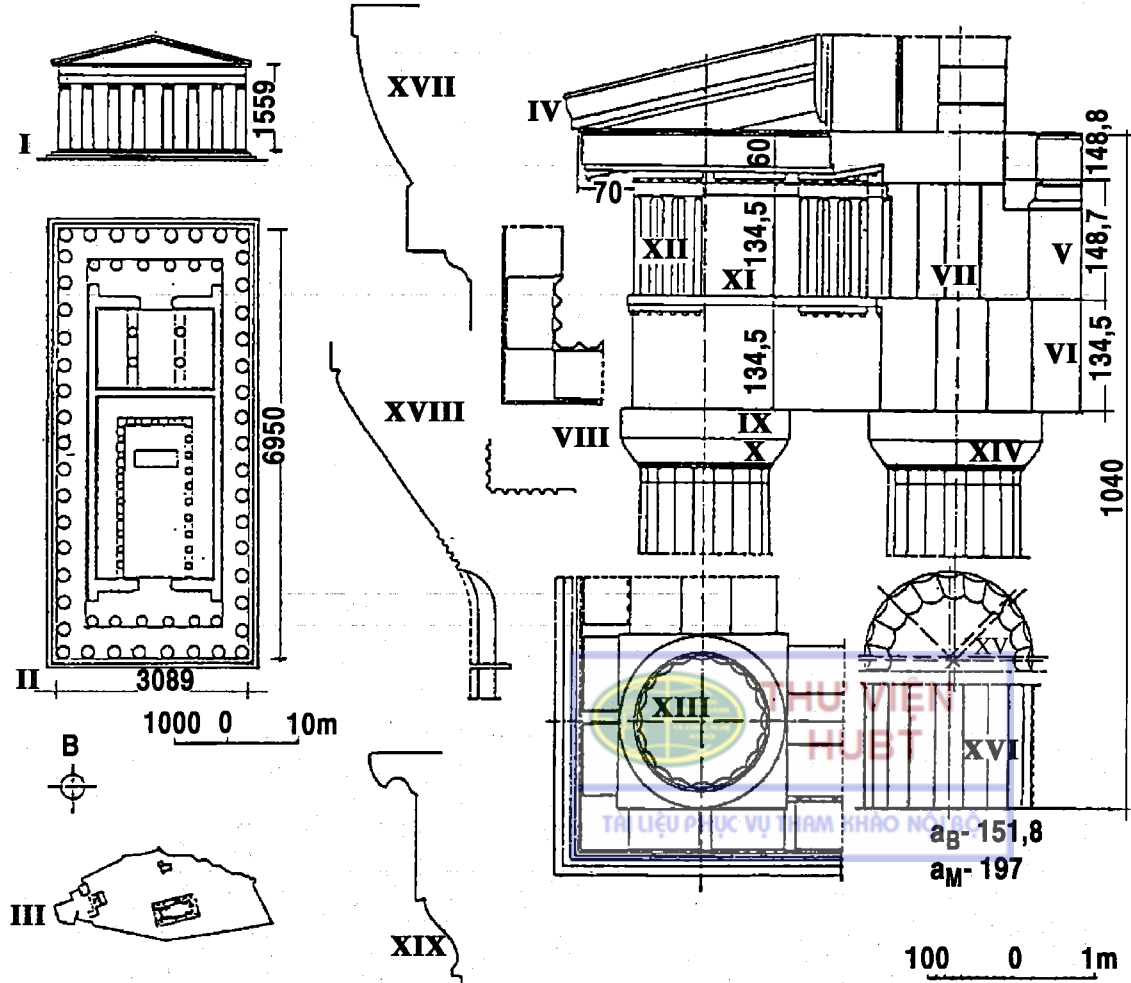
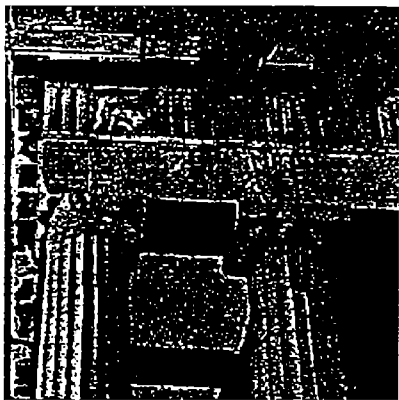
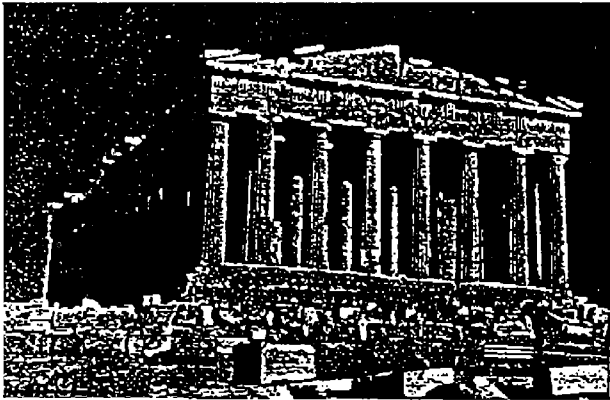
Cấu trúc cột đã sử dụng đầu tiên ở phương đông

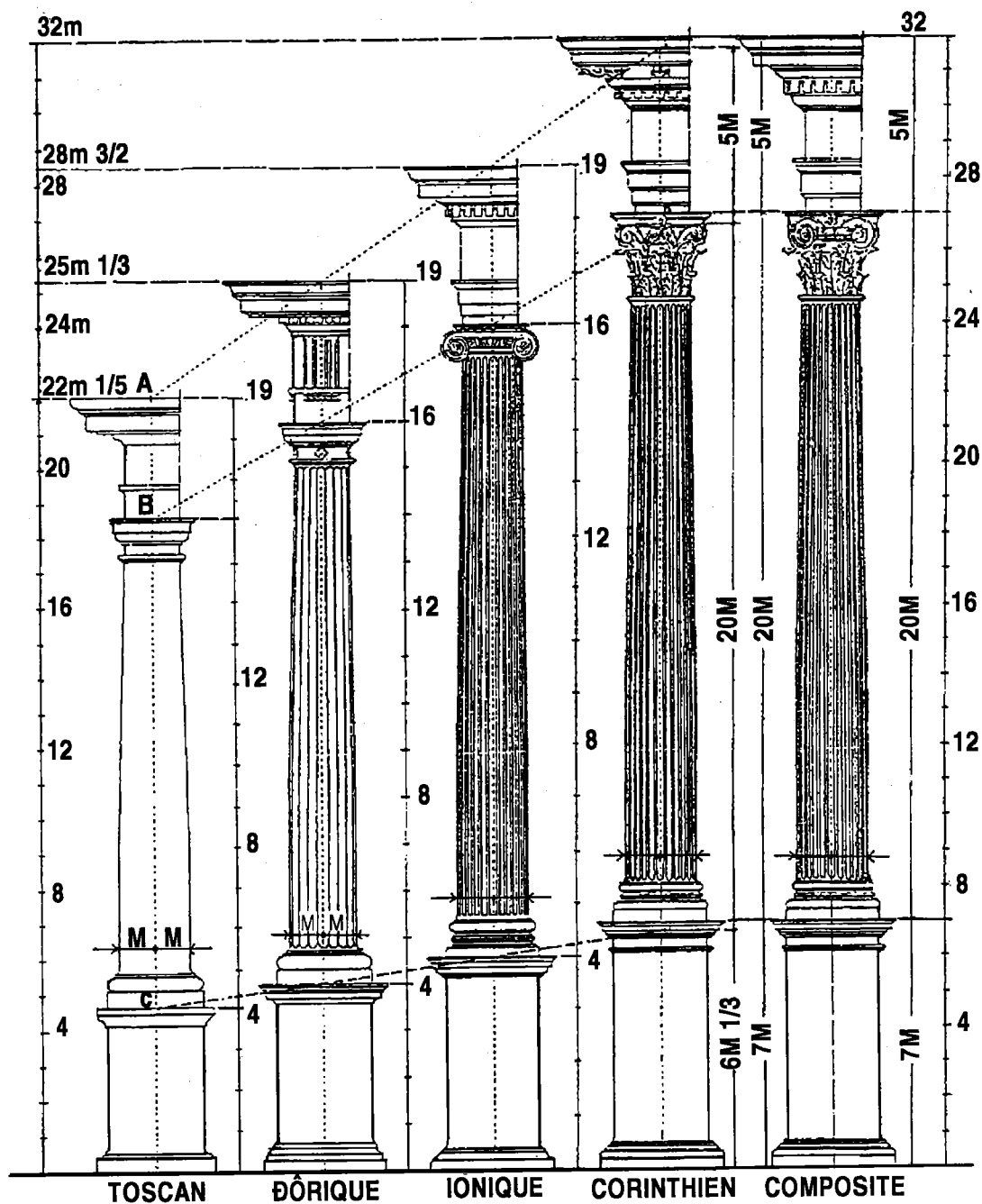


Cấu trúc cột, đá, lanh tô sử dụng trong đền Parthenon được áp dụng trong nhiều kiến trúc hiện đại



THỨC CỘT ĐÔRIQUE





P 9 3 0 1 2 3 4 5 6 7 Môđun
12 6

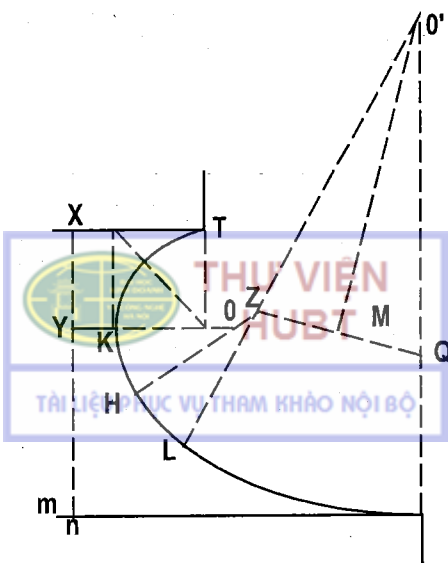
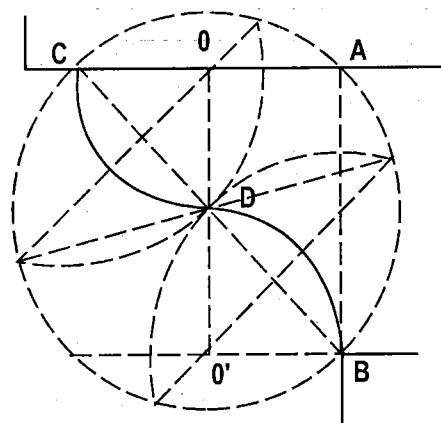
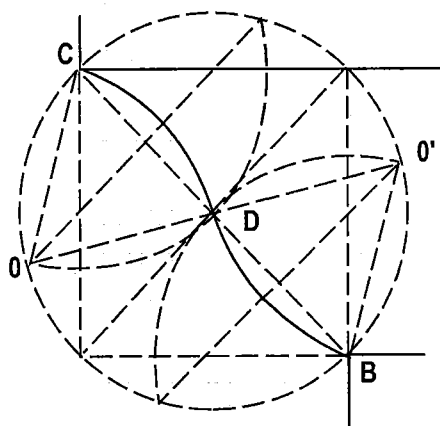
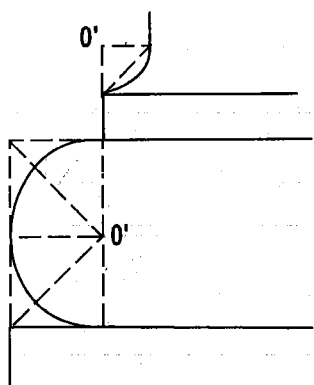
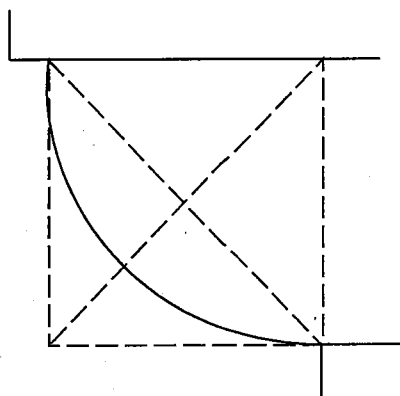
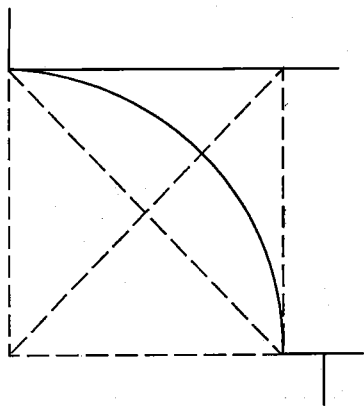
Cho cột Toscan và Dôrique

P 18 6 0 1 2 3 4 5 6 7 Môđun
12

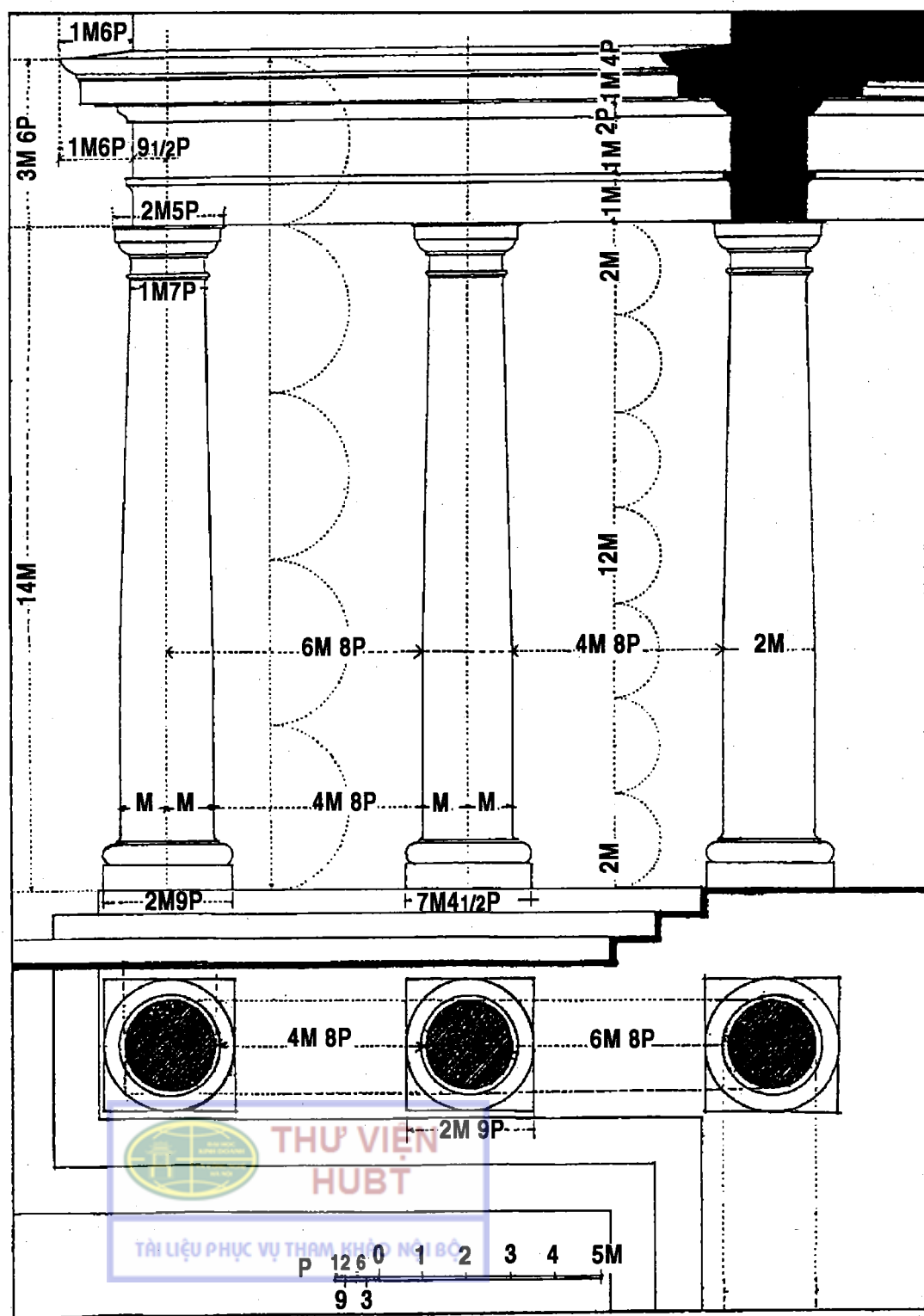
Cho cột Ionique, Corinthien và Composite

Theo VINÔ: Môđun M = bán kính R của chân cột. Theo PANLADIÔ : M = đường kính chân cột = 2R.

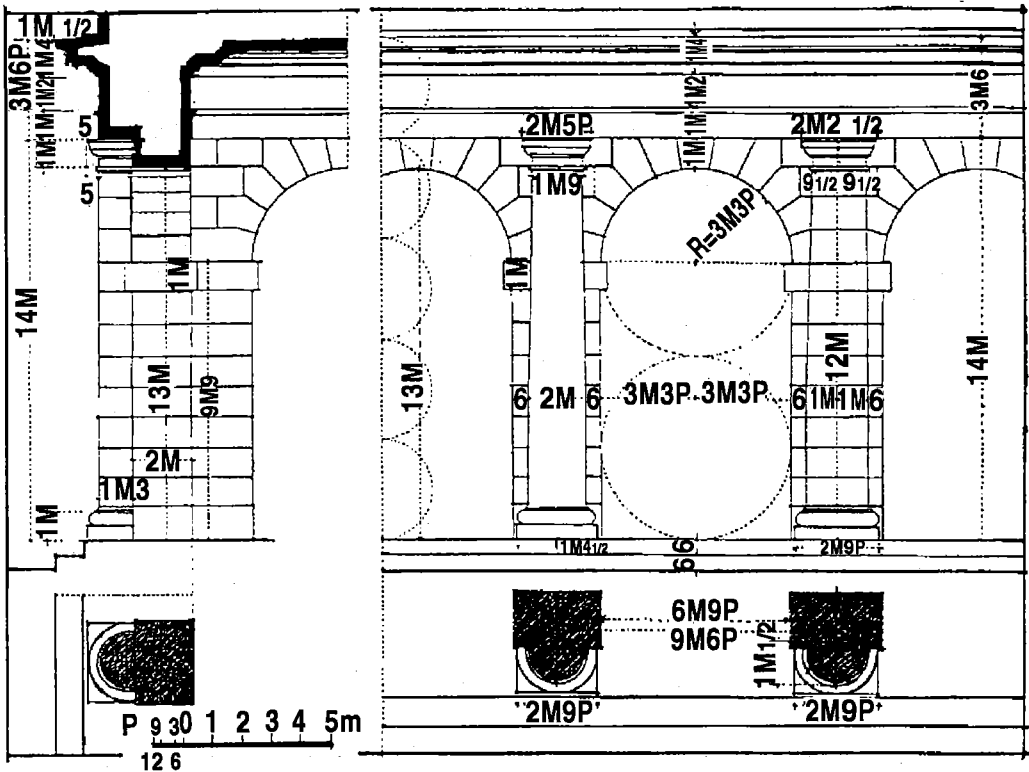
Cột ít phức tạp, chia M = 12 phần – Parties (12P). Cột phức tạp chia M = 18 phần – Parties (18P), là ước số của 1 môđun.



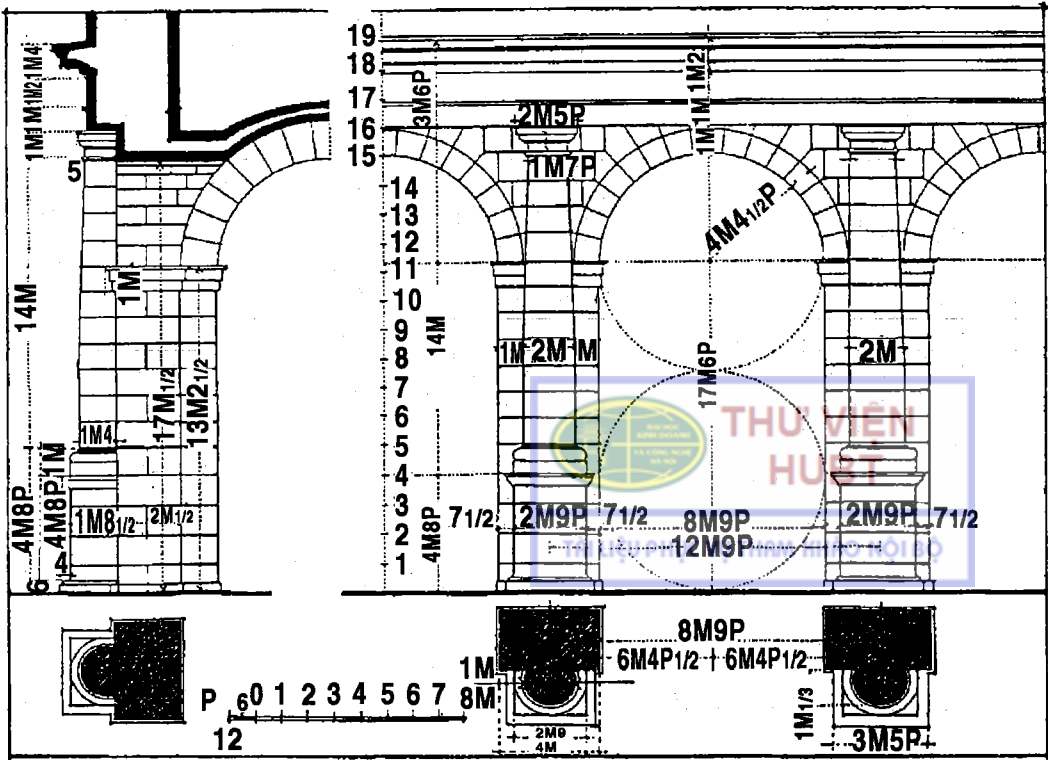
2. CỘT TOSCAN LA MÃ



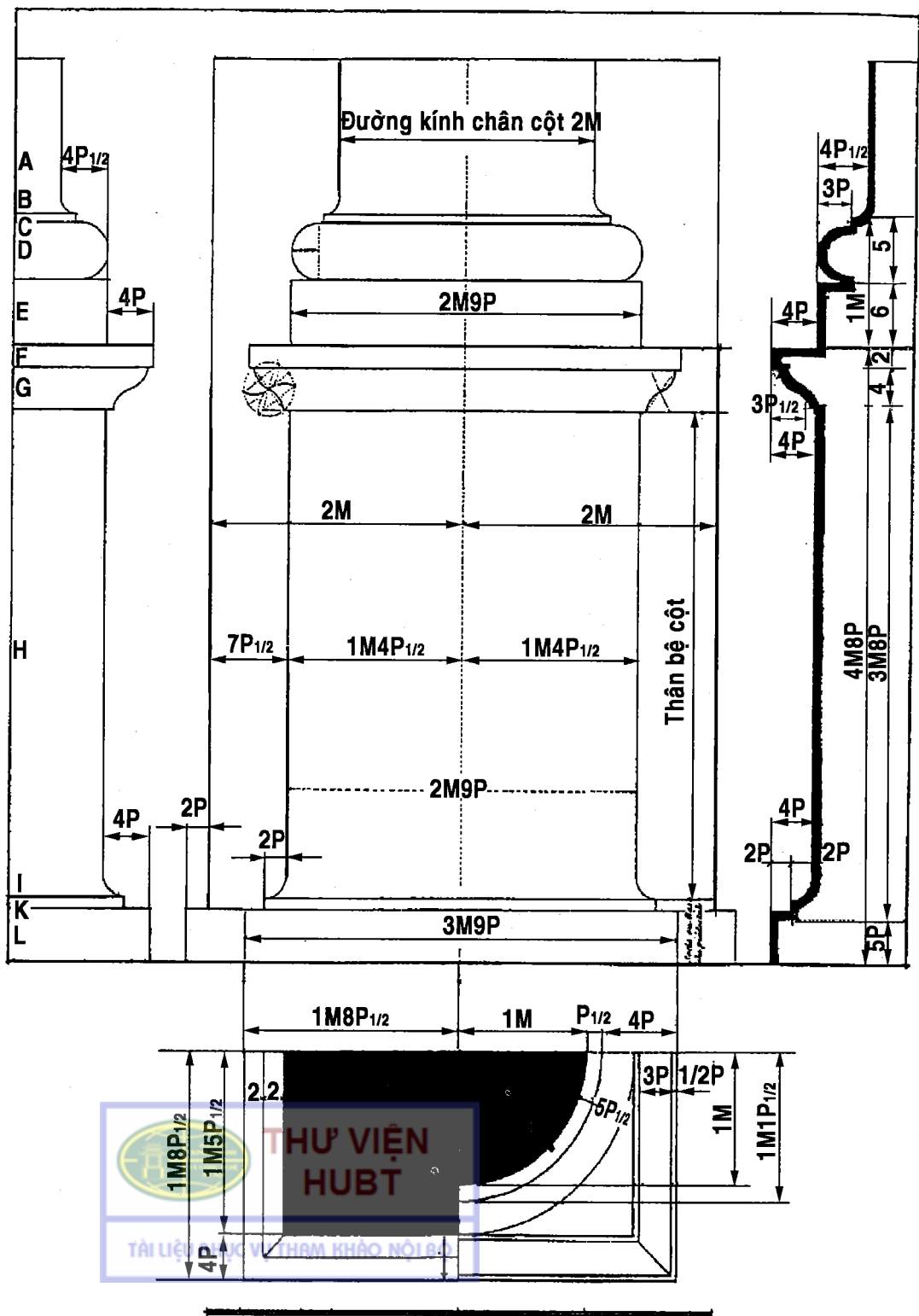
CÔNG THỨC CỘT TOSCAN KHÔNG CÓ BÊ CỘT



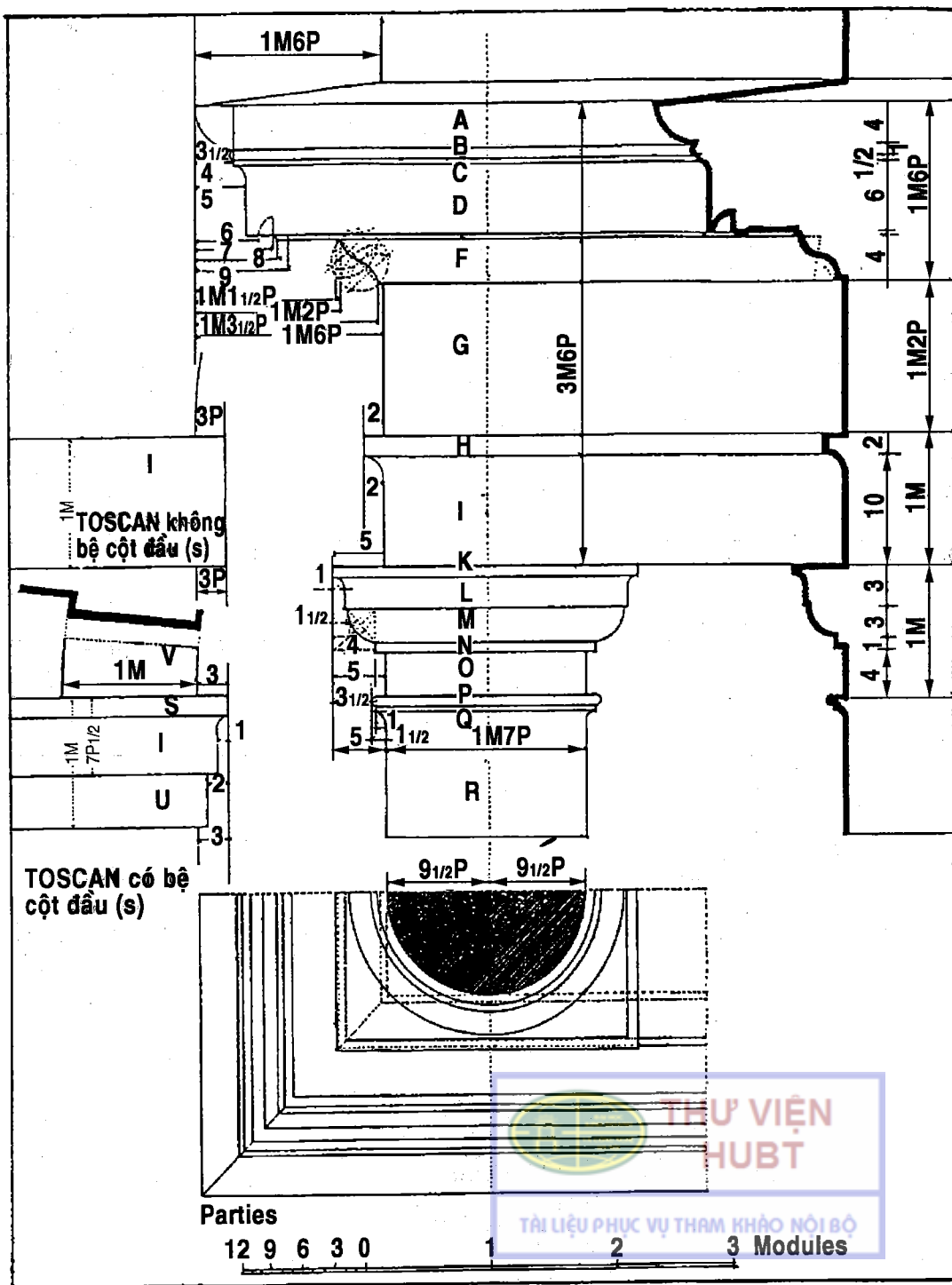
CÔNG THỨC CỘT TOSCAN CÓ BÊ CỘT



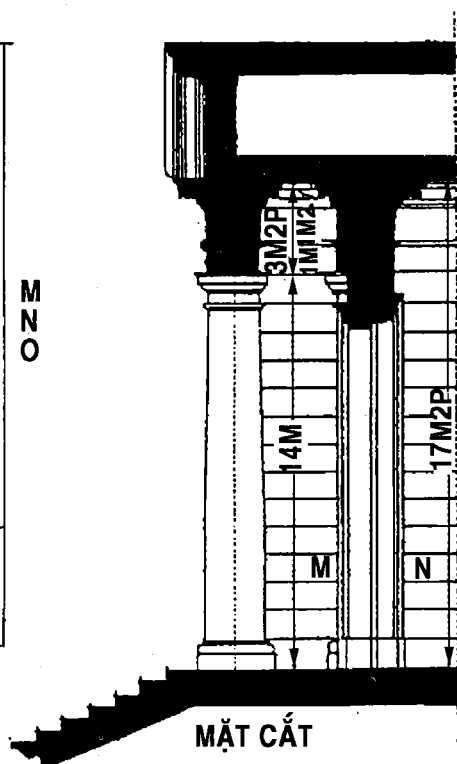
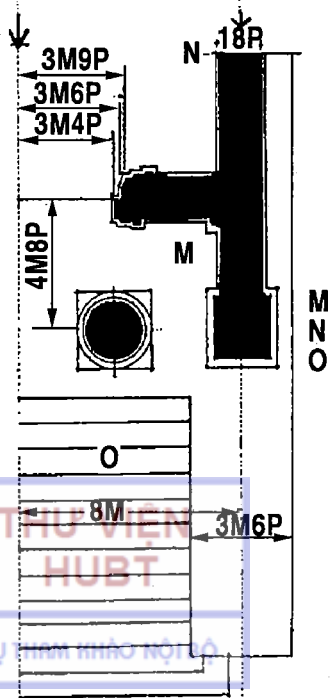
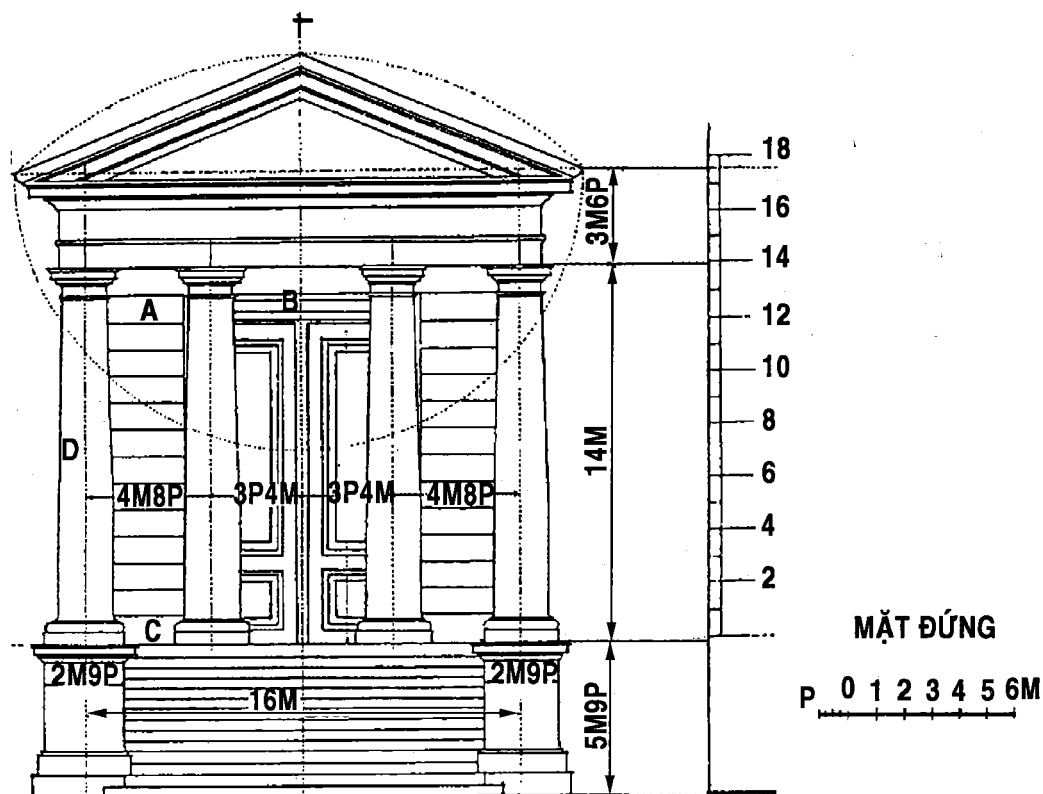
BỆ VÀ CHÂN CỘT TOSCAN



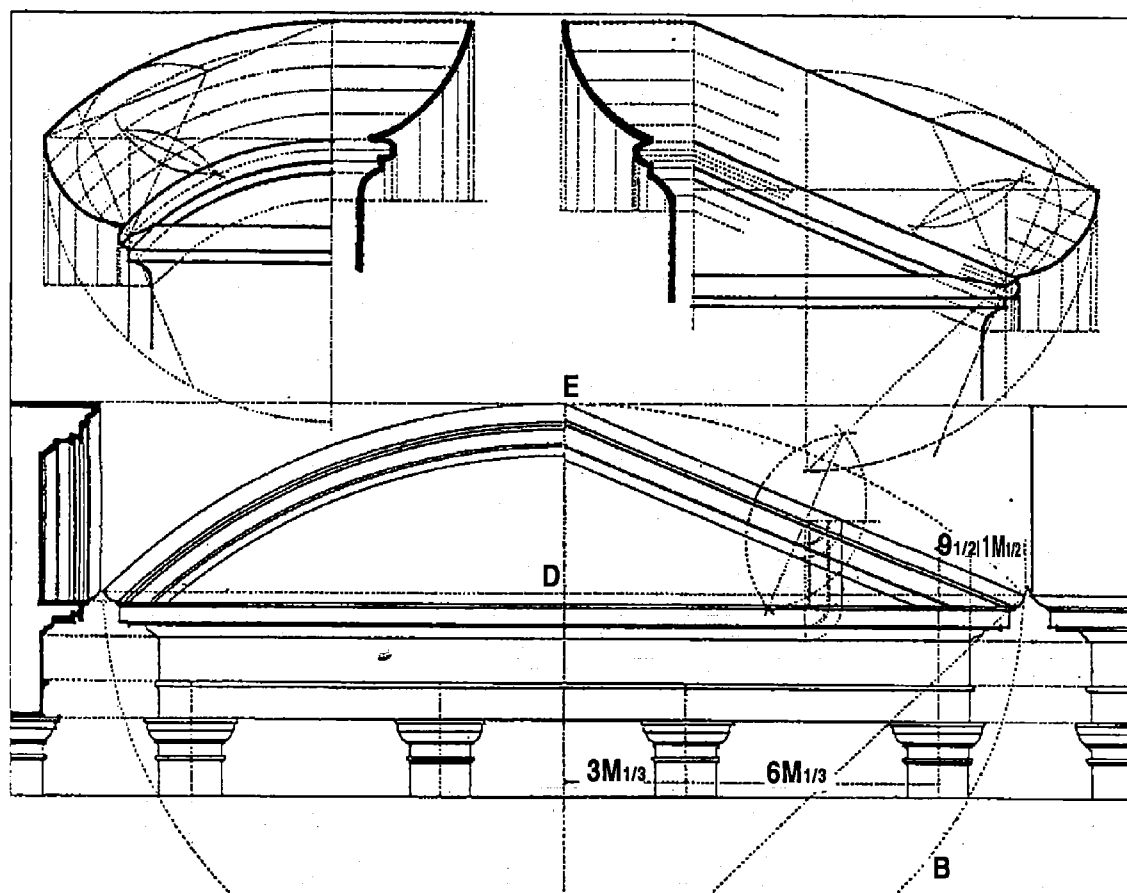
MÁI TRÊN ĐẦU CỘT TOSCAN



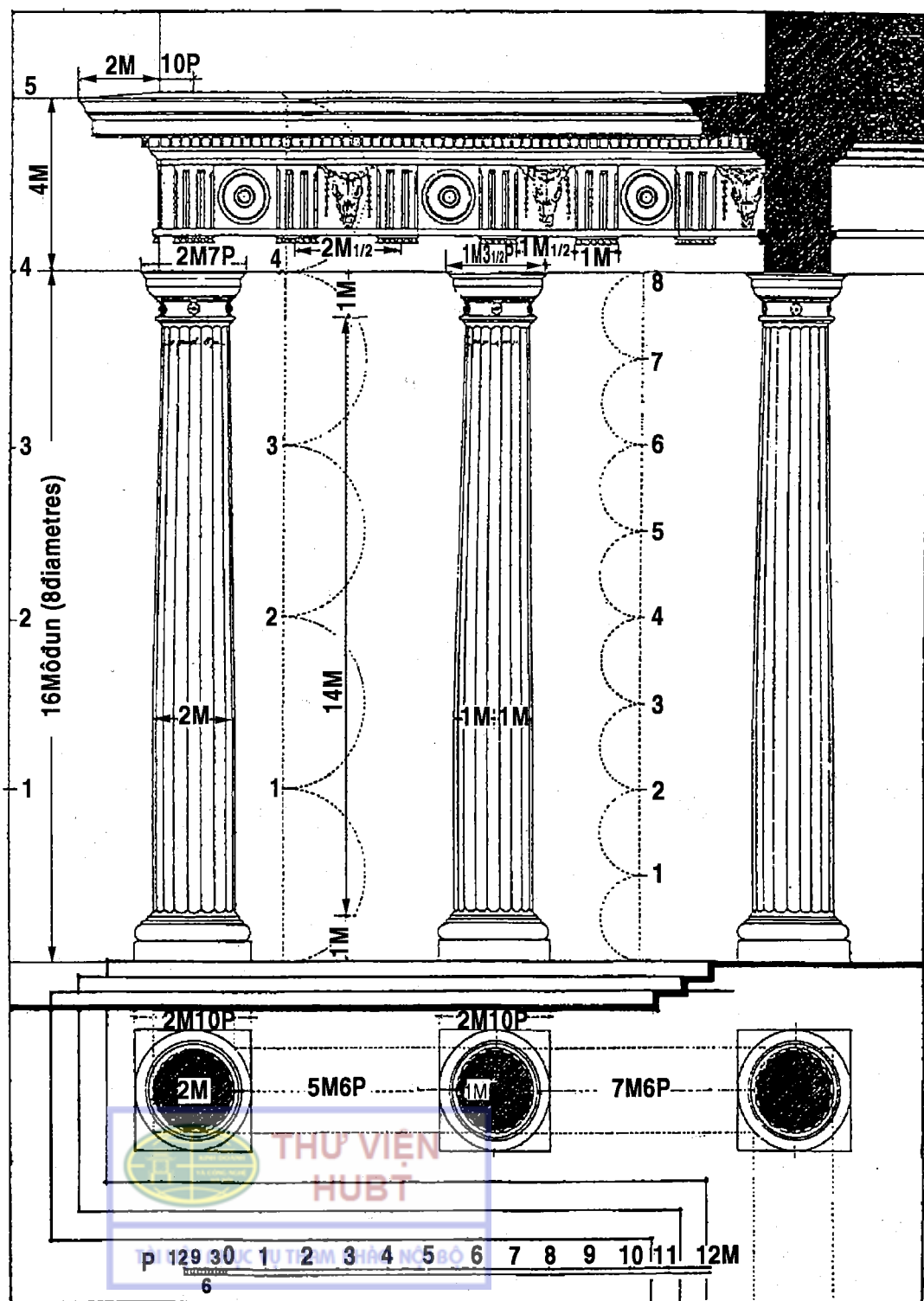
ĐỀN VỚI THỨC CỘT TOSCAN



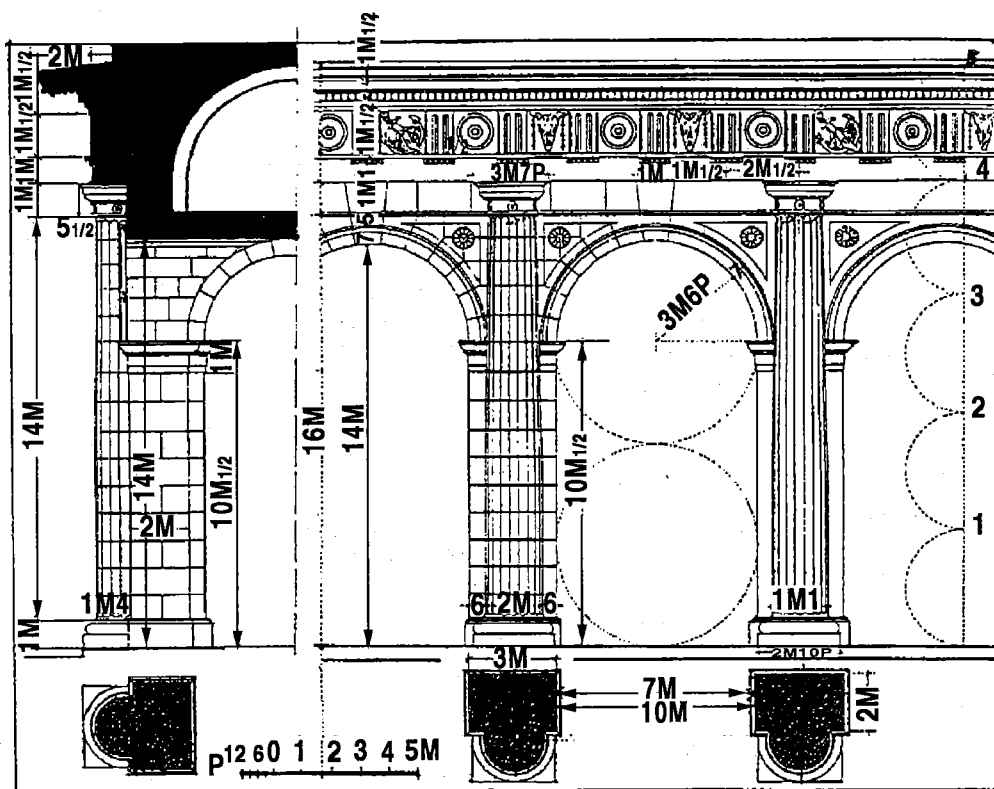
NGHIÊN CỨU MẶT ĐỨNG TRÊN ĐẦU CỘT TOSCAN



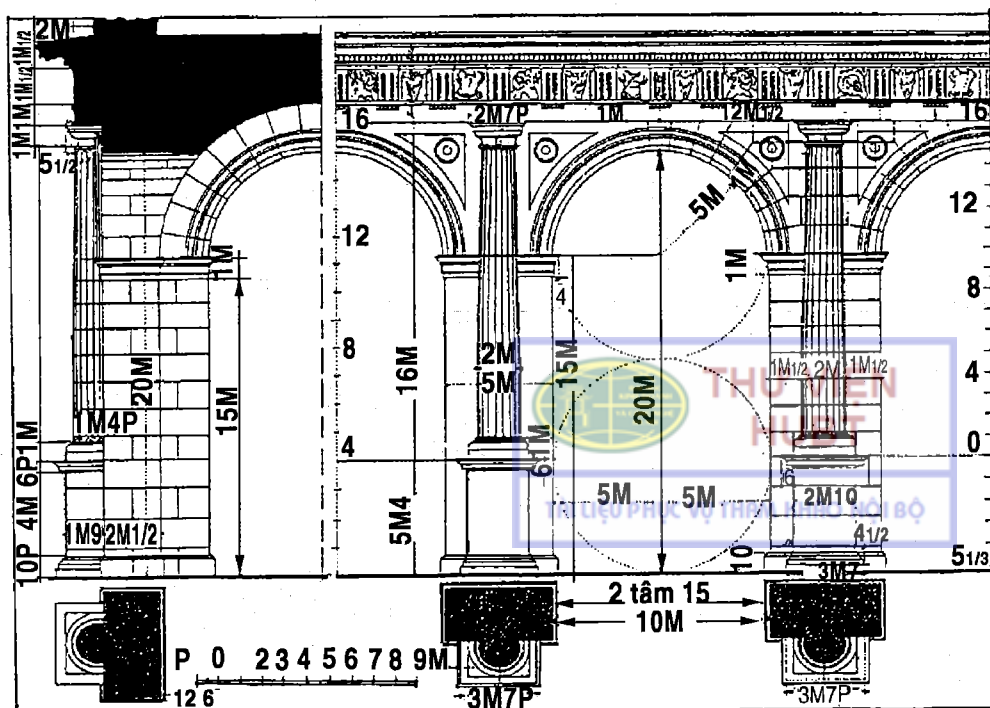
3. CẤU TRÚC HỆ THỐNG CỘT ĐÔRIQUE LA MÃ



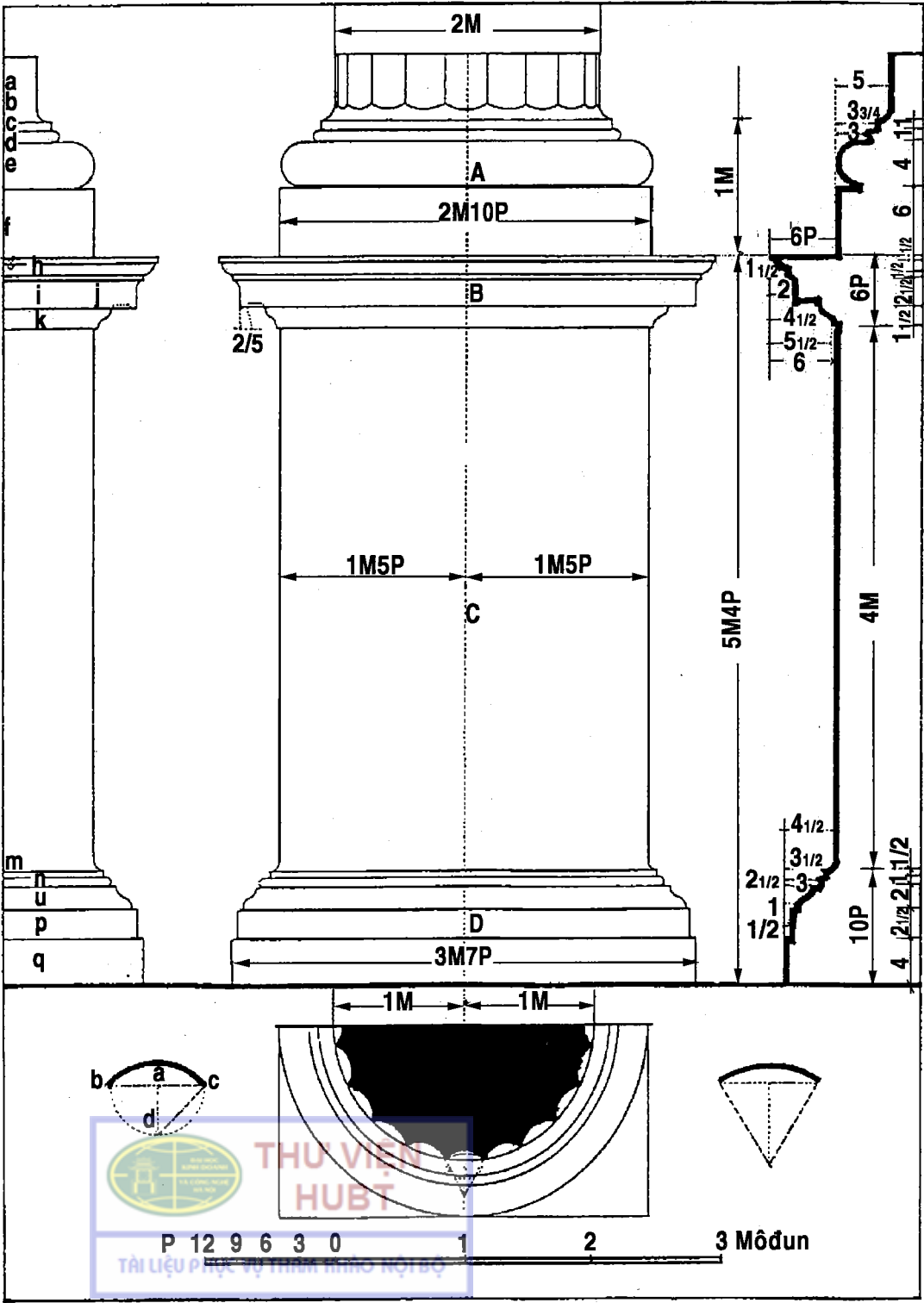
CÔNG THỨC CỘT ĐÔRIQUE KHÔNG BỆ



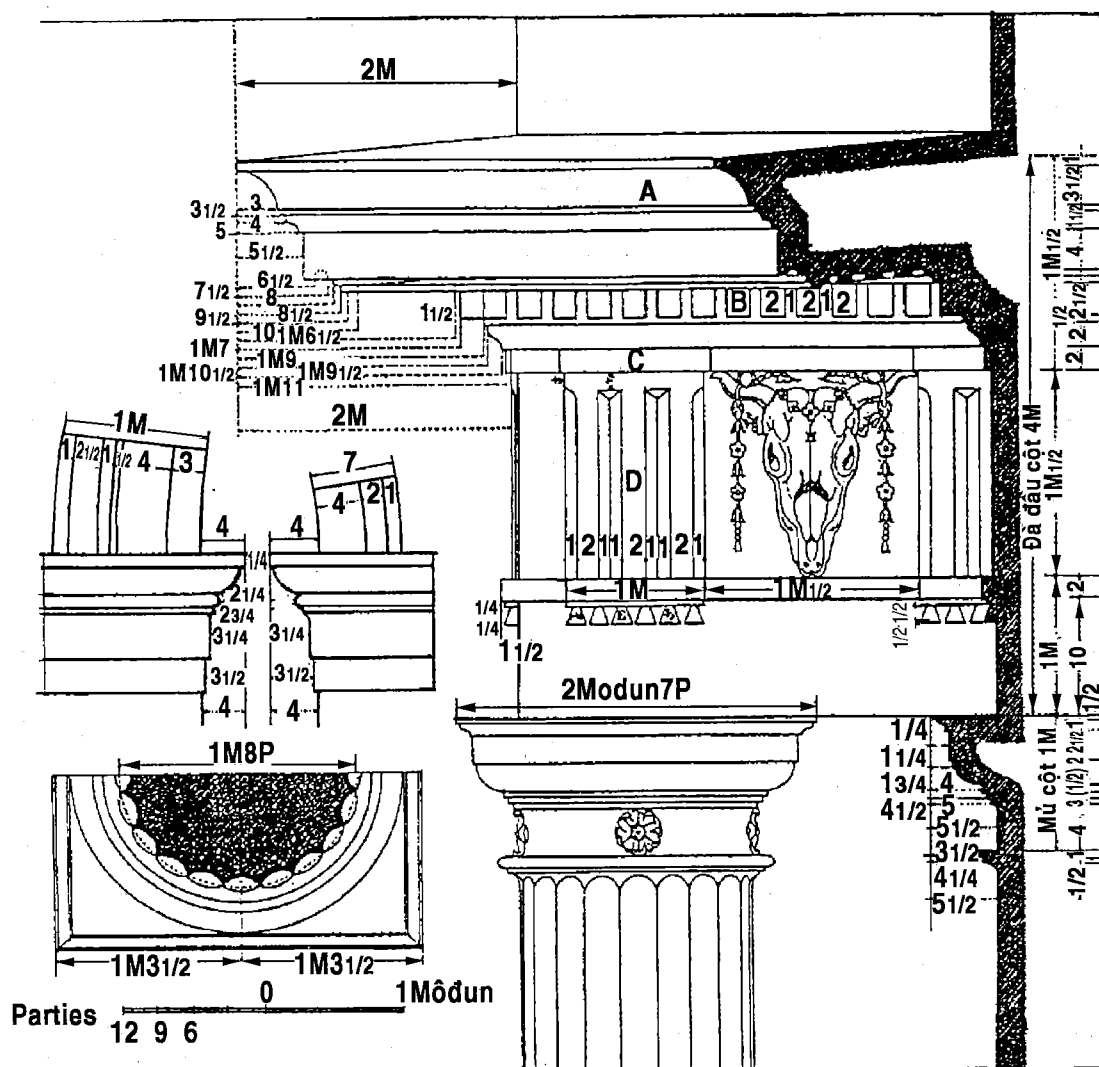
CÔNG THỨC CỘT ĐÔRIQUE CÓ BÊ



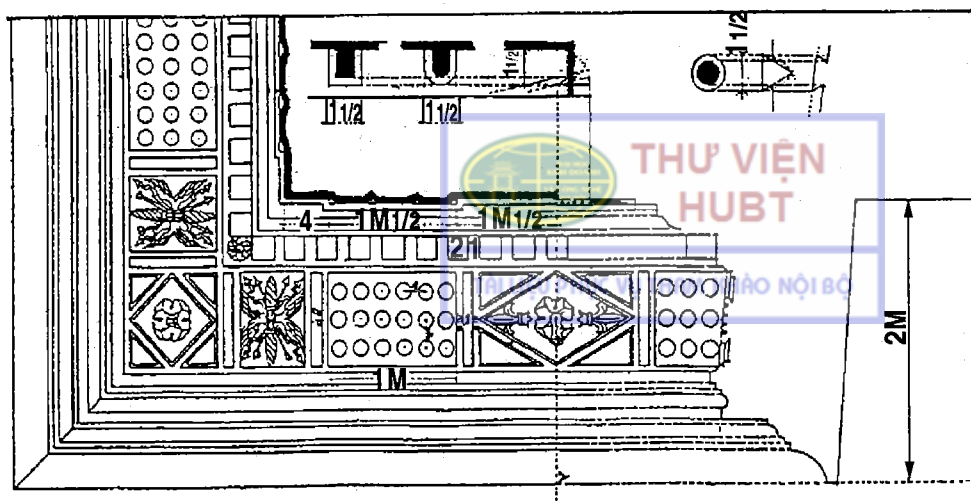
BÊ VÀ CHÂN CỘT ĐÔRIQUE



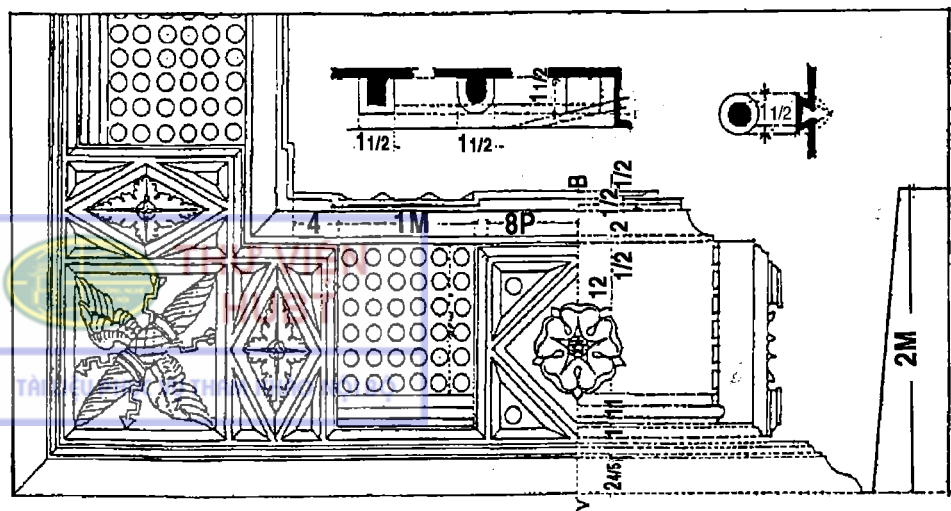
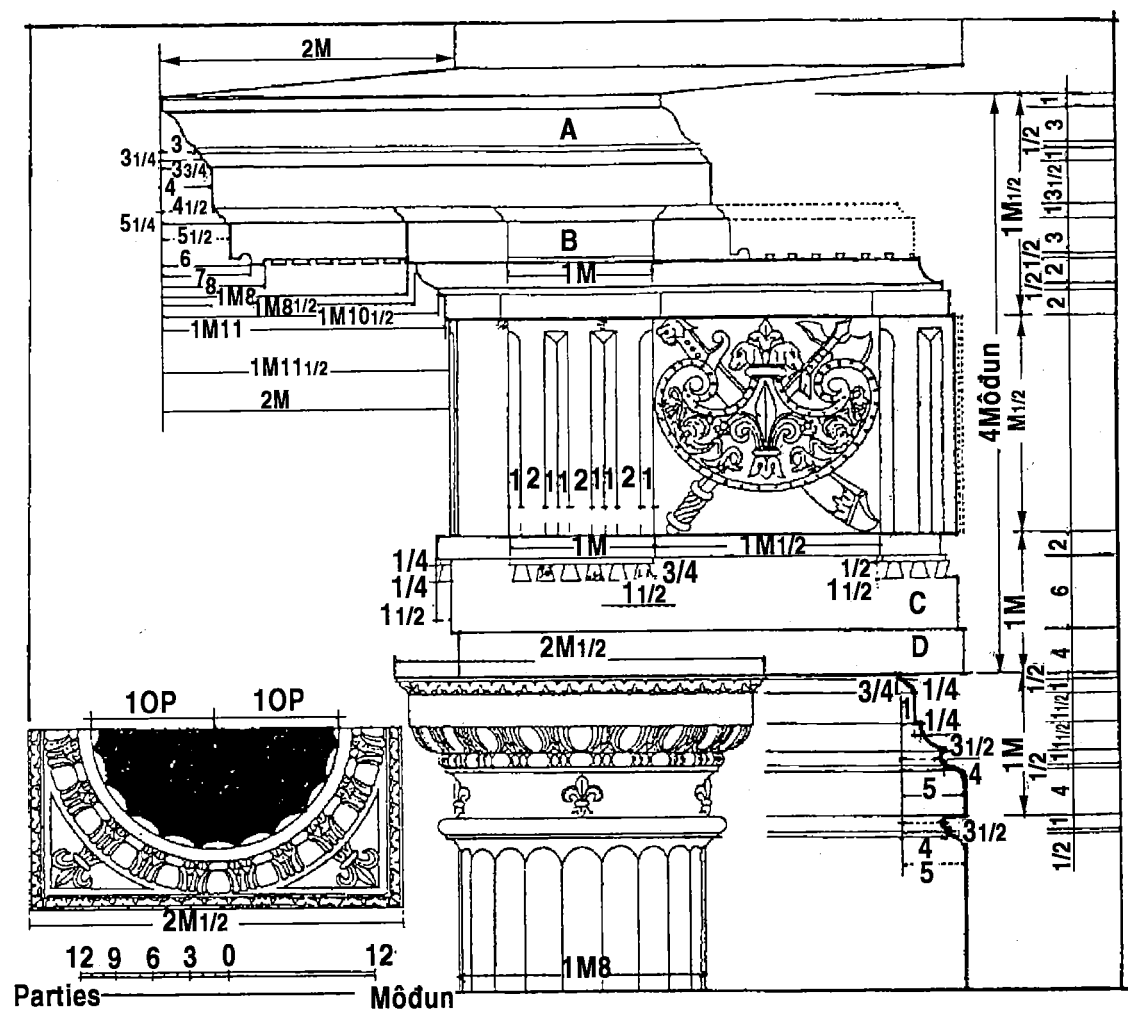
HIÊN MÁI, HIÊN MŨ CỘT ĐÔRIQUE RĂNG CỬA (DENTICULAIRE)



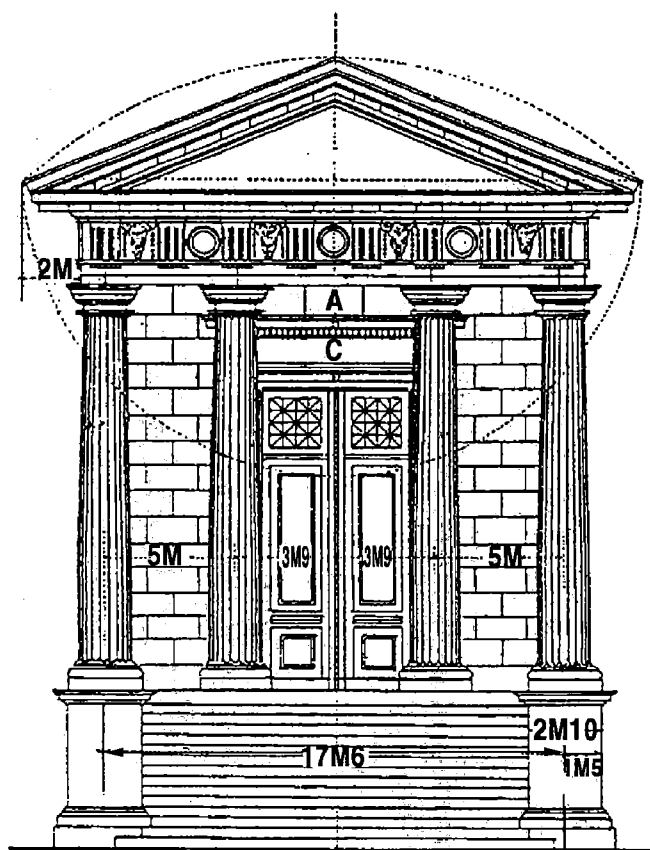
Trần mái hiên



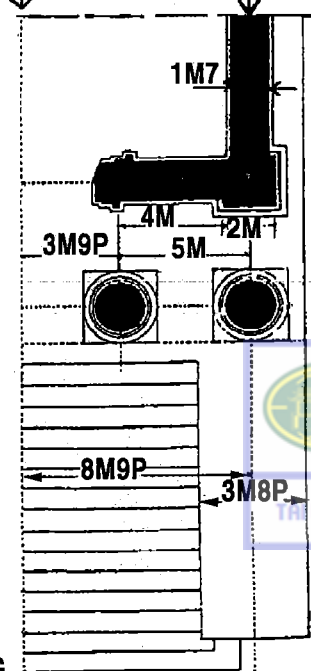
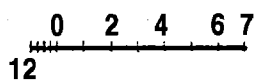
HIÊN MÁI, HIÊN MŨ CỘT ĐÔRIQUE MUTULAIRE



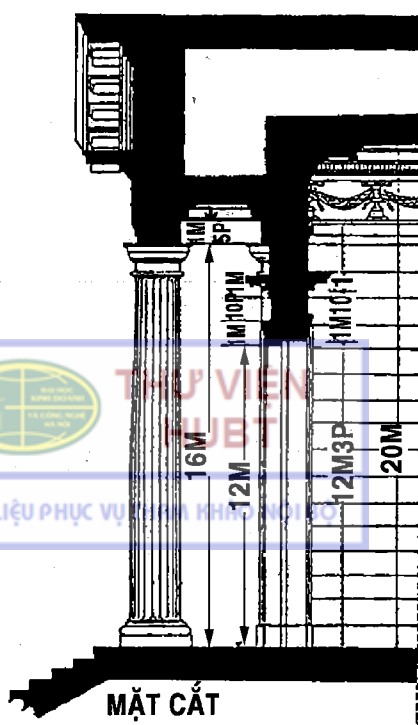
ĐỀN THỜ THỨC CỘT ĐÔRIQUE



MẶT ĐỨNG

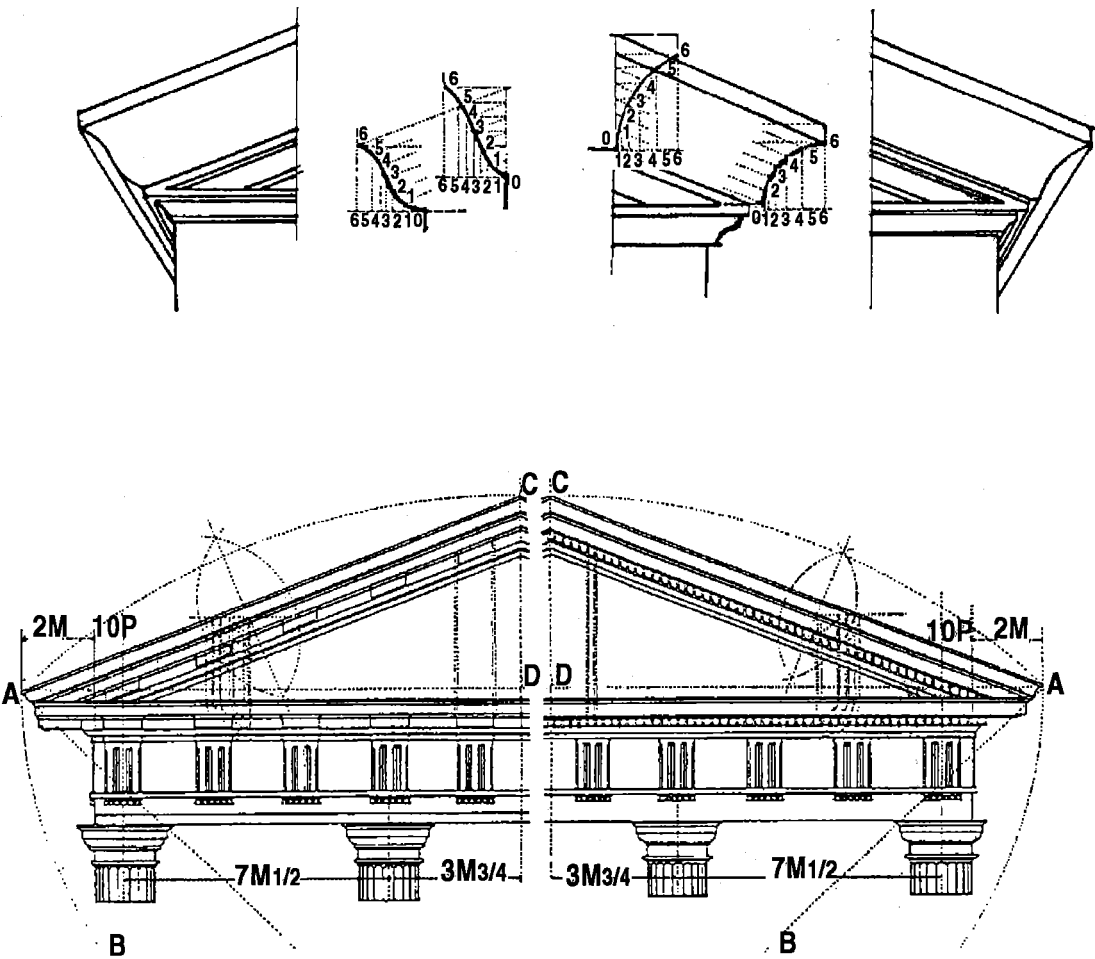


MẶT BẰNG

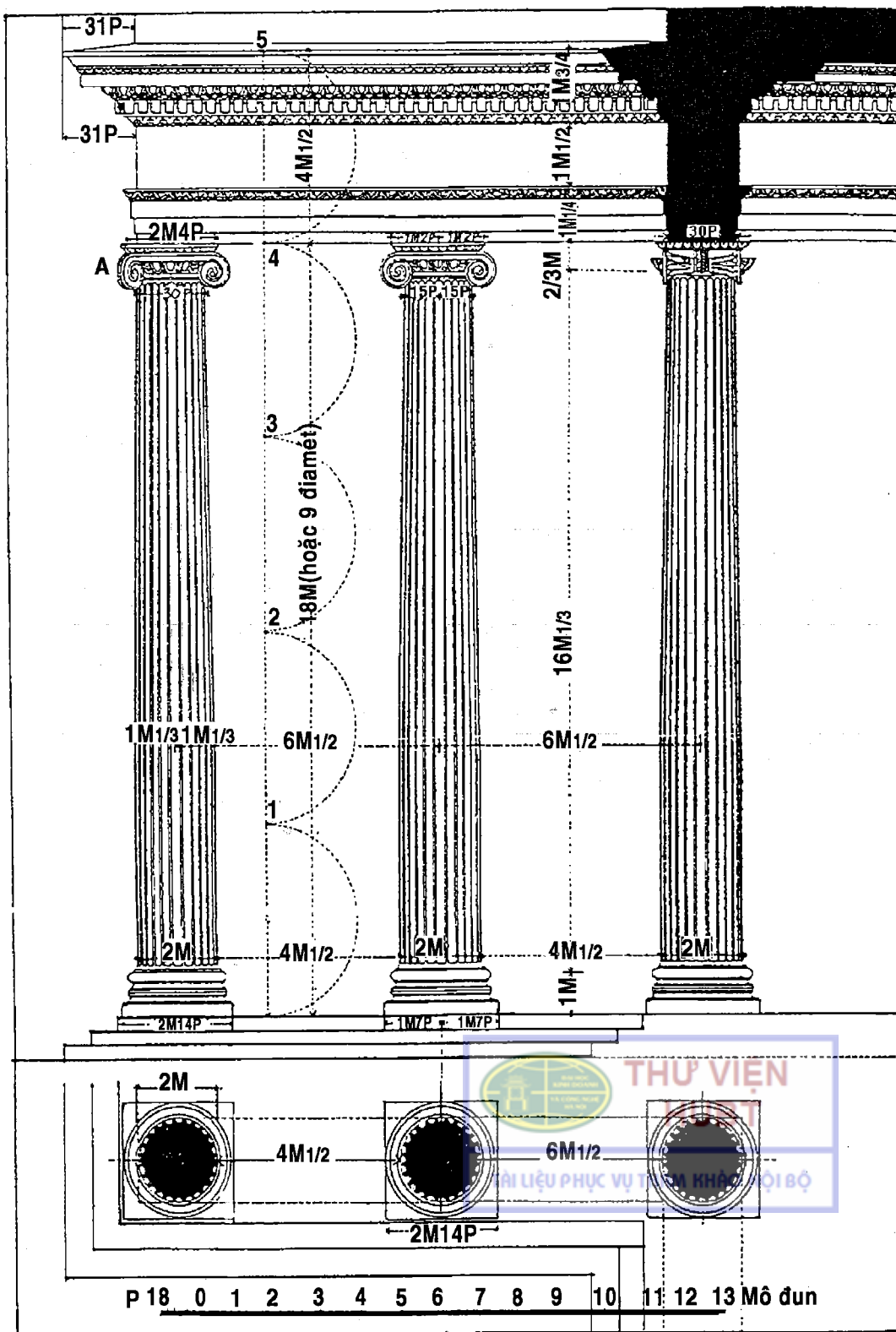


MẶT CẮT

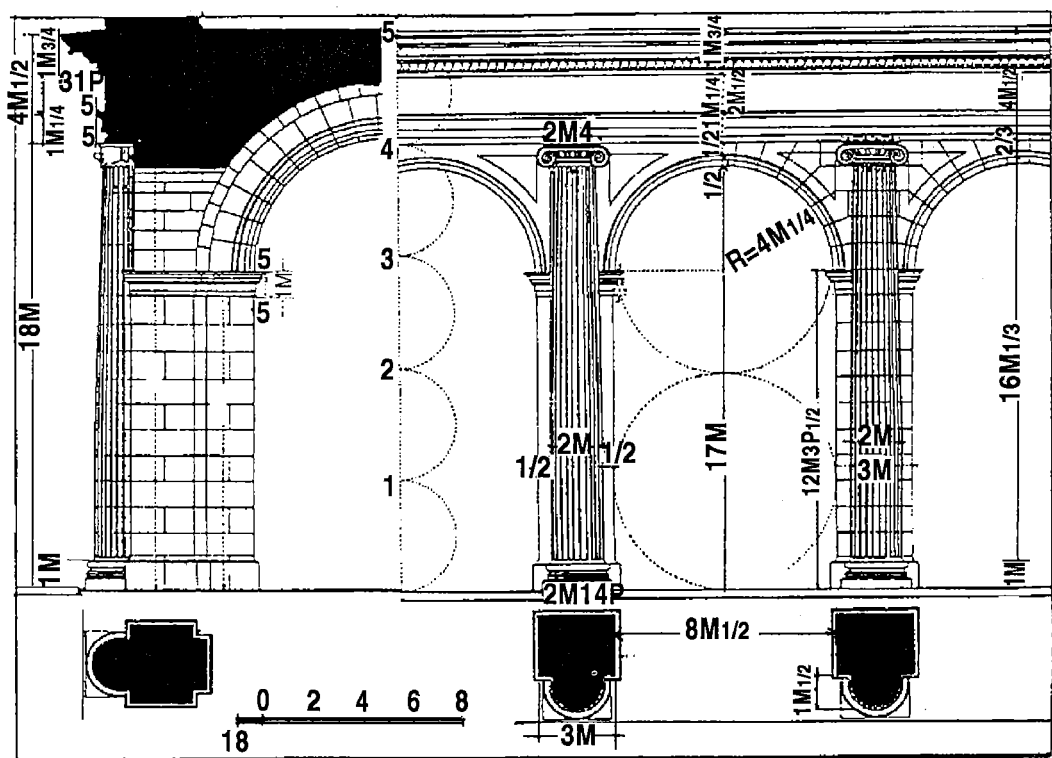
TÌM HIỂU MẶT ĐỨNG MÁI DỐC CỦA HỆ CỘT ĐÔRIQUE



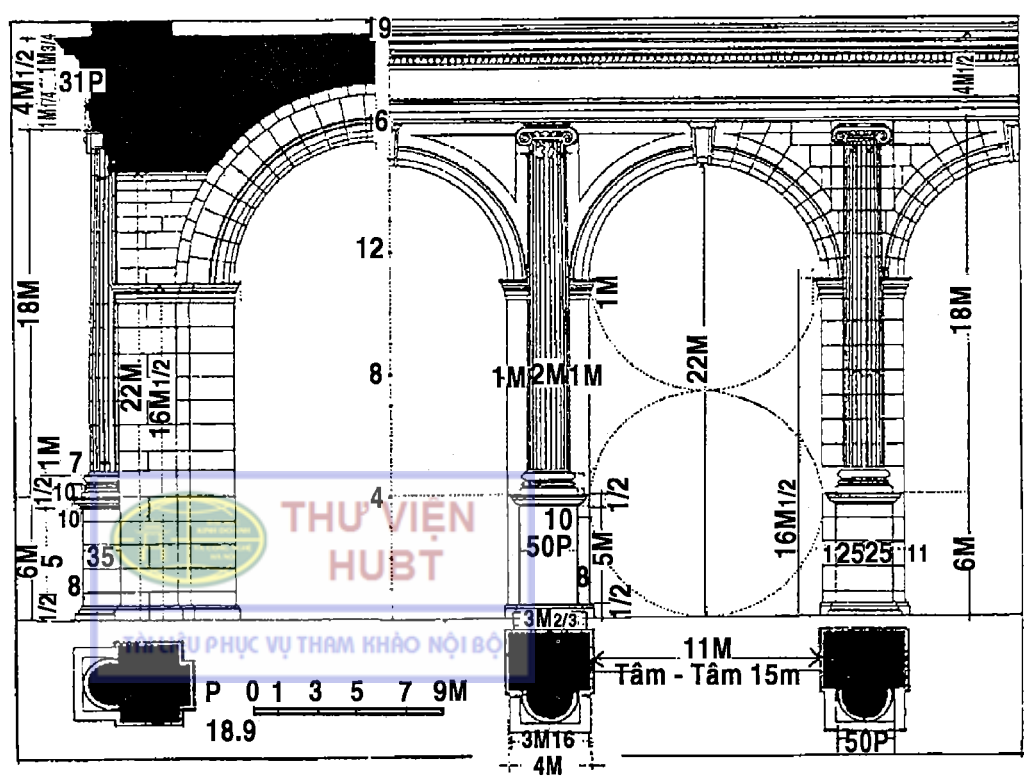
4. KHOẢNG CÁCH CỘT IÔNIQUE LA MÃ



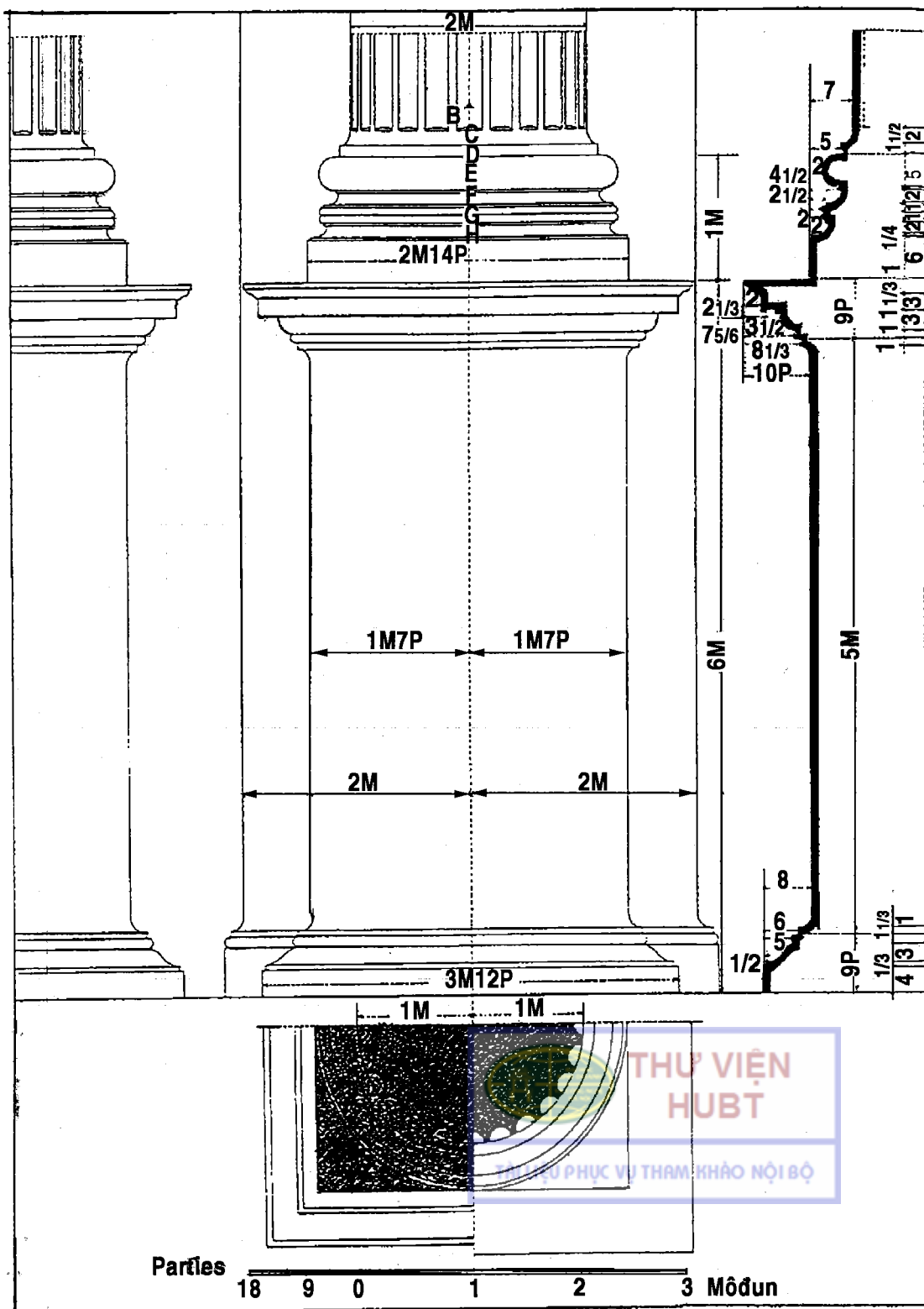
CÔNG THỨC CỘT IÔNIQUE KHÔNG CÓ BÊ CỘT



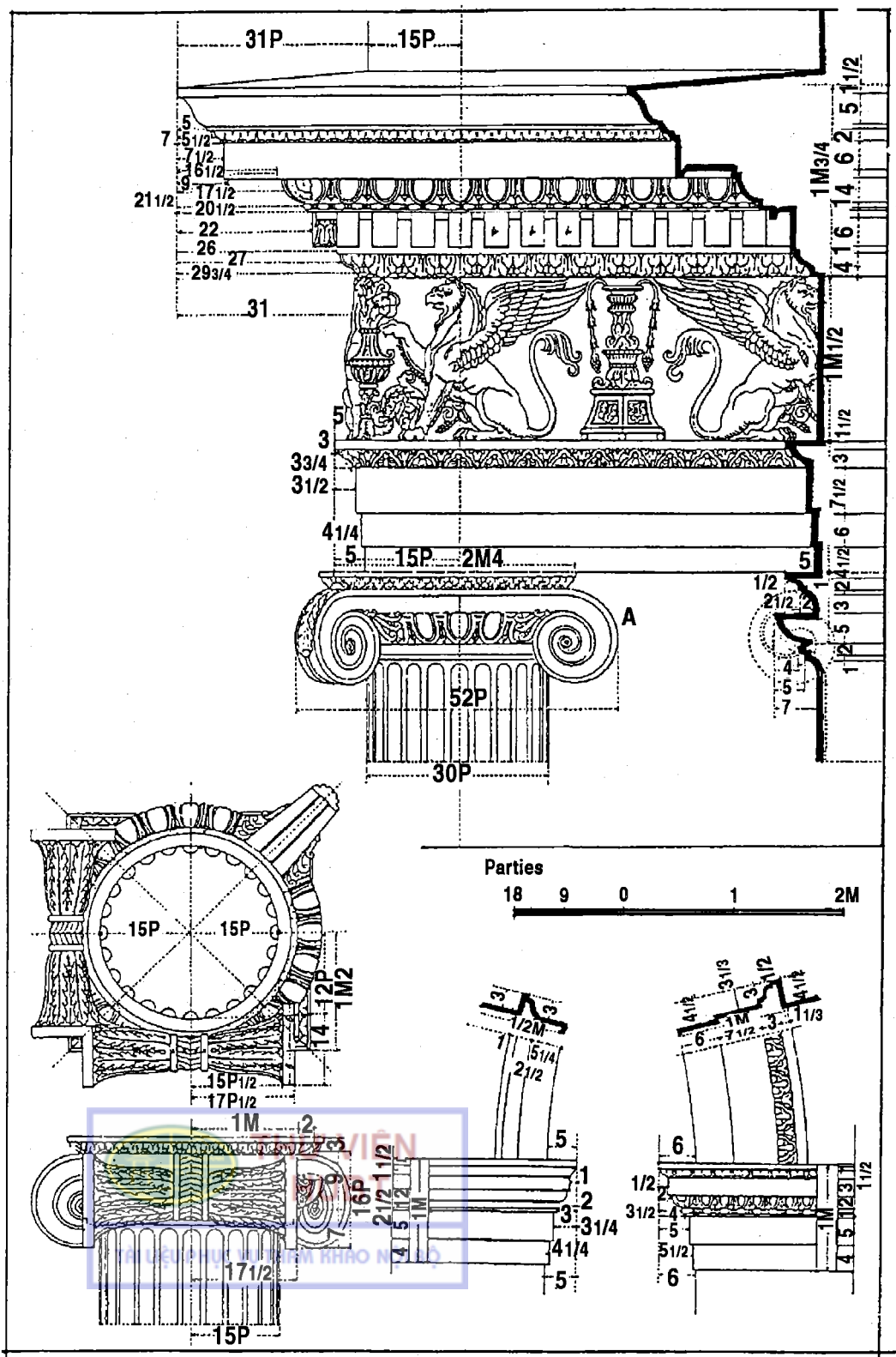
CÔNG THỨC CỘT IÔNIQUE CÓ BÊ CỘT

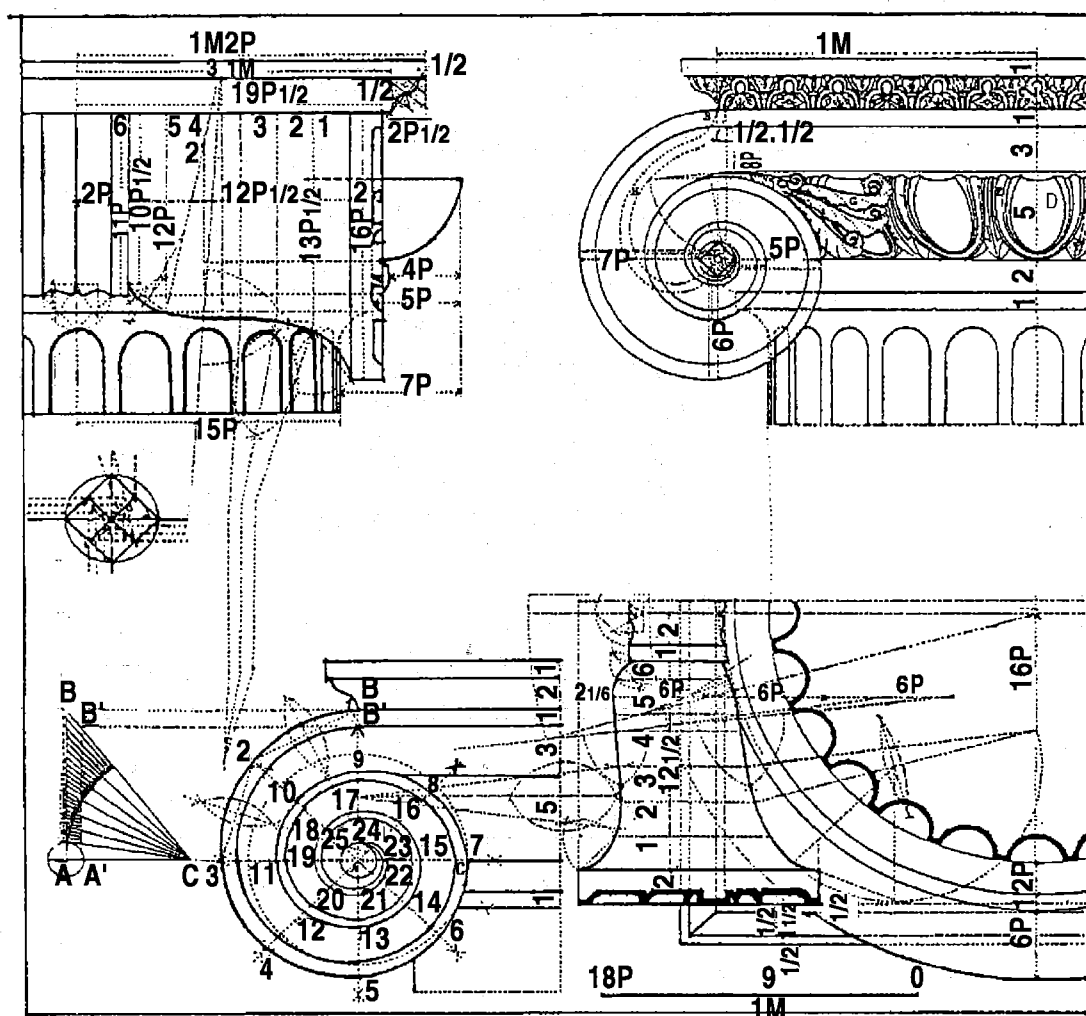


BỆ VÀ CHÂN CỘT LÔNIQUE



MŨ VÀ ĐỆM TRÊN ĐẦU CỘT IÔNIQUE

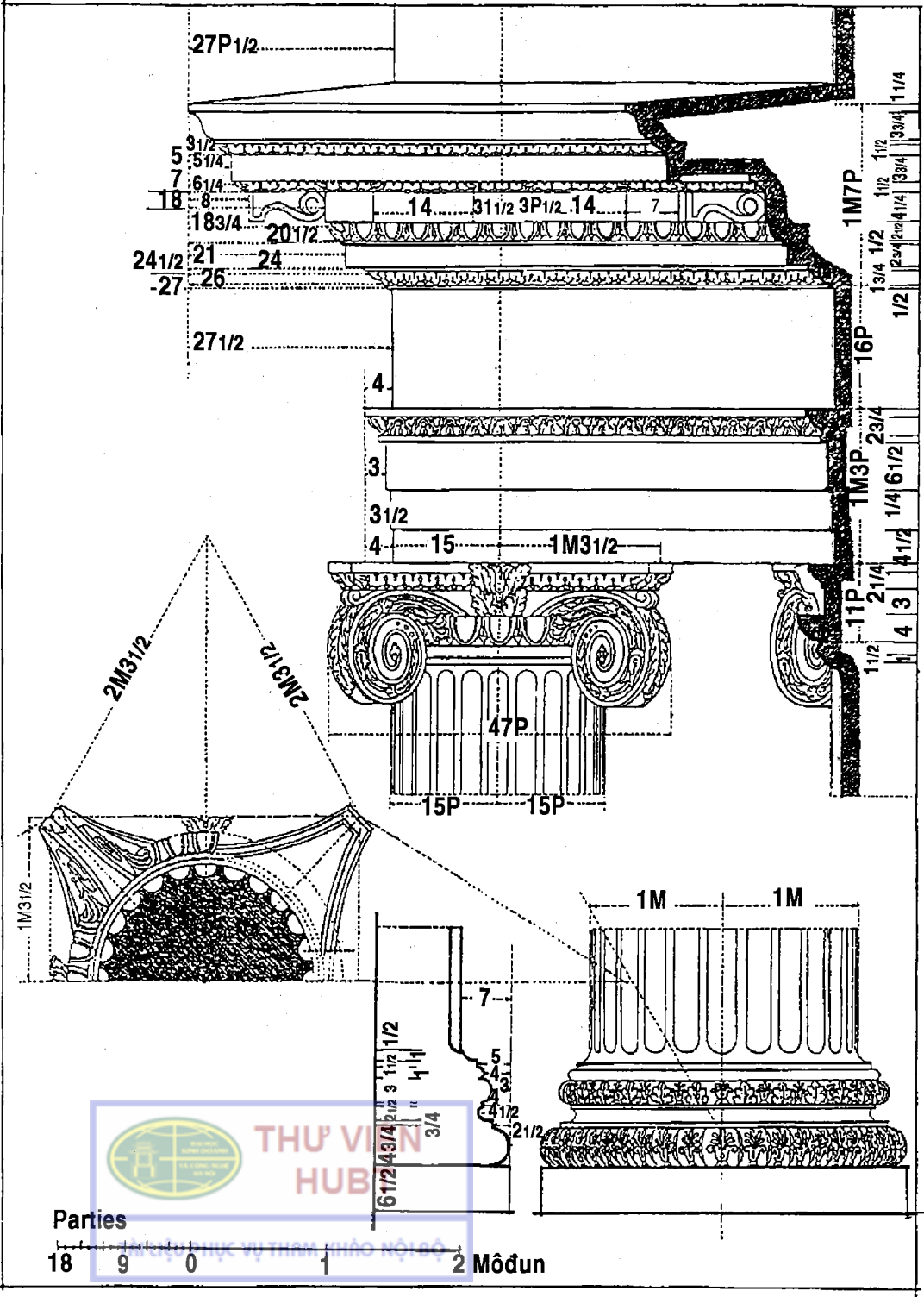




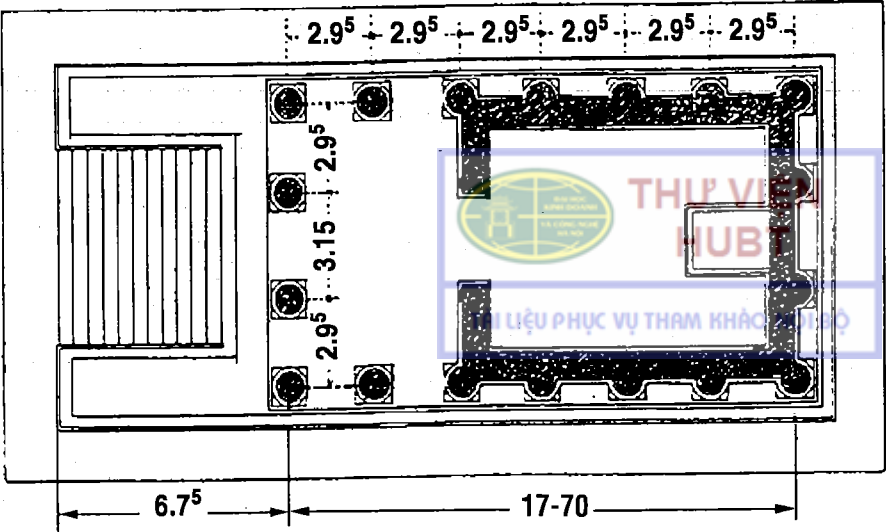
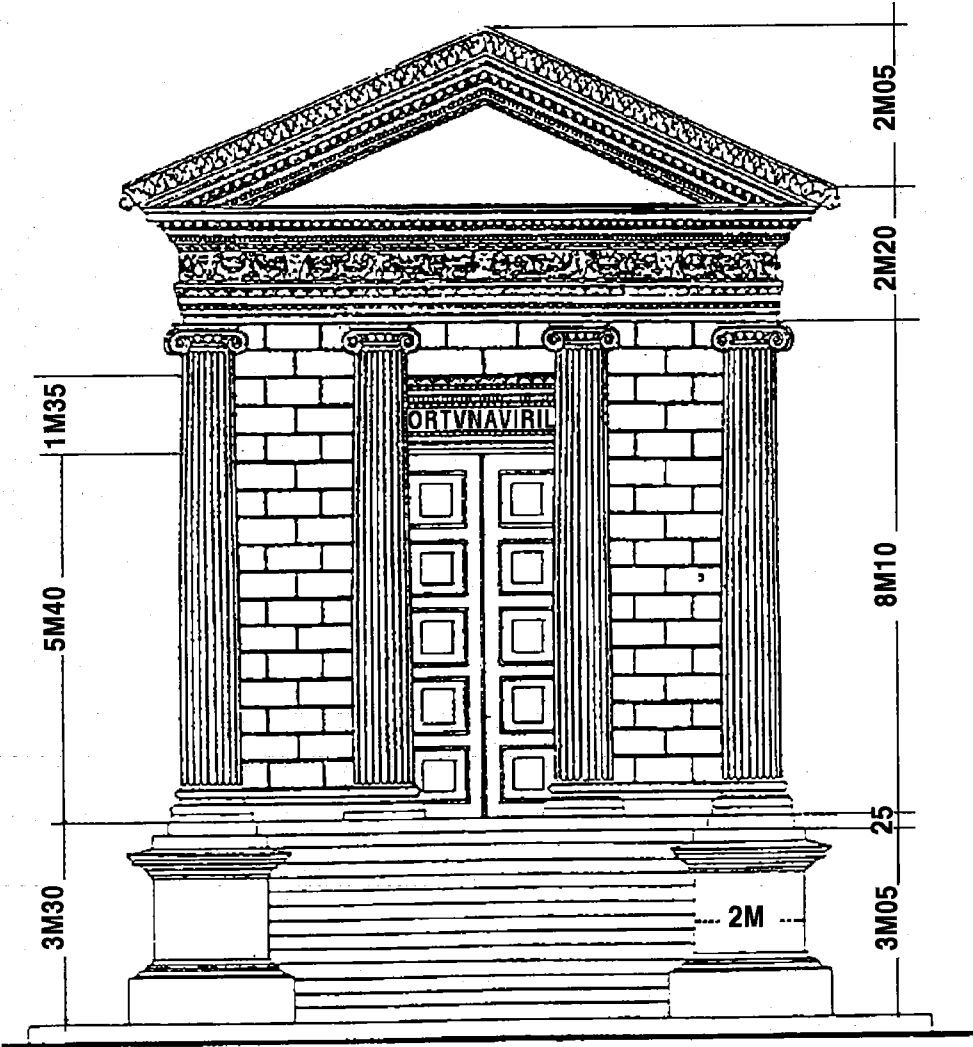
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

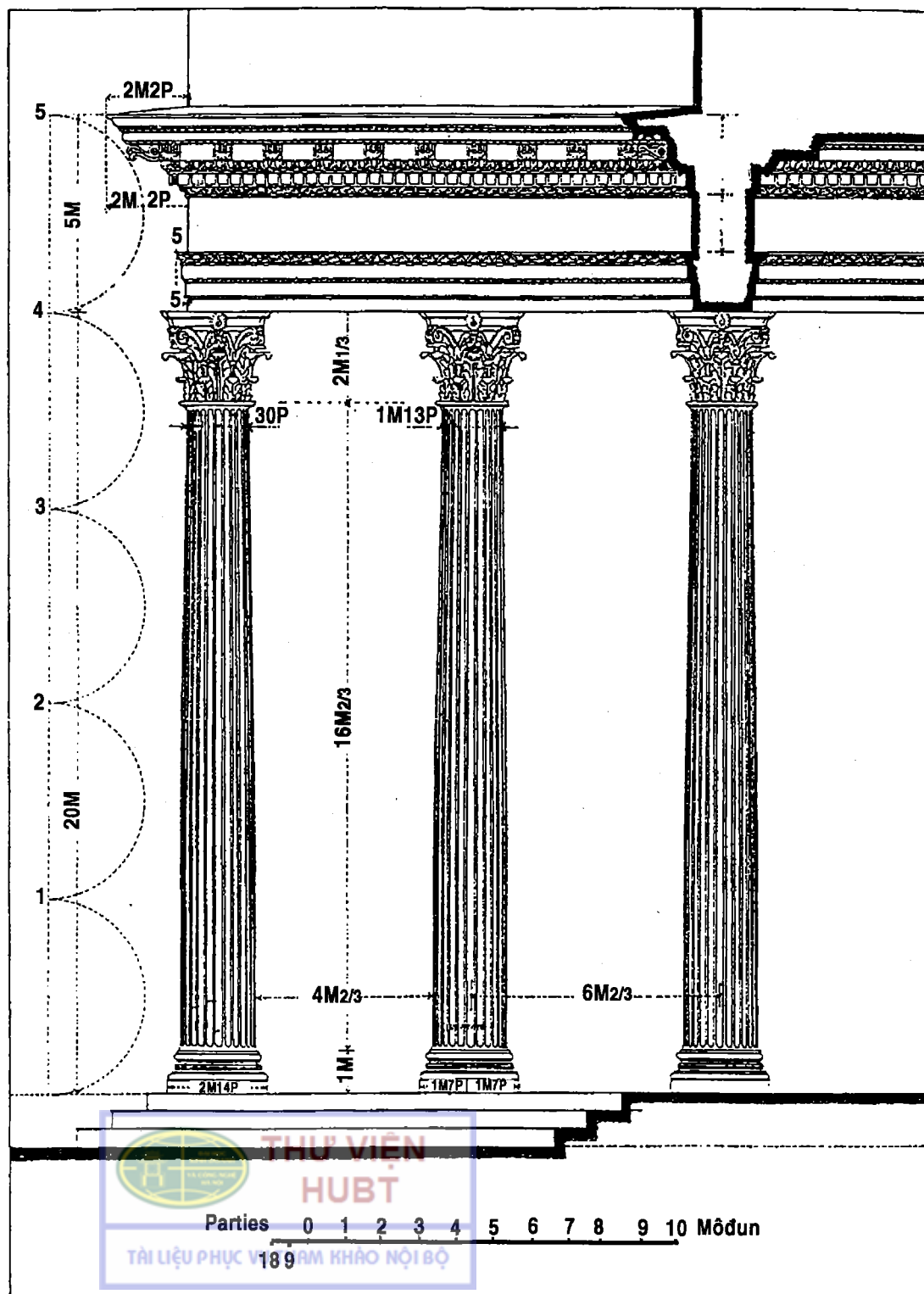
MŨ VÀ MÁI TRÊN ĐẦU CỘT IÔNIQUE



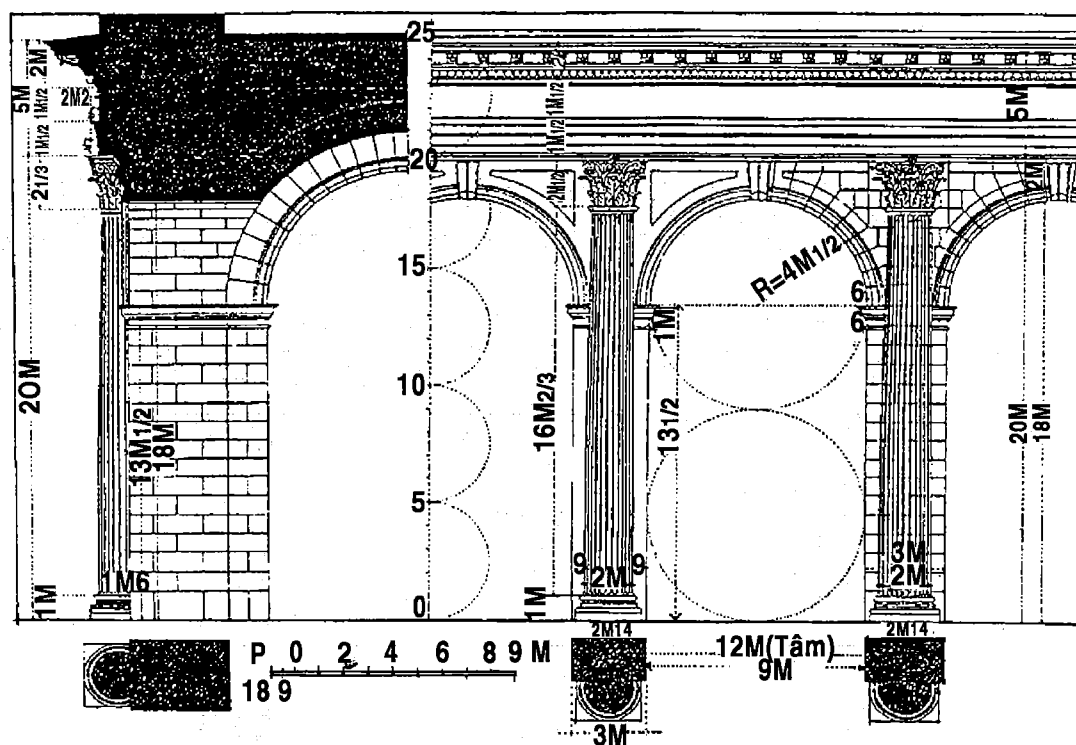
ĐỀN THỜ NIỀM HẠNH PHÚC HÙNG TRẮNG Ở ROME



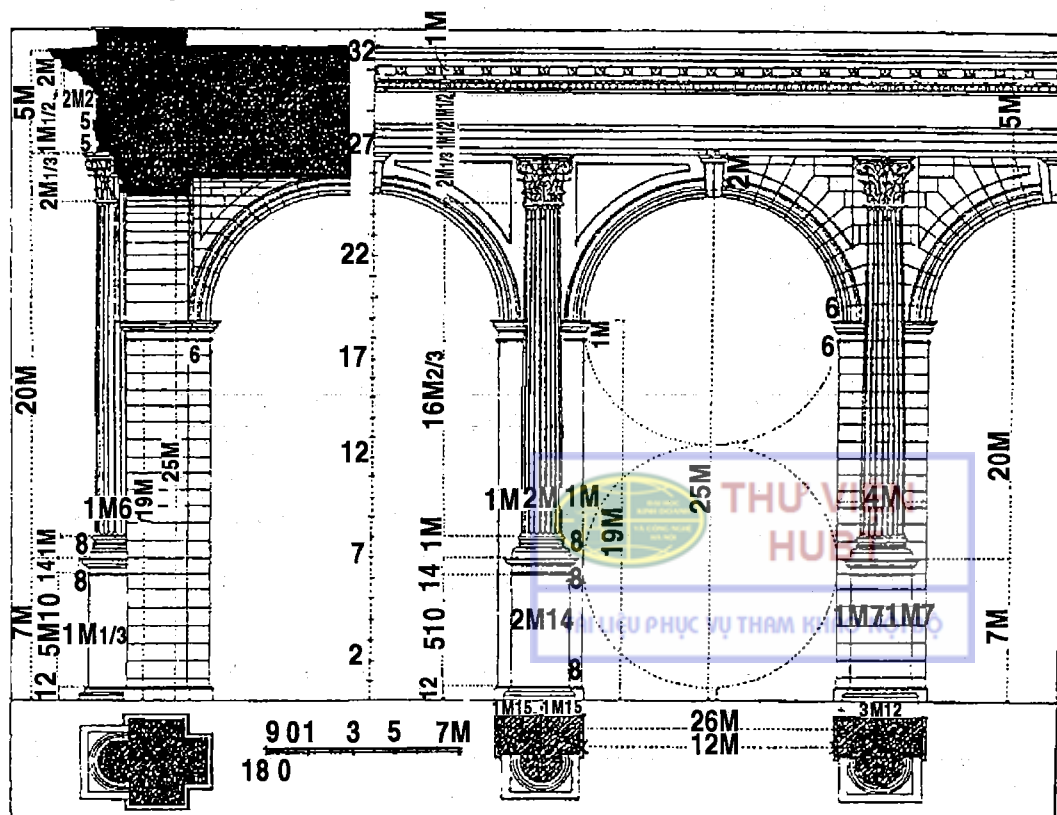
5. KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC CỘT CORINTHIEN LA MÃ



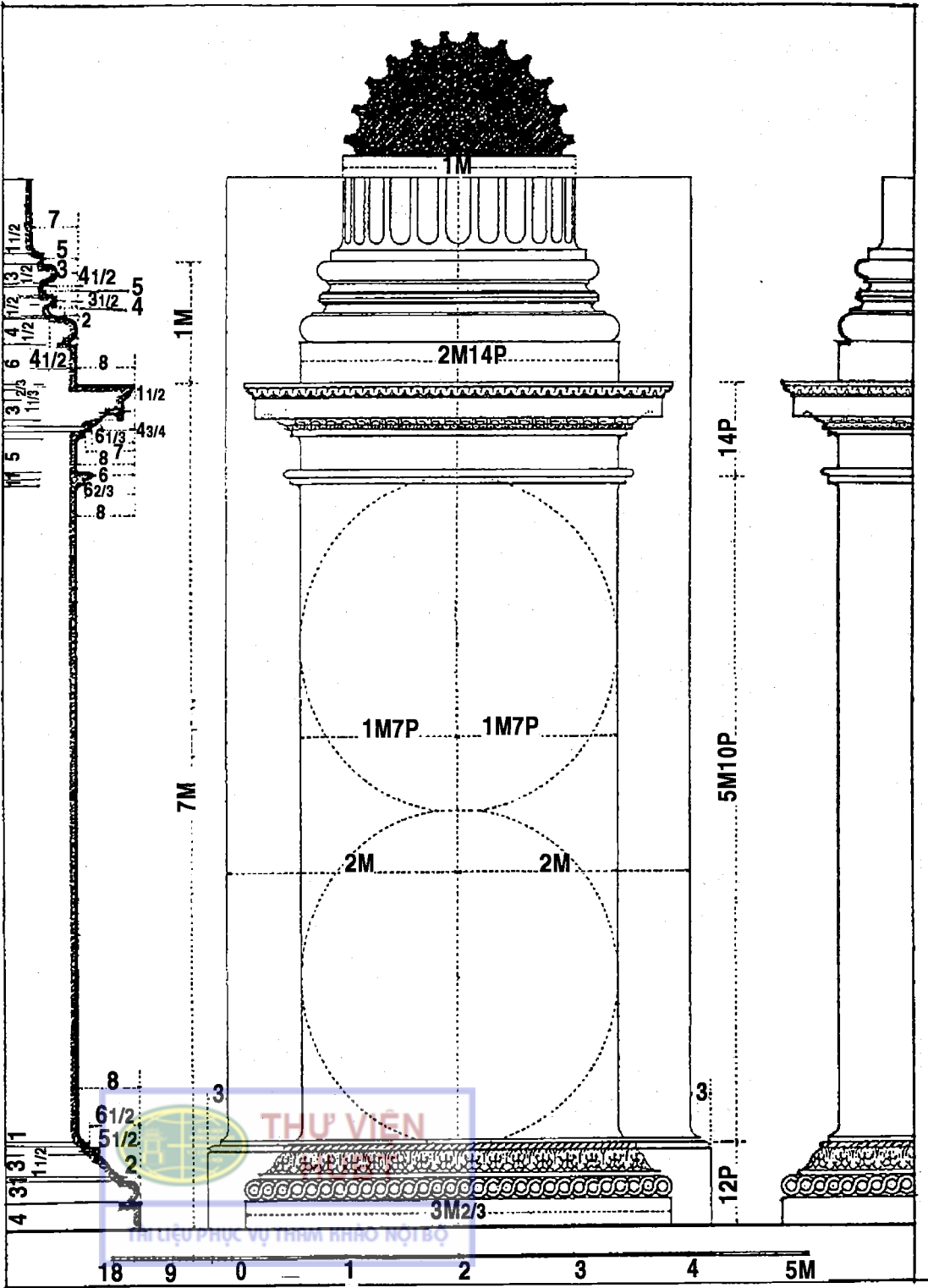
CÔNG THỨC CỘT CORINTHIEN KHÔNG BỆ



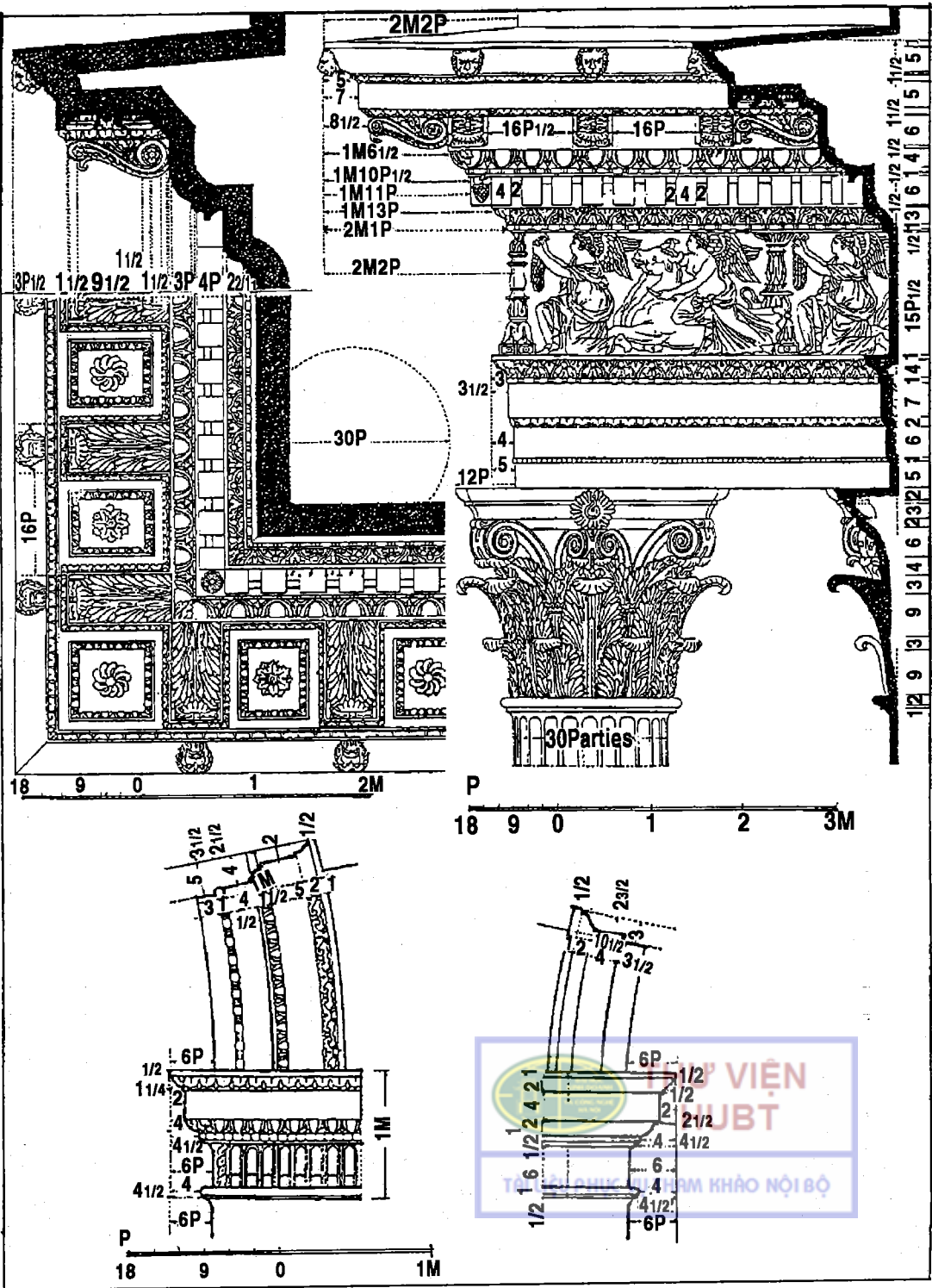
CÔNG THỨC CỘT CORINTHIEN CÓ BỆ



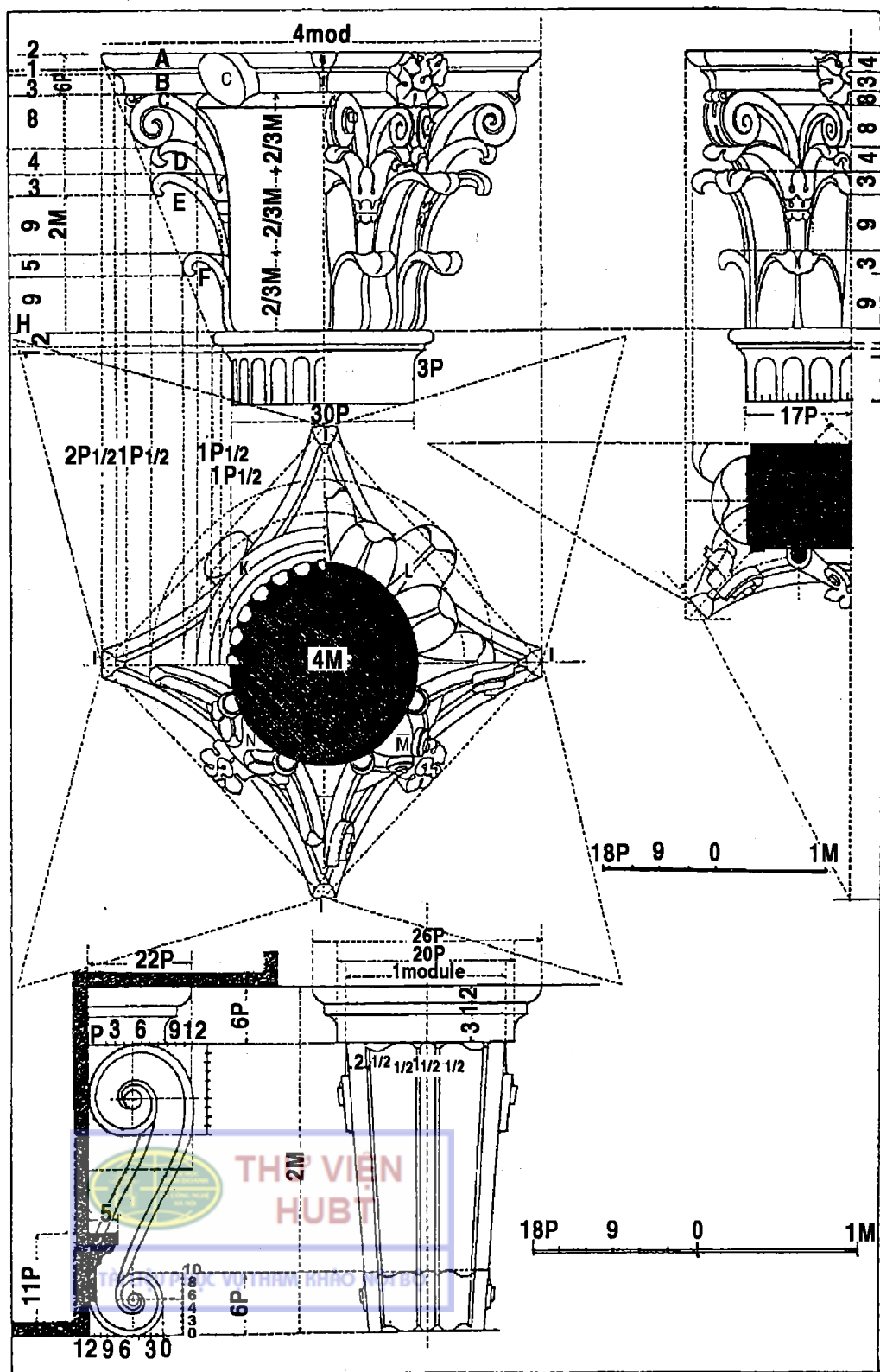
BỆ VÀ CHÂN CỘT CÔRINTHIEN



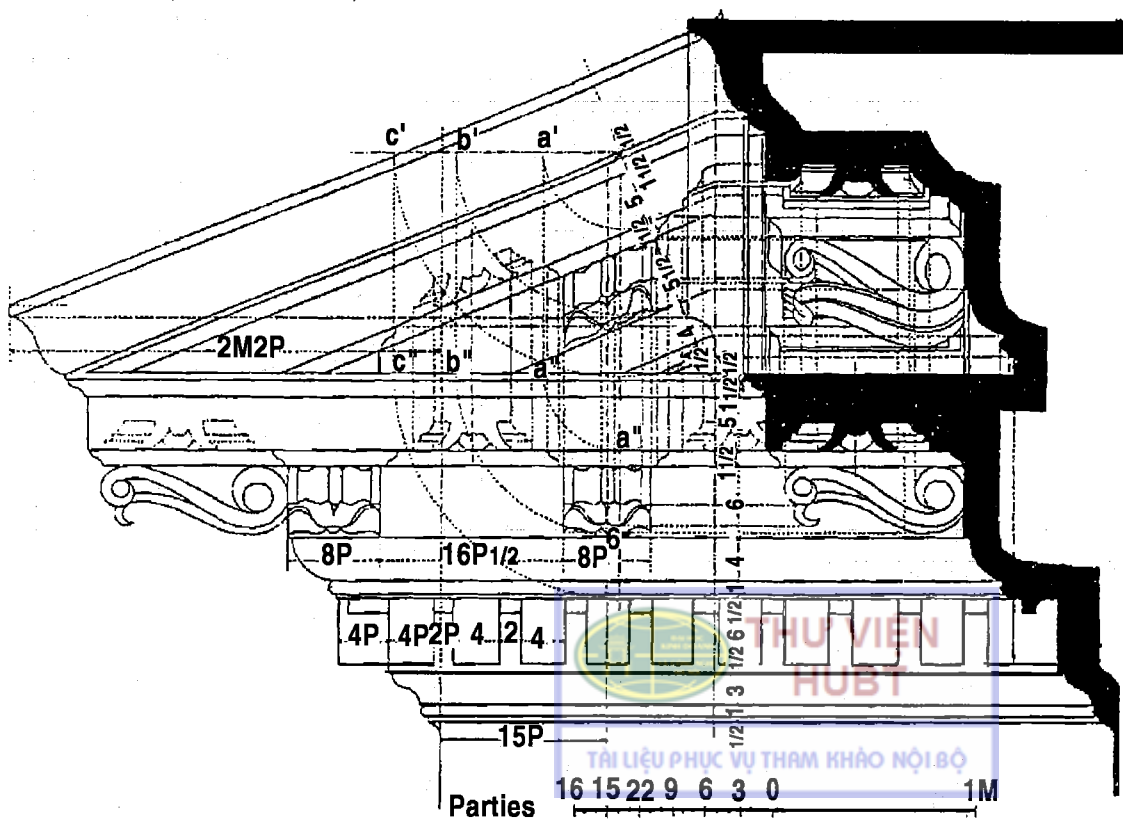
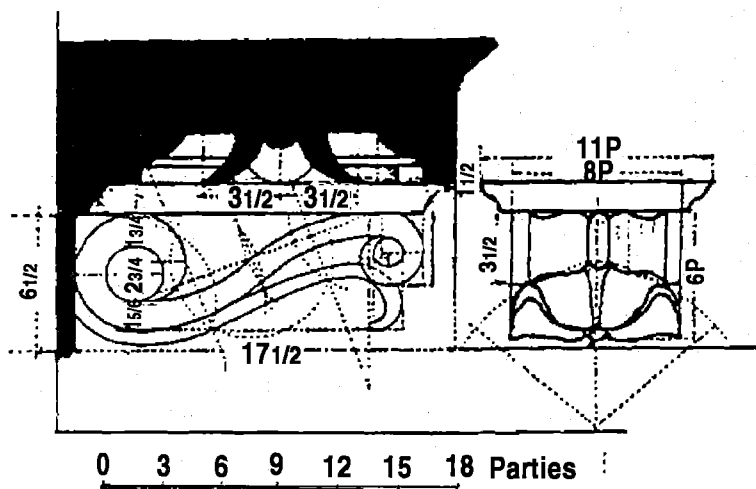
MŨ VÀ MÁI TRÊN ĐẦU CỘT CÔRINTHIEN



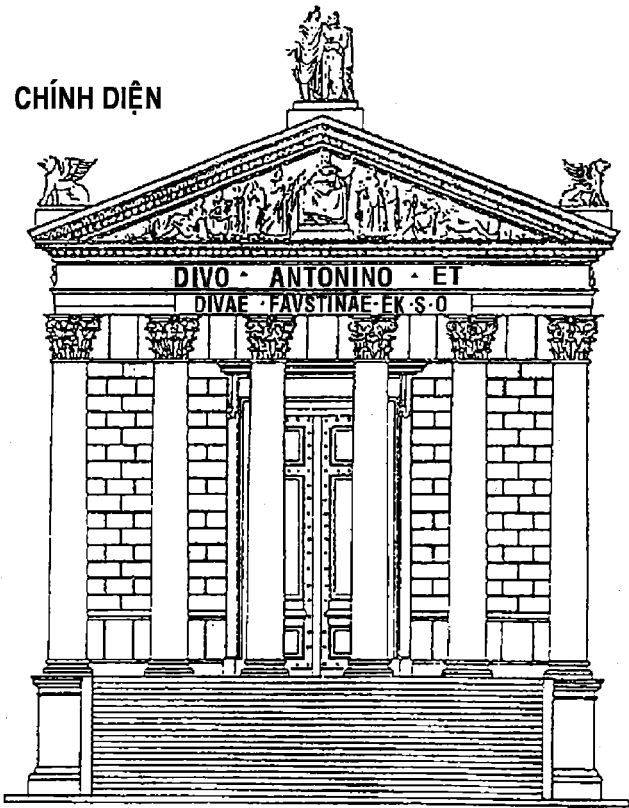
NGHIÊN CỨU MŨ CỘT CÔRINTHIEN



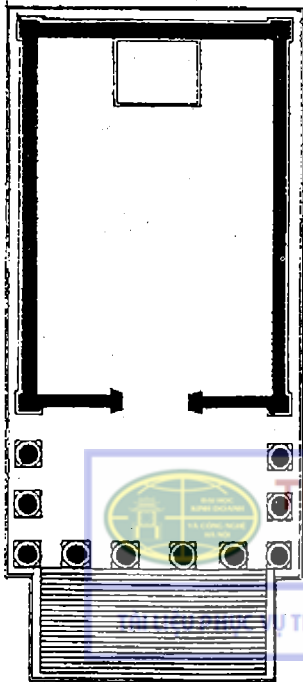
MẶT ĐỨNG ĐẦU CỘT CÔRINTHIEN



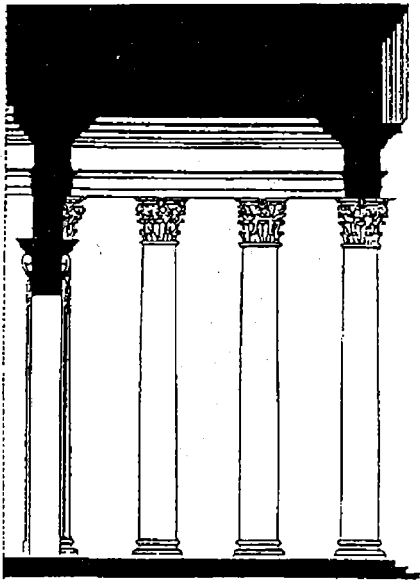
CHÍNH DIỆN



MẶT BẰNG

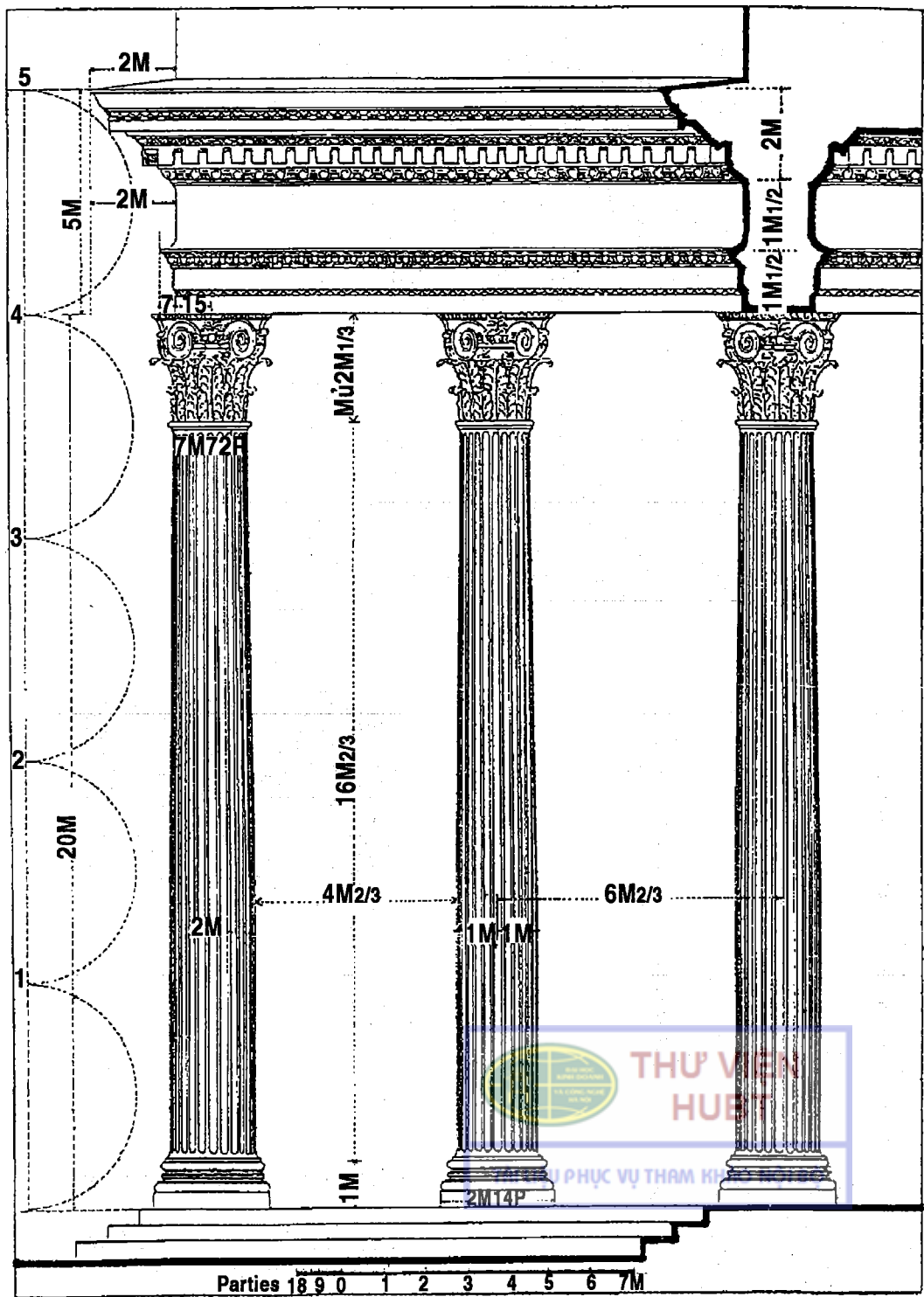


MẶT CẮT

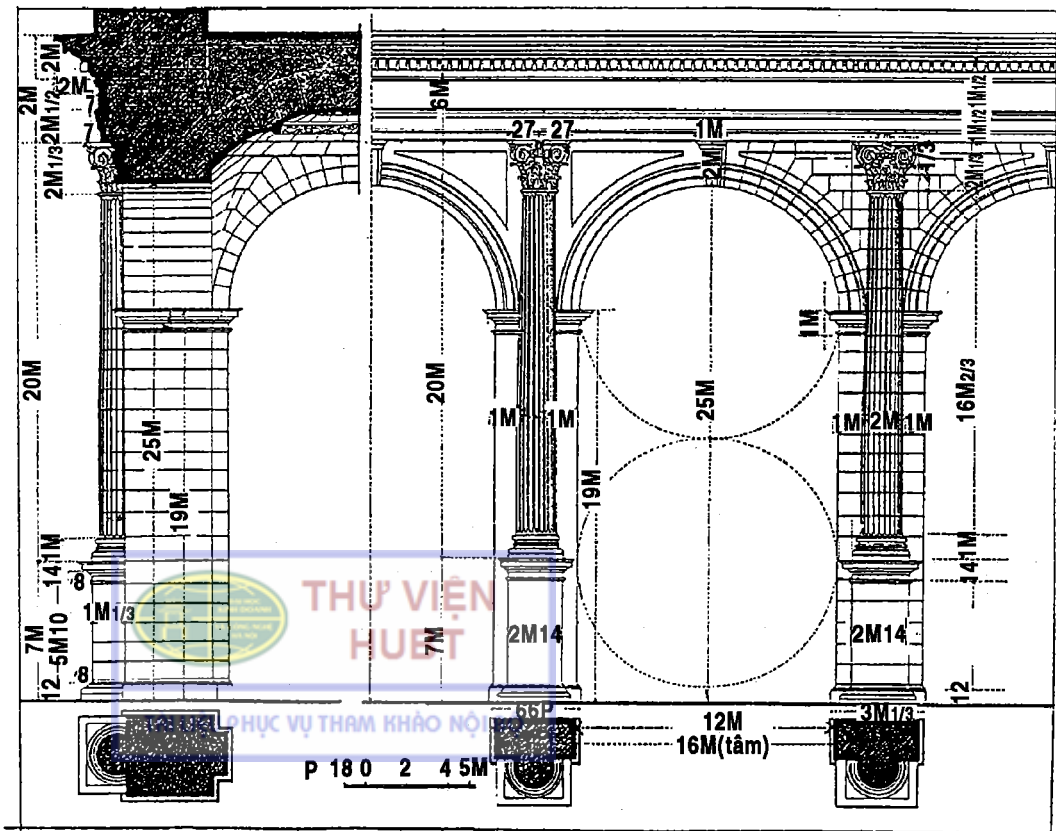
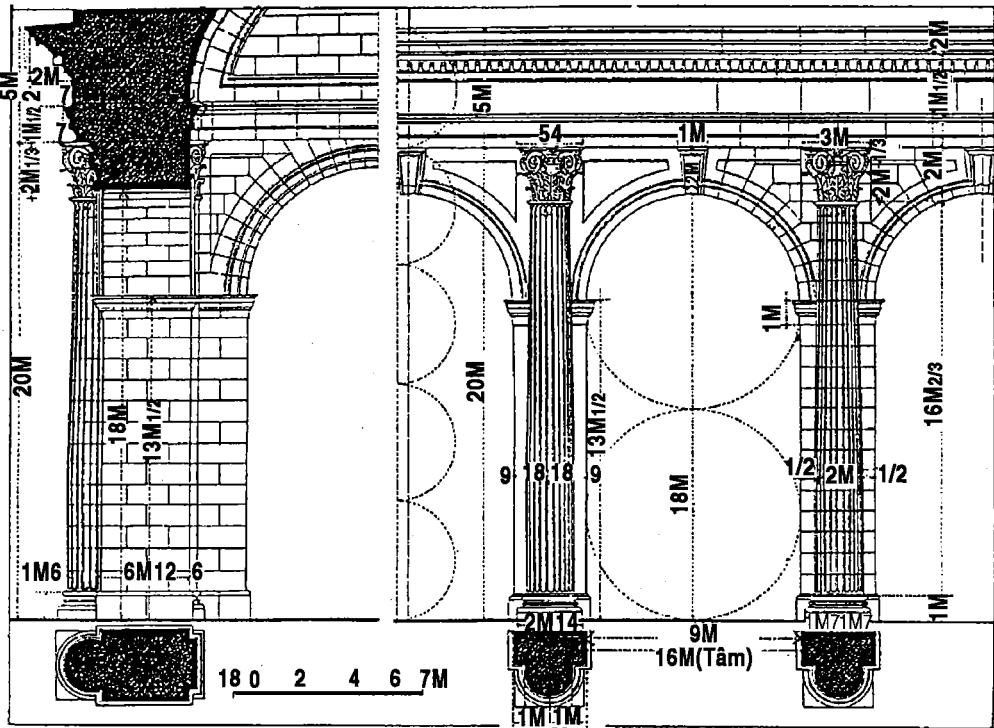


1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Metres	15
Cho mặt đứng, mặt cắt											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	20 Metres	30
Cho mặt bằng											

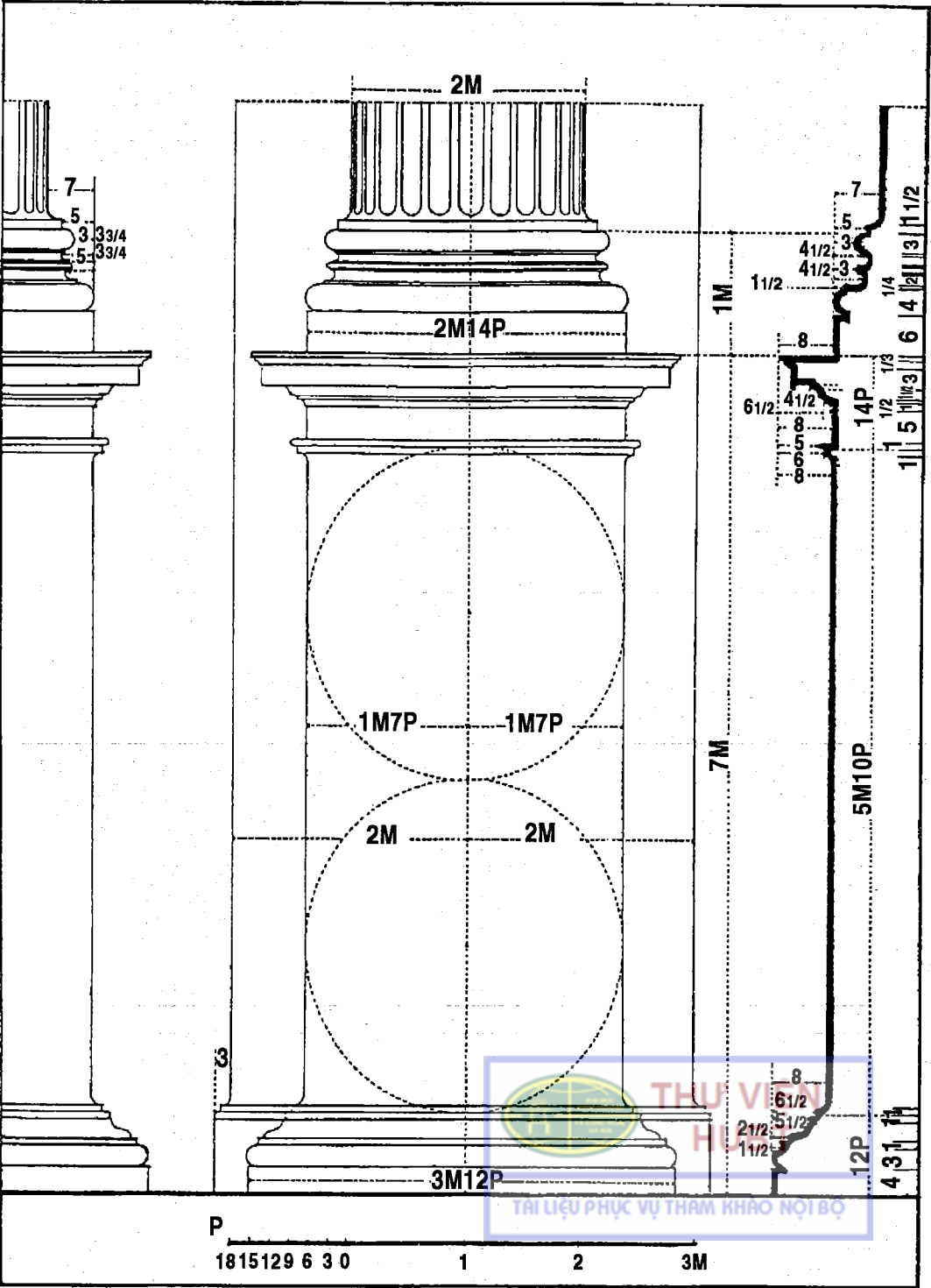
6. KHOẢNG CÁCH CỘT COMPOSITE LA MÃ



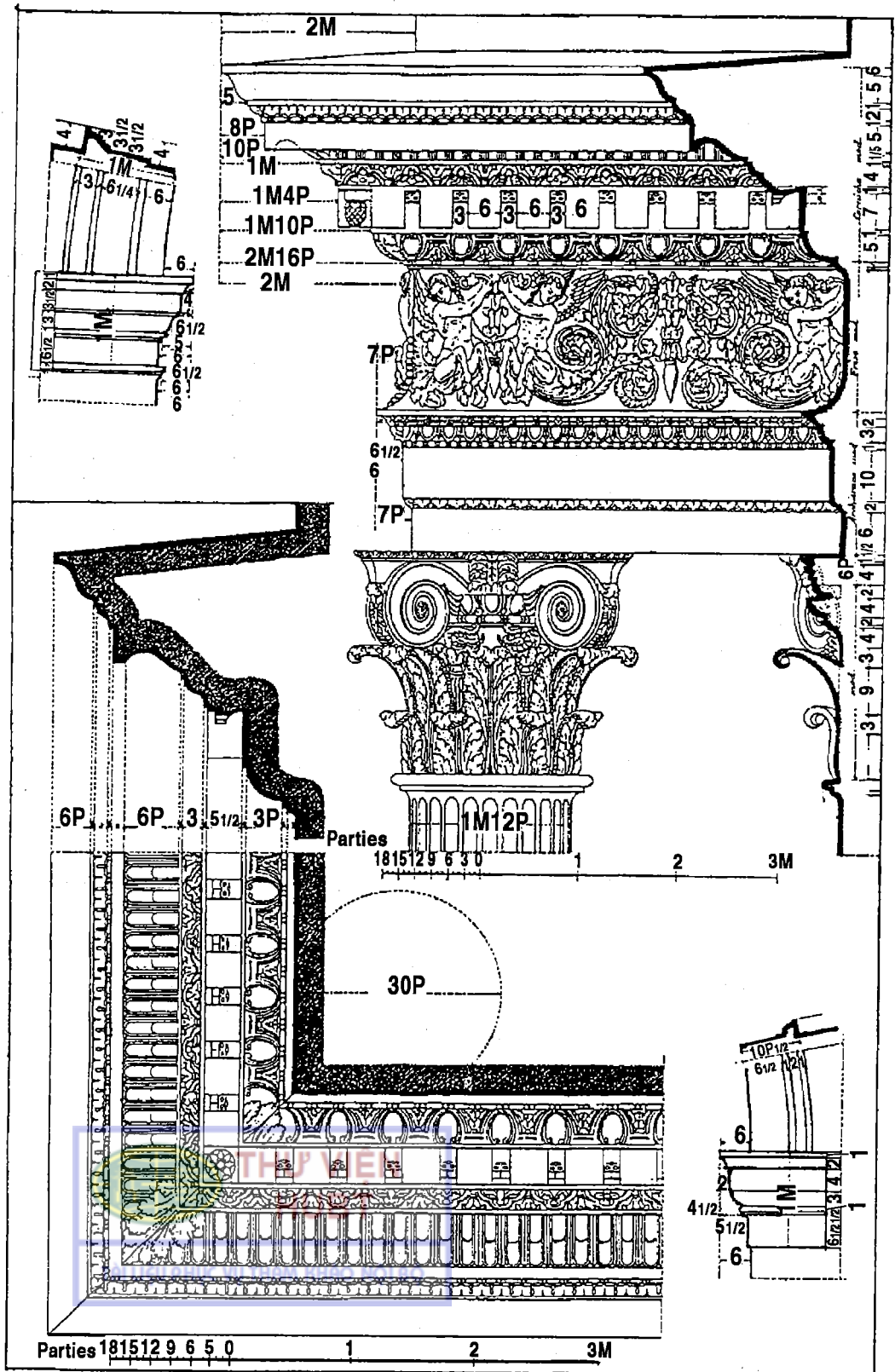
CỘT COMPOSITE CÓ BÊ VÀ KHÔNG CÓ BÊ



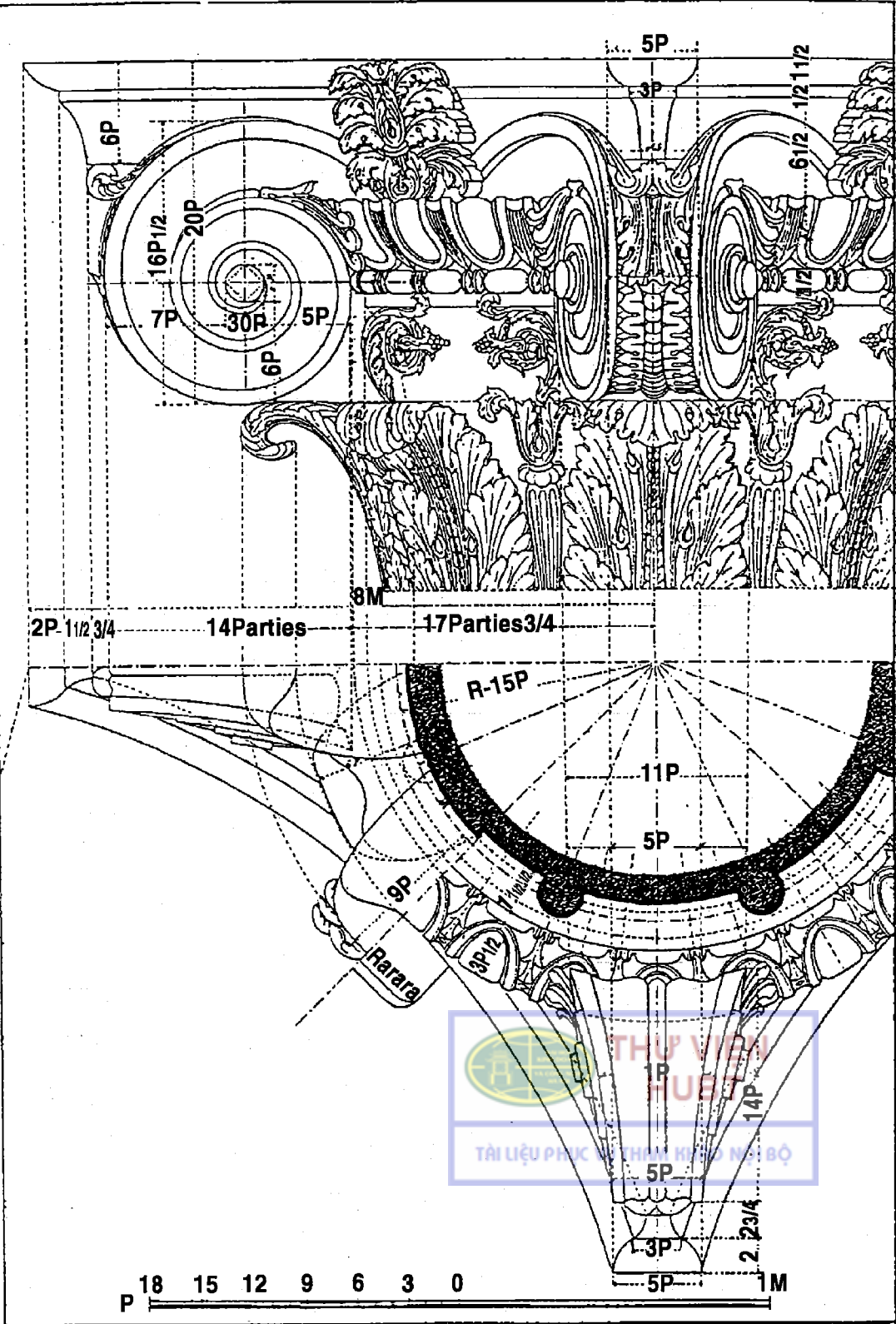
CHÂN VÀ BÊ CỘT COMPOSITE



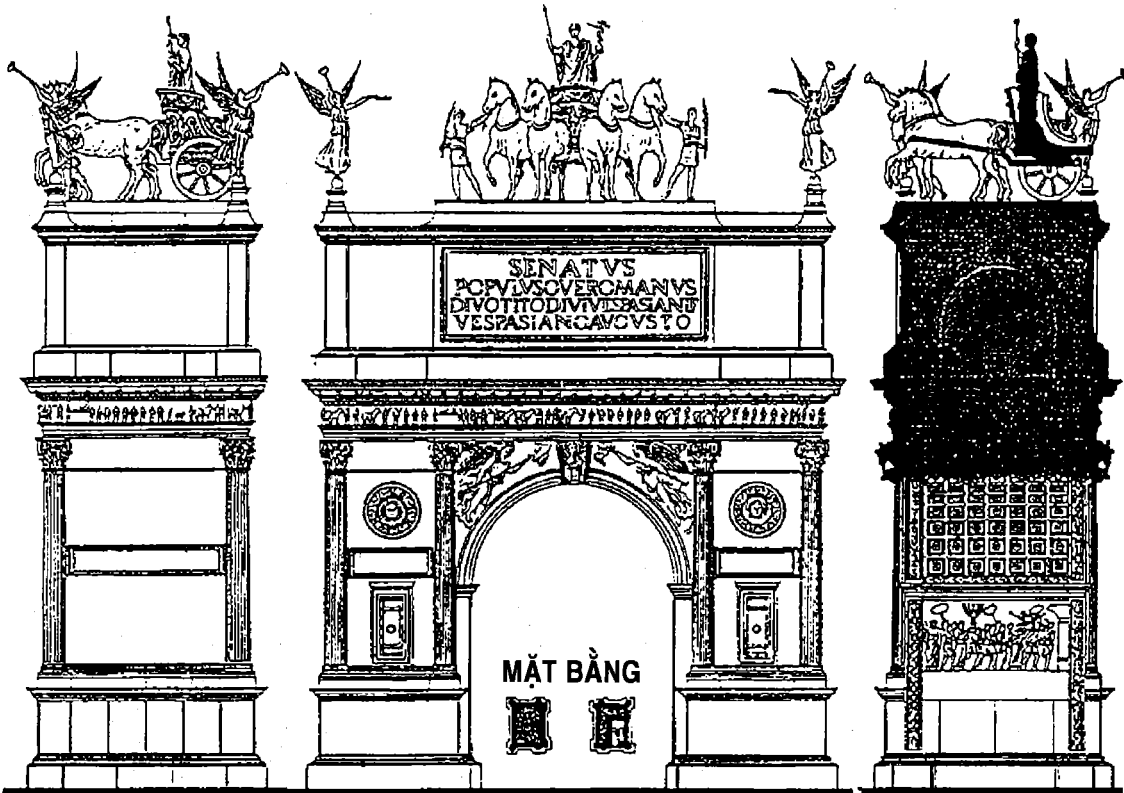
MÁI VÀ MŨ CỦA CỘT COMPOSITE



ĐẦU CỘT COMPOSITE



KHẢI HOÀN MÔN Ở LA MÃ



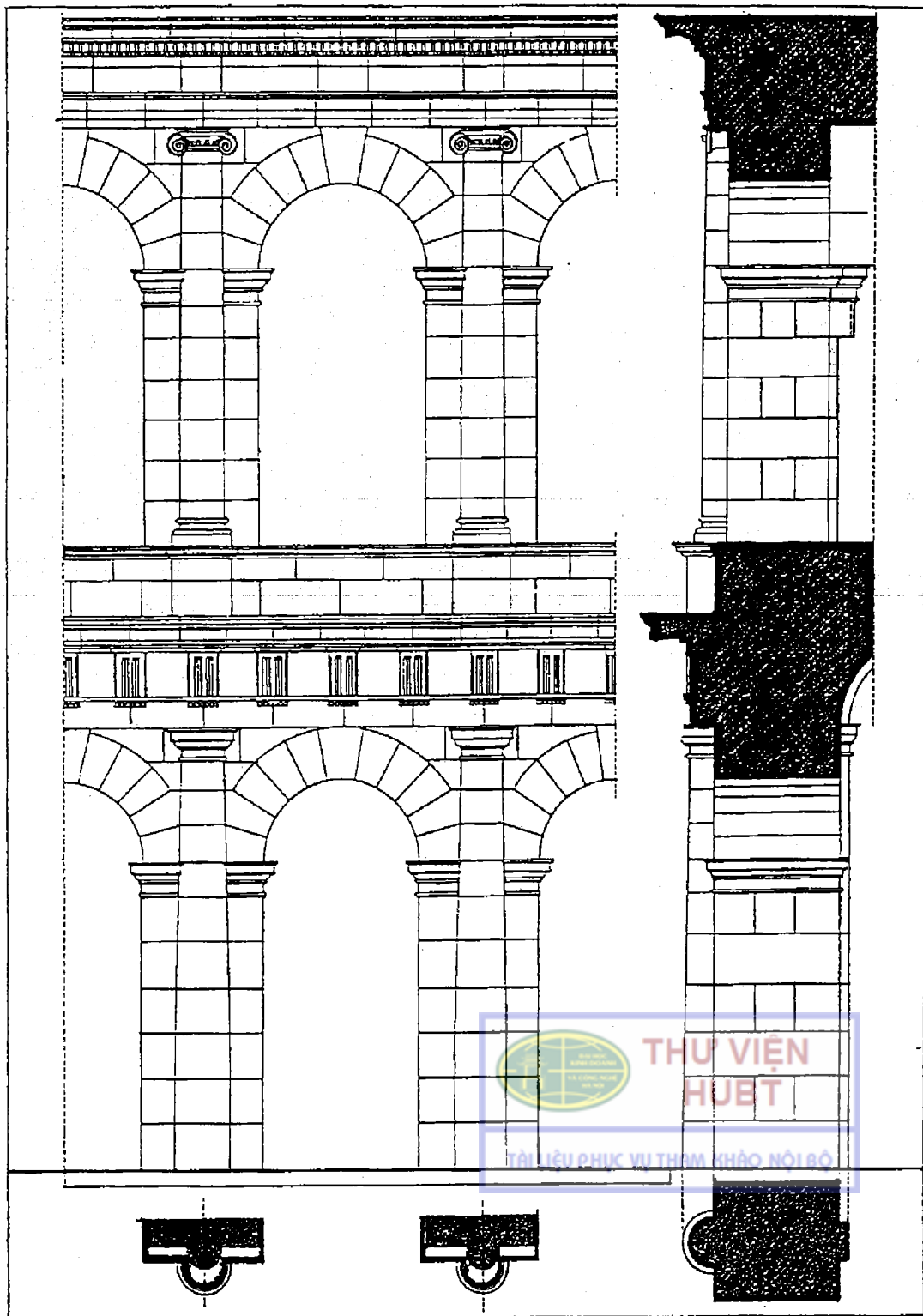
MẶT BÊN

MẶT ĐỨNG

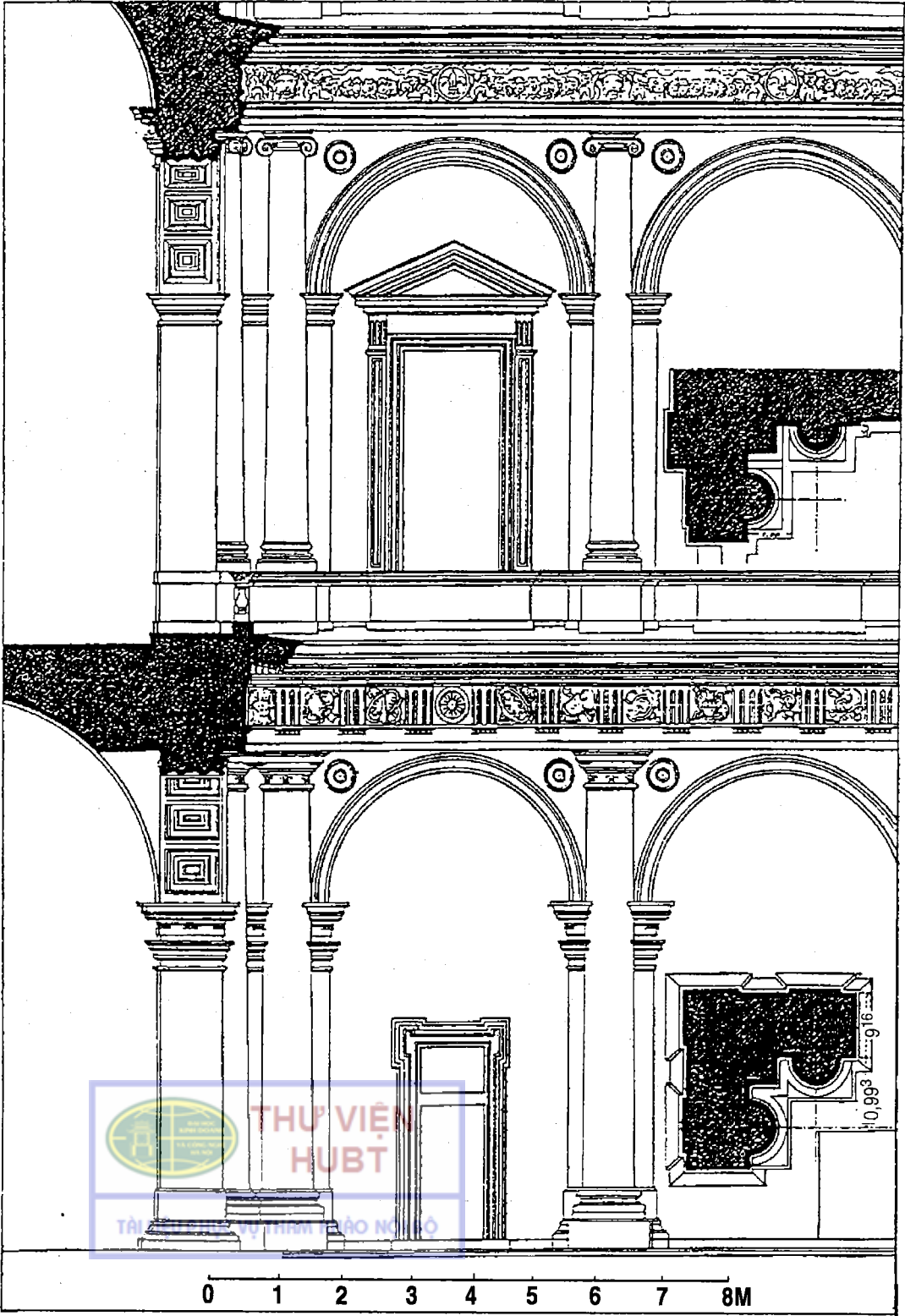
MẶT CẮT



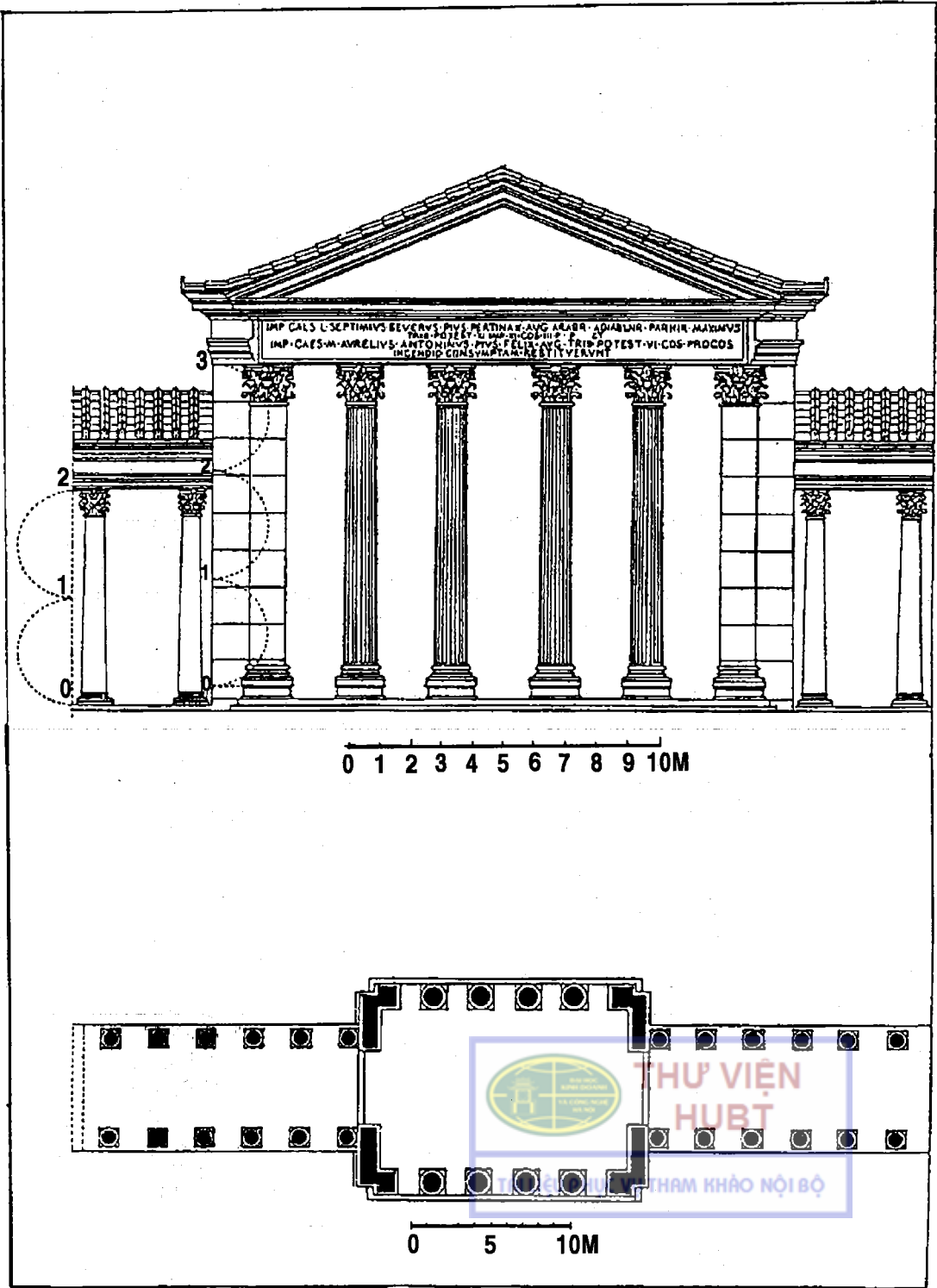
7. TỔ HỢP HAI TẦNG CỘT



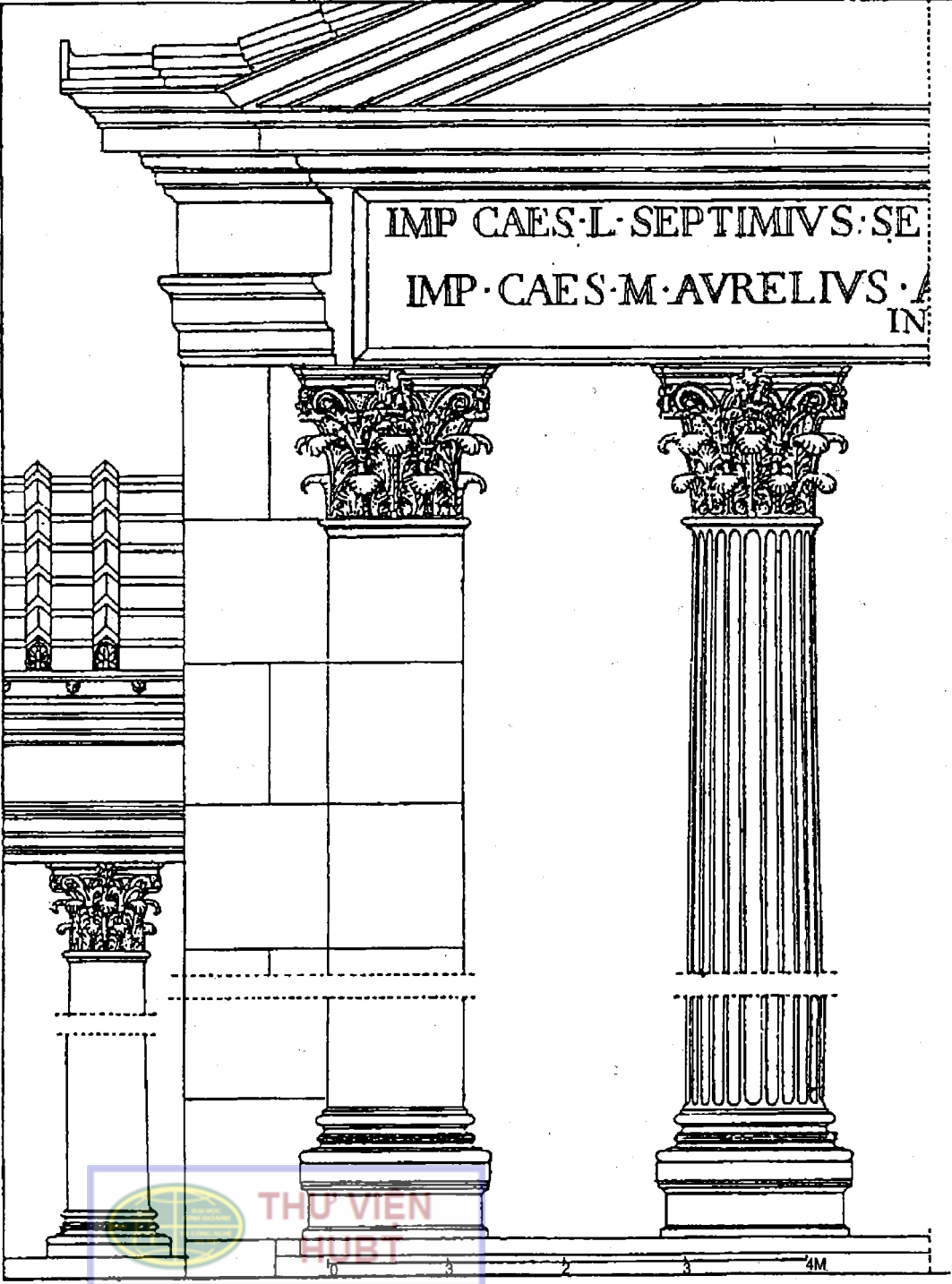
TỔ HỢP HAI TẦNG CỘT



8. TỔ HỢP CỘT THEO CHIỀU CAO

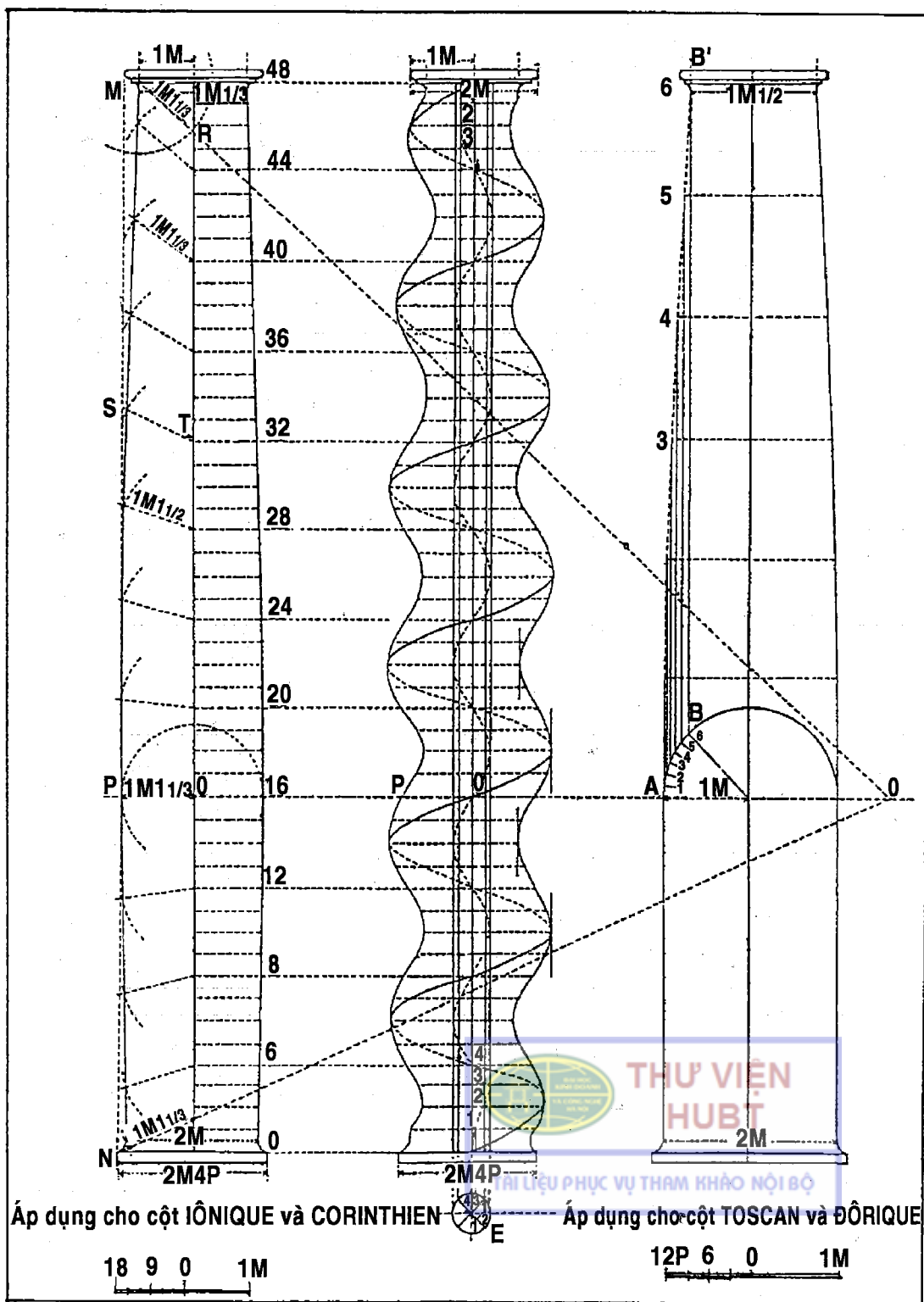


TỔ HỢP CỘT THEO CHIỀU CAO

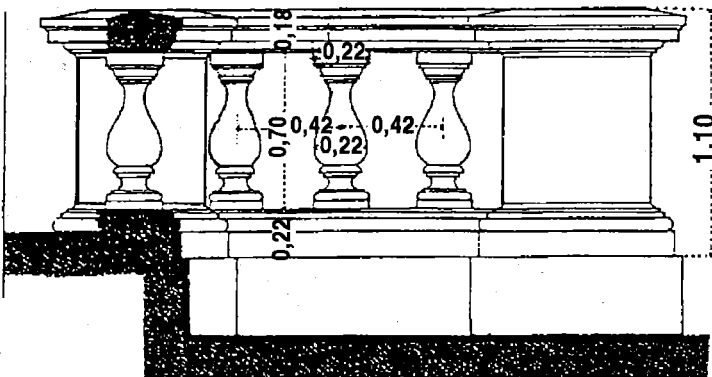


THƯ VIỆN
HUYT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

9. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CÁC THỨC CỘT

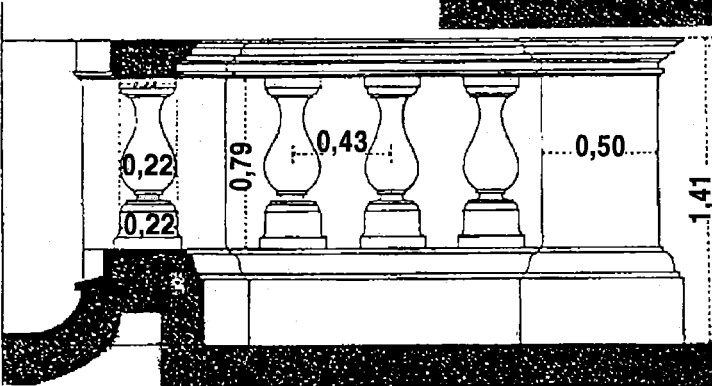
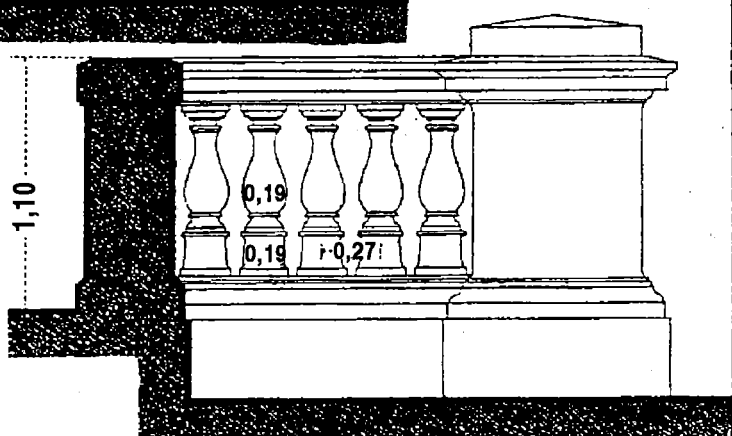


10. CON TRIỆN LAN CAN



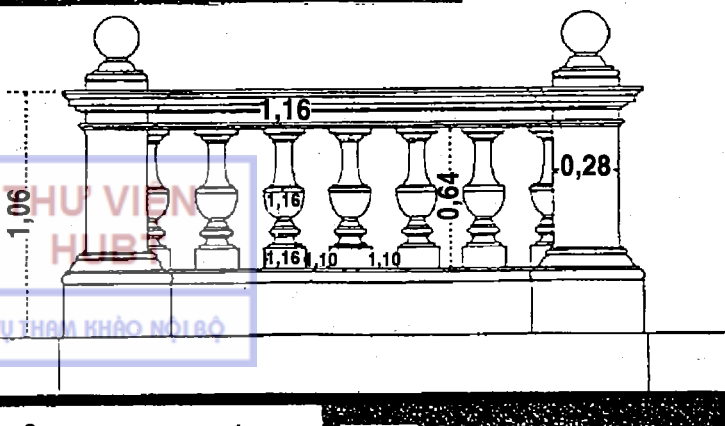
Con triện lan can
thức Toscan

Con triện lan can
thức Iônique

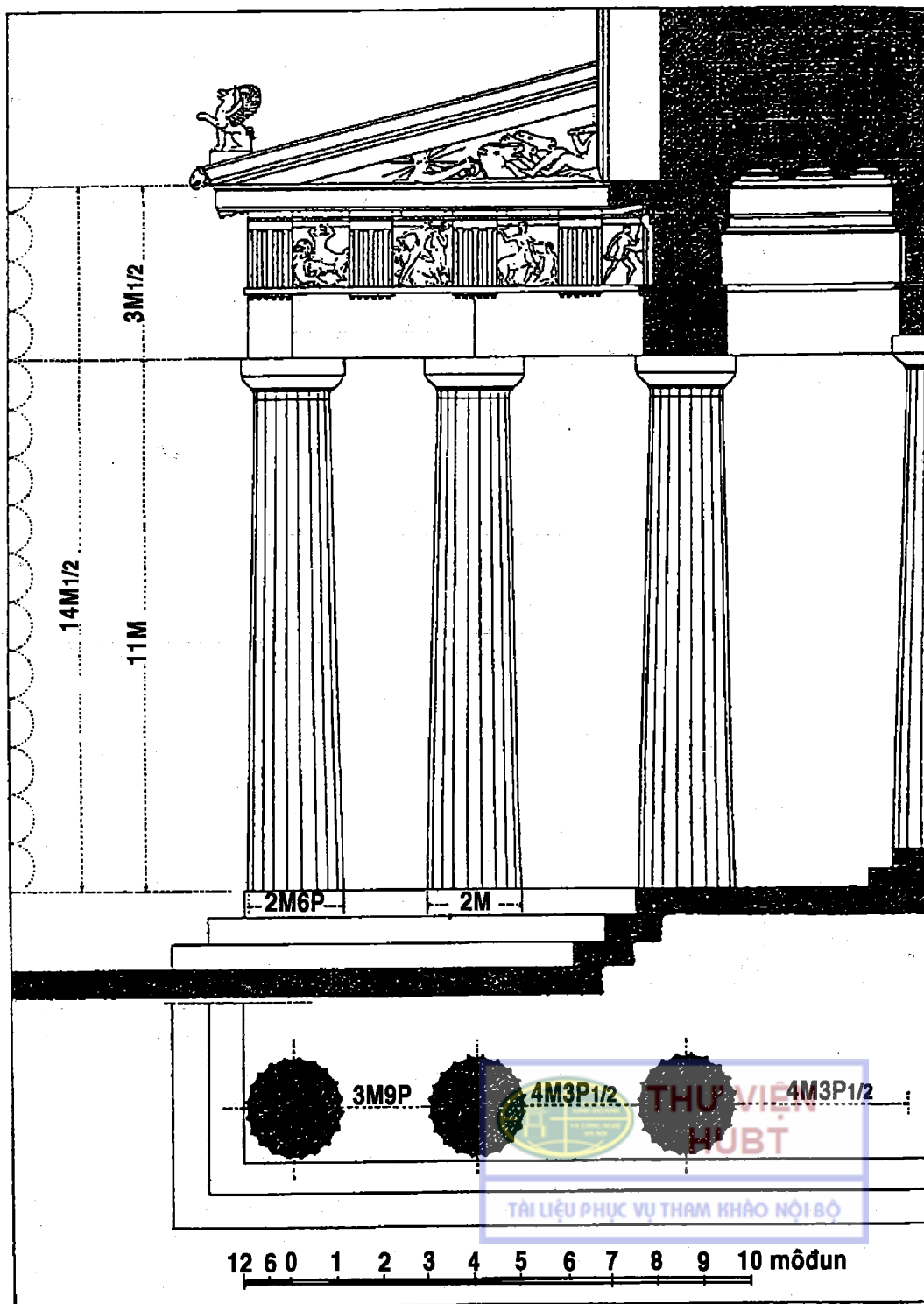


Con triện lan can
thức Đôrique

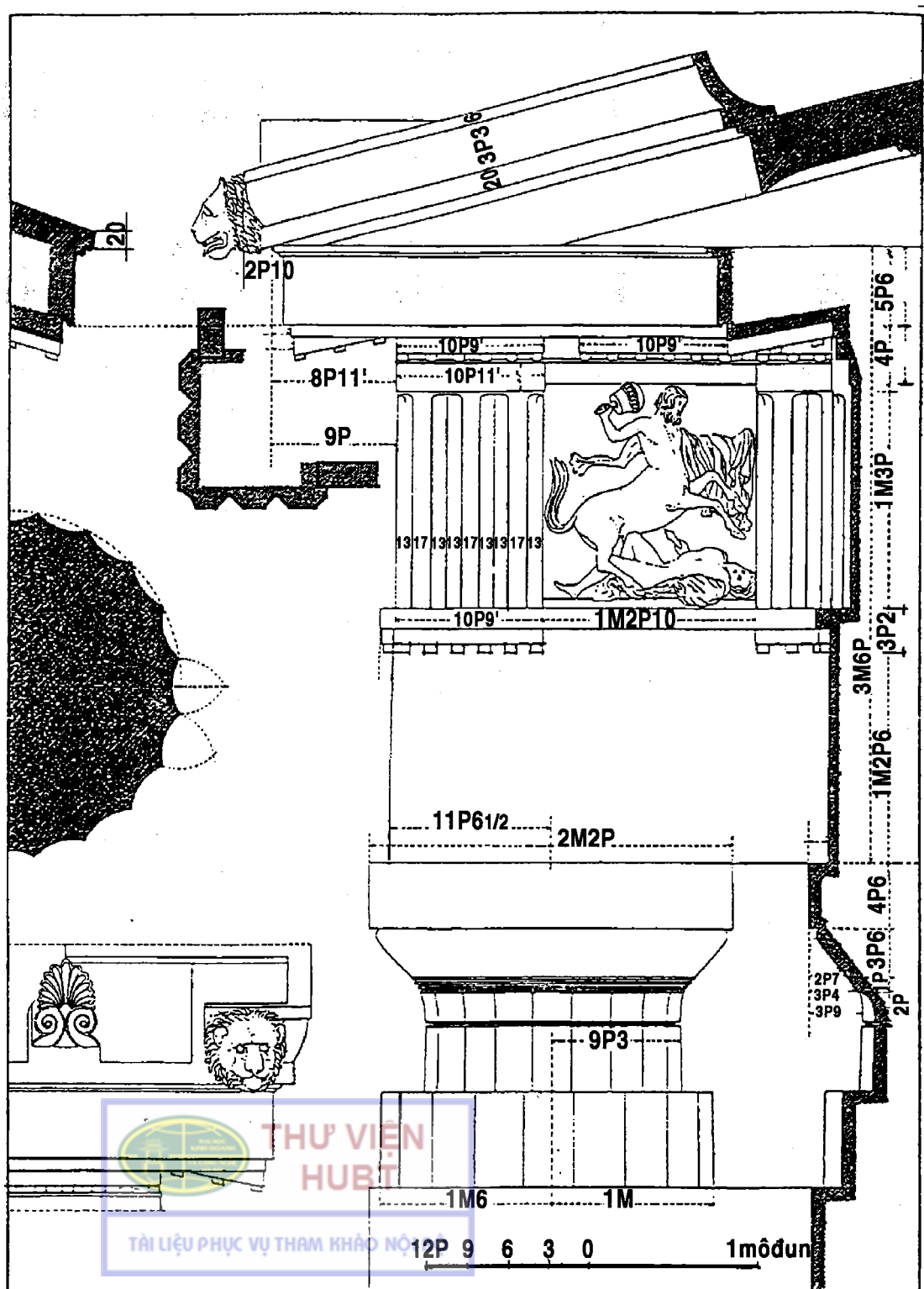
Con triện lan can
thức Côrinthien



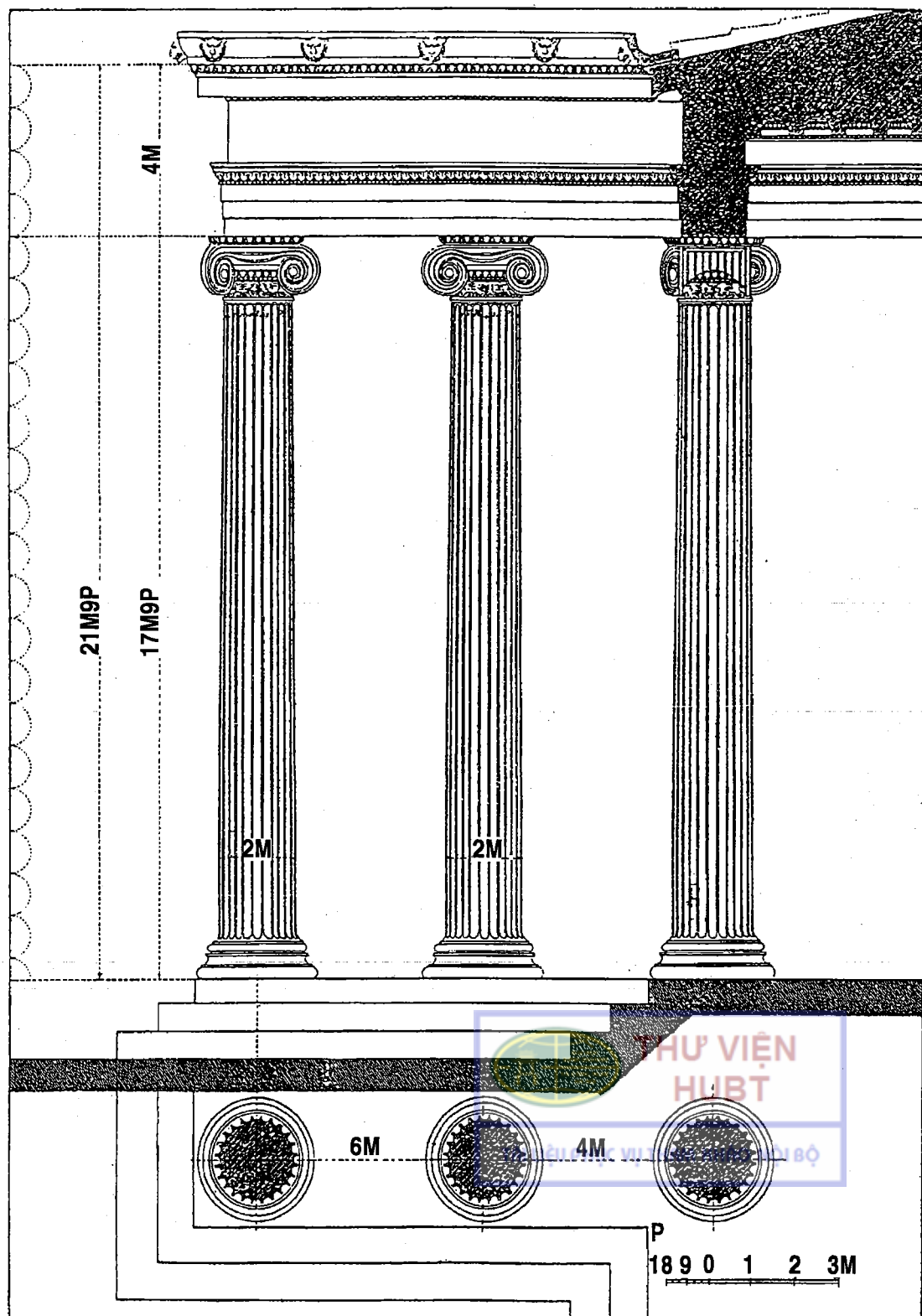
11. KHOẢNG CÁCH CỘT ĐÔRIQUE HY LẠP



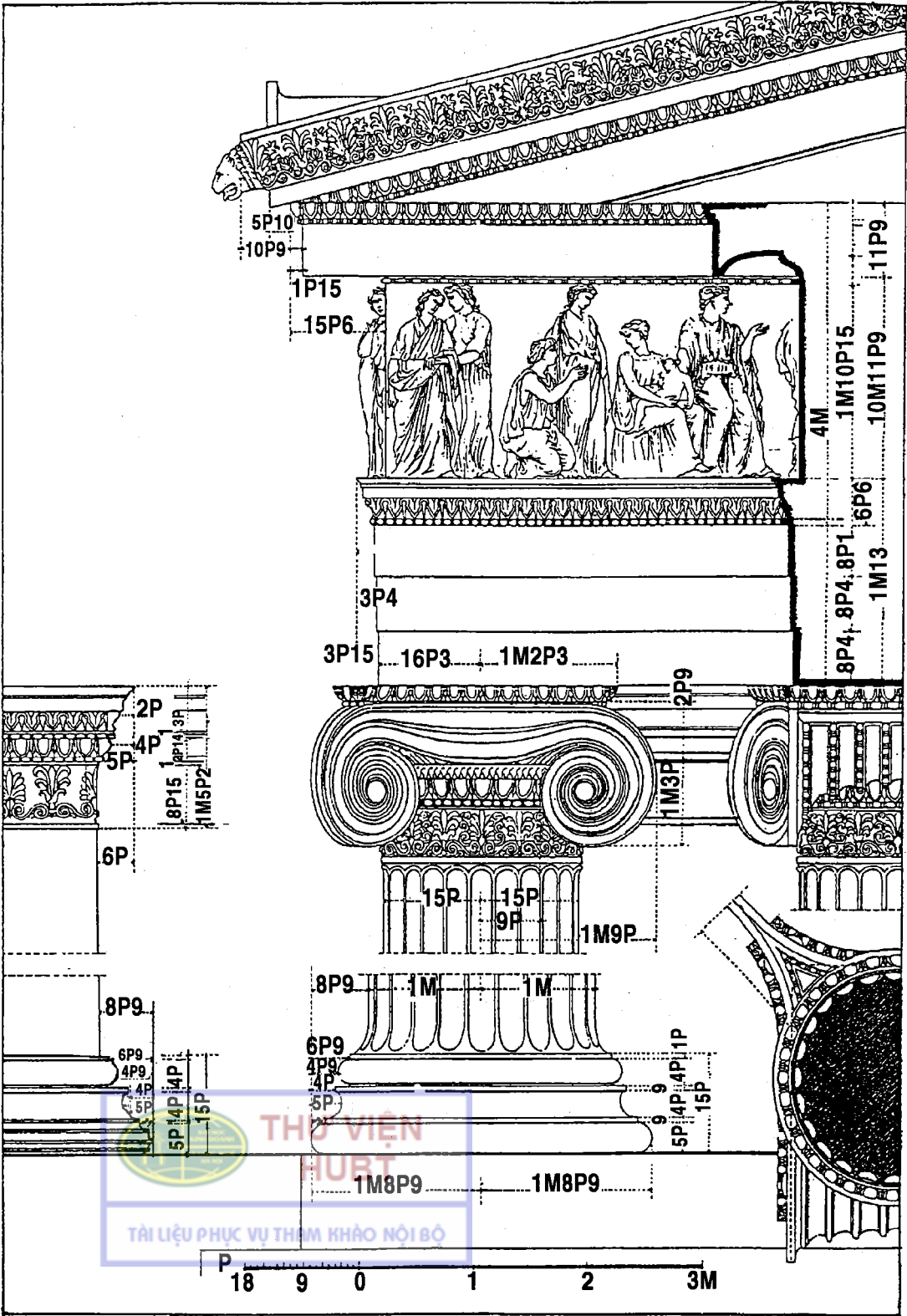
MÁI VÀ MŨ CỘT ĐÔRIQUE HY LẠP



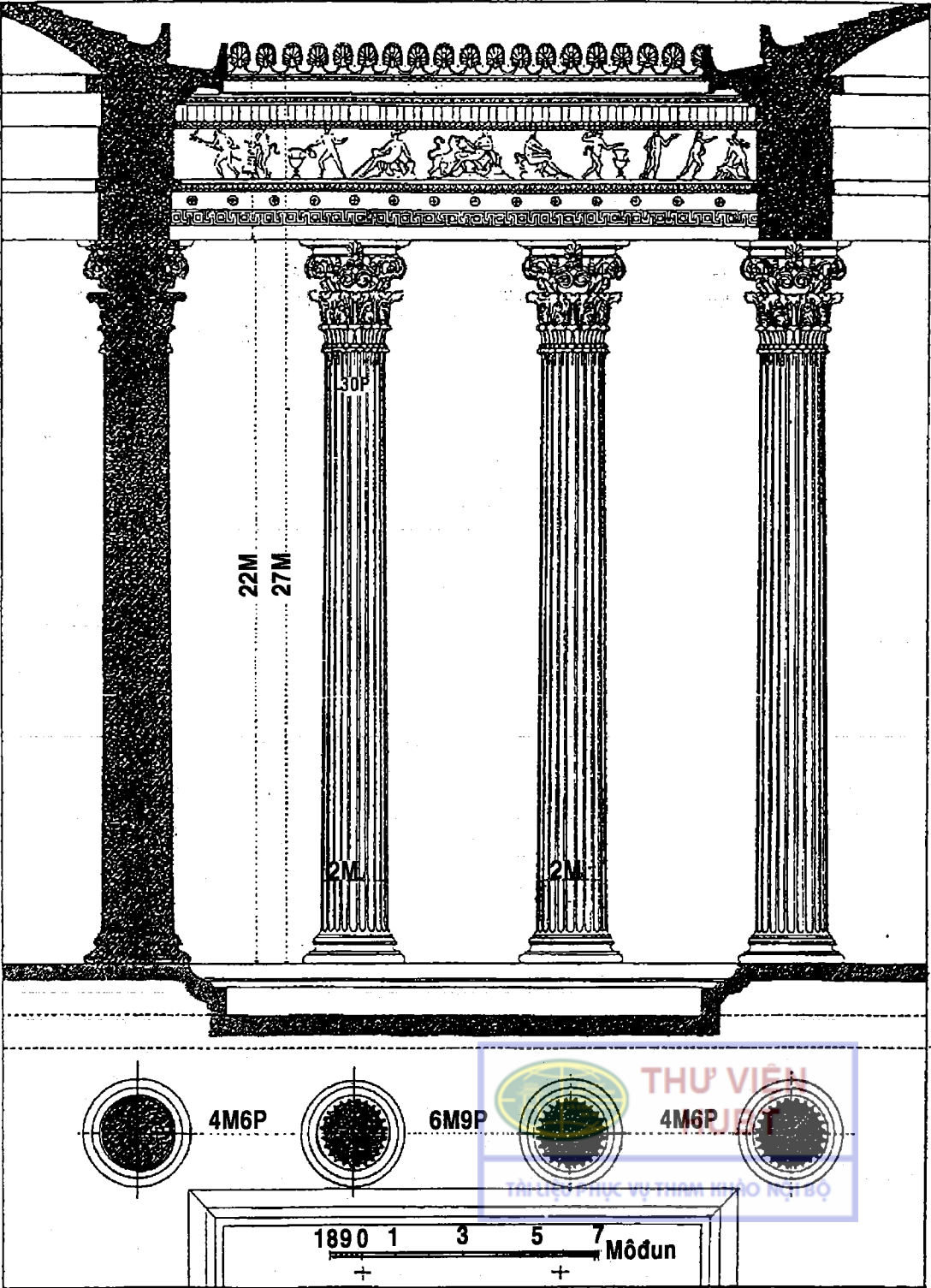
12. KHOẢNG CÁCH CỘT IÔNIQUE HY LẠP



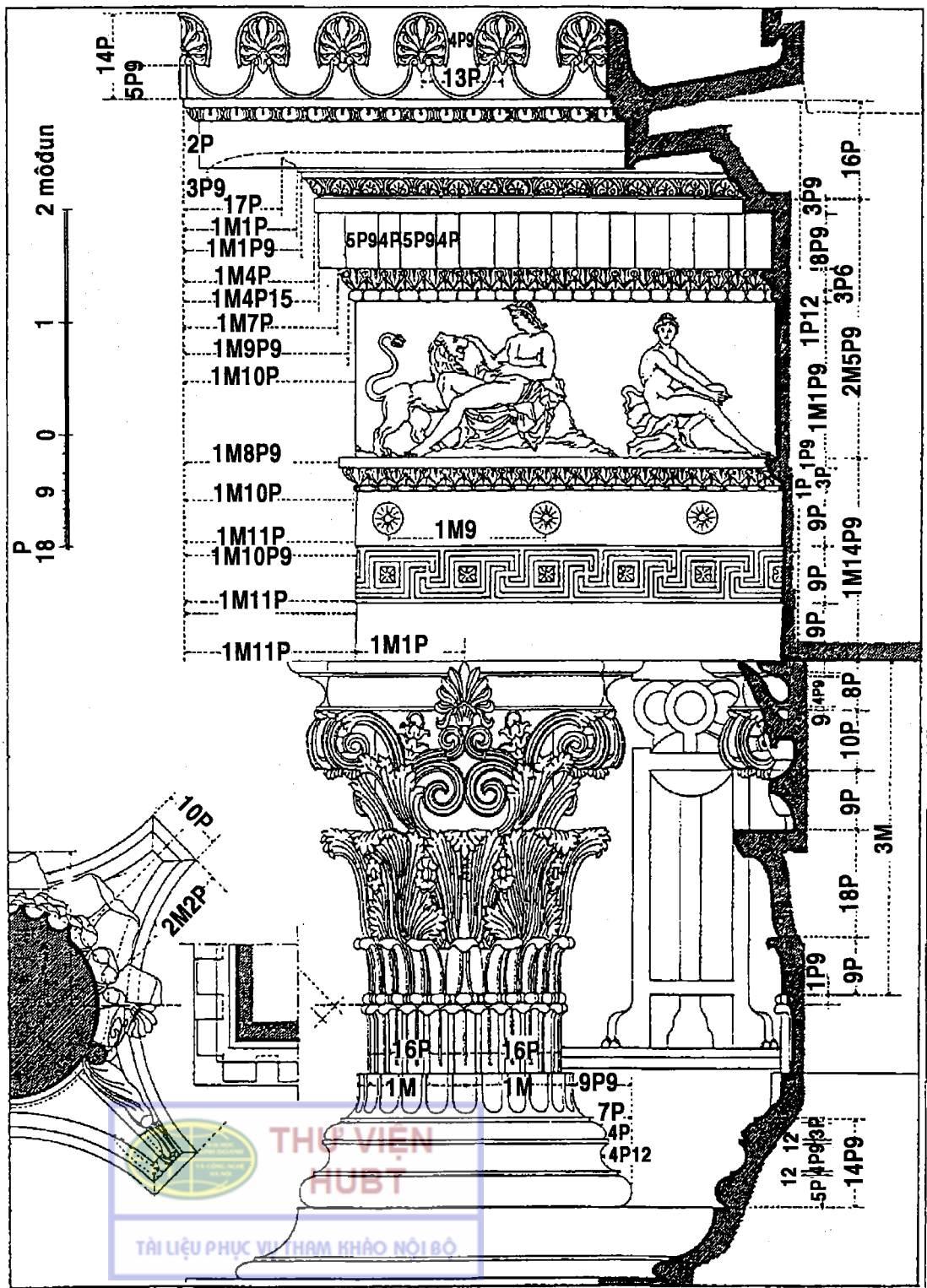
MÁI VÀ MŨ TRÊN ĐẦU CỘT IÔNIQUE HY LẠP



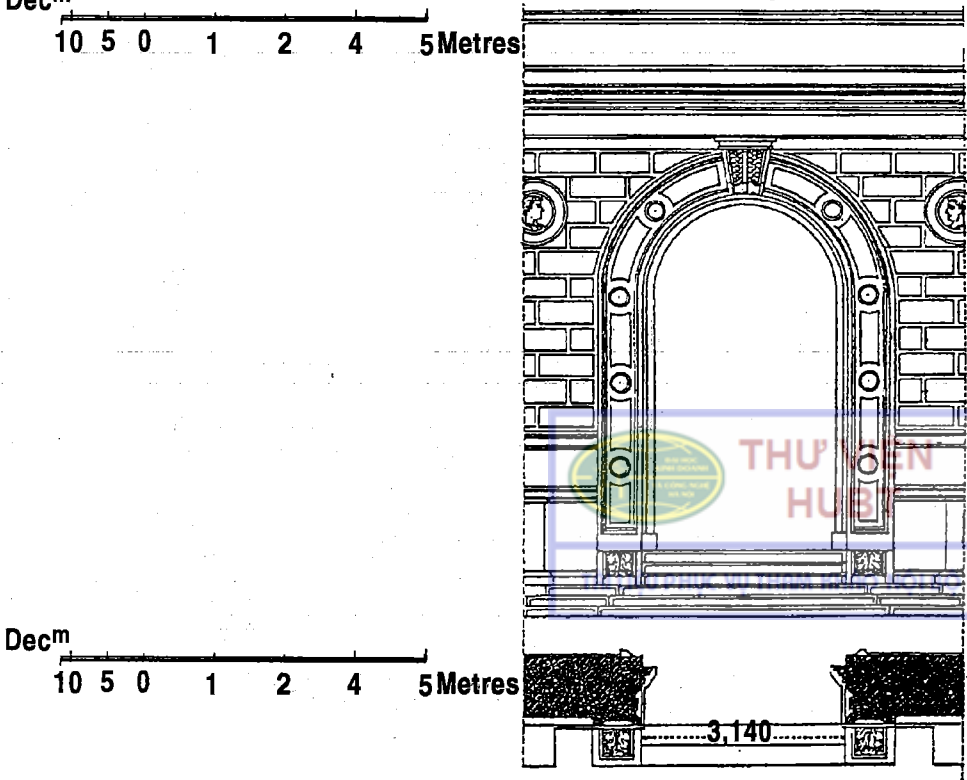
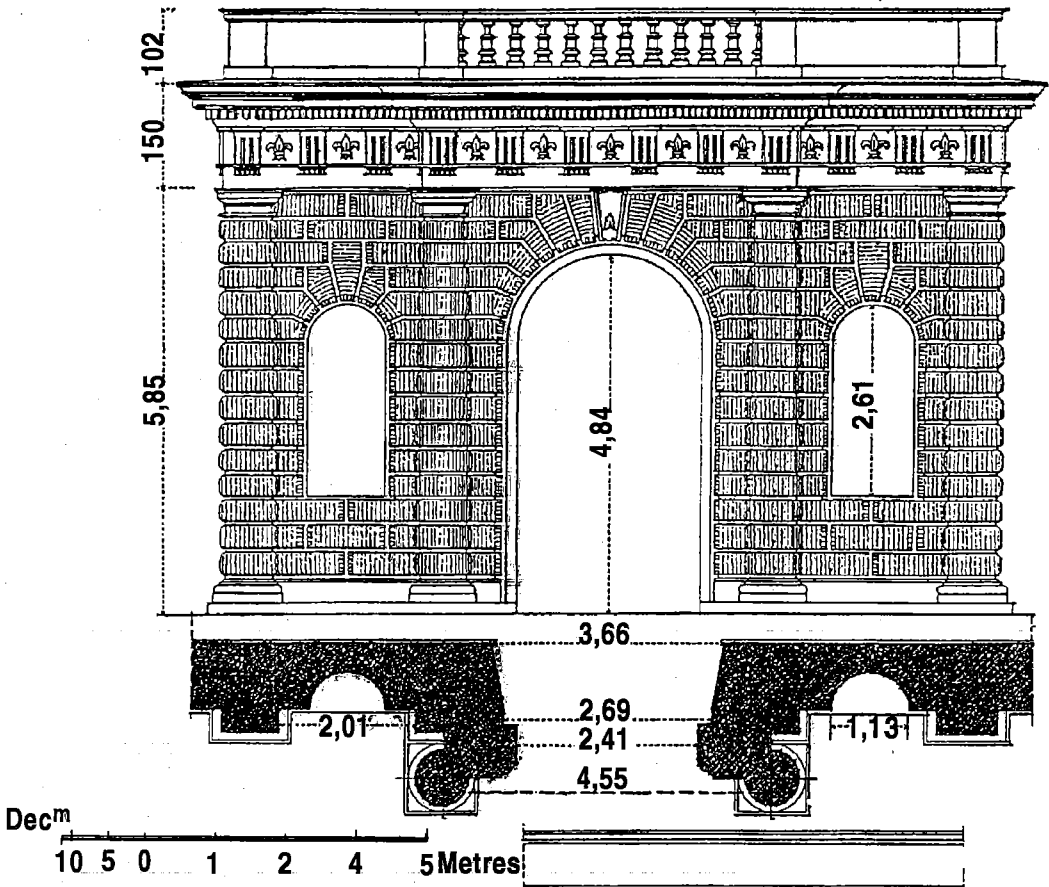
13. KHOẢNG CÁCH CỘT CÔRINTHIEN HY LẬP



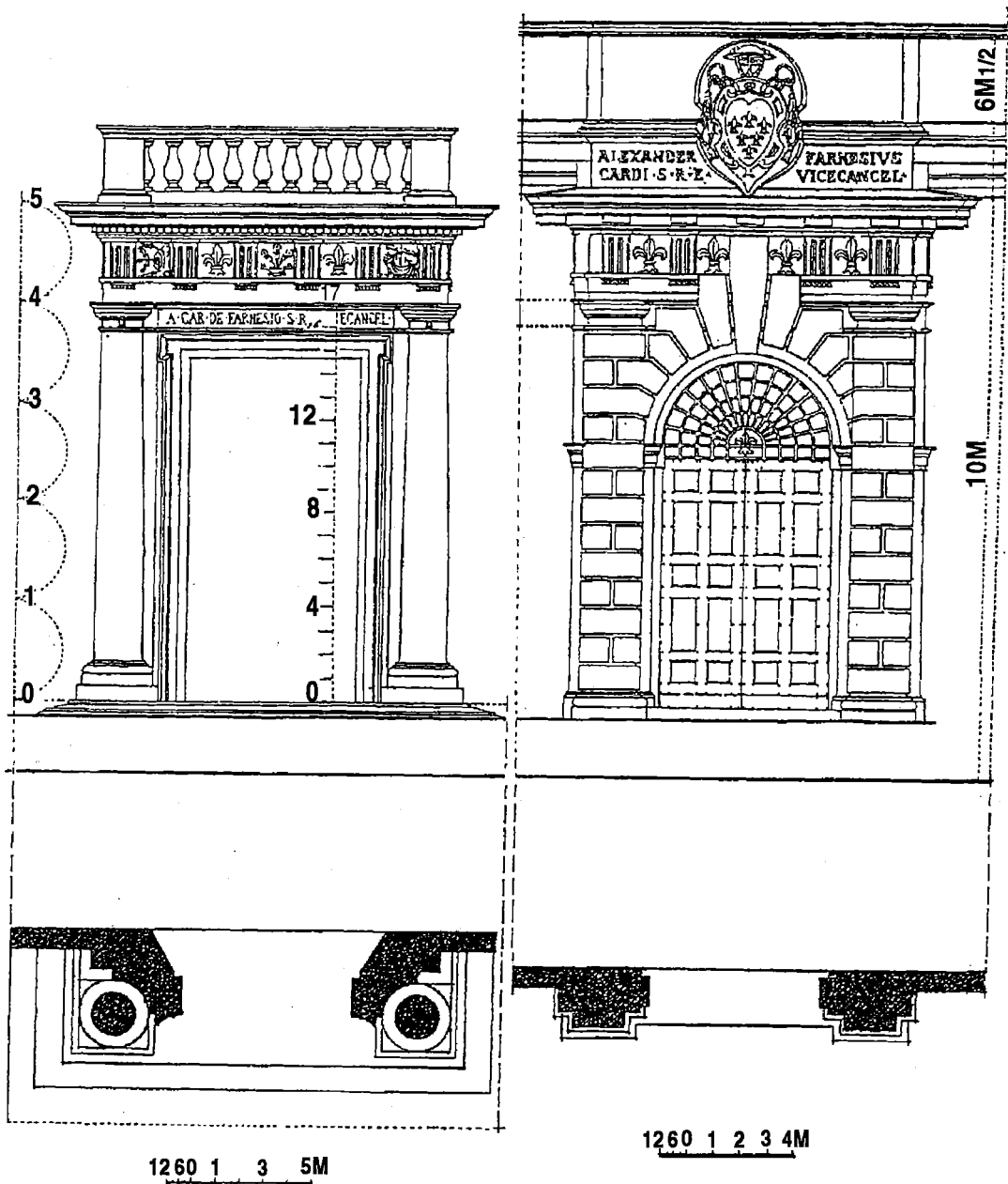
MÁI MŨ VÀ CHÂN CỘT CÔRINTHIEN HY LẠP

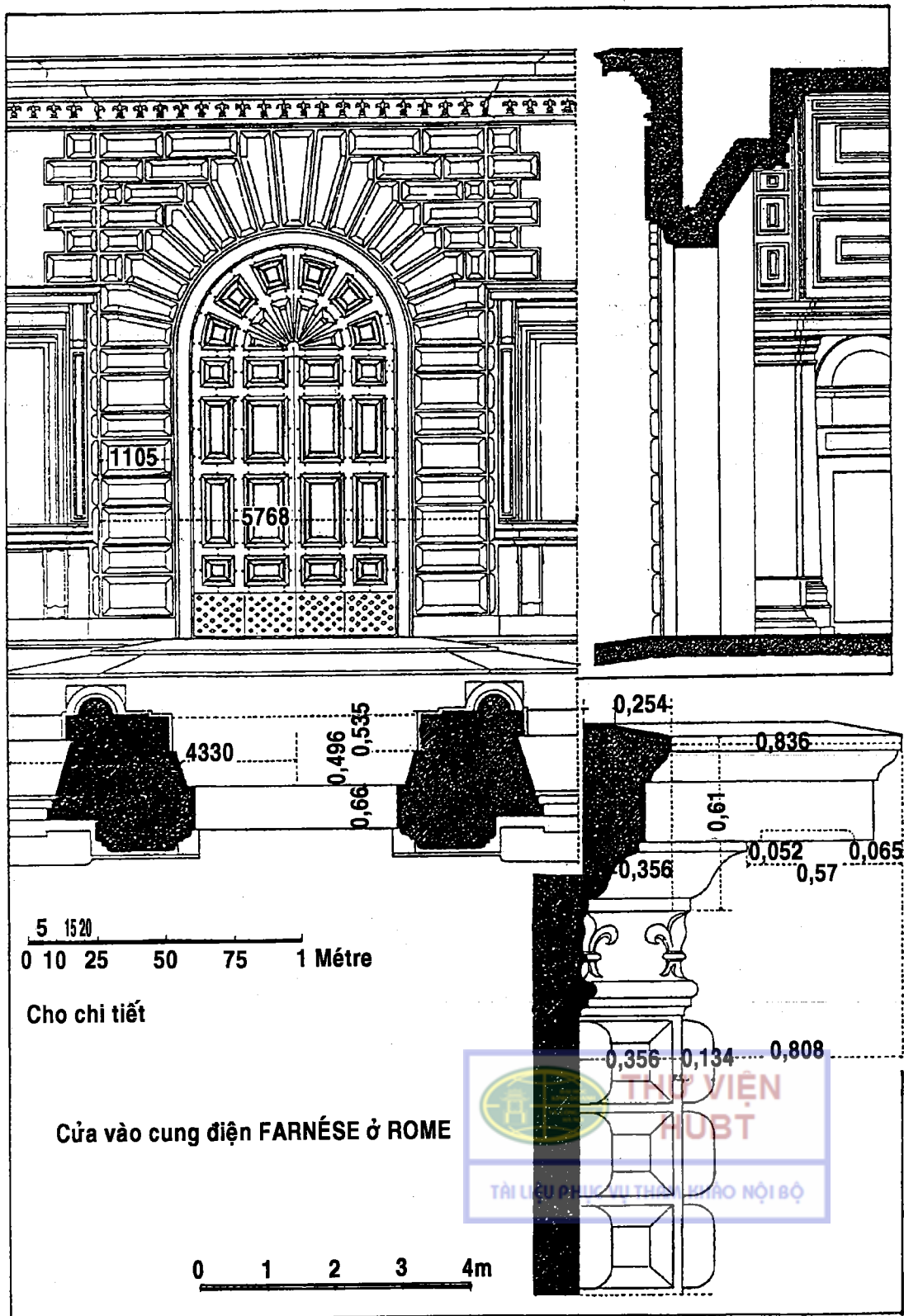


14. NGHIÊN CỨU CỬA ĐI

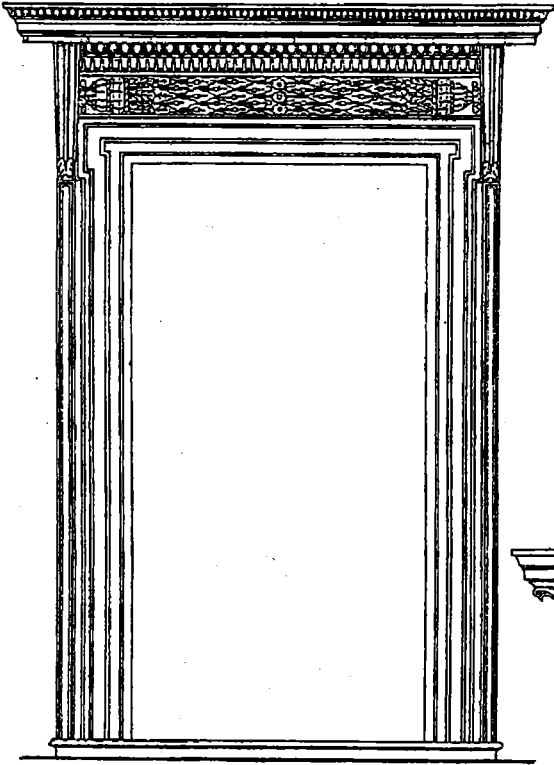


NGHIÊN CỨU CỬA ĐI

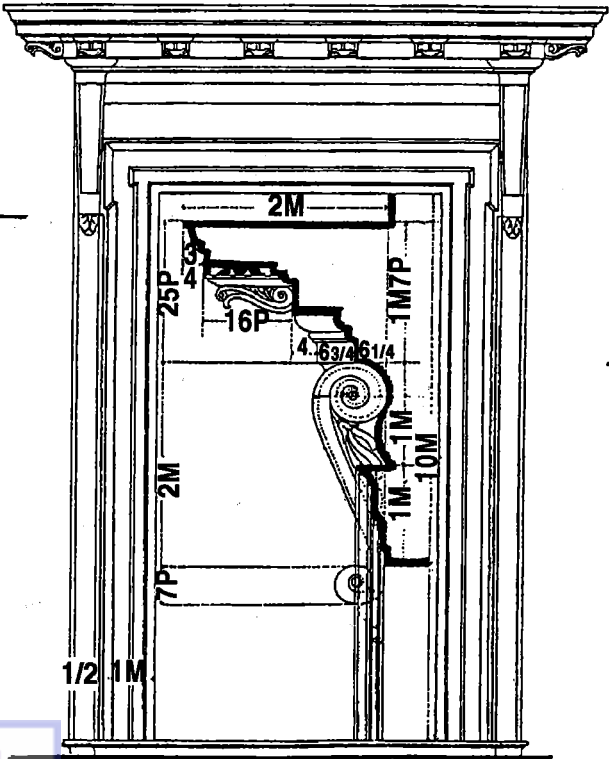




NGHIÊN CỨU CỬA ĐI

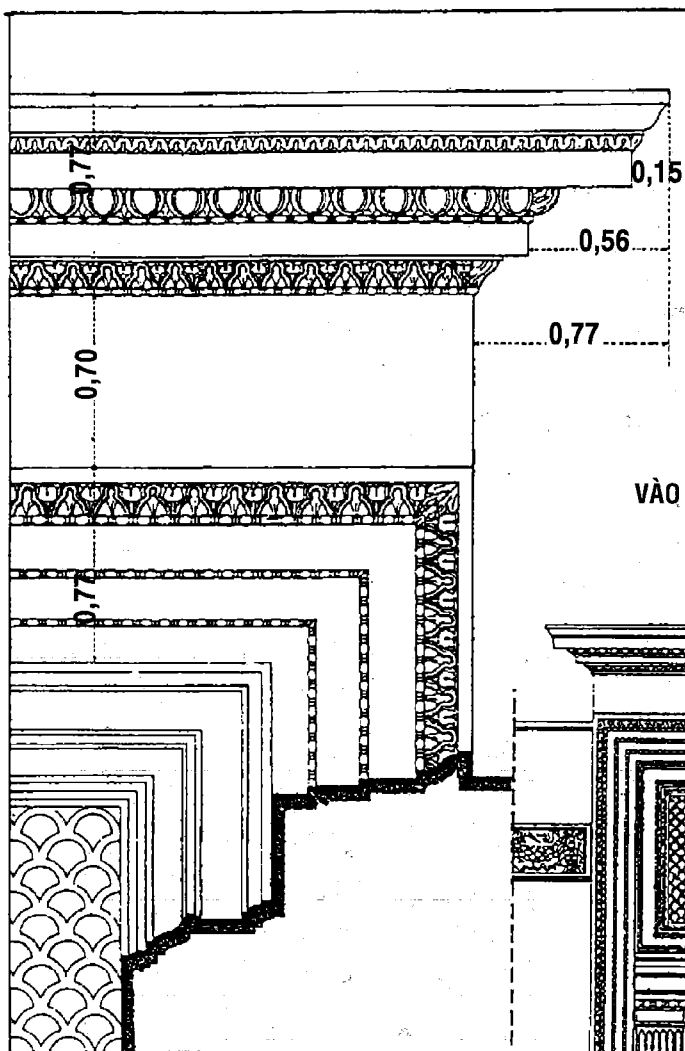


CỬA VÀO CUNG ĐIỆN FARNERE



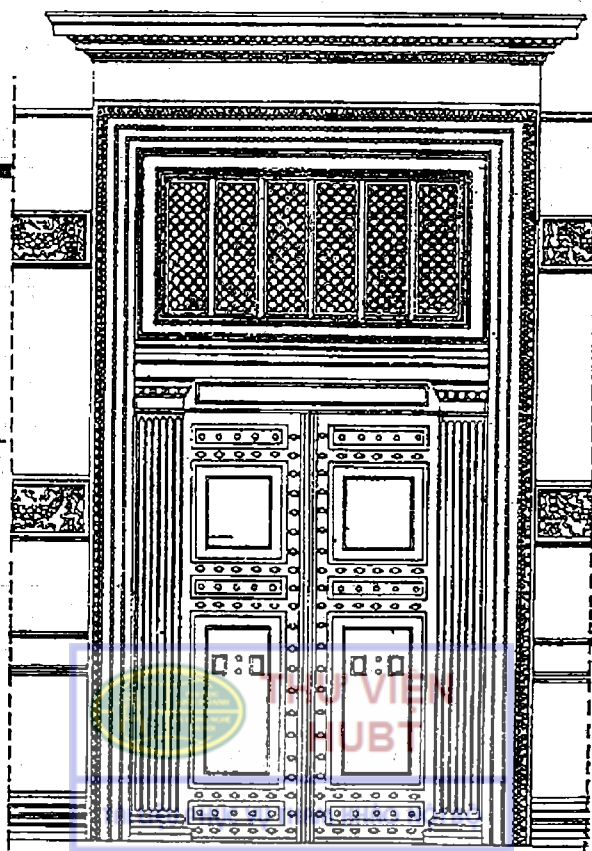
CỬA ĐI VỚI THỨC CỘT CORINTHIEN





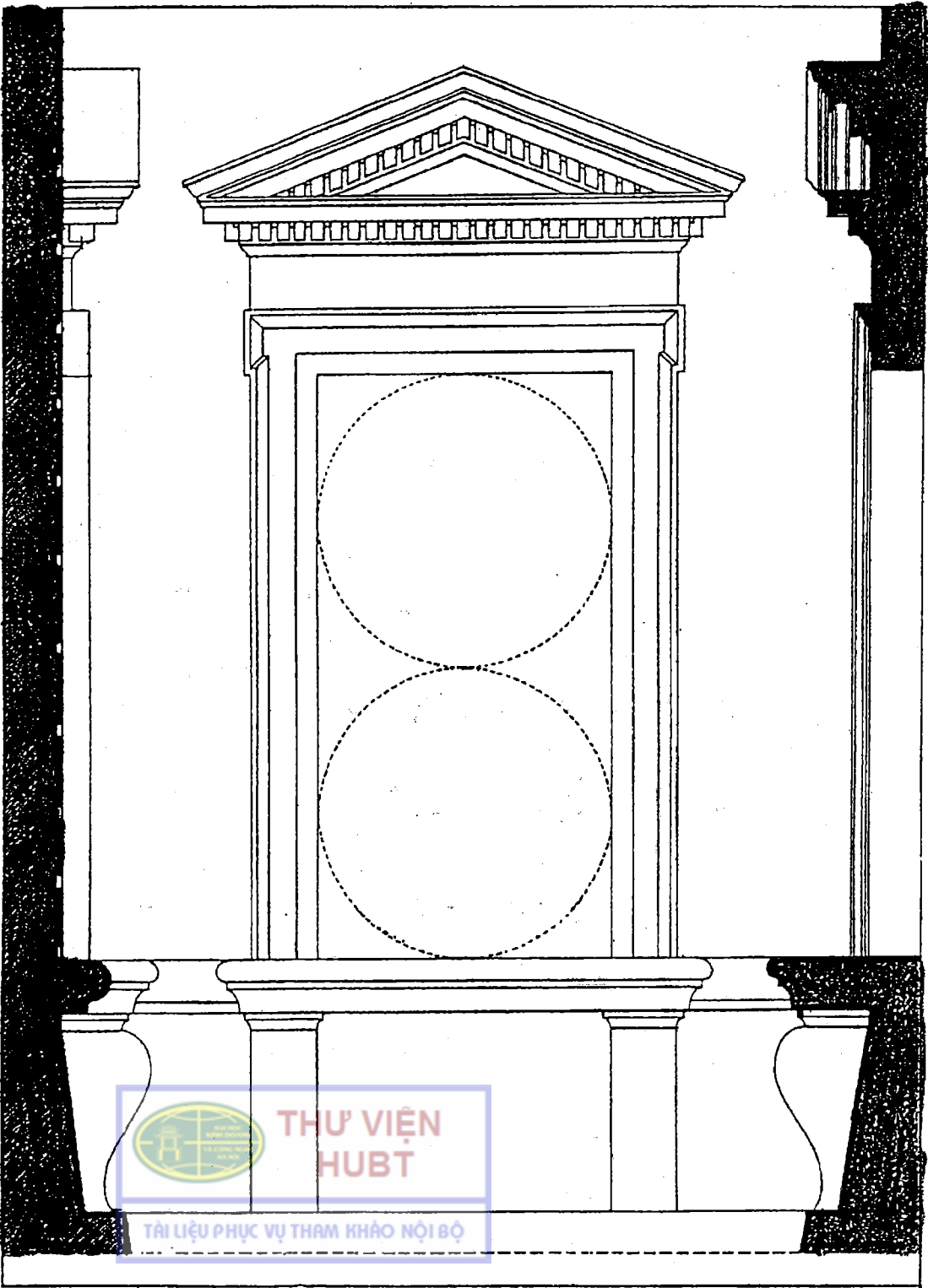
VÀO ĐỀN PANTHEON Ở ROME

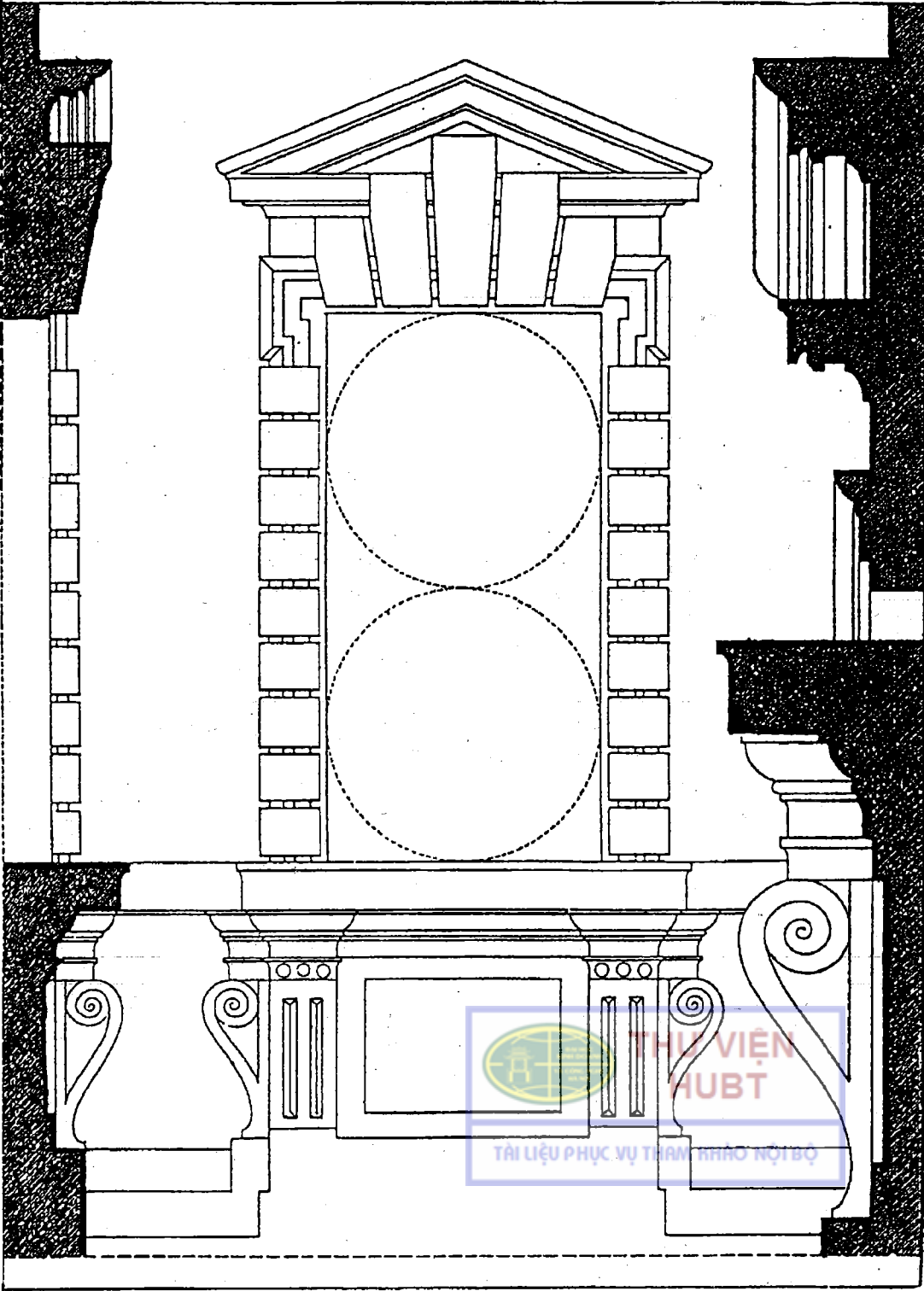
0 10 20 30 40 50 60 70 80 90 100



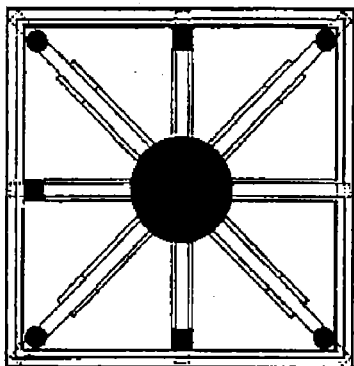
0 1 2 3 4

15. NGHIÊN CỨU CỬA SỔ

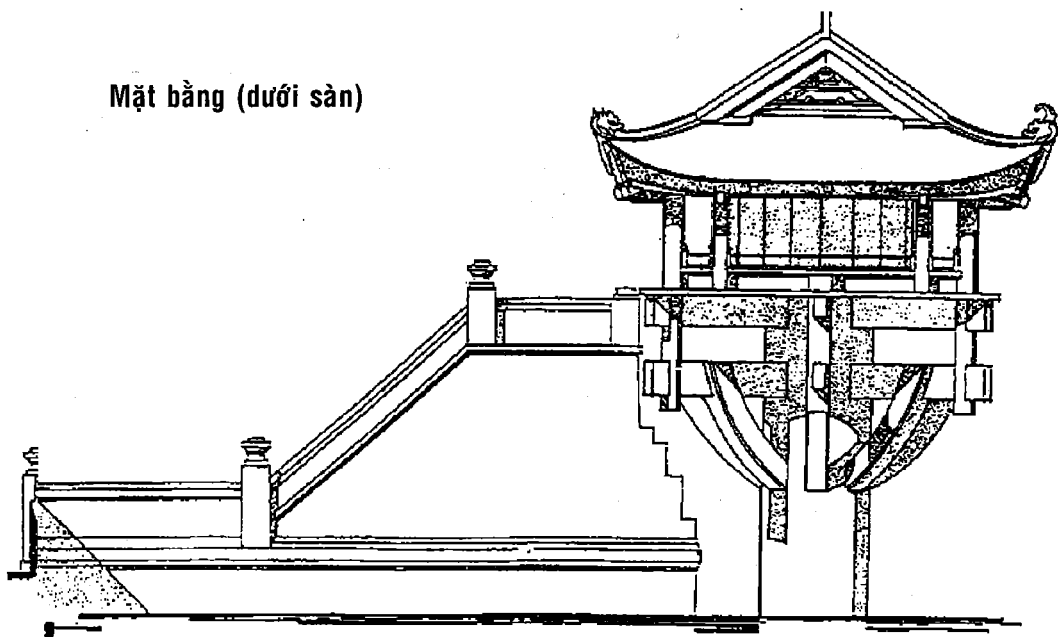




16. CHÙA MỘT CỘT – HÀ NỘI

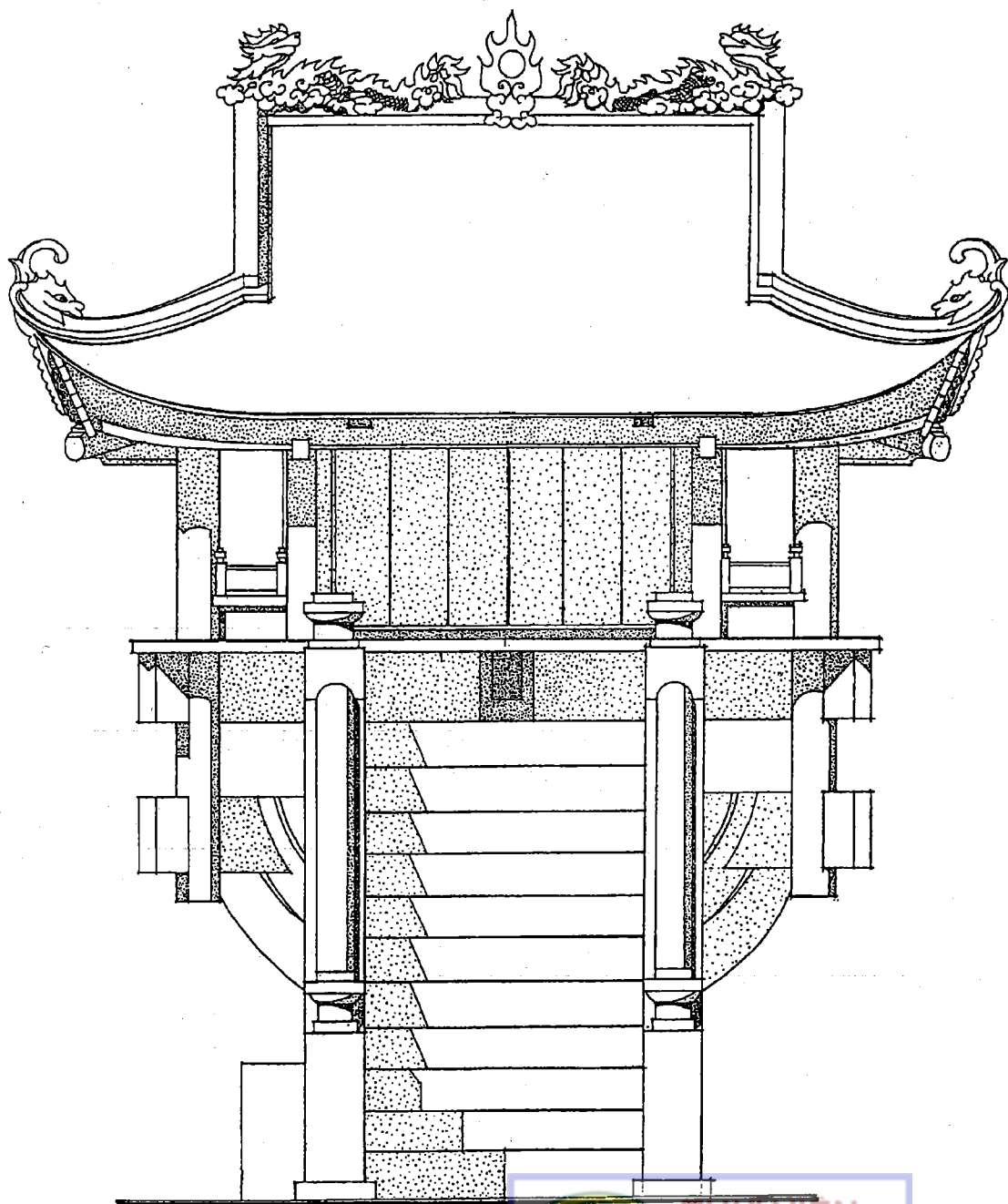


Mặt bằng (dưới sàn)



Mặt bên

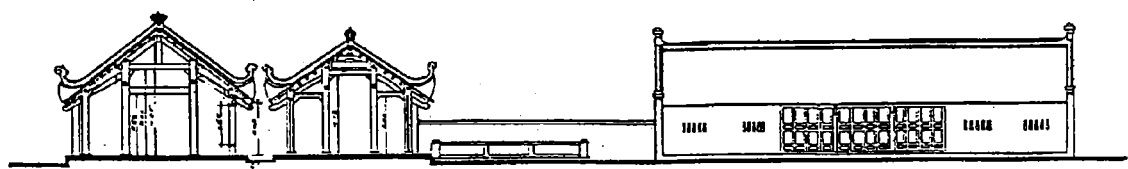




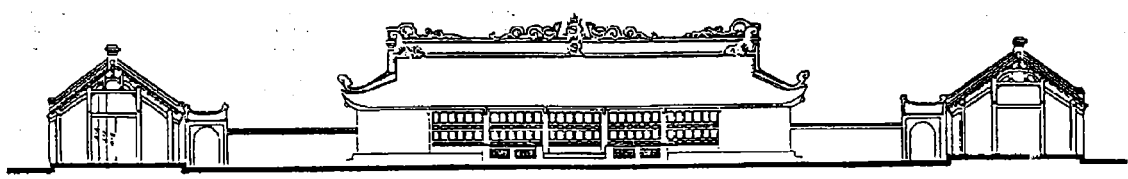
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

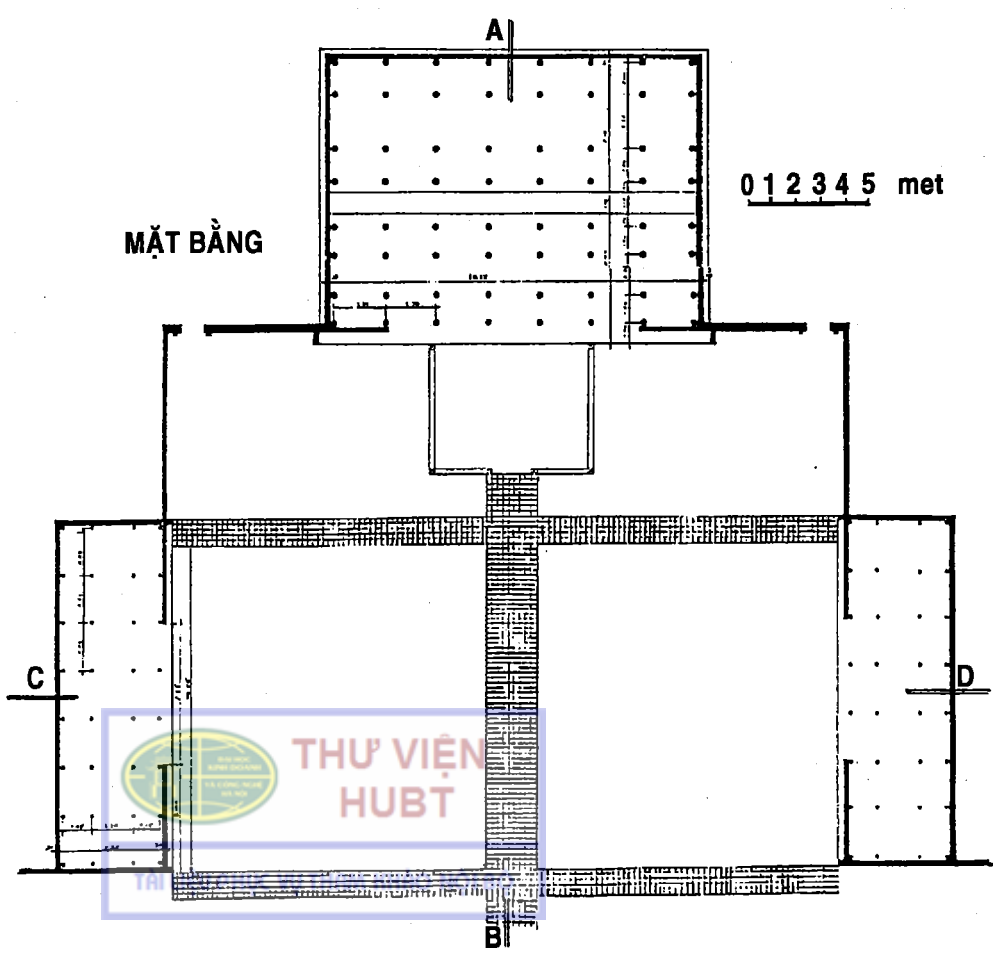
17. VĂN MIẾU – HÀ NỘI



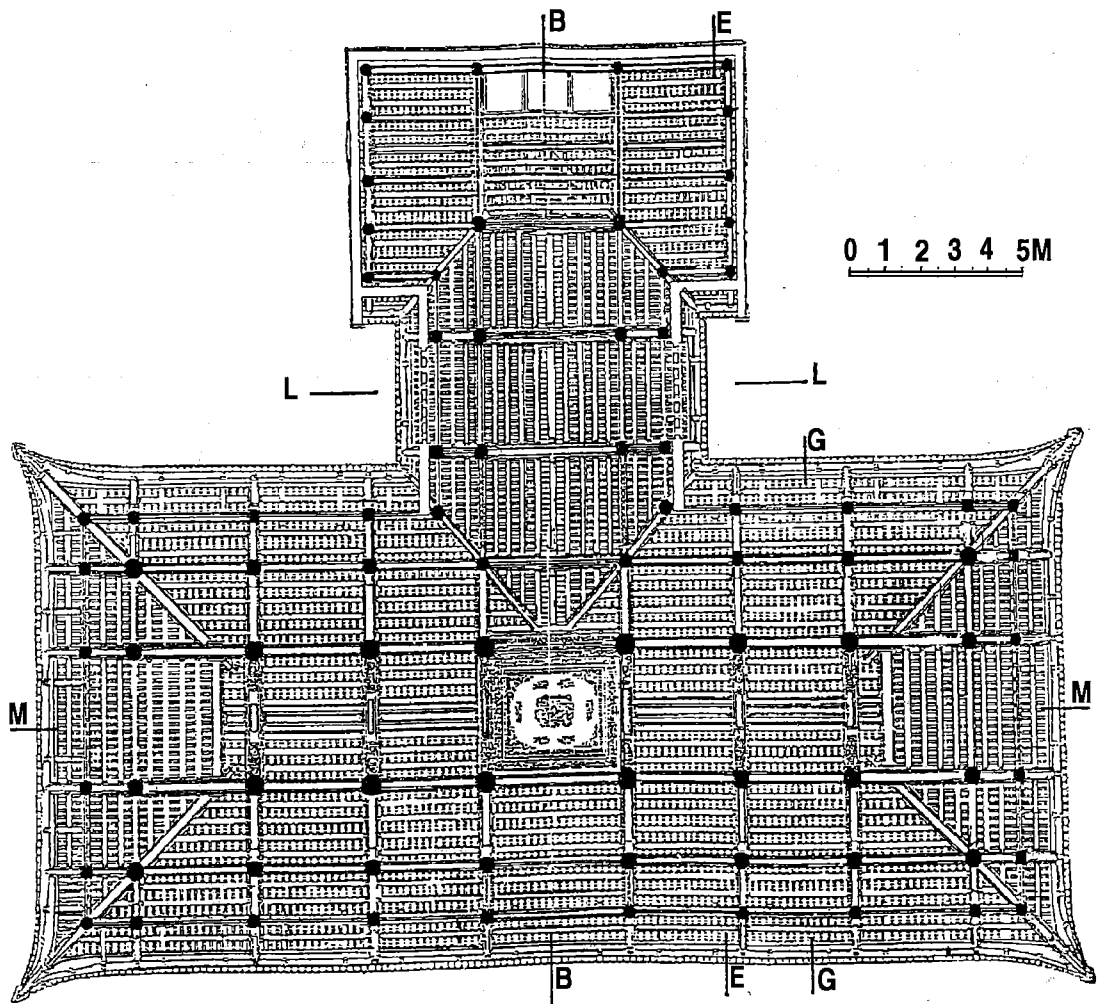
CẮT A - B



CẮT C - D

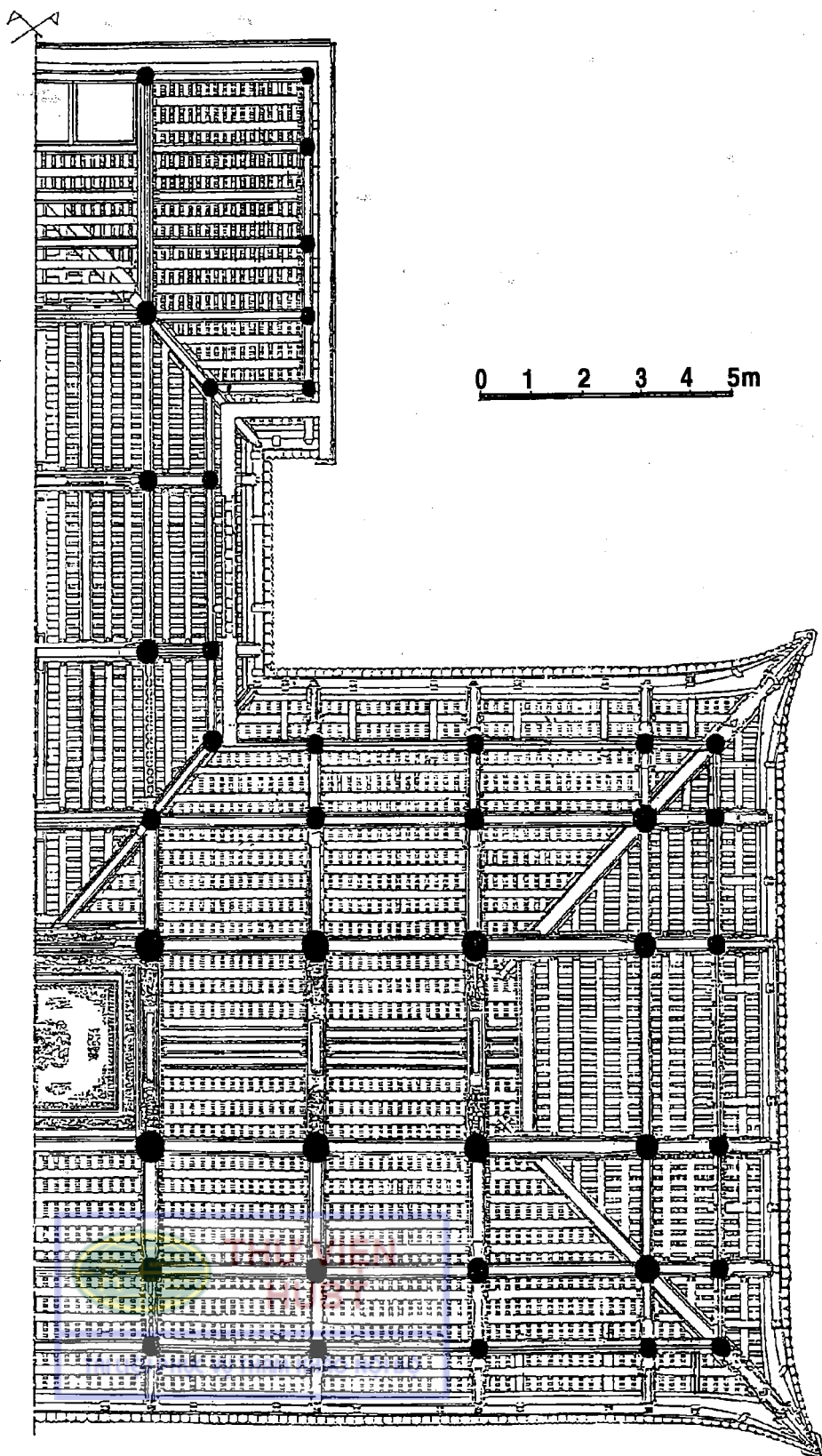


18. ĐÌNH ĐÌNH BẢNG – BẮC NINH

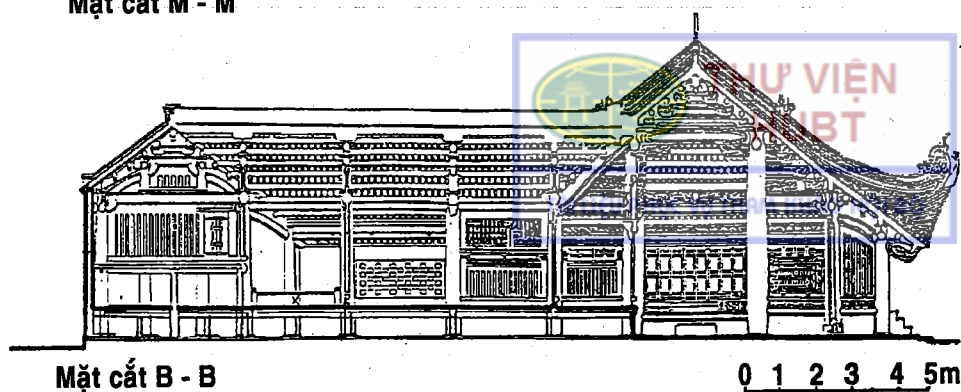
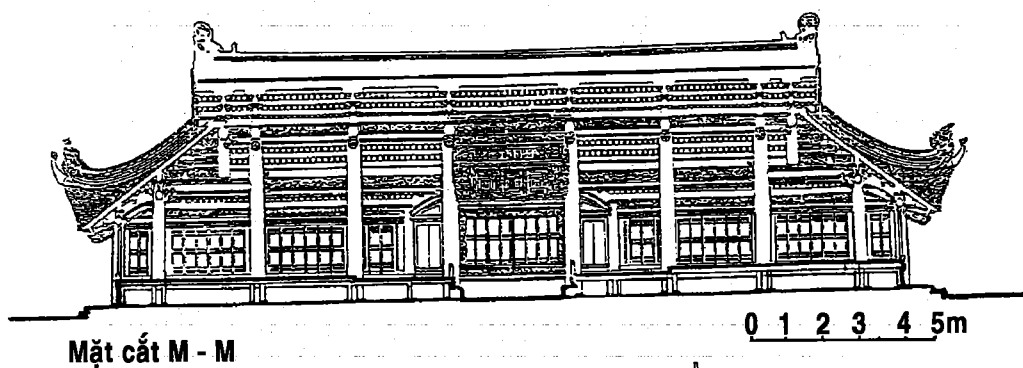
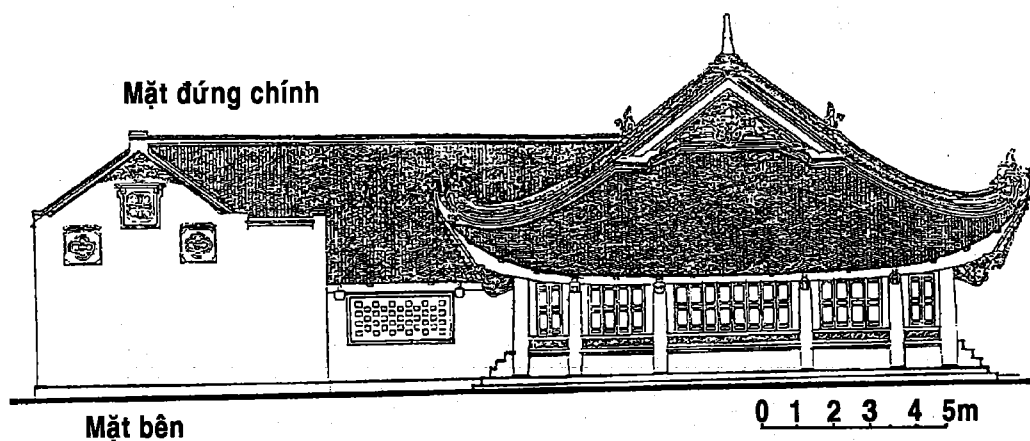
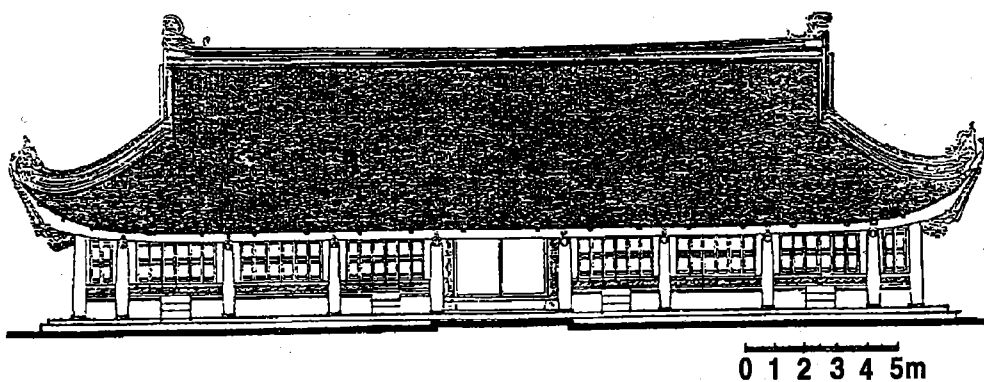


MẶT BẰNG TRẦN

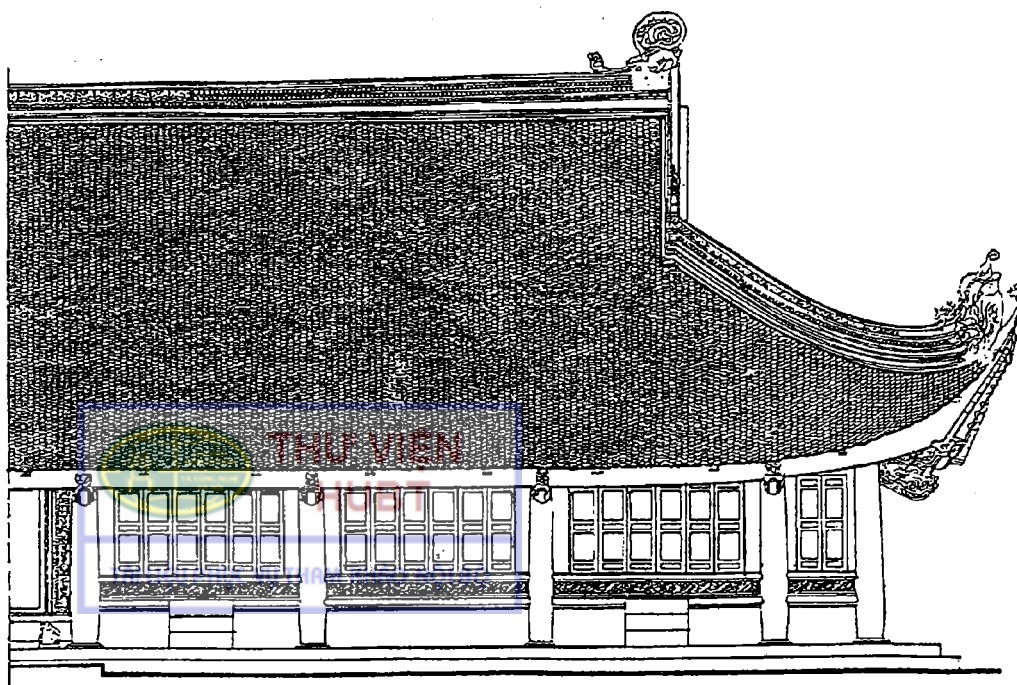
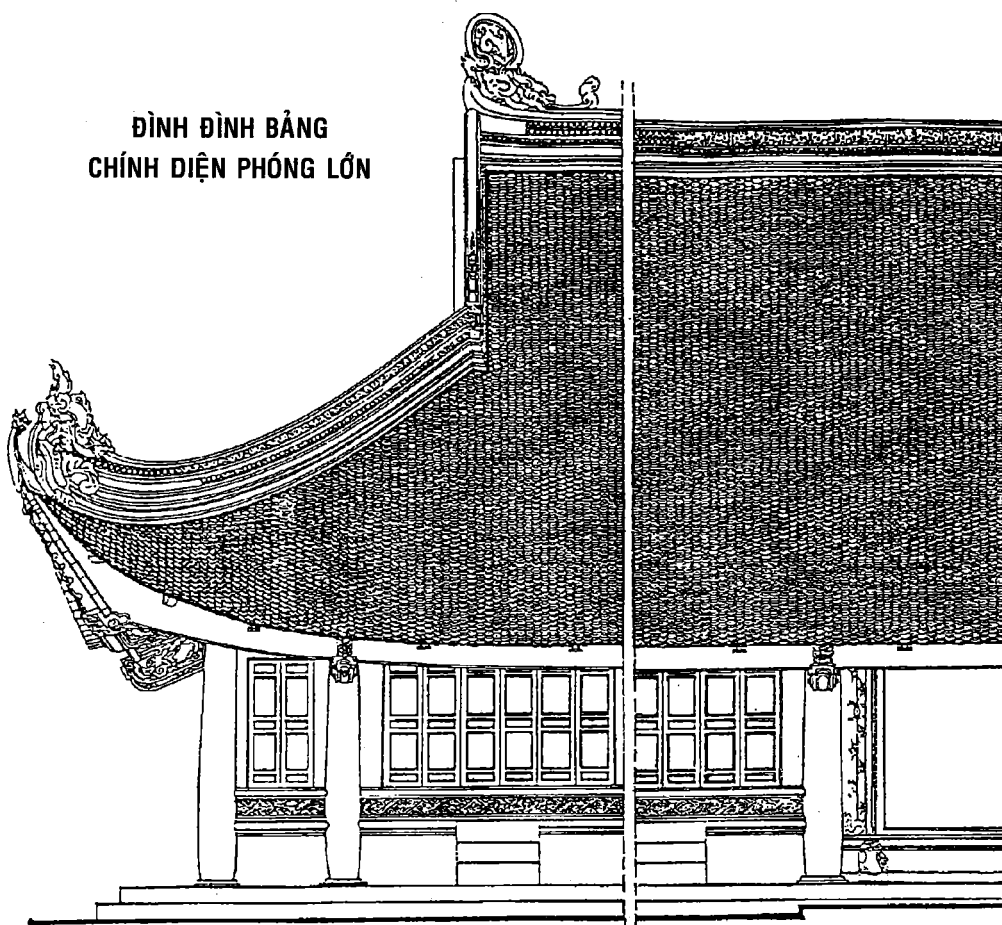


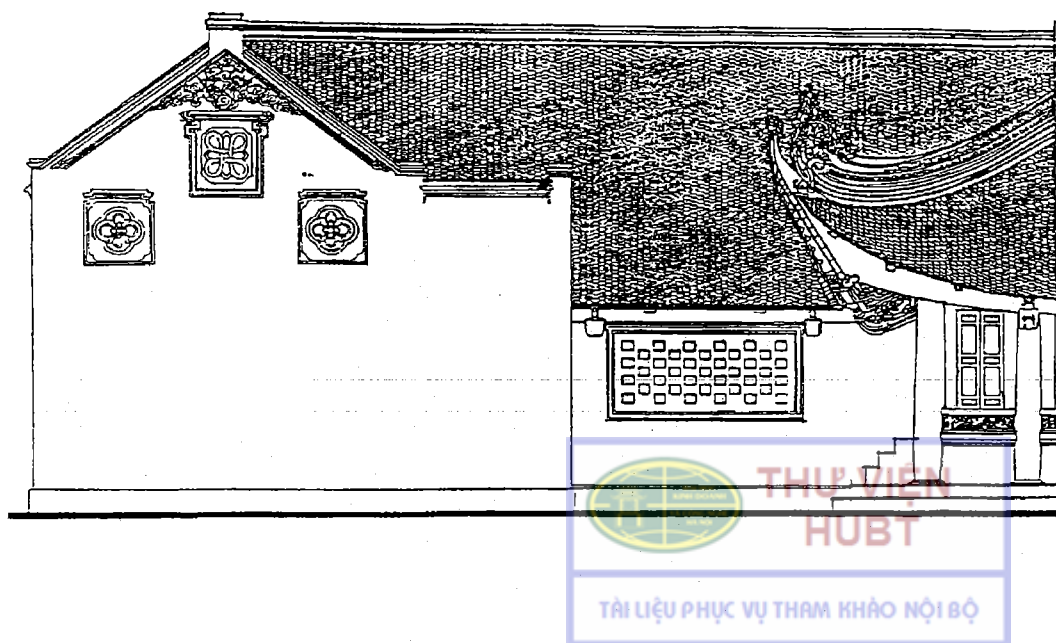
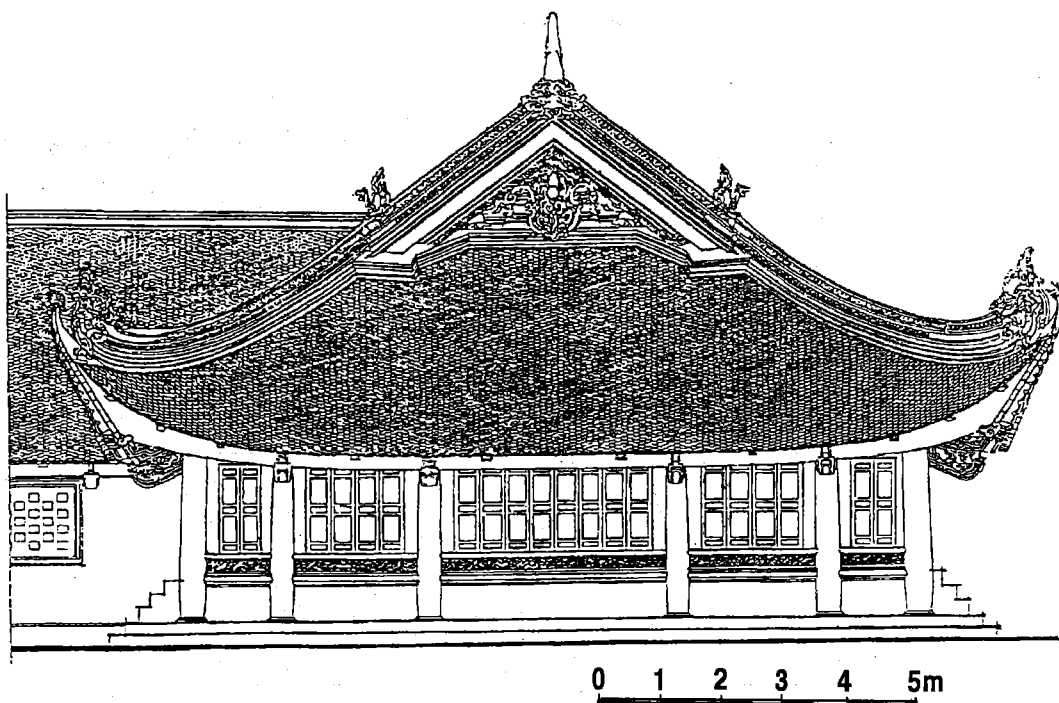


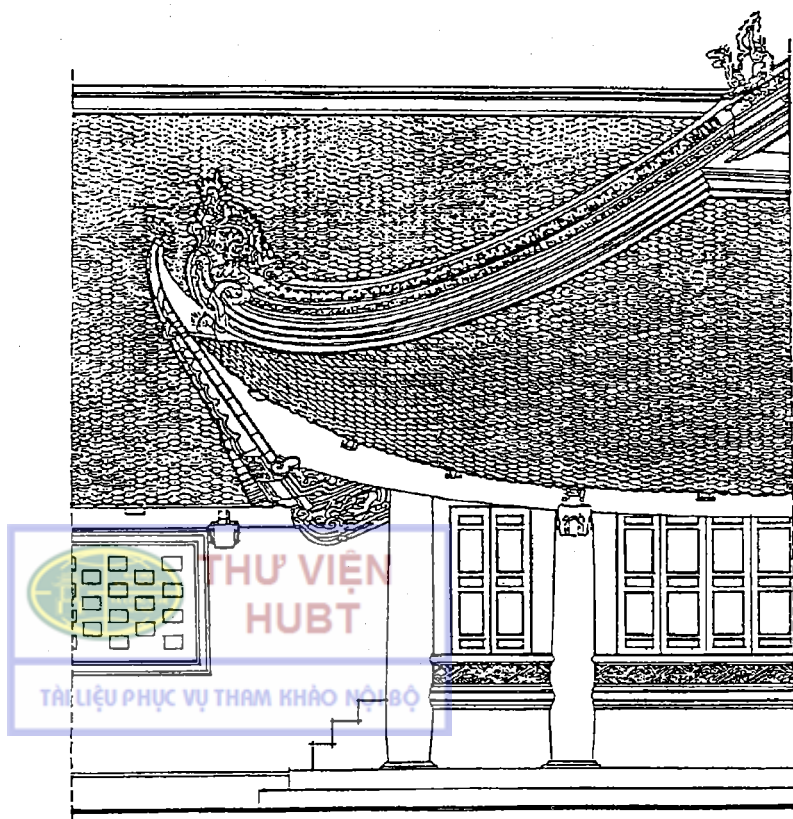
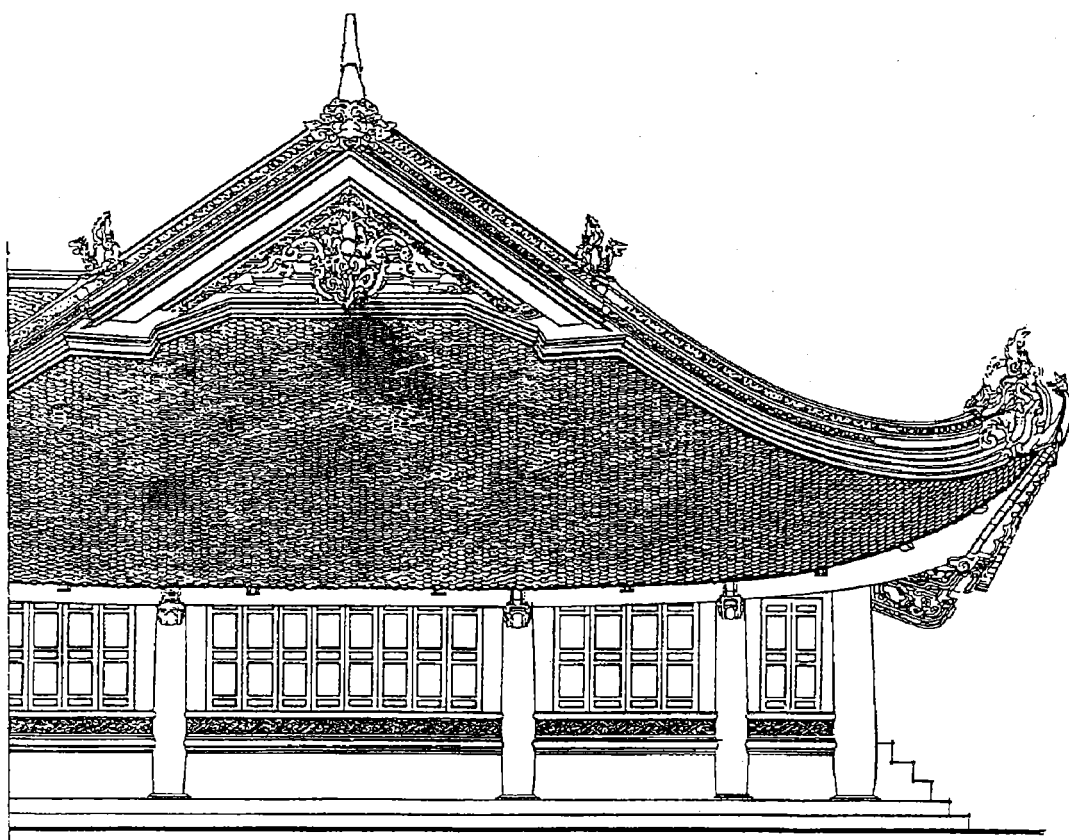
ĐÌNH ĐÌNH BẢNG



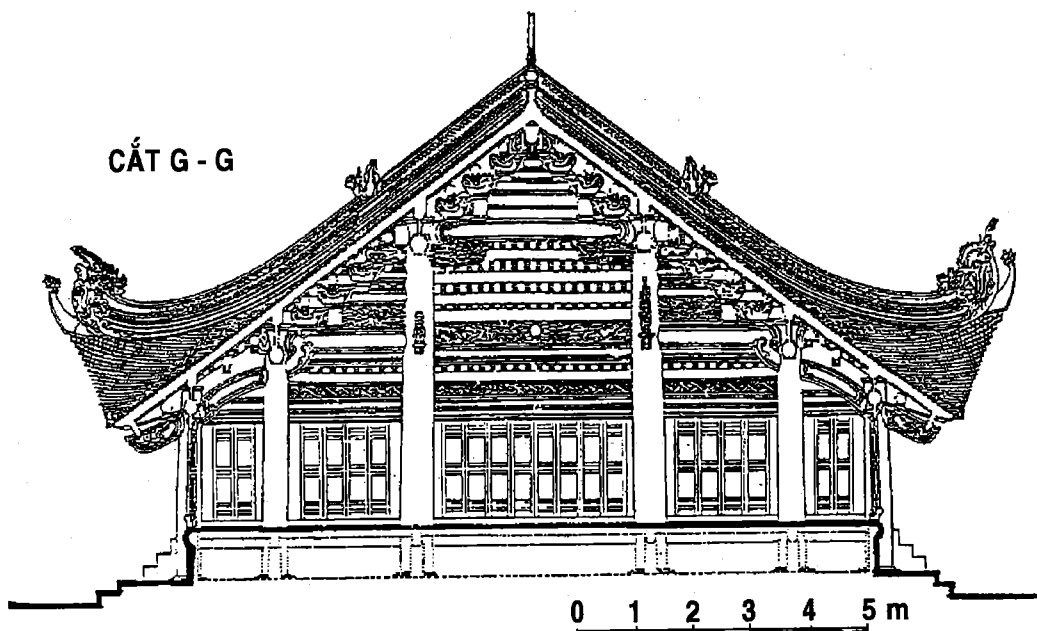
**ĐÌNH ĐÌNH BẢNG
CHÍNH DIỆN PHÓNG LỚN**



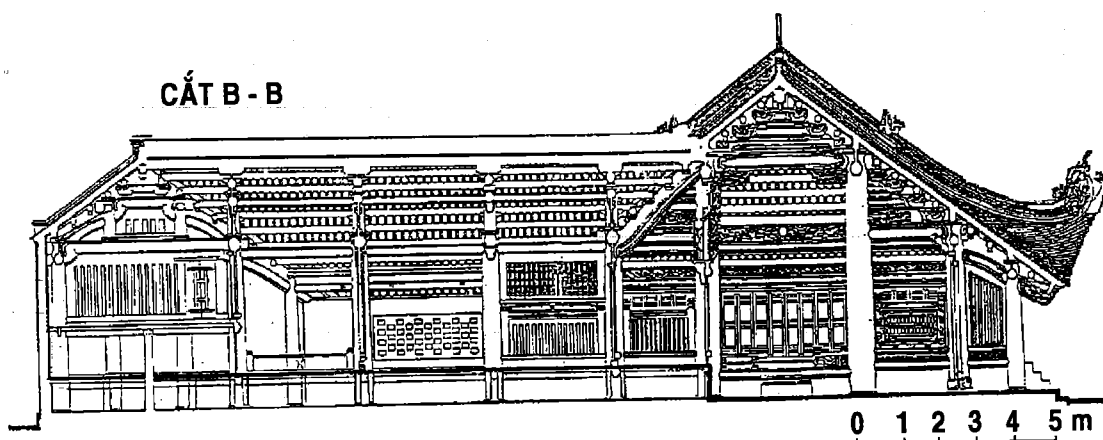




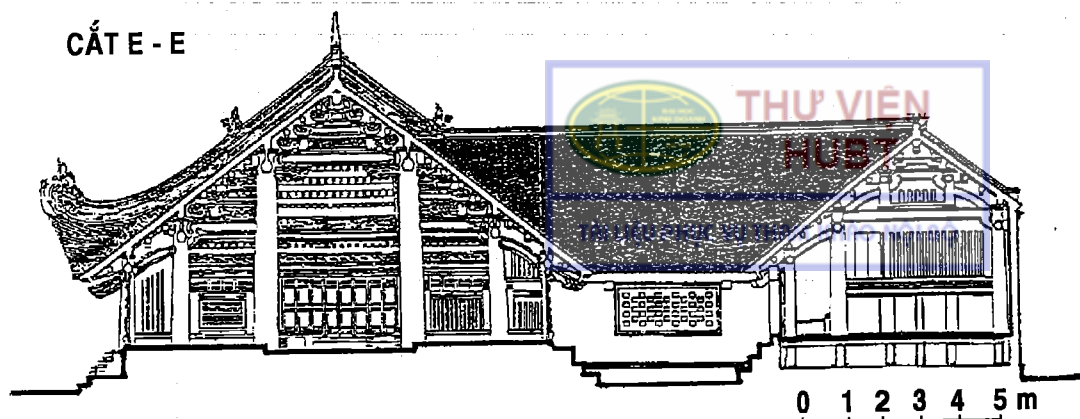
CẮT G - G

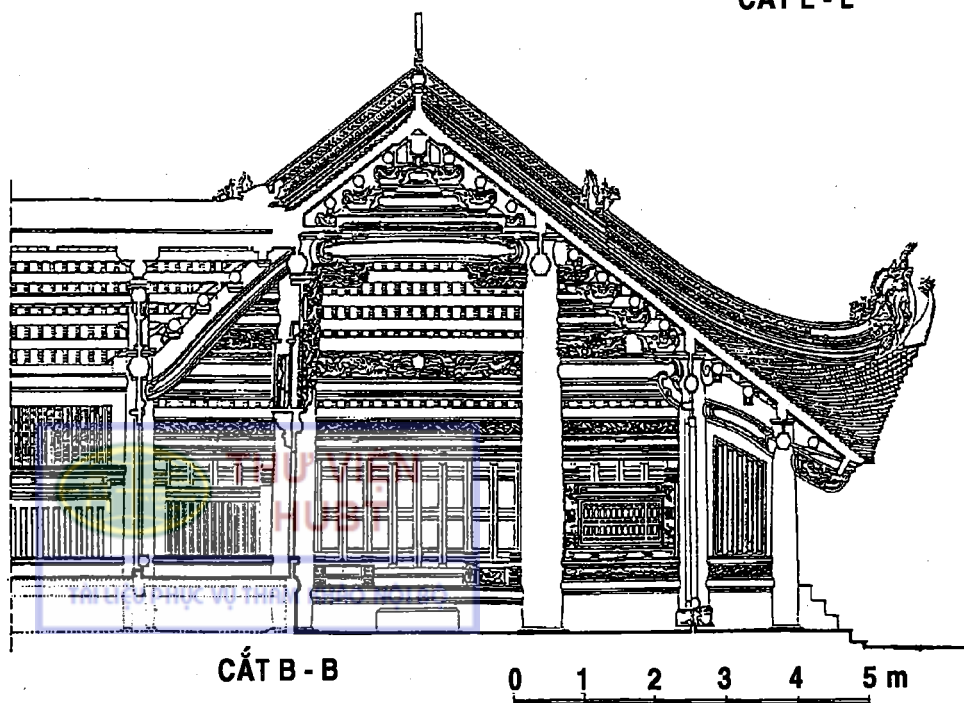
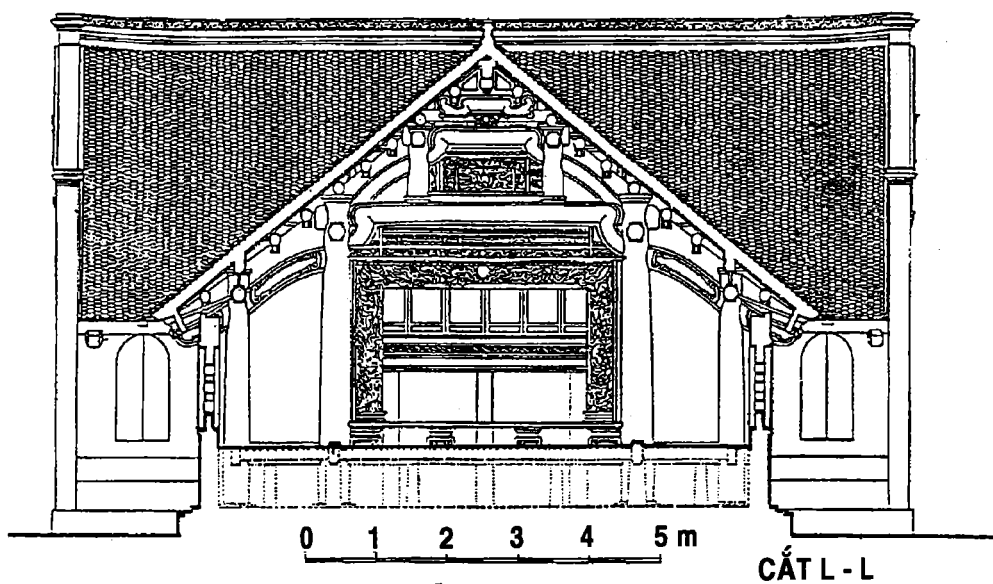
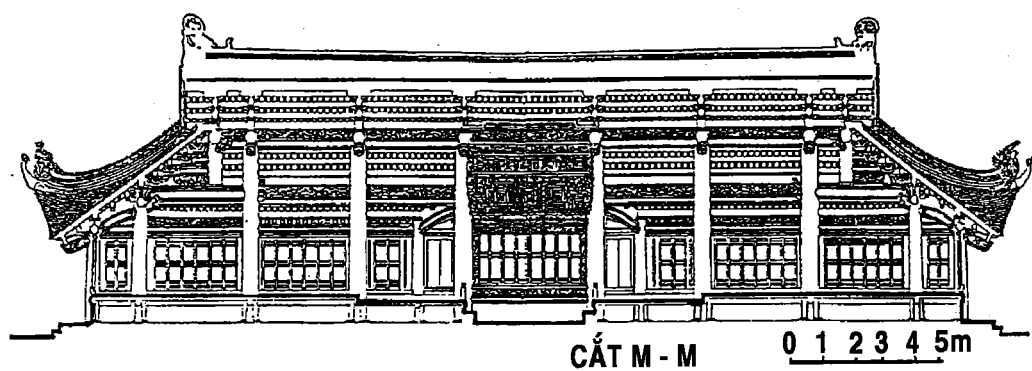


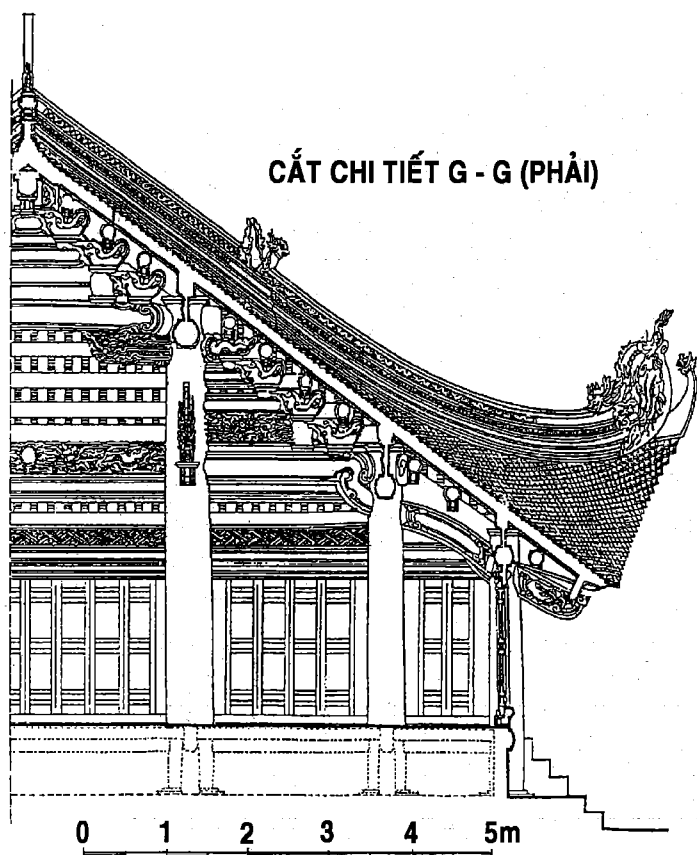
CẮT B - B



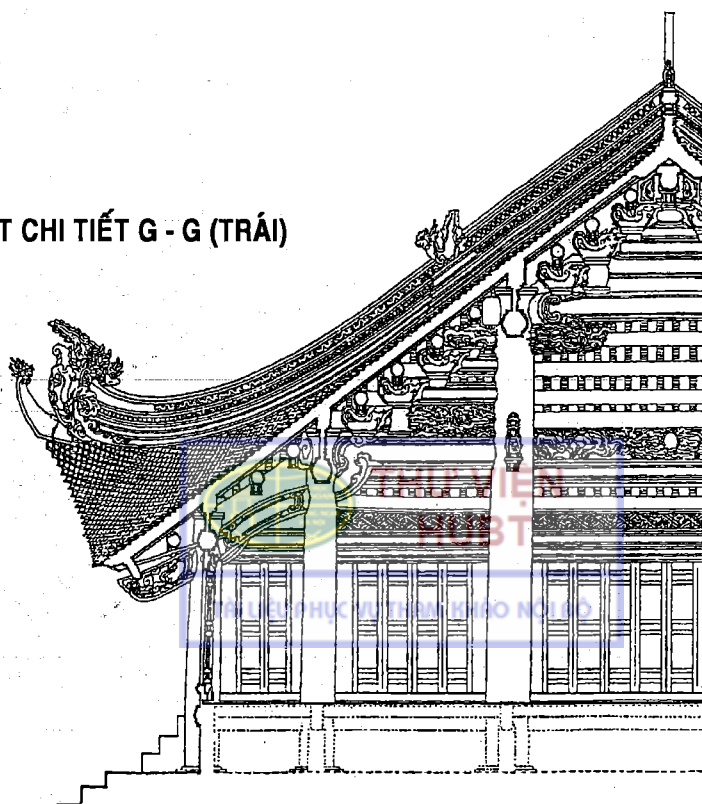
CẮT E - E



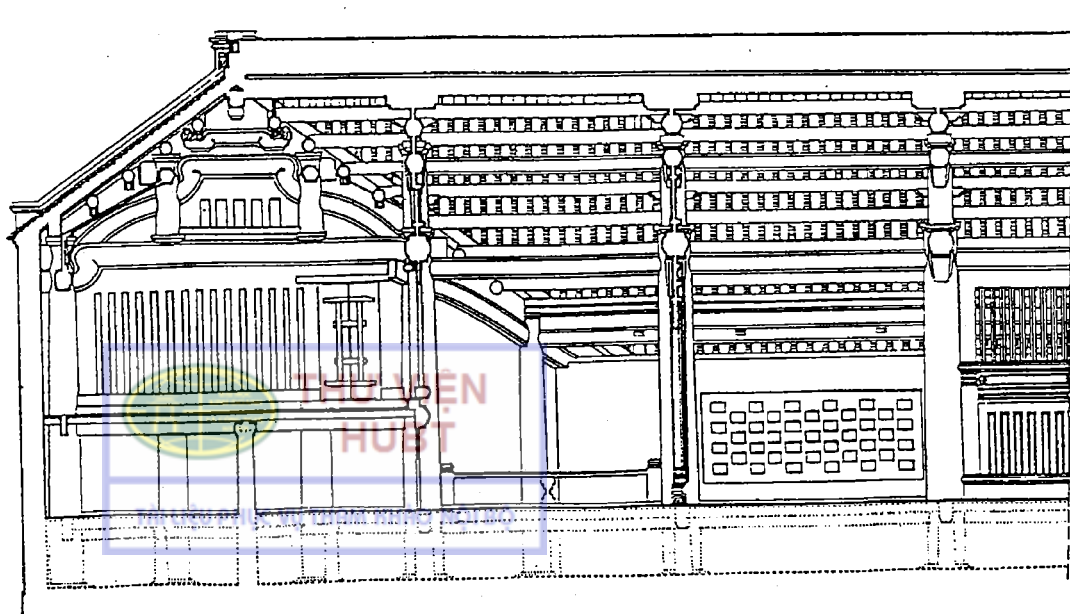
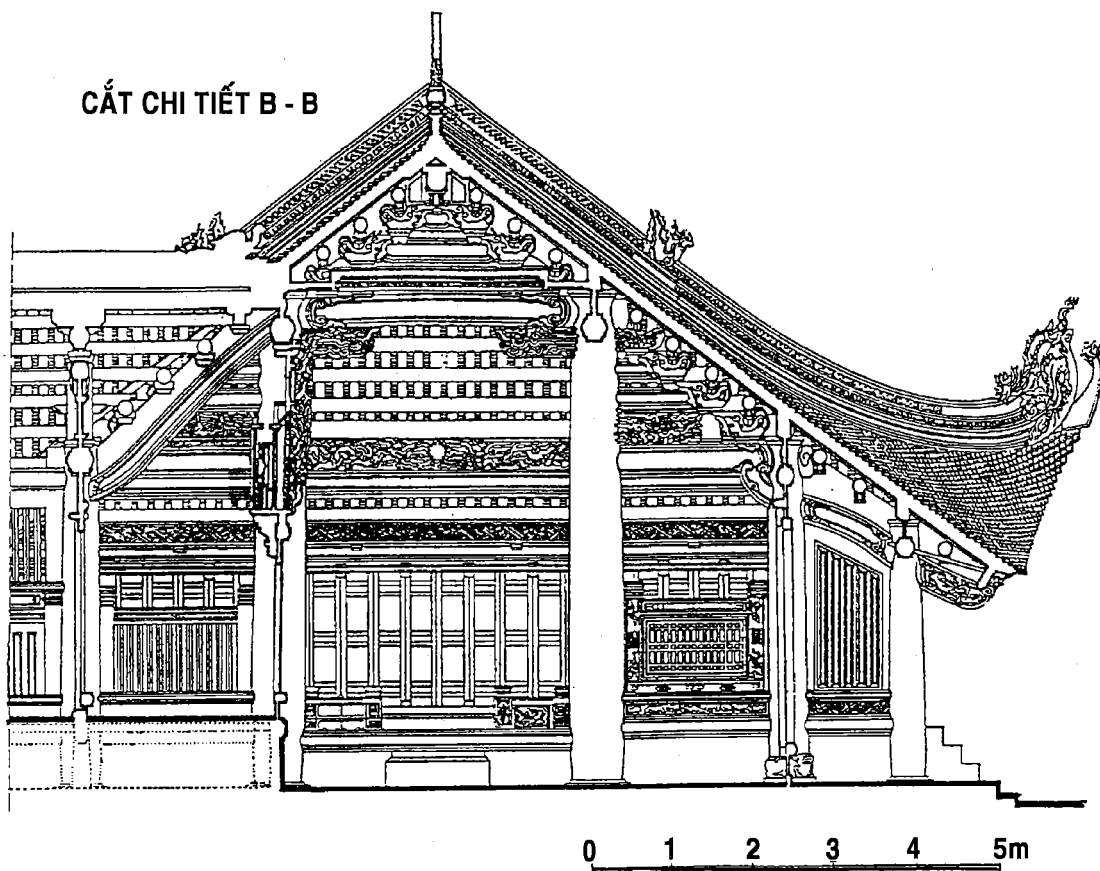


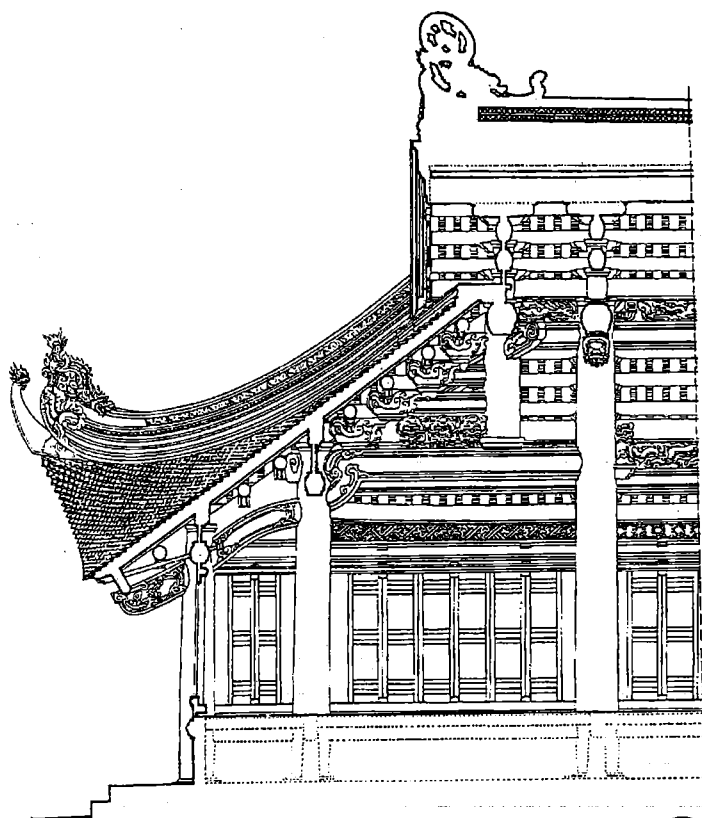


CẮT CHI TIẾT G - G (TRÁI)

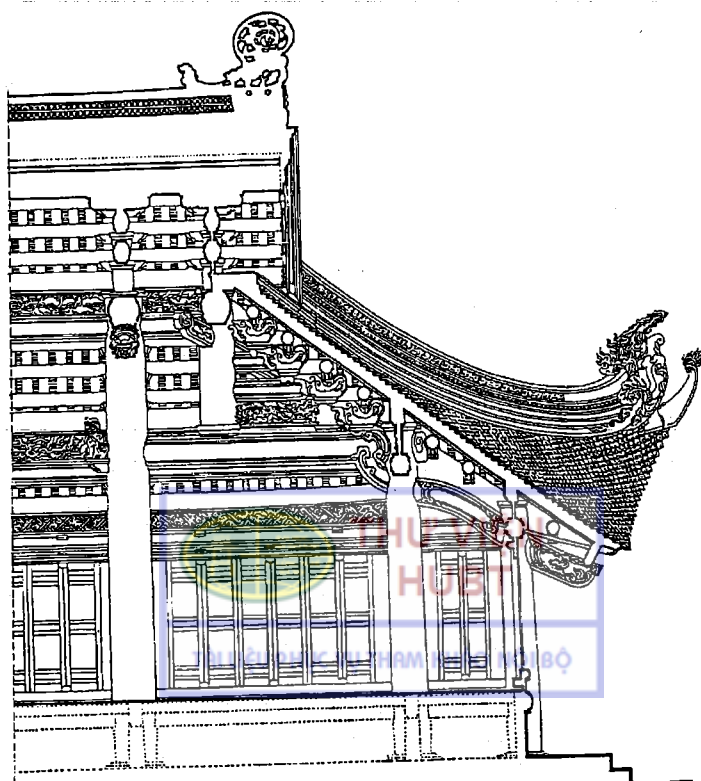


CẮT CHI TIẾT B - B



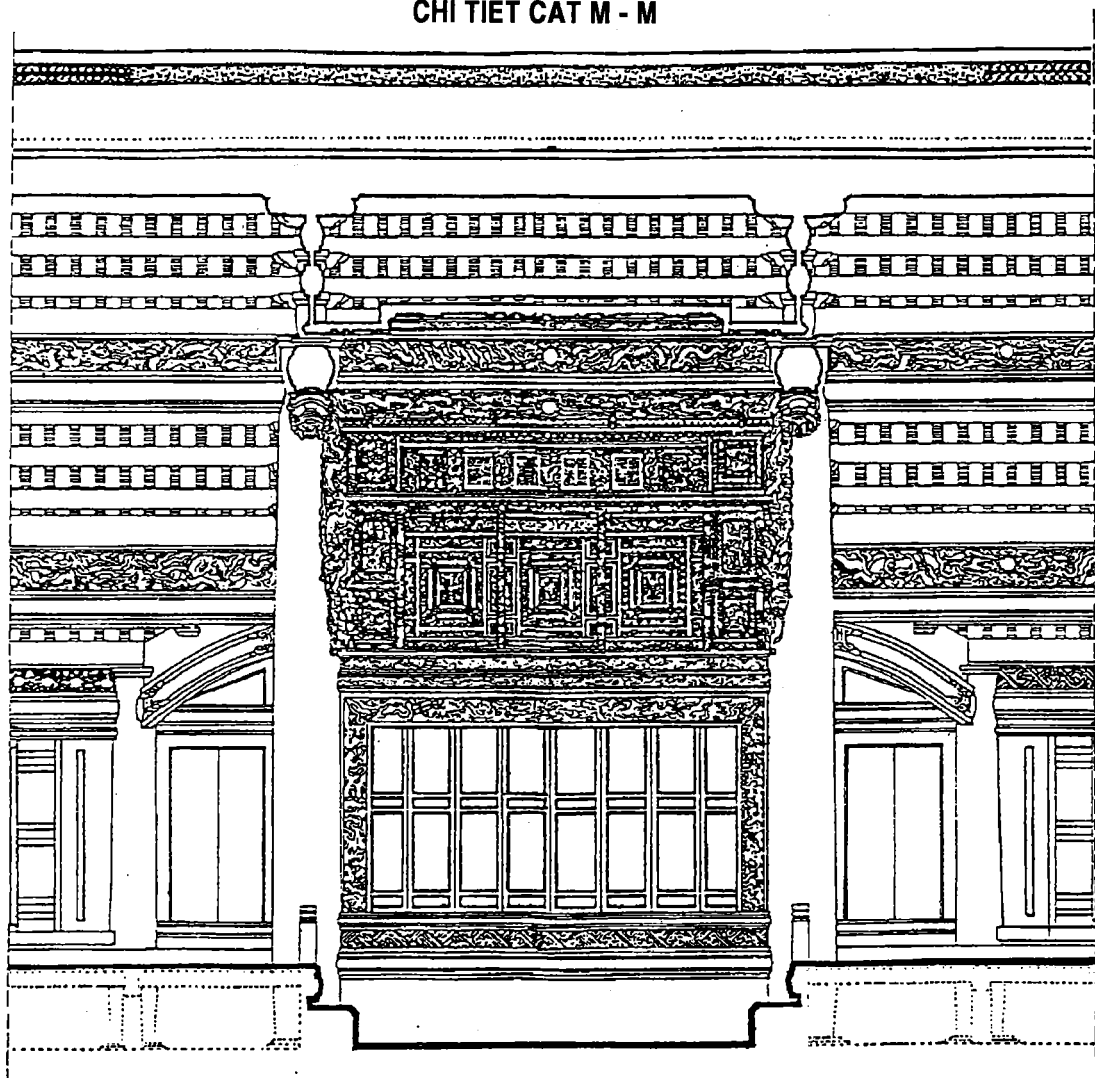


CẮT CHI TIẾT M - M

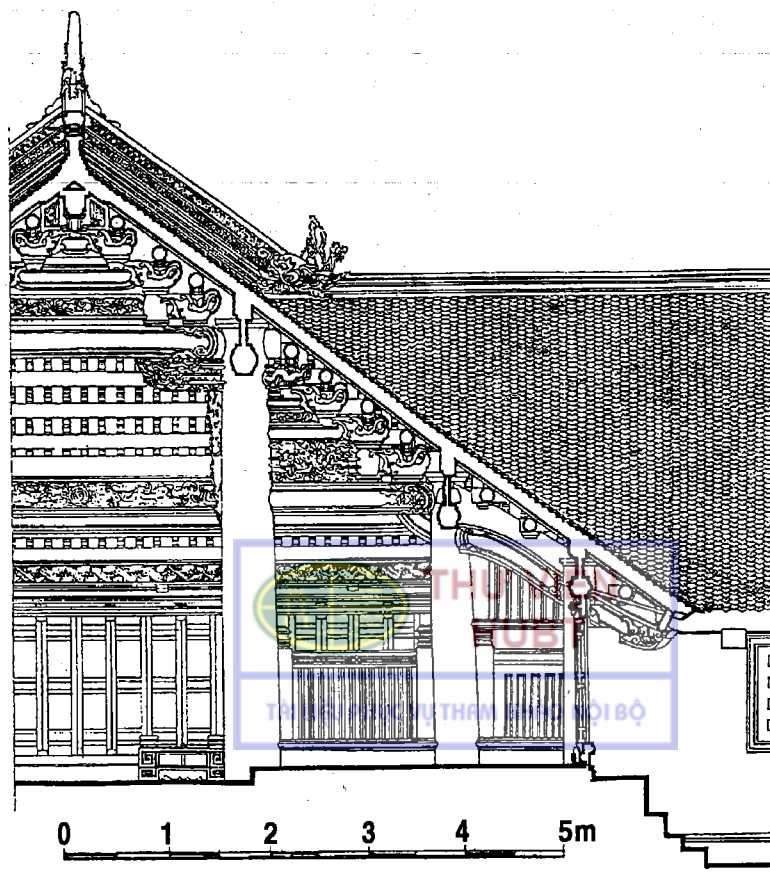
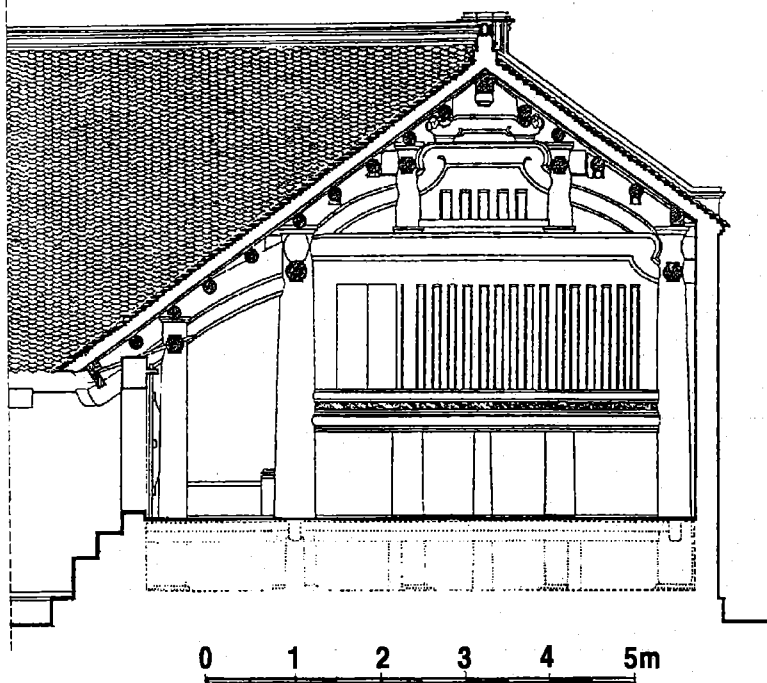


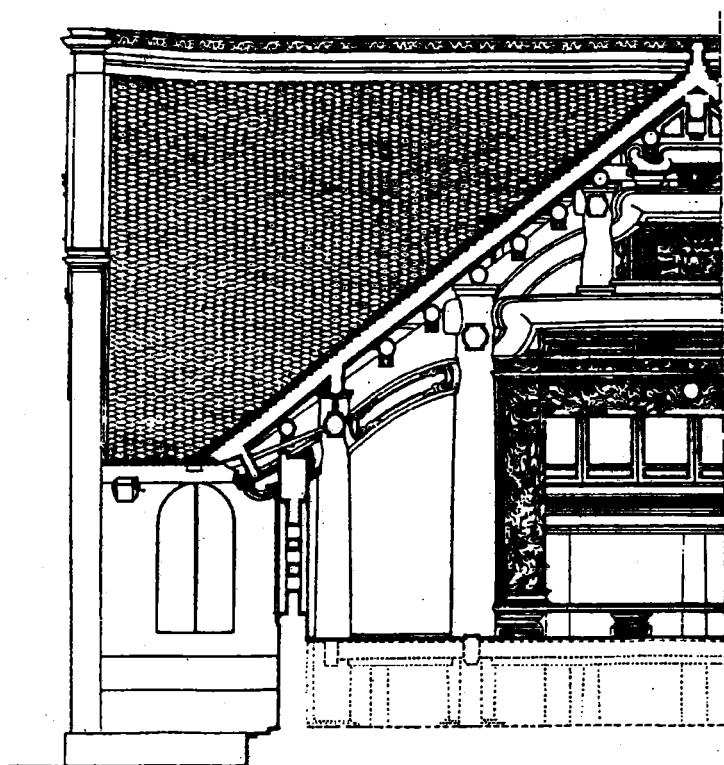
0 1 2 3 4 5m

CHI TIẾT CẮT M - M

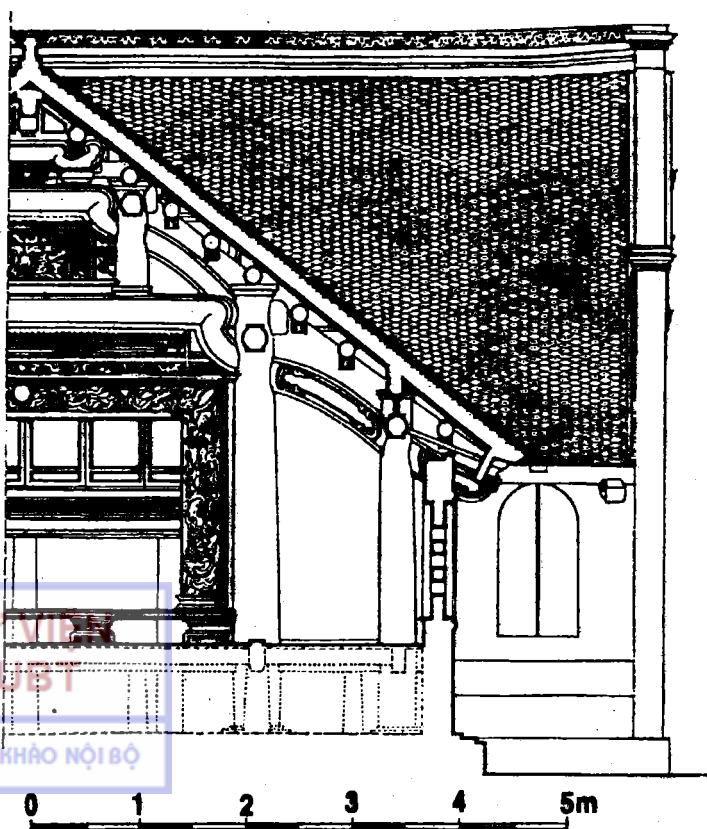


CHI TIẾT CẮT G - G





CHI TIẾT CẮT L - L



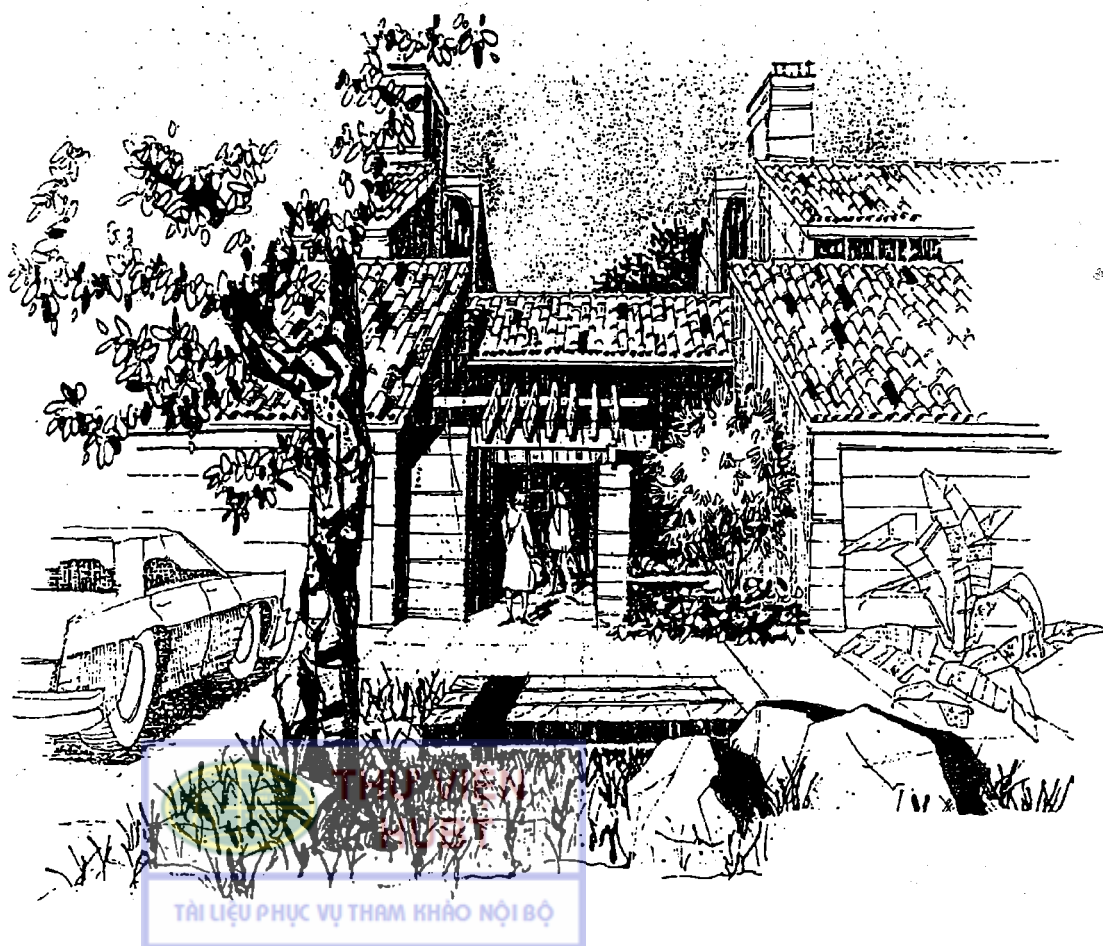


**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Phần 5

BÓNG KIẾN TRÚC

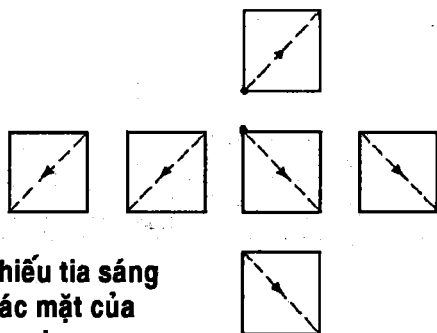
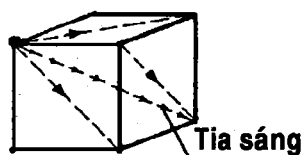


ĐỀ THI

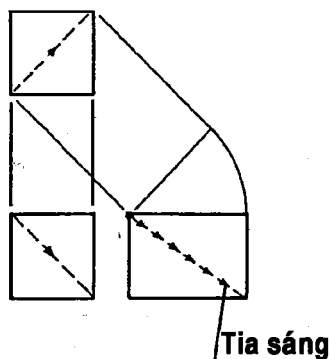
ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA



1. ÁNH SÁNG QUY ƯỚC VÀ BÓNG



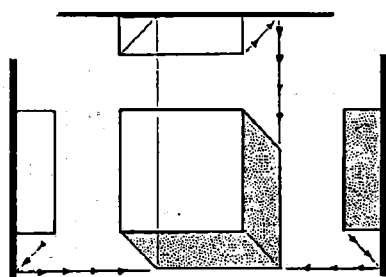
Hình chiếu tia sáng
trên các mặt của
khối lập phương



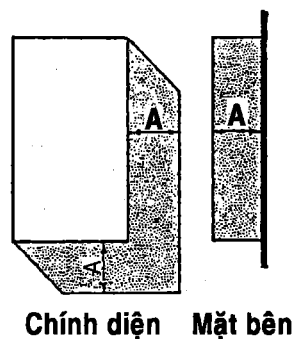
Tia sáng trên đường chéo
của khối lập phương

Tia sáng trên đường chéo
các mặt của khối lập phương

2. BÓNG CỦA CÁC KHỐI GẮN TRÊN TRẦN, TƯỜNG, SÀN

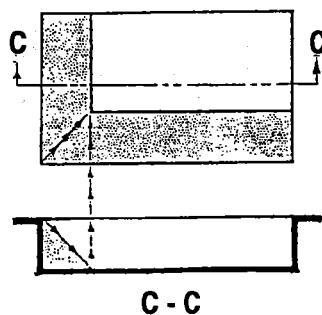
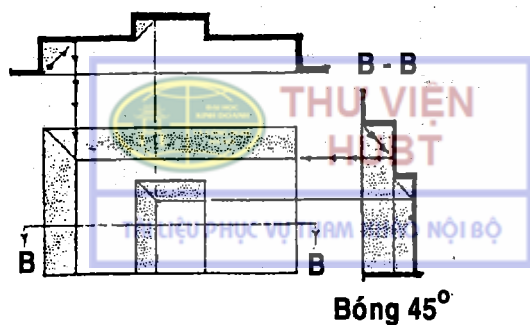


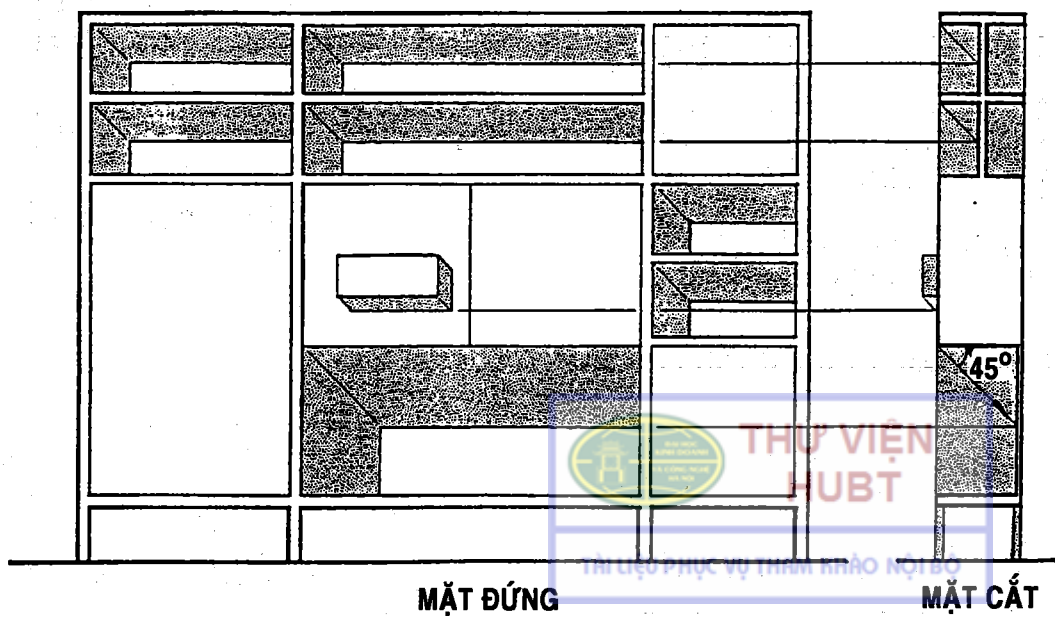
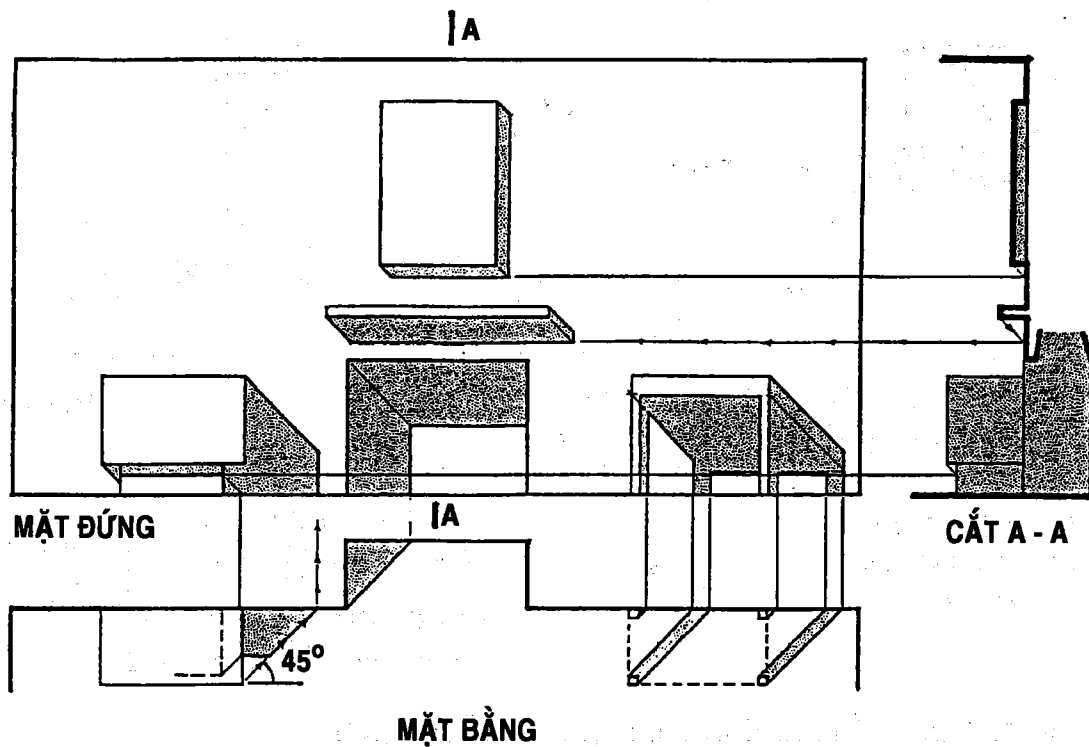
Bóng 45° trên các mặt hình chiếu
của khối nổi trên tường



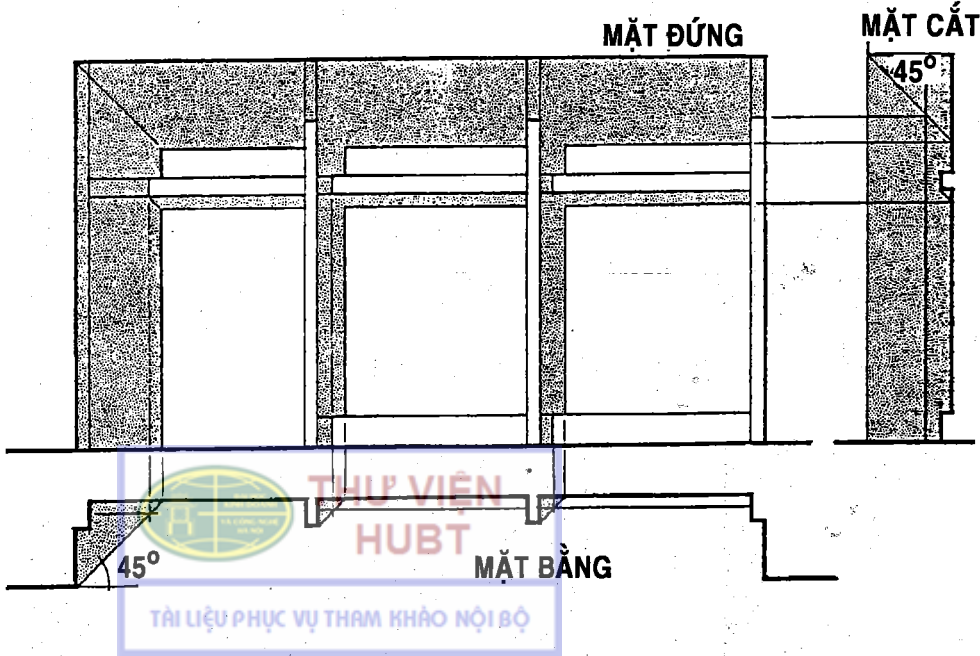
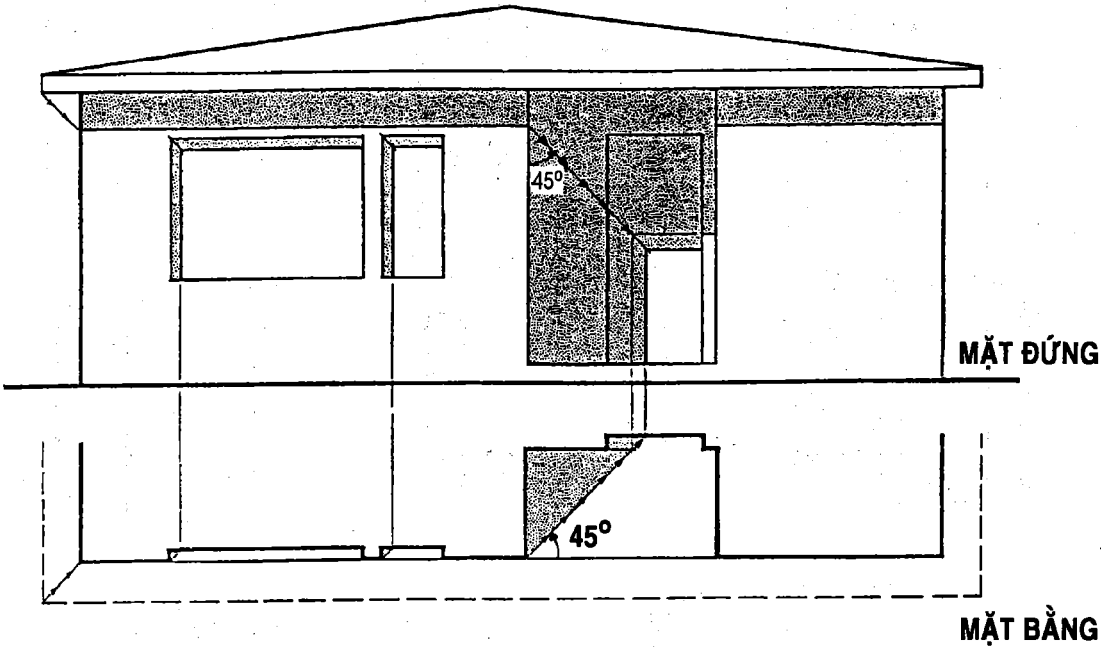
Chính diện Mặt bên

BÓNG CỦA CÁC KHỐI ÂM TRONG TƯỜNG

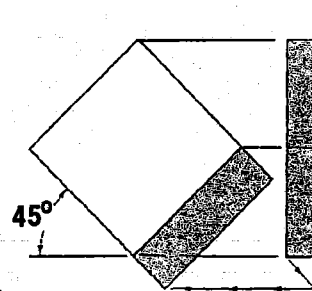
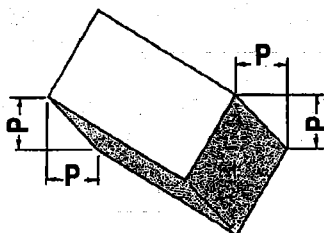
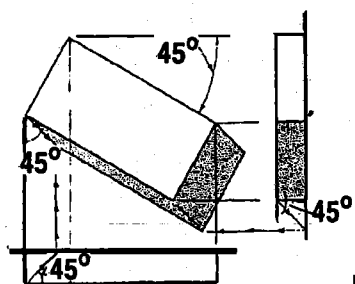
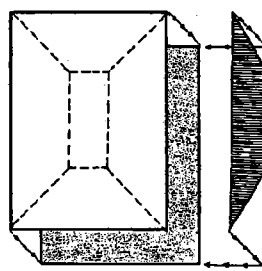
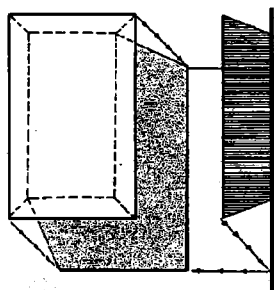
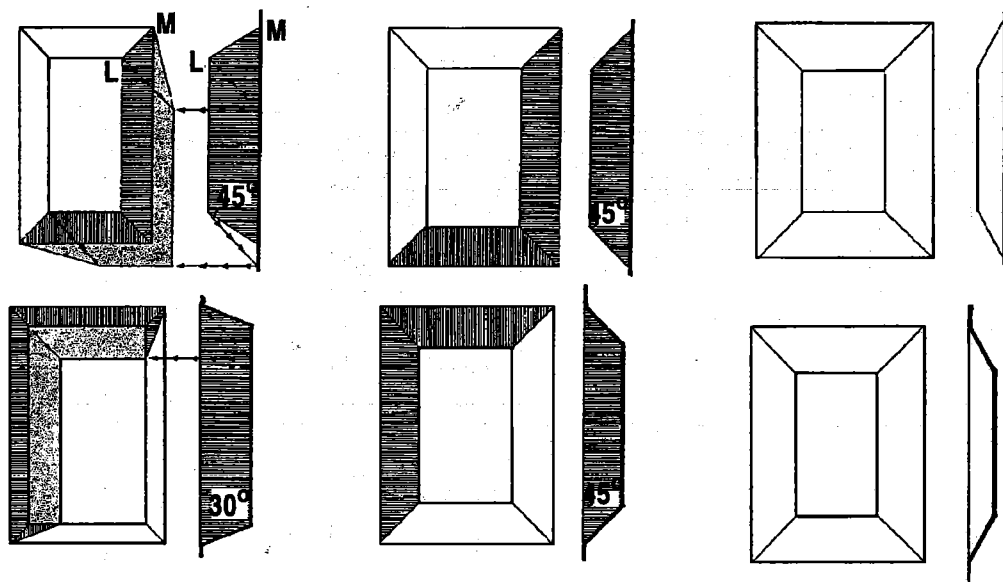




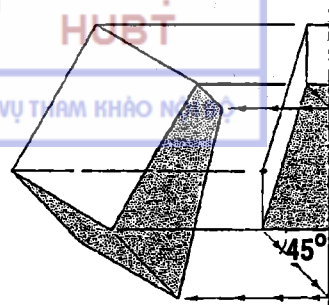
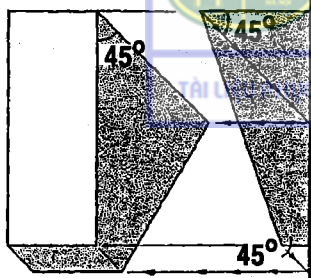
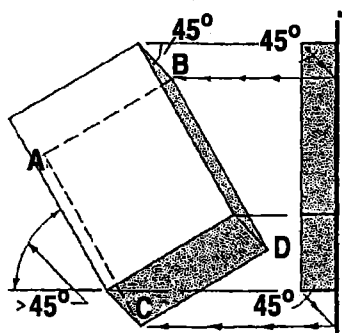
BÓNG ĐỒ VÀ THẨM MỸ MẶT ĐỨNG KIẾN TRÚC

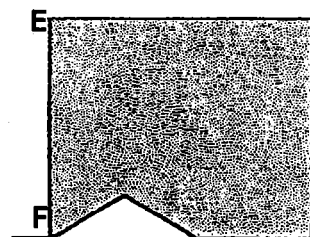
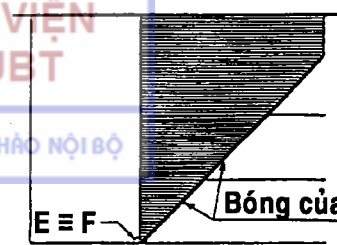
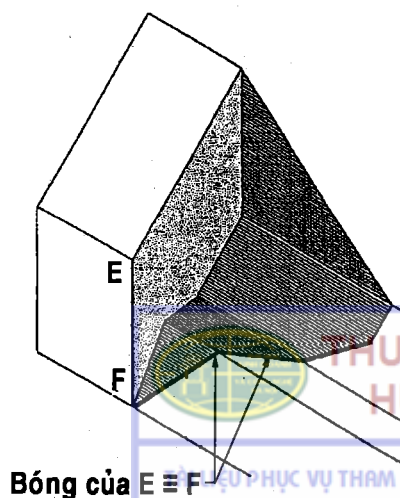
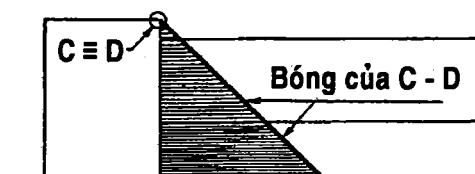
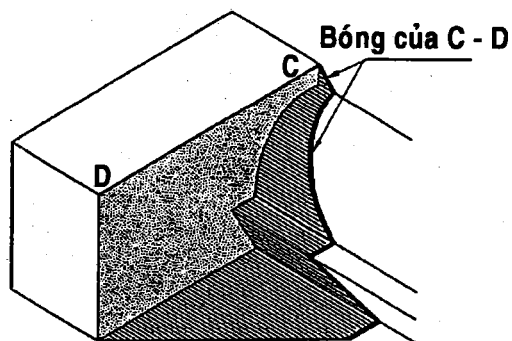
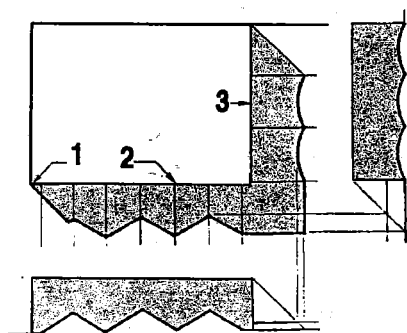
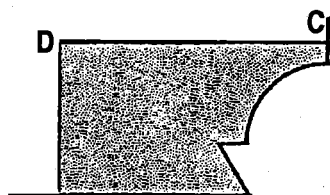
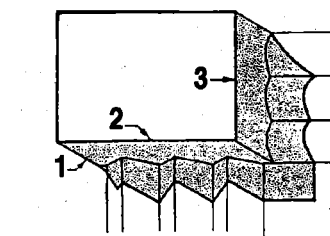
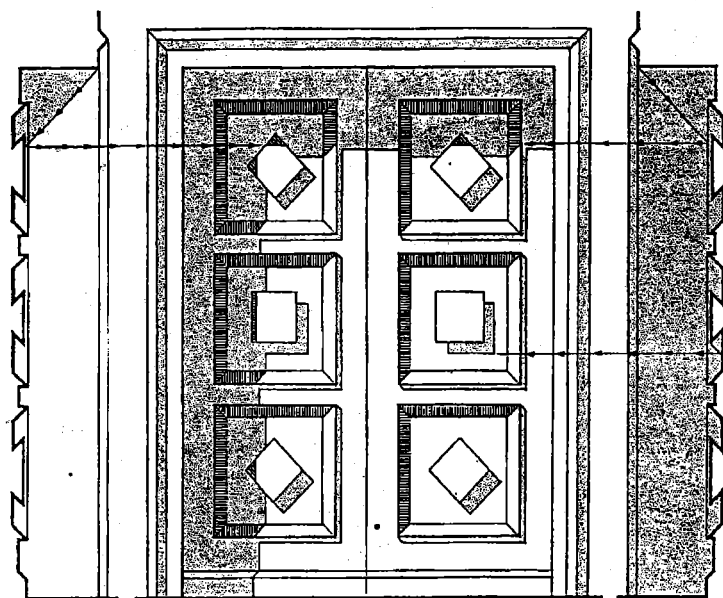


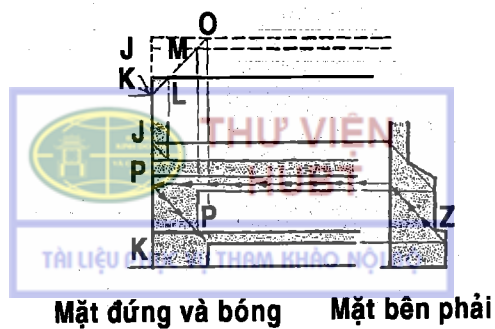
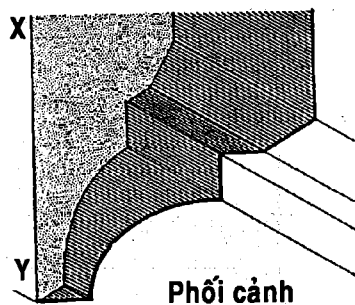
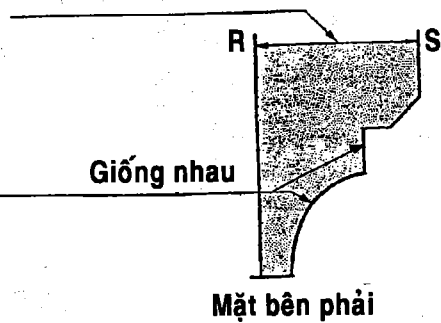
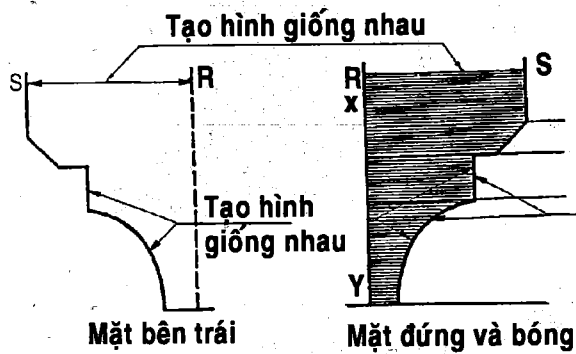
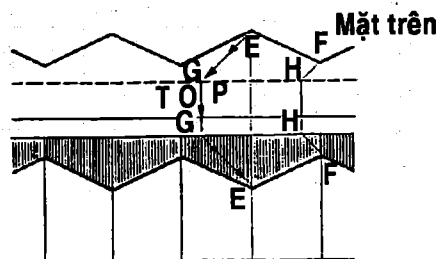
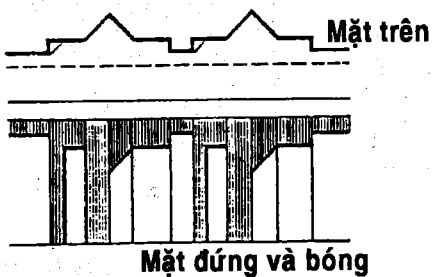
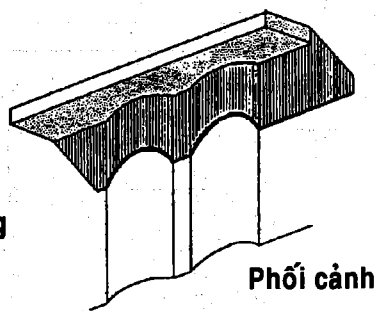
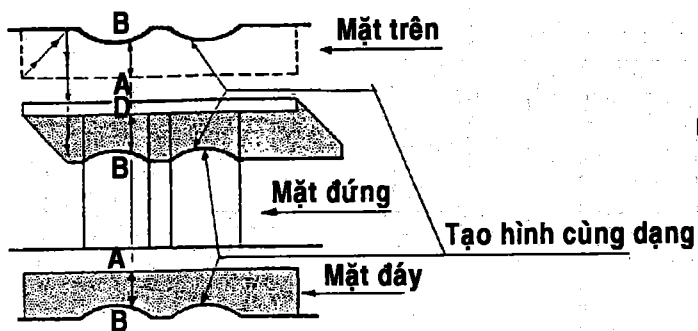
BÓNG CỦA CÁC KHỐI HÌNH THANG GẮN NỔI TRÊN TƯỜNG HOẶC ÂM TRONG TƯỜNG

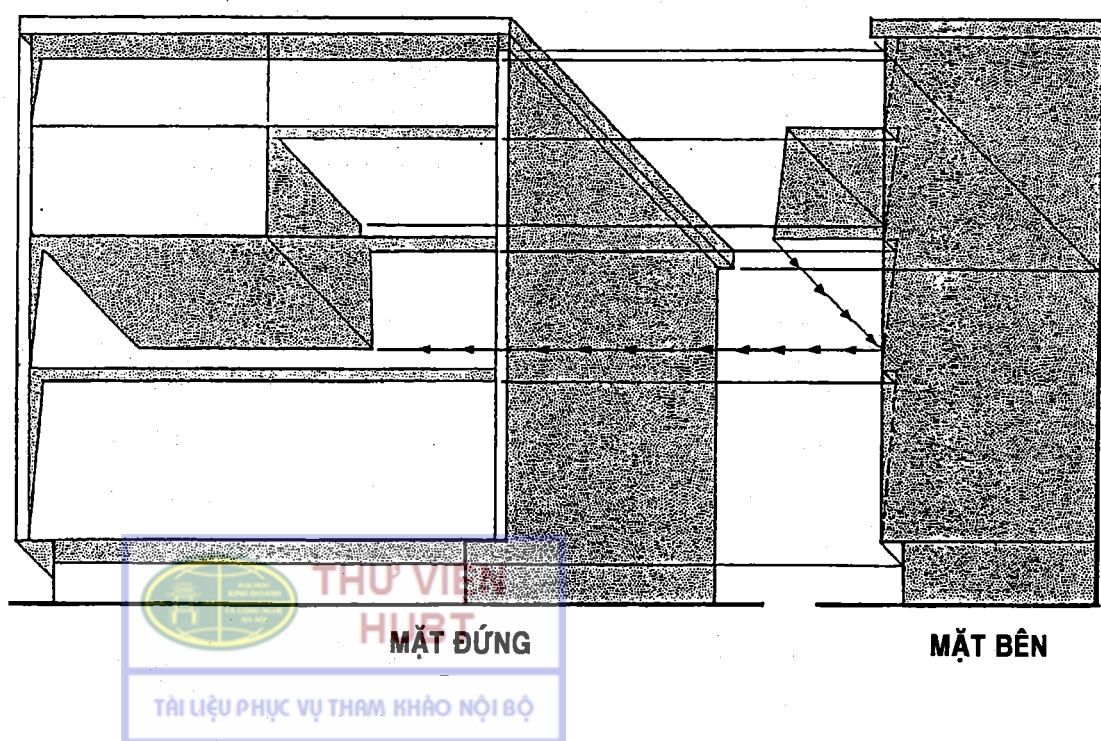
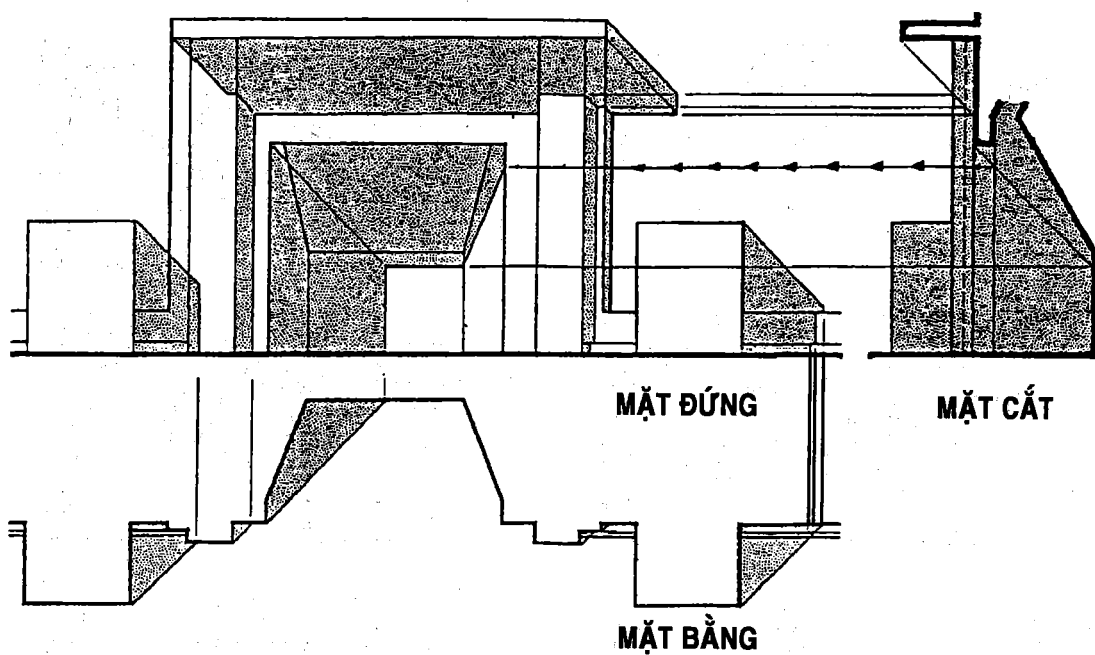


P = Hình chiếu của khối từ tường

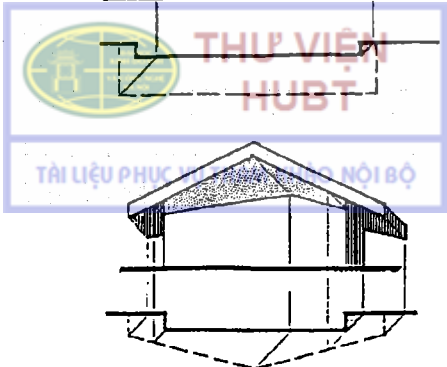
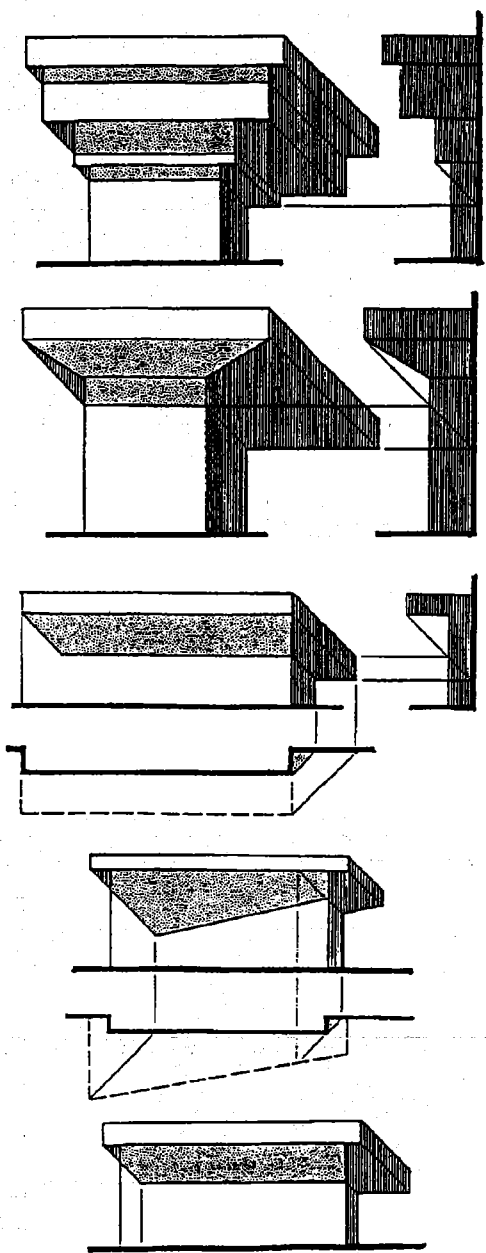
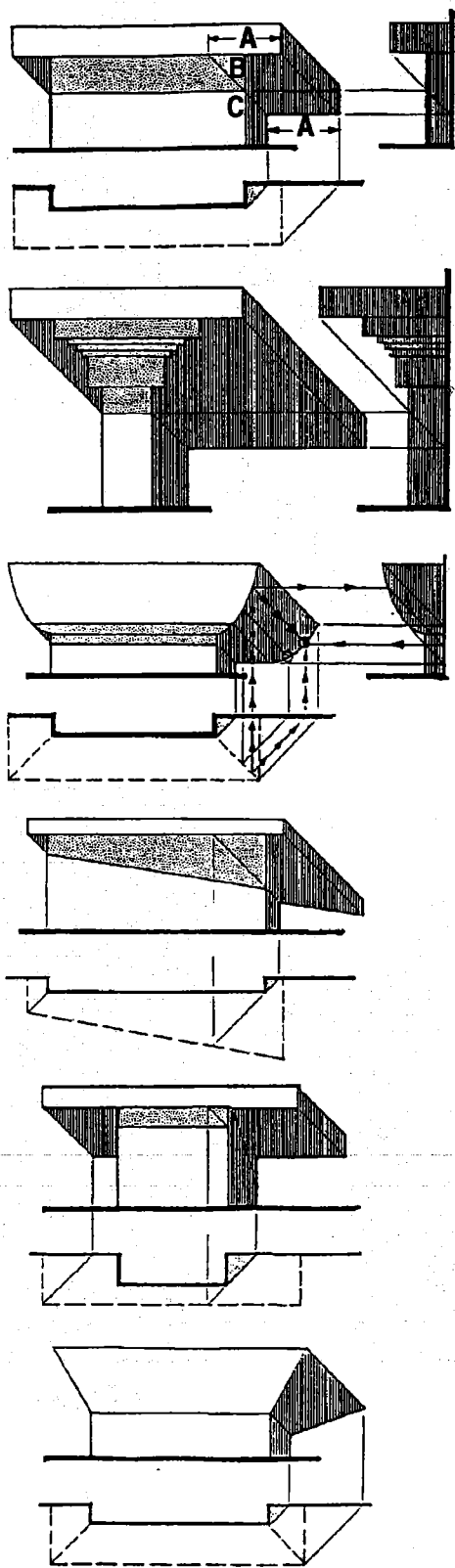




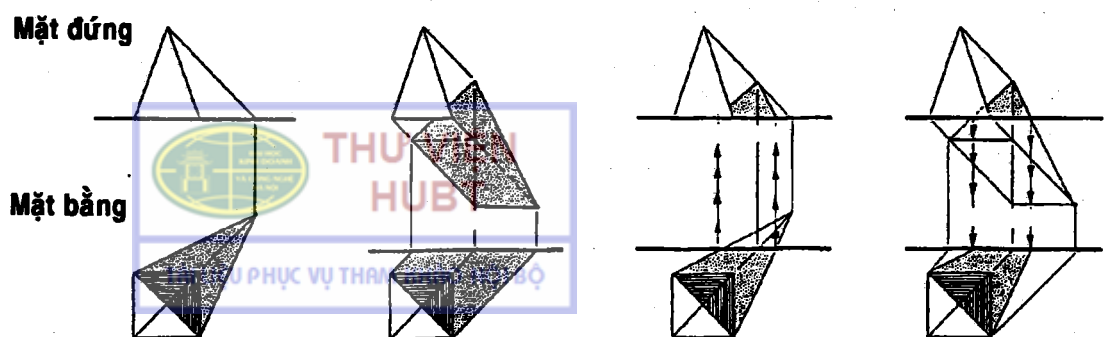
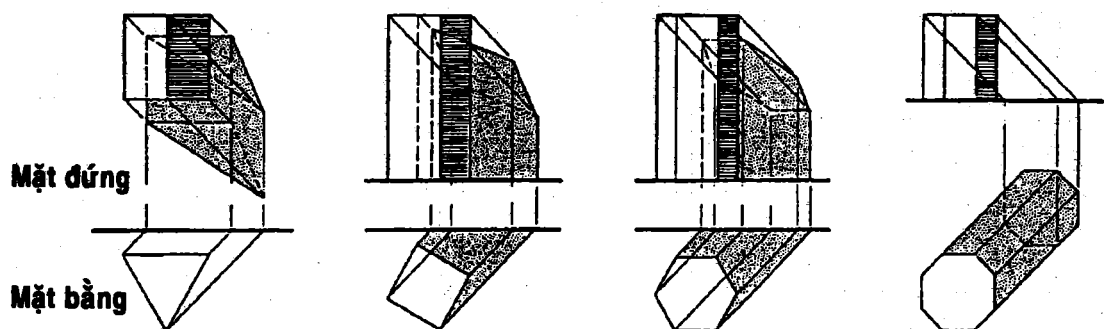
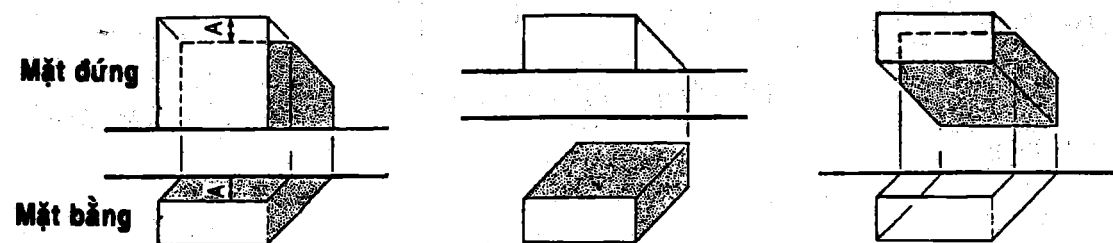
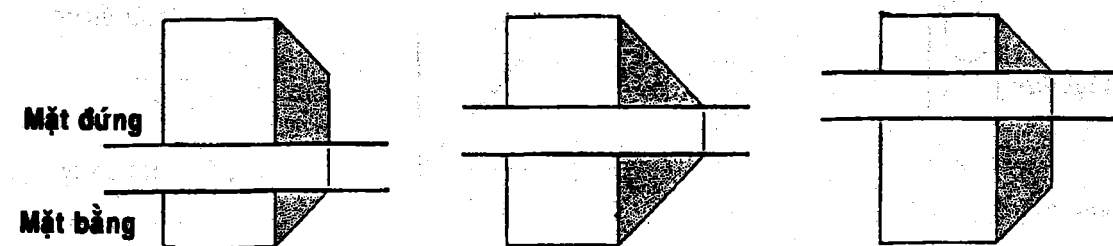




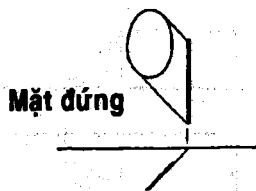
BÓNG ĐỔ



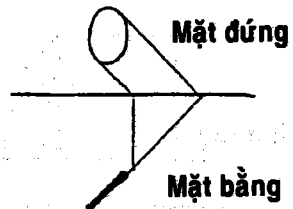
BÓNG CỦA CÁC KHỐI HÌNH HỌC ĐỒ TRÊN TƯỜNG HOẶC SÀN



3. BÓNG CỦA MẶT TRÒN

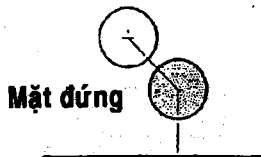


Mặt đứng
Mặt bằng



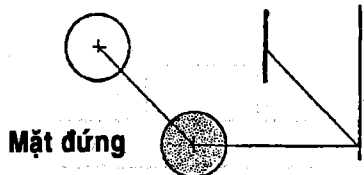
Mặt đứng

Mặt bằng

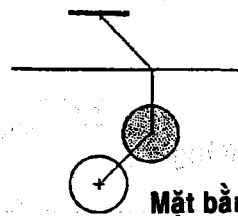


Mặt đứng

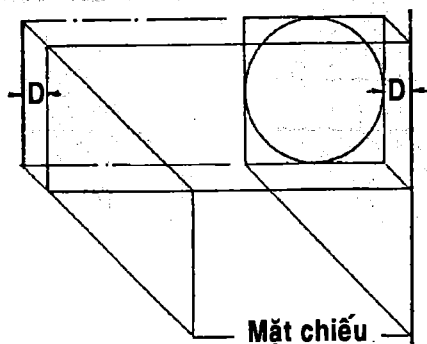
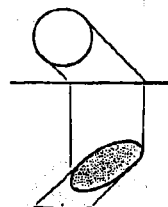
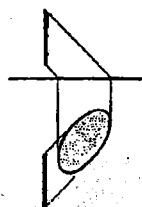
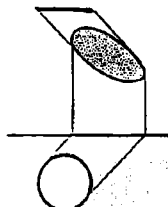
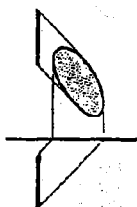
Mặt bằng



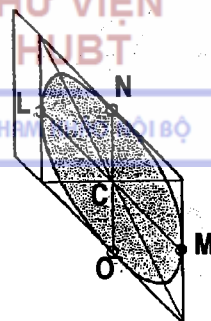
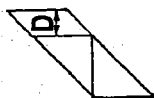
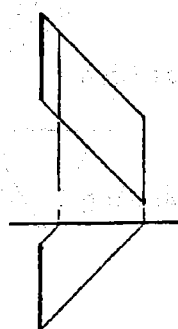
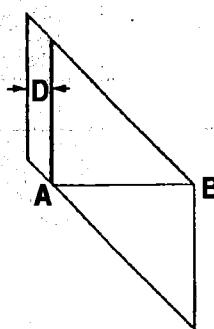
Mặt đứng

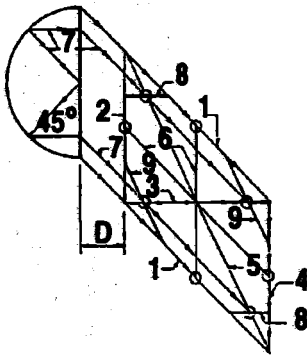
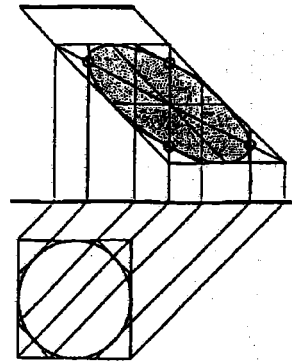
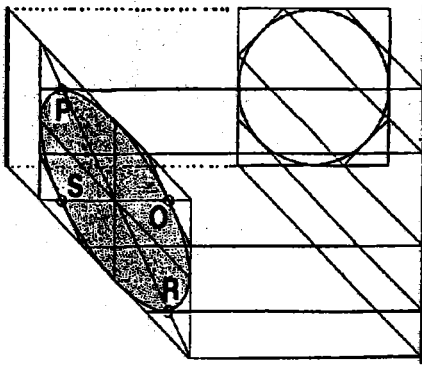


Mặt bằng



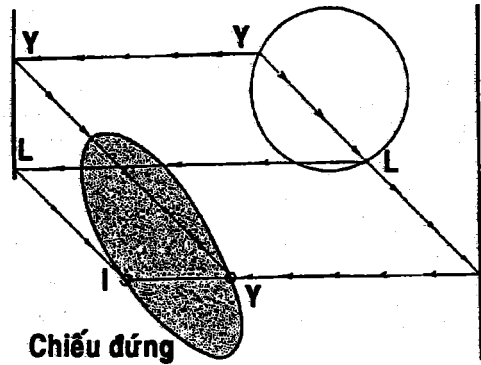
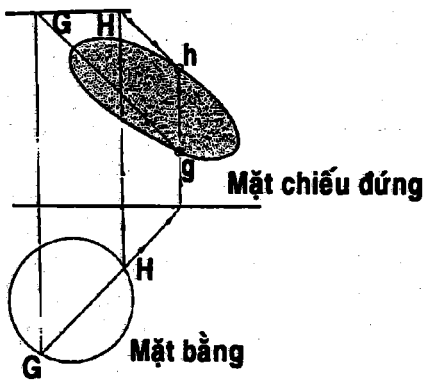
Mặt chiếu





Bóng trên mặt chiếu

Bóng trên mặt bằng



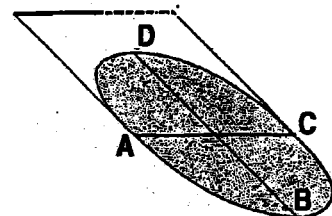
Mặt chiếu đứng

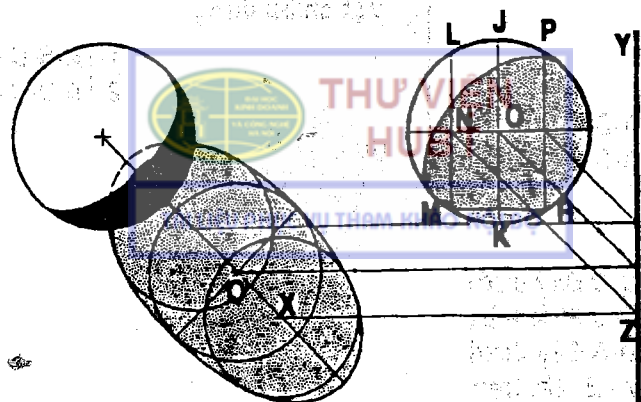
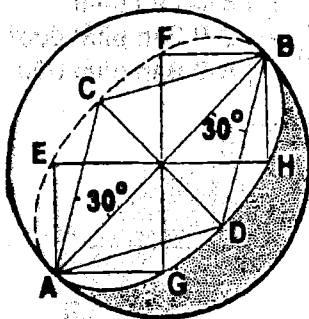
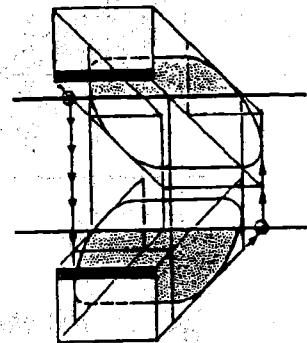
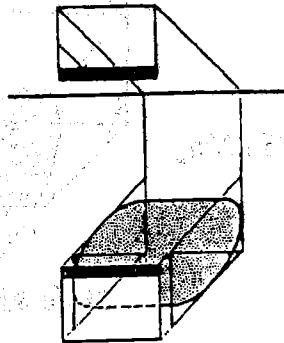
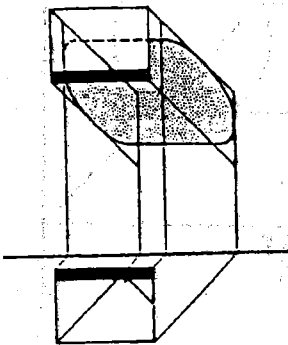
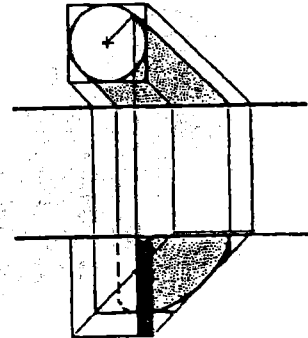
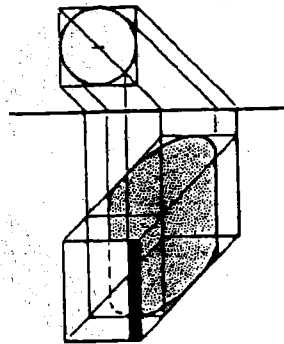
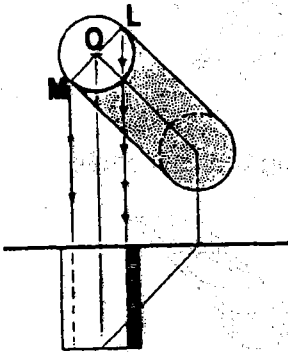
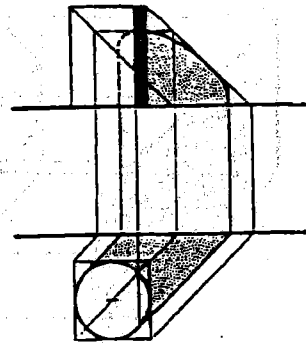
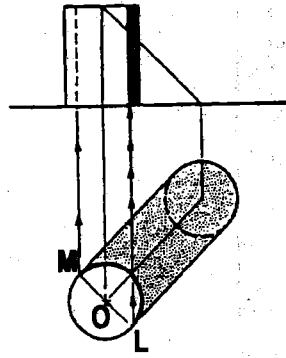
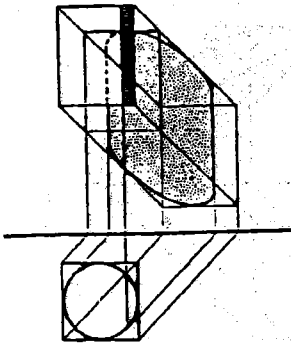
$\frac{1}{2}$ | A-D-C Nửa dưới
A-B-C Nửa trên

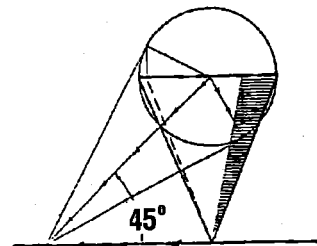
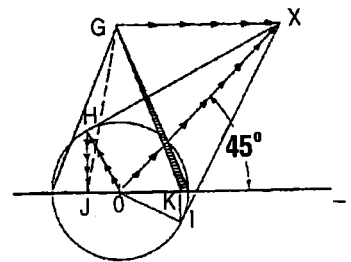
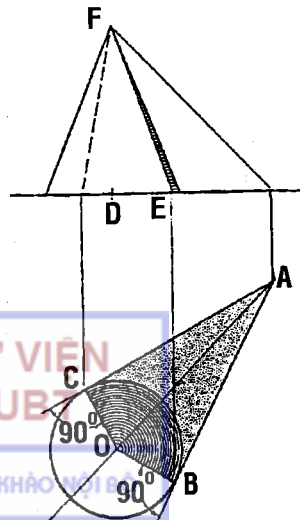
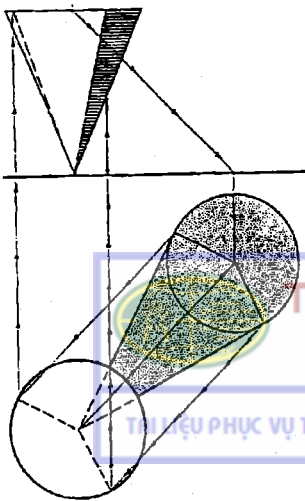
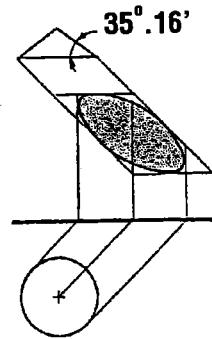
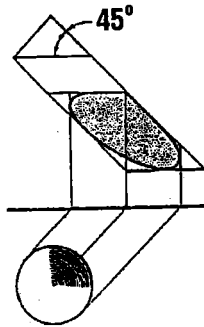
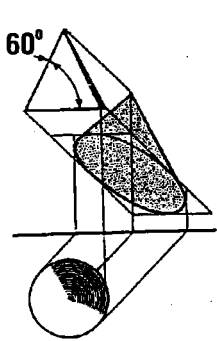
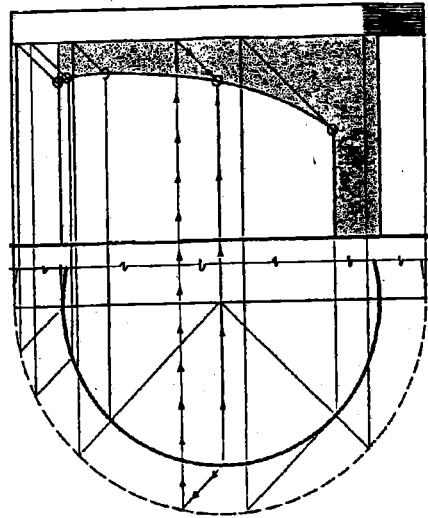
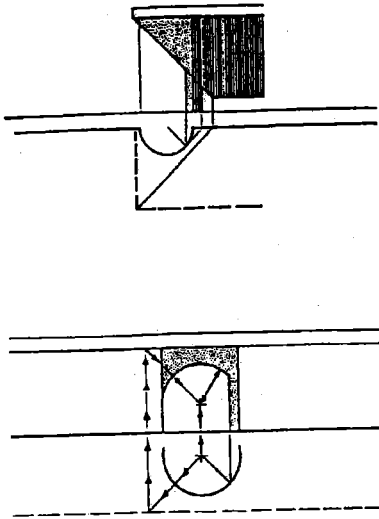
$\frac{1}{4}$ | C-D Đáy dưới
B-C Phía trên
D-A Đáy dưới
A-B Mặt trên

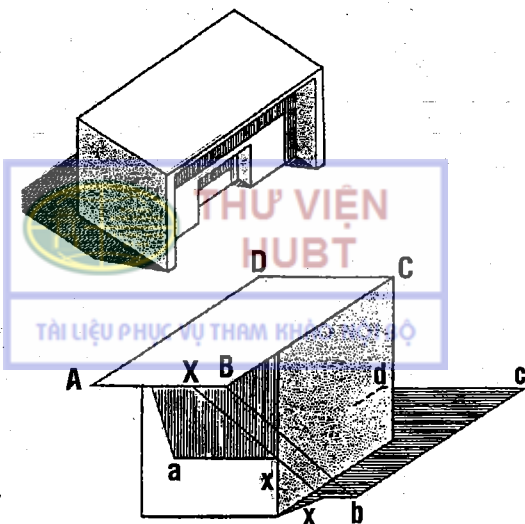
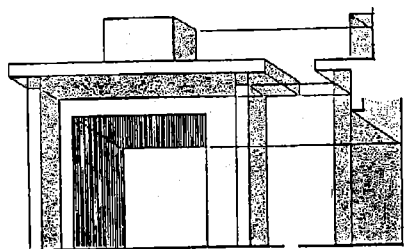
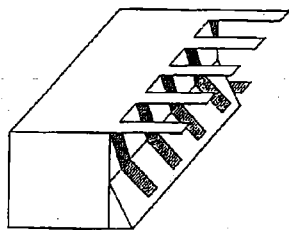
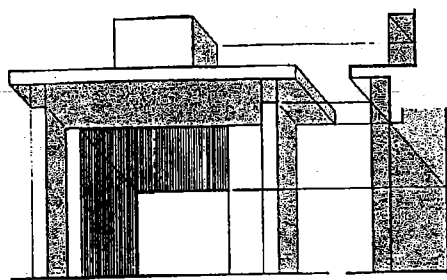
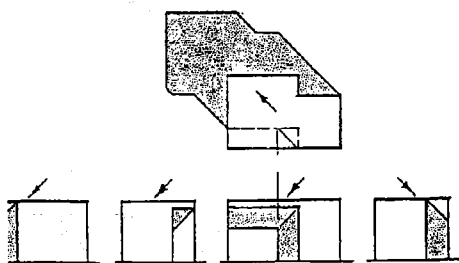
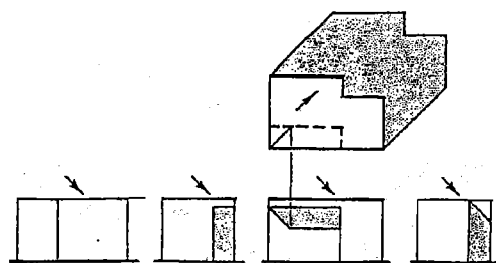
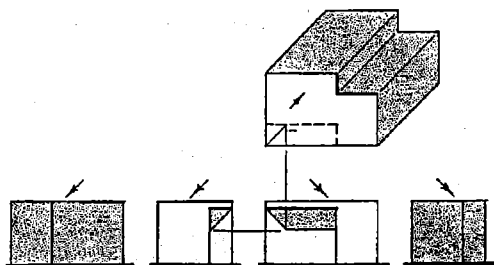
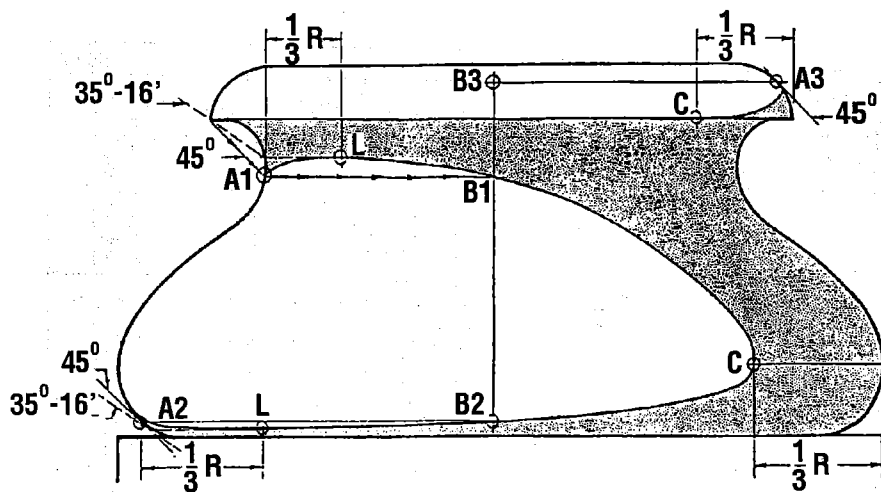
$\frac{1}{2}$ | A-B-C Mặt trên
A-D-C Mặt dưới

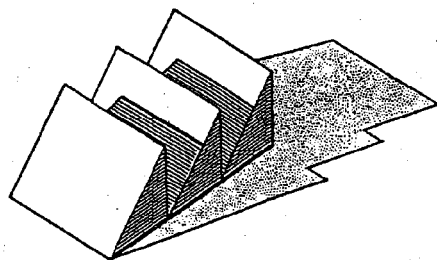
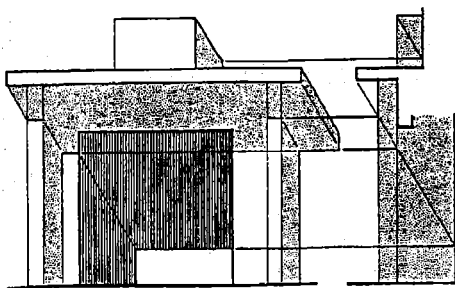
$\frac{1}{4}$ | A-B Bên trái
B-C Bên phải
C-D Bên phải dưới
A-D Bên phải trên



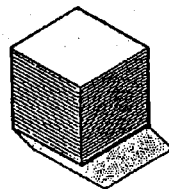
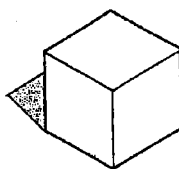
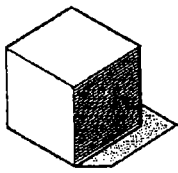
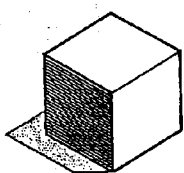
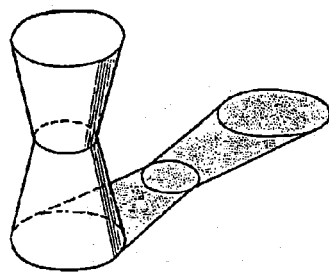
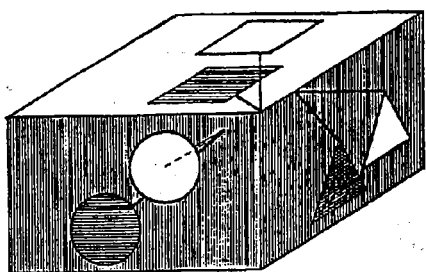






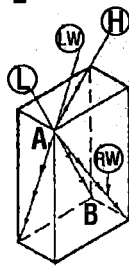
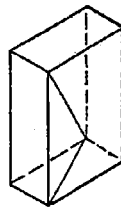
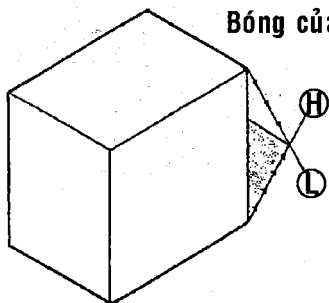


4. CẢM NHẬN THỊ GIÁC: Sáng trong sáng - Sáng trong tối - Tối trong sáng



Bóng của 4 lăng trụ giống nhau với phương tới của ánh sáng khác nhau

Bóng của khối lăng trụ tạo thành từ phương H và L



Phương ánh sáng của H và L

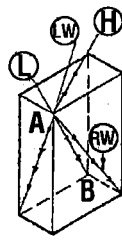
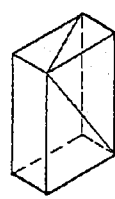
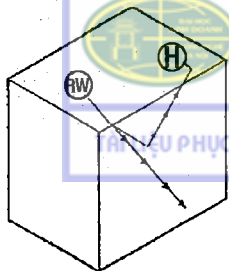
Bước I

Bước II

Bước III

Bước IV

Bóng hình thành từ phương H và RW

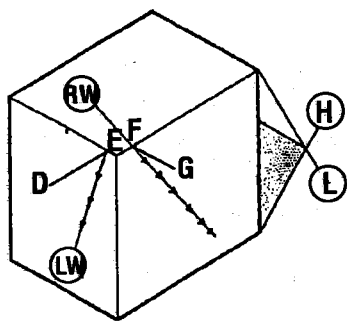


Bước I

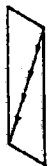
Bước II

Bước III

Bước IV



Bóng hình thành từ phương LW và RW



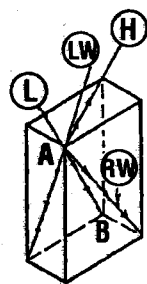
Bước I



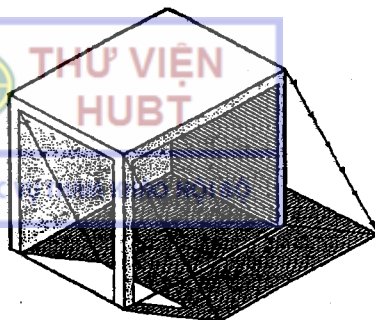
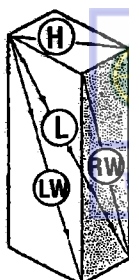
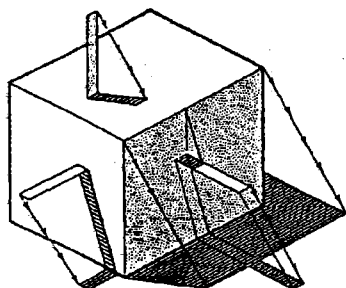
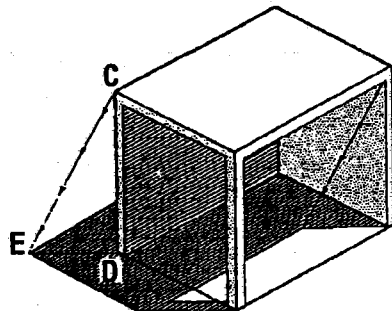
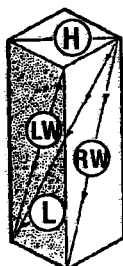
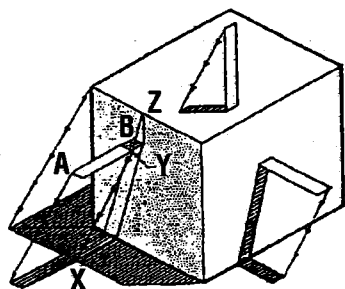
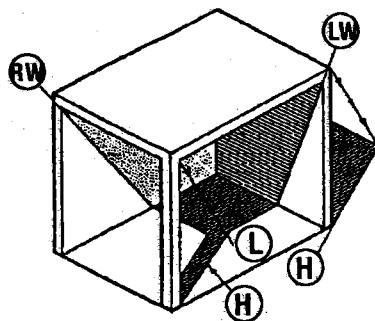
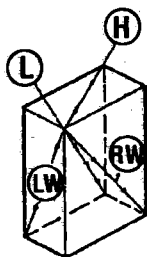
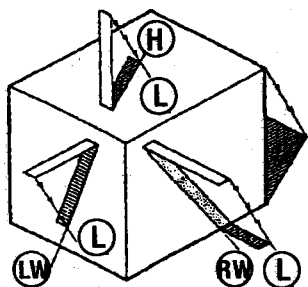
Bước II

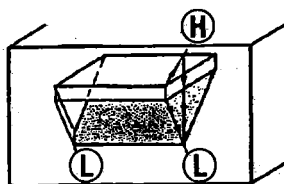
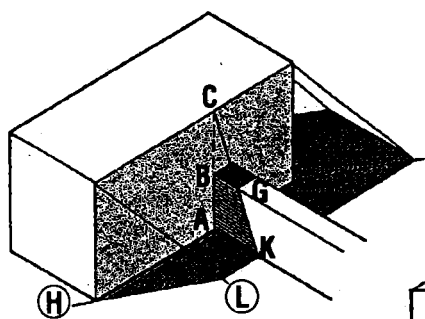


Bước III

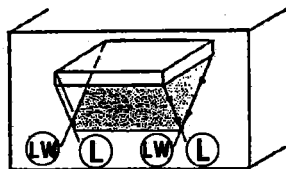


Bước IV

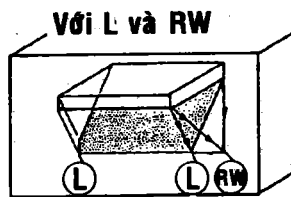




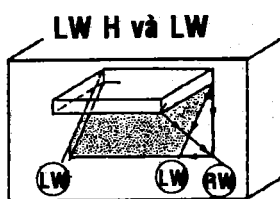
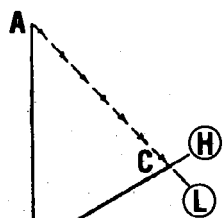
Với L và H



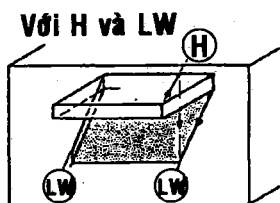
Với L và LW



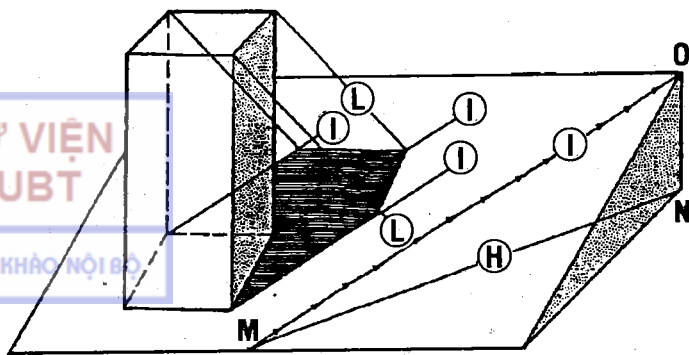
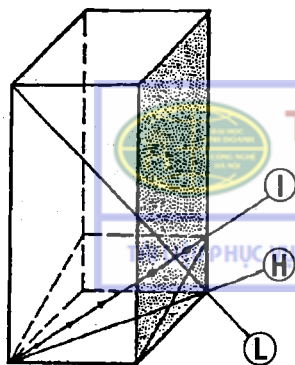
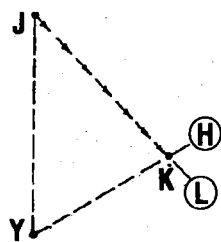
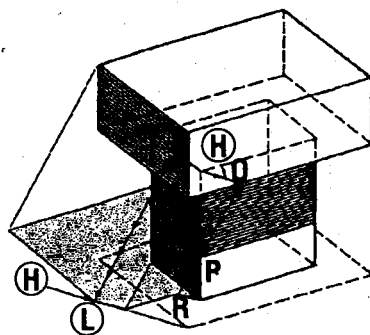
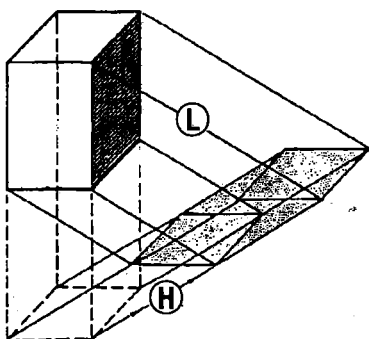
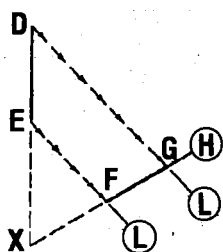
Với L và RW

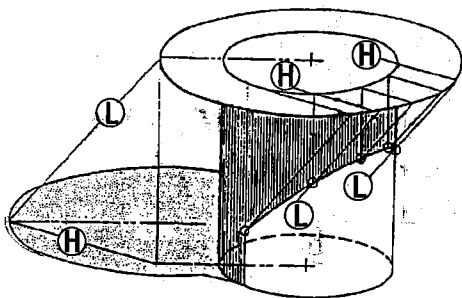


LW H và LW

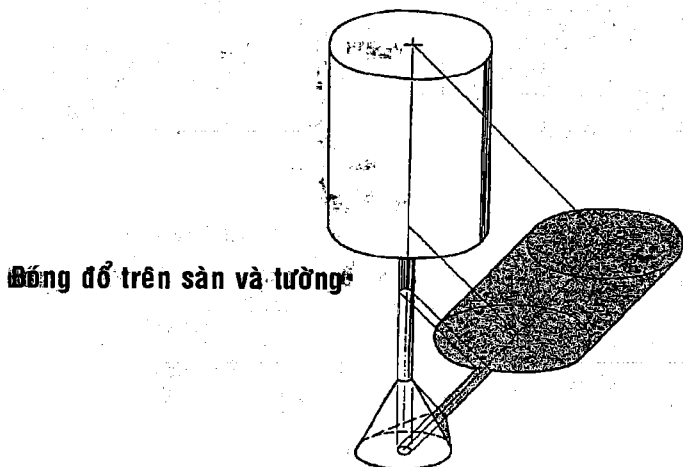
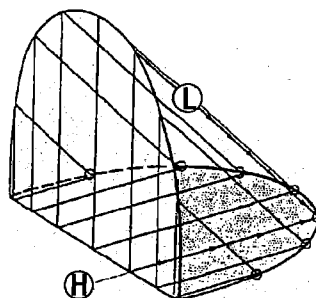


Với H và LW

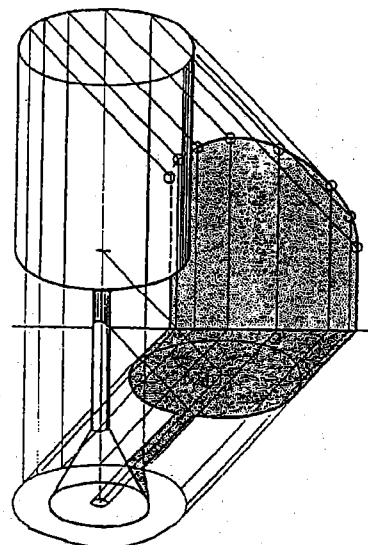




Bóng đổ trên sàn

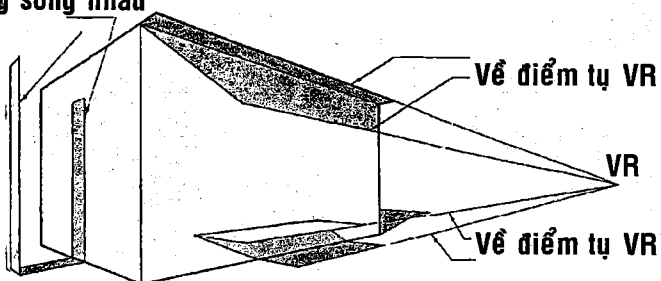


Bóng đổ trên sàn và tường



5. BÓNG PHỐI CẢNH

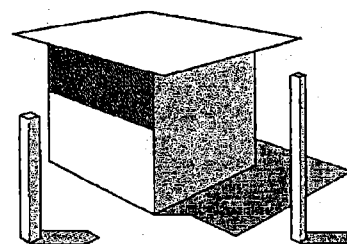
Song song nhau



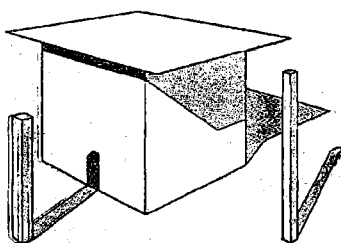
Về điểm tụ VR

VR

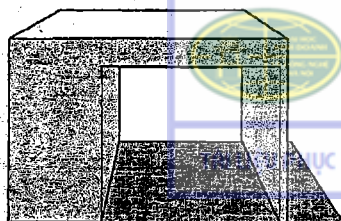
Về điểm tụ VR



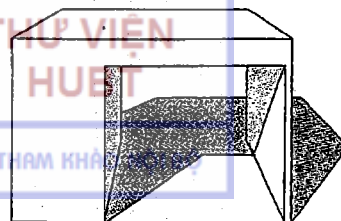
2 điểm tụ



2 điểm tụ

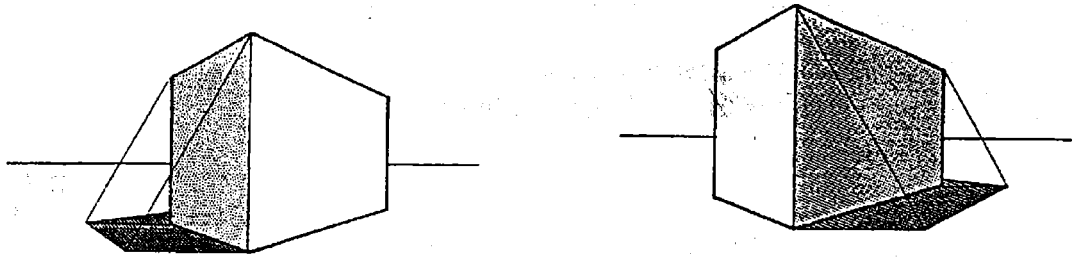
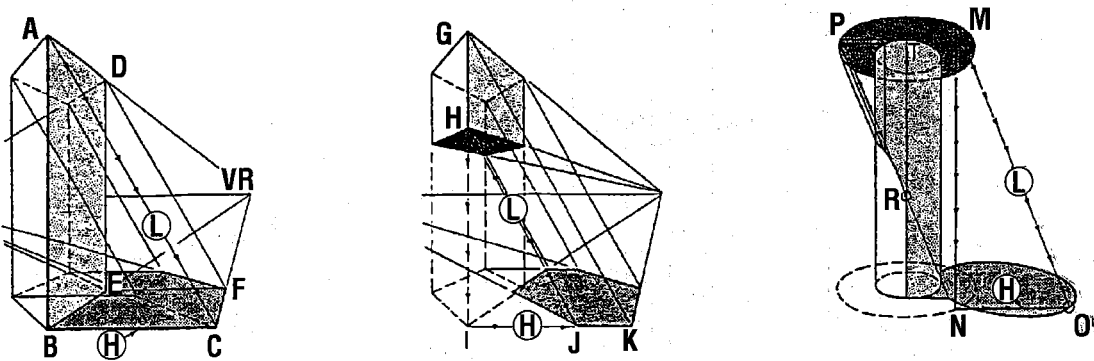


1 điểm tụ

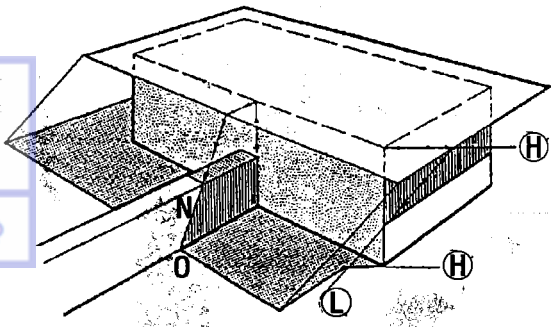
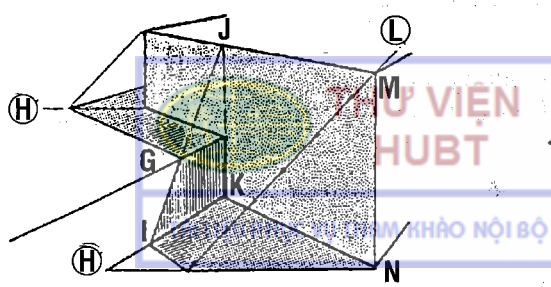
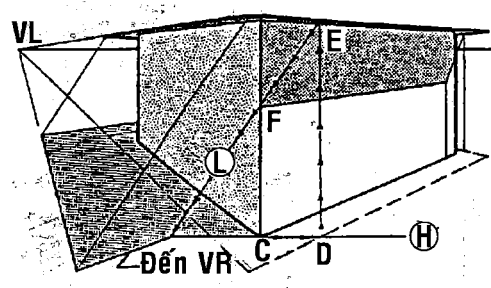
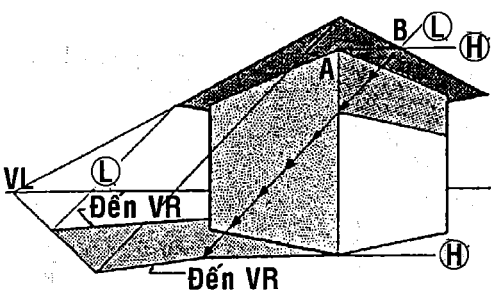


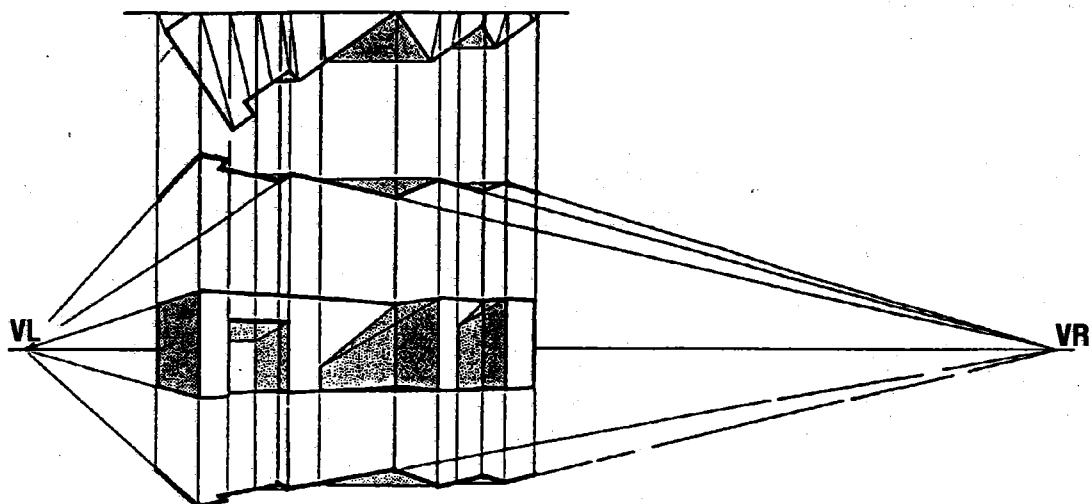
1 điểm tụ

6. BÓNG BẢN THÂN VÀ BÓNG ĐỔ TRÊN SÀN



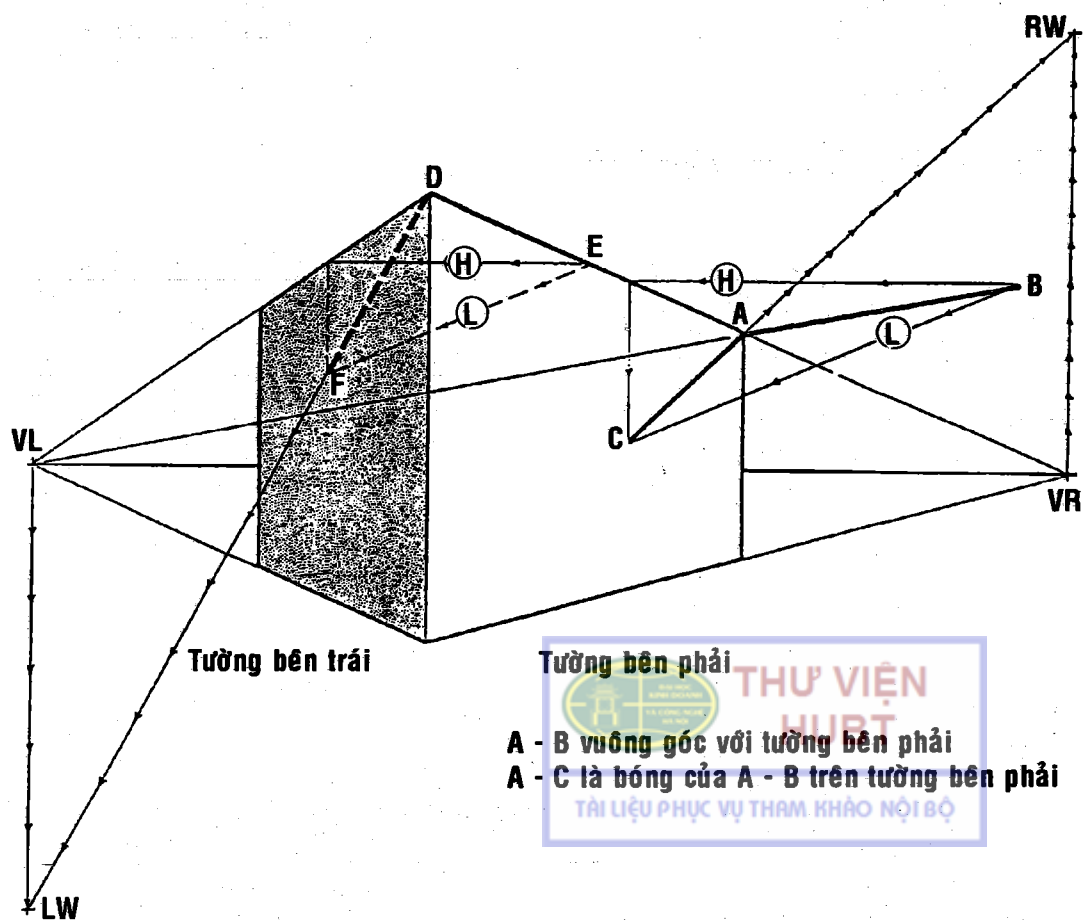
Sự tạo bóng với nguồn sáng L và H

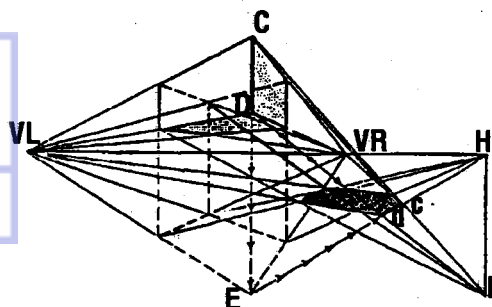
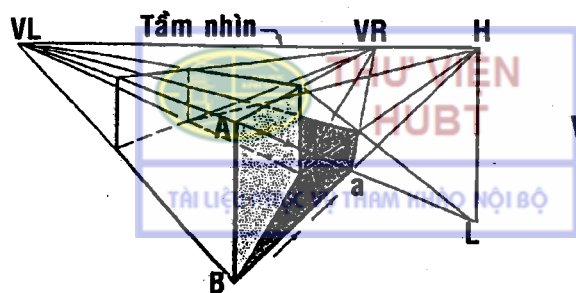
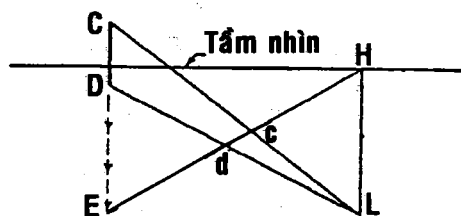
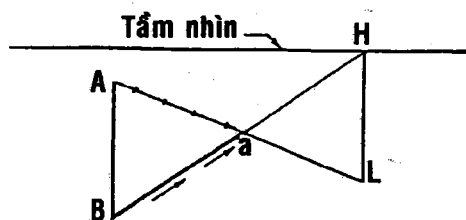
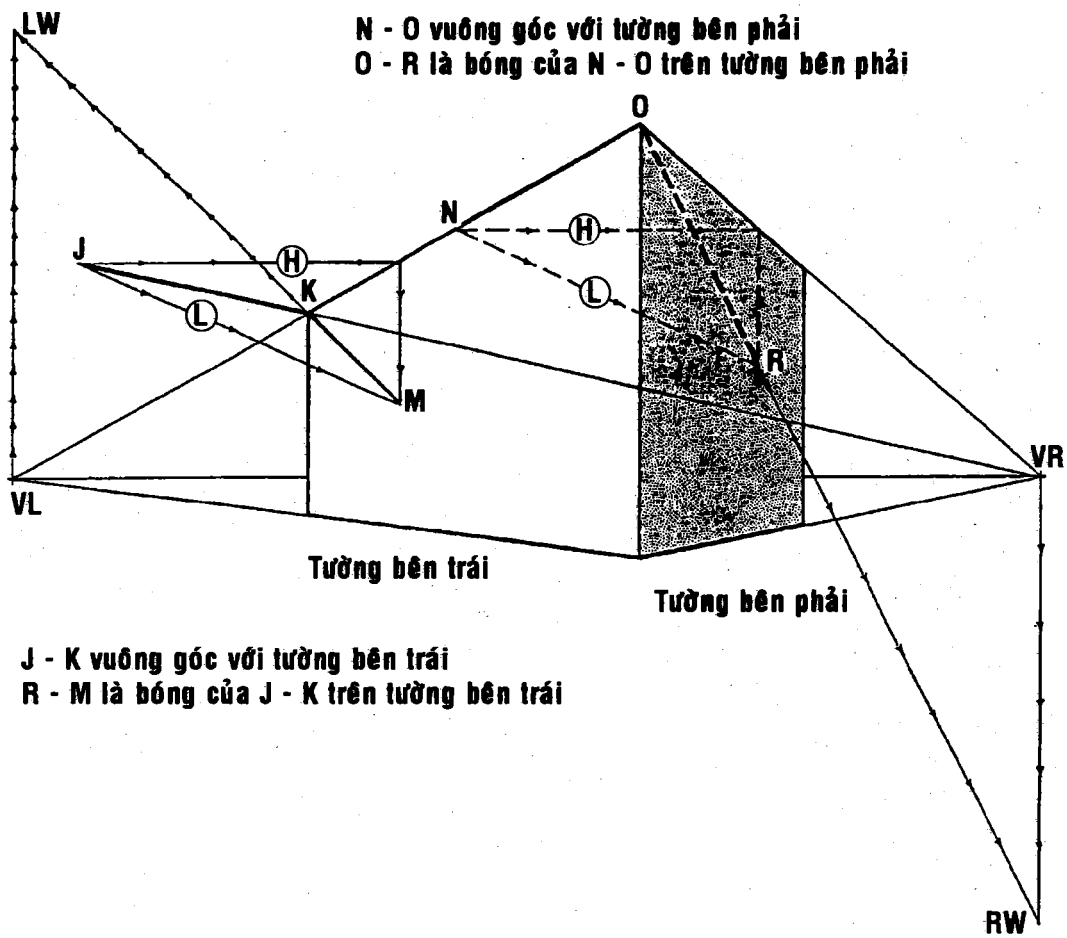




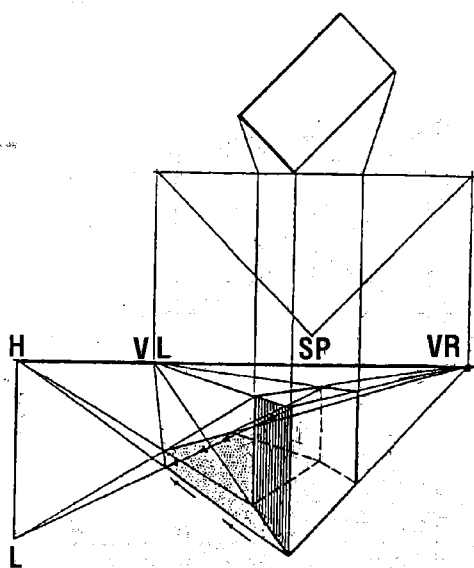
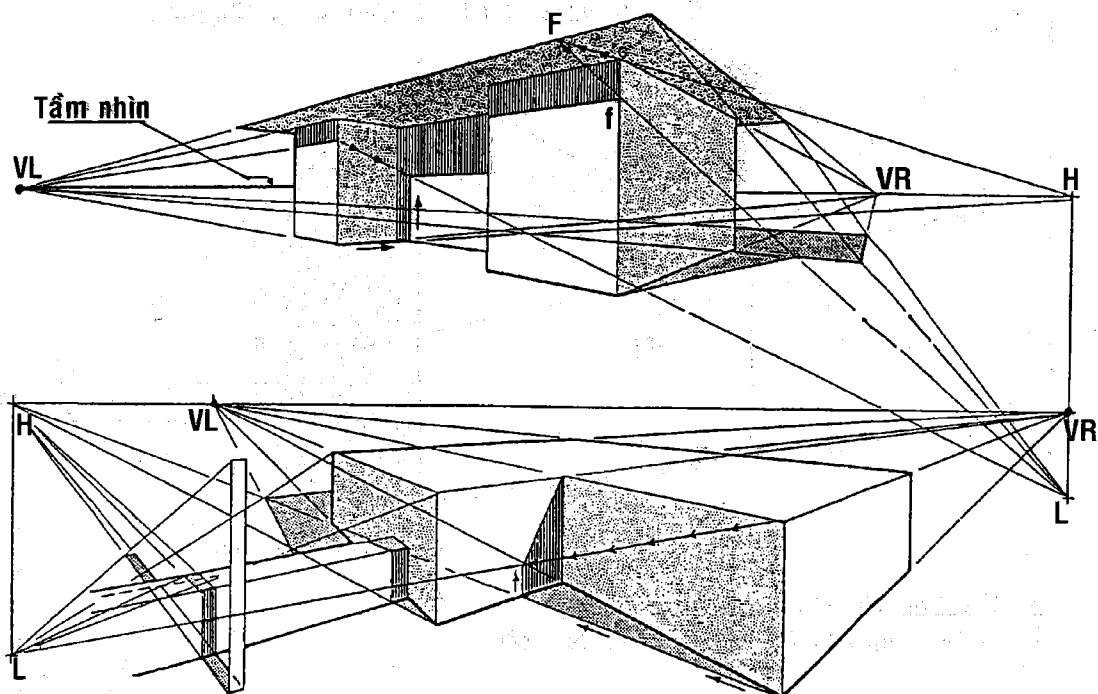
D - E vuông góc với tường bên trái

D - F là bóng của D - E trên tường bên trái



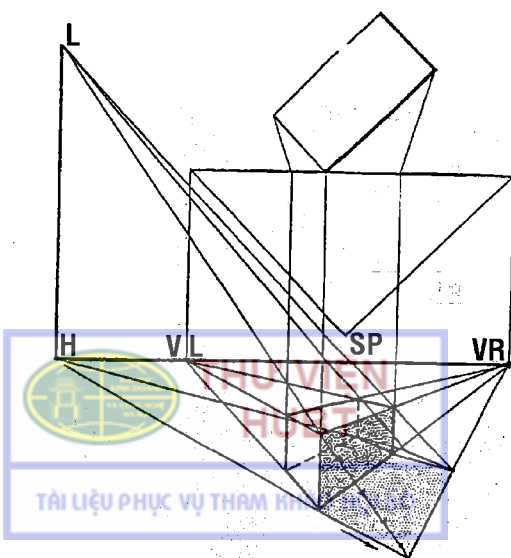


7. BÓNG VỚI ÁNH SÁNG LỆCH



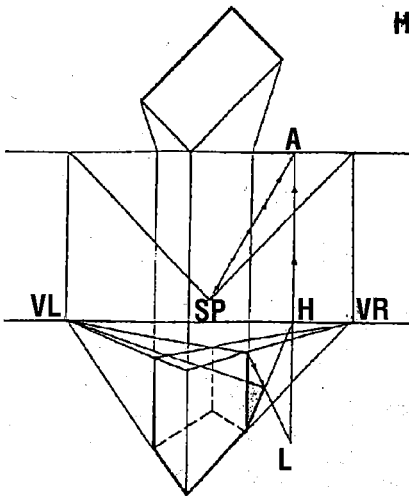
L ở dưới tấm nhìn

H ở bên trái VL

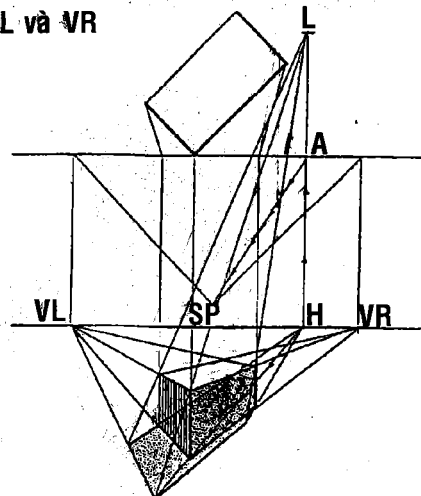


L ở trên tấm nhìn

H ở giữa VL và VR

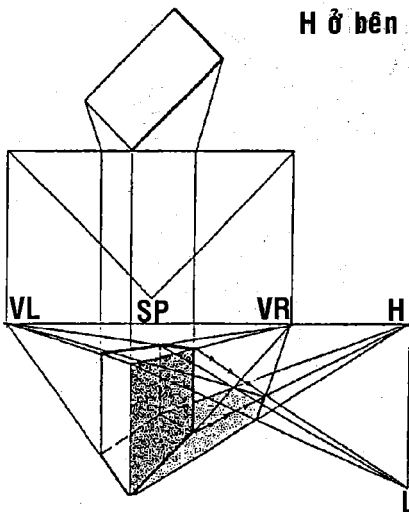


L ở dưới tầm nhìn

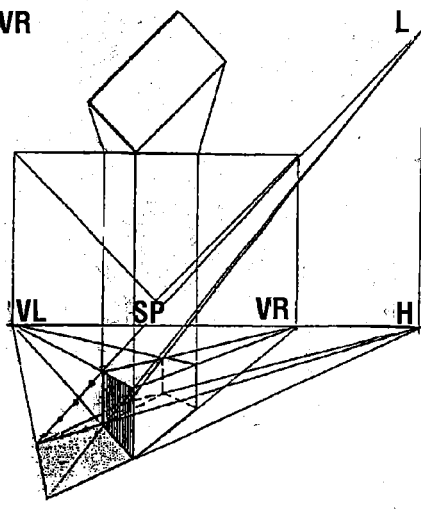


L ở trên tầm nhìn

H ở bên phải của VR

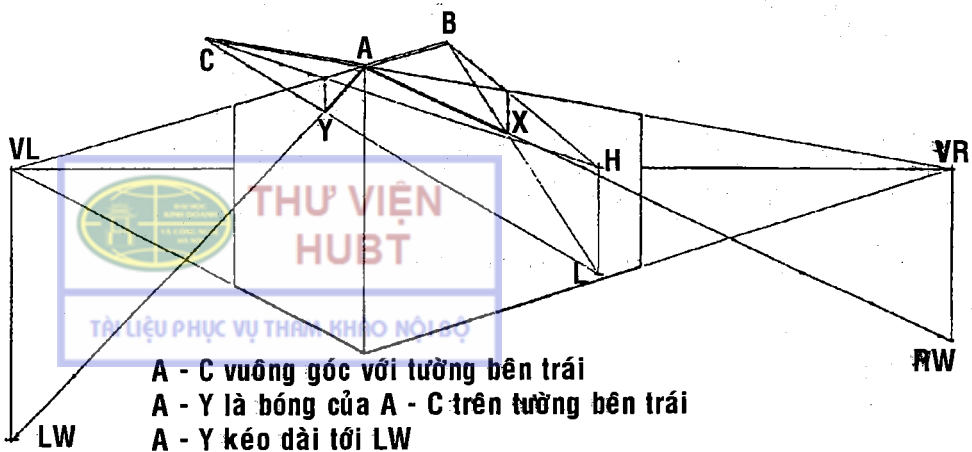


L ở dưới tầm nhìn

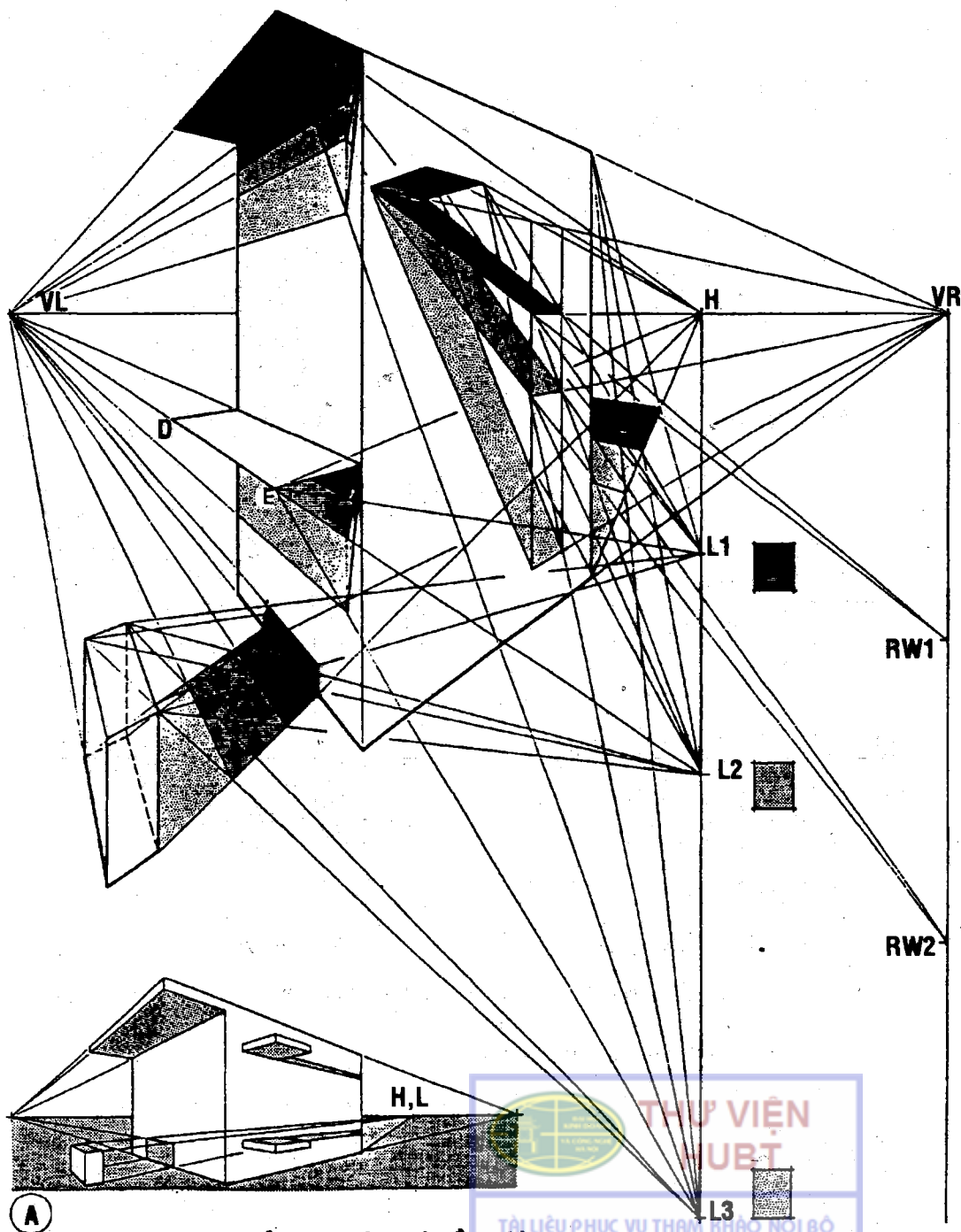


L ở trên tầm nhìn

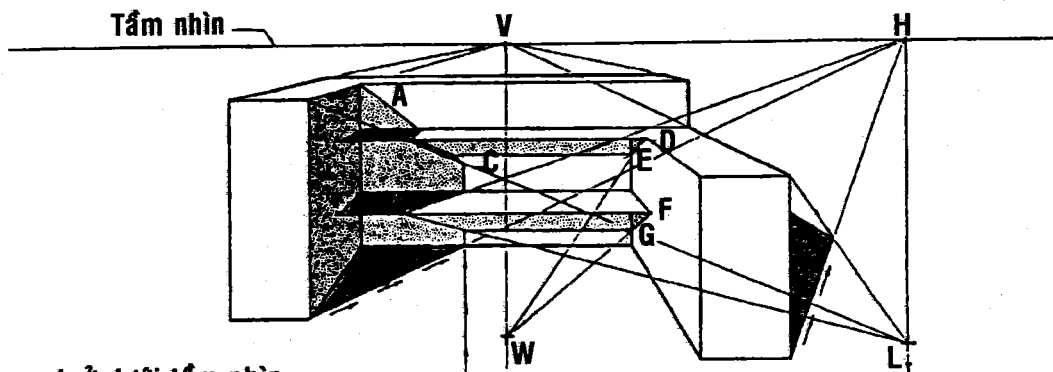
LW và RW đều là 2 bức tường sáng



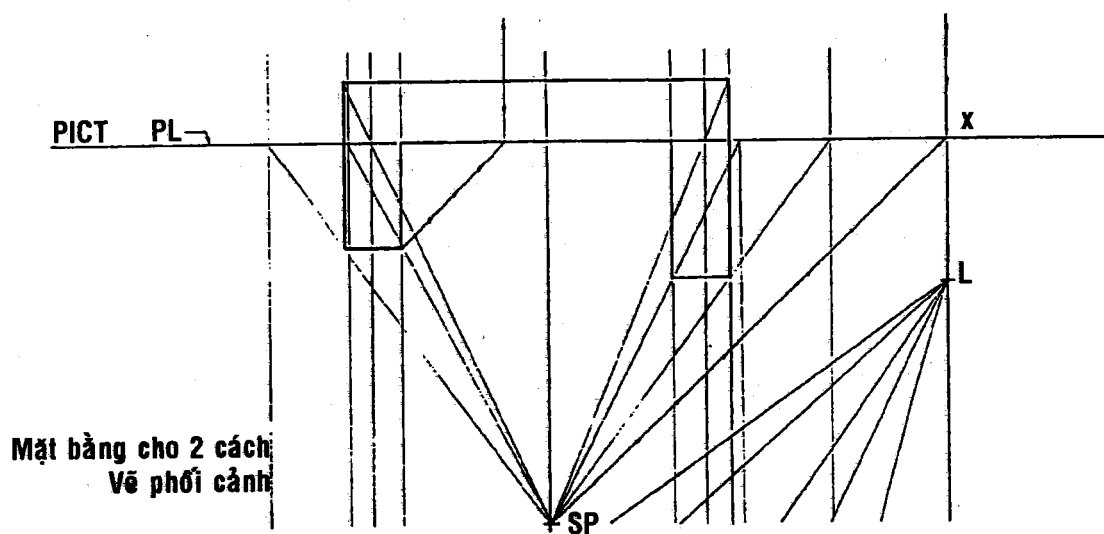
BÓNG THAY ĐỔI THEO KHOẢNG CÁCH TỚI H VÀ L



H, L trên phương của ánh sáng và tầm nhìn

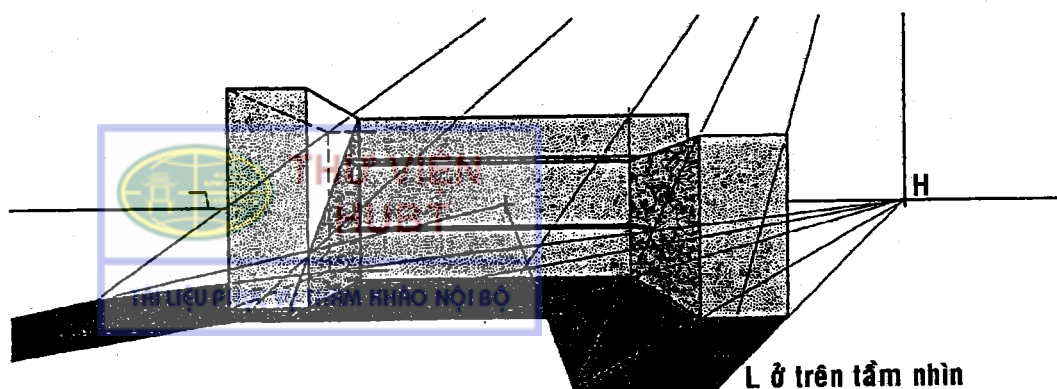


L ở dưới tấm nhìn



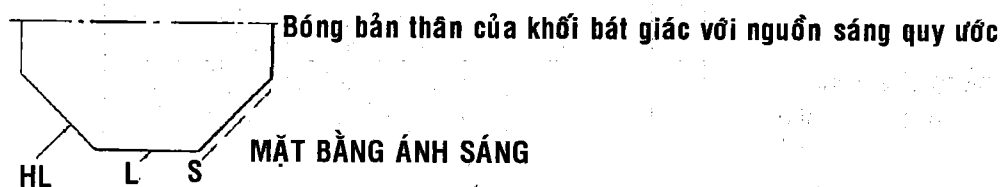
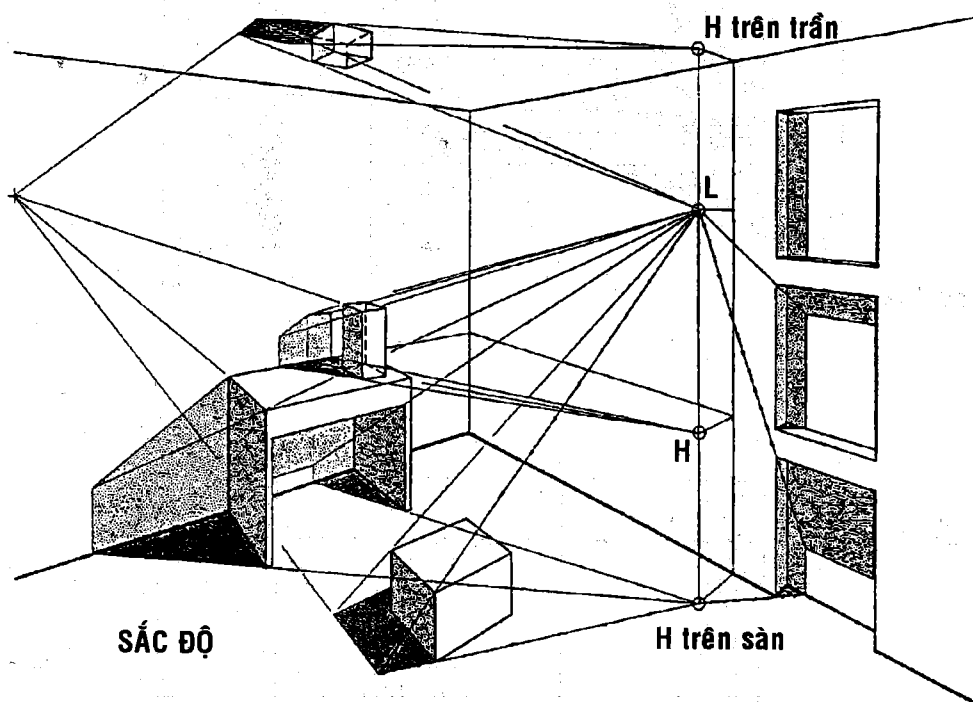
Mặt bằng cho 2 cách
Vẽ phối cảnh

BÓNG CỦA PHỐI CẢNH MỘT ĐIỂM TỤ



L ở trên tấm nhìn

8. BÓNG DO NGUỒN SÁNG ĐIỆN

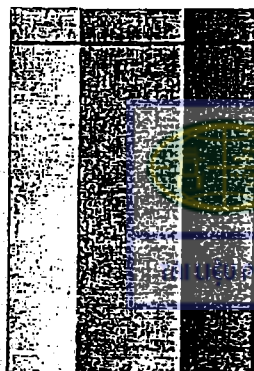


9. SỰ TƯƠNG PHẢN SẮC ĐỘ

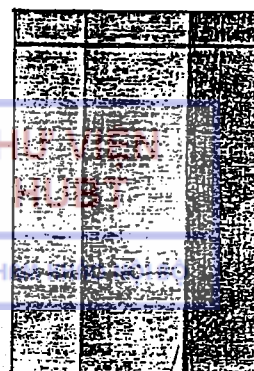


HL L S

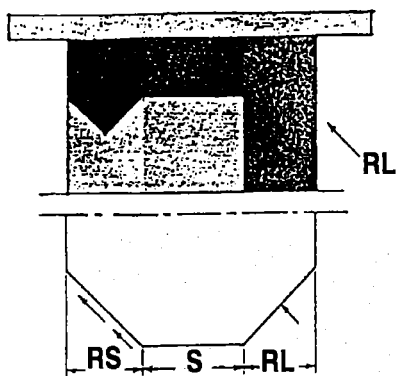
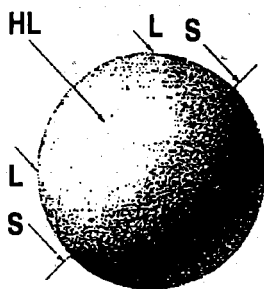
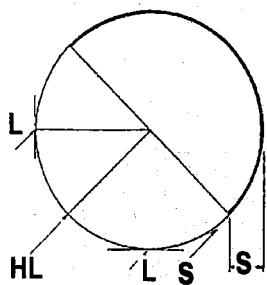
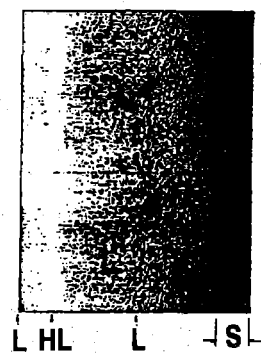
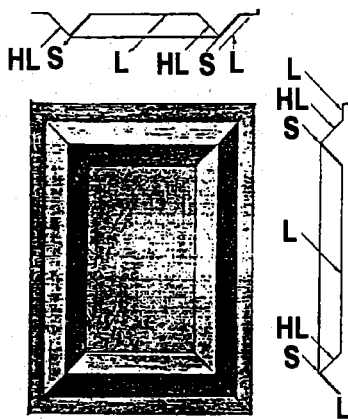
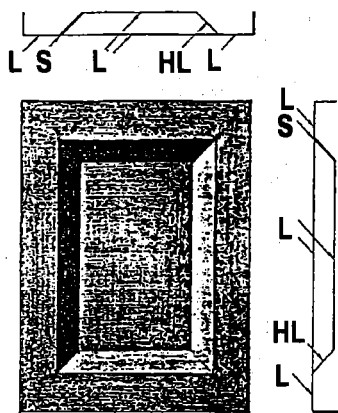
Đậm nhạt theo bề mặt



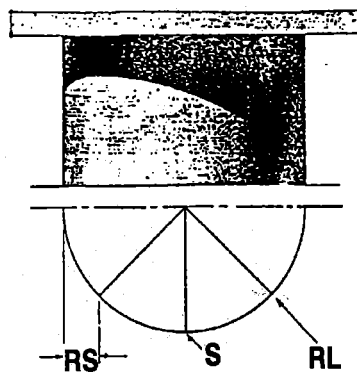
Sắc độ tối



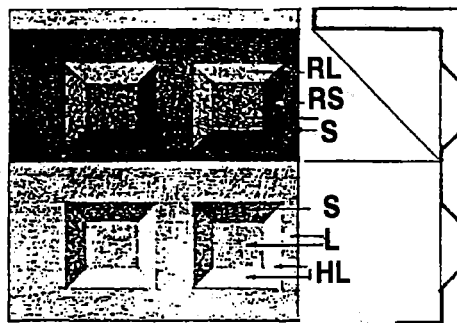
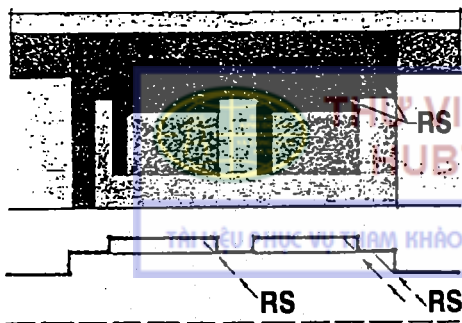
Sắc độ sáng (thường áp dụng)



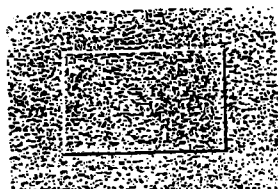
Bóng của bát giác



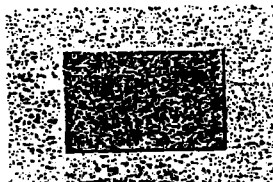
Bóng đậm nhạt chuyển dần



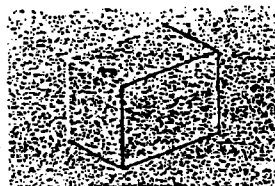
10. BÓNG PHẢN CHIẾU



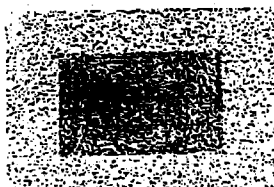
HL + Nét tạo hình



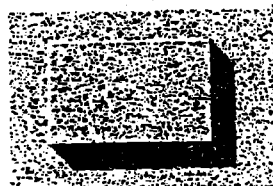
Sắc độ HL + SL



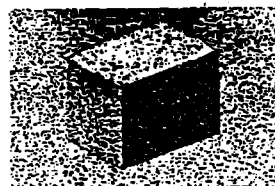
HL + Nét tạo hình



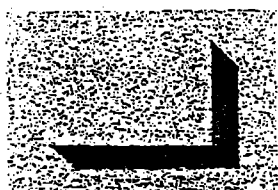
Chỉ có sắc độ



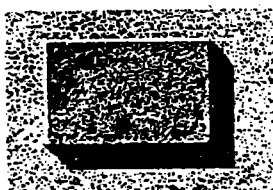
HL + Bóng đổ



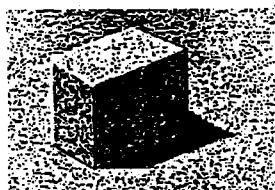
Chỉ có sắc độ



Chỉ có sắc độ

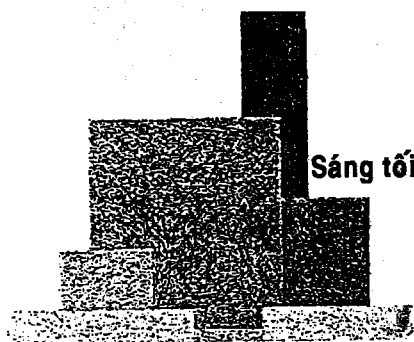


HL + T + Bóng đổ

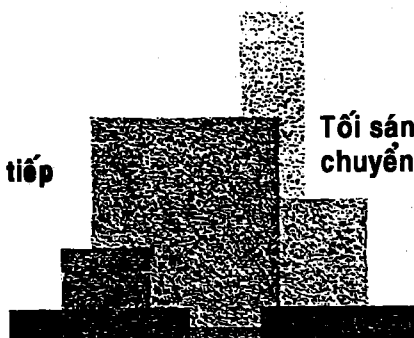


T + S + HL + SL

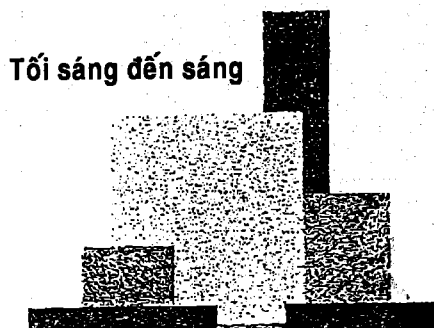
11. DIỄN ĐẠT CHIỀU SÂU



Sáng tối chuyển tiếp



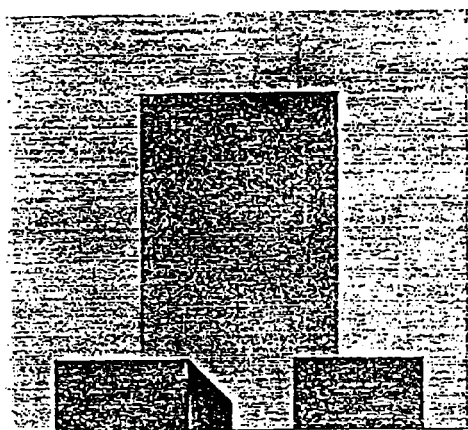
Tối sáng chuyển tiếp



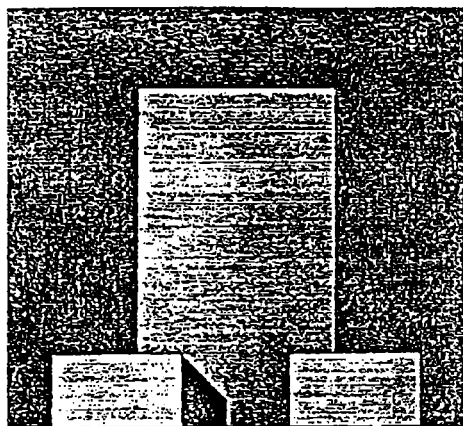
Tối sáng đến sáng



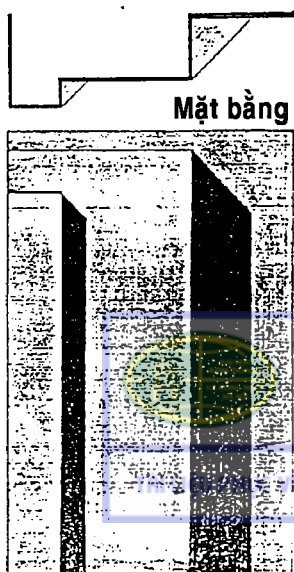
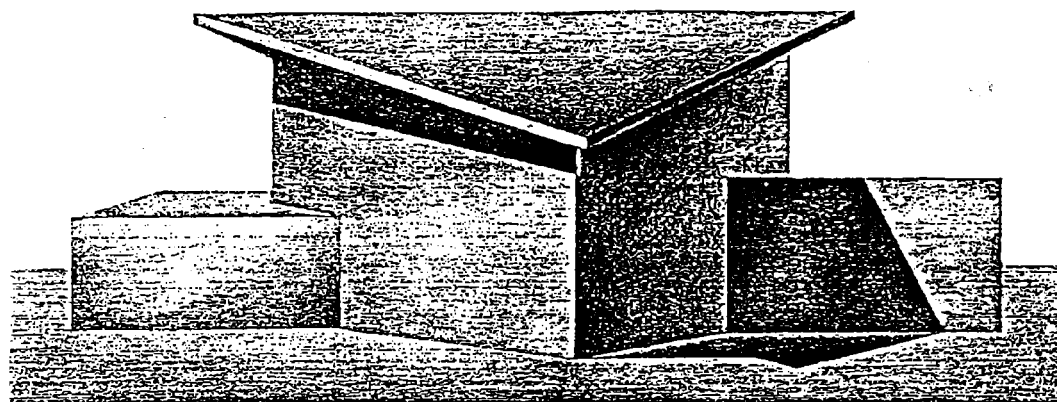
Sáng tối đến sáng



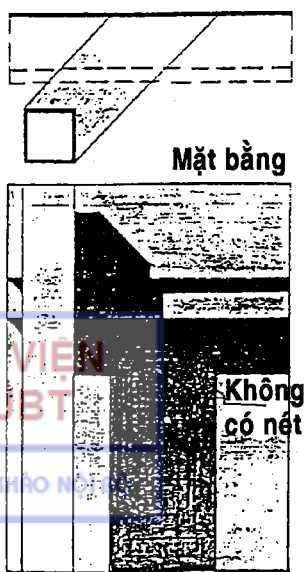
Nền sáng



Nền tối

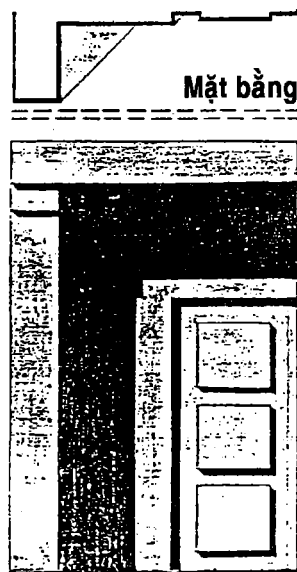


Mặt bằng

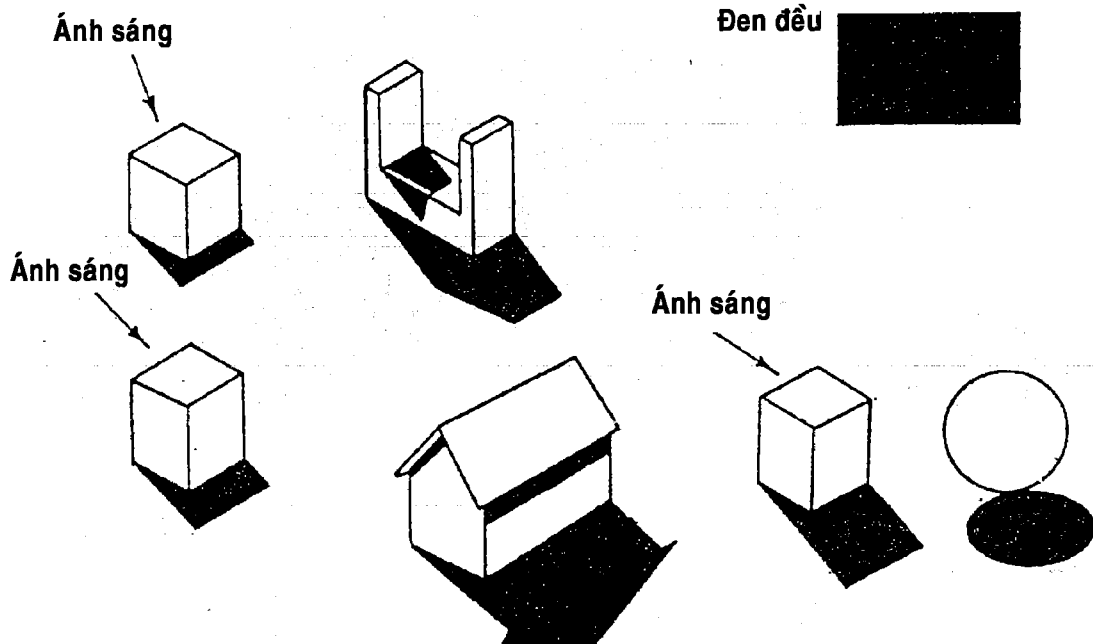
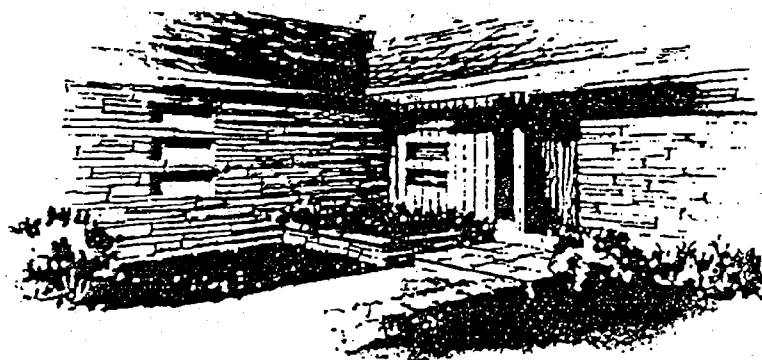


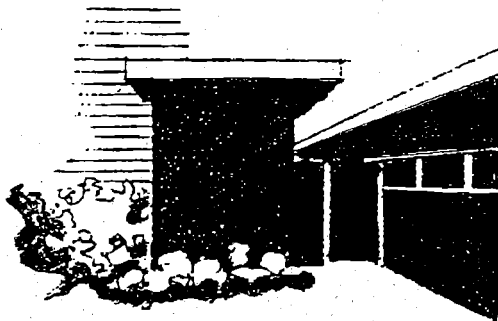
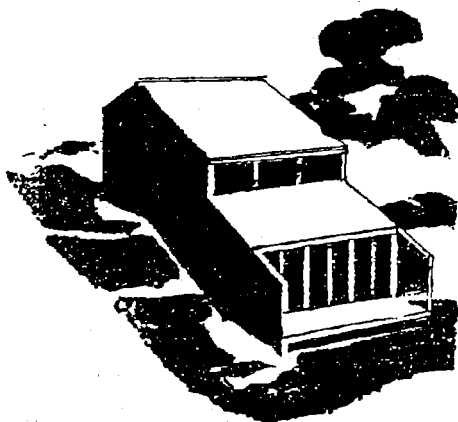
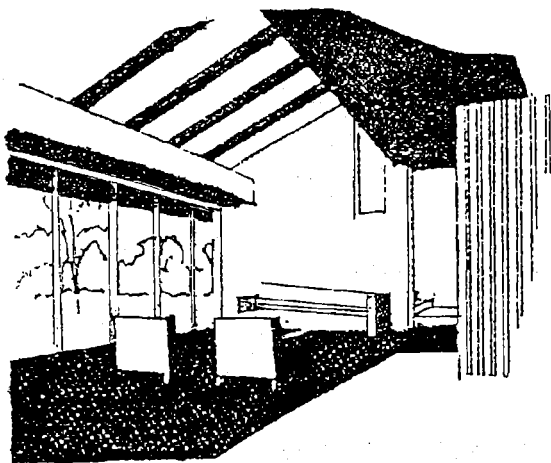
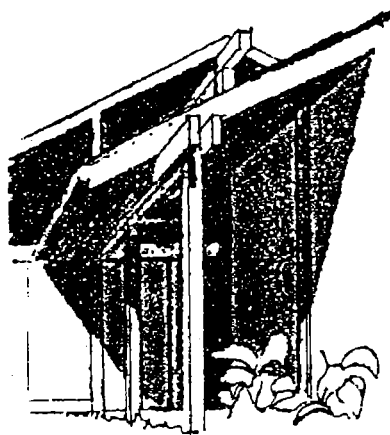
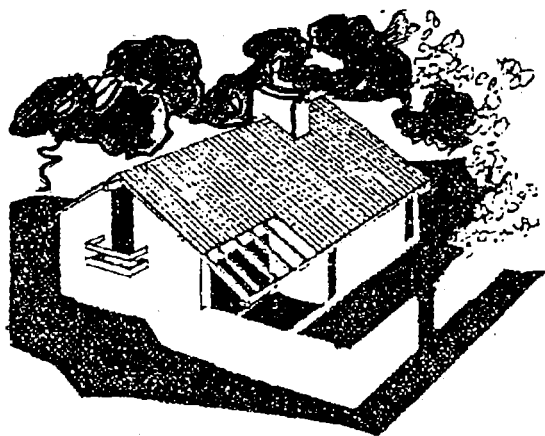
Mặt bằng

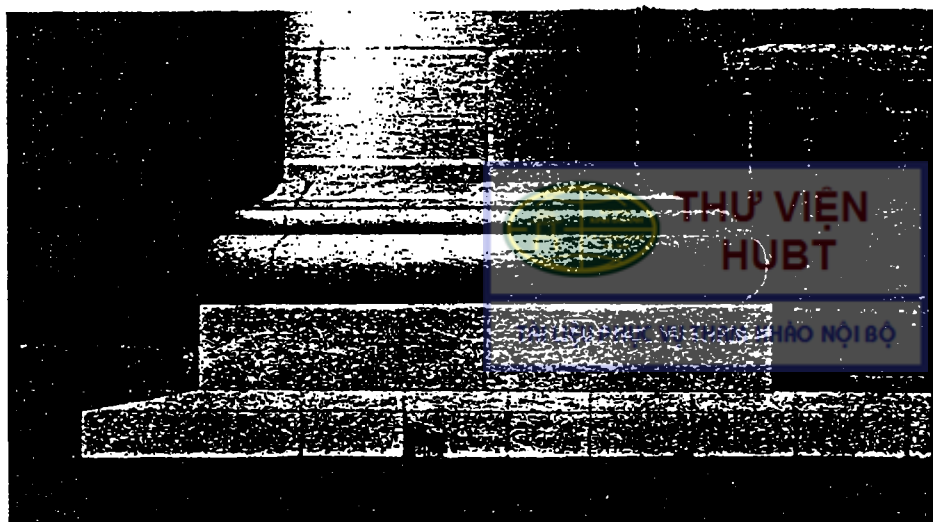
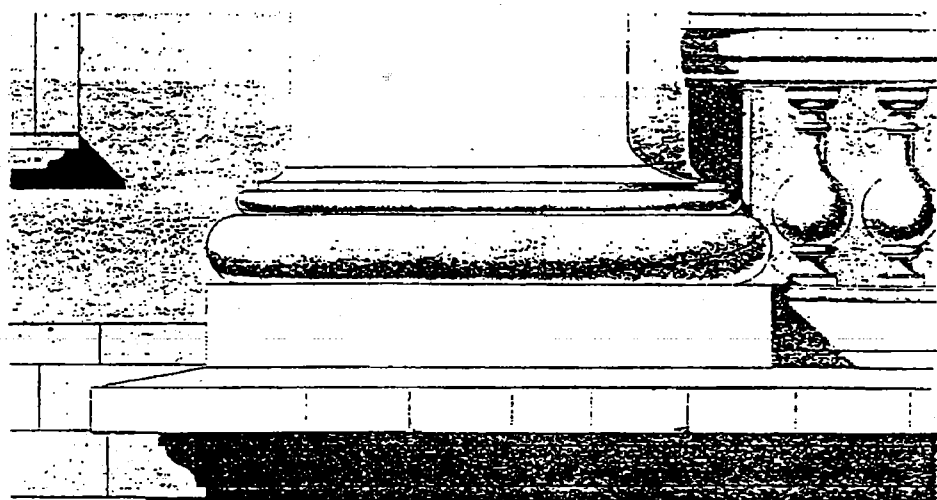
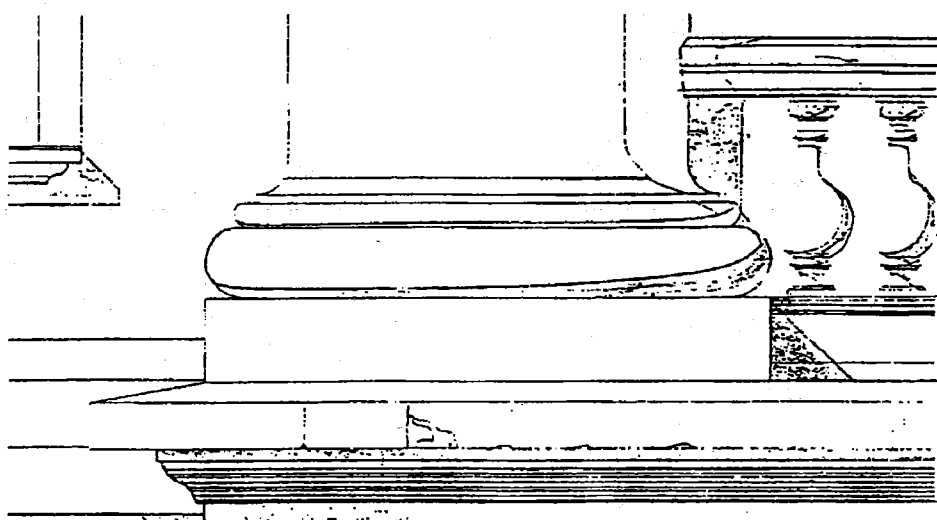
Không
có nét

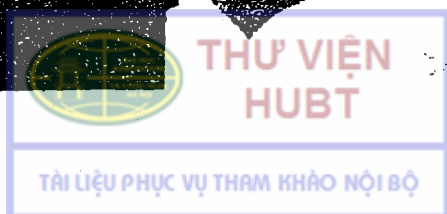
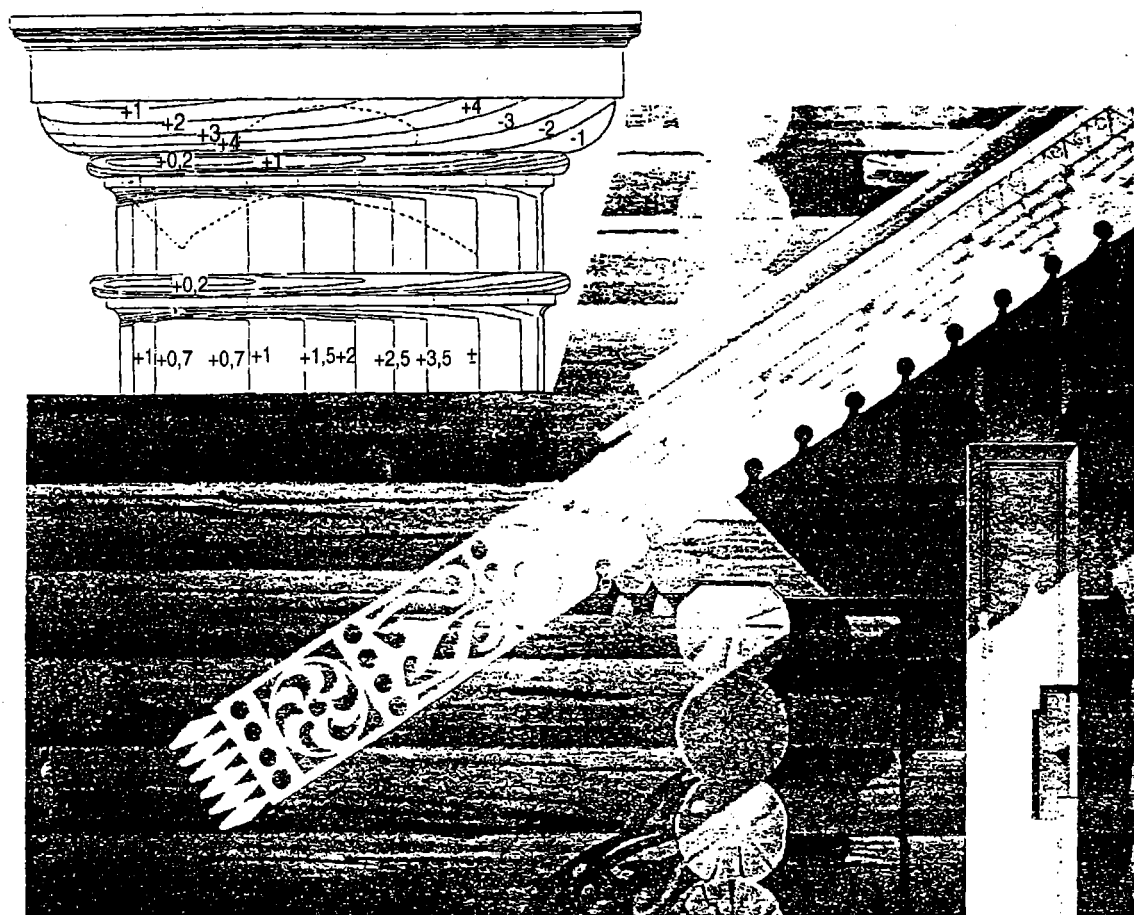


Mặt bằng

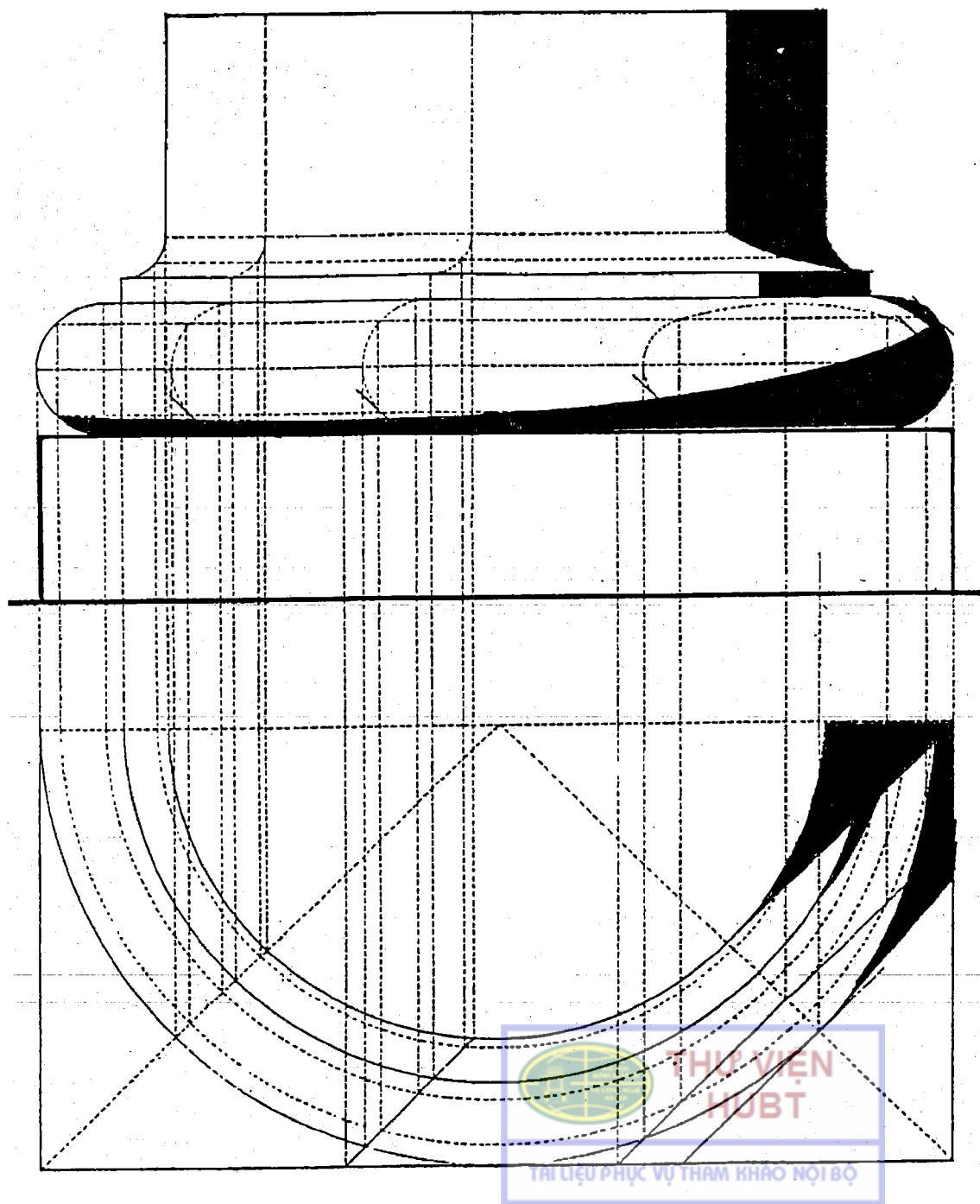


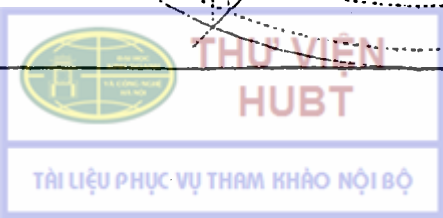
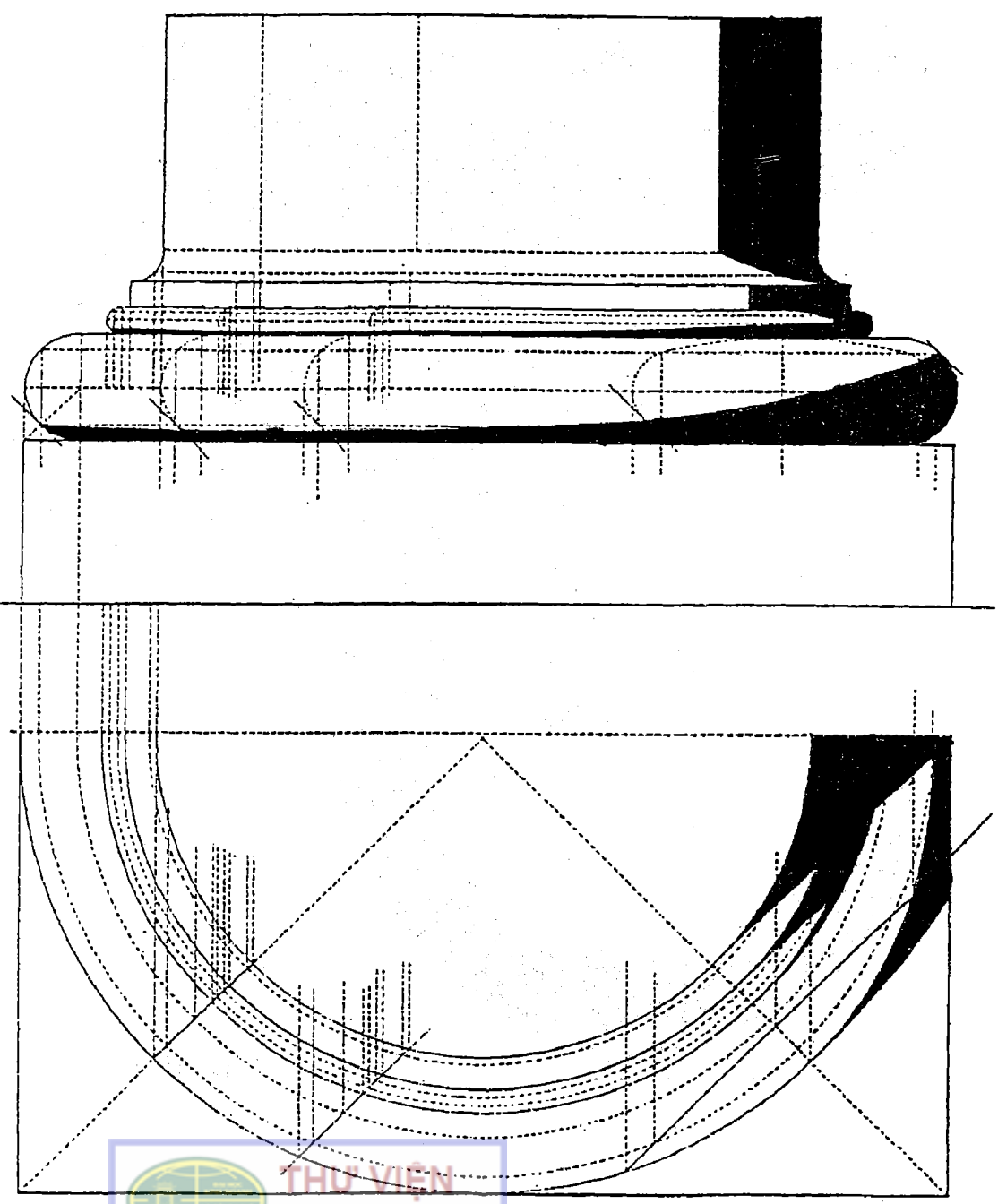




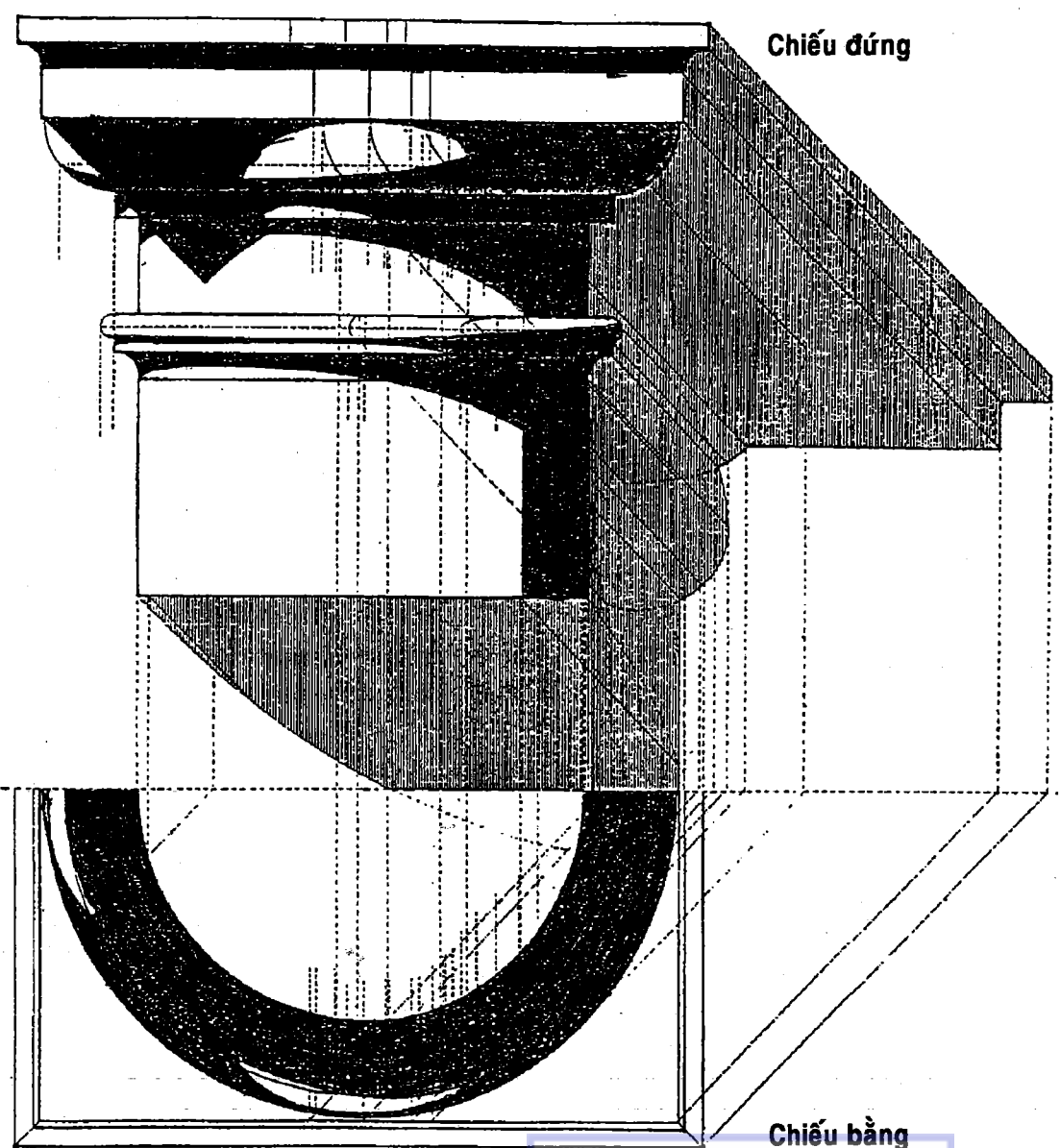


CHÂN CỘT TOSCAN





MŨ CỘT TOSCAN



Chiều đứng

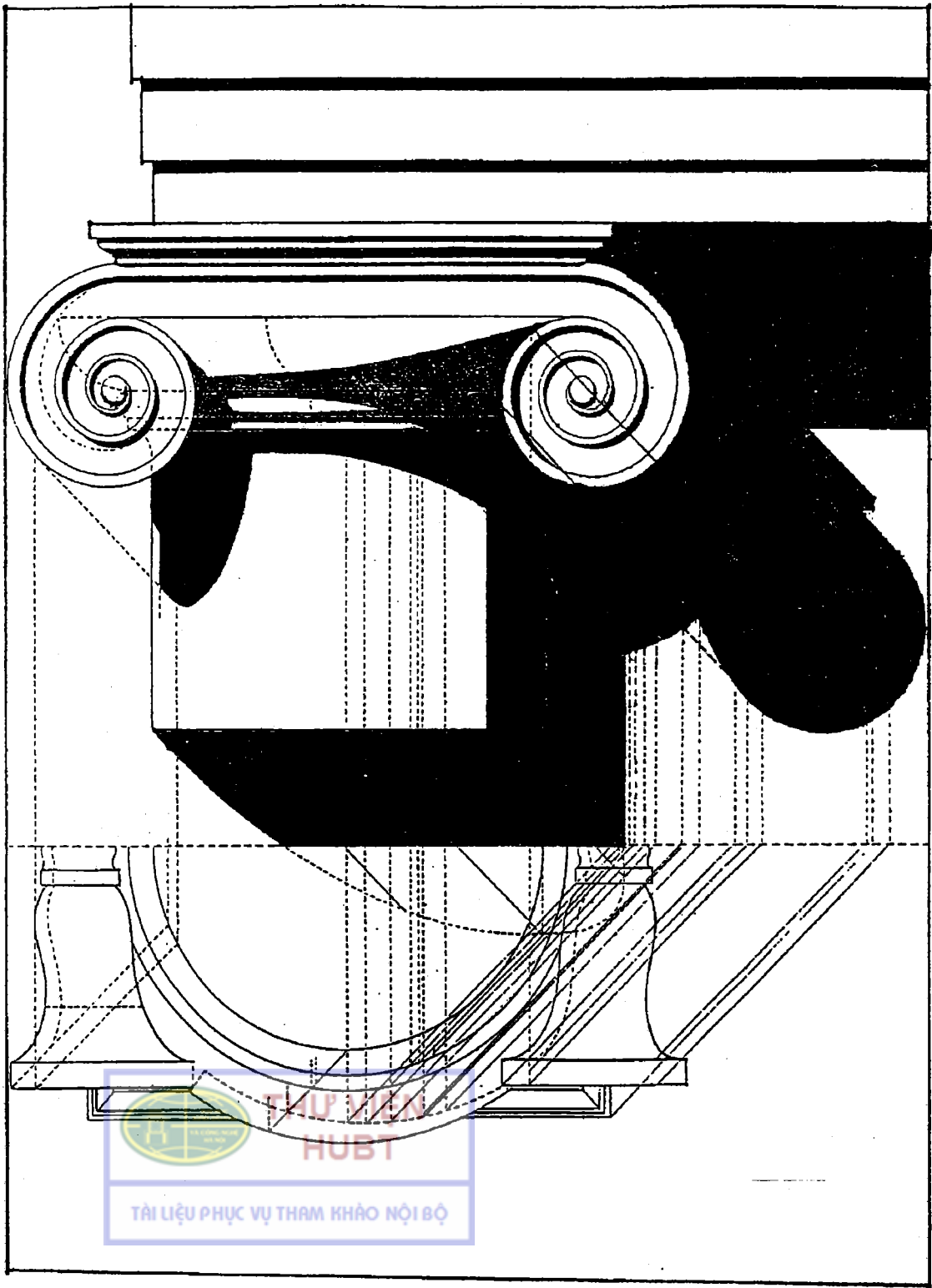
Chiều bằng



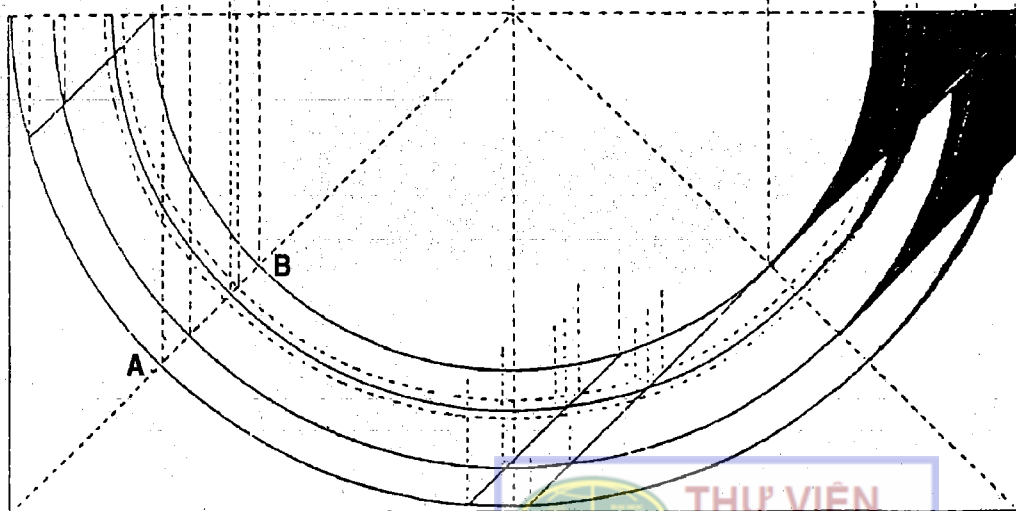
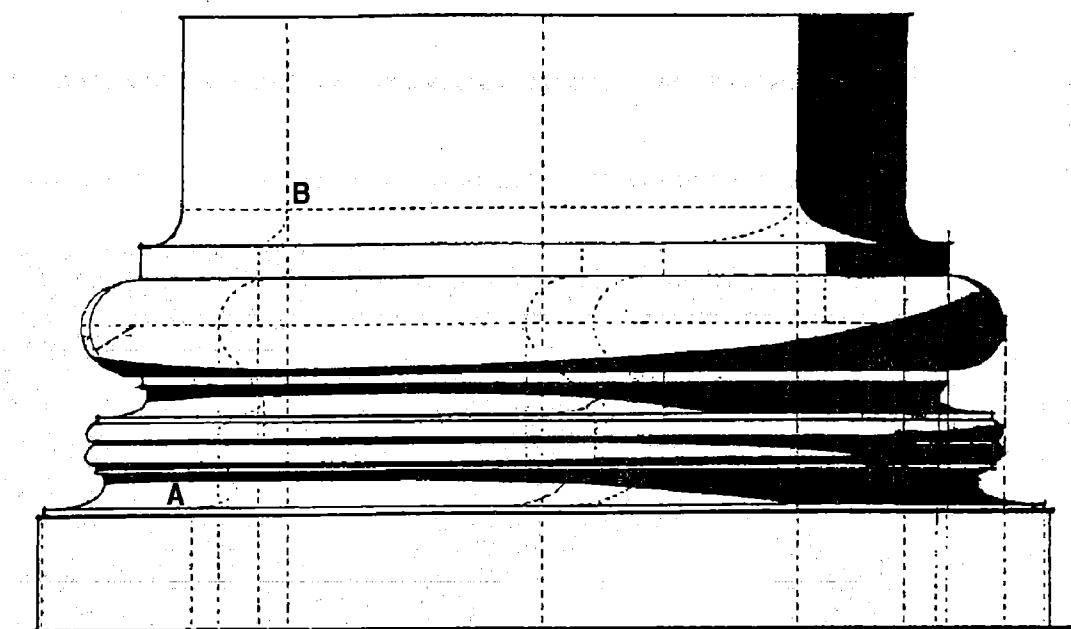
**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MŨ CỘT IONIQUE



CHÂN CỘT IONIQUE



0 1 Môđun

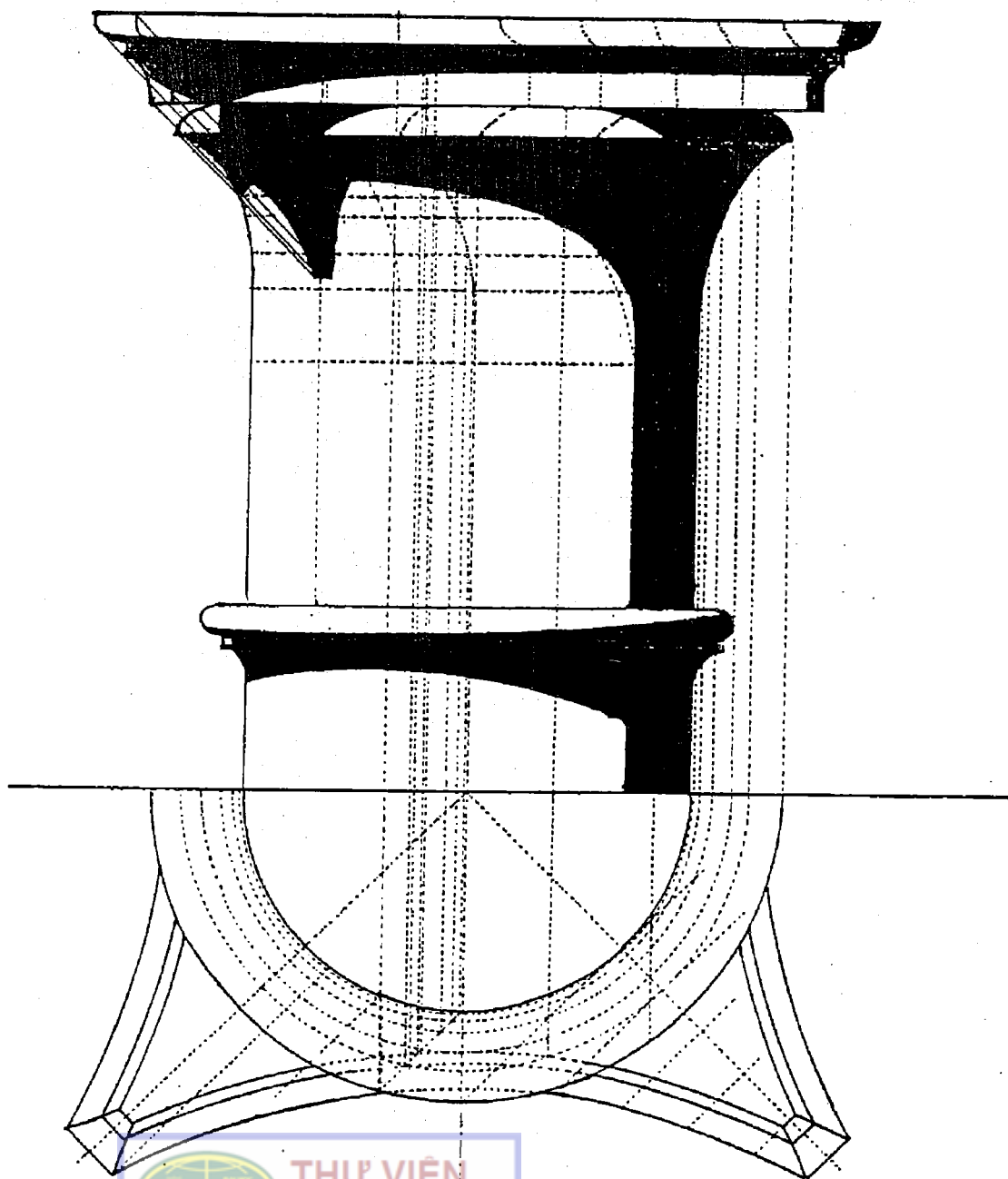


THƯ VIỆN
HUBT

1M = 18P

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

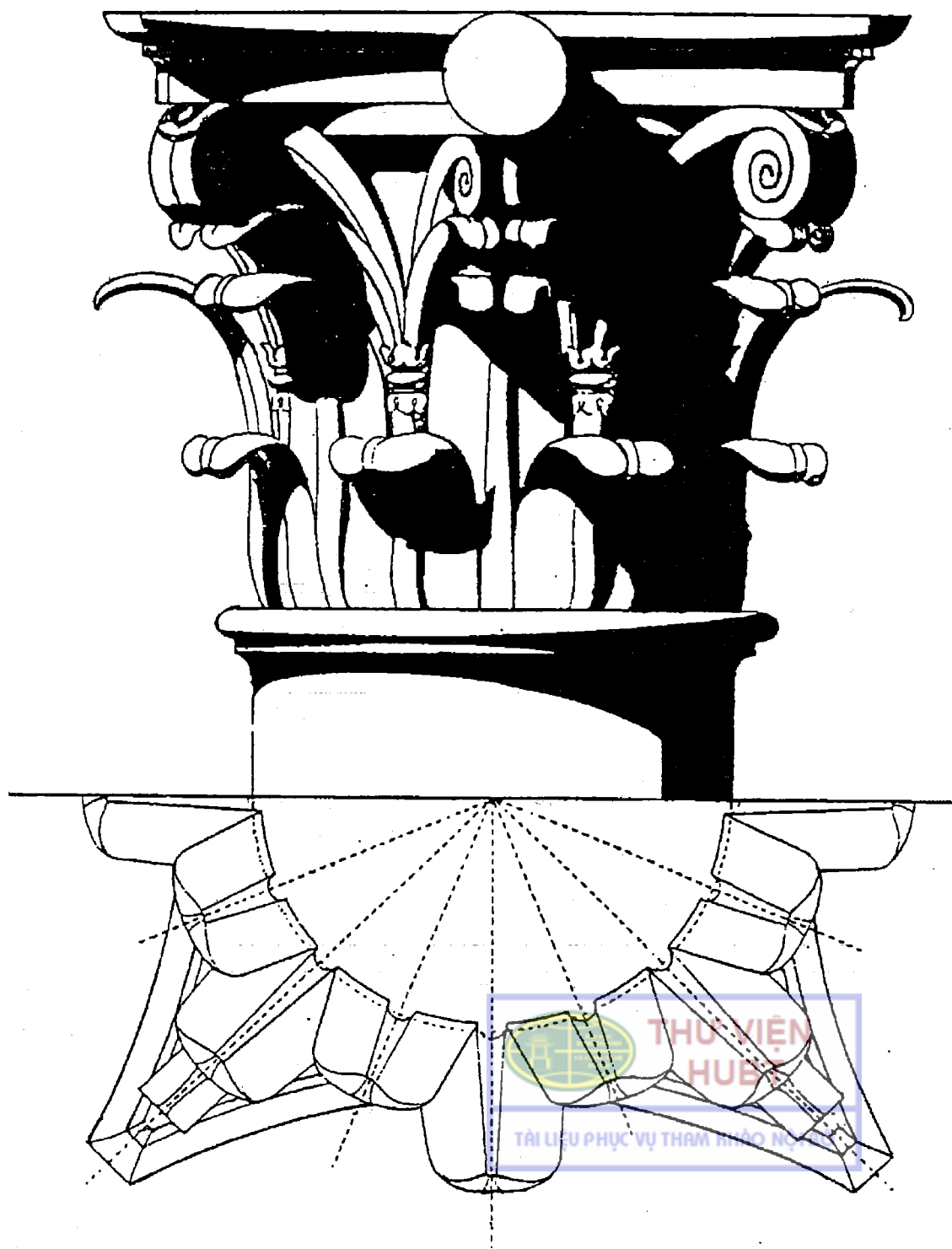
BÓNG GỖ CHỈ MŨ CỘT CORINTHIEN



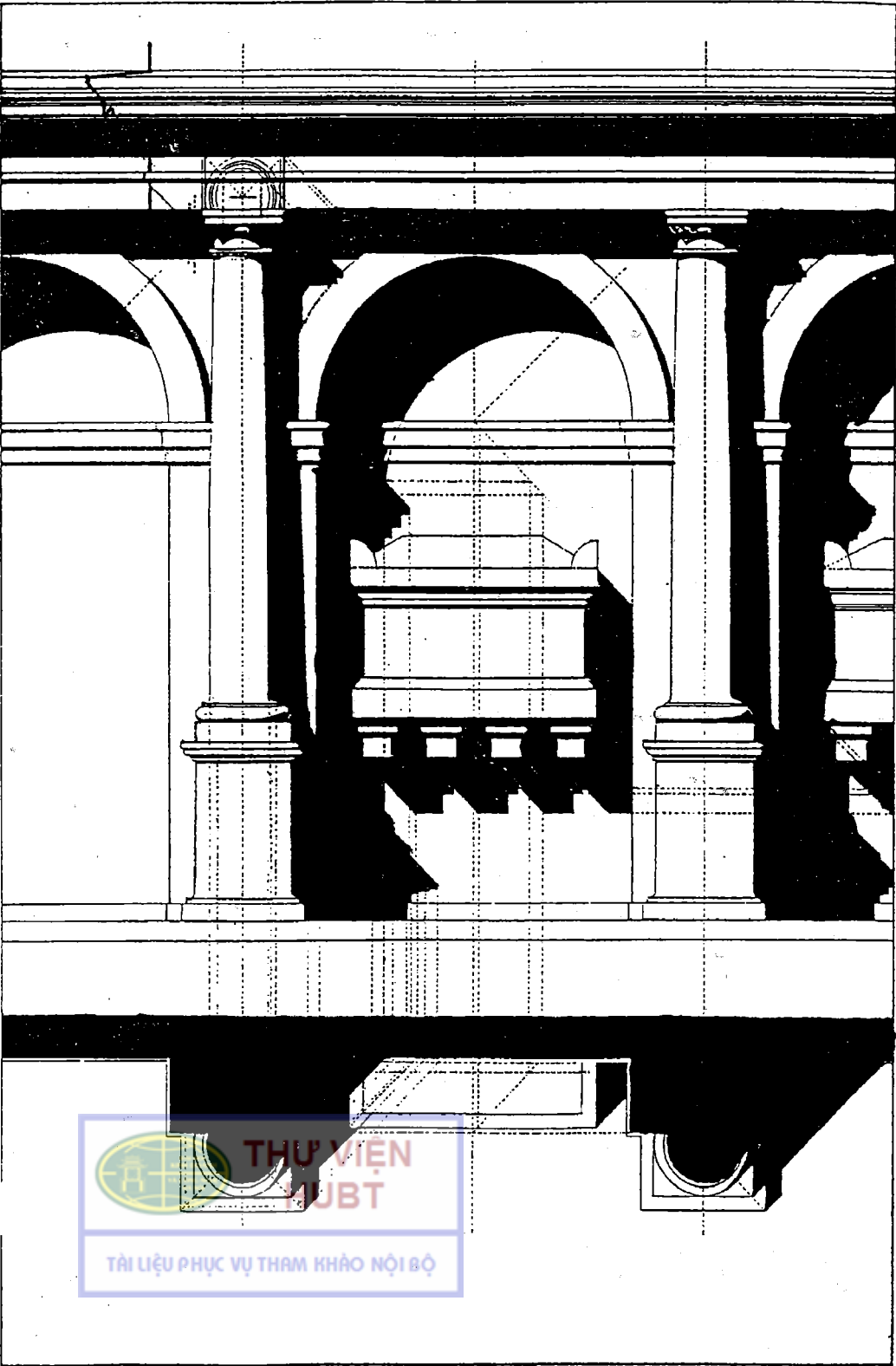
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

BÓNG MŨ CỘT CORINTHIEN TOÀN PHẦN

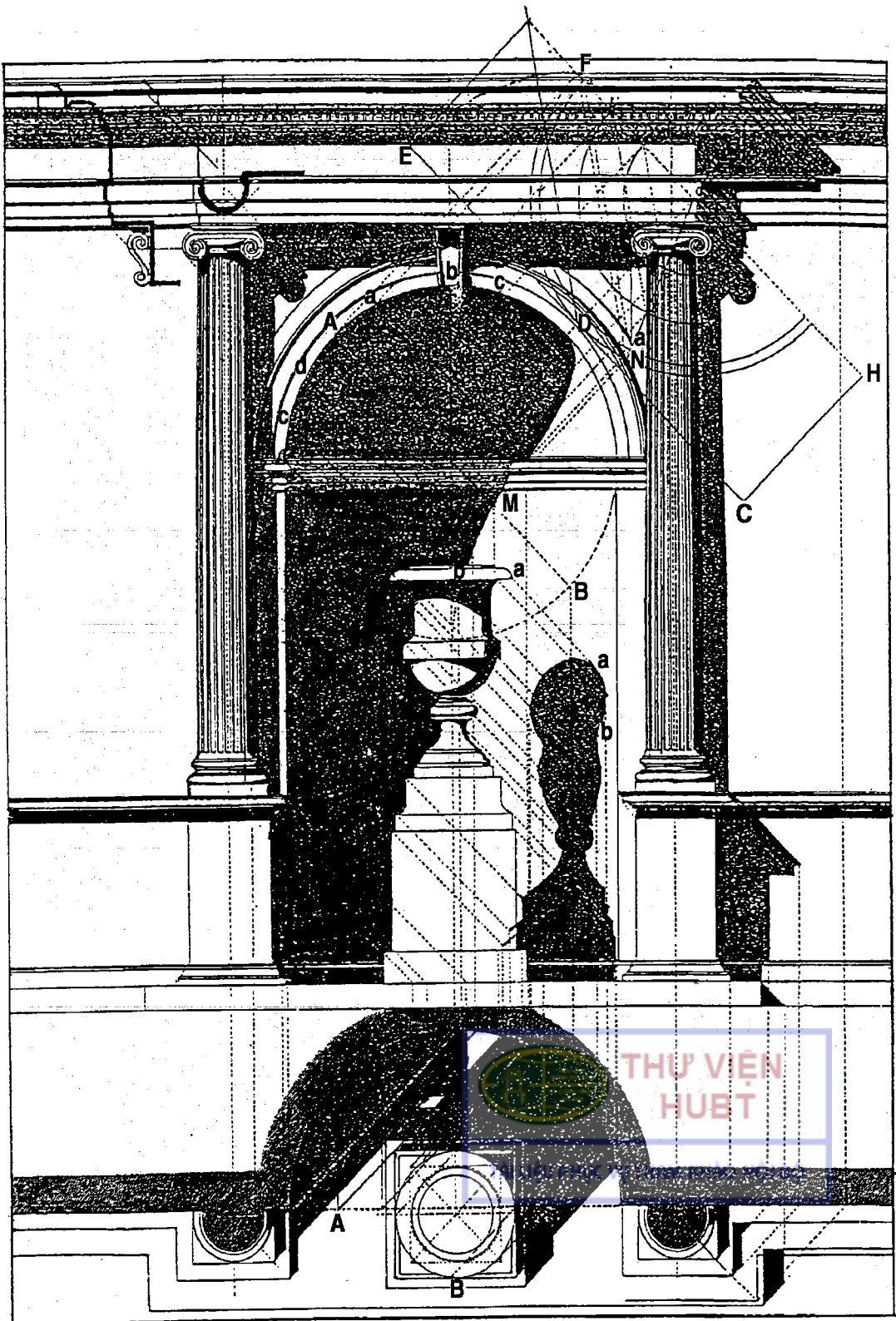


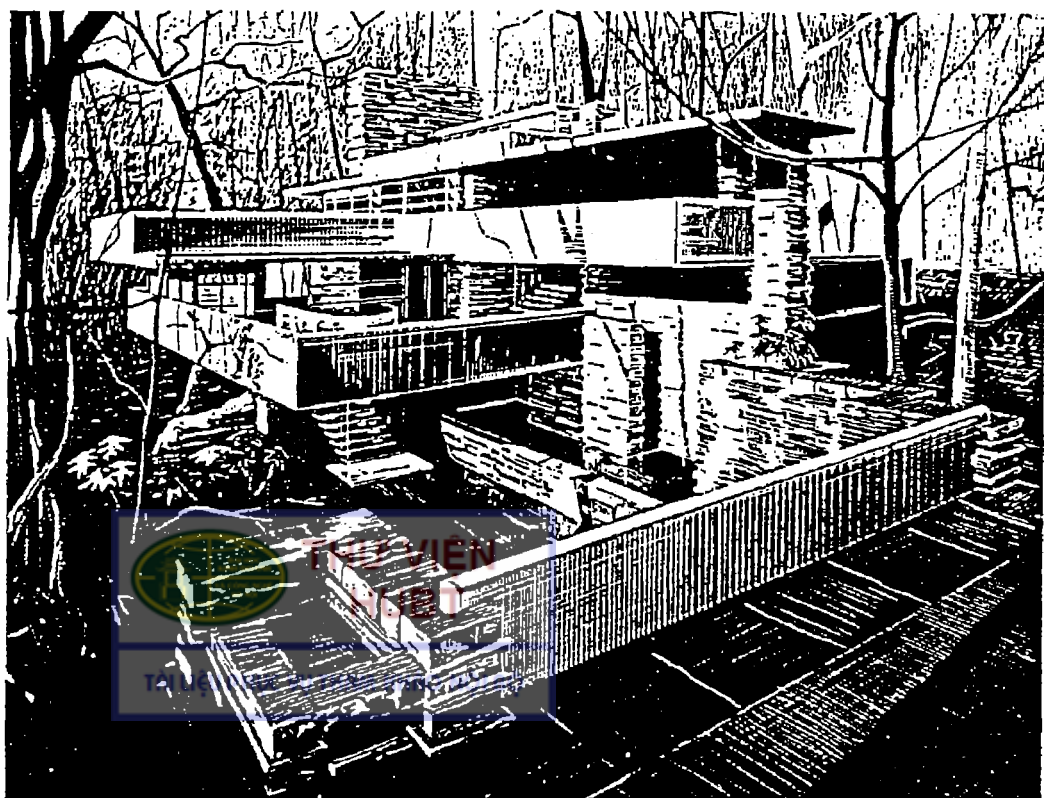
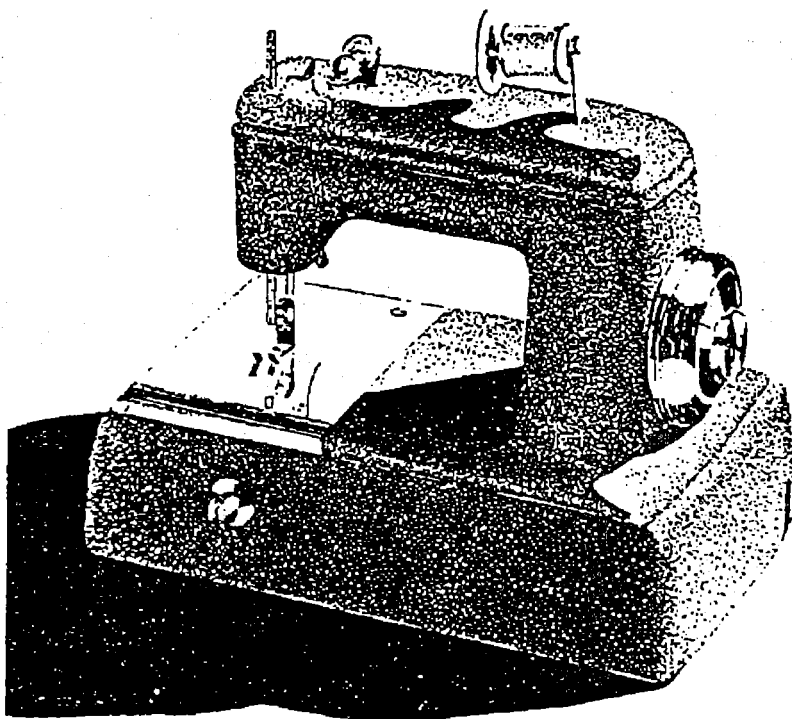
BÓNG CÔNG THỨC CỘT TOSCAN CÓ BÊ

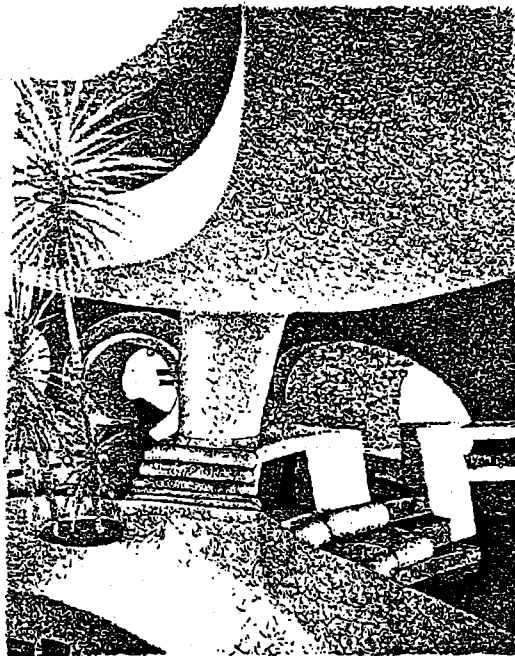


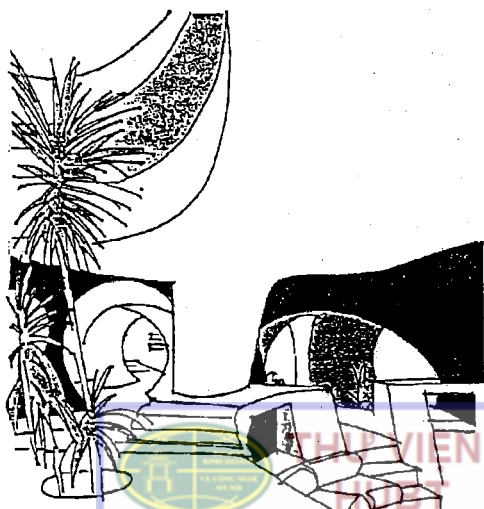
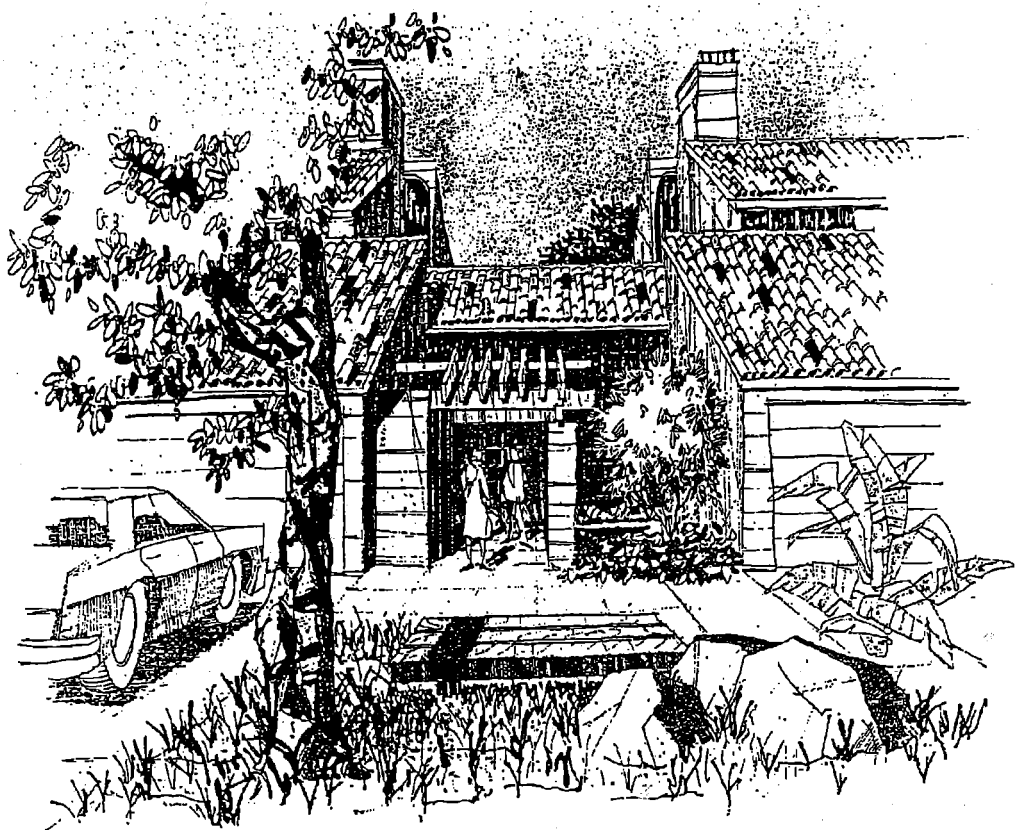
THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

BÓNG VÒM CUỐN THỨC CỘT IONIQUE CÓ BỆ

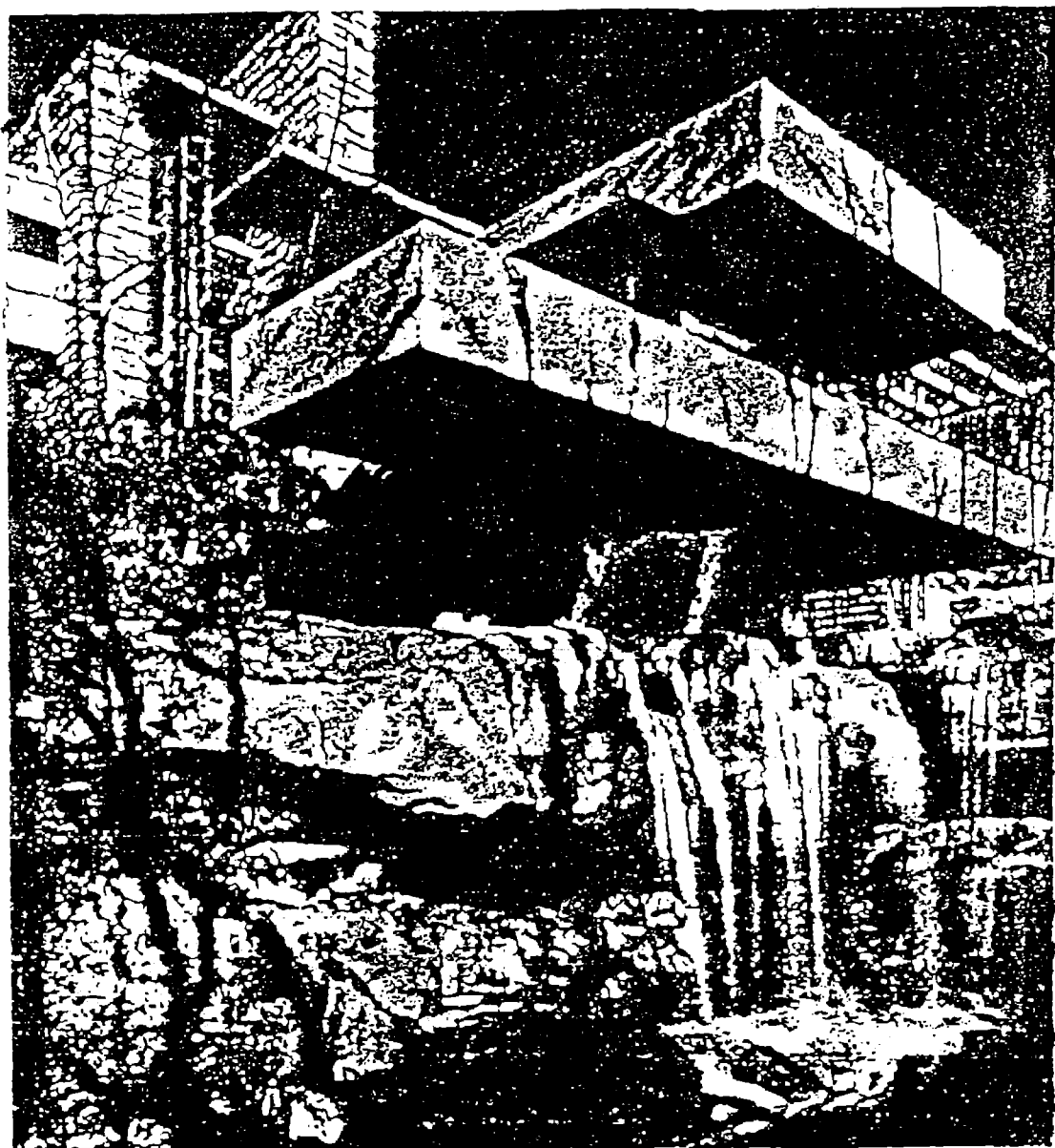








THƯ VIỆN
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Phần 6

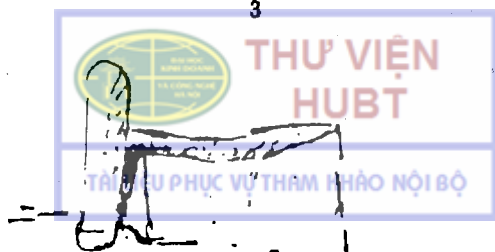
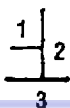
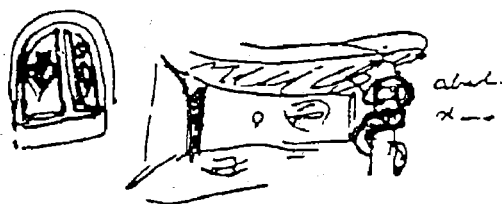
DIỄN HỌA



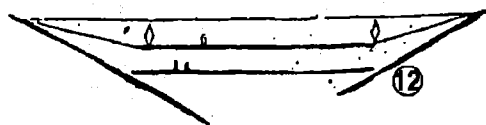
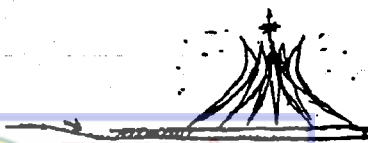
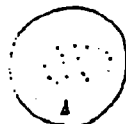
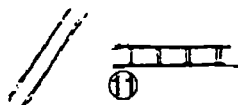
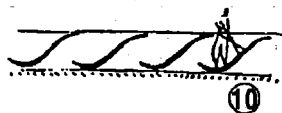
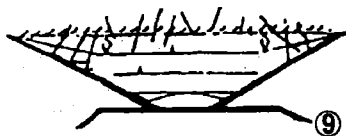
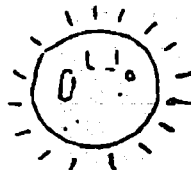
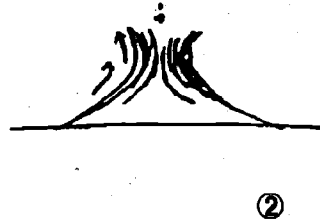
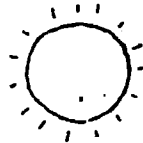
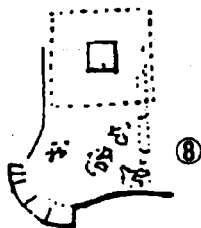
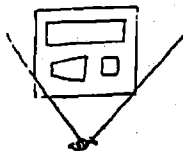
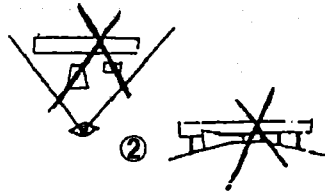
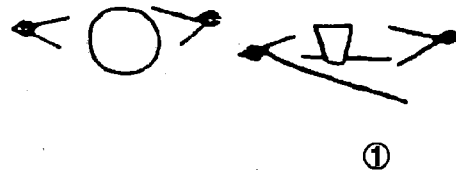
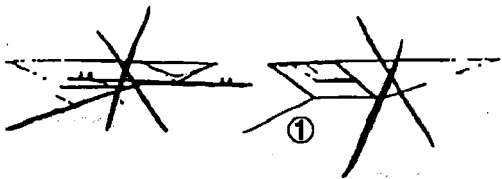


I. TÌM Ý - PHÁC THẢO

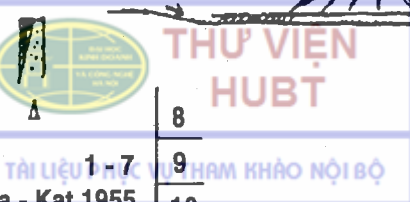
LE COTBUZÉ: Đồ án Kapel ở Ronsa



O. NHIMAI



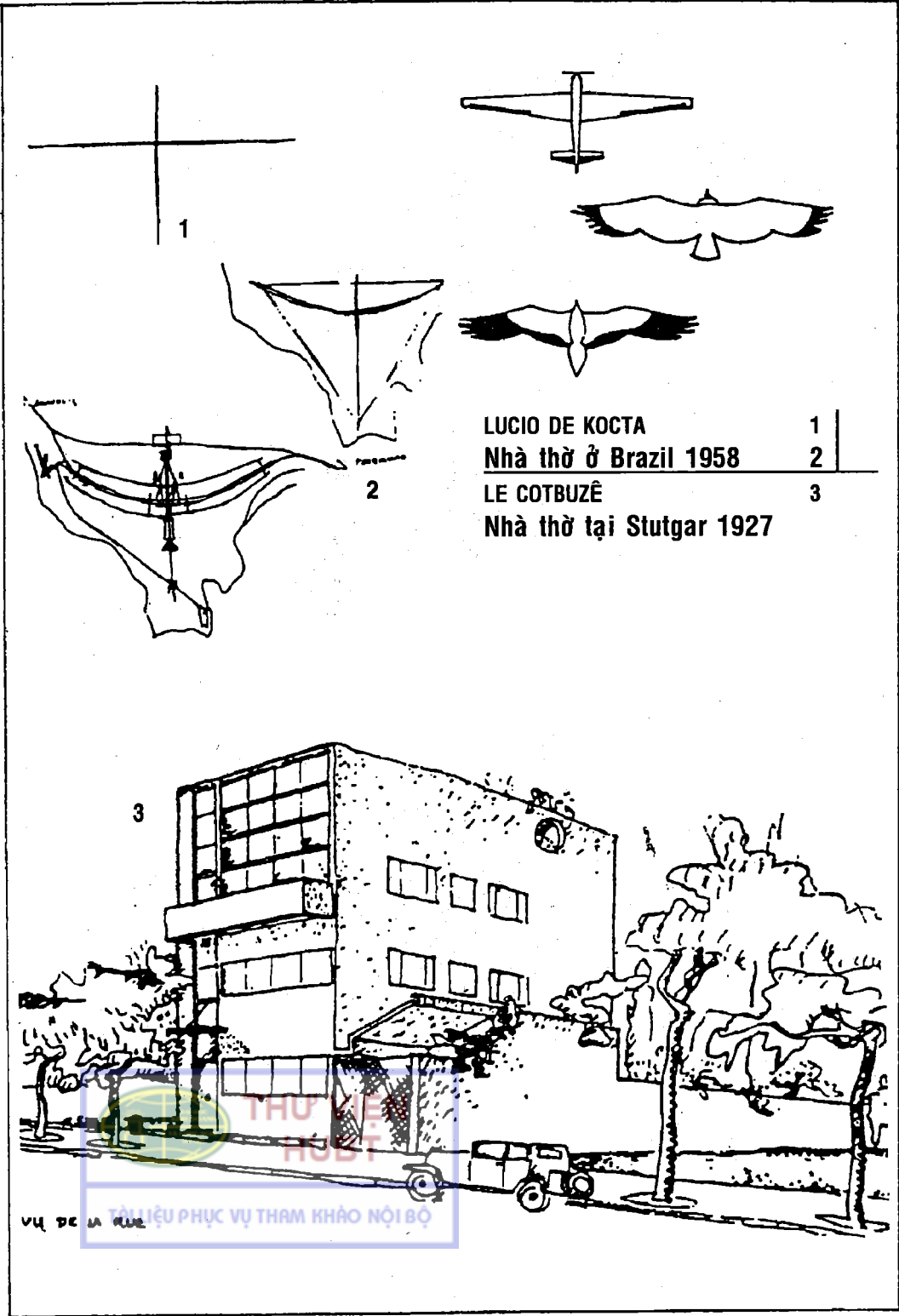
Bảo tàng ở Kara - Kat 1955

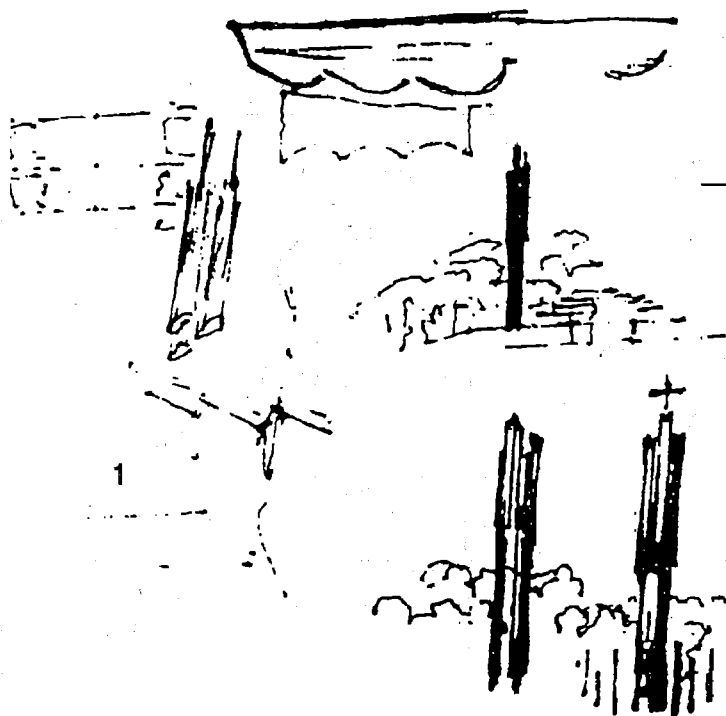


8	
9	
10	
11	Nhà thờ ở Brazil 1958

O.ЛИМЕЙЕР

LUCIO DE KOCTA
LE COTBUZÊ

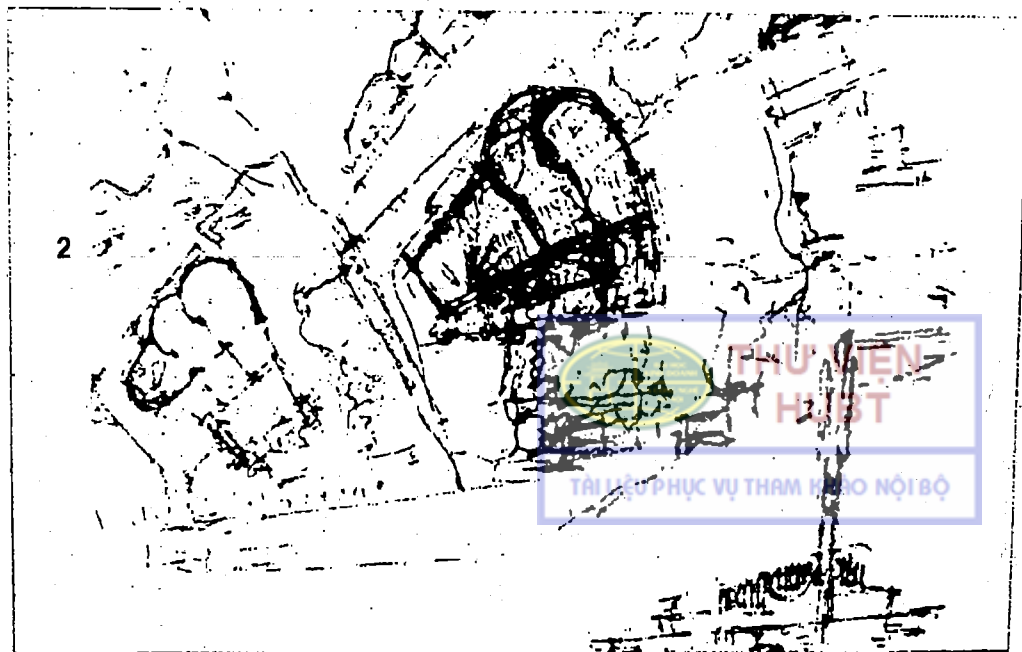




Nhà thờ ở IMATRE

1 1956-1959

2 Mặt bằng nhà thờ

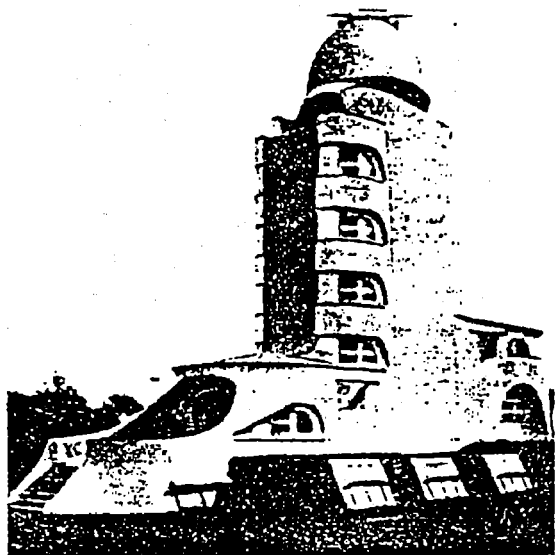


2

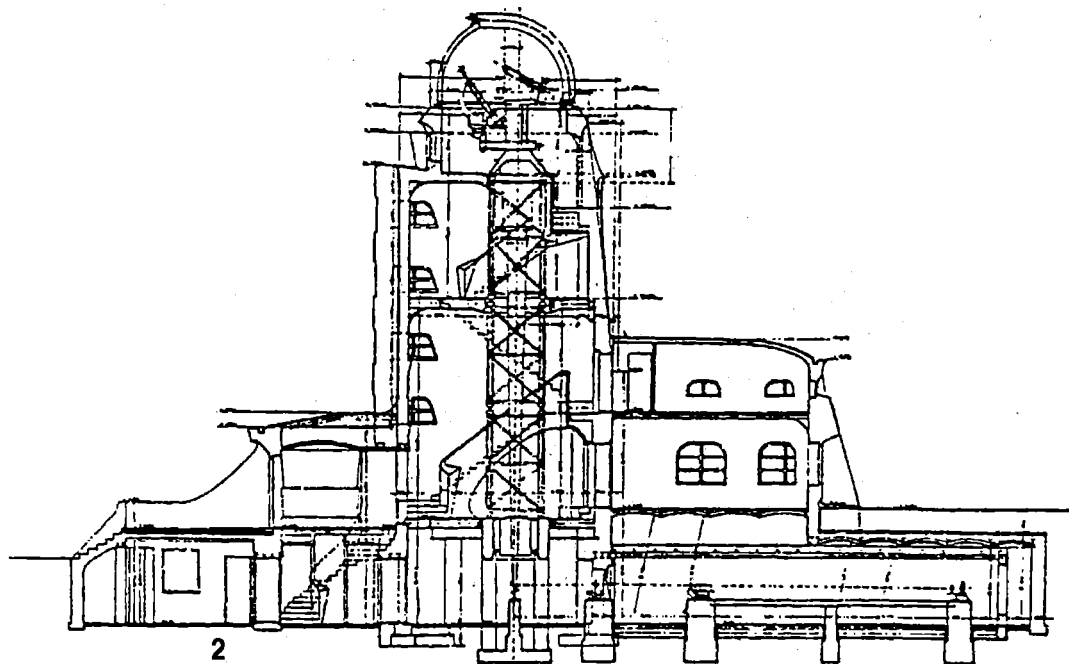
PHU MIEN
HUT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

E. Mendelsim

Đài khí tượng ở POCS DAM 1920



1

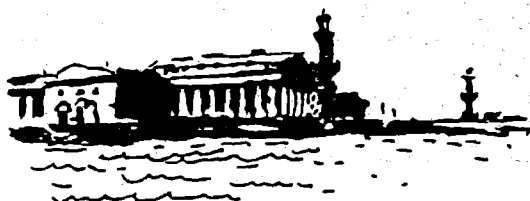
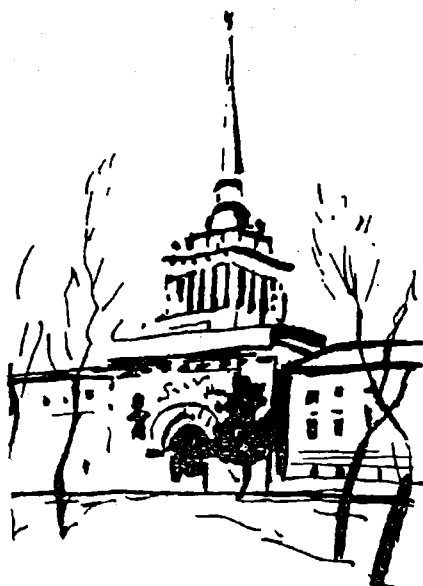


2

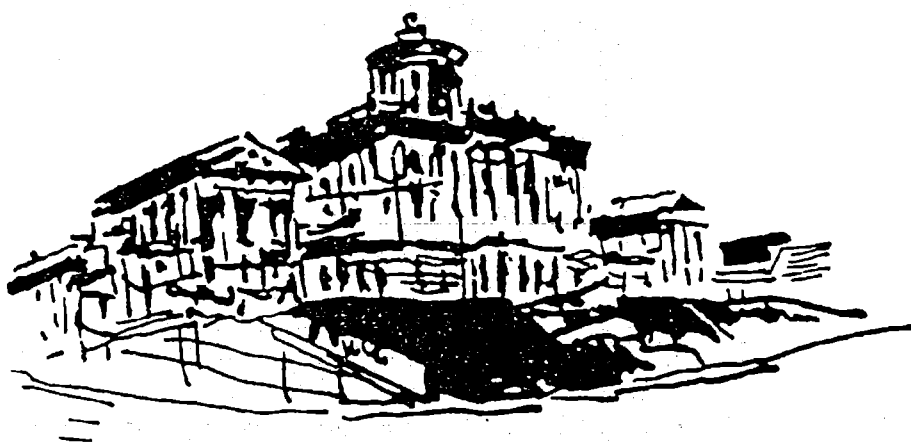


3

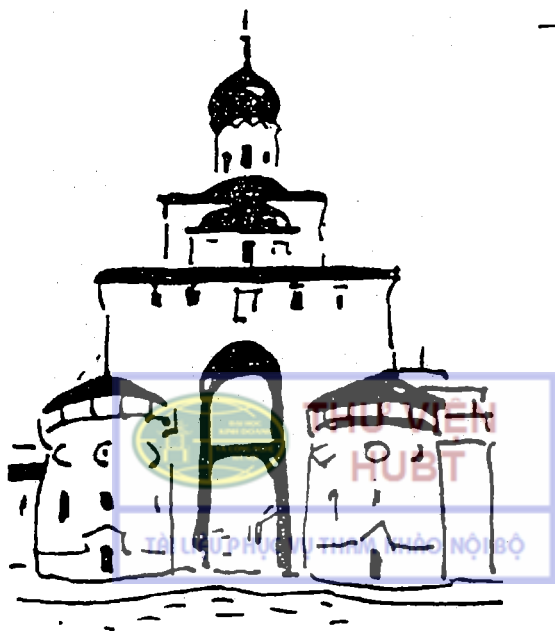
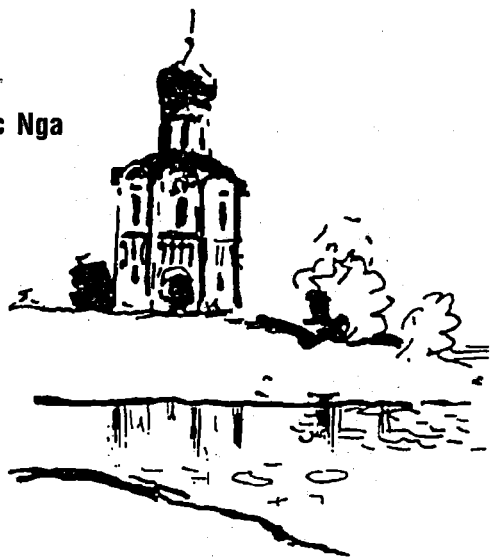
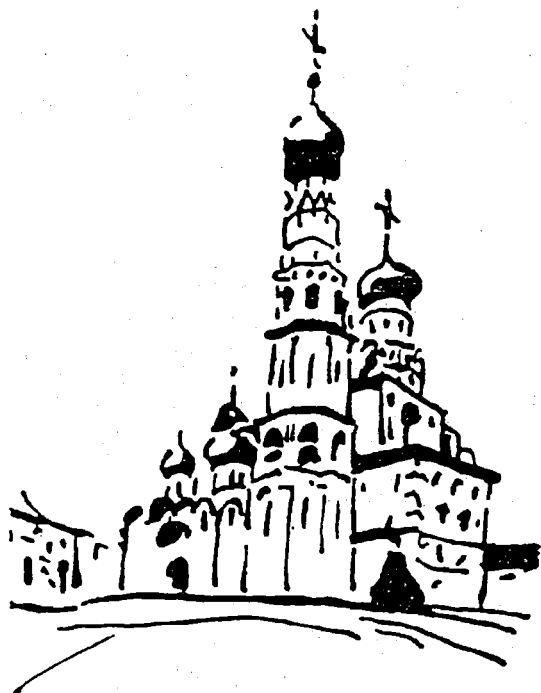
2	3 Phác thảo
1	Ảnh chụp bản phác thảo



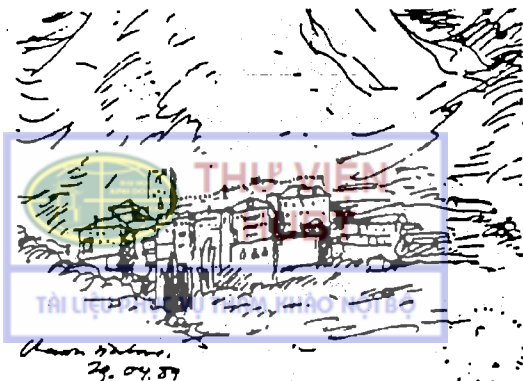
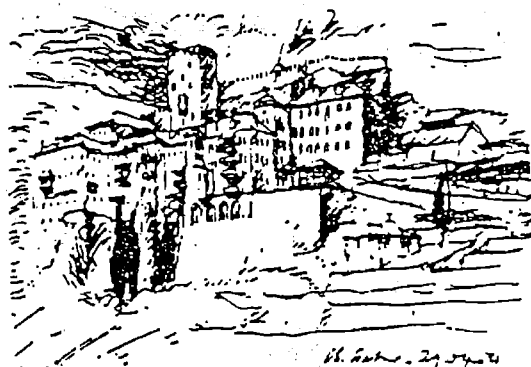
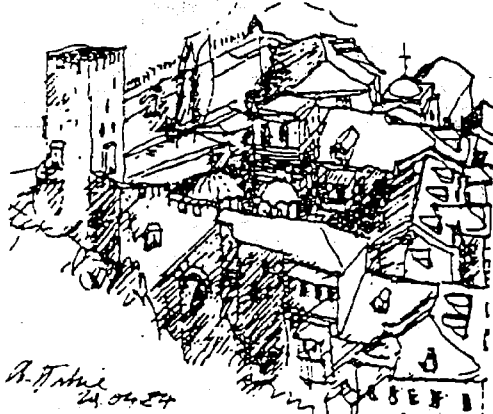
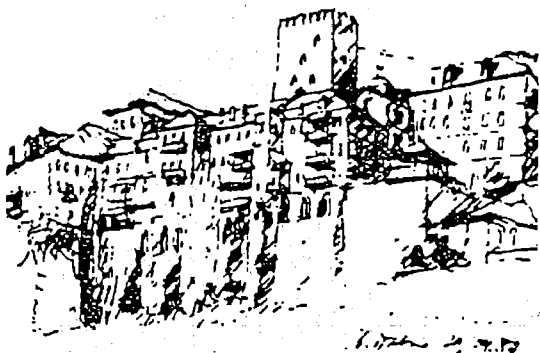
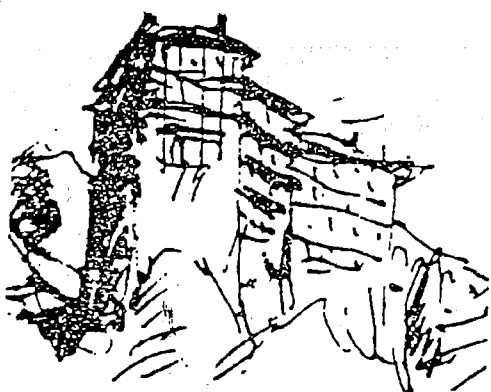
Дворец, построенный в 1800 году



Phác thảo đáng nhớ của kiến trúc Nga



ДОЖИВЕТИ СВЕТУ ГОРУ,
ЗНАЈИ ПРЕ СВЕГА, ДАТИ У
ХИЛАДАРУ
И ПЕДАТИ
ОКО СЕБЕ
ШИРОМ
ОТВОРЕНИМ
ОЧИМА



Z. PETROVIT. Phác thảo toàn cảnh những góc phố



Скоро в Казань 29.0



Скоро в Казань 29.0

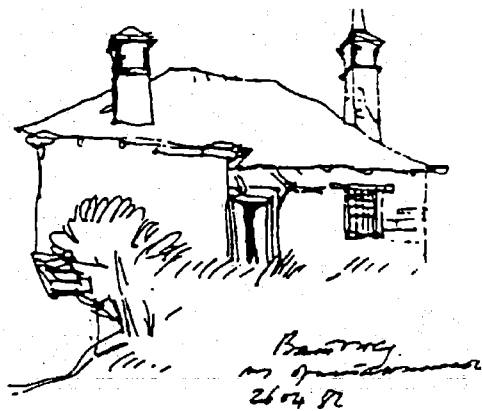
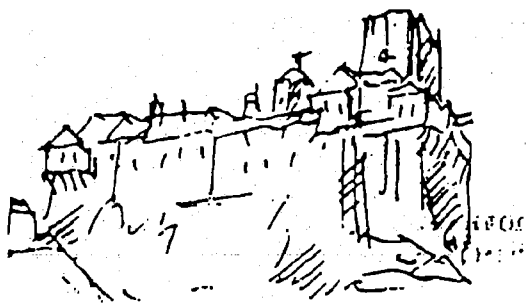
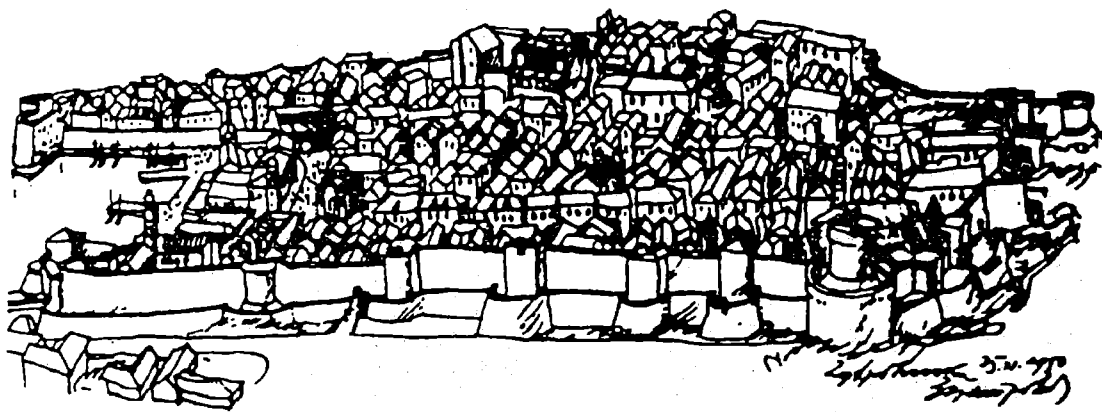
Скоро в Казань 29.0



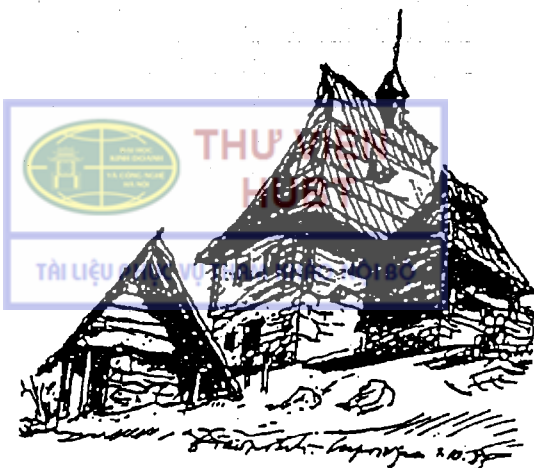
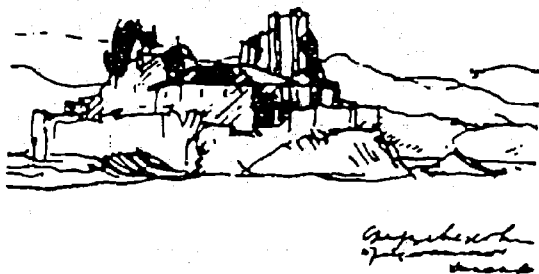
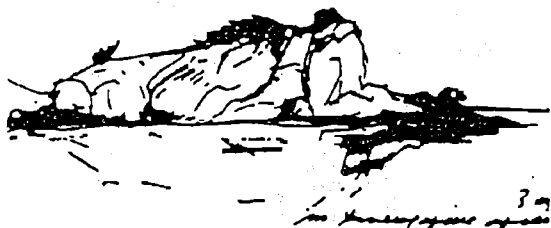
THƯ VIỆN
HUBT

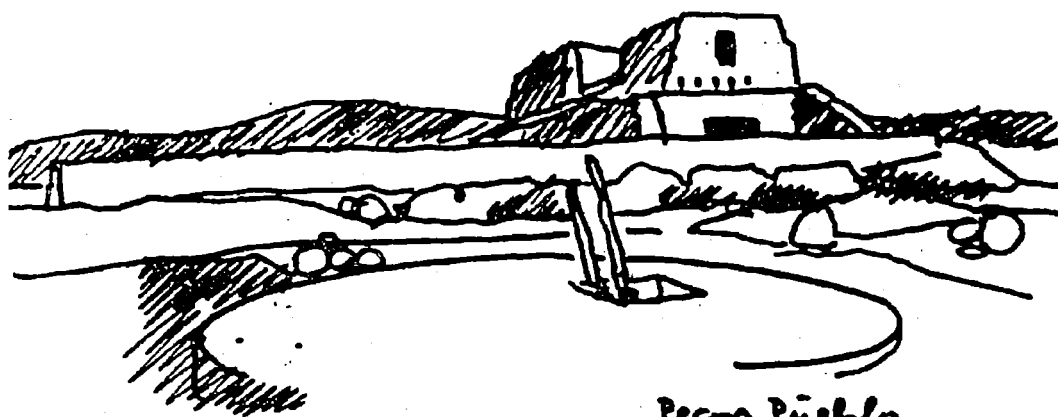
Z. PETROVIT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

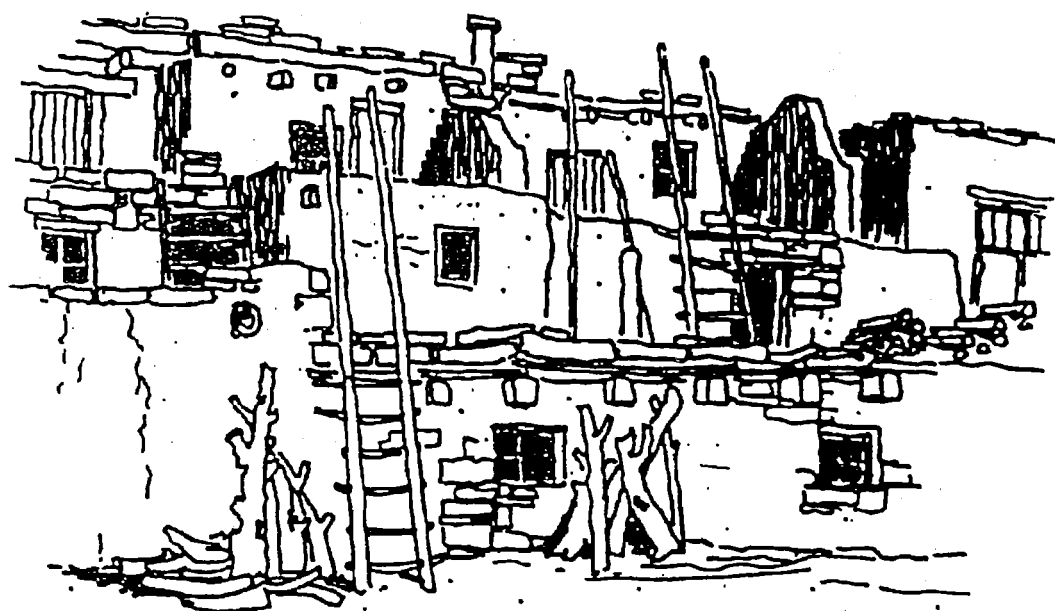


Z. PETROVIT

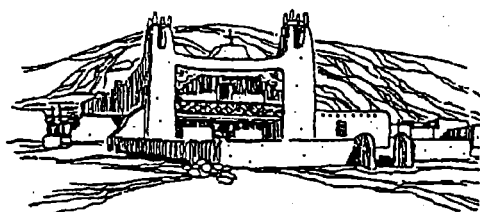




Pecos Pueblo
Hittoria i. Kiwa



Acama Pueblo



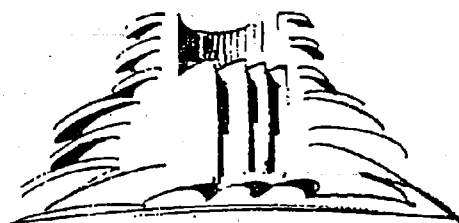
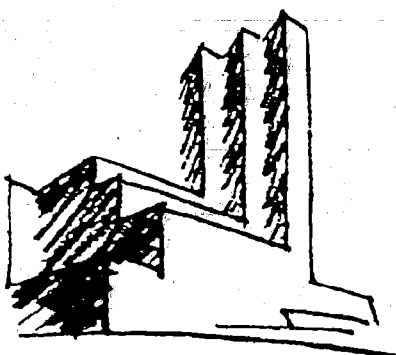
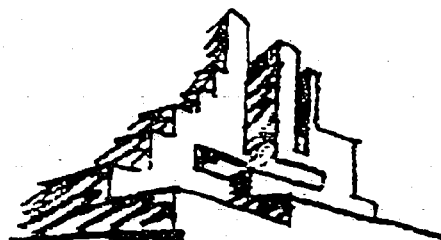
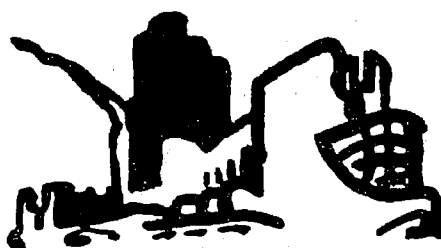
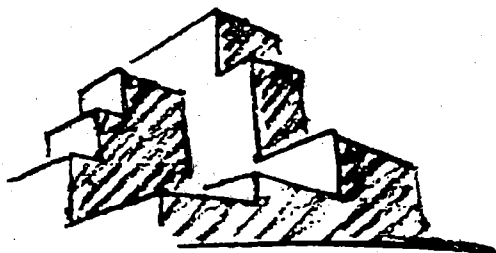
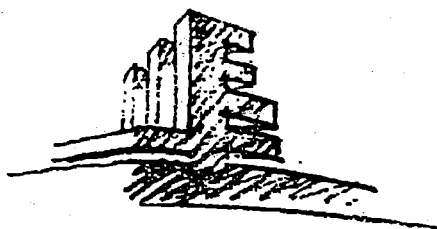
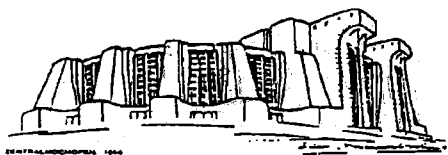
San Felipe Pueblo



B. KHOLLOMAI

Phác thảo trích đoạn phố người da đỏ Nam Mỹ

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



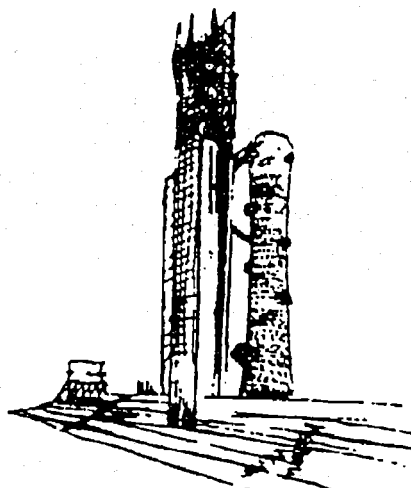
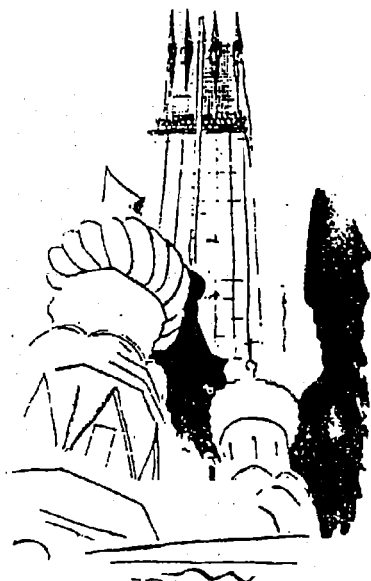
1	5
2	6
3	7
4	8
9	

THƯ VIỆN
HUBT

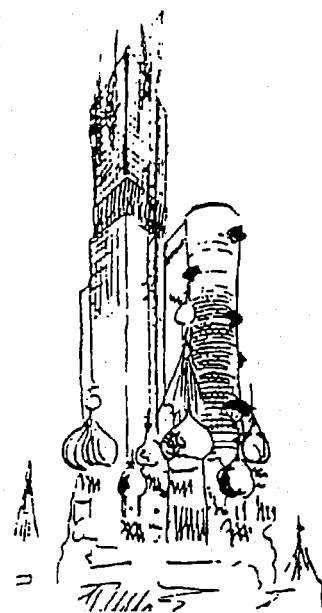
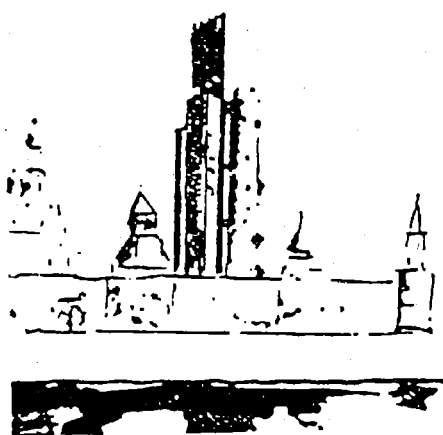
PHÒNG PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

E. MENDELSONA

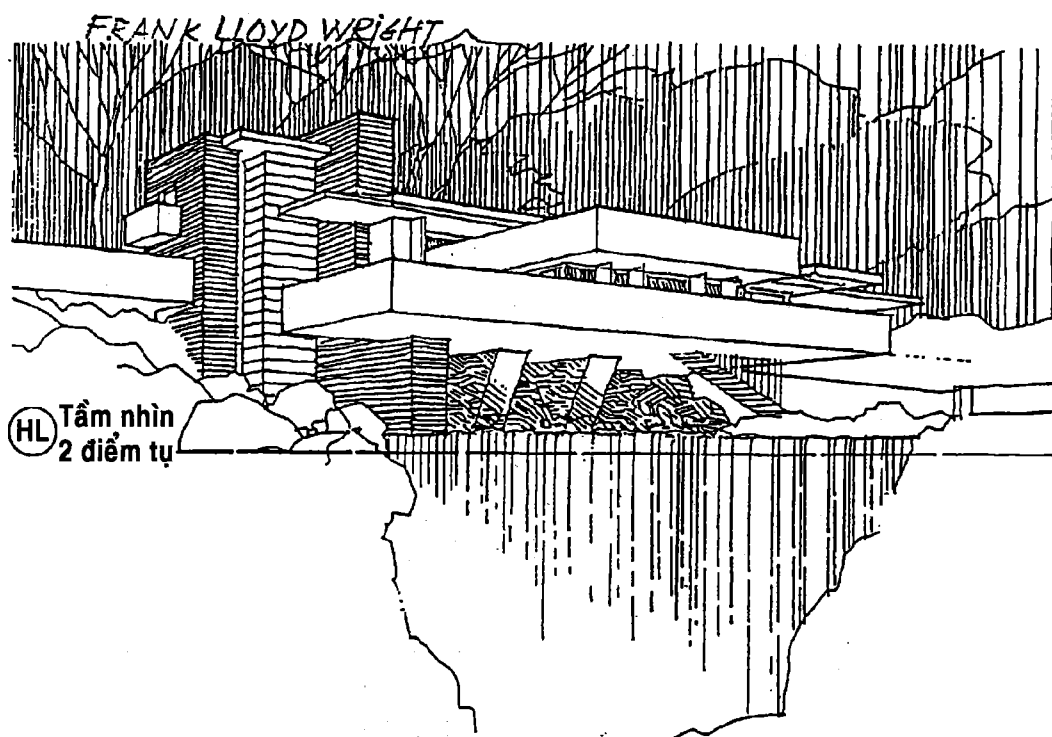
Phác thảo đài thiên văn ở Potsotamic (1920-1921)

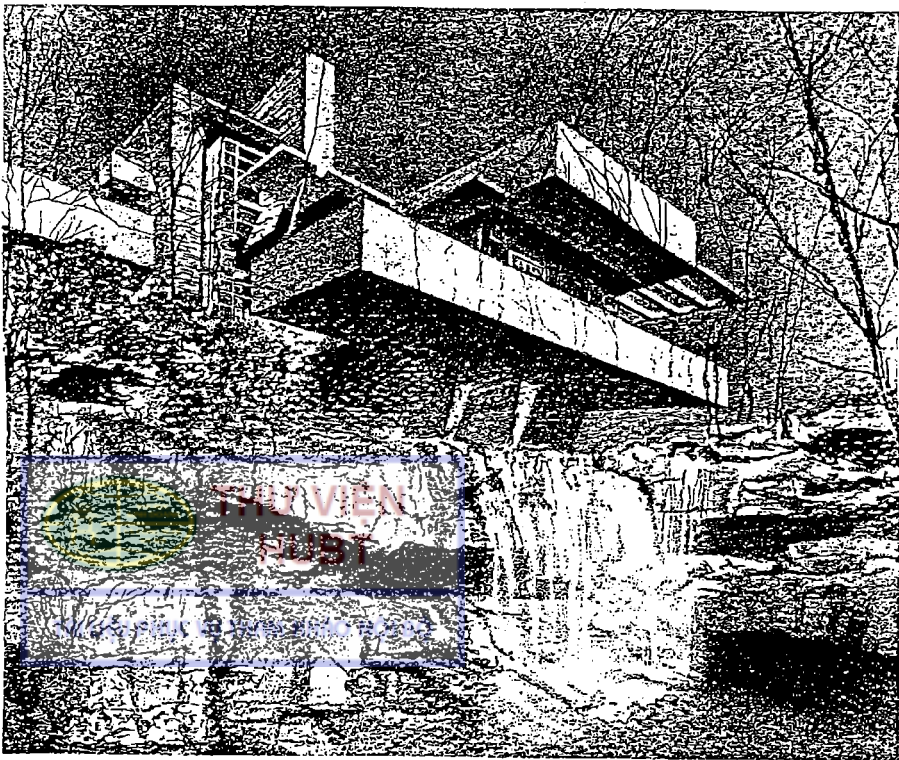
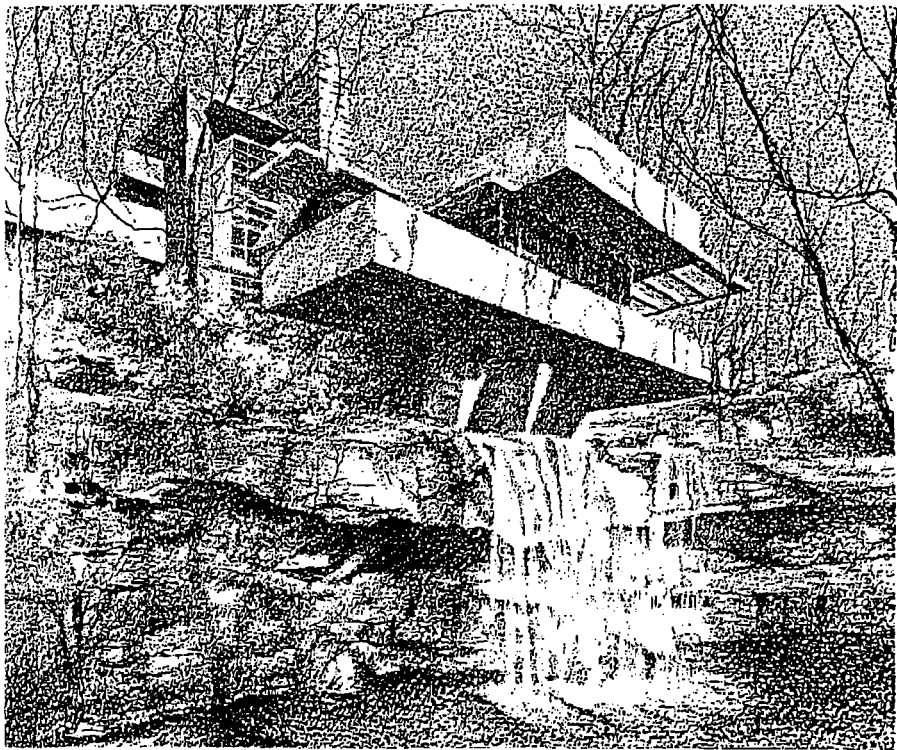


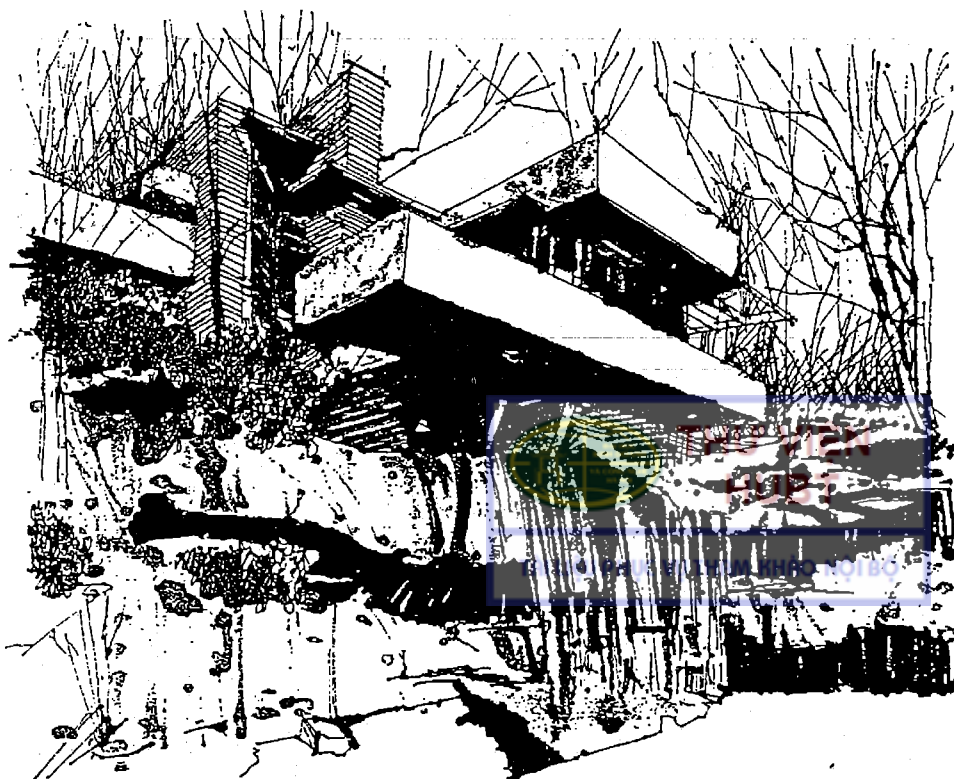
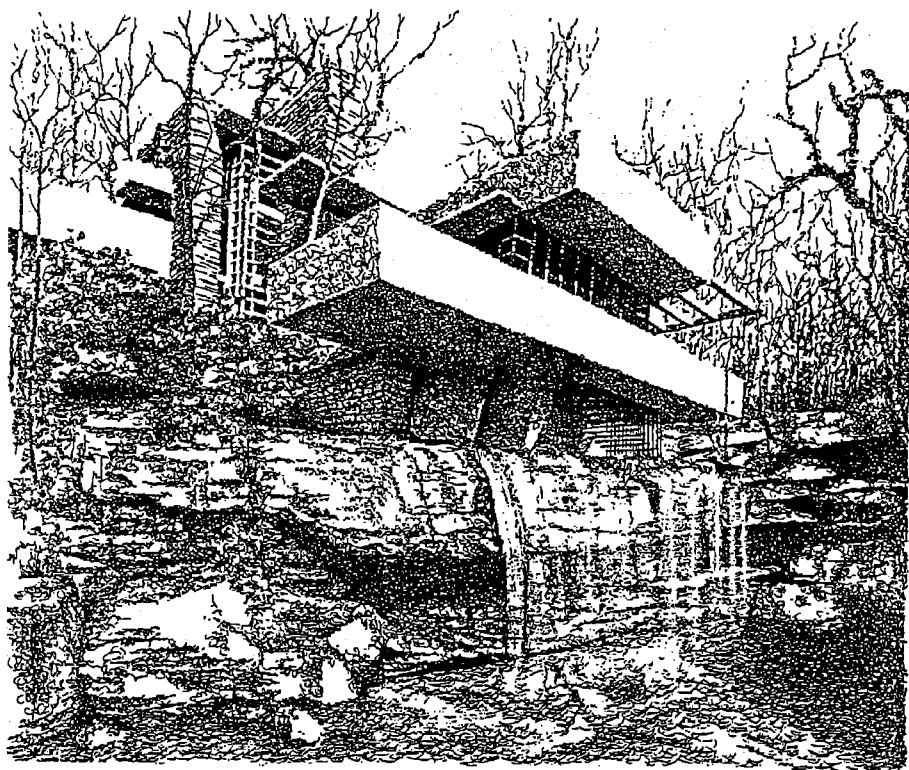
$$\begin{array}{r} 2 5 \\ 1 \overline{) 25} \\ \underline{20} \\ 5 \\ 4 \end{array}$$



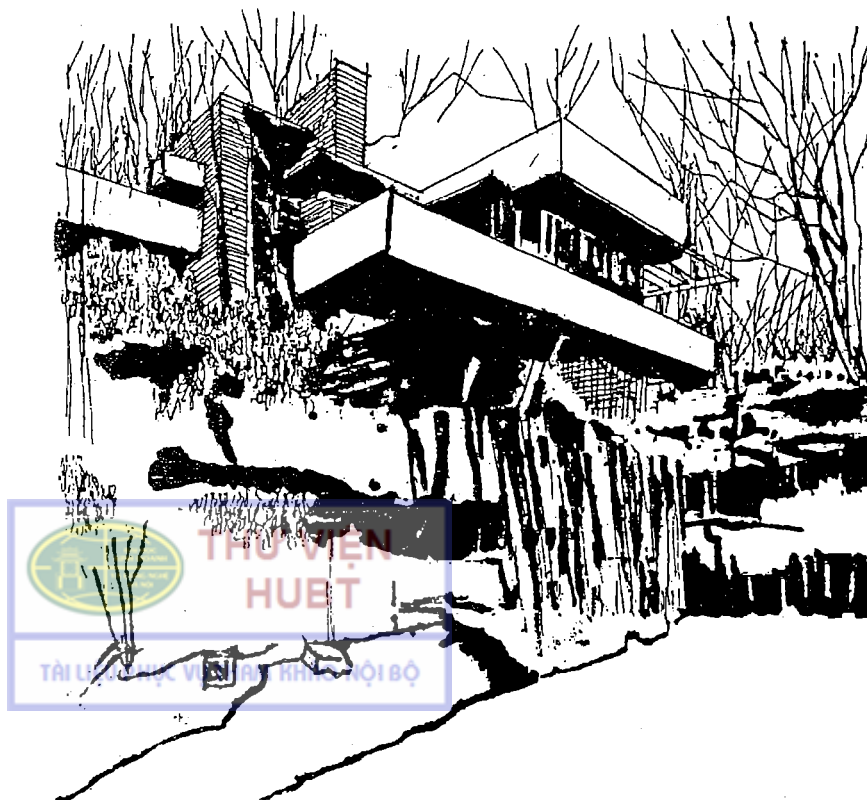
II. BÀI TẬP DIỄN HỌA

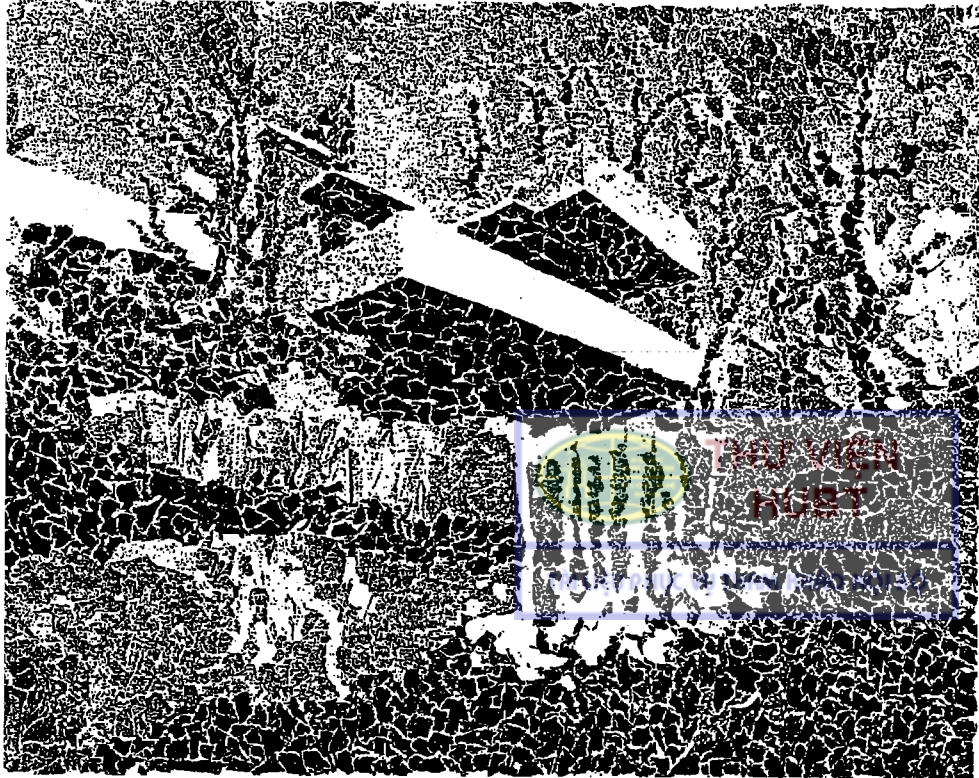
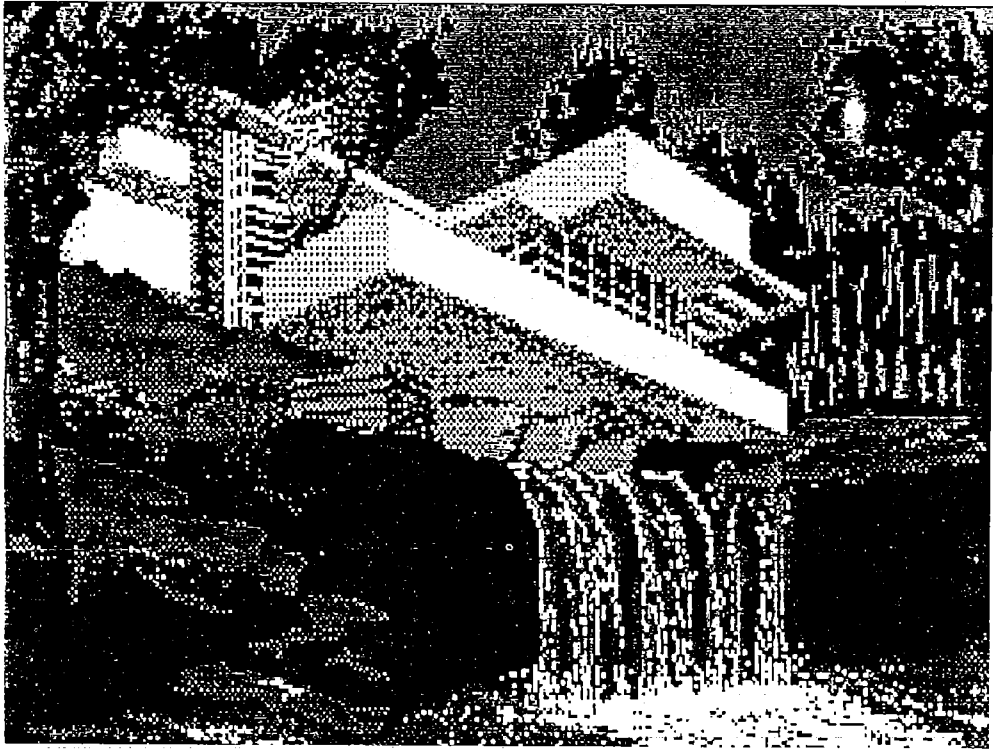




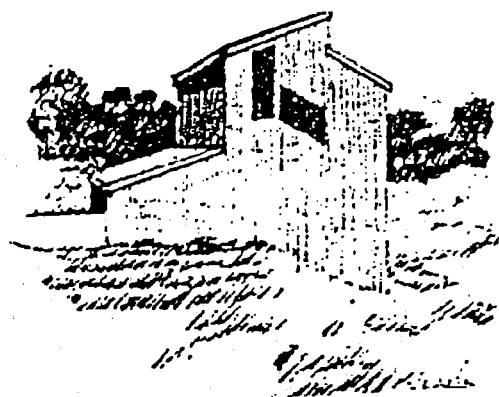
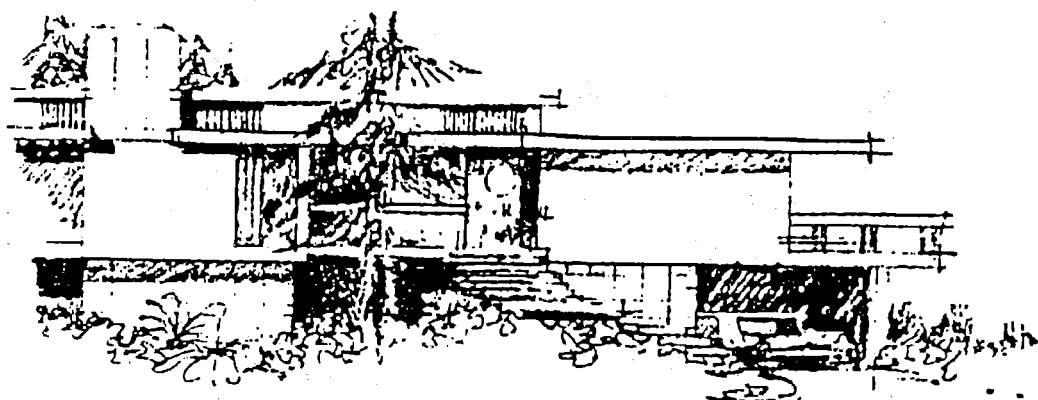


BÀI TẬP DIỄN HỌA

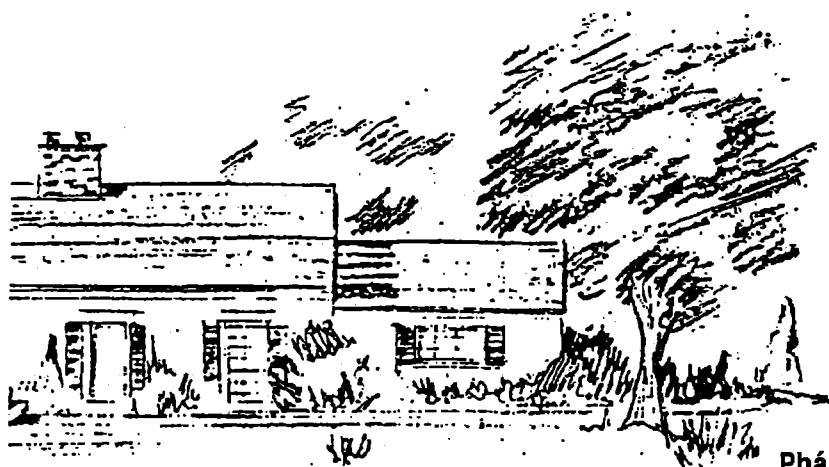




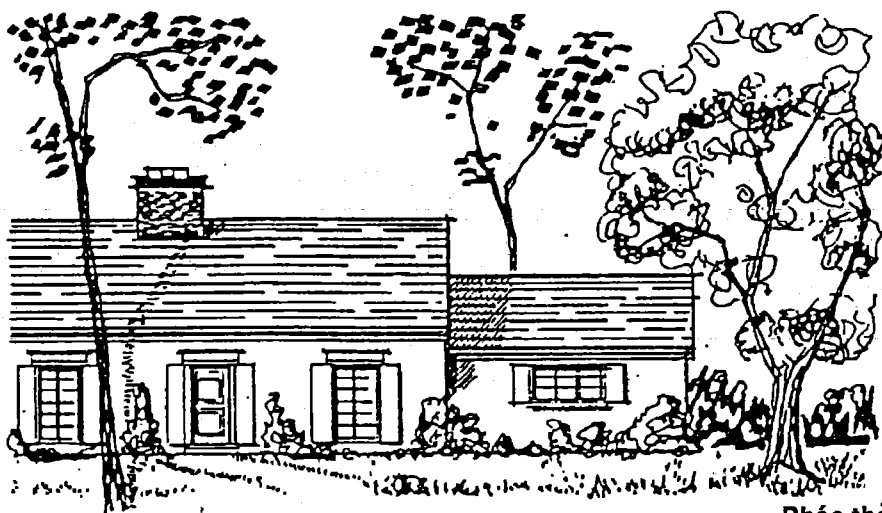
BÀI TẬP DIỄN HỌA



TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

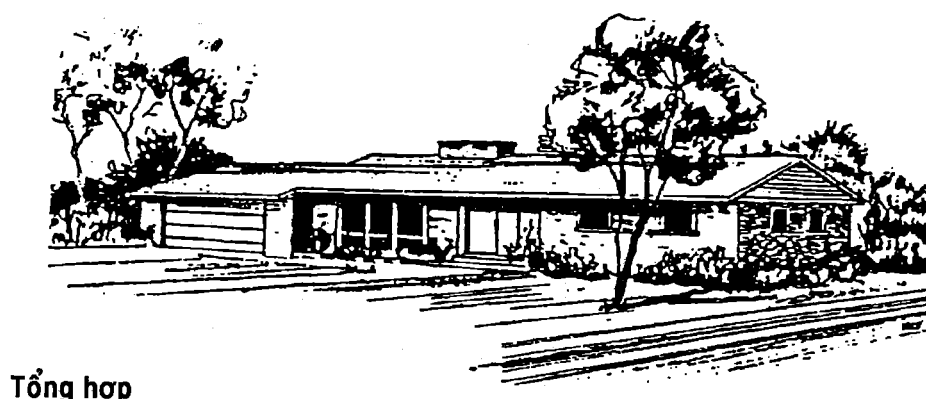
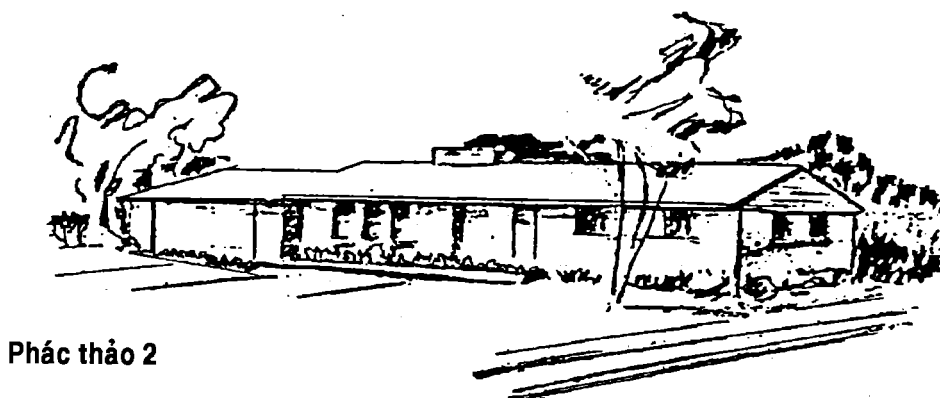
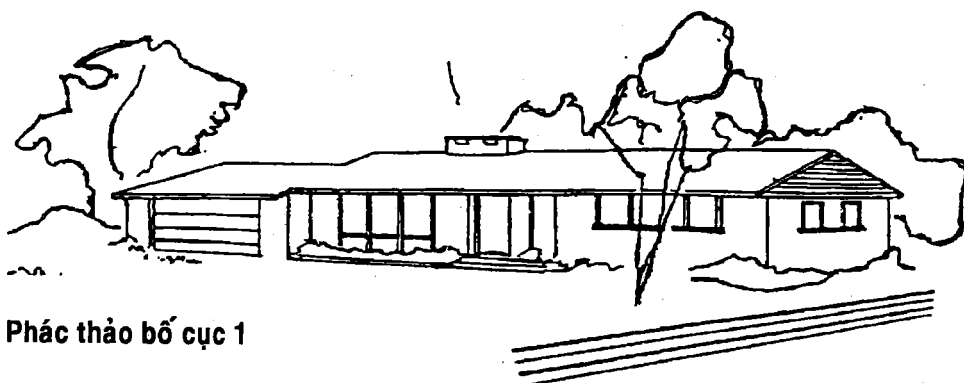


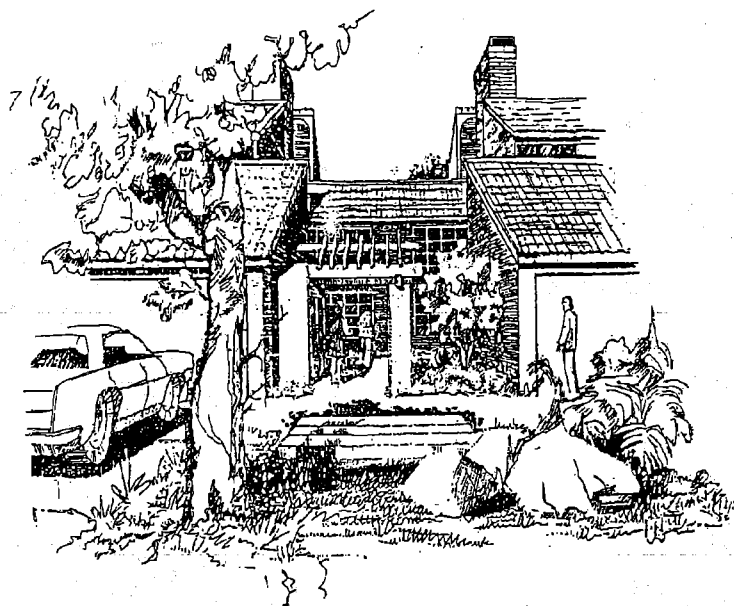
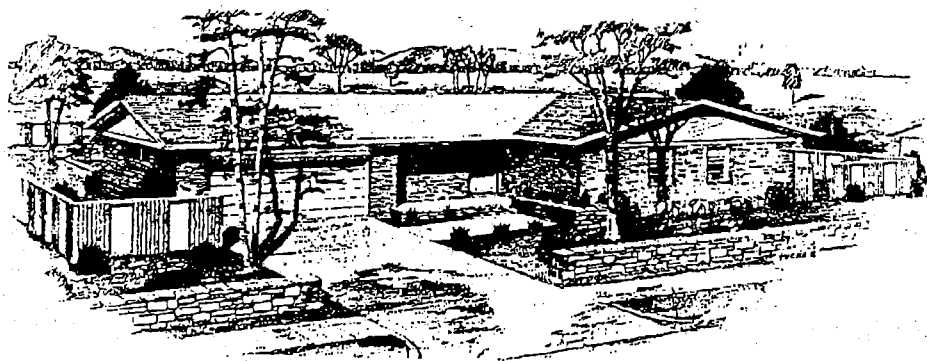
Phác thảo 1

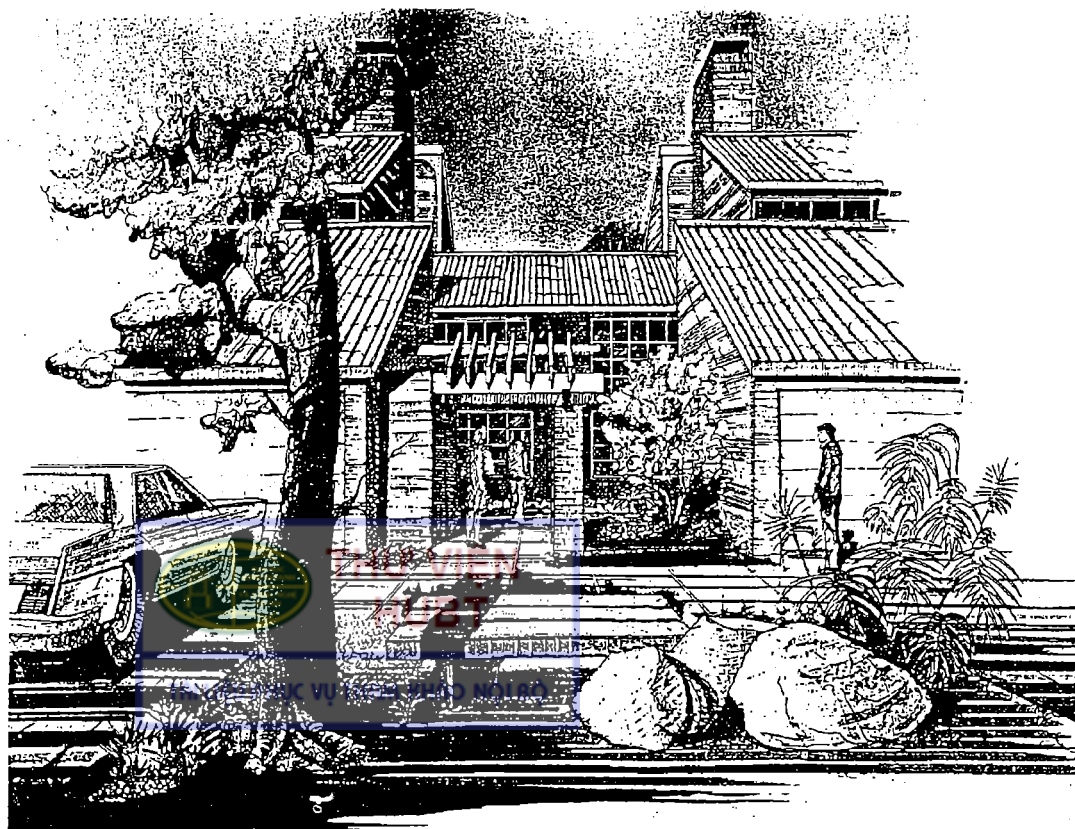
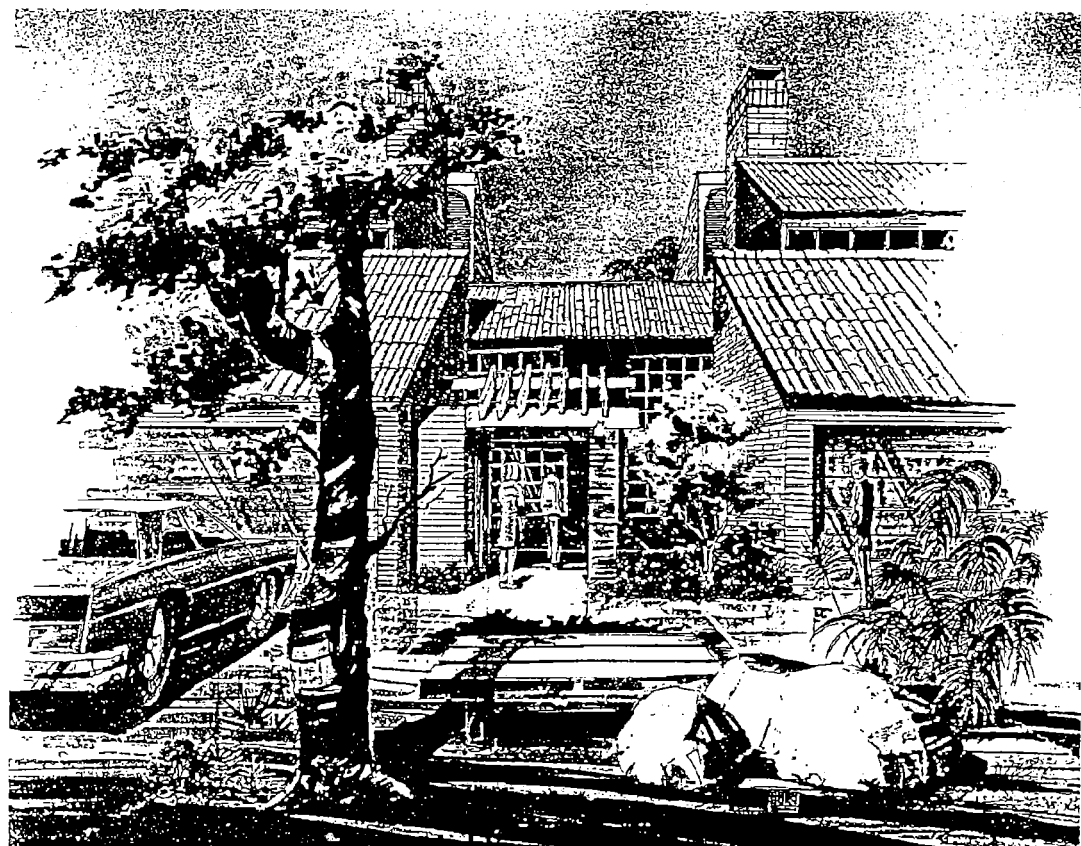


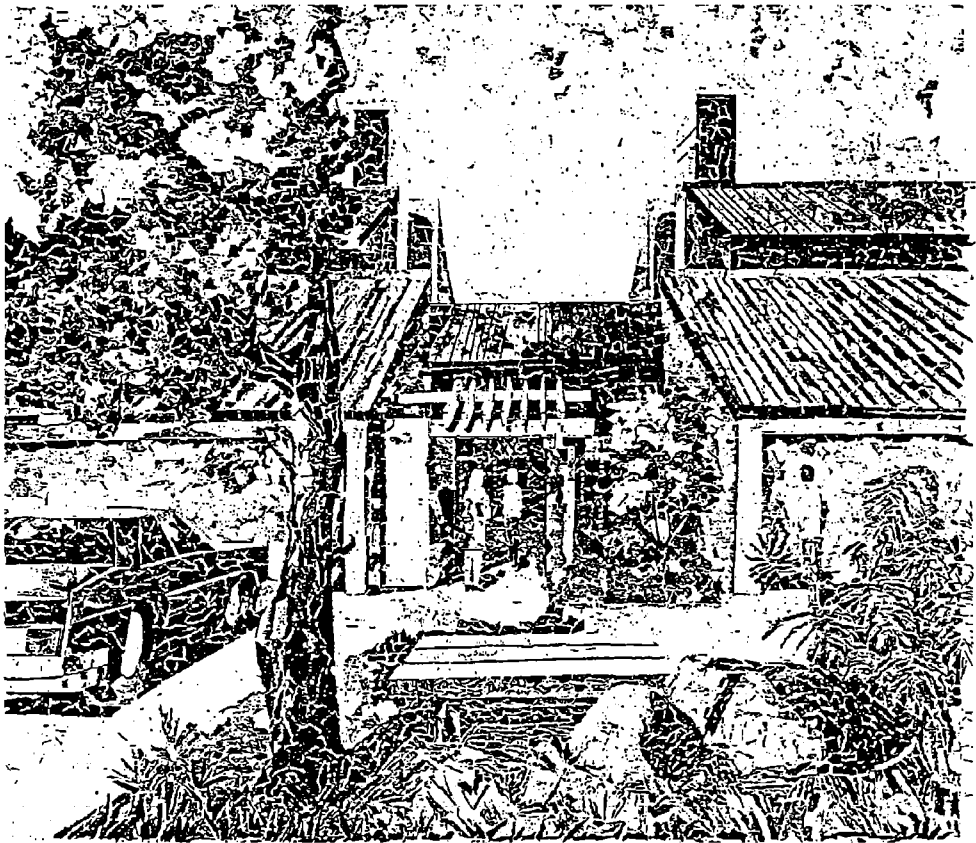
Phác thảo 2

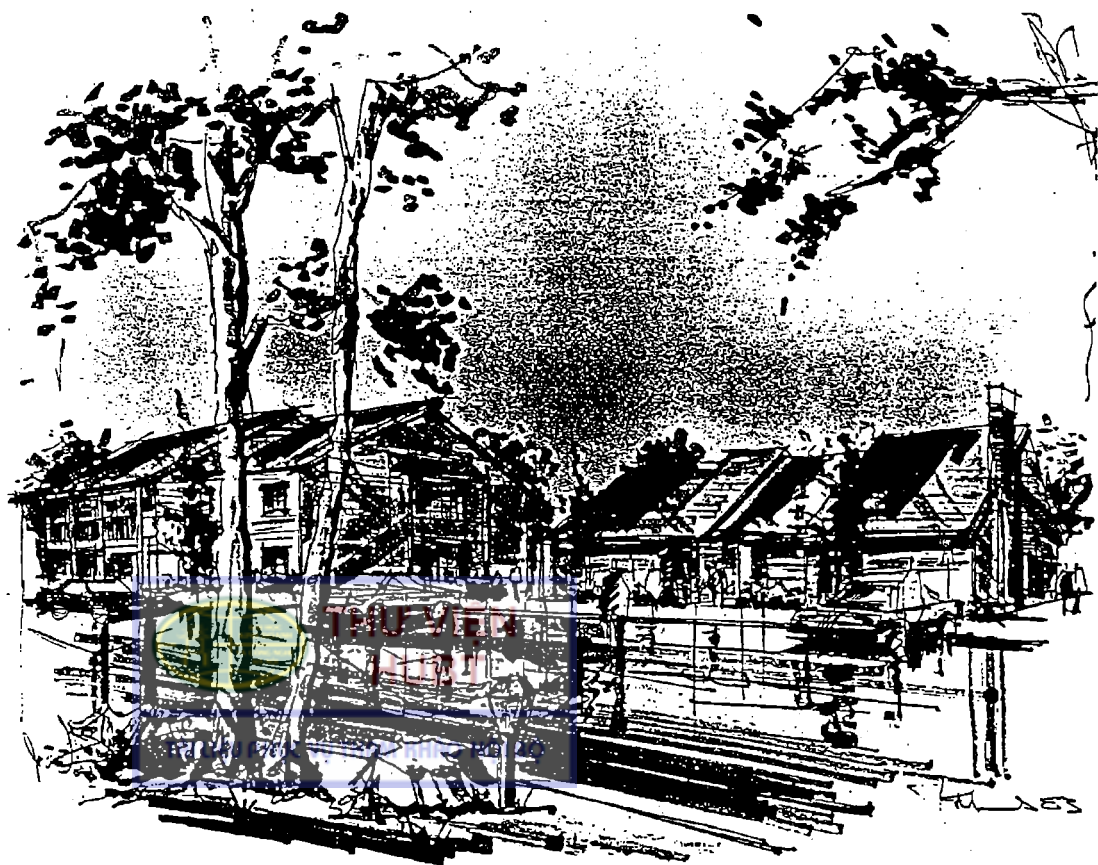
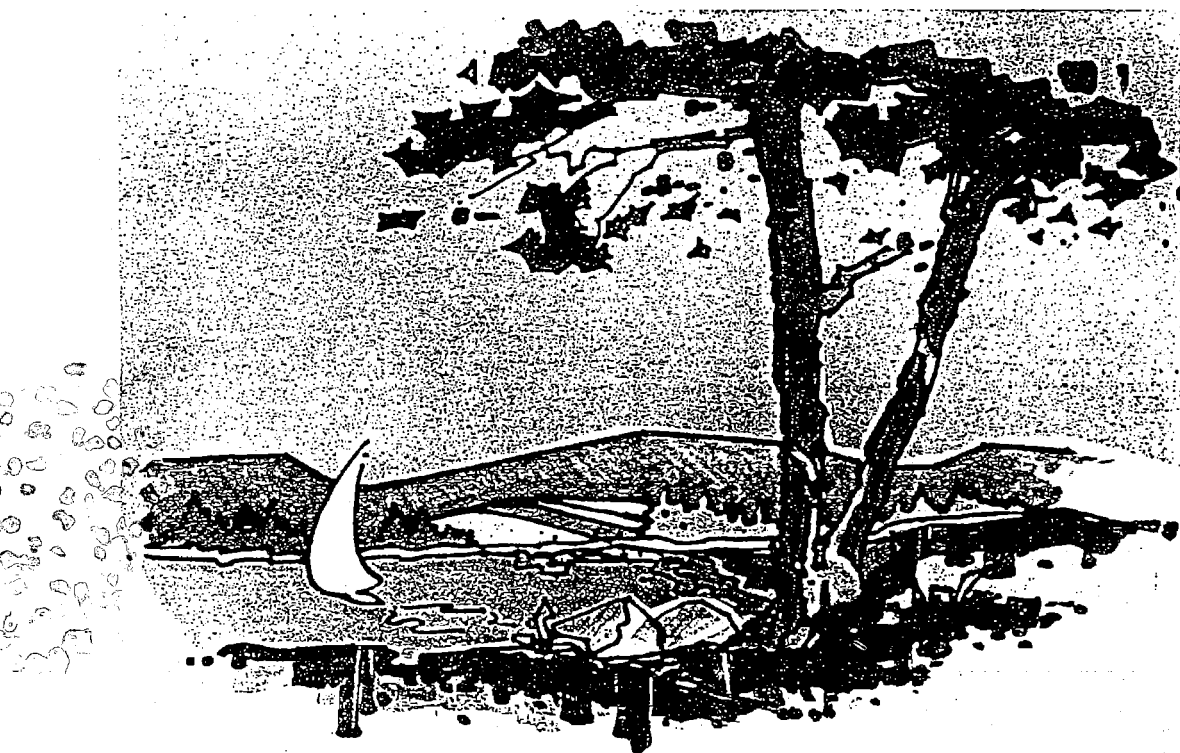






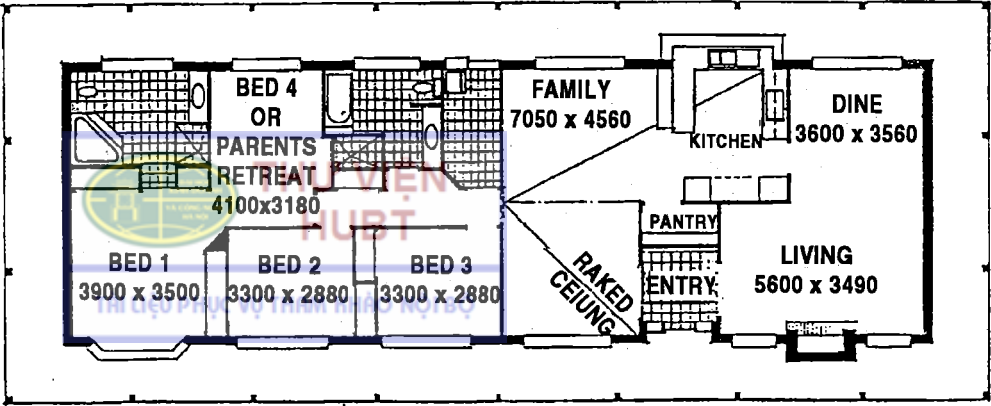
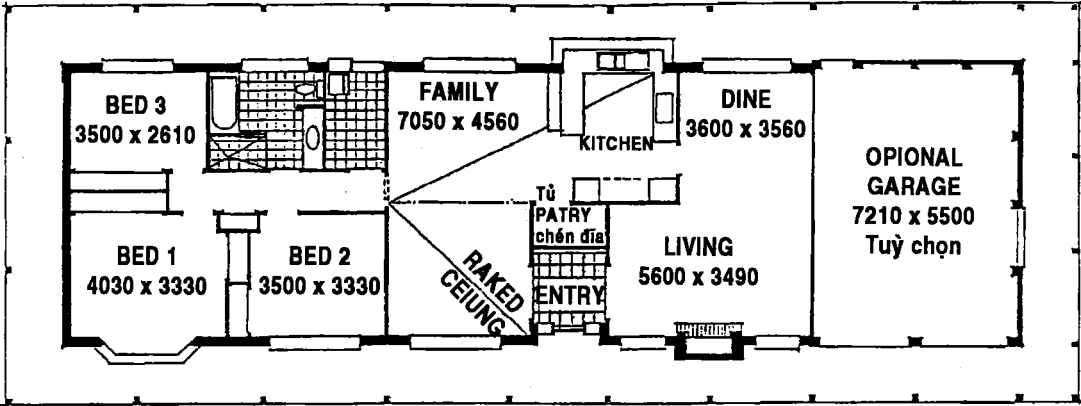
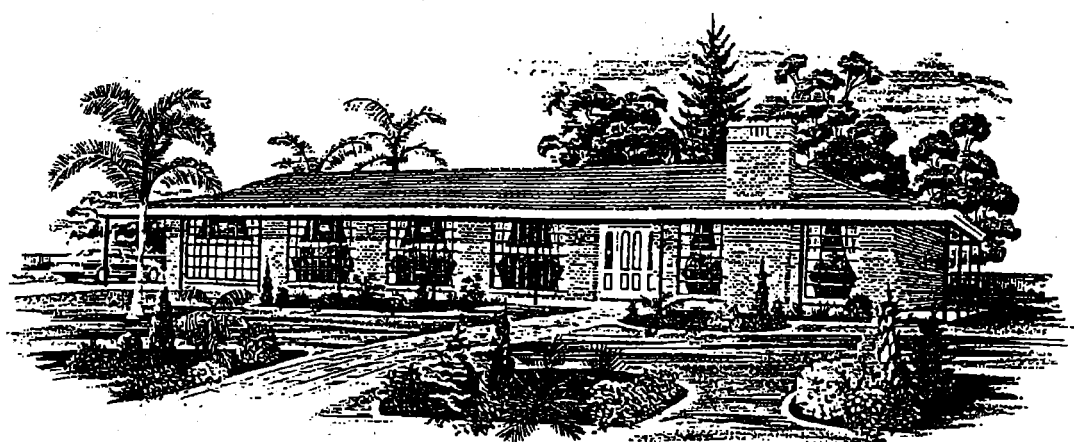


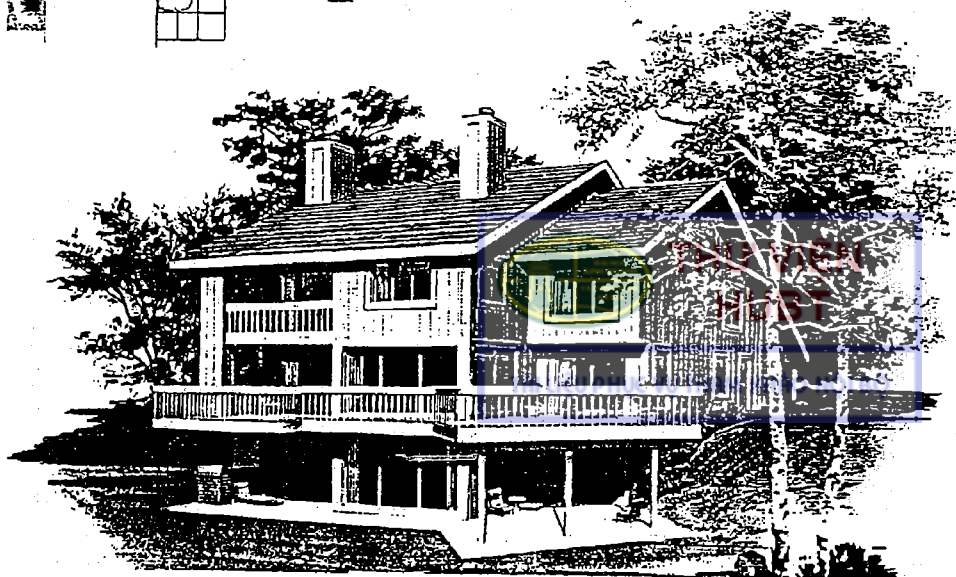
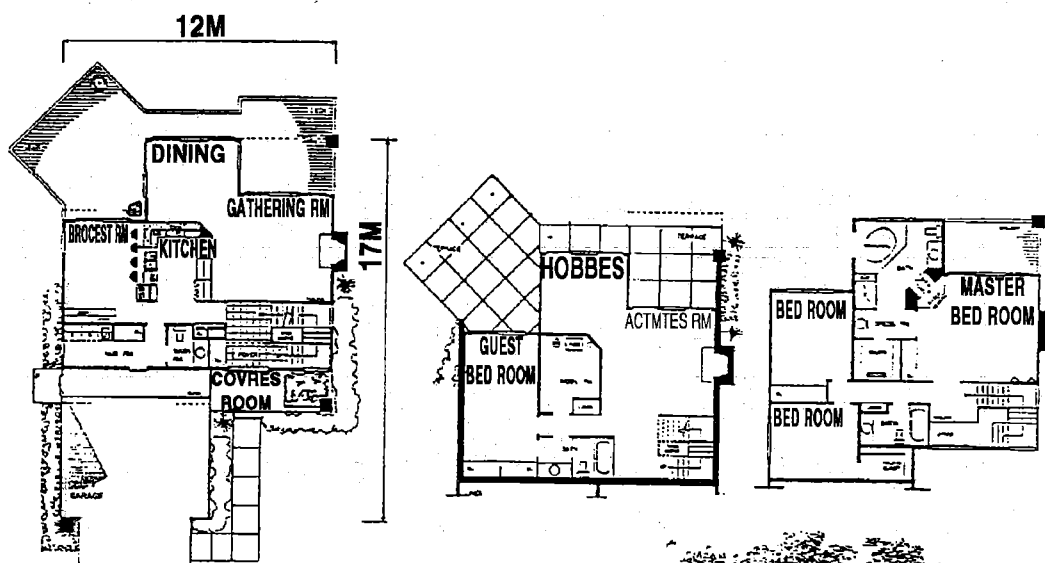
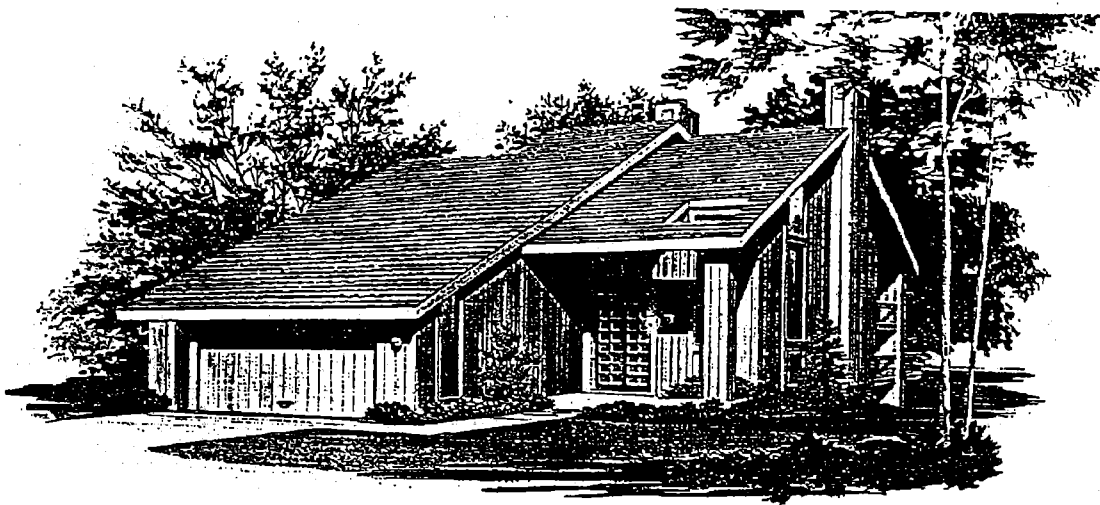


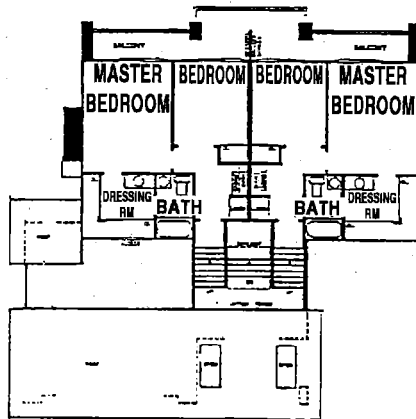
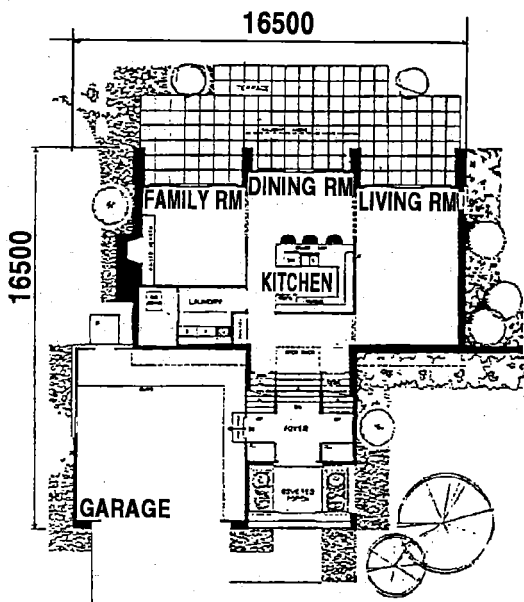
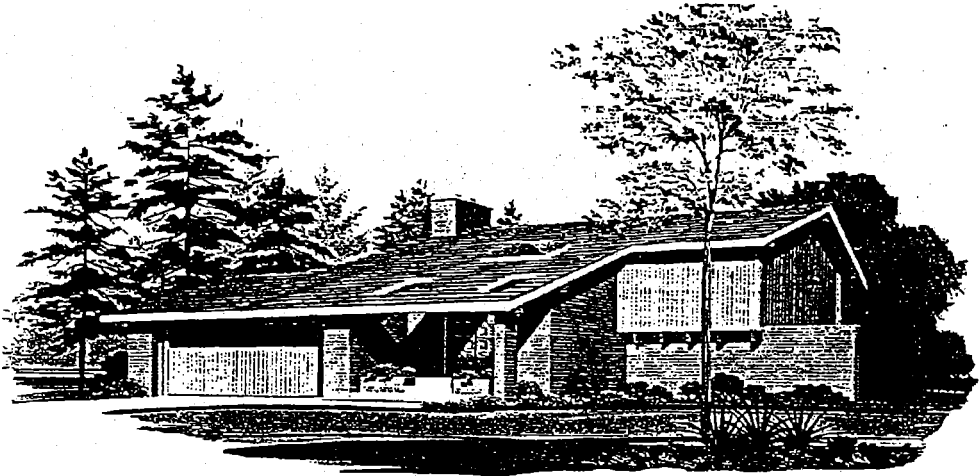


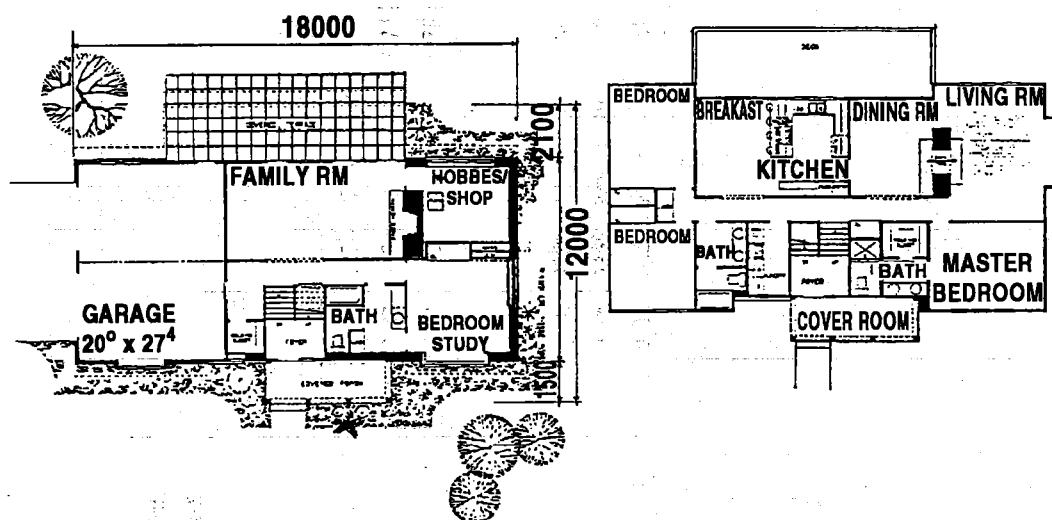


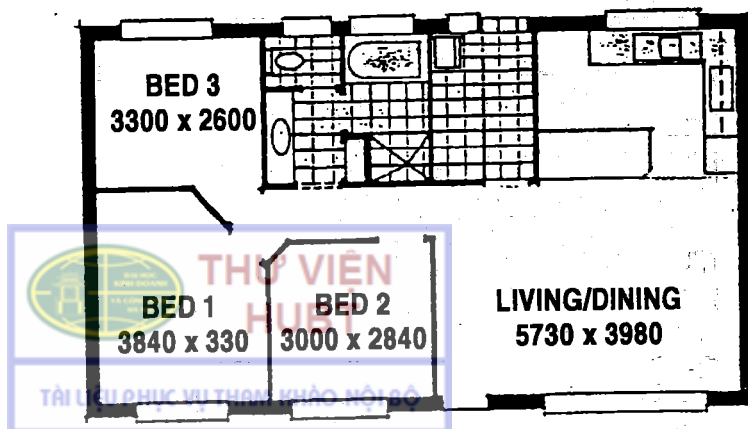
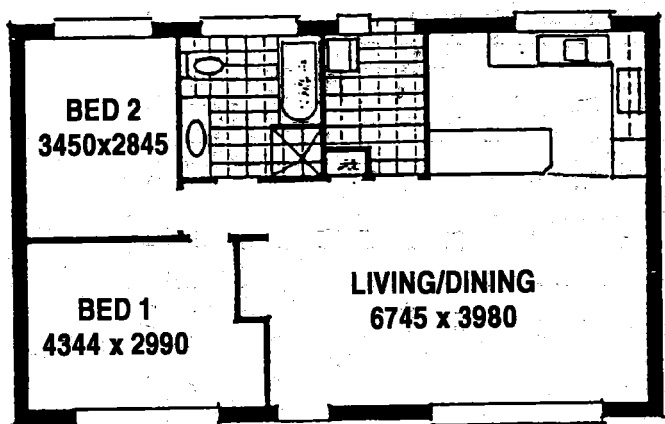
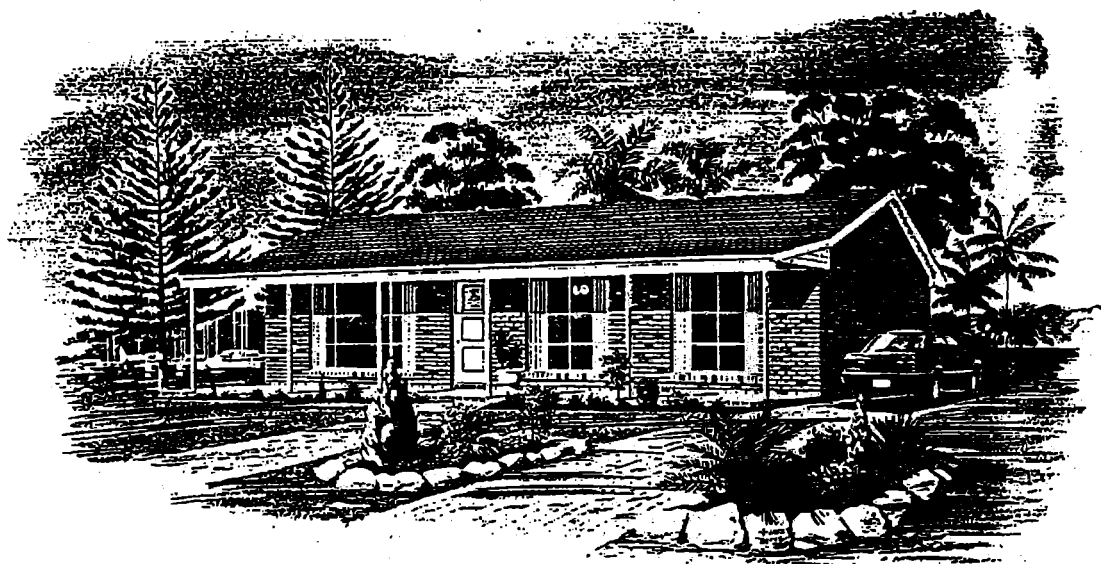
CHÉP MẪU CÓ SÁNG TẠO

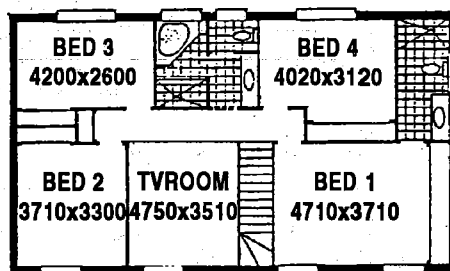
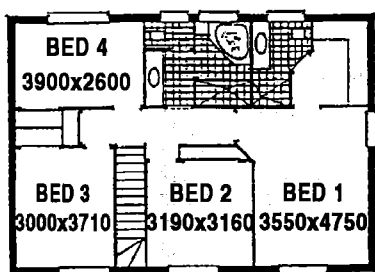
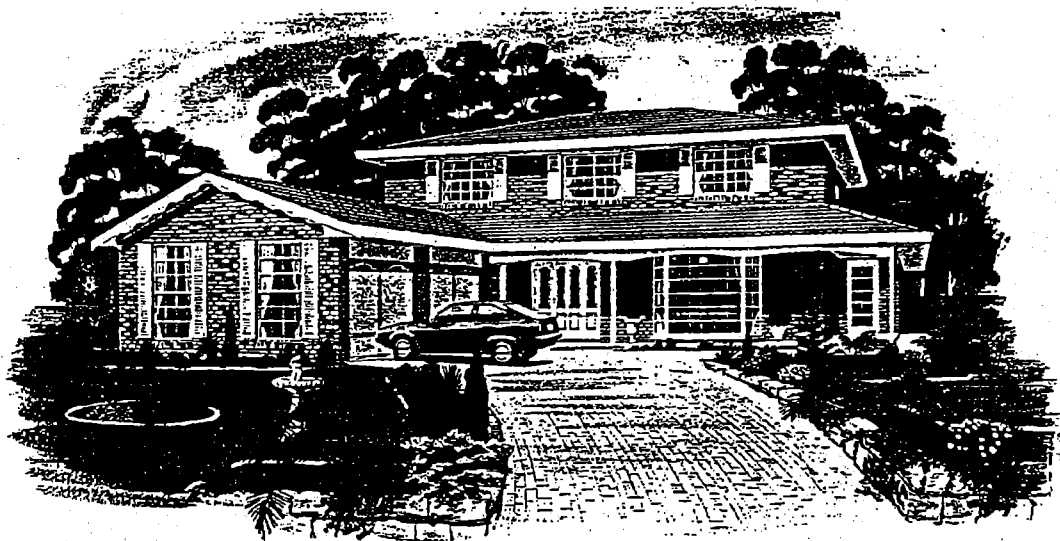




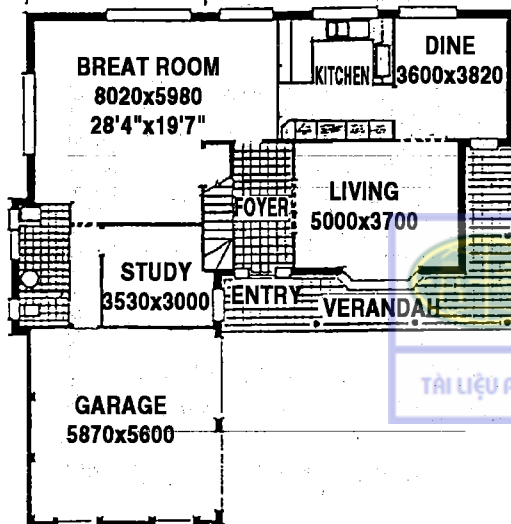






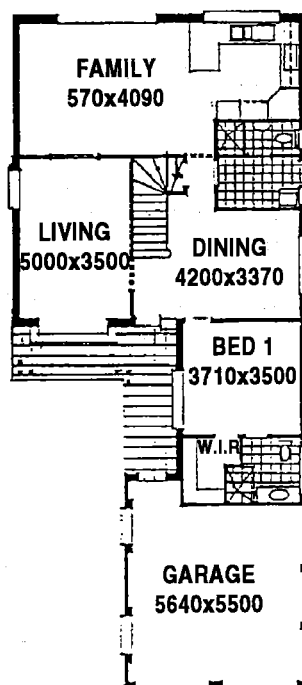
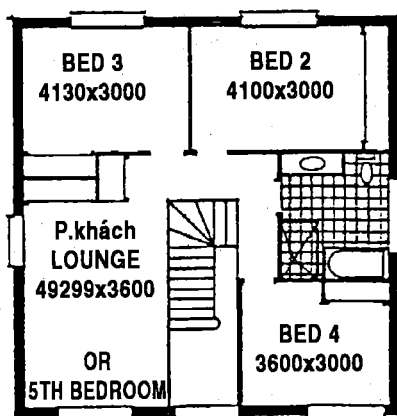


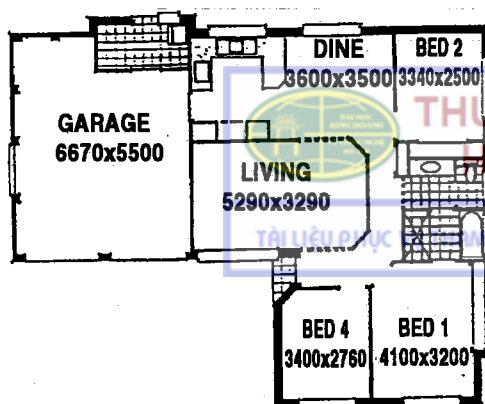
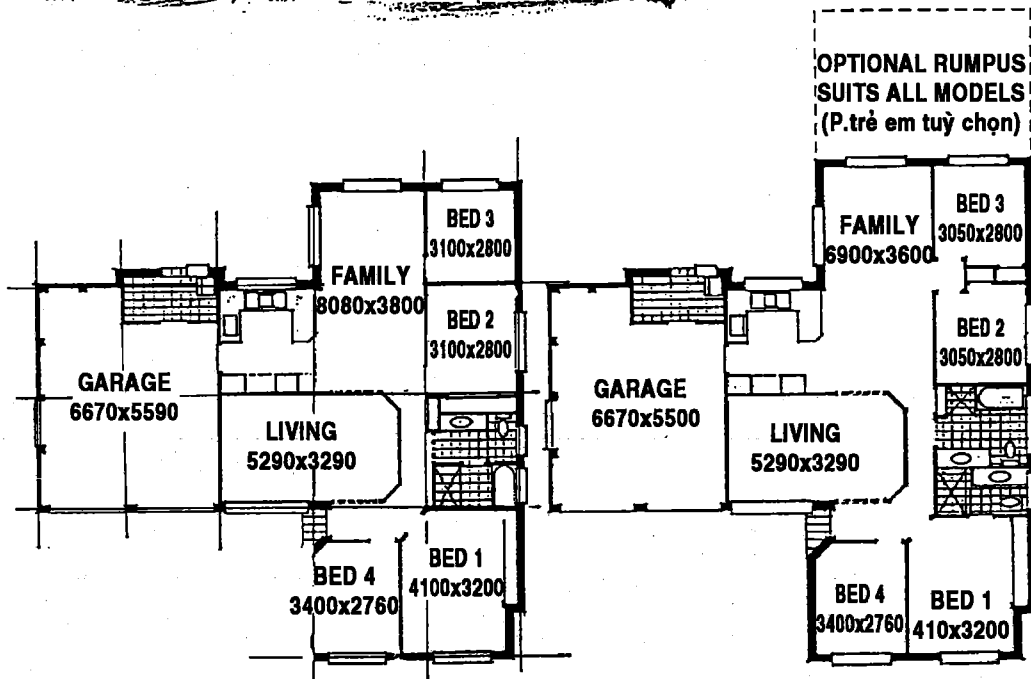
OPTIONAL
RUMPUS
P. trẻ em tùy chọn

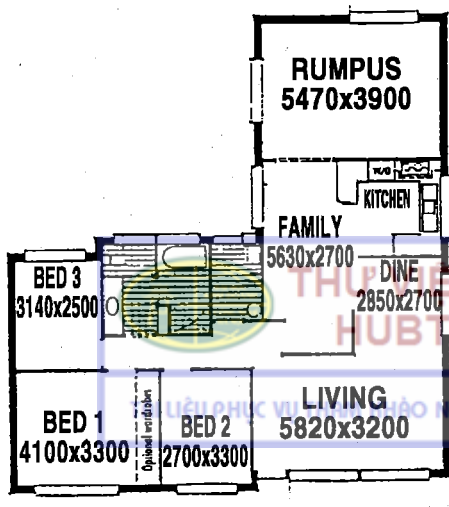
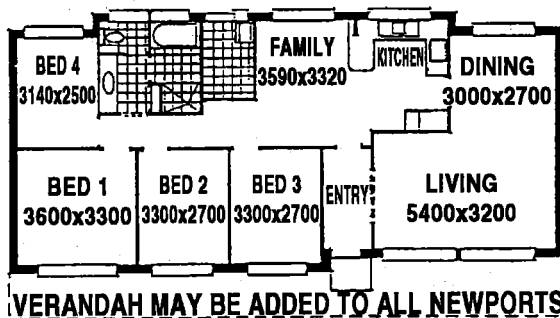
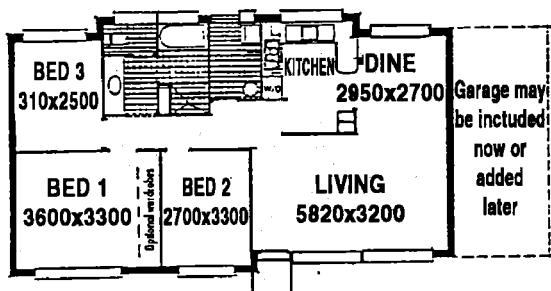
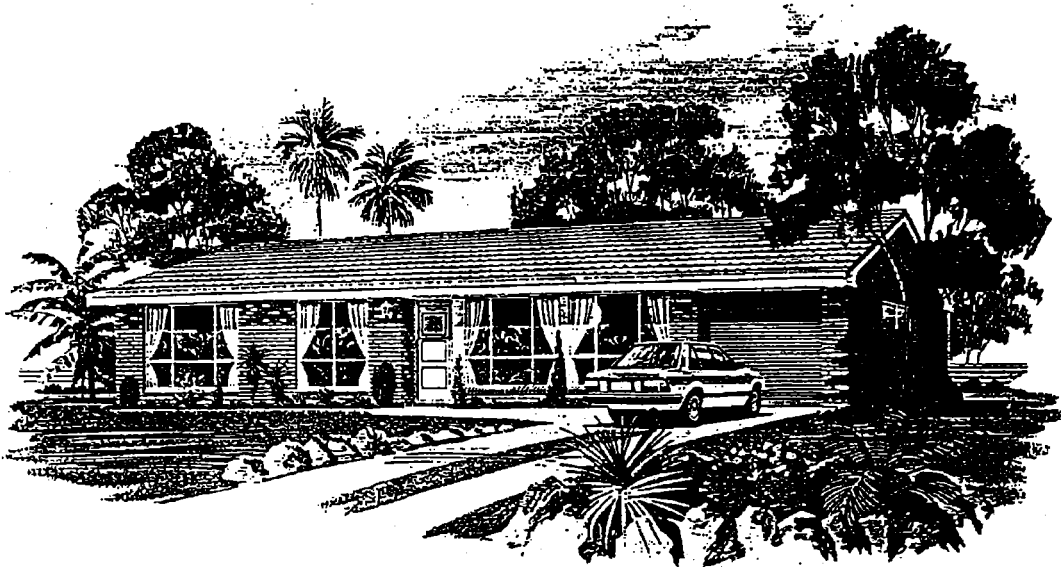


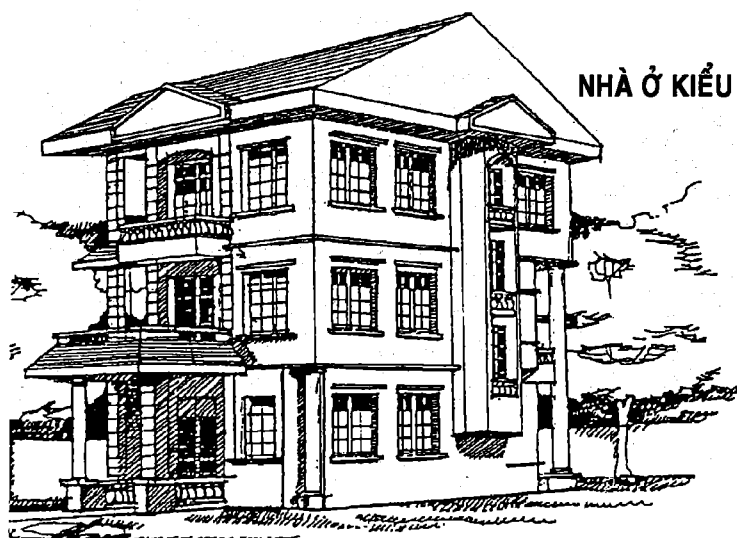
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

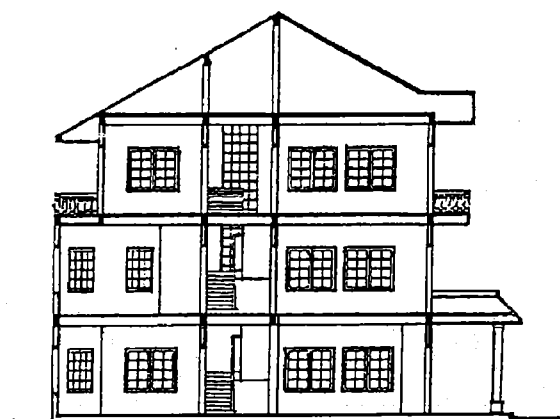




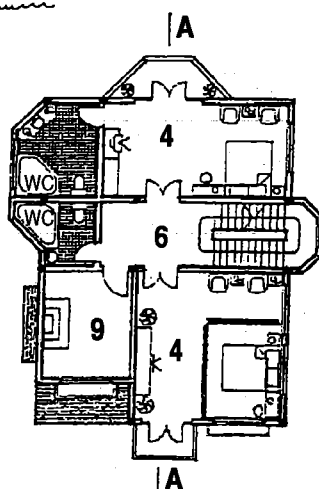




NHÀ Ở KIỂU BIỆT THỰ



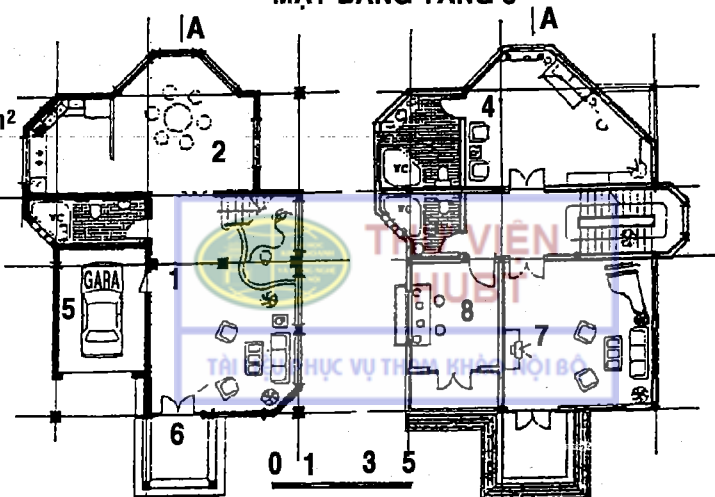
MẶT CẮT A - A



MẶT BẰNG TẦNG 3

- Tổng diện tích đất : 250-400m²
- Tổng diện tích xây dựng : 150m²
- Tổng diện tích sàn : 400m²

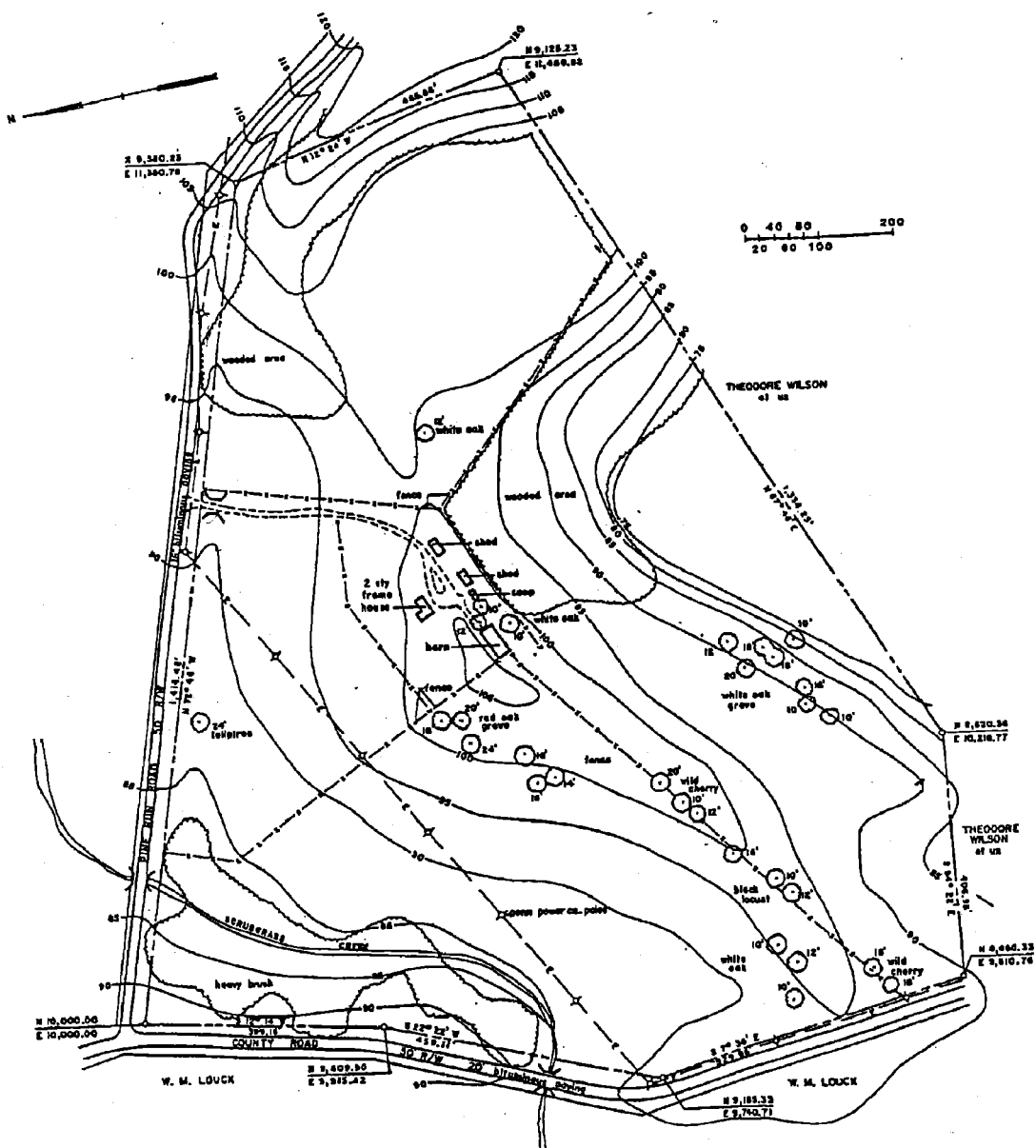
1. Phòng khách
2. Bếp + Phòng ăn
3. Phòng tắm + vệ sinh
4. Phòng ngủ
5. Gara
6. Sảnh
7. Phòng sinh hoạt chung
8. Phòng làm việc
9. Phòng thờ cúng



MẶT BẰNG TẦNG 1

MẶT BẰNG TẦNG 2

Thí dụ về thiết kế quy hoạch tổ chức một trường cấp 2 trên khu đất có cao độ khác nhau

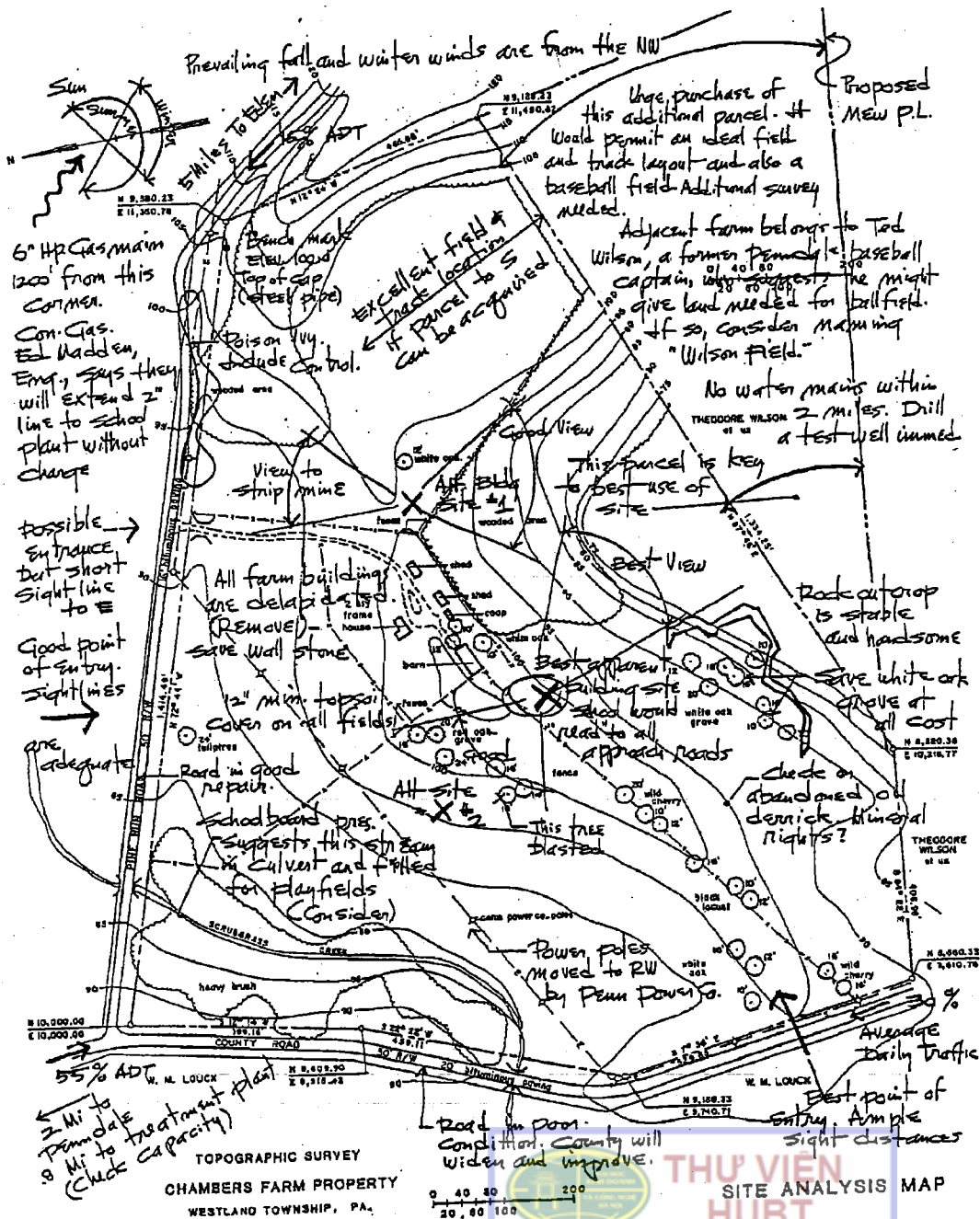


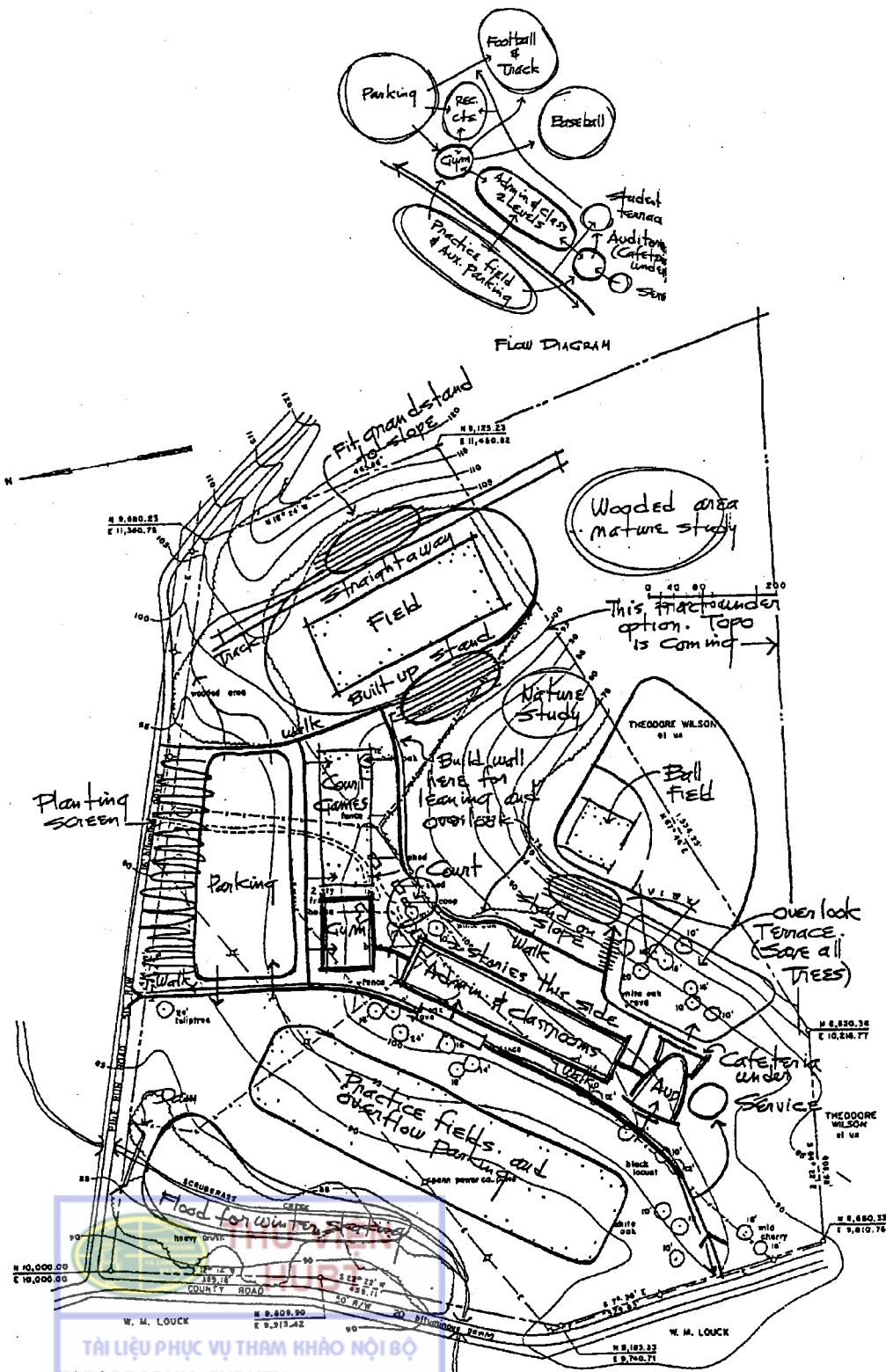
TOPOGRAPHIC SURVEY

CHAMBERS FARM PROPERTY
WESTLAND TOWNSHIP, PA



TOPOGRAPHIC SURVEY

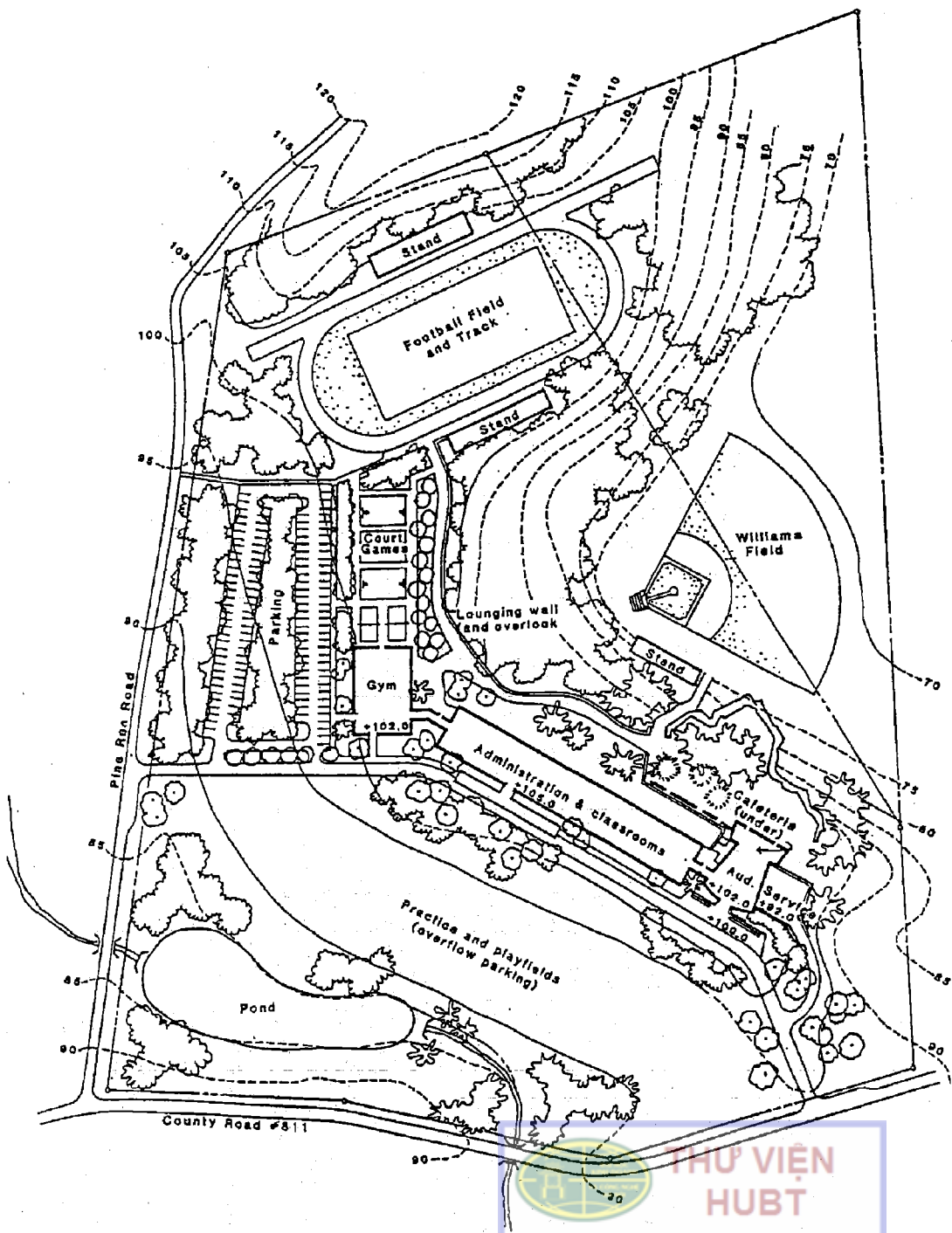




CHAMBERS FARM PROPERTY
WESTLAND TOWNSHIP. PA

04080 200
2060100

SCHEMATIC PLAN
(SITE - STRUCTURE)



0 40 80 120 160 200
20 60 100

TA PHỤC VỤ THAM SITE PLAN
(CONCEPTUAL)

TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN CHÍNH

- **Trường ĐHKT Hà Nội :**
CƠ SỞ KIẾN TRÚC.
Lưu hành nội bộ
- **Trường ĐHKT TP. Hồ Chí Minh :**
Thu thập tài liệu BÀI TẬP CƠ SỞ KIẾN TRÚC.
- **Nguyễn Hữu Trí :**
KIẾN TRÚC NHẬP MÔN.
Nhà xuất bản Giao thông vận tải – 1999.
- **NHÀ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ VÙNG VEN THÀNH PHỐ**
Trường ĐHKT Hà Nội & TP. Hồ Chí Minh
Nhà xuất bản Xây dựng – 1998.
- **Viện Nghiên cứu Kiến trúc – Bộ Xây dựng**
MẪU NHÀ DÂN TỰ XÂY.
Nhà xuất bản Xây dựng – 1998.
- **Trung tâm nghiên cứu Kiến trúc – Trung tâm phát triển Nông thôn**
NHÀ Ở NÔNG THÔN TRUYỀN THỐNG VÀ CẢI TIẾN
Nhà xuất bản Xây dựng – 1995.
- **Московский архитектурный институт КАФЕПРА**
Основы архитектурной проектирования.
В ведение в архитектурные проектирование.
Москва – 1962.
- **К.Б. Кудрячев.**
Архитектурная графика.
Москва строиздат –1990.
- **Frank Ching**
ARCHITECTURAL GRAPHICS
New York – 1985
- **Francis P.K.Ching**
INTERIOR DESIGN
New York -1987
- **DRAWING**
- **Creative process**
New York – 1989

- **John Ormsbee Simonds**
LANDSCAPE ARCHITECTURE
Singapore – 1983
- **Mikewlin. Asia**
ARCHITECTURAL RENDERING
Techniques/ A color Reference
New York – 1985
- **Donald E. Hepler & Paul I. Wallach**
ARCHITECTURE
Drafting & Design
Taiwan – 1971
- **ÉLÉMENTS D'ARCHITECTURE CLASSIQUE**
Parallèle d'ordre Grecs & Romains
Et application des ordres
Paris – 1950
- **The master architect Series II**
KPE
Selected & current Works
Australia – 1997
- **Giáo sư KTS trường ĐHKI CINCINATI C. LESLIE MARTIN**
DESIGN GRAPHICS
New York – 62 – 7518
- **Theodore D. Walker & David A. Davis.**
PLAN GRAPHICS
New York – 1990.
- **RELEVÉS DE MONUMENTS ANCIENS D'ORIENT V.N**
Ecole Française d'extrême - Orient
Paris – 1959
- **INSTITUTUL DE ARHITECTURA Ion Mincu**
PROIECTE
Sem II. 67 – 68
An II de Studiu I. II. III



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Dẫn nhập	3
Phần 1 : NHẬP MÔN	
1.1. Quy định bản vẽ kiến trúc	7
1.2. Tỷ lệ	8
1.3. Ngôn ngữ kiến trúc	9
1. Nét vẽ	9
2. Chữ, chữ số	15
3. Ký hiệu vật liệu xây dựng	21
4. Cây xanh	25
5. Diễn họa	30
6. Ký hiệu cửa	32
7. Họa cụ	38
8. Mái nhà	42
9. Cân bằng, trung hòa, nhấn mạnh	51
10. Phép chiếu thẳng góc	57
11. Tổ chức thẩm mỹ mặt đứng kiến trúc	60
12. Vết cắt, mặt cắt	62
13. Lịch sử phát triển kiến trúc	64
14. Nhà ở nông thôn truyền thống, cải tiến	67
Phần 2 : THIẾT KẾ KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC	
1. Khái niệm về không gian	77
2. Không gian kiến trúc - những yếu tố tạo nên không gian kiến trúc	78
3. Chuyển đổi không gian	80
4. Chỉ số nhân trắc người Việt - ứng dụng trong thiết kế nội thất	81
5. Quá trình tư duy thiết kế	83
A. Yếu tố cấu thành ngôn ngữ kiến trúc	87
B. Nguyên lý cấu thành ngôn ngữ kiến trúc	106

Phần 3 : THIẾT KẾ MẶT BẰNG

1. Mặt bằng nhà có sân vườn	131
2. Chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng	133
3. Quan hệ không gian trong nhà ở đơn thuần	139
4. Đường trong khu ở	141
5. Khối tiếp khách, thiết bị và tổ chức không gian	145
6. Khối làm việc, thiết bị và tổ chức không gian	148
7. Phòng ăn	151
8. Phòng ngủ	153
9. Bếp - lưu trình công việc	155
10. Phòng giặt ủi	158
11. Phòng tắm, vệ sinh	159
12. Nhà xe	169
13. Thiết kế sân vườn	172
14. Nhà tiết kiệm năng lượng	173
15. Sân vườn – ngoại ốc	175
16. Con người, xe cộ, không gian	183
17. Cầu thang	194
18. Phân tích, tìm ý thiết kế một căn hộ	205
19. Nghiên cứu không gian phòng khách	208

Phần 4 : KIẾN TRÚC CỔ ĐIỂN

1. Dòng căn bản của kiến trúc phương Tây	217
2. Cột Toscan La Mã	221
3. Cấu trúc hệ thống cột Dorique La Mã	227
4. Khoảng các cột Iônique La Mã	234
5. Khoảng cách giữa các cột Corinthien La Mã	241
6. Khoảng các cột Composite La Mã	248
7. Tổ hợp 2 tầng cột	254
8. Tổ hợp cột theo chiều cao	256
9. Phương pháp xác định các thức cột	258
10. Con trifen lan can	259
11. Khoảng cách cột Dorique Hy Lạp	260



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

12. Khoảng cách cột lônique Hy Lạp	262
13. Khoảng cách cột Corinthien Hy Lạp	264
14. Nghiên cứu cửa đi	266
15. Nghiên cứu cửa sổ	271
16. Chùa Một Cột – Hà Nội	273
17. Văn Miếu – Hà Nội	275
18. Đình Đình Bảng – Bắc Ninh	276

Phần 5 : BÓNG KIẾN TRÚC

1. Ánh sáng qui ước và bóng	293
2. Bóng của các khối gắn trên tường, trần, sàn	293
3. Bóng của mặt tròn	302
4. Cảm nhận thị giác	307
5. Bóng phối cảnh	310
6. Bóng bản thân và bóng đổ trên sàn	311
7. Bóng với ánh sáng lệch	314
8. Bóng do nguồn sáng điện	318
9. Sự tương phản sắc độ	318
10. Bóng phản chiếu	320
11. Diễn đạt chiều sâu	320

Phần 6 : DIỄN HỌA

1. Tìm ý – phác thảo	341
2. Bài tập diễn họa	354

Tài liệu tham khảo	381
---------------------------	------------



TUYỂN HỌA THỰC HÀNH CƠ SỞ KIẾN TRÚC

(Tái bản)

Chịu trách nhiệm xuất bản :

TRINH XUÂN SƠN

Biên tập : ĐÌNH BẢO HẠNH

Trình bày bìa : VŨ BÌNH MINH

Chế bản : LÊ THỊ HƯƠNG

Sửa bản in : ĐÌNH BẢO HẠNH



In 200 cuốn khổ 19 x 27cm tại Xưởng in Nhà xuất bản Xây dựng số 10 Hoa Lư - Hà Nội. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2207 -2016/CXBIPH/02-106/XD ngày 8 - 7 - 2016. ISBN: 978-604-82-1908-6. Quyết định xuất bản số 177-2016/QĐ-XBXD ngày 8/7/2016. In xong nộp lưu chiểu tháng 7-2016.